

VL00004026



TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

**CHỦ TỊCH
HỒ CHÍ MINH
VỚI CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM**

Bản sao lưu trữ

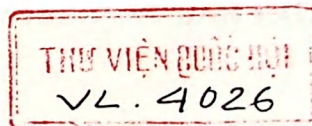
Chủ trương biên soạn:
NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Những người thực hiện:
GS, TS. ĐỖ QUANG HƯNG (Chủ biên)
GS, TS. HUỲNH HỮU PHÚ
PGS, TS. BÙI ĐÌNH PHONG
THS. HỒ ĐỨC HÒA

Tổ chức thực hiện:
CHI NHÁNH PHÍA NAM
NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

**CHỦ TỊCH
HỒ CHÍ MINH
VỚI CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM**

Bản sao lưu trữ



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Ngày 22/3/2003 Ban Bí thư Trung ương Đảng ta ra Chỉ thị số 23-CTTW “về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới”.

*Tư tưởng Hồ Chí Minh về giai cấp Công nhân và xây dựng tổ chức Công đoàn là một trong những nội dung rất quan trọng. Trước đây, Nhà xuất bản đã xuất bản cuốn “Bác Hồ với giai cấp Công nhân và Công đoàn Việt Nam”, tác phẩm đã được bạn đọc đón nhận, hoan nghênh. Nhân dịp Tổng Liên đoàn Lao Động Việt Nam triển khai cuộc vận động: “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” theo tinh thần Chỉ thị 06-CT/TU ngày 07 tháng 11 năm 2006, đẩy mạnh các hoạt động chào mừng Đại hội X Công đoàn toàn quốc khai mạc vào cuối năm 2008, với mong muốn đáp ứng yêu cầu cao hơn của bạn đọc, Nhà xuất bản đã đề nghị nhóm tác giả bổ sung nhiều tài liệu cần thiết và đặt tên sách mới “**Chủ tịch Hồ Chí Minh với Công đoàn Việt Nam**” để cuốn sách phục vụ bạn đọc tốt hơn.*

Xin trân trọng giới thiệu tác phẩm này cùng bạn đọc.

Ngày 01 tháng 01 năm 2008
NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

LỜI NÓI ĐẦU

Cuốn sách “Bác Hồ với giai cấp Công nhân và Công đoàn Việt Nam” của chúng tôi vốn đã ra mắt bạn đọc nhân Ngày sinh lần thứ 100 của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 – 19/5/1990).

Năm 1999, trong khuôn khổ kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7/1929 – 28/7/1999), Nhà xuất bản Lao Động đã cho tái bản tập sách đó.

Năm 2003, nhằm đáp ứng những yêu cầu mới của công tác tư tưởng theo tinh thần Chỉ thị 23-CT/TƯ của Ban Bí thư Trung ương Đảng, được sự khuyến khích, giúp đỡ của Nhà xuất bản Lao Động, đặc biệt là Chi nhánh phía Nam của Nhà xuất bản Lao Động, tập sách lại có cơ hội được tái bản một lần nữa nhân dịp chào mừng Đại hội IX Công đoàn Việt Nam.

*Trong lần tái bản này, theo gợi ý của Nhà xuất bản, chúng tôi có sưu tập thêm một số tư liệu gốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Giai cấp Công nhân và tổ chức Công đoàn cùng những mẫu chuyện về tám gương đạo đức Hồ Chí Minh và đặt tên sách mới: “**Chủ tịch Hồ Chí Minh với Công đoàn Việt Nam**” với mong muốn có thêm một tài liệu góp phần nâng cao chất lượng cuộc vận động: “*Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh*” theo tinh thần Chỉ thị số 06-CT/TƯ ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Bộ Chính trị và các hoạt động thiết thực hướng tới Đại hội Công đoàn Việt Nam đang triển khai sâu rộng trong hệ thống công đoàn các cấp.*

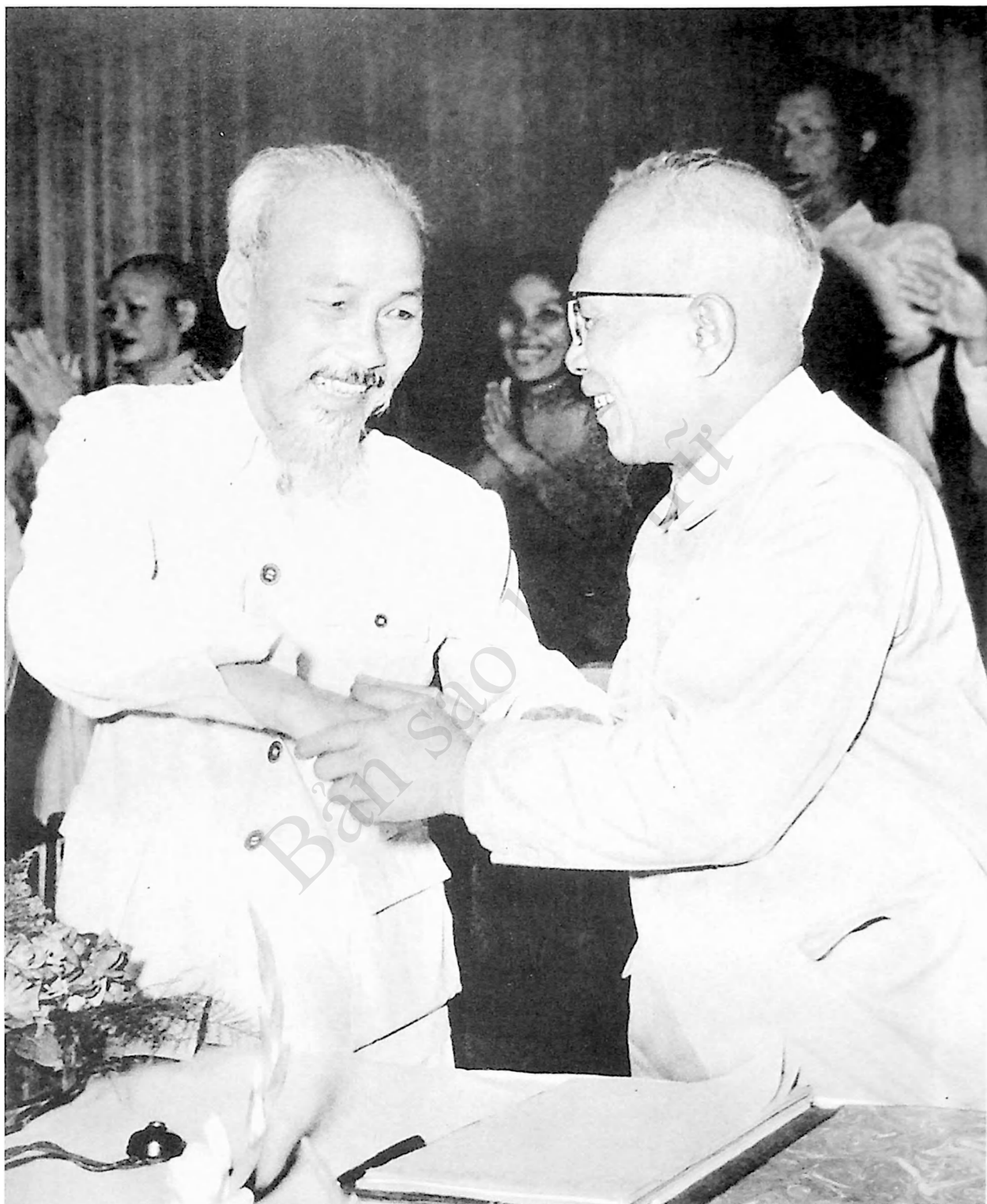
Nhân dịp này, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Tuyên giáo Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Nhà xuất bản Lao Động đã gợi ý, cổ vũ và tạo những điều kiện thuận lợi nhất để các tác giả hoàn thiện nội dung và thêm cơ hội đến tay bạn đọc xa gần.

Hà Nội, ngày 1 tháng 01 năm 2008

Chủ biên



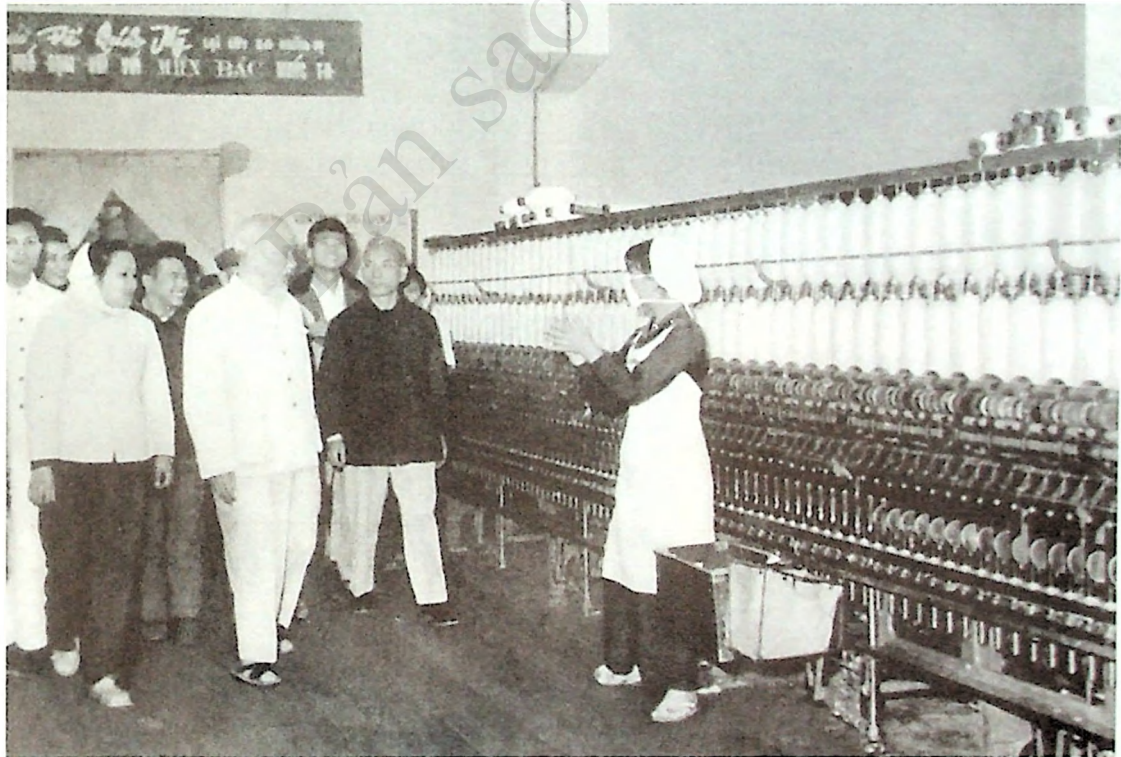
Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 - 1969)



Chủ tịch Hồ Chí Minh chúc mừng cụ Tôn Đức Thắng
được bầu làm Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa
tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa II (7/1960)



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Hội nghị cán bộ Công đoàn cơ sở
toàn miền Bắc (13/8/1962)



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Nhà máy dệt 8-3 Hà Nội
nhân dịp nhà máy chuẩn bị khánh thành
và chính thức bước vào sản xuất (8/3/1965)



Chủ tịch Hồ Chí Minh ân cần hỏi thăm ông Tám Danh, nghệ sĩ cải lương Nam Bộ tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ III (1/12/1962)



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm lớp học bổ túc văn hóa và kỹ thuật buổi tối của công nhân Nhà máy ô tô "1-5", lá cờ đầu của phong trào bổ túc văn hóa ngành Công nghiệp Hà Nội (19/12/1963)



Chủ tịch Hồ Chí Minh và họa sĩ Phan Chánh

PHẦN THỨ NHẤT

HỒ CHÍ MINH VỚI GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Chương thứ nhất

GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM TRONG CÁCH MẠNG DÂN TỘC
DÂN CHỦ – MỘT CÁI NHÌN TỔNG QUÁT

GS.TS. Đỗ Quang Hùng

Chương thứ hai

BÁC HỒ VỚI GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM TRONG
CÁCH MẠNG DÂN TỘC, DÂN CHỦ.

PGS.TS. Bùi Đình Phong

Chương thứ ba

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI GIAI CẤP CÔNG NHÂN TRONG
THỜI KỲ ĐẤT NƯỚC ĐỊNH HƯỚNG THEO CON ĐƯỜNG XHCN.

GS.TS. Phùng Hữu Phú

CHƯƠNG THỨ NHẤT

GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM TRONG CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ (MỘT CÁI NHÌN TỔNG QUÁT)

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giai cấp Công nhân Việt Nam; một trong những lực lượng xã hội mới, ra đời trong cuộc “công nghiệp hóa cưỡng bức” của chủ nghĩa thực dân Pháp ở nước ta ngay từ đầu thế kỷ XX, đã nhanh chóng trở thành chủ thể của lịch sử và từng bước thực hiện sứ mạng lịch sử của mình.

Phong trào công nhân Việt Nam cũng đã sớm kết hợp chặt chẽ với chủ nghĩa Mác – Lênin do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Hội Việt Nam cách mạng thanh niên truyền bá từ đầu thập kỷ 20, và với phong trào yêu nước đã sản sinh ra chính đảng của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam – Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930).

Từ đó, Đảng trở thành người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, mở đầu là thắng lợi vĩ đại Cách mạng tháng Tám (1945), rồi đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, thực hiện thống nhất Tổ quốc (1975), mở ra những trang sử huy hoàng của dân tộc Việt Nam hôm nay.

Đảng ta luôn luôn ý thức rằng: “Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng phải ra sức chăm lo xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân không ngừng lớn mạnh về số lượng và chất lượng, xứng đáng với vai trò giai cấp tiên phong, giai cấp lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã chỉ ra rằng, trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, giai cấp công nhân là những người dũng cảm nhất, kiên quyết nhất. Đồng thời, Người cũng luôn luôn chăm lo xây dựng bản chất

¹ Báo cáo chính trị BCH TƯ tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, NXB Sự Thật, Hà Nội 1997, tr.67.

giai cấp công nhân của Đảng, dù rằng cơ sở xã hội của Đảng ta không chỉ là giai cấp công nhân, mà còn là nhân dân lao động và toàn dân tộc.

Cũng chính vì thế, Văn kiện Đại hội VIII (1996) của Đảng ta đã khẳng định: “Điểm xuyên suốt có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với Đảng ta trong giai đoạn hiện nay là giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng”¹.

Vấn đề giai cấp công nhân từ lâu đã trở thành một trong những vấn đề cơ bản của lịch sử cận – hiện đại Việt Nam nói chung và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng.

Từ trước Cách mạng tháng Tám, vấn đề giai cấp công nhân Việt Nam đã được một số tác giả nước ngoài đặt ra. Đặc biệt, Hồ Chí Minh, Hồng Thế Công (Hà Huy Tập) và một số đồng chí lãnh đạo khác của Đảng ta đã đề cập trong những công trình nghiên cứu, văn kiện của Đảng.

Từ 1945 đến nay, giới sử học và các nhà nghiên cứu khác đã có hàng chục cuốn sách và hàng trăm luận văn nghiên cứu lịch sử giai cấp công nhân và phong trào công nhân Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Các công trình nghiên cứu về giai cấp Công nhân Việt Nam xoay quanh ba mặt chủ yếu:

- Thứ nhất, nghiên cứu giai cấp công nhân với tư cách một thực thể xã hội, một lực lượng xã hội (vấn đề ra đời, sự phát triển, đặc điểm và tính cách xã hội. Đối với công nhân xã hội chủ nghĩa thì còn các khía cạnh khác như chuyển dịch cơ cấu, phân bố v.v...).

- Thứ hai, phong trào công nhân và hoạt động công đoàn (vấn đề hai giai đoạn tự phát và tự giác của phong trào công nhân, vai trò của nó trong cách mạng dân tộc dân chủ, sự nảy sinh và phát triển của các hình thức tổ chức công đoàn, từ Công hội đỏ, Ái hữu – Nghiệp đoàn đến Công nhân Cứu quốc và Công đoàn...).

- Thứ ba, phong trào công nhân trong quan hệ với phong trào dân tộc, phong trào cộng sản – lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Suốt mấy chục năm qua, cách mạng Việt Nam đã tiến những bước dài chưa từng có trong lịch sử. Tuy vậy, cho đến nay không phải không tồn

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.139 – 140.

tại những quan điểm (chủ yếu ở phương Tây) phủ nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và tách rời Đảng Cộng sản Việt Nam khỏi môi trường giai cấp công nhân của nó.

Chẳng hạn, căn cứ vào thực tế là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam thế hệ đầu tiên chủ yếu xuất thân từ tiểu tư sản trí thức, do đó có quan điểm như của F. Buttinger (Mỹ) trong cuốn: “Việt Nam – Một lịch sử chính trị¹ công nhận Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng chống chủ nghĩa thực dân, nhưng cho rằng sứ mệnh ấy là của tiểu tư sản trí thức, “lớp nho sĩ mới” và “họ mau chóng trở thành lực lượng quyết định hơn cả nông dân và công nhân”.

P. Devillers trong cuốn: “Lịch sử Việt Nam từ năm 1940 đến năm 1952”² cũng cho rằng: “giai cấp trí thức ở Việt Nam, chủ nghĩa Cộng sản ở Việt Nam đã hòa vào chủ nghĩa quốc gia”.

Đỉnh cao của những quan điểm ấy là sự phủ nhận cả sự tồn tại của giai cấp công nhân Việt Nam, như kiểu lập luận của Bernard Fall trong cuốn “Chính thể Việt Minh” xuất bản đầu thập kỷ 70: “Trong một nước mà thiên hướng căn bản là nông nghiệp như Việt Nam, khó có thể cấu tạo trong một thời gian tương đối ngắn một giai cấp có khả năng phân biệt được với nông dân... Ngay cả sự nỗ lực đáng kể công nghiệp hóa ở Bắc Việt Nam từ năm 1965 cũng chưa thể thay đổi cơ bản quan điểm ấy được”³.

Quan điểm đó cho đến ngày nay vẫn còn tồn tại, bất chấp thực tế là ở miền Bắc, năm 1960 trong khu vực sản xuất vật chất có 6.702.400 lao động (trong đó 468.300 lao động khu vực công nghiệp, 117.300 lao động xây dựng cơ bản), đến năm 1965 có 7.089.400 lao động (trong đó 624.400 lao động công nghiệp, 258.100 lao động xây dựng cơ bản). (Niên giám thống kê 1976). Riêng khu vực Công nghiệp cơ khí mũi nhọn đã tăng từ 2.180 (1955) lên 32.479 lao động (1965). Ngay ở miền Nam, trong vùng Mỹ – ngụy, con số công nhân cũng tăng nhanh từ 30 vạn (1955) lên 67 vạn (1969), trong đó số có tay nghề cao đã tới 17 vạn người. Từ sau 1975, đội ngũ giai cấp công nhân cả nước ngày càng tăng nhảy vọt về số lượng và chất lượng. Đến thập kỷ 80, công nhân nước ta có khoảng 4 triệu người, trong đó số có kỹ thuật chiếm tới 1,7 triệu. Đội ngũ giai cấp công

¹ Buttinger (F.) – Vietnam: A. political history, New York 1968.

² Devillers (Ph.) – Histoire du Vietnam de 1940 – 1953, Ed. Du Seuil, Paris.

³ Fall (B) – The Việt Minh Regime, Cornell University Southeast Asia Program, Ithaca, 1954.

nhân nói chung đã chiếm 6% dân số, hơn 16% lực lượng lao động xã hội và đã tạo ra hơn 38,5% tổng sản phẩm xã hội, đóng góp trên 70% ngân sách quốc gia.

Có thể nói việc nghiên cứu về giai cấp công nhân đến nay vẫn có ý nghĩa khoa học và chính trị sâu sắc, liên quan không chỉ đến việc nhận thức đúng đắn lịch sử cận – hiện đại Việt Nam, mà còn quan hệ sống còn với vận mệnh dân tộc trong quá trình đổi mới, tiếp tục đi theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa, trung thành với những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong nội dung dưới đây, chủ yếu chúng tôi đề cập đến vấn đề giai cấp công nhân Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ, phong trào công nhân và tổ chức công đoàn, với tư cách là một động lực cách mạng thực sự, góp phần làm rõ thêm những nguồn gốc thắng lợi của cách mạng nước ta mấy chục năm qua. Đây có thể là chìa khóa để mở ra vấn đề tiếp nối, dù không trực tiếp đề cập trong chuyên đề này, là vấn đề giai cấp công nhân Việt Nam đương đại, công nhân Việt Nam thời kỳ đổi mới, trong cơ chế thị trường.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM

1. Sự hình thành giai cấp công nhân Việt Nam

a. Mặc dù xã hội phương Đông như Việt Nam không phải là môi trường thuận lợi cho sự phát triển của công thương nghiệp và kinh tế hàng hóa, nhưng ở các thế kỷ XV, XVI cũng đã xuất hiện đội ngũ “Người lao động làm thuê”. Đầu thế kỷ XIX, nhà Nguyễn cũng có khai mỏ và dĩ nhiên có “thợ” mỏ. Nhưng đó chưa phải là công nhân hiện đại, với ý nghĩa sản xuất trong dây chuyền công nghiệp.

Đội ngũ này chỉ xuất hiện khi có cuộc khai thác thuộc địa lần thứ I của P. Doumer (1897 – 1914). Cuộc khai thác đầu tiên này của thực dân Pháp là cái nôi thực sự nảy sinh công nhân hiện đại, việc xuất hiện các đô thị thực sự và các khu công nghiệp khá tập trung như Hà Nội, Sài Gòn, Hải Phòng, Nam Định, Vinh, Bến Thủy, Hồng Gai... Số lượng thợ thuyền năm 1906 là 49.500 người với 1800 thợ chuyên môn (ước tính với trên 100 xí nghiệp, công suất máy đạt 26.000 mã lực).

Nhiều xí nghiệp khá tập trung công nhân: xi măng Hải Phòng có 1500 thợ, 3 nhà máy dệt ở Nam Định, Hải Phòng, Hà Nội cũng có tới 1800 thợ, các nhà máy xay sát ở Sài Gòn có tới 3000 thợ. Riêng ngành mỏ có từ 4000 thợ (1904) đã tăng lên 15.000 thợ (1914). Đó là chưa nói tới số “thợ theo mùa” mà riêng trên các tuyến đường sắt Vân Nam – Hải Phòng đã thu hút tới 6 vạn người.

b. Về nguồn gốc xuất thân, đa số công nhân nước ta trực tiếp từ nông dân mà ra. Con số phụ nữ ở 15 tỉnh xứ Bắc Kỳ năm 1926 cho các đồn điền, hầm mỏ là 27.505 người thì có tới 24.658 là nông dân (84,5%). Cần lưu ý rằng, do chính sách chiếm đoạt ruộng đất ráo riết của thực dân Pháp, ngay lúc này đã diễn ra tình trạng “vô sản hóa không lối thoát” trong nông thôn Việt Nam, nghĩa là sự phát triển công nghệ, đô thị không thể đáp ứng nhu cầu của đội quân lao động “dư thừa”.

Tất nhiên, trong kết cấu đầu tiên của giai cấp công nhân Việt Nam cũng có một bộ phận từ thợ thủ công, một số phụ nữ, trẻ em. Số thợ chuyên môn giỏi từ các trường kỹ nghệ thực hành, đặc biệt số “lính thợ” trưởng thành tay nghề trong 2 cuộc đại chiến trên đất Pháp cũng đáng chú ý: ở Hải Phòng từ năm 1913 đến năm 1930 đào tạo được 1150 thợ giỏi, Hà Nội, Sài Gòn, Huế năm cao nhất cũng đào tạo tới 200 thợ.

Giới sử học đều cho rằng, giai đoạn hình thành giai cấp công nhân Việt Nam diễn ra trong khoảng từ 1900 – đầu thập kỷ 20. Số lượng công nhân (hiện đại) tăng nhanh: 49.500 (1906), 55.000 (1909), 100.000 (1918).

Đội ngũ này đã bước đầu có ý thức giai cấp và dân tộc. Đã xuất hiện các cuộc bãi công đầu tiên. Đã có những đại biểu đầu tiên của mình như Nguyễn Ái Quốc, Tôn Đức Thắng tham gia các tổ chức cách mạng và Công đoàn quốc tế.

Giai cấp công nhân Việt Nam thực sự đã hình thành ngay từ đầu thế kỷ XX. Nhưng nếu dùng khái niệm chính trị – xã hội học mà Ăngghen dùng thì tuy đã thành giai cấp, nhưng còn ở bước đầu, giai đoạn “tự mình” hay “tự phát”.

Chuyển sang giai đoạn hình thành giai cấp “cho mình” hay “tự giác”, trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ II với qui mô lớn thời gian quyền A.Sarraut, số công nhân (hiện đại) đã được nâng lên tới 221.052 người (1929), và được phân bố như sau:

Công nhân mỏ: 53.000 người.

Công nhân đồn điền: 81.000 người.

Công nhân xí nghiệp khác: 86.000 người.

Cần lưu ý rằng, nếu kể cả số thợ thủ công, đội ngũ giai cấp công nhân Việt Nam có khoảng một triệu người (5% dân số), đạt tỷ lệ trung bình trong các nước thuộc địa, phụ thuộc.

Thời kỳ này giai cấp công nhân Việt Nam có tổ chức tiền thân. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên và từ tháng 3 năm 1929 đã xuất hiện các nhóm cộng sản, có Công hội đỏ và đặc biệt làn sóng bãi công chính trị phát triển mạnh mẽ trong những năm 1925- 1929 với cuộc bãi công nổi tiếng ở Ba Son, trong 4 tháng từ tháng 8-1925, như “một mốc son” mở đầu thời kỳ đấu tranh tự giác của giai cấp công nhân Việt Nam.

Nếu như năm 1927 có 7 cuộc bãi công lớn thì năm 1929 là 24 cuộc, và 1930 là 98 cuộc (số người tham gia từ 350 người lên 31.680 người). Đa số các nhà sử học như Trần Văn Giàu, Minh Tranh đều coi “giai đoạn tự phát” còn kéo dài từ 1919 – 1925. Từ cuối 1925 – 1928 bãi công chính trị cao hơn, các tổ chức tiền mácxít ra đời và thời kỳ 1929 – 1930 là thời kỳ thuận thực về chính trị và ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Những đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam

Như đã nói, chúng ta chỉ mới đề cập đến giai cấp công nhân Việt Nam ở giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay, công nhân Việt Nam có những đặc điểm gì thì chưa được nghiên cứu đầy đủ.

Dưới đây là những đặc điểm lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam.

a. Công nhân Việt Nam đa số mới ở thế hệ thứ nhất, có liên hệ chặt chẽ, trực tiếp với nông dân. Rất ít người đã qua giai đoạn thị dân (population urbaine). Nếu như họ có “truyền thống xa” (chủ nghĩa yêu nước của dân tộc) thì cũng có “truyền thống gần” là tâm lý tiểu nông, phường hội, làng xã, chưa có truyền thống xã hội chủ nghĩa, tác phong công nghiệp yếu. Đó là mặt hạn chế khi thực hiện vai trò lãnh đạo cách mạng, liên minh công – nông.

b. Giai cấp công nhân nước ta là con đẻ của cuộc “công nghiệp hóa cưỡng bức” của thực dân phương Tây, không phải từ công thương nghiệp dân tộc. Họ ra đời trước cả giai cấp tư sản dân tộc (giai cấp này khoảng năm 1924 mới ra đời ở Việt Nam).

Đặc điểm này tạo ra các hệ quả: giai cấp công nhân có thuận lợi khi giành bá quyền lãnh đạo cách mạng với khuynh hướng dân tộc tư sản, sự thuần nhất trong kết cấu, gần như không có lớp “công nhân quý tộc”, chịu một lúc ba tầng áp bức của đế quốc, phong kiến và tư sản bản xứ.

c. Công nhân Việt Nam tuy non trẻ, số lượng ít, nhưng khá tập trung, đặc biệt ở các khu công nghiệp Bắc – Trung Kỳ. Đồng chí Nguyễn Văn Tạo trong tham luận đọc tại Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (1928) ở Matxcova đã khẳng định tính cách này của công nhân nước ta và coi đó như một điểm mạnh.

d. Giai cấp Công nhân Việt Nam có kết cấu thuần nhất, sớm khẳng định tính thống nhất, ít khả năng bị chia rẽ về tư tưởng và tổ chức. Mặc dù Việt Nam bị chia cắt làm ba xứ, nhưng phân bố công nhân tương đối đều (trong số 81.168 công nhân đồn điền thì có 56.069 ở Bắc, Trung Kỳ và 15.972 ở Nam Kỳ). Công nhân Việt Nam chủ yếu là người Kinh (trong số 22 vạn có tới 196.000 người Việt, ngoài ra là 18.000 Hoa kiều, 7.400 dân tộc thiểu số, 6.100 Khơme, 900 người Thái Lan và 430 người Java).

Trong nội bộ công nhân Việt Nam cũng không có vấn đề tôn giáo, dị biệt về ngôn ngữ, đẳng cấp... như nhiều quốc gia khác.

e. Công nhân Việt Nam vừa ra đời đã được tiếp nhận ánh sáng Cách mạng tháng Mười, của Quốc tế Cộng sản và cách mạng thế giới nói chung.

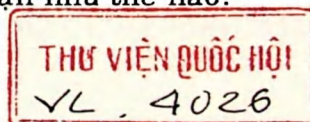
Chỉ cần nêu rằng, ngay những năm 1921 – 1922, trên đất Pháp những người thợ đầu tiên của Việt Nam đã được tham gia các tổ chức công đoàn cách mạng của nhân dân Pháp, năm 1919 Tôn Đức Thắng đã được giác ngộ và kéo lá cờ phản chiến trên biển Đen, chào mừng Cách mạng tháng Mười Nga...

Chính vì những đặc điểm ấy, giai cấp công nhân nước ta nhanh chóng trưởng thành, chỉ trong vòng hai thập kỷ làm thành “quá trình lịch sử” để chuyển từ tự phát sang tự giác và sớm thể hiện tính dân tộc, quốc gia trong sáng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Đảng ta lấy toàn bộ thực tiễn của mình để chứng minh rằng, chủ nghĩa yêu nước triệt để không thể nào tách rời với chủ nghĩa quốc tế vô sản”.

III. GIAI CẤP CÔNG NHÂN VỚI CUỘC ĐẤU TRANH THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. “Vấn đề giai cấp công nhân” đầu thế kỷ XX

Phần này giúp chúng ta hiểu được rằng, khi mới xuất hiện, giai cấp công nhân được các lực lượng xã hội nhìn nhận như thế nào?



a. Với các sĩ phu thuộc phái cải cách

Cương lĩnh đầu tiên của phái cải cách đầu thế kỷ XX là Văn minh tân học sách (1904) phê phán thái độ coi rẻ công nghệ: “Cái thuyết khinh rẻ công nghệ đã nổi lên thì vàng bạc gỗ đá cũng chỉ là nguyên liệu cho người nước khác dùng, cái đạo khuyến khích công nghệ mà được hình thành thì nước, lửa, gió, điện đều giúp ích cho sự cần dùng hàng ngày của dân ta cả. Vậy thì không thể không chấn hưng công nghệ được...”.

Thơ ca Đông Kinh nghĩa thực (1907) mong mỗi:

*“Rôi mà cũng chế thủy tinh
Cũng lò đúc sắt cũng dinh đúc đồng
Cũng tàu máy qua sông vượt bể
Cũng điện cơ, điện khí, điện xa
Cũng buôn cũng bán gần xa
Khi vào Tây Cống khi ra Hải Phòng*

Các sĩ phu Việt Nam náo nức mở hiệu buôn (Nguyễn Quyền, Hoàng Tăng Bi với Hồng Tân Hưng, Đông Thành Xương ở Hà Nội); mở công ty: công ty Liên Thành (Phan Thiết); Quảng Nam Hiệp thương công ty...

Tuy thế, về mặt xã hội, chưa có nhà cải cách nào ở nước ta vào thời điểm ấy tiến đến một suy nghĩ đầy đủ về thợ thuyền.

b. Với Phan Bội Châu và xu hướng bạo động

Ông là linh hồn của phong trào cách mạng đầu thế kỷ XX và là con người hành động. Phan Bội Châu dù chưa thể có một chủ trương “công vận”, nhưng ông đã có rất nhiều cố gắng thu hút một số thợ thuyền tham gia Việt Nam Quang Phục hội: Năm 1908 đã có Lý Tuệ, người thợ máy đường biển anh hùng đưa thanh niên Việt Nam “Đông Du”, năm 1913 có hàng chục thợ máy, thợ đúc cho Quang Phục quân ở biên giới Việt – Trung, anh thợ lái xe Phạm Văn Tráng đã giết tuần phủ Thái Bình là Nguyễn Duy Hàn ở bến phà Tân Đệ, anh công nhân xe lửa Nguyễn Văn Túy giết hai tên trung tá Pháp ở Hà Nội, năm 1916 trong khởi nghĩa của vua Duy Tân có cơ sở chế vũ khí của công nhân mỏ ở Quảng Nam và Quảng Ngãi, năm 1917 có tới 50 công nhân mỏ than Phấn Mễ tham gia khởi nghĩa Thái Nguyên...

Boudarel nhà sử học Pháp, trong công trình nghiên cứu về Phan Bội Châu đã nhận xét: “Một điều kỳ quặc là trong khi không bao giờ nghĩ đến việc quay về với nông dân thì Quang Phục hội lại quay về với công nhân do bắt buộc”¹.

Hình ảnh giai cấp công nhân Việt Nam còn được khắc họa độc đáo trong tác phẩm Phạm Hồng Thái truyện của Phan Bội Châu, xuất bản năm 1925 ở Thượng Hải (Trung Quốc). Qua câu chuyện về Phạm Hồng Thái – nhà cách mạng, người thợ trẻ tuổi của Việt Nam Quang Phục hội và của Tâm Tâm xã – Phan Bội Châu bước đầu đã trình bày nhận thức mới mẻ của ông về vị trí lịch sử, tính cách mạng của giai cấp thợ thuyền và những tư tưởng xã hội chủ nghĩa mới lạ. Ông viết: “Người nước ta không nói cách mạng thì thôi, chứ nói cách mạng thì phải bắt tay vào làm cách mạng. Hơn nữa việc huấn luyện cách mạng xã hội không thể thành công nếu không dựa vào số đông người thuộc lớp dưới. Số đông đó là công nhân và nông dân ở nước ta chiếm đến ¾ toàn quốc”...

Ông còn nói rõ hơn: “Thế thường con chim mà cùng thì nó mổ, con thú cùng thì nó vồ. Sự cùng quẫn của công – nông ở nước ta đã cùng lắm rồi. Ngòi lửa đạn bắn vào tường quyền đã âm ỉ trong lòng rồi cũng có lúc bùng ra. Ngòi lửa đạn đó mà bốc cháy thì cung đình của bọn đế quốc cũng phải cháy trụi”.

Phan Bội Châu đã tiến một bước dài trong nhận thức về giai cấp công nhân Việt Nam. Còn bản thân giai cấp công nhân Việt Nam lúc ấy lại quá non trẻ, họ hăng hái tham gia phong trào yêu nước chủ yếu với tư cách cá nhân và cũng chưa có tổ chức.

2. Nguyễn Ái Quốc với vấn đề giai cấp công nhân Việt Nam trước năm 1930

Là người Cộng sản Việt Nam đầu tiên, ngay từ những bài viết đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin về trong nước (4-1921), Nguyễn Ái Quốc đã coi việc khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân thuộc địa non trẻ là một trong bốn luận điểm cơ bản cần truyền bá trước năm 1924.

Năm 1922, cuộc bãi công của 600 công nhân nhuộm ở Chợ Lớn được Người coi là “dấu hiệu của thời đại”.

¹ Phan Bội Châu và xã hội Việt Nam thời đại ông – France – Asie, Paris, 1972.

Từ tháng 7-1923 đến tháng 5-1924, Người đã có 8 bài báo viết về phong trào công nhân Đahômây, Thổ Nhĩ Kỳ, Xyri, Nhật Bản và Trung Quốc, trong đó không chỉ ca ngợi tinh thần cách mạng triệt để của họ, mà còn bước đầu giải quyết các vấn đề dân tộc và giai cấp, vấn đề tổ chức công hội, liên hệ tranh đấu và phương pháp cách mạng...

Vấn đề giai cấp công nhân Việt Nam được Nguyễn Ái Quốc đi sâu hơn khi Người đã lập ra Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên ở Trung Quốc (6-1925).

Với báo Thanh Niên (từ 21-6-1925) và Đường Kách mệnh (1927), Người đã phân tích rõ hơn lịch sử phong trào công nhân Quốc tế, đặc biệt công nhân Nga, Pháp, về công hội và Đảng trong guồng máy chung của Quốc tế Cộng sản.

Chúng ta sẽ đi sâu vào những ý kiến quan trọng này ở phần tiếp sau.

3. Giai cấp công nhân với cuộc đấu tranh thành lập Đảng (1925 – 1930)

a. Tại Đại hội II của Đảng ta (2-1951 ở Tuyên Quang), Hồ Chủ tịch nói: “Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời là kết quả của việc kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước”.

Có lẽ đó là nhận định đầu tiên về một đặc điểm quan trọng bậc nhất của phong trào Cộng sản ở Việt Nam.

Luận điểm trên vừa phản ánh tính qui luật của việc xuất hiện một đảng kiểu mới của Lênin, vừa phản ánh tính cách đặc thù của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự trình bày dưới đây còn mong muốn khẳng định rằng: mặc dù còn non trẻ, giai cấp công nhân Việt Nam vẫn là một trong những yếu tố quyết định, là cơ sở xã hội quan trọng bậc nhất cho sự xuất hiện của Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.

Cũng cần lưu ý rằng, giai đoạn 1925 – 1930 tuy ngắn nhưng lại có ý nghĩa bản lề đối với lịch sử cận đại Việt Nam. Đồng chí Lê Duẩn có nhận xét về giai đoạn này như sau:

“Phong trào dân tộc có tính chất xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản đã có song song với phong trào dân tộc có tính chất tư sản, trong một thời gian phát động phong trào chung ấy, là một hiện tượng cách mạng lịch sử đặc biệt của nước Việt Nam”¹. Đồng chí còn có nhận định chính xác rằng:

¹ Lê Duẩn: Một vài đặc điểm cách mạng Việt Nam. NXB Sự Thật, 1962.

“Cuộc cách mạng dân tộc Việt Nam không tiến tuần tự từ tính chất tư sản qua tính chất vô sản, hết tư sản rồi mới đến vô sản, mà bản chất của nó là nhảy vọt. Trong một thời gian, phong trào dân tộc tư sản và phong trào dân tộc vô sản đã chen nhau mà tiến lên...”².

b. Khi mới thành lập, Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên có cơ cấu thành phần xã hội như sau: 40% tiểu tư sản trí thức, 40% nông dân, 5% công nhân và 15% là thợ thủ công, tiểu thương.

Điều đó cũng là một yếu tố bùng nổ phong trào vô sản hóa nổi tiếng của Đảng, một hiện tượng hiếm có trong phong trào cộng sản ở thuộc địa. Rõ ràng, Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên “lột xác” để thành cộng sản thực sự, tăng cường tính chất công nhân trong tổ chức tiền thân quan trọng nhất.

(Số liệu thống kê của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Nam Hà (1978))

Thời kỳ	Tổng số	Thành phần giai cấp						Tỷ lệ công nông
		Công nhân	Nông dân	Tiểu tư sản	Tư sản	Địa chủ	Khác	
“Thanh niên” 1927 - 1929	161	39	30	77	0	12	3	42% (CN: 24%)
“Cộng sản” 1929 - 1930	229	01	80	45	0	9	4	75% (CN: 40%)

Lẽ dĩ nhiên, không phải cơ sở Đảng nào ở nước ta cũng có tỷ lệ như vậy. Nhưng rõ ràng, với nỗ lực của Ban lãnh đạo Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên nhất là của Kỳ Bộ Bắc Kỳ (Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh...) đã khiến trùm mật thám Đông Dương L. Marty phải viết: “Cái kết quả đặc sắc nhất của những cố gắng của Đảng trong những năm 1927

² Lê Duẩn: Một vài đặc điểm cách mạng Việt Nam. NXB Sự Thật, 1962.

– 1928 ở chỗ thay đổi tâm lý đảng viên. Nếu năm 1928 thì thay những người ưu tú nhất còn nghĩ mình là Cộng sản”.

Bản thân Phong trào công nhân giai đoạn 1925 – 1929 đã có sức lôi cuốn, quyết định chiều hướng phong trào dân tộc và quyết định sự chiến thắng của tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Sau chiến tranh, công nhân Việt Nam đã có quan hệ với công nhân, thủy thủ Pháp ở cảng Hải Phòng (1919, tàu Sácno) và năm 1929 ở Sài Gòn. Hàng vạn lính thợ (O.N.S.) từ Pháp về mang theo kinh nghiệm đấu tranh công đoàn. Các cuộc bãi công đầu năm 1924 ở Nam Định, mật thám Pháp đã tìm thấy truyền đơn, tài liệu của CGTU (Tổng Công hội thống nhất Pháp), cuối năm 1919 trong số 11.518 lính thợ ở Pháp về có “149 người vô kỷ luật”, theo ngôn ngữ của mật thám.

Đường Kách mệnh coi “Công – nông là gốc của cách mạng”. Báo Thanh Niên của Nguyễn Ái Quốc cuối năm 1926 đã coi “Chỉ có Đảng Cộng sản mới là đội tiên phong của giai cấp vô sản Đông Dương”. Vì thế, trong phong trào công nhân đã chuyển biến về chất: số lượng các cuộc bãi công tăng vọt, đặc biệt là có tổ chức lãnh đạo bởi các Ủy ban Bãi công (do các cơ sở Đảng hoặc thông qua Công hội đỏ lãnh đạo), có liên hệ giữa các địa phương, các ngành và có sự tham gia của nông dân.

Ảnh hưởng của phong trào công nhân Việt Nam lan ra quốc tế: từ hành động cách mạng của công nhân Ba Son, giam chân tàu chiến Michelet J., ủng hộ cách mạng Trung Quốc (8-1925), cuộc bãi công đổ máu ở Cam Tiên (20-9-1928) được sự cổ vũ, bảo vệ của công nhân Pháp đến cuộc bãi công lưu huyết, chiếm đồn điền, treo cờ đỏ búa liềm của hàng ngàn công nhân ở Phú Riềng vào đúng ngày 3/2/1930 và sau đó là phiên tòa đại hình ở Sài Gòn với những người Cộng sản, tất cả các sự kiện trên đã nối tiếp nhau làm chấn động đời sống chính trị trong nước.

Cuối năm 1929 đầu năm 1930, khi phong trào dân tộc tư sản lắng xuống sau khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân đảng thất bại (2-1930), thì cũng là lúc phong trào công nhân lên đến điểm đỉnh và đang tỏ ra “sự trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng”.

c. Một thực tế lịch sử đặc biệt là: công nhân Việt Nam chưa hề đi theo và chịu sự lãnh đạo của giai cấp tư sản dân tộc, điều đó đã có ở Trung Quốc, Ấn Độ và nhiều nước khác. Ngược lại, chính nó lại góp phần cải biến các đảng phái chính trị cùng thời.

Vài sử liệu dưới đây trong lịch sử các đảng phái chính trị ở Việt Nam đủ chứng minh nhận định ấy:

- Với Tân Việt – một tổ chức tiểu tư sản lúc đầu đi theo con đường cách mạng tư sản (chủ nghĩa Tam Dân là chủ yếu). Gần như toàn bộ thành viên của nó lại trở thành Cộng sản từ giữa năm 1929. Đây là một nét độc đáo của cách mạng nước ta.

Có nhiều lý do để Tân Việt "lột xác" thành Cộng sản. Song một trong những nguyên nhân quan trọng tạo nên sự chuyển biến ấy là do Tân Việt có mối quan hệ chặt chẽ với phong trào công nhân (chủ yếu ở Bắc Kỳ, Vinh - Bến Thủy). Trần Văn Giàu trong tác phẩm Giai cấp Công nhân Việt Nam từ "tự mình" đến "cho mình" đã nhận xét:

"Trong lịch sử phong trào công nhân Việt Nam, nói đến Tân Việt cách mạng đảng là nói đến cái sức mạnh thu hút, cải tạo của chủ nghĩa Cộng sản và của phong trào công nhân với một tổ chức tiểu tư sản".

Đúng vậy, ngay từ năm 1927 Tân Việt đã có chương trình công nhân vận động. Họ có cơ sở đảng ở nhà máy xe lửa Trường Thi, nhà máy Cưa và Diêm, trong đó có nhiều nhân vật tên tuổi như Lê Mao, Lê Viết Thuật, Nguyễn Lợi, Nguyễn Phúc...

Tất nhiên, đây là đảng duy nhất ở trong nước có được hoàn cảnh ấy.

- Với Việt Nam Quốc dân đảng, chính đảng tiêu biểu cho xu hướng dân tộc cách mạng, đối thủ chủ yếu của những người mác xít trong cuộc đấu tranh giành quyền lãnh đạo cách mạng những năm 1927 - 1930.

Việt Nam Quốc dân đảng không có chủ trương kết nạp công nhân, họ chỉ chú trọng số cai ký, một số thợ giỏi nghề xi măng Hải Phòng, xe lửa Gia Lâm... Vì có quan hệ đến kế hoạch "chế bom, đúc xúng" của họ. Vụ ám sát Ba danh đầu xuân 1929 làm hàng trăm đảng viên của Việt Nam Quốc dân đảng bị bắt cũng không có ai là công nhân. Và trong 13 án chém ở Yên Bái cũng chỉ có 1 nhưng là viên chức Sở Bưu điện.

- Với các đảng phái, nhóm chính trị khác của xu hướng cách mạng Quốc gia, khuynh tả: Cao trào yêu nước và dân chủ 1925 - 1926 ghi nhận vai trò nổi bật của Thanh niên cao vọng đảng. (Nguyễn An Ninh) Đảng Thanh Niên (cái lõi là nhóm An Nam trẻ của Trần Huy Liệu, Lâm Hiệp Châu, Nguyễn Trọng Hy, Bùi Công Trừng... lập 3-1926) ở Sài Gòn và Nam Kỳ.

Trong các hoạt động sôi nổi ở Sài Gòn, có lúc họ cũng tìm đến với thợ thuyền, chẳng hạn hô hào công nhân bãi công (4-1926) đòi thả Nguyễn An Ninh, nhưng lại dựa vào sự "ủng hộ tài chính" của điền chủ Trà Vinh là Huỳnh Đình Chiểu! Chính vì thế một thủ lĩnh công nhân trong cuộc là Tôn Đức Thắng mô tả: "Khi đó, công nhân chúng ta tham gia phong trào, nhưng chúng tôi đứng ngoài cửa tòa báo La cloche fêlée mà ủng hộ...".

d. Tính cách công nhân đã in dấu khá rõ trong sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chỉ thị 27-10-1929 của Quốc tế Cộng sản cho những người Cộng sản Việt Nam đã nói đến "sự phát triển độc lập của phong trào công nhân và sự tồn tại của những tổ chức Cộng sản trong nước đang tạo ra những điều kiện cần thiết và sự cấp bách phải tổ chức ra một Đảng Cộng sản ở Đông Dương.

Khi tuyên bố thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, chính Nguyễn Ái Quốc đã nói rõ trong Lời kêu gọi gửi công nhân, nông dân, binh lính, học sinh, anh chị em bị áp bức: "Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập. Đó là đảng của giai cấp vô sản. Đảng sẽ dìu dắt giai cấp vô sản lịch sử cách mạng Việt Nam đấu tranh nhằm giai cấp cho toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột. Từ nay anh chị em chúng ta cần phải gia nhập Đảng, ủng hộ Đảng và đi theo Đảng để hoàn thành 10 nhiệm vụ mà Đảng đề ra"¹.

Trong BCH TƯ lâm thời của Đảng Cộng sản Việt Nam lúc đó, theo ý kiến của Người, cũng đã cố giảm tối đa đồng chí có nguồn gốc tiểu tư sản và tăng tối đa số đồng chí là công nhân vào cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng.

IV. VẤN ĐỀ VỊ TRÍ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN TRONG CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ

Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng. Nhưng với tư cách là một lực lượng, họ lại có vị trí khác nhau trong những nước khác nhau, tùy sự xác định của Đảng lãnh đạo. Việc sắp xếp lực lượng cách mạng lại cũng là một trong những vấn đề cơ bản của việc xác định các vấn đề chiến lược, chiến thuật.

Vì coi giai cấp công nhân là chủ lực quân nên trong cách mạng Nga được bắt đầu bằng giành chính quyền ở đô thị và kết thúc ở nông thôn.

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, 1995, t.3. tr.10.

Dường như trước Công xã Quảng Châu (1927) những người cộng sản Trung Quốc cũng muốn tái bản một cuộc cách mạng như thế. Nhưng từ sau khi thất bại của Quảng Châu công xã, sự phản bội của Tưởng Giới Thạch càng lộ rõ thì trong Đảng Cộng sản Trung Quốc đã dần hình thành tư tưởng trường kỳ mai phục, lấy nông thôn bao vây thành thị và coi nông dân là chủ lực quân, còn công nhân chỉ là "Động lực cơ bản" vì coi khả năng giành chính quyền ở đô thị đã qua là cách mạng Trung Quốc bước qua hình thái mới.

Còn với cách mạng nước ta? Phần dưới đây, chúng ta xem xét vấn đề trên hai mặt cơ bản sau:

1. Lịch sử nhận thức của Đảng:

- Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (10-1930) ghi:

"Trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền, vô sản giai cấp và nông dân là hai động lực chính... vô sản giai cấp thành động lực chính và rất mạnh của cách mạng Đông Dương"¹.

Cách sắp xếp này có xu hướng đề cao giai cấp công nhân. Còn nông dân lại coi là "một động lực mạnh". Lưu ý, trong Đường Kách mệnh, Nguyễn Ái Quốc gọi chung "công - nông là chủ, là gốc của cách mạng".

- Nghị quyết Trung ương lần thứ VI (11-1939) với Đảng Cộng sản Đông Dương là dấu hiệu đầu tiên của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, có xu hướng chuyển "trọng tâm công tác về nông thôn". Tuy vậy, Đảng ta vẫn lưu ý rằng: "Cùng với giai cấp vô sản, nông dân là một trong hai động lực cơ bản của công nhân Đông Dương... vô sản là động lực cách mạng mạnh mẽ phi thường và còn là lực lượng lãnh đạo cách mạng".

- Nghị quyết Trung ương lần thứ VII (11-1940) lần đầu tiên dùng khái niệm "chủ lực" khi viết: "Chủ lực cách mạng và vô sản giai cấp gồm có vô sản thành thị và thôn quê". Sự sắp xếp ấy, đã tách nông dân ra chỉ có "vô sản thôn quê" là chủ lực.

- Nghị quyết Trung ương lần thứ VIII (5-1941), trong phần "lực lượng cách mạng" lại ghi:

"Tiền phong quân: Vô sản giai cấp Đông Dương.

Hậu bị quân trực tiếp: trong nước là nông dân, ngoài nước là cách mạng của nhân dân Tàu"...

¹ Văn kiện Đảng 1929 - 1935, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1964, tr.49.

Cách sắp xếp lực lượng như vậy chưa thật phù hợp với những điều kiện lịch sử cách mạng nước ta.

Thiếu sót này đã được khắc phục trong Nghị quyết Thường vụ Bộ Chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (2-1943). Bản Chỉ thị đã kiểm điểm: "Khuyết điểm lớn nhất, nguy hiểm nhất của chúng ta là tổ chức Đảng ở thành thị yếu quá... Xí nghiệp phải là nền tảng tổ chức mạnh nhất của Đảng mà chi bộ xí nghiệp lại rất ít". Nghị quyết đề ra phương châm "Bôn-sê-vích hóa Đảng với phương châm đi vào xí nghiệp, chiếm lấy xí nghiệp".

Đảng ta đã phân tích vị trí quyết định của giai cấp công nhân khi khởi nghĩa giành chính quyền như sau:

"Nếu không có thợ thuyền tham gia khởi nghĩa thì:

- Cuộc khởi nghĩa khó nổ ra ở nơi huyết mạch của quân thù, và do đó quân thù không bị tê liệt.

- Cuộc khởi nghĩa chỉ có tính địa phương, eo hẹp, không thể lan rộng toàn quốc, như thế quân thù sẽ tập trung lực lượng vào một số nơi đàn áp quân khởi nghĩa.

- Các đội du kích cách mạng sẽ thiếu chiến sĩ hiểu biết kỹ thuật, cách chế tạo vũ khí..."¹.

Nghị quyết này của Đảng ta có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển phong trào cách mạng đô thị và đồng bằng trên con đường nước rút tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945).

- Sự sắp xếp lực lượng cách mạng ổn định và hoàn chỉnh nhất khi Đảng ta mở Đại hội II (1951). Trong Bàn về cách mạng Việt Nam, đồng chí Trường Chinh đã phân định chính xác.

"Lực lượng cách mạng gồm 4 giai cấp: công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc.

Động lực cách mạng gồm công nhân, nông dân và tiểu tư sản trong đó nông dân là bạn đồng minh trung thành và lớn mạnh nhất của giai cấp vô sản, tiểu tư sản là đồng minh tin cậy được và tư là đồng minh có điều kiện".

¹ Văn kiện Đảng 1939 - 1945, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1978, tr.394.

Sau này, trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm Cách mạng tháng Tám và lịch sử phong trào công nhân, trong Hội nghị Ban chấp hành Tổng Công đoàn Việt Nam ngày 28-12-1966, đồng chí Lê Duẩn phát biểu:

"Trong cách mạng dân tộc dân chủ, giai cấp công nhân chẳng những là giai cấp lãnh đạo cách mạng mà còn cùng với nông dân lao động hợp thành đội quân chủ lực của cách mạng Việt Nam".

Vài nét phác họa trên đây cho phép ta hiểu được quan niệm của Đảng ta về vị trí của giai cấp công nhân trong quan hệ của việc sắp xếp lực lượng và vận động cách mạng dân tộc dân chủ.

2. Phong trào công nhân 1930 - 1945 đã thể hiện vai trò chủ lực quân như thế nào?

a. Trong cao trào 1930 - 1931

- Đảng ta ra đời đúng vào lúc khởi nghĩa Yên Bái thất bại và "phong trào dân tộc lắng xuống, ngọn cờ giải phóng dân tộc chuyển hẳn về tay giai cấp vô sản".

Đồng thời đây cũng là lúc phong trào công nhân với "các cuộc bãi công lưu huyết" nở rộ. Và cũng làn sóng bãi công ấy quyết định trực tiếp sự bùng nổ cao trào 1930 - 1931, mà đỉnh cao là Xô Viết Nghệ - Tĩnh.

- Trước khi trung tâm phong trào chuyển đến khu vực Vinh - Bến Thủy, tại Nam Định cũng đã nổ ra cuộc bãi công lớn của 4000 công nhân, trong đó nòng cốt là công nhân Sợi, kéo dài từ ngày 25-3 đến 16-4-1930, thực sự "mở đầu phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, là một trong những cuộc bãi công lớn nhất". Cho đến tháng 5-1930 phong trào nông dân vẫn tương đối im ắng.

- Cao trào 1930 - 1931 thực sự bắt đầu với "cuộc bãi công mở đường" của 6000 công nhân xe lửa Trường Thi, Cưa và Diêm Bến Thủy (Vinh) ngày 1-5-1930. Từ đó đến tháng 8/1930 ở Nghệ Tĩnh đã có 97 cuộc bãi công và biểu tình, tạo ra "đêm trước của Xô Viết Nghệ - Tĩnh".

Tính chung cả nước những năm 1930 - 1931 có "129 cuộc bãi công chiến đấu quyết liệt kiểu bãi công tấn công Phú Riềng"¹.

Báo chí cách mạng ở địa phương viết:

¹ Dẫn lại của Nguyễn Công Bình, trong: Một số vấn đề về giai cấp công nhân Việt Nam, NXB Lao Động, 1974.

"Cuộc bãi công 1-5 là cuộc bãi công mở đường"

Công nhân Bến Thủy đã mở đường tranh đấu".

"Cờ đỏ pháp phới khắp Nghệ An. Các tỉnh đang sôi nổi, thời kỳ tranh đấu kịch liệt đã đến".

(Người lao khổ, số 5-9-1930).

Sau này, chính đồng chí Lê Duẩn đã đánh giá vai trò "xung kích mở đường" của cả cao trào 1930 - 1931 của giai cấp công nhân Việt Nam, chính họ sẽ lôi cuốn nông dân "nắm tay nhau giữa trận tiền", mở ra bước khởi đầu có tính quyết định cho cách mạng nước ta.

b. Trong thời kỳ đấu tranh phục hồi và phát triển phong trào cách mạng (1932 - 1935)

- Trong thời kỳ "tạm lắng", phong trào công nhân chuyển hướng với các cuộc đấu tranh vừa, nhỏ ở khu vực kinh tế kém quan trọng và chuyển trọng tâm vào Nam Kỳ 40/60 cuộc đấu tranh diễn ra ở Sài Gòn - Chợ Lớn, công nhân xay xát, gổm Lái Thiêu, công nhân xe thổ mộ...).

Phong trào công nhân bắt đầu làm quen với hình thái đấu tranh tư tưởng, như đã đấu tranh chống xu hướng Torótxkit tìm cách len lỏi vào phong trào công nhân.

Đồng thời, công nhân "Sài Gòn đỏ" cũng sôi nổi trong các cuộc đấu tranh nghị trường công khai từ tháng 2-1935, ủng hộ Sở Công nhân (có đồng chí Nguyễn Văn Tạo và Nguyễn Văn Nguyễn) vào Hội đồng thành phố Sài Gòn và Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ...

Giai cấp công nhân cũng mở ra các quan hệ quốc tế trong đấu tranh cách mạng ngay ở Nam Kỳ, Trung Kỳ. Kể từ đầu năm 1934, từ Sài Gòn ra đến Phan Thiết đã xuất hiện các "Ủy ban hành động" tập hợp "Dân nguyện", đón các phái đoàn đại biểu Tổng công hội thống nhất (CGTÚ) và Cứu tế đỏ (Pháp), đòi thả tù chính trị và tự do dân chủ.

- Đại hội I của Đảng (3-1935) ở Ma Cao đã nhận xét:

"Khoảng hai năm nay, Đảng đã lại chiếm địa vị ưu thắng trong cuộc đấu tranh của quần chúng, tạo điều kiện thuận tiện cho Đảng của vô sản giai cấp phát triển".

c. Thời kỳ "Mặt trận dân chủ Đông Dương" (1936 - 1939)

- Phong trào "mặt trận dân chủ Đông Dương" được phục hồi nhờ có sự phục hồi của phong trào công nhân: Chính xác Ủy ban hành động, chủ yếu của công nhân - nông dân Nam Kỳ, với con số 6000, trong đó có sáng kiến của Nguyễn An Ninh, đã mau lẹ thành các Ủy ban tranh đấu, mở màn cao trào dân chủ, công khai (tự do, cơm áo, hòa bình). Năm 1936, riêng công nhân cũng có tới 300 cuộc bãi công, và sau đó lần đầu tiên có Tổng bãi công của 2,5 vạn công nhân toàn khu mỏ Hồng Gai, Cẩm Phả (1937).

Ở các đô thị lớn, công nhân không những làm hậu thuẫn cho đấu tranh nghị trường mà họ còn làm chủ trên mặt trận đường phố, suốt thời gian 1937 - 1938, những ngày Quốc tế 11-5 ở Hà Nội hoặc Sài Gòn, công nhân đi đầu trong các cuộc biểu tình lớn chưa từng có (ở Hà Nội tại Đấu Xảo, có tới 2,5 vạn người).

- Bản thân giai cấp công nhân "tự mình" cũng giành được ba thắng lợi quan trọng về kinh tế qua 77 cuộc đấu tranh của thợ thuyền cả nước.

- Nghị định 11-10-1936 của Toàn quyền Đông Dương thừa nhận, kể từ 1-11-1936 ngày làm không quá 10h/ngày và từ 1-1-1938 là 8h/ngày.

- Cấm lao động nữ và trẻ em làm đêm.

- Thực hiện tăng lương tối thiểu.

- Phong trào công nhân còn đảm bảo cho Đảng ta ra công khai lãnh đạo phát triển trong khi có sự cạnh tranh của nhiều tổ chức chính trị khác. Đây cũng là lúc bọn Quốc gia cải lương ngóc đầu dậy với sự nâng đỡ của thực dân Pháp (Lê Quang Liêm, Bùi Quang Chiêu ở Nam Kỳ, Phạm Huy Lục, Phạm Lê Bổng ở Bắc Kỳ). Lực lượng Torótxkit tiếp tục len lỏi vào phong trào công nhân, làm lệch hướng một số cuộc bãi công, đòi "tẩy chay" khi ta đón Brévie. Tuy vậy, ở Bắc Kỳ, bọn Torótxkit đã thất bại hoàn toàn, trong khi đồng chí Phan Thanh được 722 phiếu thì đại biểu Torótxkit chỉ được 11 phiếu..

Nói tóm lại, trong cao trào Mặt trận dân chủ Đông Dương, giai cấp công nhân đã chủ động mở rộng liên minh với các giai cấp khác ngoài nông dân, là "Cuộc liên hiệp này để dự bị điều kiện cho cuộc giải phóng" (Văn kiện Đảng 1935 - 1936).

d. Thời kỳ vận động trực tiếp cho thắng lợi Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945):

- Từ năm 1939 đến tháng 5-1941, các cuộc bãi công có vẻ lắng xuống, chỉ còn có các cuộc "xung đột tập thể và cá nhân" như cách gọi của thực dân Pháp và con số các cuộc như vậy cũng giảm dần từ 1939 - 1940 đến 1942.

Kể từ khi có chủ trương lập Công nhân cứu quốc trong khuôn khổ Mặt trận Việt Minh, một giai đoạn mới đã mở ra cho phong trào công nhân trong quá trình chuẩn bị lực lượng chính trị và vũ trang khởi nghĩa từng phần.

- Nghị quyết của Thường vụ Trung ương Đảng nói trên (2-1943) đã tạo ra chuyển biến mới cho phong trào đô thị và phong trào công nhân. Hình thái của phong trào khá quyết liệt. Sau khởi nghĩa Nam Kỳ (23-11-1940), Ban cán sự trong đó 2/3 là công nhân do Hoàng Văn Thụ lập ra, bị vỡ, lại tái lập. Các cơ sở chế tạo vũ khí ở Mốp Xanh (Đồng Tháp Mười) ở Từ Sơn (Bắc Ninh), ngoại thành Hà Nội đã hoạt động. Công nhân trong các cơ sở in, dệt, cơ khí, sửa chữa vũ khí... được Việt Minh chú ý đặc biệt. Các đội tự vệ chiến đấu của công nhân bắt đầu xuất hiện.

- Sau đảo chính Nhật - Pháp (9-3-1945), vị trí chủ lực quân của giai cấp công nhân Việt Nam càng thể hiện rõ rệt, và khi tình thế chín muồi họ sẽ tiến lên góp phần quyết định việc kết thúc chế độ thuộc địa ở nơi đâu nã của nó.

Với khẩu hiệu "Phá kho thóc giải quyết nạn đói", khởi nghĩa từng phần lan mạnh ở vùng đồng bằng trong giai đoạn tiền khởi nghĩa. Đặc biệt ở khu vực Hải Phòng, Đông Triều (Quảng Ninh), công nhân đã tổ chức đánh cướp các thuyền lương, phá đồn điền, mỏ than Mạo Khê vào tháng 6-1945 đã lập ra Đệ tứ chiến khu (Chiến khu Đông Triều) nâng thêm số căn cứ địa của cả nước, làm bàn đạp cho Tổng khởi nghĩa. Đệ tứ chiến khu do Hải Thanh và Trần Văn Cung chỉ huy đã hạ liền 4 đồn, thành lập đội quân 200 chiến sĩ đa số là công nhân mỏ với kho vũ khí quan trọng ở Quảng Yên có tới 500 khẩu súng và rất nhiều mìn cho cách mạng.

Giai cấp công nhân còn đi đầu trong việc sử dụng vũ khí. Ngoài các xưởng vũ khí đã có, lại xuất hiện thêm Làng Chè (Bắc Ninh), các cơ sở sản xuất lựu đạn ở Thái Nguyên, Cao Bằng..

- Và thời cơ đã đến với Tổng khởi nghĩa tháng Tám. Phong trào công nhân góp thêm vào sự sáng tạo của cách mạng Việt Nam trong hình thái khởi nghĩa, đó là sử dụng song song hai lực lượng chính trị và vũ trang, kết hợp khởi nghĩa ở nông thôn và thành thị.

Trong hình thái khởi nghĩa độc đáo ấy, rõ ràng giai cấp công nhân có vị trí quyết định có các vị trí yết hầu, "nơi huyết mạch của quân thù" như Nghị quyết của Hội nghị Thường vụ TƯ (9-2-1943) đã nói. Chúng ta từng chứng kiến vai trò của công nhân và các đội tự vệ bán vũ trang của công nhân cứu quốc ở Hà Nội trong những ngày 17, 19-8-1945 như thế nào.

Còn ở Sài Gòn, hàng vạn Thanh niên tiên phong ban xí nghiệp, với vũ khí khá đầy đủ, làm nòng cốt cho một cuộc khởi nghĩa thành phố lớn bậc nhất, xa Trung ương Đảng và Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc lại có mặt nhiều lực lượng đối lập và đã giành thắng lợi trọn vẹn cho cách mạng ngày 25-8-1945.

V. VẤN ĐỀ PHONG TRÀO CÔNG NHÂN VÀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

"Tổ chức công đoàn" không phải là lĩnh vực có truyền thống của công nhân Việt Nam. Từ lâu, đã có quan điểm cho rằng Đảng ta ra đời mới lập ra tổ chức công đoàn. Cách nhìn đó đã được điều chỉnh lại: Năm 1980, giai cấp công nhân, viên chức nước ta lần đầu tiên kỷ niệm ngày thành lập tổ chức của mình với ngày 28-7-1929 khi Nguyễn Đức Cảnh lập ra Tổng Công hội đỏ Bắc Kỳ thay cho ngày 28-7-1946 - ngày thành lập Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam vẫn dùng trước đó.

Tuy vậy, lịch sử tổ chức công đoàn cũng là một khía cạnh không thể thiếu khi đề cập đến lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam nói chung. Hơn nữa, chính ở lĩnh vực này cũng bộc lộ rất rõ nhiều khía cạnh đặc thù của đội ngũ công nhân nước ta.

1. Nguyễn Ái Quốc và những mầm mống đầu tiên của công đoàn Việt Nam

a. Giai cấp công nhân nước ta tuy non trẻ, nhưng vừa ra đời đã sớm bắt gặp phong trào cộng sản và công nhân quốc tế

Nguyễn Ái Quốc là người thợ Việt Nam đầu tiên tham gia tổ chức Nghiệp đoàn ở nước Anh (1914 - 1916) với tên Lao động hải ngoại, và sau đó năm 1918 - 1919 trên đất Pháp, Người đã hoạt động sôi nổi trong một tổ chức công đoàn ở đây.

Tôn Đức Thắng ở Toulon (Pháp) những năm 1918 - 1919 chưa gặp Nguyễn Ái Quốc và chưa hiểu gì về chủ nghĩa xã hội, nhưng chính ông đã nói rõ "đã làm quen với đấu tranh công đoàn".

Từ năm 1921 đến năm 1923, Nguyễn Ái Quốc cũng thực sự tuyên truyền cách mạng trong số hàng vạn công nhân và thủy thủ Việt Nam, chủ yếu sống làm việc ở cảng Mácxây và Lơ Havorơ. Thông qua Đảng Cộng sản Pháp và Tổng Công hội thống nhất, chính Nguyễn Ái Quốc đã tập hợp những đồng chí như Trần Văn Khá, Trần Xuân Hộ, Bạch Văn Thông, Trần Quang Lâm... để lập ra cơ sở Công hội đỏ bí mật đầu tiên¹. (Trong hệ thống của Tổng công hội thống nhất và của Quốc tế Công hội đỏ từ sau 1921).

Sau năm 1924 ở Quảng Châu và Thượng Hải (Trung Quốc) cũng lần lượt xuất hiện Hải viên Công hội của công nhân, thủy thủ Việt Nam và cũng là một đường dây quan trọng khác nối với phong trào thợ thuyền trong nước. Cùng với đường dây từ Pháp, họ sẽ đảm trách việc bí mật chuyển các báo Le Paria, Việt Nam hồn và sách báo cách mạng khác về trong nước.

Việc Nguyễn Ái Quốc trực tiếp tham gia và đọc diễn văn tại Đại hội III Quốc tế Công hội đỏ (7-1924) ở Mátxcova khi Người đang hoạt động trong Bộ Phương Đông, được coi là dây nối chính thức đầu tiên của giai cấp công nhân nước ta với Quốc tế Cộng sản.

- Ở trong nước, chúng ta đã nói tới hình thức manh nha của Công hội ở vùng mỏ Quảng Ninh, theo kinh nghiệm Công hội của Tôn Dật Tiên. Tuy vậy, phải khẳng định rằng, chính Tôn Đức Thắng, sau khi bị Pháp trục xuất về Sài Gòn đã có công sáng lập cơ sở đầu tiên của Công hội đỏ ở xưởng Ba Son khoảng 1923 - 1924.

Còn nếu là "truyền thống xa" thì giai cấp công nhân Việt Nam chỉ có kinh nghiệm "ái hữu" kiểu phường hội nông dân (Hội làm nhà, ma chay, cưới xin...) đùm bọc, tương thân, tương ái (coi trọng "đồng hương" và gia tộc).

Trong sự phát triển nhanh chóng của phong trào cách mạng từ khi có Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên và nhất là khi có phong trào vô sản hóa, trong giai cấp công nhân nước ta đã thực sự nảy sinh tổ chức công đoàn.

¹ Tên gọi là Hội Ái hữu những người lao động chân tay Đông Dương (1922) và Hội Ái hữu những người lao động trí óc Đông Dương (1925).

b. Chính Nguyễn Ái Quốc là người chuẩn bị những điều kiện về tư tưởng - lý luận và tổ chức cho tổ chức công đoàn Việt Nam - Về sự cần thiết thành lập các tổ chức công đoàn đã được Nguyễn Ái Quốc sớm quan tâm như một trong những vấn đề cơ bản của việc tuyên truyền, xây dựng lực lượng cách mạng.

Năm 1919 trong Bản yêu sách 8 điểm gửi Hội nghị Vécxay, Nguyễn Ái Quốc đòi quyền thành lập nghiệp đoàn ở Việt Nam.

Năm 1923 trong thư gửi Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc chính thức yêu cầu Đảng phải tổ chức những nghiệp đoàn ở thuộc địa, hoặc trực thuộc Tổng công hội thống nhất (C.G.T.Ú). Hiệu quả của việc này đã nói rõ ở trên.

Năm 1924, tại Đại hội 3 Quốc tế Công hội đỏ¹, ở Mátxitcova, lần đầu tiên Nguyễn Ái Quốc đi sâu vào những vấn đề lý luận và thực tiễn của phong trào công nhân Việt Nam. Người không chỉ trình bày thực trạng giai cấp thợ thuyền dưới tác động của chính sách khai thác, bóc lột của chủ nghĩa thực dân Pháp, mà còn kêu gọi: "Tình hình không phải là không có lối thoát, bởi vì với sự giúp đỡ của Quốc tế công hội đỏ chúng tôi quyết đập tan lực lượng của chủ nghĩa đế quốc châu Âu áp bức chúng tôi... Điều cần thiết là các đồng chí trong các tổ chức công nhân Pháp phải tích cực giúp đỡ chúng tôi trong cuộc đấu tranh..."².

c. Nguyễn Ái Quốc thực sự nghiên cứu và trình bày lý luận mô hình tổ chức, tính cách của tổ chức công đoàn ở Việt Nam khi Người lập ra tổ chức tiền thân của Đảng

Khi sáng lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên (6-1925), tổ chức cách mạng thích hợp và vừa tầm với đa số các nhà cách mạng trẻ tuổi, Nguyễn Ái Quốc qua Cương lĩnh và báo Thanh niên, đã nói rõ vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và những vấn đề chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc mà nó phải giải quyết. Người còn lập thêm tờ Công nông mà cái tên báo đã hàm ý: dựa vào công nông để làm cách mạng, giải phóng dân tộc trước hết phải giải phóng hai giai cấp này.

Tuy thế, phải đợi khi Người cho xuất bản cuốn "Đường Kách mệnh" (1927) thì các vấn đề tổ chức Công hội mới giải quyết toàn diện hơn.

¹ Quốc tế Công hội đỏ do Lênin sáng lập, thuộc hệ thống Quốc tế Cộng sản, tồn tại từ năm 1921 đến tháng 12-1937, Tổ chức này do đồng chí Lôđôpxki, một nhân vật lỗi lạc của Quốc tế Cộng sản làm Chủ tịch Ban Chấp hành.

² Đỗ Quang Hưng: Công hội đỏ Việt Nam, NXB Lao Động, Hà Nội, 1989.

- Người đã dành chương Công nhân quốc tế để trình bày lịch sử công đoàn quốc tế, đặc biệt giải thích tính chất cách mạng của Công hội đỏ quốc tế "Quốc tế đỏ theo Đệ tam quốc tế, quyết làm giai cấp cách mệnh. Nay đã có Công hội 47 nước, 11.750.000 người vào.

Tháng 5-1925 bên Á Đông có những hội này vào:

Tàu: 450.000 người

Java: 35.000 người

Nhật: 32.000 người

Caoly: 5.000 người

An Nam: 000 người"¹.

Sau khi đã kích thích tâm lý người đọc - nhất là thợ thuyền - Nguyễn Ái Quốc dành chương Cách tổ chức Công hội, đưa ra suy nghĩ về mô hình Công hội đỏ cho Việt Nam.

Về chức năng, tính cách Công hội, Người viết;

- "Tổ chức công hội trước là để cho công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình, hai là để nghiên cứu với nhau, ba là để sửa sang cách sinh hoạt của công nhân cho khá hơn bây giờ, bốn là để giữ gìn lợi quyền cho công nhân, năm là để giúp đỡ quốc dân, giúp cho thế giới"².

- Cũng lần đầu tiên, Người chỉ ra mô hình tổ chức cho hoạt động công đoàn ở Việt Nam thời thuộc địa.

"Tổ chức có 2 cách, cách nghề nghiệp và cách sản nghiệp.

Nghề nghiệp là ai làm nghề gì thì vào hội nghề ấy. Như thợ may thì vào hội may, thợ rèn thì vào hội rèn.

Sản nghiệp là bất kỳ nghề gì, hễ làm một chỗ thì vào một hội. Như việc xe lửa, người đốt than, người sơn xe, người phát vé, người coi đường, người cầm máy, tất cả nhập vào Công hội xe lửa.

Tổ chức theo sản nghiệp thì mạnh hơn, vì thống nhất hơn. Thí dụ khi xe lửa muốn bãi công, nếu hội là sản nghiệp thì hội viên đều phải bãi công hết, thì tư bản sợ hơn. Nếu là hội nghề nghiệp, thì có khi người đốt

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.293.

² Hồ Chí Minh, Sđd, t.3, tr.302.

lửa bãi công mà người cầm máy không hoặc người phát vé bãi công mà người làm ga không thì sức bãi công yếu đi" ¹.

Đồng thời Nguyễn Ái Quốc còn trình bày rõ cách tổ chức hệ thống Công hội, phương thức hoạt động công tác cụ thể...

Sau này, khi chủ trương lập Mặt trận Việt Minh trong đó có Công nhân cứu quốc, chính người đã phê bình cách tổ chức quá chặt chẽ của Công hội đỏ, và yêu cầu phải rộng rãi hơn trong tư tưởng đại đoàn kết dân tộc, đề cao đại nghĩa chống đế quốc.

Những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh được nhiều lãnh tụ của phong trào công nhân và tổ chức công đoàn suy nghĩ và phát triển. Nguyễn Đức Cảnh, thủ lĩnh đầu tiên của Công hội đỏ Việt Nam, trước khi chịu án chém còn để lại cuốn Công nhân vận động. Tổng Bí thư Đảng đầu tiên, đồng chí Trần Phú năm 1930 đã phê bình ý kiến coi "Công hội là đoàn thể đấu tranh kinh tế, còn Đảng là đoàn thể đấu tranh chính trị".

Năm 1932, Đảng đã tự phê bình tư tưởng biệt phái tả khuynh, coi Công hội là "Đảng thứ 2" và tâm lý e ngại mở rộng tổ chức công đoàn vì sợ "hỗn tạp".

Cuộc đấu tranh chống tư tưởng phân biệt "công nhân áo xanh" và "công nhân áo nâu" cũng khá dai dẳng.

Đại hội I của Đảng (3-1935), trong Chương trình công nhân vận động đã coi Công hội là sợi dây chuyền nối Đảng với quần chúng thợ thuyền.

Năm 1952, đồng chí Trường Chinh đã hình tượng hóa công đoàn là một chiếc ô tô mà Đảng là người cầm lái.

Tư tưởng chỉ đạo công tác Công đoàn của Đảng ta bắt đầu với Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực sự dẫn dắt tổ chức công đoàn trong quá trình cách mạng Việt Nam.

2. Công hội đỏ Việt Nam (1929 - 1935)

Công hội Ba Sơn của Tôn Đức Thắng (1928)¹ chỉ mới là điểm báo hiệu. Sự hình thành Công hội đỏ Việt Nam được bắt đầu khi Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đã phát triển mạnh ở trong nước và trong

¹ Khoảng 300 hội viên đến 8-1925, Hội trưởng Tôn Đức Thắng (thợ máy hãng Kroff), Hội phó là Nguyễn Văn Côn (thợ nguội hãng FACI), thư ký: Mạnh, Thủ quỹ: Đặng Văn Sâm (thợ tiện nhà máy Đền).

phong trào công nhân nhất là khi có cuộc vận động "vô sản hóa" mùa thu 1928.

Hà Nội là một trong những trung tâm của Công hội đỏ với cơ sở của Nguyễn Công Thu, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Phong Sắc... Cuối 1928, Tổng Công hội đỏ Hà Nội thành lập do đồng chí Trần Văn Sửu phụ trách. Cuộc bãi công nổi tiếng ở xưởng ô tô Avia (4-5-1929) do đích thân Ngô Gia Tự chỉ đạo công hội đỏ nhà máy tổ chức, có cả truyền đơn của Tổng công hội đỏ Hà Nội, ảnh hưởng đến nổi báo Phụ nữ tân văn số 9-5-1928 phải có bài:

"Tình cảnh công nhân nước mình hễ đàn ông đáng thương chừng nào thì đàn bà đáng thương chừng ấy.

Mà ai kêu cho mình? Nếu tự mình bênh vực lấy quyền lợi cho mình phải có cơ quan, có hội nghiệp đoàn (Syndicat) có sức mạnh mới được. Nhưng có ai để cho mình tự do lập hội hay không?"

Trên cái nền Công hội đỏ phát triển mạnh cả xứ Bắc Kỳ, theo quyết định của Đông Dương Cộng sản Đảng, ngày 28-7-1929 Nguyễn Đức Cảnh triệu tập Hội nghị đại biểu Công hội đỏ Bắc Kỳ tại 15 Hàng Nón với 7 đại biểu của Tổng Công hội đỏ của Hà Nội, Nam Định, Đông Triều, Cẩm Phả, Hải Phòng... Ban Chấp hành lâm thời ngoài Nguyễn Đức Cảnh còn có các ủy viên: Trần Hồng Vân, Trần Văn Các, Nguyễn Huy Thảo... Đặc biệt có đồng chí Trần Văn Lan một thợ tiện của nhà máy sợi Nam Định, vốn là ủy viên công nhân duy nhất trong Ban chấp hành lâm thời của Đảng Cộng sản Việt Nam khi mới thành lập, sẽ thay Nguyễn Đức Cảnh làm Chủ tịch đầu tiên.

Báo Lao động số ra mắt (1/8/1929) đã phản ánh kịp thời:

"Chúng ta đoàn kết với nhau đã đấu tranh kịch liệt vì chúng ta khổ lắm rồi chịu không nổi nữa. Công việc của chúng ta tuy vậy còn phôi thai. Đường đi còn dài, nên trách nhiệm Đại hội này to tát, mong anh chị em hết sức bàn bạc để công việc chóng tiến hành... Ta có thể chắc chắn rằng sau đại hội này thế lực của vô sản giai cấp sẽ bành trướng".

Cuối 1929 Xu thế thống nhất lực lượng đã rõ, Tổng công hội Vinh - Bến Thủy; Tổng Công hội Đà Nẵng ra đời. Sau đó, tháng 3-1930 đến lượt Tổng Công hội Nam Kỳ.

Riêng ở Vinh - Bến Thủy, đến đầu 1930, theo thống kê của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương đã có 2011 đảng viên; 399 hội viên

Công hội đỏ; 48.464 hội viên Nông hội đỏ; 2.356 Thanh niên cộng sản... Công hội đỏ ở Vinh - Bến Thủy có những tờ báo cách mạng riêng như: Người lao khổ, Lao khổ, Chuông vô sản... ở Nam Định, con số hội viên cũng tới trên 100 người. Ở Nam Kỳ, với cơ sở của 12 công hội, Tổng công hội đỏ cũng thu hút khoảng 700 hội viên. Bước vào cao trào 1930 - 1931, đại thể số hội viên công hội đỏ cả nước có khoảng 6000 người, dĩ nhiên số lượng còn ít ỏi so với chính lực lượng thợ thuyền, nhưng tổ chức rất chặt chẽ.

Công hội đỏ Việt Nam ra đời trong cách mạng và chính tổ chức đầu tiên này của giai cấp công nhân lại là "trường học đấu tranh" (Lênin) trên con đường giành chính quyền của giai cấp và dân tộc.

Công hội đỏ Việt Nam thực sự tạo ra quan hệ quốc tế cho giai cấp công nhân.

Với sự giới thiệu của Nguyễn Ái Quốc, tháng 8-1930 đoàn đại biểu của Công hội đỏ Việt Nam¹ đã được tham dự Đại hội V quốc tế Công hội đỏ ở Mátxcova. Bài phát biểu của Lê Văn Kiệt đã phân tích các đặc điểm của phong trào công nhân, nêu con số 700 - 800 hội viên Công hội đỏ và những yêu cầu với Quốc tế Công hội đỏ.

Lần đầu tiên, Quốc tế Công hội đỏ đã thông qua Nghị quyết về tổ chức Công đoàn ở Đông Dương gồm 12 điểm, nhấn mạnh nhiệm vụ thành lập ngay Tổng công hội Đông Dương, cũng như sự thống nhất 3 kỳ ở Việt Nam, sự liên hệ với công hội Trung Quốc và Tổng công hội thống nhất (Pháp).

Những chỉ dẫn đó đã được phản ánh ngay trong Luận cương chính trị (10-1930) của Trần Phú. Điều lệ Tổng công hội Đông Dương được Hội nghị Trung ương thông qua, có đoạn:

"Tổng công hội Đông Dương tổ chức vừa ngang vừa dọc. Hết thảy các Công hội sản nghiệp trong một địa phương thống nhất làm một Tổng công hội, vậy là ngang. Trong một địa phương, các Công hội sản nghiệp thuộc một thứ kỹ nghệ (ví dụ như điện thống nhất làm một Công hội Kỹ nghệ điện) vậy là dọc".

Cũng xin lưu ý, trên Tạp chí Quốc tế Công hội đỏ (9-1935) có đăng bài Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản Đông Dương và những nhiệm vụ của

¹ Đại hội này có 538 đại biểu của 61 nước. Đoàn Việt Nam có Lê Văn Kiệt (tức Rêmi, tốt nghiệp Đại học Phương Đông), Hoàng Bình và Phạm Văn Đức.

chúng ta của khai-en (tức Lê Hồng Phong). Đây là bản "tổng kết" đầu tiên của Đảng ta về tổ chức Công hội đỏ Việt Nam. Bên cạnh việc khẳng định vai trò to lớn của tổ chức này với cách mạng Việt Nam trong cao trào năm 1930 - 1931 cũng như với chính giai cấp công nhân, bài viết đã phê bình "tính dập khuôn, máy móc chưa thực thích nghi với điều kiện nước mình".

Rõ ràng, Công hội đỏ Việt Nam - hình thức tổ chức liên minh giai cấp đầu tiên - của phong trào công nhân nước ta đã bộc lộ những dấu ấn lịch sử rõ rệt với những "di sản xa" và "di sản gần" mà nó tiếp nhận. Công hội đỏ Việt Nam đã đi đầu trong cuộc "ra quân đầu tiên, trong đó công nông vùng ra những nghị lực phi thường" (Lê Duẩn). Nhưng Công hội đỏ Việt Nam vẫn chưa thực hiện được sự thống nhất toàn quốc, điều mà tổ chức công đoàn chỉ làm được sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, (1945)¹.

3. Thời kỳ Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936 - 1939), trong điều kiện mới của tình hình quốc tế và trong nước, công nhân nước ta đã kịp thời chuyển mô hình tổ chức - sửa đổi khá nhiều về mô hình và chức năng của Công hội đỏ, dù giữ vững nguyên tắc tổ chức cơ bản - bước qua thời kỳ Ái hữu - nghiệp đoàn.

Khẩu hiệu "Tự do - Cơm áo - Hòa bình" đối với giai cấp thợ thuyền thời kỳ Mặt trận Bình dân chính là Tự do nghiệp đoàn và hàng loạt yêu cầu cụ thể: ngày làm 8 giờ, tăng lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội, chế độ lao động..

Để đưa Công hội ra công khai, người ta hướng tới các hình thức ái hữu, tương tế truyền thống... Vì thế, trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VI (10 - 1936) đã viết:

"Từ nay về sau, chỗ nào mà Công hội khó tổ chức thì vô luận lấy tên gì mà các đồng chí có thể làm công tác cho công hội là được... Tên hội chỉ là cái vỏ bên ngoài thật ít quan trọng".

Giai đoạn 1936 - 1937, ở khắp nơi cùng với cuộc đấu tranh đòi chính quyền thực dân thực hiện quyền tự do nghiệp đoàn, các Ái hữu đã xuất hiện, chủ yếu theo nghề nghiệp.

¹ Trong cuốn: Sơ lược lịch sử phong trào công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam, NXB Lao Động 1959, đồng chí Hoàng Quốc Việt cũng đánh giá cao tổ chức này trong việc "đòi quyền lợi hàng ngày và đoàn kết chống đế quốc, giải phóng dân tộc".

Đảng đã nhận xét: "Ở khắp nơi trong 3 kỳ đều có các tổ chức Ái hữu làm nhiệm vụ tập hợp quần chúng để rèn luyện, dìu dắt lẫn nhau, nâng cao trình độ nghề nghiệp, chính trị và văn hóa, đồng thời hướng quần chúng đấu tranh đòi các quyền lợi kinh tế hàng ngày...".

Như vậy là trong công tác công vận, Đảng ta đã dần khắc phục được sự cứng nhắc về tổ chức, cái phải hướng tới chỉ là tổ chức ấy thực hiện được những mục tiêu của phong trào công nhân và của cách mạng.

Từ cuối năm 1937 - 1938, trên cơ sở các Ái hữu, chúng ta tiến thêm trong việc lập ra các Nghiệp đoàn khi điều kiện cho phép, với quy mô lớn hơn, liên kết toàn ngành, nhiều ngành và nhiều tỉnh, toàn xứ.

Có điều, thời kỳ đấu tranh dân chủ công khai là "ngàn năm có một" với xứ thuộc địa, nên hình thức Ái hữu - Nghiệp đoàn cũng chỉ tồn tại ngắn ngủi như chính bản thân Mặt trận Bình dân.

4. Đại chiến thứ 2 bùng nổ (9-1939) cũng là lúc Cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ phát triển mới với những hoạt động chuẩn bị lực lượng chính trị vũ trang, khởi nghĩa từng phần khẩn trương chưa từng có. Nhiệm vụ hàng đầu là phản đế, tập trung mũi nhọn chống đế quốc, "sấm vũ khí đũa thủ chung" giành lại độc lập dân tộc.

Năm 1940, tại Hội nghị Trung ương lần thứ VII ở Đình Bảng (Bắc Ninh), Đảng ta đã có ý tưởng về Hội công nhân phản đế, trong đó kết nạp những phần tử ưu tú, trung kiên của các hội Ái hữu - Nghiệp đoàn, chuyển từ công khai, trở lại môi trường bí mật.

Đến tháng 5-1941, với Hội nghị Trung ương lần thứ VIII lịch sử, sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược căn bản, sâu sắc và hiệu quả hơn.

Chủ trương thành lập Hội công nhân Cứu quốc thực sự là hình thức tổ chức thứ 3 của tổ chức Công đoàn Việt Nam trước 1945. Đây là Sự thay đổi độc đáo trong mô hình tổ chức: Nếu như các công hội (đỏ) chỉ kết nạp những "công nhân ưu tú", thì nay trước yêu cầu mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, Hội công nhân cứu quốc chủ trương kết nạp tất cả những người làm công ăn lương trong các xí nghiệp hay ngành nghề tự do. Như vậy bất kỳ là công nhân, cai, ký hay đốc công đều có thể gia nhập Hội này.

Nhiệm vụ của hội cũng tập trung vào việc chống đế quốc Pháp, Nhật, phá hoại kinh tế của địch, đòi quyền lợi hàng ngày (tăng lương, giảm giờ làm, chống đánh đập khủng bố) (NQ Xứ ủy Bắc Kỳ, 17-1-1941).

Hội công nhân cứu quốc vì thế đã đông đảo, rộng rãi hơn. Trong thời "tiền khởi nghĩa" (sau 9-3-1945), Hội còn có nhiệm vụ tổ chức các đội tự vệ chiến đấu bí mật, huấn luyện họ, in ấn tài liệu, nâng cao giác ngộ quần chúng và trực tiếp tham gia các hoạt động chính trị - vũ trang xây dựng "chính quyền Việt Minh", các chiến khu cách mạng.

Và trong giờ phút quyết định của cuộc "Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi tương đối mau lẹ, ít đổ máu", Hội công nhân cứu quốc đã đóng vai trò to lớn khi chính giai cấp công nhân ở đô thị, các vùng công nghiệp là "đội xung kích" của lực lượng chính trị rộng lớn - yếu tố quyết định cho thắng lợi của Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

Tuy vậy, Hội công nhân cứu quốc cũng chỉ mới có lực lượng, cơ cấu tổ chức ở Bắc - Trung Kỳ, còn ở Nam Kỳ do những điều kiện riêng nên lại là Thanh niên tiên phong Ban xí nghiệp, như ở phần trên đã đề cập.

VI. KẾT LUẬN

1. Giai cấp công nhân Việt Nam được hình thành và lớn mạnh trong điều kiện một nước thuộc địa, là sản phẩm xã hội trực tiếp của các chương trình khai thác thuộc địa "công nghiệp hóa cưỡng bức" của chủ nghĩa thực dân phương Tây.

Một đội ngũ giai cấp non trẻ, số lượng ít ỏi, nhưng do những đặc điểm lịch sử khá đặc biệt, giai cấp công nhân Việt Nam có nhiều lợi thế nội tại và thời đại, đã nhanh chóng bước lên vũ đài chính trị, trở thành giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua Đảng tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cuộc đấu tranh giành quyền lãnh đạo cách mạng giữa hai khuynh hướng dân tộc xã hội chủ nghĩa và dân tộc tư sản diễn ra song song với cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Địa vị lịch sử, những ưu việt bẩm sinh của giai cấp công nhân nước ta đã thể hiện rất rõ trong thắng lợi cơ bản đầu tiên này, trong khi đối thủ tư tưởng của nó là Việt Nam quốc dân đảng và giai cấp tư sản dân tộc lại nhỏ bé về thế lực kinh tế, bạc nhược về chính trị. Vả lại, sau khi Tưởng Giới Thạch phản biến (4-1927), chủ nghĩa Tam Dân cũng không còn sức hấp dẫn.

Khó ở nước thuộc địa nào lại có một sự kết hợp độc đáo như vậy giữa các yếu tố: Công hội đỏ, phong trào công nhân và phong trào yêu nước để tạo nên Đảng Cộng sản. Giai cấp công nhân Việt Nam không chỉ chuyển

nhanh, vững chắc từ tự phát lên tự giác mà còn đảm đương vai trò cơ sở xã hội cho việc thành lập Đảng. Lực lượng tiểu tư sản trí thức, theo con đường của Nguyễn Ái Quốc, lại biết chủ động "vô sản hóa" mình trong môi trường công nhân. Đó cũng là một "bí quyết" của cách mạng Việt Nam.

2. Giai cấp công nhân Việt Nam không chỉ là giai cấp lãnh đạo cách mạng mà còn "cùng với nông dân tạo thành đội quân chủ lực" của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ. Điều này cũng ảnh hưởng lớn đến quá trình vận động cách mạng, xây dựng lực lượng và phương thức khởi nghĩa giành chính quyền độc đáo của Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945).

Phong trào công nhân cũng như phong trào công đoàn, "vấn đề nội bộ" của giai cấp công nhân ở nước ta, vì thế cũng gắn chặt với vấn đề liên minh công - nông, vấn đề mặt trận, kể cả vấn đề quan hệ quốc tế.

Dựa vào nông thôn, nhưng lại coi trọng đô thị, kiên quyết bám chắc giai cấp công nhân "nhanh chóng kết thúc chế độ thuộc địa ở nơi đầu não của nó, một sự sắp xếp lực lượng như thế cũng lại là "bí quyết" nữa của cách mạng Việt Nam.

3. Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam được biểu hiện ở nhiều mặt. Họ không chỉ có sự mệnh giải phóng dân tộc, giải phóng Đông Dương mà còn có sự mệnh bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và phát triển lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một xứ thuộc địa.

Bản thân phong trào cộng sản và phong trào công nhân có quan hệ biện chứng. Phong trào cộng sản là kết quả của phong trào công nhân, nhưng chính nó lại là nguyên nhân, động lực thúc đẩy phong trào công nhân.

Chế độ thuộc địa - tư bản ở Việt Nam đã do chủ nghĩa thực dân áp đặt thì cũng rất có thể có chủ nghĩa cộng sản từ bên ngoài đưa vào. Khi Nguyễn Ái Quốc và Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đưa Chủ nghĩa xã hội vào Việt Nam thì đã có mảnh đất tốt là giai cấp công nhân. Và chính sự phát triển của phong trào công nhân lại khiến cho phong trào cộng sản Việt Nam có biết bao sáng tạo quý báu.

Chính đáng của giai cấp công nhân - sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam - đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng

lợi khác: Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời: kháng chiến chống đế quốc Mỹ thành công, nước Việt Nam thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, giai cấp công nhân đang thực hiện sứ mệnh lịch sử vẻ vang của mình: Lãnh đạo sự nghiệp chấn hưng dân tộc, làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh của nhân dân thế giới cho hòa bình, độc lập dân tộc dân chủ và tiến bộ xã hội.

Bản sao lưu trữ

CHƯƠNG THỨ HAI

BÁC HỒ VỚI GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM TRONG CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ

I TRONG THỜI KỲ VẬN ĐỘNG THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra vào lúc thực dân Pháp đang ráo riết triển khai trên qui mô lớn cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất trên đất nước ta. Đó cũng chính là thời kỳ chủ nghĩa thực dân Pháp đang "thai nghén" giai cấp Công nhân Việt Nam, người có sứ mạng đặt cây thập tự cáo chung lên nền thống trị của Pháp ở Đông Dương. Cũng trong thời kỳ đó, công cuộc giải phóng đất nước đang khủng hoảng sâu sắc về đường lối, tình hình đất nước "đen tối như không có đường ra".

Với tinh thần yêu nước nồng nàn và lòng thương dân sâu sắc, một sự thôi thúc bên trong mãnh liệt, một nghị lực phi thường, một quyết tâm không gì lay chuyển nổi, năm 1911, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi tìm chân lý cách mạng. Đây chính là lúc nhân loại đang bước vào ngưỡng cửa của thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, thời đại cách mạng vô sản gắn với sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa.

Tại Sài Gòn, do những hoàn cảnh khách quan đặt ra, Nguyễn Tất Thành có theo học một thời gian ngắn ở trường kỹ nghệ thực hành Sài Gòn Chợ Cũ, gần xưởng Ba Son. Đó chính là - theo nhận xét của nhà sử học Pháp S.Phuốcniô - dấu hiệu chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc muốn tiếp xúc thực sự với kỹ thuật phương Tây như một người thợ: "Việc chuyển từ một thầy giáo thành một học sinh trường kỹ nghệ là một điều kỳ lạ ở một nước vốn khinh rẻ công nghệ và nghề thợ. Cho nên anh thanh niên cách mạng ấy đến với trường kỹ nghệ không phải để tập sự một nghề mà chủ yếu để tiếp xúc với kỹ thuật phương Tây, với những con người tiến hành kỹ thuật đó, nghĩa là với giai cấp công nhân"¹.

¹ S.Phuốcniô - Hồ Chí Minh, đồng chí của chúng ta, Paris, 1970, tr.21.

Đây là mốc mở đầu cho chặng đường dài gắn bó giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với giai cấp công nhân Việt Nam, đồng thời mở đầu quá trình nhận thức của giai cấp công nhân về vai trò, sứ mệnh lịch sử của mình.

Trong cuộc hành trình cứu nước, Nguyễn Tất Thành đã đặt chân khắp châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Mỹ. Ở nước ngoài, Anh làm một công nhân bình thường, lao động để sống và hoạt động cách mạng. Người có điều kiện chứng kiến tận mắt cảnh khổ nhục của những người dân mất nước, đặc biệt là những người công nhân, nông dân.

Mặc dù lăn lộn ở nước ngoài, nhưng Nguyễn Ái Quốc theo dõi sát tình hình trong nước và Người không bao giờ bỏ qua một hành vi bạo ngược nào của kẻ đi "khai hóa". Nguyễn Ái Quốc phản ánh kịp thời và thường xuyên những cử chỉ "văn minh" đó của bọn đế quốc trên các phương tiện sách, báo. Một ví dụ: Ngày 1 tháng 8 năm 1922, trên tờ báo "Người cùng khổ" Nguyễn Ái Quốc đã viết bài "Khai hóa giết người". Bài báo kể lại câu chuyện đau lòng của một người Việt Nam làm công cho sở xe lửa Nam Kỳ đã 25 năm, bị một vị chức người da trắng giết, bằng cách đẩy anh ta vào đồng than hồng, chỉ vì anh ta làm đúng lệnh đóng cầu 10 phút trước khi xe lửa đi qua, không cho một viên chức Pháp qua cầu¹.

Thời bấy giờ, ở nước Pháp nói riêng, ở các nước thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc phương Tây nói chung, lối hành hình cực kỳ dã man theo kiểu Lynsơ và những hành động khai hóa giết người là đầy rẫy và không sao kể hết. Nhiều người Việt Nam ở các nước thuộc địa đã mục kích những cảnh thương tâm đó. Nhưng có lẽ chỉ một mình người thanh niên công nhân Nguyễn Ái Quốc mới thấy rõ nguồn gốc cảnh bất công, tàn bạo của xã hội tư bản, trái tim Người xúc động thực sự trước đời sống khổ cực của những người lãnh đạo Việt Nam và ở các nước thuộc địa "... Không có một phút nào ông quên Tổ quốc mình đang bị giày xéo và đồng bào mình đang bị áp bức... Có thể nói là ông Nguyễn suốt ngày nghĩ tới Tổ quốc và suốt đêm mơ đến Tổ Quốc mình"².

Từ tình yêu dân tộc, tình yêu đất nước, Người đã đi đến đồng cảm với các dân tộc thuộc địa, với những người lao động, những người vô sản bị áp bức, bóc lột. Theo Người, "dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có

¹ Hồ Chí Minh. Toàn tập, tập 1, NXB Hà Nội. 1980, tr.62.

² Trần Dân Tiên. Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1975, tr. 50.

hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: Tình hữu ái vô sản"¹.

Khẳng định giai cấp công nhân và nhân dân lao động là những "giống người bị bóc lột, bị áp bức rất dã man". Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ kẻ thù của họ là bọn đế quốc, bọn "cá mập thực dân". Đối lập với kẻ sát nhân đó, tất cả đều là bạn: "Trong cuộc chiến đấu của chúng ta, chúng ta không cô độc, vì chúng ta có tất cả dân tộc của chúng ta ủng hộ và vì những người Pháp dân chủ, những người Pháp chân chính, đứng bên cạnh chúng ta..."².

Một tình cảm với Tổ quốc cháy bỏng, một nỗi đau mất nước của người Việt Nam và của các dân tộc thuộc địa, một lý tưởng cao cả: Giải phóng đồng bào và giành độc lập cho Tổ quốc - đó là Nguyễn Ái Quốc.

Tuy nhiên, những điều khám phá mới mẻ và thực sự quý giá đó của Nguyễn Ái Quốc chưa phải là điểm chốt trong cuộc hành trình cứu nước của Người. Vấn đề cuối cùng là đoàn kết, thống nhất, tổ chức lực lượng và đứng lên đấu tranh tự giải phóng. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động bị áp bức, bóc lột "chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình"³.

Sau trau dồi cho mình một cơ sở trí thức phong phú, một tình cảm cách mạng bao la và nồng cháy là điều kiện và yếu tố quan trọng để Nguyễn Ái Quốc nhanh chóng tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin chân lý của thời đại. Đó là chiếc "chìa khóa vàng" để Người thực hiện ý định đầu tiên và cũng là mục đích cuối cùng: giành cho kỳ được độc lập, tự do cho Tổ quốc, giải phóng đồng bào.

Sau khi trở thành người cộng sản, từ năm 1921, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu việc truyền bá chủ nghĩa Lênin vào Việt Nam. Năm đó, lần đầu tiên Nguyễn Ái Quốc nói đến một "nước Nga thợ thuyền", lần đầu tiên, Người nêu lên một thực tế ở nước ta là người Đông Dương muốn làm cách mạng, nhưng "không có một phương tiện hành động và học tập nào hết". Những năm sau đó, trong các bài viết của mình, Người vẫn tiếp tục khẳng định "tình trạng dốt nát của người dân bản xứ". Một trong những ý nghĩ về thuộc địa của Người là: "Trong tất cả các nước thuộc địa, ở các xứ Đông Dương già cỗi kia cũng như ở xứ Đahômây mới mẻ này, người ta không

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập I, Sdd, tr. 212.

² Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập I, Sdd, tr. 173.

³ Trần Dân Tiên. Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1975, tr. 33.

hiểu đấu tranh giai cấp là gì, lực lượng giai cấp vô sản là gì cả, vì một lẽ đơn giản là ở đó không có nền kinh doanh lớn về thương nghiệp hay công nghiệp, cũng không có tổ chức công nhân"¹, đó thực sự là những khó khăn chủ yếu trong hoạt động của Đảng Cộng sản Pháp. Tuy nhiên, điều căn bản nhất, theo Người, tư tưởng cách mạng của quần chúng luôn luôn sục sôi, khả năng cách mạng của họ là vô tận.

Khả năng cách mạng ấy sẽ trở thành hiện thực khi có điều kiện: "Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sục sôi, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến"².

Nguyễn Ái Quốc đã xác định rõ điều căn bản trong giai đoạn đầu đối với họ là vấn đề thức tỉnh. Phải thức tỉnh, giác ngộ và chỉ cho công nhân con đường giải phóng "Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rỗi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi"³. Đây chính là yêu cầu của phong trào cách mạng Việt Nam, của giai cấp công nhân Việt Nam. Để đáp ứng yêu cầu đó, trước sau đối với Nguyễn Ái Quốc "câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập"⁵.

Lời từ giã bạn bè đó của Nguyễn Ái Quốc được viết từ năm 1923. Thế nhưng, suốt trong quãng thời gian trước và sau đó, một điều trăn trở lớn đối với Người là làm thế nào để cho quần chúng vô sản hiểu rõ được vị trí của họ, tin tưởng ở sức mạnh ở chính bản thân họ, tin và hiểu chủ nghĩa cộng sản, rằng chủ nghĩa cộng sản không phải là cái gì xa lạ, mà trái lại, rất gần gũi họ. Chính vì vậy, cùng với việc xác định mục tiêu lý tưởng cách mạng cho mình, từ năm 1921, Hồ Chủ tịch đã tiến hành công tác đó một cách tích cực, thiết thực, cụ thể. Hàng loạt bài báo ký tên Nguyễn Ái Quốc đăng trong những tờ báo Pháp như *La Revue Communiste* (Tạp chí Cộng sản) năm 1921.

Báo *Le Liberaire* (Báo Tự do); Báo *L'humanité* (Báo Nhân đạo) năm 1922; Báo *La vie Ouvriere* (Báo Đời sống thợ thuyền) năm 1922; *Le Paria* (Người cùng khổ) năm 1922 v.v... là những tài liệu góp phần thức tỉnh ý thức dân tộc, thúc đẩy ý thức giai cấp của giai cấp vô sản, vạch rõ "kẻ thù duy nhất của họ nằm ngay trong bản thân cái chế độ này (tức chế độ tư

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập I, Sdd, tr. 26 và tr.10.

² Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập I, Sdd, tr. 26 và tr.10.

³ 4 Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập I, Sdd, tr. 10 và tr.174.

⁵ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập I, Sdd, tr. 129.

bản - tác giả)¹, rằng cách mạng thuộc địa phải đánh đổ bọn đế quốc và phong kiến tay sai.

Nhưng có lẽ điều mấu chốt nhất, có tính chất quyết định nhất đối với giai cấp công nhân, đối với cách mạng Việt Nam mà Hồ Chủ tịch đề cập tới là cách mạng Việt Nam phải đi theo con đường nào và do giai cấp nào lãnh đạo.

Về vấn đề thứ nhất, Nguyễn Ái Quốc khẳng định dứt khoát: Cách mạng Việt Nam phải đi theo con đường của cách mạng tháng Mười Nga, đi theo đường lối của Quốc tế cộng sản. Còn giai cấp lãnh đạo cách mạng, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ: "Trong thời đại hiện nay, giai cấp công nhân là giai cấp độc nhất và duy nhất có sứ mệnh lịch sử là lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng, bằng cách liên minh với giai cấp nông dân".

Như vậy, Nguyễn Ái Quốc là người Việt Nam đầu tiên đến được với Chủ nghĩa Mác - Lênin và tìm thấy ở đó con đường giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp - con đường cách mạng vô sản. Nguyễn Ái Quốc cũng là người Việt Nam đầu tiên thấy rõ bản chất sự tàn bạo của bọn chủ tư bản đối với những người công nhân, khiến "tình cảnh quá ư khốn khổ của họ, khốn khổ đến mức mà ở châu Âu người ta không thể tưởng tượng được"; nhận thấy ở giai cấp công nhân thuộc địa, giai cấp công nhân Việt Nam một tư tưởng cách mạng vô địch và cũng chính Người đã hết lòng ca ngợi tư tưởng cách mạng tiến công, tư tưởng cách mạng triệt để, thể hiện sự kết hợp đấu tranh giành độc lập dân tộc với đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội. Và điều quan trọng nhất từ đầu, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định vị trí tiên phong của giai cấp công nhân thuộc địa và một chế độ xã hội do chính giai cấp đó lãnh đạo - chế độ cộng sản - "hoàn toàn có thể áp dụng được ở châu Á". Là một công nhân và nhiều năm lăn lộn trong phong trào công nhân, Nguyễn Ái Quốc hiểu rõ những mặt yếu của giai cấp công nhân thuộc địa đặc biệt là giai cấp công nhân Đông Dương, nơi không có một chút quyền tự do, dân chủ nào. Đó là sự không hiểu biết đấu tranh giai cấp là gì, lực lượng giai cấp vô sản là gì. Đó là sự dốt nát, sự thành kiến với giai cấp công nhân Pháp. Đó là sự thiếu vắng tổ chức công nhân v.v...

Hiểu đúng giai cấp công nhân Việt Nam là một điều kiện cực kỳ quan trọng để những thời gian sau đó Nguyễn Ái Quốc có cơ sở tiếp tục rèn

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập I, Sdd, tr. 157.

luyện, giáo dục hướng dẫn họ để họ có khả năng giữ vững vai trò lịch sử toàn thế giới như Lênin đã dạy.

Từ những năm 1921-1925 trở đi, trên nền tảng ban đầu nhưng hết sức quan trọng: Giáo dục chính trị tư tưởng để thức tỉnh và định hướng cho giai cấp công nhân, Nguyễn Ái Quốc dẫn sâu thêm một bước trong việc đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Việc giáo dục tư tưởng cách mạng cho giai cấp công nhân trong giai đoạn này không chỉ đóng khung trong việc chỉ ra nỗi khổ nhục của họ, xác định kẻ thù của họ, thức tỉnh họ v.v... mà còn nêu ra những đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam, tư tưởng liên minh công - nông, những điều kiện và sự cần thiết của mối quan hệ giữa công nhân Việt Nam và công nhân quốc tế... Trên cơ sở những vấn đề đó, Nguyễn Ái Quốc đã đi sâu hơn vào hoạt động tổ chức, đem đến cho họ bộ tham mưu chiến đấu của mình.

Trước lúc Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, giai cấp công nhân mới ra đời và phong trào công nhân đã bùng nổ, tuy còn ở trình độ tự phát.

Nhưng rõ ràng đó là những tiền đề rất quan trọng cho Người có thể nhận định đúng xu thế cách mạng và mạnh dạn đi vào con đường cách mạng mới của thời đại.

Những năm từ giữa thập kỷ 20 trở đi, giai cấp công nhân Việt Nam đang trưởng thành nhanh chóng về cả hai mặt số lượng và chất lượng. Những đốm lửa cách mạng vô sản đã được nhen nhóm. Nhưng muốn có một ngọn lửa to lớn để thiêu cháy cả chế độ thuộc địa nửa phong kiến thì phải tiếp tục giác ngộ, giáo dục rèn luyện, tổ chức giai cấp công nhân. Vấn đề đặt ra lúc này là Cách mạng trước hết phải có cái gì? Nguyễn Ái Quốc khẳng định: Cách mạng muốn thắng lợi trước hết phải có Đảng cách mạng chân chính, Đảng theo chủ nghĩa Lênin. Đó là Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam.

Vận dụng sáng tạo con đường của Lênin, ở Việt Nam, trong những năm 1925 - 1930, Hồ Chủ tịch đã viết tác phẩm Đường Kách mệnh và cho ra đời tuần báo Thanh niên để đào tạo cán bộ, giáo dục công nhân và tiếp tục đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào cách mạng. Những bài viết của Nguyễn Ái Quốc đã tập trung nêu lên những vấn đề cơ bản như: Là lao động và là dân bán xứ, giai cấp vô sản ở Đông Dương bị hai lần bóc lột; họ "tay không chân rỗi" đúng theo nghĩa vô sản. Vì vậy, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới. Công nhân

cùng với nông dân là hai lực lượng bị áp bức nặng nề nhất, nhưng lại đồng nhất. Vì vậy "lòng cách mạng của họ càng bền" và họ là "người chủ cách mệnh" là "gốc cách mệnh". Người cũng chỉ rõ mối quan hệ khăng khít giữa giai cấp công nhân Việt Nam và giai cấp công nhân quốc tế, đặc biệt là công nhân Pháp, Trung Quốc, Ấn Độ... Đặc biệt Người nhấn mạnh đến tư tưởng cách mạng tiến công, tinh thần cách mạng phải làm đến nơi, tức là "làm cách mạng để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới"¹. Có làm cách mạng đến nơi thì "thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thì dân chúng mới được hạnh phúc"²; "Nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối"³. Xác định tính triệt để của cách mạng giải phóng dân tộc, gắn cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản, Người đã đặt giai cấp công nhân Việt Nam vào đúng vị trí tiên phong của nó.

Tuy nhiên, Người không dừng lại ở luận điểm cần phải có Đảng để lãnh đạo cách mạng một cách chung chung, trừu tượng. Đảng ở đây có sứ mệnh lớn lao, có tổ chức chặt chẽ, có nhiệm vụ cụ thể rõ ràng: "Trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi"⁴. Sứ mệnh lớn lao của Đảng cũng tức là sứ mệnh của giai cấp vô sản Việt Nam, gắn chặt cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản thế giới.

Tự mình gương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đoàn kết nhân dân trong nước, đánh đổ chủ nghĩa đế quốc đang thống trị đất nước mình. Thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam là điều kiện giải phóng giai cấp vô sản Việt Nam, đồng thời cũng đóng góp vào thắng lợi chung của phong trào cách mạng vô sản thế giới.

Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam với sứ mệnh lớn lao như vậy đã chứng tỏ rằng: "Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng"⁵.

Học thuyết về Đảng của giai cấp công nhân là phần máu thịt, cốt tủy của giai cấp công nhân.

Đảng cộng sản như Lênin từng chỉ rõ: "Nó là sản phẩm của lịch sử và được hình thành bằng những con đường đặc biệt, tùy theo điều kiện

¹ 2. 3. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 2, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1981, tr. 192 và 206.

⁴ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập II, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1981, tr. 188.

⁵ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập II NXB Sự Thật, Hà Nội, 1980, tr. 152.

không gian và thời gian"¹. Nguyễn Ái Quốc đã nắm vững tư tưởng cơ bản trong luận điểm của Lênin và Người vận dụng sáng tạo luận điểm đó vào hoàn cảnh Việt Nam, một nước vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, ở đó giai cấp công nhân nhỏ bé, mới bước lên vũ đài chính trị, đại đa số nhân dân là nông dân. Người không chỉ tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin trong phong trào công nhân, mà còn tuyên truyền sâu rộng trong phong trào yêu nước. Và chính Đảng ta, do Người sáng lập, đã ra đời trên cơ sở "kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam"². Đó là cống hiến xuất sắc mà Người đã đóng góp vào kho tàng học thuyết về Đảng chủ nghĩa Mác - Lênin.

Đảng và những vấn đề xây dựng Đảng bao giờ cũng gắn bó chặt chẽ, mật thiết với nhau. Trong khi nêu ra sự cần thiết phải có Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng quán triệt - mặc dù chưa phải cả một hệ thống luận điểm những vấn đề xây dựng Đảng. Có thể nêu ra một số điểm chủ yếu thuộc nguyên tắc xây dựng Đảng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cập trong quá trình vận động thành lập Đảng.

Một là: Đảng Cộng sản Việt Nam là bộ tham mưu chiến đấu, là đội tiên phong của giai cấp công nhân và mang đầy đủ tính chất giai cấp công nhân. Lập trường giai cấp công nhân là lập trường của Đảng. Một người, khi vào Đảng, dù xuất thân từ thành phần giai cấp nào, cũng phải từ bỏ lập trường, quan điểm và lợi ích của giai cấp cũ, để đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, đấu tranh cho lợi ích của giai cấp công nhân và của dân tộc.

Hai là: Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, làm kim chỉ nam cho hành động. Đây là một vấn đề thuộc tính nguyên tắc, quyết định bản chất cách mạng của Đảng và toàn bộ tiến trình phát triển của cách mạng. Trong những năm tháng của "Thời dựng Đảng", đến hôm nay và tận cả mai sau, chủ nghĩa Mác - Lênin "Chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất" - vẫn là ngọn hải đăng soi sáng con đường cách mạng của tất cả các dân tộc.

Ba là: Đảng luôn luôn là một khối thống nhất, đoàn kết, kỷ luật nghiêm, Đảng phải liên hệ chặt chẽ với quần chúng và chăm lo lợi ích của quần chúng.

¹ Xem - Lênin. Toàn tập - Tập VI. Tiếng Việt, NXB Tiến Bộ, Mátxcova 1974, tr. 308.

² Hồ Chí Minh, Tuyển tập, Tập II, NXB Sự Thật, HN, 1980.

Bốn là: Đảng bao gồm những người "tin theo chủ nghĩa Đảng, phục tùng pháp luật Đảng".

Xây dựng Đảng vững mạnh là góp phần quan trọng giữ vững vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, mang lại cho giai cấp công nhân sức chiến đấu cao, lập trường cách mạng kiên định. Đó là vấn đề quan trọng vào bậc nhất để đưa cách mạng đến thắng lợi hoàn toàn.

Đầu thế kỷ XX, khi cách mạng Việt Nam chưa có lối ra, thì Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước. Việc Nguyễn Ái Quốc nhanh chóng hòa nhập vào đời sống người thợ và trở thành một công nhân, là một bước ngoặt căn bản trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, cũng là bước ngoặt đối với cách mạng Việt Nam nói chung, với giai cấp vô sản Việt Nam nói riêng. Căn bản định hướng cho cách mạng Việt Nam được mở đầu bằng những nhận thức đúng của Bác Hồ về thân phận, đặc điểm và cuối cùng là vai trò, sứ mệnh của giai cấp công nhân Việt Nam.

Công lao to lớn của Bác Hồ là đã đưa giai cấp công nhân từ chỗ không được ghi tên trong danh sách "mười hạng người đồng tâm cứu nước", mà một nhân vật lỗi lạc nhất trong phong trào cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX - Cụ Phan Bội Châu - đã nêu ra, trở thành một lực lượng cơ bản của cách mạng và cùng với nông dân thành đội quân chủ lực của cách mạng. Chính Bác Hồ là người Việt Nam đầu tiên khẳng định chỉ có giai cấp công nhân là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn luôn gan góc, đương đầu với bọn đế quốc thực dân. Người đã sớm trao vũ khí sắc bén nhất của thời đại - tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin cho giai cấp công nhân để họ đảm đương được sứ mệnh của giai cấp độc lập và duy nhất đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản và lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng.

Phrăngxoa Biu, một người có quan hệ gần gũi với Bác Hồ, đã viết trong hồi ký "Từ người cùng khổ đến Vị Chủ tịch nước" như sau: "Tôi biết phải kinh qua nhiều khó khăn, phải kiên trì, cố gắng, nhưng sự tồn tại của một Đảng Cộng sản ở Đông Dương sẽ tạo điều kiện để tổ chức và lãnh đạo đúng đắn công cuộc giải phóng dân tộc và xã hội ở Việt Nam"¹.

¹ 1. Báo Nhân dân, 10-10-1969.

II. CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM TRÊN CON ĐƯỜNG GIÀNH ĐỘC LẬP - TỰ DO (1930 - 1945)

Giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, cho đồng bào, đó không chỉ là hoài bão lớn lao của Hồ Chủ tịch, mà còn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của giai cấp vô sản. Và cũng chỉ có giai cấp vô sản mới có đủ khả năng hoàn thành sự nghiệp cách mạng vẻ vang đó.

Trên cơ sở phân tích sâu sắc tính chất của xã hội Việt Nam, một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến trong đó hai mâu thuẫn cơ bản nổi lên là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với chủ nghĩa đế quốc xâm lược và mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam, mà chủ yếu là nông dân, với giai cấp địa chủ phong kiến, chỗ dựa của chủ nghĩa thực dân, Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã đề cao vấn đề giải phóng dân tộc theo đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do, "Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng".

Từ năm 1930 đến năm 1940, mặc dù hoạt động ở ngoài nước, nhưng Hồ Chủ tịch rất quan tâm và thường xuyên theo dõi sát phong trào đấu tranh của công nhân, chỉ đạo kịp thời công tác tuyên truyền trong công nhân. Người thường nhắc nhở: "Đảng ta không những chỉ tăng cường công tác tuyên truyền trong công nhân mỏ ra và trong các ngành kinh tế quan trọng khác, mà còn phải chú ý đến những công nhân thất nghiệp, thợ thủ công ở thành thị và công nhân nông nghiệp"¹.

Nhận định về những mặt mạnh, mặt yếu trong phong trào đấu tranh của công nhân, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Do kinh tế khủng hoảng, nhiều công nhân bị thất nghiệp và nửa thất nghiệp, đời sống khổ cực họ liên tiếp nổi dậy đấu tranh quyết liệt, cuộc đấu tranh ấy có làm cho giai cấp công nhân giác ngộ thêm, song kết quả còn bị hạn chế, vì phong trào đấu tranh chưa đều và chưa liên tục"².

Hồ Chủ tịch cũng rất quan tâm, giúp đỡ, củng cố phát triển khối liên minh công - nông, thành quả cách mạng vĩ đại được xây dựng trong cao trào cách mạng 1930 - 1931. Người nhấn mạnh công nhân phải ủng hộ các cuộc đấu tranh của nông dân.

¹ Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tiểu sử và sự nghiệp, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1980, tr. 77.

² Sđd, tr. 77.

Từ tháng 11 năm 1939, trong những điều kiện và hoàn cảnh mới, Đảng ta đã xác định nhiệm vụ trung tâm của cách mạng là giải phóng dân tộc.

Hội nghị Trung ương lần thứ VIII dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc,

Người đã khẳng định: "Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"¹.

Giải phóng dân tộc, đó là tiếng gọi thiêng liêng, là trách nhiệm của mỗi người Việt Nam yêu nước, là sứ mạng cao cả của giai cấp vô sản.

Lịch sử khi đó đặt lên vai giai cấp vô sản một trọng trách: "Trong giai đoạn hiện tại quốc gia trước hết"². Và bởi thế, vấn đề cốt tử liên quan đến thành bại của cách mạng lúc này là Đảng, mà trước hết là những người trực tiếp chèo lái con thuyền cách mạng xác định đúng đắn vị trí của giai cấp công nhân trong đội hình lực lượng cách mạng. Cùng với công nhân là vấn đề đô thị, đô thị và công nhân, nếu được đặt chúng đúng vị trí, thì cách mạng sẽ thắng lợi.

Đảng ta, đứng đầu là Hồ Chủ tịch sớm nhận thức đúng đắn vấn đề đó, nên từ cuối năm 1939, mặc dù xác định "trọng tâm công tác chuyển về nông thôn, nhưng không bỏ rơi thành thị", "động lực cơ bản" đến "chủ nghĩa cách mạng" rồi "tiền phong quân".

Ở hội nghị Trung ương lần thứ VIII Hồ Chủ tịch và Đảng đã khẳng định rằng; "Lấy vận động công nhân làm công việc đầu tiên trong công việc tổ chức quần chúng của Đảng ta, nó là công việc đầu tiên trong công việc tổ chức quần chúng của Đảng ta, nó là công việc khó khăn phiền phức nên ta phải chịu tổn hao một lực lượng khá lớn để chăm lo nó: ta phải làm sao cho cuộc hoạt động trong thợ thuyền bước mau hơn ngoài thôn quê. Làm sao cho phong trào thợ thuyền trở nên một lực lượng tiên phong trong cuộc cách mạng giải phóng Đông Dương"³.

¹ 2. Văn kiện Đảng (1930 - 1945). Tập 3 - Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977, tr. 196.

³ Văn kiện Đảng (1930 - 1945) tập 3, tr. 219.

Trên cơ sở phân tích "phong trào nông dân và binh lính mạnh hơn và lấn át cả phong trào thợ thuyền; thôn quê mạnh hơn thành phố và các nơi kỹ nghệ"¹.

Hội nghị chủ trương: "Đảng cần chú ý phát triển cho đều theo sự quan hệ cần thiết của nó đặc biệt cần cốt yếu là những nơi đô thị tập trung, đồn điền, hầm mỏ... Ta phải làm sao cho cách mạng Đông Dương ở đô thị phong trào thợ thuyền lên cao và tiên phong cho các phong trào khác.

Đó là một sự đánh giá đúng đắn lực lượng công nhân và vai trò của thành thị trên con đường giành chính quyền cách mạng. Bởi vì trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), bọn phát xít Nhật - Pháp khủng bố dã man, kìm kẹp và theo dõi gắt gao mọi người Việt Nam yêu nước. Ở thành thị, phong trào cách mạng càng bị khủng bố dữ dội. Mặt khác, trong thời kỳ chiến tranh, thành thị đang từng bước trở thành trung tâm chính trị, kinh tế và là đầu não của kẻ thù.

Khẳng định vai trò của đô thị và phong trào thợ thuyền, một lần nữa, Hồ Chủ tịch và Đảng ta nhìn thấy sức mạnh to lớn và vai trò quyết định của giai cấp công nhân trong khởi nghĩa giành chính quyền.

Tuy nhiên, ở một thời kỳ cách mạng mà vấn đề dân tộc đặt lên "trên hết và trước hết" thì "vấn đề công nhân" và Đảng Cộng sản lãnh đạo là không đơn giản.

Để hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới theo đường lối chiến lược của Đảng đã vạch ra, Hồ Chủ tịch đã đưa ra một sáng kiến vĩ đại: Thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất mang tên Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh). Trong Mặt trận đó, giai cấp vô sản liên minh với các giai cấp xã hội khác, không phân biệt giàu, nghèo, già, trẻ, trai, gái, tôn giáo và xu hướng chính trị, để thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Mặt trận Việt Minh cùng với các mặt trận dân tộc thống nhất khác, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, là một trong những nhân tố thắng lợi của cách mạng, là vũ khí chính trị không thể thiếu để nhân dân ta phát huy sức mạnh tổng hợp của mình trong cuộc đấu tranh đánh đổ kẻ thù của dân tộc, giành lại độc lập, tự do và xây dựng cuộc sống mới.

Khẳng định vai trò to lớn của Hồ Chủ tịch với tư cách là người sáng lập ra Đảng của giai cấp công nhân và sáng lập ra Mặt trận Việt Minh,

¹ Văn kiện Đảng (1930 - 1945) tập 3, tr. 218.

đồng chí Trường Chinh viết: "Đồng chí Hồ Chí Minh hiểu rõ bản chất giai cấp của chủ nghĩa tư bản. Người hiểu rõ vai trò tiên phong của giai cấp công nhân. Nhưng Người là lãnh tụ của toàn thể nhân dân, của nông dân, của trí thức và các tầng lớp trung gian khác. Đối với Người, đó là những dòng nước, nhưng không phải là những dòng nước chần ngang nhau. Vai trò tiên phong của trào lưu này không loại bỏ trào lưu kia"¹.

Để vận động giai cấp thợ thuyền đứng vào Mặt trận Việt Minh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi bằng những tình cảm ưu ái:

"... Thợ thuyền ta phải đứng ra,

Trước ta cứu nước, sau ta cứu mình.

Cùng nhau vào Hội Việt Minh..."².

Đáp ứng lời kêu gọi đó, giai cấp công nhân đã tham gia vào đội hình của mặt trận như là một tổ chức độc lập: Công nhân cứu quốc hội. Sự ra đời của Hội công nhân cứu quốc trong tình hình mới của cách mạng, một lần nữa khẳng định sự đánh giá nhất quán, chính xác vị trí giai cấp công nhân của Hồ Chủ tịch. Đồng thời nó cũng chứng tỏ rằng Hồ Chủ tịch nhìn rõ khả năng phát huy yếu tố "thống nhất" dân tộc của giai cấp vô sản. Nhờ phát huy yếu tố đó mà giai cấp công nhân đã lôi kéo được cả dân tộc và trở thành ngọn cờ duy nhất lãnh đạo dân tộc.

Tóm lại, trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do từ năm 1930, đến năm 1945 mặc dầu Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ yếu hoạt động ở nước ngoài, nhưng Người vẫn nắm chắc phong trào cách mạng trong nước. Vấn đề to lớn nhất mà Người quan tâm là giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, của giai cấp công nhân đối với phong trào cách mạng. Chứng cứ là tháng 5 năm 1942, ở căn cứ địa Cao Bằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mở hai lớp huấn luyện về Đảng cho cán bộ trong Tỉnh ủy và các bí thư huyện ủy, nhằm nâng cao trình độ lý luận và năng lực chỉ đạo thực tiễn cho các đồng chí chủ chốt của căn cứ quan trọng này. Đồng thời, những vấn đề công nông liên minh, vị trí của công nhân trong Mặt trận dân tộc thống nhất, v.v... đều được Hồ Chủ tịch xác định rõ ràng, cụ thể.

Những tư tưởng đó về giai cấp công nhân đã được kết tinh lại trong những cuộc bãi công và đấu tranh chính trị ở thành thị. Đặc biệt đến tháng Tám năm 1945, công nhân nắm chặt tay nông dân - trực tiếp là

¹ Trường Chinh, Về công tác Mặt trận hiện nay, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1972, tr.28.

² Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 3 - NXB Sự Thật, Hà Nội, 1986, tr.18.

nông dân các vùng ngoại thành - cùng với tầng lớp nhân dân thành thị khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi. Các thành thị lớn khởi nghĩa thắng lợi đã có tác dụng vô cùng quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của cách mạng tháng Tám trong cả nước. Điều đó khẳng định rằng giai cấp công nhân đủ sức tiến lên bằng một bước nhảy vọt, kết thúc chế độ thuộc địa ở nơi đầu não của nó.

III. CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP, ĐỂ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC, VÌ HÒA BÌNH, ĐỘC LẬP, THỐNG NHẤT TỔ QUỐC (1945 - 1975).

Thắng lợi vẻ vang của Cách mạng tháng Tám đã tạo ra một bước nhảy vọt quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta. 'Lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới mười lăm tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc' ¹.

Nhưng cũng từ mùa thu lịch sử năm 1945, giai cấp công nhân Việt Nam, hơn ai hết, hiểu rõ rằng: "Giành chính quyền đã khó, giữ được chính quyền lại càng khó hơn". Đây là một trong những thời kỳ khó khăn phức tạp nhất của cách mạng, khi vận mệnh của Tổ quốc đã có lúc như "ngàn cân treo sợi tóc".

Đưa con thuyền cách mạng có thể lượn qua những mỏm đá ghềnh lượn tới đích cuối cùng, ngoài vấn đề có tính quyết tử là đi theo thường lối kháng chiến do Đảng và Hồ Chủ tịch đã vạch ra, thì việc sắp xếp, bố trí các lực lượng cách mạng lên trận tuyến kháng chiến, là một khâu hết sức quan trọng. "Kháng chiến, kiến quốc" là tư tưởng xuyên suốt cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược. Một mặt ta phải khắc phục những khó khăn chồng chất về kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ, củng cố chính quyền cách mạng còn non trẻ. Mặt khác, ta phải kháng chiến, kháng chiến thực sự, "phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước". Nhiệm vụ cách mạng đòi hỏi mỗi người, mỗi lực lượng, mỗi tổ chức phải đóng góp sức lực và trí tuệ của mình để giành lấy thắng lợi cuối cùng.

Ngày 29-4-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh quyết định để công nhân, lao động cả nước được nghỉ có lương ngày Quốc tế Lao động. Đây là sự khẳng định bằng luật pháp quyền tự do dân chủ, mà công nhân

và lao động nước ta đã bền bỉ đấu tranh, hy sinh xương máu suốt mấy chục năm ròng.

Để mang lại quyền lợi cấp bách và thiết thực cho nhân dân, trước hết là công nhân và nông dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị với Chính phủ bãi bỏ chế độ thuế khóa của thực dân Pháp và phong kiến, ban hành Luật lao động, bảo vệ quyền lợi cho công nhân.

Một trong những tư tưởng lớn của Hồ Chủ tịch là "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết". Tư tưởng đó được xuyên suốt ngay từ khi Đảng ta mới ra đời, qua hai cuộc kháng chiến, cho đến tận ngày nay. Người đặc biệt quán triệt tư tưởng đoàn kết trong công nhân, với tư cách là giai cấp lãnh đạo. Công nhân không phải đoàn kết trong nội bộ giai cấp mà còn phải đoàn kết toàn dân. Đoàn kết để giữ vững tự do và dân chủ.

Tư tưởng đoàn kết của Hồ Chủ tịch đã góp phần uốn nắn những sai lệch là đấu tranh giai cấp. Tức là Hồ Chí Minh đã "sửa đổi lối làm việc" cho chúng ta, trước hết cho giai cấp công nhân: "Nghe người ta nói giai cấp đấu tranh, mình cũng ra khẩu hiệu giai cấp đấu tranh, mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng"¹.

Trong khi lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn dân, Hồ Chủ tịch luôn luôn khẳng định: "Đảng Việt Nam phải là người lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, trung thành của giai cấp công nhân và nhân dân lao động của nhân dân Việt Nam, để đoàn kết và lãnh đạo dân tộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, để thực hiện dân chủ mới.

Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của cả dân tộc là một"².

Từ chỗ xác định rõ quyền lợi cho giai cấp công nhân, Người kêu gọi mỗi công nhân phải trở thành một chiến sĩ đấu tranh trên mặt trận của mình. Người nói: "Xã hội có cơm ăn, áo mặc, nhà ở, là nhờ người lao động. Xây nên giàu có, tự do, dân chủ cũng là nhờ người lao động... Vì vậy lao động là sức chính của sự tiến bộ loài người. Cũng là sức mạnh của sự giải phóng dân tộc"³.

Với tinh thần "kháng chiến thắng lợi, xây dựng dân chủ mới để tiến tới chủ nghĩa xã hội" và "kháng chiến trên hết, quân sự trên hết", Hồ

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập IV, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1984, tr.49.

² Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập IV, Sự Thật, Hà Nội, 1986, tr. 40

³ Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập V, Sự Thật, Hà Nội, 1985, tr. 88

Chủ tịch hết sức quan tâm đến lao động của công nhân nói chung, công nhân ngành quân giới nói riêng.

Anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa đã cho chúng ta biết một chi tiết khá cảm động về tình cảm của Bác đối với ngành quân giới Việt Nam: "Năm 1946, trên đường từ Pháp về nước, Bác nói với những người cùng đi: ở nhà không có gì đâu, nước ta thiếu máy móc, nguyên liệu, thiếu cả thợ lành nghề, tiền của ta lại ít...Các chú về phải chịu thương, chịu khó làm ăn đưa những cái đã học được ở nước ngoài về áp dụng thiết thực ở trong nước giúp đỡ và hướng dẫn anh em trong nước cùng làm"¹. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Bác nói với đồng chí phụ trách ngành quân giới lúc đó là Trần Đại Nghĩa: "Đây là một nhiệm vụ quan trọng và nặng nề. Chú cố gắng cộng tác với anh em, ra sức xây dựng ngành quân giới, phục vụ cho bộ đội. Đó là một việc có ý nghĩa rất lớn đối với dân, với nước"².

Cùng với Lời kêu gọi: "Thà chết chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", Bác Hồ đã kêu gọi giai cấp công nhân "chế nhiều vũ khí, dụng cụ, sản phẩm để đánh giặc và cung cấp cho nhân dân, hợp tác với chuyên môn để cải thiện kỹ thuật và điều kiện sản xuất, bảo vệ nhà máy, phá kinh tế địch bằng một cách".

Người cũng đặc biệt chú ý đến phong trào thi đua ái quốc của giai cấp công nhân: "Công nông thi đua sản xuất"³ để "Toàn dân sẽ đủ ăn, đủ mặc. Toàn bộ đội sẽ đầy đủ lương thực, khí giới để giết giặc ngoại xâm..."⁴.

Cố nhiên, căn bản công cuộc kháng chiến, kiến quốc, trong sự nghiệp xây dựng nền dân chủ mới, là "giai cấp công nhân là người lãnh đạo. Vì vậy mọi nam nữ công nhân phải cố gắng học hỏi, tiến bộ, phải cố gắng xung phong làm kiểu mẫu trong mọi việc để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của giai cấp mình"⁵. Người đánh giá rất cao tinh thần "không quản cực khổ khó nhọc, ra sức chế tạo đầy đủ vũ khí cho quân đội ta đánh giặc", và "trực tiếp xung phong hãm trận một cách rất anh hùng" của anh em công nhân. Từ đó, người đặt niềm tin vào công nhân "đã dũng cảm trong công

¹ 2. Chúng ta có Bác Hồ (hồi ký) Tập II, NXB Lao Động, Hà Nội, 1970, tr. 21 và 25.

³ Hồ Chí Minh. Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1970, tr. 82 và 81.

⁴ Hồ Chí Minh. Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1970, tr. 81.

⁵ Hồ Chí Minh. Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, Sđd, tr. 88.

việc kháng chiến, thì ắt cũng dũng cảm trong công việc kiến quốc"¹. Niềm tin của Người vào công nhân là niềm tin của Đảng, của dân tộc vào giai cấp lãnh đạo. Đó là một trọng trách, không những chỉ công nhân ở niềm tự do mà cả công nhân ở vùng tạm bị chiếm. Hoàn thành được trọng trách đó, tức là công nhân "đã có công với nước nhà" giúp cho "kháng chiến sẽ chóng thắng lợi, thống nhất và độc lập sẽ chóng thành công, toàn thể đồng bào lao động sẽ chóng được giải phóng"².

Cuộc kháng chiến thần thánh 9 năm của nhân dân ta giành được thắng lợi vẻ vang, đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội là một bài học quý, sáng ngời quan điểm và cách nhìn toàn diện của Chủ tịch Hồ Chí Minh về lực lượng cách mạng. Đưa công nhân, nông dân lên hàng đầu trong khối đoàn kết toàn dân, điều đó chứng tỏ Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá chính xác năng lực cách mạng của giai cấp công nhân, rằng "công nhân ta rất xứng đáng với cái tên vẻ vang là đội tiên phong của dân tộc ta"³ là "lực lượng vô địch trong sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc"⁴.

Từ năm 1954, Tổ quốc ta tạm bị chia làm hai miền với hai nhiệm vụ cách mạng khác nhau: miền Bắc hoàn toàn giải phóng và làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Nam đang bị đế quốc Mỹ và tay sai thống trị, tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Tuy nhiệm vụ cách mạng ở hai miền có khác nhau nhưng cũng chung một mục đích: "Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước"⁵.

Để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng vẻ vang nhưng nặng nề đó, Đảng phải huy động sức mạnh to lớn của Độc lập dân tộc kết hợp với sức mạnh của chủ nghĩa xã hội, tức là "Đảng phải dựa vào giai cấp công nhân, lấy công - nông liên minh làm nền tảng vững chắc để đoàn kết các tầng lớp khác trong nhân dân"⁶.

Mặt trận, theo Hồ Chủ tịch, là một mặt công tác hết sức quan trọng để tăng cường khối đoàn kết toàn dân. Người đòi hỏi giai cấp công nhân phải huy động tính sáng tạo và tinh thần tự giác của quần chúng nhân

¹ 2. Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập V, Sự Thật, Hà Nội, 1985, tr. 88, tr. 217 và 89.

³ 4. Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập V, Sdd, tr. 219 và 220.

⁵ Hồ Chí Minh, Tuyển tập, tập II, Sdd, tr. 185 và 277.

⁶ Hồ Chí Minh, Tuyển tập, tập II, Sdd, tr. 185 và 277.

dân, còn "cán bộ làm công tác Mặt trận phải tích cực và chủ động giúp đỡ cấp ủy đảng lãnh đạo công tác Mặt trận"¹.

Trong khi xác định nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vị trí quyết định nhất và cách mạng miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp, Đảng ta và Bác Hồ vẫn chỉ rõ: "Phải nâng cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình, thống nhất Tổ quốc"².

Với giai cấp công nhân và bộ tham mưu của nó Người vạch rõ:

Một là: "Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo"³.

Hai là: "Bản chất của giai cấp công nhân là đoàn kết đấu tranh"⁴.

Ba là: "Phải giáo dục quần chúng công nhân, viên chức làm tròn vai trò tiên phong cách mạng trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội"⁵.

Bốn là: "Lúc này chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước. Vì vậy, nhân dân miền Nam nói chung, công nhân nói riêng giành được những thắng lợi to lớn là để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, nhân dân ta ở miền Bắc vừa hăng hái thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa anh dũng chiến đấu bảo vệ miền Bắc và hết lòng ủng hộ miền Nam"⁶.

Rõ ràng, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh với giai cấp công nhân trong sự nghiệp cách mạng giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội là một quan điểm nhất quán về các mặt: vai trò tiên phong, lãnh đạo của giai cấp công nhân, liên minh công - nông là cơ sở của Mặt trận dân tộc thống nhất, công nhân mỗi miền, trong khi góp phần hoàn thành nhiệm vụ từng miền, chính là nhằm mục tiêu chung, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trong cả nước v.v... Đó là cái nhìn chính xác, phản ánh bản chất cách mạng và năng lực lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam.

Trong những điều kiện lịch sử cụ thể, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển nhận thức của mình về vai trò, vị trí của giai cấp công nhân một

¹ Hồ Chí Minh, Tuyển tập, tập II, Sđd, tr. 279 và 506.

² Hồ Chí Minh, Tuyển tập, tập II, Sđd, tr. 279 và 505.

³ 4. Hồ Chí Minh, Tuyển tập, tập II, Sự Thật, Hà Nội, 1980, tr. 527 và 534.

⁵ 6. Hồ Chí Minh, Tuyển tập, tập II, Sđd, tr. 527 và 367.

cách đúng đắn, phù hợp với nhiệm vụ cách mạng từng miền và nhiệm vụ chung cả nước. Nhưng, dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, nhận thức có phát triển đến mức nào, thì điều căn bản, cốt yếu nhất của giai cấp công nhân, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra vẫn không thể thay đổi: "Tiền đồ của giai cấp công nhân rất rộng và vẻ vang. Nó vừa cải tạo thế giới, vừa cải tạo bản thân mình"¹... "Giai cấp công nhân chẳng những đấu tranh để tự giải phóng mà còn để giải phóng cả loài người khỏi áp bức, bóc lột; cho nên lợi ích của giai cấp công nhân và lợi ích của nhân dân là nhất trí"². Đó là "làm cho cả nước không còn ai bị bóc lột, xây dựng một xã hội mới, trong đó mọi người sung sướng ấm no"³.

Tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước cách mạng, vượt qua tâm lý truyền thống nông dân, qua cả sự hạn chế của sĩ phu bậc cha anh đương thời, Nguyễn Ái Quốc đã đến với giai cấp công nhân và phong trào công nhân Việt Nam bằng con đường công nhân hóa đời sống. Là một người yêu nước, một công nhân, Người thực sự thông cảm và chia sẻ nỗi đau với giai cấp công nhân và nhân dân các nước. Từ đó, Người sớm nhận ra ý nghĩa vĩ đại của cuộc cách mạng tháng Mười và nhạy bén tiếp thu chân lý cách mạng của thời đại mới: Chủ nghĩa Lenin. Nguyễn Ái Quốc chính là sự kết tinh nguyện vọng độc lập của dân tộc và sứ mệnh lịch sử của dân tộc Việt Nam với xu thế cách mạng vô sản được mở đầu từ khi Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi.

Muốn triệt để giải phóng dân tộc chỉ có một con đường duy nhất là chiến đấu dưới ngọn cờ của giai cấp vô sản. Chân lý cách mạng đó của thời đại đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm nhận thức và Người đã kịp thời đáp ứng nhu cầu bức thiết của lịch sử dân tộc Việt Nam.

Có thể nói trong toàn bộ kho tàng tư tưởng và di sản cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc giải quyết vấn đề công nhân là quan trọng nhất. Đồng chí Lê Duẩn đã nhấn mạnh: "Xác định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân là vấn đề cốt tử của cách mạng thế giới cũng như ở trong mỗi nước"⁴.

¹ Hồ Chí Minh. Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội. NXB Sự Thật, Hà Nội, 1970. Tr. 180, 183 - 184 và 181.

^{2 3}. Hồ Chí Minh. Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1970, tr. 180, 183 - 184 và 181.

⁴. Lê Duẩn. Vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam và nhiệm vụ của Công đoàn trong giai đoạn trước mắt. NXB Sự Thật, Hà Nội, 1968, tr. 25.

CHƯƠNG THỨ BA

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI GIAI CẤP CÔNG NHÂN TRONG THỜI KỲ ĐẤT NƯỚC ĐỊNH HƯỚNG THEO CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. ĐƯA ĐẤT NƯỚC TIẾN DẦN THEO CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - LÝ TƯỞNG VÀ MỤC ĐÍCH CAO CẢ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Ngay từ năm 1920, ở Đại hội Tua của Đảng xã hội Pháp, khi bỏ lá phiếu tán thành ủng hộ Quốc tế III do Lênin sáng lập và cùng với những người cách mạng Pháp chân chính đứng ra thành lập Đảng Cộng sản Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trọn vẹn đặt niềm tin vào con đường cách mạng vô sản. Đánh đổ đế quốc, phong kiến giành độc lập cho dân tộc, đưa đất nước tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa, đã trở thành lý tưởng, mục đích phấn đấu suốt đời của Bác Hồ. Lý tưởng và mục đích cao đẹp đó nhất quán, xuyên suốt mọi hoạt động lý luận và thực tiễn của Người.

Từ "Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt" trình bày trong Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2 năm 1930, đến các bài viết, bài nói sau này, Chủ tịch Hồ Chí Minh trước sau đều kiên trì tư tưởng về chiến lược phát triển của cách mạng nước ta. Chiến lược đó là: sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến thẳng lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa¹. Hạt nhân căn bản trong tư tưởng chiến lược này của Người, không phải là ở chỗ; Tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua hoặc phủ nhận sạch trơn những thành tựu của chủ nghĩa tư bản - với tư cách là một hình thái kinh tế - xã hội hình thành nền tảng phát triển khá cao của sức sản xuất xã hội, mà là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa - một chế độ người bóc lột người. Đã có một thời gian dài chúng ta không hiểu đúng chiến lược

¹ Hồ Chí Minh: Giai cấp công nhân và Công đoàn, NXB Lao Động, Hà Nội, 1985, tr. 56.

phát triển cách mạng của Bác Hồ và do vậy đã làm lẫn bản chất chính trị với thành tựu kinh tế trong chủ nghĩa tư bản, dẫn đến những ấu trĩ tả khuynh trong nhận thức lý luận và hành động thực tiễn.

Xuất phát từ niềm tin sắt đá: đi lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu lịch sử vì nó đồng nhất với mơ ước khát khao của loài người về một xã hội hạnh phúc, công bằng, bác ái thật sự, cho nên ngay sau khi miền Bắc nước ta được giải phóng, Hồ Chủ tịch đã cùng Trung ương Đảng quyết định đưa miền Bắc tiến theo con đường chủ nghĩa xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh lại là người chỉ ra tính chất lâu dài, phức tạp, gian khổ của con đường tiến tới mục tiêu đó. Bác Hồ luôn luôn nhắc nhở: "Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ"¹.

Miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội trong lúc đất nước còn tạm thời bị chia cắt, cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam ngày càng phát triển, đòi hỏi Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng phải tập trung toàn bộ trí tuệ và sức lực chỉ đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Bác Hồ không có đủ điều kiện và thời gian để đầu tư suy nghĩ, xây dựng hoàn thiện mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Song, bằng nhãn quan chính trị sâu sắc, tầm nhìn cao rộng. Người đã chỉ ra rất rõ ràng những nhiệm vụ nặng nề phải làm và lường đoán trước những thử thách to lớn đối với dân tộc ta trong cuộc trường chinh lên chủ nghĩa xã hội. Người nói: "Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất. Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Chúng ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm. Chúng ta phải thay đổi quan hệ sản xuất cũ, xóa bỏ giai cấp bóc lột, xây dựng quan hệ sản xuất mới không có bóc lột, áp bức. Muốn thế chúng ta phải dần dần biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp... Chúng ta phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui, hạnh phúc. Chúng ta lại phải tiến hành những nhiệm vụ đó trong những điều kiện đặc biệt của nước ta, nghĩa là trên cơ sở của một xã hội mới vừa mới thoát khỏi ách thực dân, phong kiến, hết sức lạc hậu và trong hoàn cảnh nước ta đang bị chia cắt làm hai miền"².

^{1 2} Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 7, NXB Sự Thật, Hà Nội, tr. 784.

Do những hoàn cảnh và điều kiện lịch sử của những năm 50 và 60 quy định, Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa thể đưa ra những chỉ dẫn đầy đủ, cụ thể về các giai đoạn, các bước đi của cách mạng nước ta trên con đường đi tới mục tiêu chủ nghĩa xã hội, song Người đã nêu ra những quan điểm chỉ đạo có tính nguyên tắc - mà cho đến bây giờ, sau 35 năm thử nghiệm xây dựng chế độ xã hội mới, suy ngẫm lại lời dạy của Bác Hồ mới thấy thấm thía làm sao!

Trước hết, Bác Hồ nhấn mạnh sự cần thiết phải xuất phát từ điều kiện cụ thể của đất nước ta, để xác định những bước đi phù hợp, tránh rập khuôn, giáo điều. Phải đi lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường của Việt Nam, theo kiểu Việt Nam, trên cơ sở tham khảo (chứ không sao chép) kinh nghiệm của các nước anh em.

Thứ hai, Người căn dặn phải hết sức tôn trọng qui luật phát triển khách quan và cảnh giác đề phòng các căn bệnh duy ý chí, nôn nóng, chủ quan, phiêu lưu, mạo hiểm.

Trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước ta Bác Hồ thường căn dặn: "... Chúng ta phải dùng những phương pháp gì, hình thức gì, đi theo tốc độ nào để tiến dần lên chủ nghĩa xã hội? Đó là những vấn đề đặt ra trước mắt Đảng ta hiện nay"¹. Muốn giải đáp được những câu hỏi đó, theo Người: "Phải thiết thực đi từng bước, phải tiến vững chắc, phải nắm vững qui luật của cách mạng, phải tính toán cẩn thận những điều kiện cụ thể, những biện pháp cụ thể. Kế hoạch phải chắc chắn, cân đối. Chớ đem chủ quan của mình thay cho điều kiện thực tế. Phải chống bệnh chủ quan, tác phong quan liêu, đại khái"².

Ngay cả lúc Bác Hồ kêu gọi toàn Đảng, toàn dân "tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội" thì Người cũng nhắc nhở: "Tiến nhanh tiến mạnh là qui luật của chủ nghĩa xã hội, muốn sản xuất nhanh, nhiều, tốt, rẻ, thì phải có nhiệt tình cách mạng, nhưng lại còn phải hiểu biết và nắm vững khoa học"³ và tiến nhanh, tiến mạnh không phải là phiêu lưu, làm ẩu"⁴.

Cho mãi đến Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, cho đến tận bây giờ, sau nhiều năm tháng vấp váp, lầm lỡ đến đau xót, chúng ta mới giật

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 7, Sdd, tr. 784.

² Hồ Chí Minh, Giai cấp công nhân và... Sách đã dẫn, trang 133.

³ Hồ Chí Minh, Giai cấp công nhân và... Sdd, tr. 133.

⁴ Hồ Chí Minh, Giai cấp công nhân và... Sdd, tr. 132.

mình hiểu ra rằng: Từ rất sớm Bác Hồ đã từng cảnh tỉnh chúng ta về "thói kiêu ngạo cộng sản", đặt mình lên trên các qui luật phát triển xã hội. Mặt dù lãnh tụ đã dự báo, đã ngăn ngừa, song lịch sử vẫn đòi chúng ta phải trả học phí đắt vì duy ý chí đốt cháy các giai đoạn lịch sử muốn một sớm một chiều xây dựng thiên đường cộng sản trên trái đất.

II. TỪNG BƯỚC DƯA ĐẤT NƯỚC ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRƯỚC HẾT LÀ SỨ MỆNH VÀ NHIỆM VỤ LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 7 năm 1969, chưa đầy hai tháng trước khi "đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin"¹, Bác Hồ đã đến thăm và nói chuyện với các đồng chí lãnh đạo Tổng Công đoàn Việt Nam. Người nêu câu hỏi: "Ai là người xây dựng chủ nghĩa xã hội?" và tự trả lời: "Nói chung là những người lao động trong xã hội gồm công nhân, nông dân, trí thức cách mạng v.v... Nhưng lực lượng chủ chốt xây dựng chủ nghĩa xã hội là công nhân"². Bác Hồ luôn luôn đặt niềm tin lớn lao vào giai cấp công nhân, khẳng định sứ mệnh lịch sử và vai trò lãnh đạo của công nhân trong sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội mới.

Người khẳng định: "Để giành thắng lợi, cách mạng nhất định phải do giai cấp công nhân lãnh đạo. Vì nó là giai cấp tiên tiến nhất, giác ngộ nhất, kiên quyết nhất, có kỷ luật nhất và tổ chức chặt chẽ nhất"³.

Trong suốt 15 năm, kể từ khi miền Bắc nước ta bắt đầu thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa đến năm 1969 khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, mặc dù bận bịu trăm công nghìn việc với cương vị Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước, Bác Hồ vẫn dành nhiều thời gian, trí lực để đi thăm hỏi, nói chuyện với cán bộ, công nhân ở nhiều xí nghiệp trên các địa phương miền Bắc. Thông qua những bài viết, bài nói của mình, Bác Hồ đã chỉ ra cho giai cấp công nhân những nhiệm vụ lịch sử trong thời kỳ cách mạng mới.

Theo quan điểm của Bác Hồ, với tư cách là người chủ đất nước, là giai cấp lãnh đạo, trước hết, giai cấp công nhân phải đi đầu trong phong trào thi đua sản xuất và thực hành tiết kiệm để xây dựng chủ nghĩa xã hội,

¹ Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Chấp hành TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam, Hà Nội, 1989, tr. 35.

² Hồ Chí Minh, Tuyển tập, tập 2, tr. 528.

³ Hồ Chí Minh, Giai cấp công nhân và Sdd, tr. 56.

xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc và góp phần đắc lực vào cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Ngày 15 tháng 9 năm 1958, trong buổi gặp gỡ thân mật với cán bộ, công nhân mỏ thiết Tĩnh Túc (Cao Bằng) Bác Hồ đã đặt câu hỏi: "Là giai cấp công nhân, là giai cấp lãnh đạo thì phải làm gì?". Trả lời câu hỏi đó, Người nhấn mạnh:

"Lãnh đạo phải đi trước, phải gương mẫu sản xuất và tiết kiệm mới là lãnh đạo" "là công nhân làm chủ xí nghiệp, muốn làm chủ phải làm thế nào? Làm chủ là phải cố gắng làm việc chứ không phải làm chủ chỉ ăn no ngủ say"¹. Khi về thăm công trường xây dựng nhà máy xà phòng - cao su - thuốc lá ở Hà Nội ngày 24 tháng 2 năm 1959, người ân cần nhắc nhở cán bộ, công nhân: "Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng, muốn xứng đáng là giai cấp lãnh đạo cách mạng thì phải gương mẫu trong công tác. Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội, muốn nước nhà mau thống nhất, muốn tự do, sung sướng, mọi người phải khắc phục khó khăn, thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm"².

Như vậy, theo tư tưởng của Bác Hồ, trong thời kỳ xây dựng đất nước theo con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ hàng đầu của giai cấp công nhân là phải tiên phong trên mặt trận kinh tế, phải thể hiện vai trò, sứ mệnh của mình bằng sức mạnh kinh tế, bằng hoạt động kinh tế có hiệu quả chứ không phải bằng chính trị suông, bằng cái phẩm chất chính trị chung chung, siêu hình.

Đồng thời với nhiệm vụ sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát triển kinh tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chỉ rõ: Giai cấp công nhân cần tích cực tham gia quản lý guồng máy sản xuất, quản lý Nhà nước. So sánh vị trí chính trị của giai cấp công nhân trong hai thời kỳ cách mạng, Người phân tích: "Trước ngày giải phóng miền Bắc anh chị em công nhân ta là những người nô lệ (...), bây giờ công nhân làm chủ nước nhà, làm chủ xí nghiệp của mình"³, "mỗi công nhân phải biết mình là chủ, phải có tinh thần phụ trách trước Đảng, trước Chính phủ, trước tất cả các anh chị em nữa"⁴.

¹ Hồ Chí Minh, *Giai cấp công nhân và...* Sđd, tr. 40

² Hồ Chí Minh, *Giai cấp công nhân và...* Sđd, tr. 70

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 7, tr.804.

⁴ Hồ Chí Minh: *Giai cấp chủ nghĩa và...* Sđd, tr. 43.

Theo quan điểm của Bác Hồ, giai cấp công nhân, một mặt phải thông qua các tổ chức chính trị của mình để tham gia tích cực vào công tác quản lý Nhà nước. Mặt khác, giai cấp công nhân cần nhận thức sâu sắc mối quan hệ, giữa lợi ích Nhà nước - xí nghiệp - người lao động và mối quan hệ giữa dân tộc - giai cấp - cá nhân. Tham gia quản lý xí nghiệp chính là tham gia trực tiếp và quá trình quản lý Nhà nước. Người dạy: "Quản lý xí nghiệp nhằm mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Muốn tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm thì phải quản lý tốt... Phải phát động công nhân viên chức cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp"¹. Người luôn luôn căn dặn, khuyến khích, phát động công nhân thiết thực tham gia quản lý xí nghiệp, quản lý sản xuất, đấu tranh để xóa bỏ sự cách biệt tuyệt đối giữa người quản lý và người sản xuất. Theo Người: "Công nhân phải vừa sản xuất, vừa quản lý, cán bộ phải vừa quản lý vừa sản xuất"², có như vậy mới thực hiện được nguyên tắc quản lý, dân chủ trong xí nghiệp góp phần ngăn chặn được các tệ nạn tham ô, lãng phí, quan liêu.

Với nhận thức khoa học: Xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của quần chúng, trong đó giai cấp công nhân là lực lượng chủ chốt, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Giai cấp công nhân phải tập hợp, tổ chức hướng dẫn các lực lượng xã hội khác cùng tham gia xây dựng chế độ xã hội mới.

Từ luận điểm căn bản: liên minh giữa công nhân và nông dân đóng vai trò đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa quyết định thắng lợi không chỉ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc mà cả trong sự nghiệp xây dựng đất nước theo con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở: "Phải hiểu rằng giúp đỡ nông dân tiến bộ là một nhiệm vụ cách mạng của giai cấp công nhân. Đó không phải là một việc ban ơn..."³. Một khi hoàn cảnh lịch sử và nhiệm vụ cách mạng đã thay đổi. Trước khi giành được chính quyền, liên minh giữa công nhân và nông dân chủ yếu là liên minh chính trị - quân sự. Bước vào thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa, sự liên minh về kinh tế giữa hai giai cấp lại nổi lên hàng đầu, và được mở rộng thành mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn, công nghiệp với nông nghiệp, xí nghiệp với các hợp tác xã

¹ Hồ Chí Minh: Giai cấp công nhân và Sdd, tr. 52.

² Hồ Chí Minh: Giai cấp công nhân và Sdd, tr. 47.

³ Hồ Chí Minh: Giai cấp công nhân và... Sdd, tr. 110.

nông nghiệp... Muốn củng cố được quan hệ mật thiết với người bạn đồng minh chiến lược đông đảo, lôi cuốn họ đi vào quỹ đạo xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân trước hết phải sử dụng các biện pháp kinh tế tích cực, hiệu quả. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhấn mạnh những nội dung mới trong quan hệ liên minh giữa giai cấp. Từ sớm, trong bài báo nhan đề "Nhà máy giúp đỡ nông thôn" in trên tờ Nhân Dân ngày 18 tháng 7 năm 1960, Người đã chỉ rõ: "Nhà máy giúp nông thôn" là một việc rất hay, nó có ý nghĩa lâu dài và to lớn. Lênin dạy chúng ta rằng: "Lập quan hệ giữa nông dân và công nhân, xây dựng một hình thức bầu bạn, giúp nhau, giản đơn, dễ làm. Đó là một trong những nhiệm vụ căn bản của giai cấp công nhân, đã nắm chính quyền (...).

(...) Ý nghĩa chính trị - mỗi công nhân phải hiểu rằng, đó là nhiệm vụ chính trị quan trọng của mình. Công nhân phải lấy việc giúp đỡ thực tế để đoàn kết nông dân. Công nhân và nông dân đoàn kết càng chặt chẽ, thì liên minh công - nông càng vững chắc. Đó là đảm bảo chắc chắn cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi và đấu tranh thống nhất nước nhà thành công.

Ý nghĩa kinh tế - Việt Nam ta là một nước nông nghiệp... nông nghiệp phát triển tốt mới có thể cung cấp đầy đủ nguyên liệu và mở rộng thị trường tiêu thụ cho công nghiệp, và nâng cao đời sống của nhân dân (...).

(...) Công nhân giúp đỡ nông dân chẳng những có kết quả tốt về mặt vật chất, mà về mặt tinh thần cũng giúp đỡ nông dân nâng cao trình độ chính trị, tăng cường tư tưởng tập thể, tư tưởng xã hội chủ nghĩa"¹.

Bác Hồ còn phân tích mối quan hệ biện chứng giữa công nghiệp và nông nghiệp, coi đó là biểu hiện vật chất mối quan hệ giữa công nhân và nông dân, mà thiếu mối quan hệ tương tác giữa hai ngành quan trọng này nền kinh tế nước ta sẽ khập khiễng như người đi một chân. Người còn chỉ thị: Nhà nước vô sản cần có những chính sách giá cả, thuế nông nghiệp và chính sách đầu tư đúng đắn để đảm bảo quyền lợi của nông dân, khuyến khích nông nghiệp phát triển.

Những ý kiến của Bác Hồ đã được Đảng, Nhà nước và giai cấp công nhân nước ta triển khai thực hiện trong mấy chục năm qua. Đồng thời với những kết quả đạt được trong quá trình đưa nông dân đi vào con đường hợp tác hóa, xây dựng nông thôn mới, chúng ta cũng còn nhiều

¹ Hồ Chí Minh: Giai cấp công nhân và...Sdd, tr. 109 - 110.

hạn chế, thậm chí sai lầm, thiếu sót: Công nghiệp phục vụ nông nghiệp chưa hiệu quả, giúp đỡ nông dân, phục vụ nông nghiệp chưa trở thành tư tưởng, tình cảm tự giác, thường xuyên của các xí nghiệp, của bản thân giai cấp công nhân, chính sách đầu tư nông nghiệp, chính sách thu mua nông phẩm, chính sách thuế nông nghiệp... còn nhiều điều bất hợp lý, chậm được cải đổi, đường lối hợp tác hóa nông nghiệp còn nhiều điểm chưa phù hợp với nguyện vọng, quyền lợi của nông dân... Những thiếu sót này đã cản trở không ít quá trình củng cố, phát huy sức mạnh của khối liên minh công - nông.

Song song với việc nhắc nhở giai cấp công nhân về nhiệm vụ đoàn kết, giúp đỡ giai cấp nông dân, Hồ Chủ tịch rất quan tâm đến vấn đề xây dựng, củng cố quan hệ giữa người lao động chân tay và lao động trí óc. Người nói: "Trong sự nghiệp cách mạng, lao động trí óc có vai trò quan trọng và vẻ vang, và công, nông, trí, cần phải đoàn kết chặt chẽ thành một khối", trí thức phải "gắn gũi công nông"¹. Tư tưởng này của Bác Hồ hình thành vào những năm đầu sau khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, trong lúc đội ngũ trí thức được đào tạo từ chế độ cũ còn lại khá nhiều, đội ngũ trí thức mới chưa ra đời. Ví vậy, người căn dặn phải xóa dần sự tách rời giữa lao động chân tay và lao động trí óc, giữa công - nông và trí thức vốn là hậu quả do chính sách chia rẽ của thực dân đế quốc để lại, tạo ra sự đoàn kết chặt chẽ nhằm cùng nhau xây dựng một xã hội mới và tốt đẹp. Tư tưởng đoàn kết và nhân văn của Bác Hồ đã chinh phục trái tim, khối óc của lớp trí thức cũ, tuyệt đại bộ phận trí thức đã đi theo Đảng, theo cách mạng, đem trí tuệ phục vụ công - nông. Cho đến ngày nay, sau mấy chục năm rèn luyện, hầu hết những người trí thức lớp trước đã tự "lột xác", gắn bó máu thịt với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiều người đã trở thành cán bộ, đảng viên, giữ những trọng trách trong bộ máy Nhà nước. Lớp trí thức mới ra đời, ngày càng đông đảo. Họ vốn là con em công nhân, nông dân, là sản phẩm của chế độ xã hội mới. Giữa công nhân, nông dân với lớp trí thức mới này, và với cả lớp trí thức trước đã hóa thân cùng cách mạng, không còn sự cách biệt. Trong hoàn cảnh lịch sử mới, cần thiết phải thừa kế, thấm nhuần tư tưởng đoàn kết công - nông - trí của Bác Hồ theo một quan điểm phù hợp. Đã đến lúc không nên tách trí thức thành một tầng lớp riêng biệt mà phải coi đó là bộ

¹ Hồ Chí Minh: Bài nói chuyện với anh em trí thức ở lớp nghiên cứu chính trị khóa I, Trường Đại học Nhân dân Việt Nam, ngày 21 tháng 7 năm 1956. Tuyển tập, NXB Sự Thật, HN, 1960, tr. 589.

phận tình túy nhất của giai cấp công nhân, để đặt trọn vẹn niềm tin, tạo mọi điều kiện phát huy khả năng sáng tạo của lực lượng quan trọng này, đẩy nhanh cách mạng khoa học - kỹ thuật, đưa đất nước mau chóng thoát ra khỏi tình trạng bần cùng, lạc hậu.

Đối với các lực lượng xã hội khác, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn chỉ dẫn giai cấp công nhân phải có thái độ đúng đắn về đoàn kết, tập hợp, động viên họ góp công, góp của xây dựng đất nước. Người căn dặn;

"Giai cấp công nhân đoàn kết với những người thợ thủ công và những người buôn bán nhỏ vì họ là người lao động và họ vui lòng đi vào con đường hợp tác hóa, họ tán thành và ủng hộ cách mạng xã hội chủ nghĩa"¹.

Đối với tư sản dân tộc, Hồ Chủ tịch nhận xét: "Dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam đã ủng hộ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Từ ngày hòa bình lập lại, họ có đóng góp một phần trong công cuộc khôi phục kinh tế. Hiện nay chúng ta có điều kiện để cải tạo họ theo con đường xã hội chủ nghĩa...Giai cấp tư sản dân tộc sẵn sàng tiếp thu cải để góp phần vào công cuộc xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội"².

Trên cơ sở nhận thức khoa học về bản đồng minh của giai cấp công nhân trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong hoạt động thực tiễn, Chủ tịch Hồ Chí Minh với tư cách Người đại diện cao nhất của Nhà nước vô sản, đã ký những sắc lệnh khuyến khích sản xuất công - thương nghiệp trong những năm đầu hòa bình và chủ trương cải tạo giai cấp tư sản bằng phương pháp hòa bình, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế phát triển. Nhờ vậy công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục, mở mang kinh tế ở miền Bắc trong 10 năm sau chiến tranh đã thu được nhiều thành tựu quan trọng. Về sau, nhất là từ sau khi đất nước thống nhất, trong quá trình thực hiện các di huấn của Bác Hồ, chúng ta đã mắc sai lầm nóng, chủ quan, muốn xóa bỏ ngay lập tức các thành phần kinh tế được coi là phi xã hội chủ nghĩa, chỉ để lại hai thành phần quốc doanh - tập thể, muốn xóa bỏ ngay sự khác biệt về cấu trúc giai cấp công nhân xã hội chủ nghĩa và nông dân tập thể. Nhưng việc này chẳng những không đưa đất nước ta tiến nhanh hơn lên chủ nghĩa xã hội như chúng ta suy tưởng mà ngược lại - đã gây ra những khó khăn, trở ngại

¹ Hồ Chí Minh: Giai cấp công nhân và Sdd, tr. 93.

² Hồ Chí Minh: Giai cấp chủ nghĩa và Sdd, tr. 93.

không khó. Chủ trương duy trì, phát triển các thành phần kinh tế của Đại hội Đảng lần thứ VI chính là sự kế thừa và phát triển tư tưởng của Bác Hồ về sự liên minh giữa giai cấp công nhân với các lực lượng xã hội khác, phù hợp với yêu cầu và điều kiện của đất nước ta ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong khi xác định nhiệm vụ của giai cấp công nhân, đồng thời với việc đòi hỏi tinh thần tự lực cánh sinh, ý chí tự lực tự cường, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ sự cần thiết phải đề cao tinh thần quốc tế vô sản và thực hiện các nghĩa vụ quốc tế. Nhiệm vụ này bắt nguồn từ bản chất quốc tế của giai cấp công nhân "giai cấp công nhân chẳng những đấu tranh để tự giải phóng, mà còn để giải phóng cả loài người khỏi áp bức, bóc lột"¹. Theo quan điểm của Bác Hồ, đối với giai cấp công nhân nước ta, hoàn thành nhiệm vụ quốc tế biểu hiện trước hết ở thái độ trân trọng thành quả lao động của giai cấp công nhân các nước được gửi gắm trong các máy móc, thiết bị, vật tư gửi đến giúp đỡ nước ta; ở thái độ đoàn kết, thực sự cầu thị đối với các chuyên gia nước ngoài; ở tinh thần ủng hộ, giúp đỡ sự nghiệp đấu tranh giải phóng và công cuộc kiến thiết Tổ quốc của nhân dân các nước... Trong hoàn cảnh hiện nay, khi cơ chế thị trường thế giới và quá trình hợp tác, phân công lao động quốc tế đã phát triển rất cao, nhiệm vụ quốc tế của giai cấp công nhân nước ta trước hết phải là sự vươn lên để tham gia chủ động, hiệu quả vào quá trình phân công, hợp tác quốc tế đó.

III. MUỐN HOÀN THÀNH SỨ MỆNH VÀ NHIỆM VỤ LỊCH SỬ, GIAI CẤP CÔNG NHÂN PHẢI TỰ CẢI TẠO, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH TẤM GƯƠNG CHO TOÀN XÃ HỘI

Giai cấp công nhân nước ta, trải qua cuộc trường kỳ tranh đấu vì độc lập dân tộc và những năm tháng gian khổ, thất lưng buộc bụng khôi phục miền Bắc sau chiến tranh, đã trưởng thành mau chóng về số lượng, chất lượng. Sự thống nhất về tư tưởng và những nỗ lực trong sản xuất, tích cực chính trị - xã hội của giai cấp công nhân là nhân tố quan trọng, đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong những thập kỷ qua. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vai trò, vị trí của giai cấp công nhân. Năm 1960, nhân dịp kỷ niệm Đảng ta tròn 30 tuổi, trong bài viết của mình, Bác Hồ đánh giá: "Chỉ có giai cấp công nhân là dũng cảm

¹ Hồ Chí Minh - Sdd - tr. 59.

nhất, cách mạng nhất, luôn luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc, thực dân. Với lý luận cách mạng tiên phong và kinh nghiệm của phong trào vô sản quốc tế, giai cấp công nhân đã tỏ ra là người lãnh đạo xứng đáng nhất và đáng tin cậy nhất của nhân dân Việt Nam"¹. Nhận định về vai trò của công nhân trong những năm đầu bước vào thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa, Người nói: "Các cô, các chú đã bước đầu biết mình làm chủ nước nhà và biết mình là giai cấp lãnh đạo, nhưng còn phải cố gắng hơn nữa. Nói chung... phần đông có tiến bộ, nhưng trong đó, còn một số chưa biết mình làm chủ nước nhà"².

Đồng thời với nhận thức chính xác về bản chất cách mạng tốt đẹp của giai cấp công nhân nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhận thức sâu sắc rằng, ra đời trong lòng một xã hội thuộc địa nửa phong kiến; trưởng thành trong lòng một đất nước mà nền kinh tế sản xuất nhỏ còn phổ biến; chịu sự chi phối, tác động của nhiều yếu tố ngoại cảnh phức tạp, công nhân Việt Nam cần thiết phải tiếp tục tự rèn luyện, tự cải tạo để phát huy mạnh mẽ hơn vai trò tiên phong của mình. Người vẫn thường xuyên nhắc nhở: "... Công nhân là giai cấp lãnh đạo,... nhưng muốn lãnh đạo thì phải gương mẫu. Vì vậy cần phải khắc phục khuyết điểm, phát triển ưu điểm sẵn có, hoàn thành nhiệm vụ Đảng và Chính phủ giao cho để xứng đáng là ông chủ, bà chủ, xứng đáng là vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam"³.

Với tình cảm sâu nặng, Bác Hồ luôn luôn dành cho giai cấp công nhân sự quan tâm đặc biệt. Một mặt, Người chăm chú theo dõi, kịp thời biểu dương những người tốt, việc tốt trong phong trào thi đua lao động, sản xuất, mặt khác, Người đã chỉ ra cho giai cấp công nhân thấy rõ những hạn chế, yếu kém để khắc phục, vươn lên tương xứng với vị trí, tầm vóc của lực lượng lãnh đạo toàn bộ sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội mới.

Trước hết, Bác Hồ nói rõ: hạn chế lớn nhất của giai cấp công nhân nước ta là ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý thức làm chủ còn mờ nhạt. Lịch sử của giai cấp công nhân chủ yếu là lịch sử đấu tranh chống đế quốc, phong kiến vì độc lập, tự do. Lịch sử xây dựng chế độ xã hội mới chỉ mới bắt đầu, do vậy ý thức về dân tộc đậm nét hơn ý thức giai cấp, nhận thức về cách mạng xã hội chủ nghĩa. Phần lớn công nhân chưa nhận thức

¹ Hồ Chí Minh: "Ba mươi năm hoạt động của Đảng", Sdd, tr. 14.

² Bài nói chuyện của Bác Hồ với cán bộ, công nhân mỏ thiếc Tĩnh Túc, ngày 15-9-1958, Sdd, tr. 40.

³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 7, tr. 807 - 808.

đầy đủ về vai trò, sứ mệnh lịch sử của mình trong thời kỳ cách mạng mới. Đồng thời tư tưởng làm thuê đã tồn tại hơn nửa thế kỷ trong hoàn cảnh đất nước còn nô lệ vẫn để lại nhiều dấu ấn trong nhận thức, hành động của giai cấp công nhân mới được giải phóng đang tập dượt làm chủ đất nước, làm chủ xã hội, xí nghiệp và cuộc sống của mình. Trong nhiều lần tiếp xúc với cán bộ, công nhân ở nhiều cơ sở, Bác Hồ luôn luôn nhấn mạnh: "Người công nhân trước đây làm thuê cho tư bản. Bây giờ là người làm chủ đất nước. Phải xứng đáng với vai trò của mình"¹. Người nghiêm khắc phê phán những biểu hiện của tư tưởng làm thuê, kêu gọi cán bộ, công nhân đấu tranh xóa bỏ tàn tích của tư tưởng lạc hậu để xây dựng ý thức làm chủ, gắn chặt quyền lợi của mình với quyền lợi của xí nghiệp, của Nhà nước.

Người chỉ thị cho các tổ chức Đảng, Công đoàn phải chú trọng giáo dục ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tinh thần làm chủ cho công nhân và tạo mọi điều kiện để công nhân thực hiện quyền làm chủ thật sự trong xí nghiệp, trong xã hội.

Ra đời và lớn lên trong một đất nước nông nghiệp lạc hậu, tuyệt đại bộ phận xuất thân từ nhân dân, từ các tầng lớp tiểu tư sản, làm việc là lao động trong một guồng máy công nghiệp còn thô sơ, lao động thủ công còn phổ biến...giai cấp công nhân nước ta chưa đủ điều kiện để xây dựng phong cách sản xuất công nghiệp, còn mang nặng phong cách làm ăn của người sản xuất nhỏ, tán mạn, tùy tiện, kém hiệu quả. Bác Hồ đã nhiều lần nhắc nhở giai cấp công nhân phải kiên quyết khắc phục những tồn tại này. Năm 1957, về thăm cán bộ, công nhân mỏ Quảng Ninh, người ân cần nhắc nhở: "... Còn nhiều anh chị em vì chưa hiểu mình là chủ nên chưa biết tiếc của mình, không biết tôn trọng của Nhà nước tức là của mình. Tôi chỉ nêu một vài ví dụ: Ngay số xe do công nhân các nước anh em hy sinh phấn đấu làm ra để cho chúng ta dùng... nhưng giao cho các ông chủ, bà chủ quản lý các xe đó thì hỏng đến 80, 90%... Các cô chú có đau lòng không? Còn các lãng phí khác như than vương vãi và đất đá lẫn nhiều v.v... Về kỹ thuật lao động thì lỏng lẻo, không có một nước nào mà 15% công nhân vắng mặt trong buổi làm... Hay có người đang làm thì bỏ đi ngủ, thái độ như thế không phải là người làm chủ, cán bộ và công nhân ta phải biết đấu tranh chống thói xấu ấy"². Bác Hồ luôn luôn giáo

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 7, tr. 639.

² Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 7, tr. 805.

dục công nhân về thái độ kỷ luật lao động và tinh thần bảo vệ của công, ý thức cần kiệm, liêm chính để xây dựng nước nhà.

Ngoài những nguyên nhân khác quan, chủ quan tác động đến tinh thần, thái độ lao động, phong cách sản xuất của công nhân, nông dân, còn có một nguyên nhân hết sức căn bản là cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp tồn tại dai dẳng trong nền kinh tế nước ta. Cơ chế này đã ràng trói các xí nghiệp, hạn chế vai trò độc lập, tự chủ của các cơ sở sản xuất kinh doanh: triệt tiêu động lực lao động, sáng tạo và vai trò làm chủ của giai cấp công nhân. Lúc sinh thời, do đất nước chiến tranh, cơ chế quản lý tập trung, bao cấp mới được xây dựng, có những mặt thích ứng với thời chiến và chưa bộc lộ hết những mặt hạn chế của nó, do vậy Bác Hồ chưa lường đoán hết được tác hại của nó. Người chỉ dừng lại ở mức luôn luôn chú trọng, chỉ dẫn bộ máy quản lý phải thường xuyên cải tiến để ngăn ngừa, khắc phục những mặt yếu kém. Những năm gần đây, Đảng ta chủ trương kiên quyết xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung, quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chính là nhằm hoàn thiện tư tưởng của Bác Hồ, tạo ra một sức sống mới trong nền kinh tế nói chung, phát huy vai trò làm chủ của giai cấp công nhân trong đời sống kinh tế - xã hội nói riêng.

Giai cấp công nhân nước ta suốt mấy chục năm sống dưới ách thống trị của đế quốc thực dân, đã bị giam hãm trong vòng ngu tối. Chính sách ngu dân của thực dân Pháp đã làm cho hầu hết công nhân nước ta mù chữ, trình độ quản lý, trình độ khoa học - kỹ thuật hết sức thấp kém. Muốn phát huy vai trò lãnh đạo, muốn thực hiện quyền làm chủ, giai cấp công nhân phải ra sức học tập văn hóa, khoa học - kỹ thuật, học tập quản lý, học ở nhà trường, học trong thực tiễn, học hỏi chuyên gia nước ngoài, học hỏi cán bộ, học hỏi lẫn nhau. Đảng, Nhà nước và bộ máy quản lý các cấp cần coi trọng đào tạo đội ngũ công nhân một cách toàn diện và chú trọng xây dựng phát triển đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, đội ngũ công nhân lành nghề... Bác Hồ thường xuyên căn dặn như vậy. Người luôn nhấn mạnh: "Thằng đế quốc và phong kiến là tương đối dễ, thắng bản cùng và lạc hậu còn khó hơn nhiều"¹.

Như vậy, theo quan điểm của Bác Hồ, muốn cải tạo thế giới, muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân trước hết phải tự

¹ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Văn kiện, NXB Sách giáo khoa Mác - Lênin, HN, 1979, tr. 84.

đấu tranh để cải tạo mình, phải trở thành một gương sáng có sức hấp dẫn, hướng đạo các lực lượng xã hội khác noi theo.

IV. CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN TRƯỚC NHIỆM VỤ LỊCH SỬ MỚI

Là người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng nâng cao vai trò, năng lực lịch sử của Đảng trong thời kỳ lịch sử mới.

Trước hết, Người luôn luôn nhắc nhở các đảng viên cộng sản phải quán triệt sâu sắc tính chất giai cấp và tôn chỉ, mục đích của Đảng. Người dạy: "mỗi người cách mạng phải hiểu thật sâu sắc rằng: Đảng ta là một đội ngũ tiên tiến nhất và tổ chức chặt chẽ nhất của giai cấp công nhân, là người lãnh đạo của giai cấp công nhân và nhân dân lao động... Người cách mạng phải thấy thật rõ điều đó, và đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, để hết lòng hết sức đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, cho giai cấp công nhân và cho toàn thể nhân dân lao động"¹.

Một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Đảng là phấn đấu cho quyền lợi thiêng liêng của dân tộc và lãnh đạo toàn dân phấn đấu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trên đất ta, Người thường nói: "Ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác"². Ngay từ những ngày tháng đầu tiên khi hòa bình vừa lập lại trên đất Bắc, nói chuyện tại Hội nghị sản xuất cứu đói (tháng 7 năm 1955) Bác Hồ đã nhấn mạnh: "Phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi... Nếu dân đói, rét, dốt, bệnh thì chính sách của ta dù có hay mấy cũng không thực hiện được"³.

Đây cũng chính là mục đích phấn đấu trọn đời của Bác: "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là: toàn dân ta ai cũng có cơm ăn, ai cũng có áo mặc, ai cũng được học hành". Cho đến mùa thu năm 1969, trước lúc đi xa, Người còn dặn lại: "Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để

¹ Hồ Chí Minh: Giai cấp công nhân và Sđd, tr. 57, 58.

² Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Sđd, tr. 55.

³ Hồ Chí Minh - Những sự kiện, NXB Thông tin lý luận HN, 1987, tr. 222.

phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân"¹.

Để có thể lãnh đạo thành công sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Đảng cần phải học tập và nâng cao trình độ lý luận, trình độ tư duy khoa học của mình, bởi vì "Đảng ta còn có nhiều nhược điểm mà một trong những nhược điểm lớn là trình độ lý luận còn thấp kém (...), cho nên đứng trước nhiệm vụ cách mạng ngày càng mới và phức tạp, không tránh khỏi sai lầm"². Người đòi hỏi: "Đảng ta phải tự nâng cao mình hơn nữa, mà muốn tự nâng cao mình thì phải tổ chức học tập lý luận trong toàn Đảng, trước hết là trong cán bộ nòng cốt của Đảng"³. Đồng thời... "muốn đỡ bớt mò mẫm, muốn đỡ phạm sai lầm, thì chúng ta phải học tập kinh nghiệm ấy một cách sáng tạo"⁴. Người luôn luôn lưu ý Đảng về thái độ cộng sản trước những sai lầm. Người nói: "Làm cách mạng thì có đúng, có sai. Có sai thì chúng ta giúp nhau kiên quyết sửa chữa, và cùng nhau hăng hái tiến lên"⁵. Kiểm điểm về quá trình lãnh đạo của Đảng, Người khẳng định: "Đảng ta đã thu được nhiều thắng lợi to lớn, nhưng không phải là không có sai lầm. Song chúng ta không hề che giấu sai lầm, trái lại chúng ta đã thật thà tự phê bình và tích cực sửa chữa..."⁶.

Thái độ nhìn thẳng vào sự thật, kiên quyết đổi mới tư duy, đổi mới phong cách lãnh đạo của Đảng ta từ Đại hội VI đến nay chính là sự vận dụng đúng đắn những tư tưởng chỉ đạo của Bác Hồ.

Để tăng cường sức mạnh lãnh đạo, Đảng phải thật sự đoàn kết thành một khối vững chắc, phải: "Giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình... Phải có tinh đồng chí, thương yêu lẫn nhau"⁷ "Đảng cần phải mạnh hơn bao giờ hết"⁸.

Mặt khác, Đảng phải gắn bó chặt chẽ với quần chúng giáo dục, vận động, hướng dẫn, phát huy sức mạnh sáng tạo của quần chúng, trước hết

¹ Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Chấp hành TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam, HN, 1989.

² Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 7, tr. 782 - 783.

³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 7, tr. 784.

⁴ Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 7, tr. 784 - 785.

⁵ Hồ Chí Minh: Những sự kiện, tr. 34, tr. 36.

⁶ Hồ Chí Minh: Những sự kiện, tr. 307.

⁷ Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tr. 35 - 36.

⁸ Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 7, tr. 785.

của giai cấp công nhân, "Đảng phải phát triển tổ chức của mình một cách thận trọng, vững chắc và rộng rãi trong quần chúng, chủ yếu là trong quần chúng công nhân, để tăng cường thành phần vô sản trong Đảng"¹. Bác Hồ dặn dò: "Đảng lãnh đạo giai cấp công nhân, Đảng lãnh đạo cách mạng, mỗi đảng viên ở bộ phận nào là đại diện cho Đảng để lãnh đạo ở bộ phận đó, nên đảng viên phải gương mẫu"², "Tổ chức Đảng phải là hạt nhân lãnh đạo và đoàn kết quần chúng"³.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh yêu cầu tăng cường các hoạt động quốc tế của Đảng, nhằm kết hợp và phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Trong những lời cuối cùng nhắn gửi lại với đồng chí, đồng bào, Bác Hồ mong muốn "Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại đoàn kết giữa các Đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình"⁴.

Tất cả những suy nghĩ, kinh nghiệm sâu sắc nhất đối với Đảng, Bác Hồ đã ghi lại trong bản Di chúc lịch sử. Người căn dặn: Ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi. "Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi"⁵.

Đối với Nhà nước dân chủ nhân dân, với tư cách là Chủ tịch nước, Bác Hồ đặc biệt quan tâm phát huy vai trò, sức mạnh lãnh đạo của bộ máy chuyên chính vô sản. Điều quan trọng nhất mà người luôn luôn nhắc nhở, thường xuyên chỉ đạo là bảo đảm tính chất dân chủ, sức mạnh quản lý của một Nhà nước do dân, vì dân. Người nói: "Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Để xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, chúng ta cần phải tăng cường không ngừng sự lãnh đạo giai cấp công nhân đối với Nhà nước..."¹, phải dựa chắc vào khối liên minh công - nông vì đó là "nền tảng của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa"². Theo quan điểm của Bác Hồ, sức sống của Nhà nước chủ yếu trước hết là nhờ dựa vào dân, phát huy

¹ Hồ Chí Minh: Giai cấp công nhân và... Sdd, tr. 99.

² Hồ Chí Minh: Giai cấp công nhân và... Sdd, tr. 49.

³ Hồ Chí Minh: Giai cấp công nhân và... Sdd, tr. 104.

⁴ Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tr. 37.

⁵ Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tr. 41.

được vai trò, sức mạnh của nhân dân. Mùa xuân năm 1958, tiếp xúc với đại biểu Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội khóa đầu tiên kể từ ngày Thủ đô được giải phóng, Người căn dặn: "Hội đồng nhân dân phải hết sức gần gũi, quan tâm đến đời sống nhân dân thực hành cần, kiệm, liêm, chính, luôn luôn nghĩ rằng mình là đầy tớ nhân dân và ra sức phục vụ nhân dân"³.

Chủ tịch Hồ Chí Minh dành sự quan tâm đặc biệt đối với tổ chức công đoàn - tổ chức rộng rãi nhất của giai cấp công nhân, là trường học tổ chức, giáo dục, đoàn kết công nhân"⁴.

Trên cơ sở nhận thức sâu sắc vai trò có ý nghĩa quyết định mọi thành bại của cách mạng của đội ngũ cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức chú trọng giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên. Nhân dịp kỷ niệm 39 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Người viết bài: "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân", căn dặn: "Mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và tính kỷ luật. Phải đi sâu đi sát thực tế, gần gũi quần chúng, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân"⁵. Người luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải cảnh giác đề phòng các thói hư, tật xấu: công thần địa vị, chia rẽ bè phái, tranh quyền cướp vị, xa rời, ức hiếp đè nén quần chúng, thoái hóa biến chất vì các tật bệnh tham ô, hủ hóa... Trước khi đi vào cõi vĩnh hằng, Người còn thiết tha dặn lại:

"Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"⁶.

Trong 60 năm qua đi theo ngọn cờ tư tưởng của Bác Hồ, tuyệt đại bộ phận những người cộng sản Việt Nam đã giữ vững phẩm chất, phát huy xuất sắc vai trò của mình trong sự nghiệp đấu tranh vì sự nghiệp độc lập, tự do, chủ nghĩa xã hội. Nhiều người đã anh dũng hy sinh và trở thành bất tử trong lòng ngưỡng mộ, biết ơn của nhân dân. Song, qua thời gian và thử thách, không ít cán bộ đảng viên đã sa ngã trở thành những "quan cách mạng", thành lũ "cường hào mới", đục khoét áp bức nhân dân. Chính lực lượng sâu một khoác áo cộng sản này đã làm chậm bước tiến của đất nước, gây bao đau khổ cho nhân dân và làm giảm sút niềm tin

của giai cấp công nhân, nhân dân lao động đối với Đảng. Đất nước chỉ có thể vươn mình, đổi mới đi lên khi nào những thế lực hắc ám nay bị quét sạch.

*

* *

Đối với Đông Dương công nhân, Chủ tịch Hồ Chí Minh có một tình cảm yêu thương đặc biệt chính vì bản thân Người, suốt cả tuổi thanh xuân, đã trải qua cuộc đời người thợ, đã đau đến tận cùng nỗi đau của người cần lao trên toàn trái đất. Chính vì thế, thuở bình sinh, trong những năm tháng miền Bắc nước ta bước vào thời kỳ tiến lên chủ nghĩa xã hội, tuy tuổi đã cao, sức đã yếu và tuy bận trăm nghìn công việc, Bác Hồ vẫn thường xuyên đi về các công trường, nhà máy, hầm mỏ, để chuyện trò, để giáo dục, hướng dẫn, dìu dắt giai cấp công nhân. Toát lên trong toàn bộ các bài viết, bài nói của Người là một tình cảm yêu thương bao la, là những mong muốn mãnh liệt xây dựng một giai cấp công nhân tiên phong, tiên tiến, hiện đại, tiêu biểu cho đất nước, dân tộc. Cho đến phút cuối đời, Bác Hồ vẫn trọn vẹn niềm tin sắt đá vào bản lĩnh, sức mạnh của giai cấp công nhân, bởi vì hơn ai hết, Người hiểu sâu sắc rằng: tương lai và tiền đồ dân tộc phụ thuộc phần lớn vào giai cấp tiên phong này.

Kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Bác, suy ngẫm, vận dụng, thực hiện di huấn của Người là một việc làm thiết thực đối với mỗi cán bộ, đảng viên, công nhân. Bởi lẽ, đó chính là sự tìm về cội nguồn sức mạnh để nhân lên hiệu quả đổi mới - đổi mới đất nước, đổi mới con người.

PHẦN THỨ HAI

HỒ CHÍ MINH VỚI TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

Chương thứ tư

BỐN PHƯƠNG VÔ SẢN ĐỀU LÀ ANH EM

GS.TS Đỗ Quang Hưng

Chương thứ năm

HỒ CHÍ MINH VỚI TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

GS.TS Đỗ Quang Hưng

Bản sao lưu trữ

CHƯƠNG THỨ TƯ

BỐN PHƯƠNG VÔ SẢN ĐỀU LÀ ANH EM

TÌM KIẾM VÀ HỘI NHẬP

"Phía Bắc xứ Trung Kỳ cũ, có một tỉnh nổi tiếng về mật độ dân số, vừa nổi tiếng về cảnh nghèo khó và tính bưng bít của dân chúng. Đó là tỉnh Nghệ Tĩnh (gộp lại của hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh).

Những con chim xám, những con ngỗng trời có đôi cánh rộng bay lượn trên những cánh đồng ưu sầu này. Tiếng chim khàn khàn chỉ mang lại từ biển khơi lòng u hoài thắm thía, nỗi lo sợ mơ hồ và sự ham muốn chuyển dịch không sao thỏa mãn được. Biển ở khắp nơi nhưng kỳ lạ thay là xứ sở này như quay lưng lại với biển. Sinh sống ở nơi đây, không phải là một cộng đồng yêu thích nghề đi biển mà là những người nhân dân tay bị muối ăn mòn...

Đất đai khô cằn và gió nóng như thiêu như đốt từ Lào thổi sang suốt mùa hè, làm ruộng vườn nứt nẻ, cỏ cây khô héo. Khi có mưa thì mưa to như trút nước. Bão không phải là hiếm. Không có nơi đâu đẹp hơn nhưng cũng không có nơi đâu, thiên nhiên ác nghiệt hơn nơi đây. Chúng ta hãy ghi nhớ sự thử thách mà quê hương ông Hồ đã đề ra cho xã hội mình".

Đoạn văn gợi cảm đó của nhà báo Pháp nổi tiếng G. Lacutuya, người suốt mấy chục năm có quan hệ gần gũi với Bác Hồ, tác giả cuốn sách chân dung chính trị vào hạng đáng chú ý nhất viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh¹, khiến chúng ta suy nghĩ đến những vấn đề cội nguồn gốc rễ tính cách dân tộc, dù tác giả chỉ mô tả cái gì đó chung nhất của cái chất Nghệ, của văn minh sông Lam.

Điều có liên quan rất sâu xa đến vấn đề của chúng ta là, phải nhìn vấn đề từ căn bản lịch sử như thế mới thấy hết cái định hướng thiên tài

¹ Jean Lacouture, Hồ Chí Minh, NXB Seuil, Paris, 1967.

của Nguyễn Tất Thành, ngày 5-6-1911, làm bồi tàu Đô đốc Latutse Torêvin với cái tên Nguyễn Văn Ba để sang Pháp với ý thức: "Tôi muốn ra nước ngoài xem nước Pháp và các nước khác.

Sau khi xem họ làm như thế nào tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta".

Vượt qua tâm lý truyền thống nhân dân, qua cả sự hạn chế của các sĩ phu thế hệ cha anh đương thời, từ bỏ con đường khoa cử dù đã có vốn Hán học và Quốc học kha khá được trang bị khi học Quốc học Huế (1906 - 1908), anh Thành quyết tâm tìm vào Sài Gòn, thương cảng lớn nhất xứ ta, tuy là thuộc địa nhưng cũng là nơi có công nghệ nhộn nhịp nhất xứ, vào đó nghĩa là gần với châu Âu hơn.

Có chi tiết không nên bỏ qua. Trước khi xuất dương sang Pháp, anh Thành có theo học một thời gian ngắn ở trường kỹ nghệ thực hành Sài Gòn, Chợ Cũ, gần xưởng Ba Son. Nhà sử học S. Phuốcnhô nhận xét tinh tế rằng, đó là dấu hiệu chứng tỏ Người muốn tiếp xúc thực sự với kỹ thuật Phương Tây hư một người thợ: "Việc chuyển từ một thầy giáo thành một học sinh trường kỹ nghệ là một điều kỳ lạ ở một nước vốn khinh rẻ công nghệ và nghề thợ... Cho nên anh thanh niên cách mạng ấy đến với trường kỹ nghệ không phải để tập sự cho một nghề mà chủ yếu là để tiếp xúc với kỹ thuật phương Tây, với những con người tiến hành kỹ thuật đó, nghĩa là giai cấp công nhân"¹.

Những gì mà Bác Hồ đã làm cho phong trào công nhân, cho Công hội đỏ Việt Nam thực đã bắt đầu từ đó.

Tất nhiên đó là cả một chặng đường dài. Trong quá trình đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành quyết định đi Pháp, trước hết bởi vì muốn tìm hiểu quê hương của cách mạng 1789, nơi sản sinh ra bản Tuyên Ngôn nhân quyền và dân quyền bất hủ. Nhưng chính nước Pháp lại cũng để ra chế độ thực dân dã man đang tồn tại trên đất nước mình như một nghịch lý của văn minh.

Từ mùa đông 1917 đến giữa 1923 là quãng đời quyết định với anh Thành. Thủ đô Pari nước Pháp lúc đó như nhiều người nhận xét là một nơi sôi sục, nơi đang ấp ủ một cuộc cách mạng của lực lượng phái tả cách mạng. Trước khi trải qua những năm gian khổ học tập, thực hành học thuyết và nghệ thuật cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin ở Mátxcova,

¹ S.Phuốcnhô, Hồ Chí Minh, đồng chí của chúng ta, Pari, 1970, tr.21.

Quảng Châu và Hương Cảng. Chính ở Pari, Nguyễn Ái Quốc đã trải qua thời kỳ tập sự nghệ thuật cách mạng và học cách làm nhà cách mạng chuyên nghiệp.

Tại Đại hội lần thứ 18 Đảng xã hội Pháp (S.F.I.O), một chính đảng lúc ấy còn nhân danh đại biểu của giai cấp công nhân và ít nhiều còn quan tâm đến nhân dân lao động, ngày 29-12-1920, Nguyễn Ái Quốc đã cùng 160 đại biểu bỏ phiếu tán thành Quốc tế 3, thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

Đó cũng là dấu mốc Nguyễn Ái Quốc thực sự tạo ra khả năng hòa nhập với phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế cho giai cấp công nhân Việt Nam non trẻ.

Đã có nhiều trang viết về Đại hội Tua năm ấy. Trong lĩnh vực dân tộc thuộc địa, không đơn giản. Tình trạng thờ ơ của vô sản chính quốc ở thời điểm ấy còn khá phổ biến "một số đồng chí vẫn còn tưởng rằng, thuộc địa chẳng qua chỉ là một xứ mà trên là mặt trời, dưới là cát, vài cây dừa xanh với mấy người khác màu da, thế thôi" (Nguyễn Ái Quốc viết năm 1922). Sự dai dẳng của những thành kiến chủng tộc, sự dốt nát của bản thân "người bản xứ"... đó là tất cả những vật cản cho thái độ đúng trong các Đảng xã hội châu Âu.

Đứng hàng đầu trong cuộc đấu tranh khắc phục những hạn chế có tính cách "bẩm sinh" và vấn đề dân tộc thuộc địa trong nội bộ Đảng Cộng sản Pháp là Nguyễn Ái Quốc. Nhớ lại những hoạt động độc đáo của anh thời gian này ở Pháp, G. Đuyclô nói: "Đối với tôi, đây là điều mới lạ. Vì lúc đó ở Pháp, người ta giới thiệu chính sách thuộc địa như những công việc xuất cảng văn minh sang các nước lạc hậu"¹. Còn bà Marclôt Vayăng Cutuyriê thì kể về chồng mình: "Chính nhờ đồng chí Nguyễn Ái Quốc mà Pôn Vayăng hiểu ra vấn đề chủ nghĩa thực dân ở thuộc địa. Đúng là sự quen biết với đồng chí Nguyễn đã giúp ích rất nhiều trong suốt cuộc đời làm chính trị của Pôn Vayăng..."².

Trở lại ý kiến của G.Lacutya. Ông ta còn viết tiếp sau khi kể lại hành trình của Bác tới đầu 1920: "Trời nổi ở một xã hội khác biệt và đã công nghiệp hóa, tư tưởng của ông Hồ chắc chắn đã có màu sắc chính trị, nhà ái quốc nổi loạn sẽ lột xác để trở thành nhà cách mạng hiện đại vì những cuộc tiếp xúc với phái tả Pháp".

¹ Bác Hồ ở Pháp, NXB Văn Học, Hà Nội, 1975, tr. 25. 77.

² Bác Hồ ở pháp, NXB Văn Học, Hà Nội 1975, tr. 25. 77.

Giăng Lacutuya nói đúng, nhưng chưa đủ. Bởi vì đó Bác đã ngót 10 năm làm thợ với rất nhiều nghề ở khắp năm châu bốn biển. Sách của Trần Dân Tiên kể lại: "Khi làm bồi trên tàu Đô đốc Latusơ Torêvin" từ bốn giờ sáng quét dọn sạch sẽ nhà bếp lớn, rồi đốt lửa các lò... công việc khá nặng dưới bếp rất nóng và trong hầm rất rét", anh Văn Ba đã gặp Bùi Quang Chiêu, kỹ sư canh nông vào làng Tây, đi tàu hạng nhất cùng với gia đình, tổ chức rong đó có đứa con trai sang Pháp du học. Ông ta nghĩ giúp anh Ba bỏ nghề thợ, học một nghề danh giá hơn, nhưng anh Ba đã khéo từ chối.

Cũng từ đây, anh Văn Ba đã qua nhiều vùng biển ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Tuynidi, những cửa biển Đông Phi và Cônggô. Cũng sách trên kể rằng anh đã được tận mắt chứng kiến cảnh những nphu khuôn vác châu Phi lưng trần bật máu vì roi cá đuối, những công nhân ở cảng Đacca bị nước biển cuốn đi làm mồi cho cá mập. Cuốn Vừa đi đường vừa kể chuyện của T.Lan còn cung cấp thêm. "Ở châu Mỹ La tinh, anh đã gặp những người thợ khai mỏ đồng, chì ở Chilê râu tóc bạc trắng, hom hem. Ở Mỹ, bên cạnh những nhà chọc trời, anh từng sống trong những căn nhà ổ chuột lợp tôn ở khu HácLem...".

Nhà thơ Cuba nổi tiếng Pêlich Pitarôđighết viết bài thơ: Hồ Chí Minh, tên Người là cả một niềm thơ, được xếp vào loại những bài hay nhất viết về Bác, có đoạn:

"Bởi vì Người đã sống, cùng người phu Quảng Châu, Thượng Hải và do được tận cùng đói rách và ở Nam Phi, Người cũng do được đói rách tận cùng của những người Ấn cùng đình sang đó tìm miếng cơm nuôi sống qua ngày.

Bởi vì Người đã đến với nhân dân lao động tự đào huyết chôn mình khi đào kênh Panama.

Và như thế, Người đã nhận ra rằng: Bất cứ ở đâu, con người cũng chỉ là một, và đói khổ cũng chỉ là một và Người cũng biết, ở đâu cũng có lòng căm uất và đường đi chỉ có một mà thôi"...

"Bởi vì Người đã từng chịu nỗi đau roi vọt đánh vào dân tộc thuở bọn thực dân Pháp hòa trộn than Hòn Gai với máu người thợ mỏ cao su miền Nam với những người phu đất đỏ lúa gạo đồng bằng với máu nông dân...".

Cuối năm 1913, với tên chính Nguyễn Tất Thành, anh "đổ bộ" vào thủ đô nước Anh. Tại tiệm ăn nổi tiếng Cactơlông nơi có "vua" đầu bếp

Étcôtphie. Anh lại làm nghề cũ, bồi bàn. Ở đây, nơi những hình ảnh của Mác, Ăngghen còn in dấu trên các đại lộ, công viên, tiệm cà phê, anh Nguyễn đã dần dần hiểu được một cái gì đó rất vĩ đại ẩn giấu phía sau những tấm áo thợ dầm dầu mỡ. Có tài liệu đã nói rằng, tổ chức cách mạng đầu tiên anh gia nhập lại chính là Công đoàn hải ngoại Anh.

Nhưng tất cả phải đợi tới 1917 khi Anh trở lại Pari sau 6 năm xa cách. "Chính tại Pari quang vinh bị chấn thương, sôi sục, thèm khát chân lý mà người con trai ông phó bảng Nguyễn Sinh Huy trải qua thời kỳ tập sự sống, kết bạn và làm quen với chính trị", cũng G.Lacutuya viết như vậy.

Lúc ấy, anh Nguyễn ở nhà của Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, gác 3, buồng nhỏ, phố Gôbolanh, số 6. Nhưng khác với vị chủ nhà, anh Nguyễn thường đến những xóm thợ dự các hội thảo, và những cuộc bãi công của công nhân Pari phản đối phe chủ sa thải một lúc 18.000 công nhân hỏa xa. Cuộc tiếp xúc đầu tiên của anh với những chiến sĩ của giai cấp công nhân Pháp diễn ra ở một hiệu sách nhỏ gần bến Giăngmappơ, nơi Lênin từng đến. Một công nhân tên là Haxphen đưa anh tới với những lãnh tụ công nhân đoàn cách mạng như Môngmút-xô, Buốcđơ-rông và đặc biệt với Môngmút-xô, chủ bút tờ Đời sống công nhân, tờ báo đầu tiên có bài ký tên Nguyễn Ái Quốc.

Ở Paris, bên cạnh những chiến sĩ Mác-xít ưu tú của giai cấp công nhân Pháp như tiến sĩ luật M. Casanh G.Đuyclô, Nguyễn Ái Quốc còn kết bạn với các thủ lĩnh gia của nghiệp đoàn vô chính phủ G. Ravăng, E-Cuócđơ-roay, những người đã từng làm việc với Lênin. Họ giúp anh tin tức, học vấn và kinh nghiệm công vận.

Gắn mình với phong trào công nhân là một trong những nguồn gốc vững chắc nhất dẫn đến bước ngoặt: Vào rạng sáng ngày 30-12-1920, Nguyễn Ái Quốc nằm trong số 285 đại biểu tán thành thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

Ở tuổi 30, Nguyễn Ái Quốc không những là người con tiêu biểu của dân tộc, của giai cấp công nhân Việt Nam mà còn là một chiến sĩ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Tháng -1921, theo đề nghị của Nguyễn Ái Quốc, Đảng Cộng sản Pháp lập Ban nghiên cứu thuộc địa, gồm tiểu ban Bắc Phi, Tây Phi, châu Phi xích đạo, Đông Dương và Madagaxca. Tháng 7 năm ấy Hội liên hiệp

thuộc địa ra đời, đã có tới 200 hội viên chủ yếu là thợ thuyền lao động. Ban thường vụ Hội do Nguyễn Ái Quốc đứng đầu.

Tài liệu sớm nhất về ý kiến của Bác đối với công nhân thuộc địa được biết hiện nay có lẽ là bản Dự thảo báo cáo viết ngày 20-11-1921. Người tha thiết đề nghị Đảng Cộng sản Pháp phải quan tâm đến công nhân thuộc địa hơn nữa. Trong tuyên ngôn của Hội liên hiệp thuộc địa sau này in trong cuốn Bản án, 1925, Người đã kêu gọi:

"Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất, các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Các Mác: vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!".

Bác đã sử dụng xuất sắc vũ khí báo chí theo lời dạy của Lenin. Do sáng kiến của Bác, ngày 1-4-1922 tờ tuần báo *Người cùng khổ* (La Paria) ra đời. Báo có sự cộng tác đặc lực của Blôngcua, Xtêphany, những nhân vật quen thuộc ở Pari. 200 trong số 5.000 bản mỗi số báo được gửi về Việt Nam. Ngoài tác giả Nguyễn Ái Quốc, tờ *Người cùng khổ* còn có bài của M. Casanh, nhà lý luận mác xít Bôrit Xuvơrin, nhà văn H. Bácbuýt, của Rasit Rida (Xyri) hay Aili Baba (bí danh của Áp đen Cadê, sáng lập viên của Đảng Cộng sản Angiêri sau này)..

Bài đầu tiên trên báo này viết về công nhân thuộc địa của Người là bài Vụ hành hạ Anduni và Benbenkhia (số 1-11-1922). Bài viết ngắn, dí dỏm nhưng sắc sảo rất quen thuộc. Bác kể chuyện một tên chủ đồn điền Pháp vì nghi 2 công nhân Tuynidi có tên nói trên lấy trộm vài chùm nho đã dùng roi gân bò mà vụt họ lia lịa đến lúc họ chết ngất. Ấy thế mà trong chiến tranh, 10 vạn người vô sản Tuynidi bị động viên sang Pháp, 60% đã không trở về vì "mối tình ruột thịt đời đời gắn bó trong xương máu và quang vinh!"... Nguyễn Ái Quốc viết mỉa mai như vậy. Đến 8-1923, cùng trên tờ *Người cùng khổ*, có bài: Ách áp bức không từ một chủng tộc nào, Bác đã tố cáo thực dân hèn hạ ám sát Vêrôpxki (Nga), Ben Radica (Tuynidi), những chiến sĩ quốc tế của phong trào công nhân đang hoạt động ở Paris.

Với tầm mắt rộng, Bác đã thấy rõ thân phận tất cả những người vô sản trên trái đất. Thật là thú vị khi đọc những dòng chữ Bác viết về công nhân Trung Quốc, Nhật Bản, nơi mà họ phải chịu đựng ách bóc lột tư bản kết hợp với truyền thống quân phiệt. Bác tố cáo bọn chủ nhà máy điện Canada (Nhật) khóa chặt các cửa ra vào không cho công nhân liên hệ với nhau "điều mà ở phương Tây không hiểu được". Hay ở khu mỏ Sai Cao

Sơn (Trung Quốc) bọn quân phiệt cho 3000 lính xả súng vào công nhân mỏ đình công! (Xem phong trào công nhân Viễn Đông, báo *Đời sống Công nhân*, 25-1-1924).

Không dừng lại ở đấy, Bác còn chỉ đạo từng bước phong trào công nhân thuộc địa. Cuối năm 1922, Bác đã lưu ý Đảng Cộng sản Pháp: với một diện tích gấp 8 lần nước Pháp và 50 triệu người, một "liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh ấy sẽ là một trong những cứu cánh của cách mạng vô sản", những thợ thuyền "ở xứ Đông Dương già cỗi hay xứ Đahômây mới mẻ" chưa hiểu đấu tranh giai cấp là gì cả! Trong khi đó "giai cấp tư sản lại giống như con chó trong chuyện ngụ ngôn, họ thích đeo cái vòng cổ để kiếm miếng xương"... Bác còn có những ý kiến rất cụ thể, sắc sảo khi lưu ý công nhân Thổ Nhĩ Kỳ cảnh giác với âm mưu bọn thực dân và tư sản Thổ xé bỏ hiệp ước 1920, chia cắt đất nước, báo động công nhân Xyri cảnh giác trước chiêu bài Liên bang Xyri của cao ủy Pháp... ngòi bút của Người thật tài tình lách vào tim đen giai cấp tư sản Thổ Nhĩ Kỳ khi chúng không chịu công nhận cách Eléchlich (Liên hiệp các nghiệp đoàn) đang lớn mạnh lúc ấy ở Thổ!

"Việc đó chẳng khác nào một nụ cười duyên dáng dùng để khuyến khích giới tài chính quốc tế mà ba phần năm là nguồn gốc Pháp, (xem *Lên án chủ nghĩa thực dân Pháp, Sự Thật*, 1959).

Nhưng nô lệ đã thức tỉnh. Trong chương cuối tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Bác đã hân hoan ghi nhận những bước đi đầu tiên của công nhân thuộc địa, mở đầu là những sự kiện quý báu ở chính Tổ quốc Việt Nam. Bác kể về cuộc bãi công của 600 thợ nhuộm Chợ Lớn (Nam Kỳ) tháng 11-1922 khi mà ở khắp nơi giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và giá trị của mình", "Chúng ta hãy ghi lấy dấu hiệu đó của thời đại". Bác cũng ca ngợi đạo quân 50.000 công nhân Trung Quốc đang học nghề ở khắp Âu - Mỹ "được đào tạo trong kỷ luật và kỹ thuật hiện đại, thì không bao lâu Trung Quốc sẽ có một địa vị trong các cường quốc công nghiệp"v.v... Người kết luận: "Khi tập sách nhỏ này viết xong thì nhiều biến cố quan trọng đã xảy ra ở nhiều thuộc địa. Đó là quả bom ở Quảng Châu do một người Việt Nam ném, bãi công đẫm máu ở Đamát, những vụ bãi công ở Hammănglíp (Angiêri), tình hình sôi sục ở Tuynidi"... Những bước đi đầu tiên của giai cấp công nhân, của tổ chức công đoàn đã được Bác Hồ chuẩn bị như thế..

NGUYỄN ÁI QUỐC TỪ ĐẠI HỘI II (1924) ĐẾN ĐẠI HỘI VIỆT NAM QUỐC TẾ CÔNG HỘI ĐỎ (1930)

Từ tháng 6-1923, khi Nguyễn Ái Quốc có mặt ở Mátxcova, Người đã thực sự trở thành một chiến sĩ Quốc tế, nhà cách mạng chuyên nghiệp hoạt động trong guồng máy khổng lồ của Quốc tế Cộng sản với biết bao nhân vật ủng hộ danh thời đại.

Cũng từ đó, mối liên hệ của Quốc tế Cộng sản (QTCS) với Đông Dương trở nên chặt chẽ hơn. Cuối 1923, Nguyễn Ái Quốc đề nghị QTCS tổ chức một đường dây liên lạc giữa Mátxcova, Đông Dương và Paris. Chỉ ít năm sau, đèn ghị đó thành hiện thực và chi phối rất nhiều đến sự phát triển Công hội đỏ Việt Nam: đường dây từ cảng Hải Phòng qua Hồng Kông nơi có Văn phòng bí mật Bộ Phương Đông; đường dây Sài Gòn - Lơ Havơơ (Pháp) đã đảm bảo thông tin, liên lạc, vận chuyển tài liệu từ tim đến các bộ phận cơ thể qua những mạch máu đỏ.

Ngày 20-5-1924, trong thư gửi đồng chí Pêtorốp, Tổng thư ký Bộ Phương Đông, Người kiến nghị phải phá vỡ tính đơn độc vốn là nguyên nhân suy yếu rời rạc của phong trào dân tộc của thuộc địa, đề xuất ý kiến lập nhóm châu Á bên cạnh các nhóm Latinh, nhóm Ănglôxácông ở Trường Phương Đông, lò đào luyện cán bộ Cộng sản cho Phương Đông "mái nhà áp ủ tương lai" của các dân tộc bị áp bức.

Trong Đại hội V - QTCS (7-1924) và tại hàng loạt những hội nghị quốc tế quan trọng khác mà Người tham dự ở Mátxcova trong năm 1924, trong đó có Đại hội Quốc tế Công hội đỏ, những kiến nghị cụ thể về vấn đề Đông Dương đã khá đầy đủ, toàn diện. Những đề nghị ấy, lần lượt đã được sự ủng hộ tích cực của đồng chí Kôlarốp, Tổng Bí thư Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản (BCH QTCS) người Bungari và tất nhiên của cả "người đỡ đầu" của Nguyễn Ái Quốc, Mụnquinxki, lúc đó đã trúng cử vào Đoàn Chủ tịch BCH QTCS.

Những kết luận ấy rất phù hợp với những tài liệu của mật thám Pháp.

Công văn của Bộ Thuộc địa ngày 31-1-1926 viết: "Quốc tế Cộng sản Pháp vẫn tiếp tục săn sóc đến những thuộc địa của ta (tức Pháp - TG). Một Ủy ban tuyên truyền đặc biệt với Đông Dương mới được thành lập ở Mátxcova do Radéch (Radek), Oen-man tức Páplôvích, Vôinhétxiépki lãnh đạo. Có một số người Việt Nam làm việc dưới quyền những người

trên". Những tài liệu mấy tháng tiếp theo đó của địch còn kể chi tiết những công việc của Radéch, Saphôrôp, Traphanốp, "những người kế tục sự nghiệp của Lênin" như chúng gọi, cũng như về một số nhân vật Pháp quen thuộc khác với phong trào công nhân nước ta. Mật thám Pháp mặc dù cố làm nhẹ đi những công việc đang tiến triển tốt đẹp của những người cộng sản Pháp, nhưng mật khác cũng buộc thừa nhận:

"Điều này giải thích tại sao những chỉ thị khẩn cấp đối với Đảng Cộng sản Pháp và những cố gắng tuyệt vời của những chiến sĩ như Đôriô, những nhà lý luận như Casarh đang cố gắng lay chuyển thái độ thờ ơ của công chúng không quan tâm đến nước Cộng hòa ở dãy núi Ríp hay những cuộc nổi dậy ở Xiri.

Không còn nghi ngờ gì nữa, nếu giai cấp vô sản Pháp tuân theo ý muốn của những người bôn-sê-vích ở Quảng Châu cố gắng với tới thuộc địa của ta qua những kẻ lưu vong người Việt chịu ảnh hưởng của bọn Đổ, nước Cộng hòa Nam Trung Hoa này cũng chịu ảnh hưởng đó lại nằm trên con đường Quảng Châu đi Ấn Độ, nơi mà người Nga đang muốn lật đổ sự kiểm soát của người Anh¹.

Đối với Quốc tế Công hội đỏ, việc thiết lập mối quan hệ với công nhân Đông Dương thực sự bắt đầu với việc tham gia của Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội III - QTCHĐ họp từ ngày 8 đến ngày 22-7-1924 ở Mátxcova, ngay sau khi Đại hội V - QTCS vừa bế mạc.

Chúng ta biết lúc đó, nhân dân Xô Viết vừa giành được những thắng lợi quan trọng trong việc thực hiện Chính sách Kinh tế mới (NEP), trong 2 năm liên tiếp nhân dân thủ đô nước Cộng hòa Xô Viết đầu tiên trên thế giới hồ hởi chào đón những đại biểu quốc tế từ khắp lục địa đổ về tham gia nhiều đại hội quan trọng trong đời sống chính trị thế giới.

Đại hội III - QTCHĐ, khai mạc tại Nhà Công đoàn Liên Xô ở Mátxcova giữa những ngày hè mát dịu. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội với tư cách đại biểu duy nhất cho giai cấp công nhân và lao động xứ Đông Dương. Để chuẩn bị cho sứ mệnh quan trọng ấy, trong năm 1923 và đầu 1924 Nguyễn Ái Quốc đã viết một loạt bài báo về giai cấp công nhân thuộc địa và phụ thuộc cũng như phong trào công nhân đang bùng lên ở đó. Những bài báo ngắn gọn, sắc sảo của Nguyễn Ái Quốc như Phong trào công nhân Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật Bản, phong trào công nhân Viễn Đông (về

¹ Tài liệu lưu trữ Ban sử TCD, số 895, CD.

phong trào công nhân Trung Quốc, Triều Tiên và Nhật) đăng tải trên các báo như *Nhân Đạo*, *Đời sống thợ thuyền*, *Thư tín quốc tế*... đã gây được sự chú ý của đồng chí Lôđôpxki và những đồng chí khác trong BCH QTCHĐ. Tất nhiên cả những ý kiến tâm huyết của Nguyễn Ái Quốc khi đề cao, cổ vũ cho cuộc bãi công của 600 công nhân nhuộm ở Chợ Lớn, "Chúng ta hãy ghi lấy ở đây dấu hiệu của thời đại", sau đó được tác giả đưa vào đoạn mở đầu Chương *Nô lệ thức tỉnh* của cuốn Bản án chế độ thực dân Pháp nổi tiếng...".

Quả thực lúc đó, QTCHĐ còn xa lạ với giai cấp công nhân nước ta nói chung. Nhưng những dấu hiệu của một phong trào công đoàn cách mạng theo bước QTCHĐ thì đang âm ỉ... Dường như đó cũng là tình cảm của các đại biểu quốc tế dành cho Nguyễn Ái Quốc cũng như trong các đại hội khác mà Người đã tham dự.

Tham luận của đồng chí Nguyễn Ái Quốc được trình bày trong phiên họp thứ 15 vào ngày 21-7-1924.

Tham luận của Nguyễn Ái Quốc dành phần đầu cho việc phác họa tình hình đội ngũ vô sản Đông Dương. Diễn giả trình bày cụ thể tình hình công nghiệp, số lượng nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, nhà bưu điện, đường sắt, hải cảng và số lượng công nhân trong những cơ sở công nghệ tiêu biểu như xi măng Hải Phòng - 3000 công nhân, than Hạ Long 4000, nhà máy dệt Bắc Kỳ - 3000, công nhân chuyên nghiệp đường sắt - 8000... Những con số gợi lên sự hình thành giai cấp, tính tập trung tương đối khá của một đội ngũ thợ thuyền thế hệ đầu tiên. Nguyễn Ái Quốc cũng tố cáo tính chất dã man của lối bóc lột thực dân với công nhân xứ Đông Dương, cụ thể theo 3 loại của những nô lệ - nông nô như chữ anh dùng. *Một là*, những tù nhân mà chính quyền thực dân cho bọn tư bản thuê. *Hai là*, tất cả những người Việt Nam từ 18 đến 60 tuổi, hàng năm bắt buộc phải đi phu cưỡng bức trong một số ngày nhất định chuyên phục vụ những công trình nặng nề như đào kênh phá đường, mở cảng... *Ba là*, những nô lệ theo nghĩa đầy đủ nhất của từ này bị bán và mua. Đó là số phận bi thảm của gần 100.000 lính thợ và lính chiến người Việt trên chiến trường châu Âu do Pháp huy động cưỡng bức, điều mà Nguyễn Ái Quốc đã từng viết rất sắc sảo ở Paris, sau chiến tranh họ lại đem bán cho những điền chủ và chủ nhà máy ở các thuộc địa khác, nhất là ở các hòn đảo thuộc Thái Bình Dương. Trong khi đó công nhân và nông dân Đông Dương không có bất cứ quyền tự do dân chủ nào, kể cả việc tự do đi lại từ tỉnh này sang tỉnh khác. Đồng chí kết thúc bài diễn văn ngắn gọn và lời

cuốn của mình, với lòng tin tưởng vào tổ chức quốc tế uy tín nhất của giai cấp công nhân các lục địa: *"Thưa các đồng chí, tình cảnh giai cấp công nhân Việt Nam là như thế. Đó là một tình cảnh khủng khiếp, nhưng không phải là không có lối thoát, bởi vì với sự giúp đỡ của Quốc tế Công hội đỏ, chúng tôi quyết đập tan lực lượng của chủ nghĩa đế quốc châu Âu áp bức chúng tôi. Nhưng để tới kết quả đó, để thúc đẩy nhanh chóng công cuộc giải phóng của giai cấp vô sản Đông Dương thì cần thiết một điều là các đồng chí chúng ta trong các tổ chức cách mạng Pháp phải tích cực giúp đỡ chúng tôi trong cuộc đấu tranh giải phóng của chúng tôi. (Vỗ tay vang dội, trong nguyên bản tốc ký hội nghị)¹ ...*

Cuối tháng 11-1924, Nguyễn Ái Quốc đã có mặt ở Quảng Châu, trong văn phòng của Bôrôdin, với bí danh Lý Thụy, phiên dịch cho Bôrôdin, cố vấn chính trị của Tôn Dật Tiên đồng thời là người đại diện đầy uy tín của QTCS ở Trung Quốc. Trang sử mới của cuộc đời chính trị phong phú và sôi nổi của Nguyễn Ái Quốc ở thủ đô của cách mạng châu Á lúc đó, chứa đầy những biến động và kỳ thú. Tuy xa Bộ Phương Đông nhưng thông qua Bôrôdin và đồng chí Đalin, đại diện Thanh niên QTĐ, đồng thời đại diện cho Ban Viễn Đông của Bộ Phương Đông, đồng chí Bliukhe, Pháplốp, Primacốp, những cố vấn quân sự Liên Xô ở Quảng Châu và đặc biệt cả đồng chí Lôđôpxki, qua làm đại diện QTCHĐ... Nguyễn Ái Quốc vẫn có liên lạc thường xuyên với Mátxcova.

Cũng lưu ý rằng, những năm 1925 - 1926, được sự giúp đỡ của ĐCS Pháp, lớp cán bộ Việt Nam đầu tiên từ Paris đến Mátxcova học tập tại trường Phương Đông như Nguyễn Thế Rục, Nguyễn Thế Vinh, Trần Đình Long, Bùi Lâm... Trong số họ có không ít người đã gắn bó với những công hội thủy thủ đầu tiên trên đất Pháp.

Từ Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc cũng đã trực tiếp cử nhiều cán bộ ưu tú, vượt qua Hải Sâm Uy tới Mátxcova thụ huấn, trong số họ lác đác đã có những người từng làm thợ ở Vinh, Bến Thủy, Bạng Cốc hoặc Thượng Hải.

Có thể nói nhóm học viên Việt Nam ở trường Phương Đông trong những năm tiếp theo là cầu nối quan trọng của cách mạng Đông Dương, của giai cấp công nhân Việt Nam với Quốc tế Cộng sản và Quốc tế Công hội đỏ.

¹ Đây là một tài liệu đáng lưu ý đối với lịch sử phong trào Công hội đỏ Việt Nam, nguyên văn tham luận của Nguyễn Ái Quốc, xem Đại hội 5 QTCHĐ, Báo cáo (bản tốc ký), Mátxcova, tiếng Nga, 1930, tr. 297.

Những năm 1929 - 1942, trên các Tạp chí của QTCS và QTCHĐ xuất hiện ngày càng nhiều những bài có giá trị về Đông Dương và phong trào công nhân nước ta. Ngoài một số bài của Nguyễn Ái Quốc với các bút danh Nguyễn Ái Quốc, Lin, Nguyễn Can... còn nhiều bài của các đồng chí lãnh đạo BCH, QTCS và Bộ Phương Đông như của A.Mácxy, Gótvan, người sáng lập Đảng Cộng sản Tiệp Khắc, một nhân vật có nhiều đóng góp độc đáo với Công hội đỏ Việt Nam và Đảng Cộng sản Đông Dương nói chung mà chúng ta còn ít biết tới, các bài của Gran, Khaen, Nôvicốp, Minhin, Vương Minh... thuộc nhiều quốc tịch khác nhau nhưng tỏ ra hiểu khá sâu sắc những vấn đề nội bộ phong trào cách mạng nước ta.

Năm 1928 có một dấu mốc vô cùng quan trọng cho sự hình thành Công hội đỏ Việt Nam, đó là sự có mặt của đoàn đại biểu những người cộng sản Đông Dương tại Đại hội 6 QTCS do đồng chí Nguyễn Văn Tạo dẫn đầu. Đoàn đại biểu Đông Dương gồm 3 đồng chí, dĩ nhiên vẫn nằm chung trong đoàn Đảng CHÍNH SÁCH Pháp, lúc đó do Tổng bí thư mới của Đảng dẫn đầu, đồng chí P.Xêma, một cựu thủ lĩnh CGTU đã nói trên. Nhờ những đồng chí Pháp như P.Xêma, xuất thân từ công nhân, sau này thành người anh hùng giải phóng Paris khỏi ách phát xít Hítle chịu xử bắn, cả đồng chí A.Mácxy, người anh hùng Biển Đen, từ năm 1929 chúng ta đã thấy nhóm Cộng sản và Công hội Việt Nam lớn mạnh thế nào trên đất Pháp¹.

Với bí danh là An, trong phiên họp 17-8-1928, đồng chí Nguyễn Văn Tạo đã phát biểu tham luận trước Đại hội, một bản báo cáo xuất sắc đầy tính chiến đấu, vững vàng về lý luận tựa như sự trưởng thành của giai cấp công nhân Việt Nam khi ấy.

Trong bài đó, đồng chí Nguyễn Văn Tạo đặc biệt lưu ý Đại hội bằng, Đông Dương vẫn là một xứ bị bỏ quên, đồng thời kiên quyết bác bỏ một quan niệm sai lầm còn tồn tại cho rằng "công nhân Việt Nam chưa thành một giai cấp thực sự". Đồng chí còn phân tích sâu sắc tình hình các lực lượng chính trị ở Đông Dương 1925 - 1927, trong đó nêu bật sự trưởng thành về chính trị của công nhân Việt Nam qua cuộc "bãi công cộng sản" của 800 công nhân xưởng đóng tàu Ba Son gần 3 năm trước và kết luận:

"Quốc tế cộng sản cần hướng sự chú ý đặc biệt của mình vào việc thành lập ĐCS ở Đông Dương, cần phải nghiên cứu vấn đề tổ chức quần chúng công đoàn và nông hội. Chỉ có như vậy giai cấp vô sản Đông

¹ Xem Hồ Hữu Tường, 41 năm làm báo, Sài Gòn, 1973, tr. 31.

Dương mới có thể thực hiện sự giải phóng hoàn toàn. Chúng tôi đặt tất cả niềm hy vọng của mình vào giai cấp vô sản thế giới. Trong đó trước hết vô sản Pháp, Trung Quốc và Quốc tế Cộng sản..."¹.

Điều đó có nghĩa là, tổ chức Công đoàn của giai cấp Công nhân Việt Nam đã được Nguyễn Ái Quốc đặt đúng vào đường ray, quỹ đạo của phong trào Cộng sản và công nhân Quốc tế.

Nguyễn Ái Quốc không chỉ góp phần làm nảy sinh những cơ sở công hội của công nhân và thủy thủ Việt Nam trên đất Pháp, ngày này khi Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ra đời (6-1925), cũng như khi còn ở Pháp, Người chú ý đến việc tuyên truyền, kết nạp những công nhân tàu biển vào tổ chức cách mạng để sau này tạo thêm đường dây liên lạc giữa cán bộ trong và ngoài nước, giữa tổ chức cách mạng nước ta với quốc tế.

Về Quảng Châu mới hơn một tháng, Người đã phác ra kế hoạch trong báo cáo QTCS:

- a. Xây dựng cơ sở hoạt động ở Quảng Châu.
- b. Xây dựng những cơ sở giao thông:
 1. Ở Quảng Tây
 2. Ở Cục nam Quảng Đông
 3. Ở Băng Cốc
 4. Ở Tịch Kho (ga tận cùng đường sắt Băng Cốc lên phương Bắc. Ga này cách Lạc Phách 20 ngày đi bộ)
 5. Ở Lạc Phách, một thị trấn nhỏ trên tả ngạn sông Cửu Long cách Trung Kỳ 15 ngày đi bộ.
- c. Cử một đồng chí về nước thu thập và truyền đạt tin tức.
- d. Cử một hoặc nhiều đồng chí xuống tàu biển chạy đường Trung Quốc nối với Đông Dương

Người lãnh trách nhiệm quan trọng ấy trên biển Đông Thái Bình Dương là đồng chí Sao Đỏ - Nguyễn Lương Bằng.

Giữa năm 1927, đồng chí xuống làm việc trên tàu Sông Bờ, chuyên chạy đường Hồng Kông - Quảng Châu. Theo hồi ký của đồng chí Nguyễn

¹ Toàn văn tư liệu quan trọng này, xem Biên bản tốc ký Đại hội 6 QTCS, Mátxcova, t.4. 1930, tr. 278-284.

Lương Bằng, trong tô giới Pháp ở Thượng Hải có 4.000 lính khố xanh, khố đỏ người Việt Nam và một số công nhân cùng gia đình họ làm ăn ở đây, con số lên tới 6000. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã nhanh chóng gây cơ sở ở đây. Được sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Thành ủy Thượng Hải và Giang Tô, cơ sở quần chúng trong công nhân, binh lính lan rất nhanh: chính chiếc tàu chạy đường Xúc-xây - Hoàng Tân (Nhật Bản) như chiếc Đáctanhan, Atốt 2, Sơnôngxô, Sphanh, Poóctốt... đều có cơ sở của Hải viên công hội. Như vậy là đường dây liên lạc từ Thượng Hải về Hồng Kông, Sài Gòn và Paris đã khép kín. Những tài liệu cách mạng từ Quảng Châu đã có thể chuyển tới các cảng Việt Nam. Theo gợi ý của Nguyễn Ái Quốc, ngay khi Người đã rời Quảng Châu, Hải viên công hội của Nguyễn Lương Bằng đã ra tờ Giác Ngộ (chung cho Việt Kiều và binh lính) và tờ Kèn gọi lính riêng cho binh lính Việt Nam. Điều thú vị là có lần anh em còn tiếp đón cả thủy thủ tàu V.Rutzô, một trong những tàu tham gia vụ binh biến Hắc Hải năm 1919.

Cơ sở Hải viên Công hội mà Nguyễn Ái Quốc gieo mầm, ngoài Nguyễn Lương Bằng còn có quan hệ đến cuộc đời chính trị nhiều nhân vật nổi tiếng khác của phong trào công nhân Việt Nam.

Từ năm 1929, ta tổ chức đường dây liên lạc qua tàu Liên Châu, một tàu có sức chở 500 hành khách của hãng Jeans Panier chạy tuyến Hải Phòng - Hồng Kông, thì việc chuyển tài liệu và đưa cán bộ vào ra cảng tấp nập hơn¹. Chùa Đò Hải Phòng, chùa Hàng Kênh, hiệu sách Nam Anh Thư... là những hộp thư quen thuộc của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Con tàu này và những hội viên Công hội đường biển đảm nhận. Chuyển đi của đồng chí Phiếm Chu và Nguyễn Văn Hới tháng 7-1929 và của Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh đi dự Hội nghị hợp nhất các nhóm Cộng sản ở Hồng Kông là những thí dụ nổi bật.

Khi Công hội đỏ đã được thành lập khắp trong nước, cơ sở công hội của thủy thủ ở Pháp và Trung Quốc vẫn có những đóng góp đặc biệt.

Tháng 11 năm 1929, Cựu Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, đồng chí Hoàng Quốc Việt đã thực hiện sứ mệnh lịch sử là trực tiếp đi nối liên hệ giữa Đông Dương Cộng sản Đảng (ĐDCSD) với Đảng Cộng sản Pháp. Khi đó đồng chí Hoàng Quốc Việt đang làm thợ máy trên tàu Claude Chappe, chuyên vận chuyển tài liệu từ Bắc Kỳ vào Sài Gòn, đồng

¹ Xem bài của Nguyễn Trọng Cồn. Phong trào thủy thủ Việt Nam ở nước ngoài, Nghiên cứu lịch sử, số 7-1987.

chí lọt vào mắt xanh của Ngô Gia Tự và được giao trọng trách trên. Đồng chí Việt đã xin được làm cho tàu Sài Gòn – Mác-xây, cứ cách tháng lại có chuyến đi Pháp¹.

Chuyến đi trôi chảy tốt đẹp: thư của Ngô Gia Tự đã được chuyển tận tay BCSTU ĐCS Pháp, một khẩu úng lục và mấy va li sách báo cộng sản là quà tặng của giai cấp công nhân Pháp cho phong trào cộng sản Việt Nam vừa nhen nhóm.

Đầu tháng 2 năm 1930, đồng chí Hoàng Quốc Việt về đến Sài Gòn, giữa lúc giai cấp công nhân nước ta đã thống nhất lực lượng lãnh đạo trong ĐCSVN và Công hội đỏ Việt Nam cũng đang bước vào trận thử sức đầu tiên.

Những phác họa trên đây cho thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong những kiến trúc sư chủ yếu nhất cho Công hội đỏ, hình thức đầu tiên của Công đoàn Việt Nam.

Những người đồng chí và học trò của Người như Tôn Đức Thắng, Nguyễn Đức Cảnh, Ngô Gia Tự... đã đủ những hiểu biết và kinh nghiệm cần thiết để thành lập những cơ sở thực sự của Công hội đỏ ở Việt Nam.

*

* *

Tất cả những điều đó có những căn nguyên lịch sử cụ thể của nó, có điều trong những công trình lịch sử phong trào công nhân và công đoàn trước đây chưa có điều kiện trình bày cặn kẽ.

Đại hội 5 QTCHĐ ở Mátxcova từ 15 đến 30 tháng 8 năm 1939, có 538 đại biểu của 61 nước tham dự, trong đó đại biểu của Công hội đỏ Việt Nam gồm 3 đồng chí².

Để chuẩn bị cho công việc chính đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã chăm lo từ lâu. Do những quan hệ chặt chẽ với Lôđôpxki, Tổng thư ký QTCHĐ và là Đại diện QTCHĐ ở Trung Quốc những năm 1925 - 1928, ngay ngày 27-

¹ Hoàng Quốc Việt, trong thiên hồi ký Chặng đường nóng bỏng, Nxb Lao Động, 1985, tr. 34, kể lại chuyến đi này, cho biết thêm nhiều chi tiết đáng lưu ý về những hoạt động của công nhân đường biển Việt Nam trong Công đoàn hàng hải ở Pháp những năm 1929 - 1930.

² Theo tài liệu gốc lưu trữ ở Mátxcova có đồng chí Lâm, Minh và Công (Lê Văn Kiệt), 2 trong 3 đại biểu có tham luận, tài liệu của TCDVN viết có 3 đại biểu là Hoàng Bình, Phạm Văn Đức, Lê Văn Kiệt.

2-1930, Nguyễn Ái Quốc đã gửi thư cho BCHQTCHĐ và Tổng LĐLĐ thống nhất (CGTU) Pháp ký tên Nguyễn Ái Kvak yêu cầu sự giúp đỡ phong trào công hội Việt Nam. Đặc biệt trong thư về ngày 5-4-1939 cho nhóm học sinh Việt Nam đã học ở Liên Xô, Người báo tin Đảng CSVN đã thành lập và một đoàn đại biểu Công hội đỏ VN sắp tới Mátxcova dự Đại hội 5 QTCHĐ, yêu cầu đoàn học viên hết sức giúp đỡ*.

Vượt qua muôn vàn khó khăn do sự kiểm soát gắt gao và truy lùng của địch, đoàn đại biểu đã qua Trung Quốc rồi vượt biên giới Mãn Châu để tới Liên Xô, từ Vladivôxtốc tới Mátxcova.

Sự trưởng thành của Công hội đỏ Việt Nam thể hiện ngay trong các bài phát biểu của đại biểu Việt Nam trong Đại hội. Tài liệu tốc ký lưu trữ về Đại hội này ghi rõ đồng chí Lâm Văn Minh và Công đọc tham luận vào phiên thứ 8 chiều 19-8 và phiên thứ 17 chiều 24-8.

Sau khi tố cáo chính sách thống trị tàn bạo của chủ nghĩa thực dân pháp và đời sống vô cùng cực khổ của công nhân và nhân dân lao động Đông Dương, tham luận của các đại biểu Việt Nam đã giới thiệu sự lớn mạnh của phong trào công nhân và Công hội đỏ Việt Nam, nhất là từ khi ĐCSVN thành lập. Về tổ chức Công hội đỏ Việt Nam, con số 7-800 hội viên đã được nêu lên những hoạt động đầy tính chiến đấu và tổ chức của nó, những hạn chế và thiếu sót của phong trào cũng được vạch ra thẳng thắn.

Diễn văn của đồng chí Lê Văn Kiệt phân tích 5 đặc điểm phong trào bãi công ở Đông Dương dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Công hội đỏ trẻ tuổi, sau đó nêu những hạn chế:

"Bãi công tuy có tổ chức nhưng chưa chuẩn bị thật tốt. Chúng tôi chưa biết tổ chức các ủy ban tranh đấu, đôi khi các ủy ban bãi công do sự chỉ định đơn thuần. Chúng tôi cũng chưa biết tổ chức rút lui và chưa biết rút lui với tổn thất ít nhất..."².

Tình cảm quốc tế vô sản là cảm nhận nổi bật trong những bài diễn văn đó. Dường như các đại biểu Việt Nam muốn tỏ rõ không chỉ là lòng biết ơn sự giúp đỡ quốc tế mà đó còn là bản chất, là khởi thủy của Công

* Chi tiết thư này, xem Hồng Hà. Trên đất nước... Sđd, tr. 249. Có những chi tiết hay.

² Đại hội 5 QTCHĐ, Biên bản tốc ký, tiếng Nga, Mátxcova, 1930, tr. 508-509.

hội đỏ Việt Nam khi nó được hình thành cũng như nó náo nức sự hòa nhập với QTCHĐ. Đồng chí Lâm Văn Minh trong diễn văn của mình nói:

"Thưa các đồng chí, giai cấp vô sản Đông Dương tự hào vì sự có mặt của đại biểu mình ở Đại hội này. Lần đầu tiên chúng tôi được có mặt và được tham gia vào công việc của Bộ tham mưu của tổ chức Công đoàn toàn thế giới mà Đại hội của Quốc tế Công hội đỏ là sự biểu dương...

Điều mới mẻ trong phong trào cách mạng Đông Dương là giai cấp vô sản Đông Dương đã bước vào cuộc đấu tranh, đã bước lên vũ đài chính trị... Mặc dù có những khuyết điểm thiếu sót, chúng tôi đã giành được những thắng lợi to lớn, chúng tôi đã đi theo con đường đúng đắn mà Lênin đã chỉ ra...¹.

Trong biên bản tốc ký Đại hội còn mô tả, các đại biểu Đông Dương trong giờ giải lao đã được các đại biểu vây chặt, ôm hôn và hoan hô trong tình giai cấp. Trong văn kiện quan trọng của Đại hội "Những vấn đề của tổ chức Công đoàn các nước thuộc địa và phụ thuộc", có phần đánh giá riêng về phong trào công nhân Việt Nam, có đoạn viết: "Kết quả của cuộc đấu tranh kinh tế do những phần tử cách mạng lãnh đạo ở Đông Dương hiện đã xuất hiện tổ chức công đoàn cách mạng. Hiện nay xứ Đông Dương đã có những nghiệp đoàn của thợ mỏ, công nhân đường sắt, thợ dệt, xi măng, thợ xây dựng (nhất là công nhân nông nghiệp Bắc Kỳ và Trung Kỳ). Lớn mạnh về số lượng, phong trào công nhân Đông Dương còn có những mặt yếu xét về tư tưởng và cái chính là tổ chức"².

Đoàn đại biểu Đông Dương đã được đề cử tham gia ủy ban 27 nước, đại diện Công hội đỏ và tổ chức Công đoàn thuộc địa và nửa thuộc địa cùng với Trung Quốc, Ấn Độ, Anh, Pháp, Mỹ, Nhật Bản, Triều Tiên, Philippin, các nước Ả Rập, Nam Dương... Một nghị quyết về tổ chức Công đoàn Đông Dương gồm 12 điểm³ trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ thành lập Tổng công hội Đông Dương cũng như sự phối hợp với công đoàn Pháp và Trung Quốc, là những gợi ý vô cùng quan trọng cho công tác công vận cũng như với Công hội Việt Nam sau đó.

Sự hòa nhập còn thể hiện từ phía công đoàn các nước anh em.

Trong phiên họp thứ 17 chiều 24-8, Pétini, đại biểu công đoàn Italia, cuối bản tham luận của mình đã bày tỏ rằng công nhân nước mình: "Theo

¹ Đại hội 5 QRCS, tư liệu đã dẫn, tr. 255 - 256.

² Đại hội 5 QTCHĐ... tr. 425.

³ Xem toàn văn NQ này trong Văn kiện Đảng 1930 - 1945, đã dẫn, tr. 53 - 57.

dõi chăm chú cuộc đấu tranh to lớn của công nhân Trung Quốc, Ấn Độ và Đông Dương vì chính cuộc đấu tranh ấy nâng cao lòng tin và bản thân"¹.

Đặc biệt đại biểu công đoàn Pháp, đồng chí Bông Phong đã dành toàn bộ diễn văn của mình trong phiên họp thứ 17 sáng 24-8, cho vấn đề Đông Dương. Tham luận trình bày khá sâu sắc ảnh hưởng của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ 2 (1919 - 1929) của Pháp ở xứ Đông Dương, đẩy thêm quá trình bần cùng hóa của nhân dân ta, cũng như ca ngợi cuộc đấu tranh anh dũng của công nhân và nhân dân Đông Dương xứng đáng là "tấm gương cho Tổng Liên đoàn Lao động thống nhất Pháp".

Với tinh thần quốc tế vô sản, người đại diện cho công nhân Pháp đã thẳng thắn nêu lên những mặt còn hạn chế của ĐCS Pháp cũng như của CGTU với cách mạng Đông Dương.

"Mối liên hệ giữa Tổng Liên đoàn Lao động thống nhất Pháp với Đông Dương còn quá hình thức, không thường xuyên. Chúng tôi có thông tin nhưng không đầy đủ. Chúng tôi tiến hành công tác tại các hải cảng và tàu thủy Pháp - ở đó có nhiều người Đông Dương - nhưng còn yếu kém. Ở Pari số đông sinh viên đã được tổ chức nhưng mối liên hệ của chúng tôi với họ chưa đầy đủ... Chúng tôi có tới 30 tờ báo của các công đoàn, nhưng chỉ có tờ Đời sống công nhân là có nói về cuộc đấu tranh của các đồng chí Đông Dương"².

Sau khi phác ra những nhiệm vụ của công đoàn Pháp với Đông Dương, đồng chí Phong Xông kết luận:

"Thưa các đồng chí, những mặt yếu kém và chúng tôi nêu trên, tại Đại hội 5, đạ nói lên rằng, chúng ta cần phải tiến hành một cách triệt để hơn chống chủ nghĩa đế quốc. Không có nhu cầu nào phổ biến điều đó"³.

Như vậy là với một đất nước bị chủ nghĩa thực dân đàn áp, bóc lột và nhất là bùng bít, cô lập nó với thế giới bên ngoài, giai cấp công nhân và phong trào công đoàn ngay buổi đầu đã có sự hòa nhập quốc tế và đó là một nhân tố không thể thiếu được cho sự thuận thực nhanh chóng, ngay đúng lúc đang trong cơn bão táp cách mạng.

Thật thú vị khi chúng ta còn phát hiện thấy, ngay sau khi Đại hội 5 QTCHĐ, trong những tài liệu của QTCS có bài "Những cảm tưởng của

¹ Đại hội 5 QTCHĐ... tr. 496.

² Đại hội 5 QTCHĐ... tr. 488 - 489.

³ Đại hội 5 QTCHĐ... tr. 488 - 489.

công nhân Đông Dương”, đăng trên Tạp chí Phong trào công nhân Quốc tế (Tạp chí của QTCHĐ, số 29 tháng 9-1939), ký tên Đoàn đại biểu Đông Dương¹.

Những thành tựu của Liên Xô (cũ) trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội những năm đó quả là miền đất hứa với tất cả những người Cộng sản và nhân dân lao động toàn thế giới. Tác giả bài báo nói rằng, lần đầu tiên những đại biểu của công nhân được làm quen với những kinh nghiệm đấu tranh của phong trào công nhân quốc tế, đặc biệt là những thành tựu của sự nghiệp xây dựng XHCN của Liên Xô.

Bài báo còn kể ở hành trình tham quan của Đoàn tại rất nhiều nơi trên đất nước Lenin, từ khu công nghiệp đến các nông trang tập thể, rồi kết luận: *"Chúng tôi đã nhận thức một cách sâu sắc những kinh nghiệm thực tế công tác công đoàn tại Đại hội 5 QTCHĐ vừa qua. Chuyến đi tham quan đặc biệt và thật tuyệt diệu suốt dọc đất nước Xô Viết đem lại cho chúng tôi nguồn sinh lực mới mẻ và mạnh mẽ. Khi trở về bán đảo Đông Dương của mình, chúng tôi sẽ bắt tay vào trận chiến đấu mới đến giọt máu cuối cùng vì sự lật đổ chủ nghĩa đế quốc và tư bản, để rồi đến lượt mình xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở Viễn Đông"*.

Không chỉ là sự hòa nhập Đại hội 5 QTCHĐ còn là bước nhảy vọt đầu tiên của Công hội đỏ Việt Nam.

¹ Chi tiết hơn xem bài của Đỗ Quang Hưng, báo Lao Động, số 19-11-1987.

CHƯƠNG THỨ NĂM

HỒ CHÍ MINH VỚI TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

Đúng là sức mạnh của giai cấp công nhân là ở tổ chức. Đứng trước phái chủ, nếu họ là những cá thể đơn lẻ thì họ chẳng có giá trị thực tế gì. Nhưng khi họ đã đứng trong một tổ chức, vai sát vai trong đấu tranh bãi công, vũ khí độc đáo riêng của giai cấp mà họ dần dần phát hiện dưới sự tổ chức của tổ chức công đoàn và sau đó là tổ chức chính trị cao hơn đó là các Đảng Cộng sản và công nhân, thì sức mạnh của họ được nhân lên ngàn vạn lần trong cảm hứng đấu tranh mới, trong cái "*trường học chiến tranh*" như Lenin đã nói, để tiêu diệt giai cấp thống trị, không phải chỉ là một chủ xưởng cụ thể nào, giành lấy quyền tự mình trở thành dân tộc.

Trên lộ trình rất dài đó, việc xuất hiện các tổ chức công đoàn trong giai cấp công nhân như một quy luật phổ biến và tất yếu.

Đối với phong trào công nhân các nước phương Đông, tuy có những nét khác, nhưng bước đi cùng theo quy luật đó. Nói chung công đoàn ở các nước phương Đông ra đời muộn, tuy mức độ khác nhau.

Chẳng hạn, đối với công nhân Trung Quốc (bao giờ thì đối với Việt Nam, Trung Quốc cũng có ý nghĩa của một hệ qui chiếu), do có truyền thống phường hội khá mạnh, giai cấp công nhân hiện đại Trung Quốc đã có bệ đỡ là tầng lớp thị dân, nên các tổ chức Công đoàn Trung Quốc xuất hiện sớm và tỏ ra khá vững mạnh. Ngay từ năm 1909, ở Quảng Châu đã xuất hiện Hội nghiên cứu cơ khí, đến năm 1918 thành ra Công hội thợ máy Quảng Châu, thu hút đông đảo thợ thuyền, hoạt động rất sôi nổi. Lúc đó, trong cả 5 khu vực công nghệ của Trung Quốc, đều có Liên hiệp phường hội khu vực. Riêng Thượng Hải thì Liên hiệp phường hội nghề nghiệp phát triển đặc biệt mạnh mẽ.

Vì thế ngay sau cách mạng Tân Hợi (1911), theo Hiến pháp 3-1912 của Chính phủ Trung Hoa dân quốc do Tôn Dật Tiên đứng đầu, trong điều

6 của văn bản, đã cho phép lập Phòng Lao động và Liên hiệp công hội Trung Hoa. Đó là những thuận lợi đáng kể cho phong trào công nhân Trung Quốc sau này khi Đảng Cộng sản Trung Quốc ra đời.

Ở Ấn Độ, vấn đề có nét phức tạp hơn, nhưng ngay năm 1918 cũng đã ra đời Hội Liên hiệp lao động Mandorát, do nhà dân chủ Vadia cùng với nhà nữ thần học Bixan sáng lập. Ở Indônêxia, do sự hoạt động của bộ phận Đảng Xã hội dân chủ Hà Lan ở đây, những mầm mống của tổ chức công đoàn cũng ra đời rất sớm ại khu vực công nghiệp quan trọng mới mọc ra ở bản xứ, năm 1905, có Công hội đường sắt quốc gia S. Bông, tổ chức đó làm hạt nhân cho Liên hiệp công đoàn thống nhất.

Đối với phong trào công nhân và tổ chức công đoàn nước ta, một tình hình tương tự như thế, thật khó có thể có được.

Những khảo sát về lịch sử địa phương của chúng ta cho phép kết luận rằng, những dấu vết đầu tiên của phong trào công nhân và tổ chức công đoàn nước ta có liên quan đến những hoạt động của chí sĩ Phan Bội Châu (1867 - 1940), người cầm đầu khuynh hướng bạo động, linh hồn của phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ này, trước khi vai trò Nguyễn Ái Quốc xuất hiện trên sân khấu chính trị. Tuy sự hiểu biết về giai cấp công nhân còn hạn chế và nhất là *"vì muốn cứu nước mà Phan Bội Châu muốn trở thành một người tư sản nhưng ông lại không có tâm hồn tư sản"* như một nhà sử học Pháp nhận xét, do phải tiến hành công tác đưa thanh niên Việt Nam đi xuất dương sang Nhật thời Duy Tân hội (1904 - 1908) và đặc biệt chuẩn bị đấu tranh vũ trang thời kỳ Việt Nam Quang Phục hội (1912 - 1918) nên cụ Phan bắt buộc phải hướng về lực lượng thợ thuyền, nhất là lực lượng công nhân đường sắt và cơ khí cũng như một số thủy thủ Việt Nam ở vùng biên giới Việt - Trung, Hải Phòng và Quảng Ninh hiện nay.

Một trong những vết tích được phát hiện ở tại Hòn Gai. Ngay những năm đầu thế kỷ, tại đây những đảng viên Duy Tân hội như Nguyễn Công Trục, Đặng Minh Chinh, Phạm Văn An đã lập ra Hội công thương ái hữu ở Hòn Gai với gần 100 hội viên, và có những hoạt động đáng chú ý ở vùng này. Trong những năm trước thế chiến thứ nhất, Phan Bội Châu cũng có chủ trương kết nạp một số công nhân đường sắt và thợ may người Việt sống và làm việc ở Long Châu (Trung Quốc), trong đó có người thợ đúc anh hùng Nguyễn Bá Hoạt mà cụ Phan hết sức quý trọng, cũng như người thợ máy tàu biển Lý Tuệ, những nhân vật được truyền tụng trong Việt Nam nghĩa.

Một trong những vết tích được phát hiện ở tại Hòn Gai. Ngay những năm đầu thế kỷ, tại đây những đảng viên Duy Tân hội như Nguyễn Công Trục, Đặng Minh Chính, Phạm Văn An đã lập ra Hội công thương ái hữu ở Hòn Gai với gần 100 hội viên và có những hoạt động đáng chú ý ở vùng này. Trong những năm trước thế chiến thứ nhất, Phan Bội Châu cũng có chủ trương kết nạp một số công nhân đường sắt và thợ may người Việt sống và làm việc ở Long Châu (Trung Quốc), trong đó có người thợ đúc anh hùng Nguyễn Bá Hoạt mà cụ Phan hết sức quý trọng, công nhân ủng hộ như người thợ máy tàu biển Lý Tuệ, những nhân vật được truyền tụng trong Việt Nam nghĩa liệt sử.

Tuy thế, do những hạn chế dễ thấy, những cố gắng đầu tiên của Phan Bội Châu chưa đủ tạo ra những công sở thực sự cho tổ chức Công đoàn Việt Nam.

Cũng có thể nói thêm về một ví dụ khác.

Trong tài liệu lưu trữ của Hà Nội, cho biết về một Hội ái hữu viên chức ngành lục lộ được thành lập ngày 31-12-1906 với 77 hội viên theo quyết định của Thống Sứ Bắc Kỳ. Một năm sau, tại các tỉnh Bắc và Trung Kỳ cũng mọc ra khá nhiều các Hội ái hữu của giới công thương, Hội Trí tri của giáo hội, Hội Quảng Nhã của nghệ nhân. Hội Hợp thiện của viên chức lớp dưới... Đó là những tổ chức mà theo báo cáo của Sở mật thám Hà Nội là "*Không bao giờ bàn đến chính trị*". Còn bản thân thợ thuyền thì chưa hề có nghiệp đoàn.

Những nguồn gốc thực sự của tổ chức công đoàn nước ta có thể tìm thấy trên chính đất Pháp với những hoạt động vô cùng sôi nổi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc và những người bạn chiến đấu, những học trò, đàn em của Người.

Sau những chuyến đi biển dài ngày, từ mùa đông năm 1917 đến 1923, anh Nguyễn định cư ở nước Pháp, là quãng thời gian có tính chất quyết định nhất. Thủ độ Paris của nước Pháp lúc đó đúng như nhận xét của nhiều người phương Tây, quả là một vùng đất sôi động đang áp ủ những cuộc cách mạng của các lực lượng phái tả mới xuất hiện.

Sự kiện đêm 29-12-1920 khi anh Nguyễn cùng với 160 đại biểu khác của Đảng Xã hội trong Đại hội Tua đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế 3 của Lênin và tuyên bố thành lập Đảng Cộng sản Pháp được nói đến rất nhiều ở Việt Nam cũng như ở nước ngoài. Từ một người yêu nước chân chính,

sau gần 10 năm lộn trong phong trào công nhân thuộc địa chính ở "mẫu quốc" anh Nguyễn đã tìm ra con đường cứu nước cho giai cấp công nhân và dân tộc. Với anh Nguyễn, đó là bước nhảy vọt của sự thuần thực về chính trị và kinh nghiệm cách mạng.

Nhưng vấn đề không chỉ như vậy. Sau khi trở thành người cộng sản, trong nhiều việc lớn chuẩn bị cho dân tộc trên lộ trình cách mạng lâu dài việc tìm kiếm những hình thức liên minh cho giai cấp công nhân Việt Nam nói cách khác là xây dựng những cơ sở đầu tiên cho tổ chức công đoàn nước ta chiếm một phần không nhỏ trong những hoạt động phong phú và đa dạng của Nguyễn Ái Quốc.

Thực ra, việc này cũng được anh Nguyễn bắt đầu từ khá sớm. Đã có nhiều tư liệu để khẳng định rằng ngay từ năm 1913, khi còn sống trên đất Anh, một nước tư bản "kiểu mẫu", "công xưởng của thế giới", cũng là nơi được coi là quê hương của phong trào nghiệp đoàn thế giới, khi đang làm công việc của một đầu bếp sành điệu ở khách sạn Cacton nổi tiếng của thủ đô Luân Đôn, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia tổ chức Lao động hải ngoại, tổ chức nghiệp đoàn của những người thợ thuyền thuộc địa sống trên đất Anh. Hiểu rõ giai cấp công nhân thuộc địa hơn ai hết bởi chính bản thân anh đã trải qua hàng chục nghề, dấn thân trên khắp các cửa biển và lục địa, khi trở lại nước Pháp, tất nhiên Anh Nguyễn lập tức hướng tới các tổ chức công nhân thuộc phái tả ở Paris. Cuộc tiếp xúc chính trị đầu tiên của Anh diễn ra trong một hiệu sách nhỏ trên sông G.Mapơ, do một chiến sĩ công nhân tên là Haphen chủ trì.

Sau đó anh được làm quen và dần kết thân với những thủ lĩnh có tên tuổi của tổ chức công đoàn cánh tả như Mônátơ, Buốcđơông hoặc những nhà dân chủ nổi tiếng của Paris như G.Lôngghê, G.Piôơ, kể đó là những người Mácxit cũng nổi danh không kém như nhà triết học Xuvarin, M.Casanh, V.Cutyriê v.v...

Năm 1919, thông qua đồng chí A.Côxtơ, Nguyễn Ái Quốc gia nhập Công đoàn kim khí quận 17 Paris, thuộc lực lượng công đoàn vô chính phủ, có xu hướng khuynh tả.

Kể từ khi tên tuổi Nguyễn Ái Quốc xuất hiện ở Paris thì phong trào yêu nước và thợ thuyền Việt Nam ở Pháp như bừng tỉnh. Cùng với hai nhà cách mạng đàn anh, những thủ lĩnh tinh thần của giới Việt kiều là Tiến sĩ - luật sư Phan Văn Trường và chí sĩ Phan Chu Trinh. Anh Nguyễn đã tham gia lập Hội những người Việt Nam yêu nước ở Pháp. Đây cũng là

cầu nối đầu tiên của anh Nguyễn với những công nhân, lính thợ thủy thủ người Việt ở Pháp. Một trong những báo cáo mật đầu tiên của Sở mật thám Paris về việc này là báo cáo tổng hợp của cơ quan tình báo đặc biệt do chính Acnu ký ngày 30-1-1920.

"Những cuộc theo dõi Nguyễn Ái Quốc cho phép nhận mặt một số người thường xuyên hoặc tình cờ có quan hệ với anh ta. Những người này có tên là TRAN VAN KHA, TRAN XUAN HO - DE LIONSANGE, THINH NGUYEN VAN, BACH BAN THONG MENOS, LA QUY, VANGKARL, CASMIR, NGUYEN VAN KHUONG, TRAN QUANG LAM, LROUION, RENNER, BÀ MAGRIGE MEIAT...¹.

Còn có những tư liệu nói rõ hơn mối quan hệ của anh Nguyễn với số lính thợ người Việt ở Paris sau chiến tranh thế giới thứ nhất. Mối quan hệ rất mật thiết với Phó Quản Lâm, cai Khương, cai Kiên, cai Nguyễn Văn Mạnh, Trần Xuân Hộ, Tạ Đình Cao và những nhân vật cộng sản quen thuộc sau này như đồng chí Bùi Lâm, lúc đó là thủy thủ².

Thời gian anh Nguyễn chuyển về ở nhà số 9 ngõ Côngpoăng thì số bà con Việt kiều là thợ thuyền lui tới càng đông hơn. Trong số họ, Nguyễn Văn Gị tức Bùi Lâm, đã trở thành người đứng đầu Công hội thủy thủ Việt Nam ở cảng Lơ Havơơ, Nguyễn Văn Liên (ở Tour) và Nguyễn Duyên (ở Cartes)...

Sau khi Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa (10-1921) và nhất là khi tờ Người cùng khổ (Le Paria) ra mắt vào 4-1922, thì sự nảy nở những tổ chức công đoàn đầu tiên của người Việt Nam trên đất Pháp càng đầy mạnh.

Thông qua sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Pháp và Tổng công hội thống nhất (CGTU) anh Nguyễn đặc biệt chú ý lực lượng thợ thuyền người Việt sống và làm việc ở hai cảng biển lớn nhất của Pháp và Mácxây và Lơ Havơơ.

Lúc đầu Nguyễn cùng với một số đồng chí của Anh tìm hiểu những tổ chức ái hữu, tương tế đã có trước năm 1922 mà bọn mật thám Pháp nắm khá chắc như Hội ái hữu những người lao động chân tay Đông Dương tại

¹ Xem Phan Quang. Một số tư liệu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Pháp (1917 - 1923), NXB T.P Hồ Chí Minh, 1988, tr.61 (Tên người theo nguyên bản của mật thám Pháp).

² Thu trang. Những hoạt động của Phan Chu Trinh ở Pháp (1911 - 1925), NXB Đông Nam Á, Paris, 1983, tr.131 - 146.

Pháp, thu hút chủ yếu người Bắc Kỳ, Hội tương tế Đông Dương của giới thủy thủ, là những tổ chức không có tính chất chính trị.

Để tạo ra sự tiếp xúc quốc tế trong đấu tranh và trong sinh hoạt anh Nguyễn đã đề nghị CGTU giúp đỡ tổ chức kết nạp lực lượng đó. Ngay trước năm 1923, khi Nguyễn còn hoạt động ở Paris, những cơ sở Công hội đỏ Việt Nam đã ra đời. Tuy bị theo dõi gắt gao, nhưng những cơ sở bí mật của Công hội thủy thủ Việt Nam như tiệm ăn của Văn Tư, số nhà 5 phố Saint Nikolas tại Lơ Havorơ vẫn đảm nhiệm sinh hoạt, trao đổi với các bạn Công hội cách mạng Pháp, các nước thuộc địa và đặc biệt làm cơ sở liên lạc nhận báo Người cùng khổ, Nhân đạo, Việt Nam hồn... bí mật chuyển xuống tàu đưa về nước.

Từ sau năm 1925, trên đất Pháp, còn xuất hiện nhiều tổ chức của lao động và thợ thuyền Việt Nam, làm phong phú thêm cho những trang sử còn non trẻ của tổ chức công đoàn nước ta. Đó là những Hội những người lao động trí óc Đông Dương, Hội bệnh vực người lao động An Nam (ở Mác Xây) của thủy thủ.

Ảnh hưởng của tổ chức công đoàn cách mạng châu Âu cũng như của Nguyễn Ái Quốc đối với tổ chức công đoàn Việt Nam ở hải ngoại ngày càng rõ rệt. Chỉ cần đọc bài Tiếng nói của một người Việt Nam của Trần Xuân Hội, người có tên trong sổ đen mật thám, đăng tải trên Người cùng khổ, số tháng 10-1922 cũng đã thấy rõ sự phát triển nhanh chóng của những tư tưởng đấu tranh công đoàn và nói chung của tư tưởng Cộng sản trong những chiến sĩ công hội đầu tiên. Đó là không kể trường hợp điển hình, một trong những người sáng lập ra tổ chức công đoàn Việt Nam, đồng chí Tôn Đức Thắng, trong chiến tranh đã hai lần đổ bộ lên Paris tìm Nguyễn Ái Quốc nhưng không được gặp. Rồi tham gia cuộc nổi dậy, cuộc phản chiến nổi tiếng ở Biển Đen ngày 20-4-1919 để ủng hộ nước Nga Xô Viết, một sự kiện được Nguyễn Ái Quốc cổ vũ kịp thời ngay ở diễn đàn Đại hội Tua (12-1920). Sau khi bị trục xuất về Sài Gòn, vào năm 1922 - 1923, Tôn Đức Thắng đã gieo những hạt giống đầu tiên của Công hội đỏ Việt Nam ngay tại cơ sở công nghiệp cổ nhất của giai cấp công nhân Việt Nam hiện đại: Xưởng đóng tàu Bason, Sài Gòn.

Rõ ràng chính sự kích thích những quan hệ quốc tế trên đất Pháp mà trong đó Nguyễn Ái Quốc gieo mầm đã sinh ra tổ chức Công đoàn Việt Nam.

Thực ra, yêu cầu về việc thành lập những tổ chức công hội do giai cấp công nhân nước ta cũng như công nhân thuộc địa, đã được Nguyễn Ái Quốc phát hiện ra ngay từ khi người là tác giả bản Yêu sách của nhân dân An Nam, được gửi cho những kẻ cầm đầu Hội nghị Vécxây đầu năm 1919. Trong điểm 6 của văn bản đã hé ra sự đòi hỏi chính đáng ấy. Chỉ ít lâu sau, cuối năm 1923 khi vừa đặt chân tới nước Nga Xô Viết, trong thư gửi Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, sau khi phê bình thẳng thắn Đảng Cộng sản (ĐCS) Pháp trong việc thực thi chính sách đối với thuộc địa. Anh Nguyễn đã chính thức yêu cầu ĐCS Pháp "*tổ chức những nghiệp đoàn hoặc thành lập những nhóm tương tự ở thuộc địa*"¹. Ảnh hưởng của Nguyễn Ái Quốc, cụ thể là sự cố gắng tạo mối tiếp xúc cho tổ chức công đoàn non trẻ với phong trào công nhân thế giới khi Quốc tế Công hội đỏ, một tổ chức nằm trong guồng máy của Quốc tế 3, xuất hiện năm 1921 thực đáng chú ý.

Trong những hoạt động đó của Người, sự kiện người tham gia Đại hội 3 Quốc tế Công hội đỏ (7-1924) ở Mátxcơva, thực sự là một cái mốc quan trọng. Là đại biểu duy nhất cho giai cấp công nhân thuộc địa ở Đại hội, Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị hết sức kỹ lưỡng để tham dự. Hàng loạt bài báo ngắn, sắc sảo của Người như phong trào công nhân Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật Bản, Phong trào công nhân Viễn Đông đăng tải trên các báo Nhân dân, Đời sống công nhân, Thư tín quốc tế... đã thu hút sự chú ý những đồng chí trong Ban chấp hành QTCHĐ như đồng chí Lôđôpxki, Chủ tịch Ban Chấp hành và nhiều người khác.

Quả thực lúc đó, QTCHĐ còn có phần xa lạ với giai cấp công nhân nước ta nói chung. Nhưng những dấu hiệu tốt lành đầu tiên của một tổ chức công đoàn cách mạng đang âm ỉ đã giành được sự chú ý và tình cảm của tổ chức công đoàn quốc tế đầu sức lực này.

Tham luận chính thức của Nguyễn Ái Quốc được trình bày trong phiên họp thứ 15 ngày 21-7-1924.

Đây là một tài liệu quý mà chúng tôi mới phát hiện được vì rằng, đây là tiếng nói chính thức đầu tiên của một đại biểu của phong trào công nhân và tổ chức công đoàn nước ta trên diễn đàn quốc tế.

¹ Hồ Chí Minh, Tuyển tập, Sđd, tr. 19.

Trong bài phát biểu, Nguyễn Ái Quốc không chỉ tố cáo sự bóc lột của chủ nghĩa thực dân Pháp ở Đông Dương, không chỉ nói lên tình cảm của giai cấp công nhân nước ta với tổ chức quốc tế có uy tín của mình, mà còn có những đề nghị thiết thực:

"Tình cảnh giai cấp công nhân Việt Nam là như thế. Đó là một tình cảnh khùng khiếp, nhưng không phải không có lối thoát. Bởi vì với sự giúp đỡ của QTCHĐ, chúng tôi quyết đập tanll của chủ nghĩa thực dân châu Âu. Nhưng để đi tới kết quả đó để thúc đẩy nhanh chóng công cuộc giải phóng giai cấp vô sản Đông Dương thì cần thiết một điều là các đồng chí chúng ta trong các tổ chức công đoàn cách mạng Pháp tích cực giúp đỡ chúng tôi trong công cuộc giải phóng mình..."

(Vỗ tay vang dội) (Trong nguyên văn, Biên bản tốc ký).

Như vậy là tổ chức Công hội đỏ Việt Nam bước đầu đã hòa nhập vào dòng chung. Trong Đại hội, anh Nguyễn vui mừng được gặp lại đồng chí Môngmút-xô người bạn thân thiết cũ ở Paris, thủ lĩnh CGTU, người được Lênin hết sức quý trọng và là người đỡ đầu Anh trong nghề làm báo cách mạng, khi Anh viết tờ "Đời sống công nhân Môngmút-xô" là chủ bút.

Nhờ những mối liên hệ quốc tế ấy, ngay khi anh Nguyễn vắng mặt ở Paris, phong trào công hội Việt Nam ở Pháp vẫn tiến triển tốt. Bên cạnh nhóm cộng sản Việt Nam ở Pháp, tổ chức công hội bí mật của công nhân và thủy thủ vẫn hoạt động mạnh trong sự giúp đỡ của CGTU.

Dù tình hình có phần phức tạp hơn từ năm 1925, khi trong nội bộ Việt kiều xuất hiện những khuynh hướng chính trị mới, nhưng với sự giúp đỡ của Môngmút-xô và I.Đôriô, người phụ trách Tiểu ban thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, nên các tổ chức thợ thuyền của ta đã có thêm những kinh nghiệm để vượt qua vũng lầy của chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi đang lan tràn.

Chính đồng chí I.Đôriô, Trưởng đoàn Đại biểu của Công đoàn Pháp tại Hội nghị Tổng Liên đoàn Thái Bình Dương họp ở Hán Khẩu (Trung Quốc) tháng 5-1927 đã nhấn mạnh sự cần thiết phải phối hợp hoạt động các tổ chức Công hội đỏ Trung Quốc và Việt Nam. Điều đó, cũng nằm trong tính toán của Nguyễn Ái Quốc khi Người tranh thủ dự Hội nghị này trước khi phải rời Trung Quốc, sau vụ phản biến tai hại của Tưởng Giới Thạch tháng 4-1927.

Tuy vậy, để phát triển phong trào công nhân cách mạng ở nước ta một cách vững chắc, việc chuẩn bị về mặt lý thuyết cần đầy đủ hơn.

Trước hết là những kinh nghiệm của phong trào công nhân và tổ chức công đoàn các nước thuộc địa và phụ thuộc. Đầu năm 1924 trong bài *"Phong trào công đoàn Thổ Nhĩ Kỳ"* Nguyễn Ái Quốc đã phát hiện những nét đặc thù đồng thời là điểm yếu của phong trào công nhân ở Thổ nói riêng và ở các nước phương Đông nói chung những hội tương tế tập hợp công nhân cùng ngành, sống trong cùng một thành phố. Còn công nhân các ngành khác nhau trong cùng một thành phố khác nhau thì lại không có liên hệ gì với nhau¹.

Với công nhân Trung Quốc, trong bài *"Phong trào công nhân"*, tháng 11-1923 Nguyễn Ái Quốc chỉ ra là, Trung Hoa đã có tới 15 nghiệp đoàn khá mạnh (số lượng 300.000 đoàn viên) nhưng vấn đề "Quyền tổ chức các công đoàn và các cuộc đình công"² vẫn còn đặt ra... Khi nói về phong trào Công nhân Nhật Bản, Người chú ý việc thành lập công đoàn cho số công nhân nông nghiệp cũng như tính khu vực chênh lệch giữa hai vùng Đông và Tây Nhật Bản *"đặc điểm chính trị địa lý ấy có thể thấy cả trong những công nhân công nghiệp"*³.

Sau đó Nguyễn Ái Quốc còn đi sâu hơn nữa vào những đặc điểm có tính truyền thống của Trung Quốc, chẳng hạn khi Người trình bày về sự đàn áp đẫm máu của bọn quân phiệt cát cứ đối với công nhân vùng mỏ Sui Cao Sun hoặc những kinh nghiệm tranh đấu kết hợp đấu tranh kinh tế với những yêu cầu về chính trị của Công đoàn Osaka (Nhật Bản).

Việc tìm kiếm những hình thức liên minh và phương thức hoạt động cho Công hội đỏ Việt Nam, mà chính Người cùng với những chiến sĩ tiên phong của phong trào công nhân nước ta vừa lựa chọn được Nguyễn Ái Quốc chú ý đặc biệt khi đã đặt chân tới Quảng Châu (Trung Quốc) vào cuối năm 1924 với nhiệm vụ xây dựng tổ chức tiên thân, đào tạo cán bộ, chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho việc thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam.

Chưa bao giờ Nguyễn Ái Quốc có những điều kiện thuận lợi như thế để suy ngẫm, để rút ra những kinh nghiệm cho phong trào công nhân nước ta. Trên tờ Thanh niên, tờ báo cách mạng đầu tiên của nước ta do chính Người sáng lập, cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam cách mạng với những kinh nghiệm đã tích lũy được khi đã dày công nghiên cứu phong trào công nhân các nước thuộc địa, phong trào công nhân Pháp và

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, t.1, Hà Nội, 1980, tr. 177, 179.

² Hồ Chí Minh, Toàn tập, t.1, Hà Nội, 1980, tr. 163.

³ Hồ Chí Minh, Toàn tập, t.1, Hà Nội, 1980, tr. 168.

nhất là của QTCHE mà Người có quan hệ trực tiếp từ năm 1923, Nguyễn Ái Quốc đã trình bày khá thấu đáo những vấn đề nóng hổi lúc đó của việc phân phối lực lượng Công đoàn ở Việt Nam cũng như những đặc điểm của nó.

Trong bài đầu tiên của loạt bài này, đăng trên tờ báo Thanh niên ngày 3-10-1926, Nguyễn Ái Quốc viết: "*Nước ta bị Pháp đè nén, nó cấm không cho tổ chức hội hè, cho nên bất kỳ muốn tổ chức hội gì cũng được, nhưng phải dùng cách bí mật mới được*".

Bước đầu Người đưa ra bảng phân tích cấu trúc giai cấp công nhân nước ta: công nhân nước ta có 3 thứ: *Một là*, thủ công (nghĩa là làm công bằng tay); *hai là*, công xưởng (nghĩa là dùng máy làm công) như máy cưa, máy dệt, xe lửa, vận tải; *ba là*, bán công (nghĩa là khi thì cày, khi thì làm công) mỗi thứ công nhân một khác nên cách tổ chức không giống nhau được, đại khái chia ra làm chức nghiệp tổ chức và sản nghiệp tổ chức. Chức nghiệp tổ chức là nghề nghiệp nào tổ chức theo nghề nghiệp ấy... sản nghiệp tổ chức là không theo nghề nghiệp mà theo những người làm chỗ nào thì tổ chức chỗ ấy...¹.

Cuối cùng tác giả kết luận: "*Cách nào cũng có cái lợi, cũng có cái hại, phải tùy thời, tùy địa điểm mà dùng nghĩa là về các công xưởng to thì theo cách sản nghiệp về các nghề lật vặt thì theo các chức nghiệp mà tổ chức*"².

Trong số báo tuần tiếp theo, để nhấn mạnh tầm quan trọng của tổ chức Công hội đỏ trong cuộc đấu tranh hiện tại, Người đưa ra những thí dụ dễ hiểu, dễ đi vào lòng người.

"*Người không có tổ chức thì cũng như chiếc đũa lẻ loi, ai cũng được. Người có đoàn thể cũng như bó đũa đã cột lại, không ai bẻ được. Chúng ta phải lấy người kéo xe làm ví dụ: như chủ xe thu tiền quá cao nếu chỉ ít người thợ kéo xe xin, chắc nó không bớt. Nếu cả mấy người đòi, cả hội đòi, chắc nó phải hạ vì nó sợ bãi công thì nó lỗ vốn. Lại như bây giờ mỗi vòng xe là 5 vu, nếu chỉ ít người đòi thêm một hào, thì khách họ thuê xe*

^{1 2} Báo Thanh Niên, ngày 3-10-1926.

khác rẻ hơn. Nếu hội định ai cũng đòi 1 hào, thì tự nhiên khách phải trả một hào”¹.

Việc chuẩn bị về lý thuyết về tổ chức cho phong trào Công hội đỏ Việt Nam còn được hoàn chỉnh trong cuốn sách “*Đường Kách mệnh*” của Bác Hồ, do Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Châu xuất bản cuối năm 1927.

Việc thành lập Quốc tế Công hội đỏ và những vấn đề còn đang nóng hổi của nó được ngòi bút sắc sảo và bình dân của Nguyễn Ái Quốc mô tả trong chương Công nhân quốc tế của cuốn sách. Tác giả giới thiệu vấn đề phong trào Công nhân quốc tế khi QTCHĐ mới thành lập, cuộc đấu tranh phức tạp của Quốc tế “đỏ” chống lại xu hướng cải lương cơ hội của Quốc tế “vàng”. Tác giả giải thích một cách dễ hiểu, thanh thoát, hợp với ngôn ngữ đương thời. “*Vì quốc tế ấy lập ra kinh đô Hô Lãng Amtécđam trong tiếng nói phản cách mạng gọi là sắc vàng, cách mệnh gọi là sắc đỏ. Khi đầu, Vạn hội Amtécđam rất to, nhưng sau nhiều công hội bỏ sang Quốc tế “đỏ” này chỉ còn công hội ở 23 nước, tất cả 14.000.000 người*”².

Bác cũng đưa ra con số: “*Nay quốc tế theo Đệ tam quốc tế quyết tâm làm giai cấp cách mệnh, đã có công hội ở 47 nước 11.750.000 người vào*”³.

Để cho giai cấp công nhân nước ta trong điều kiện văn hóa thấp kém, thông tin hết sức hạn chế, tác giả đưa ra thí dụ sinh động để so sánh tính cách chính trị của tổ chức quốc tế đối lập ấy: “*Xem trong Quốc tế “vàng” không có công hội Á Đông nào, Quốc tế công hội “đỏ” thì có 8 công hội vào. Khi thợ thuyền Lava và Ấn Độ bãi công, Quốc tế đỏ hết sức giúp đỡ còn Quốc tế vàng thì không ngó đến. Ở Trung Hoa thợ thuyền mới bãi công 3 tháng, Quốc tế đỏ hết lòng giúp tiền bạc, phái đại biểu tới an ủi, các nước giúp, Quốc tế vàng thì làm thinh*”⁴.

Tác giả cũng dự báo: “*Nếu thợ thuyền Việt Nam tổ chức công hội chắc chắn Quốc tế đỏ sẽ giúp. Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước hết phải tự giúp mình đi đã*”⁵.

¹ Xem báo Thanh Niên, số 64, 10-10-1926.

² Hồ Chí Minh, Tuyển tập, T.1, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1980.

³ Hồ Chí Minh, Tuyển tập, t.1, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1980, tr. 270 - 271.

⁵ Hồ Chí Minh, Tuyển tập, Sdd, tr.271.

Cũng trong cuốn sách quan trọng đó, Nguyễn Ái Quốc còn viết những dòng chữ quý báu có tính cách kinh điển về chức năng nhiệm vụ của công đoàn hay "công hội" như chữ dùng lúc đó.

"Tổ chức công hội trước đó để cho công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình, hai là để nghiên cứu với nhau; ba là để sửa sang cách sinh hoạt cho khá hơn bây giờ, bốn là để giữ gìn quyền lợi cho công nhân năm là để giúp cho quốc dân, giúp cho thế giới"¹.

Như vậy là từ giữa những năm 20, Bác Hồ đã rất chú ý chức năng bảo vệ quyền lợi của người lao động (mà là một khái niệm khá rộng về "quyền lợi" không chỉ đơn thuần là vật chất) một chức năng có tính cách nguyên thủy của công đoàn.

Trong khi tìm kiếm những hình thức liên minh giai cấp cho tổ chức công đoàn nước ta, điều quan trọng là hình thức đó cần phải thích hợp và vừa tầm với tâm lý, trình độ chung của giai cấp công nhân nước ta. Tiếp theo những ý kiến ban đầu về lối tổ chức theo nghề nghiệp và sản nghiệp mà Người đã trình bày trên báo *Thanh niên* trước đó, trong *Đường Kách mệnh* Người nói rõ ý kiến bản thân hơn: *"Tổ chức theo lối sản nghiệp thì mạnh hơn và thống nhất hơn. Thí dụ, khi xe lửa bãi công, nếu cứ theo nghề nghiệp, thì khi người đốt lửa bãi công mà người cầm máy lại không tham gia, hoặc người bán vé, người làm ga không tham gia, thì sức bãi công yếu đi...².*

Tất nhiên sự chuẩn bị về lý thuyết và tổ chức của Nguyễn Ái Quốc, trong điều kiện giai cấp công nhân nước ta chưa có truyền thống xã hội chủ nghĩa, chưa hề biết vũ khí đấu tranh công đoàn, thì việc nhanh chóng khớp ghép nó vào guồng máy Quốc tế Công hội đỏ (QTCHĐ) là hết sức cần thiết.

Từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh về Quảng Châu để thành lập ra Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (6-1925) cho tới khi Người thống nhất các tổ chức công nhân ở Việt Nam để thành lập Đảng ta (3-2-1930) là thời kỳ nhảy vọt đầu tiên của tổ chức công đoàn.

Từ những cơ sở công hội đầu tiên trên đất Pháp, những hội Tương tế mang nặng tính cách phường hội thị dân, từ những đóm lửa Công hội đỏ đầu tiên của Tôn Đức Thắng ở Sài Gòn - Chợ Lớn đầu những năm 20, cùng với sự xâm nhập của tư tưởng xã hội chủ nghĩa vào nước ta qua Hội

^{1 2} Hồ Chí Minh, Tuyển tập, sdd, tr. 280, 281.

Việt Nam cách mạng thanh niên, từ năm 1926, phong trào công nhân phát triển như gió lốc, đặc biệt theo sáng kiến của Nguyễn Ái Quốc nêu ra ở Quảng Châu, mùa thu năm 1928, những học trò ưu tú của Nguyễn Ái Quốc như Nguyễn Đức Cảnh, Ngô Gia Tự, Nguyễn Phong Sắc... đã phát động phong trào vô sản hóa nổi tiếng, khiến cho Công hội đỏ ở Bắc và Trung Kỳ thực sự lan rộng, lớn lên mạnh mẽ như rừng măng sau cơn mưa.

Những mong muốn và dự đoán của Nguyễn Ái Quốc trên tờ *Thanh niên* và sách *Đường Kách mệnh* về một: "*cách chủ nghĩa tổ chức, khi có nhiều thế lực rồi thì sẽ làm Công hội*" đã thành sự thực, Công hội đỏ ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hòn Gai... đã lãnh đạo những cuộc bãi công thực độc đáo ở nhà máy dệt Nam Định (3-1929), xưởng ô tô Avia (5-1929)... tạo cơ sở thực tiễn cho việc xuất hiện thêm những tổ chức công sản đầu tiên ở Hà Nội và nhiều thành phố khác.

Đó cũng chính là bối cảnh để Đông Dương Cộng sản Đảng (ĐDCSD) giao trọng trách cho đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, người từng phụ huấn ở Quảng Châu, triệu tập Đại hội thành lập Tổng Công hội đỏ Bắc Kỳ (28-7-1929) tại số 15 phố Hàng Nón (Hà Nội). Đại hội còn quyết định ra báo Lao động và tạp chí Công hội đỏ làm cơ quan ngôn luận của tổ chức mình.

Liên sau đó ĐDCSD phái những đồng chí Trung Kiên vào Trung và Nam Kỳ, đẩy mạnh hơn về tổ chức. Đến trước cơn bão táp Xô Viết Nghệ Tĩnh 1930 - 1931, tuy chưa có sự thống nhất lực lượng toàn quốc nhưng Công hội đỏ Việt Nam đã có khắp nơi và thống nhất cấp xứ.

Cũng cần nói thêm rằng, khi đó ở hải ngoại, tổ chức công đoàn Việt Nam cũng tiến thêm những bước dài, đặc biệt ở Trung Quốc. Được sự tin cậy và giao phó của đồng chí Vương (Nguyễn Ái Quốc), đồng chí Sao Đỏ (Nguyễn Lương Bằng) đã tận dụng sự giúp đỡ của CGTU và Công hội Trung Quốc phát triển lực lượng Hải viên công hội trong 6000 thủy thủ Việt Nam không kể 4000 lính thợ và lính khố xanh ở Thượng Hải và Giang Tô để tạo một vành đai trên ven biển cho Trung ương Đảng ta từ Thượng Hải và Hồng Kông về Hải Phòng, thậm chí với Tân cảng Sài Gòn.

Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra trong Chính cương vắn tắt được thông qua trong Hội nghị hợp nhất: "*Nhiệm vụ của Đảng Cộng sản hoạt động để sáng lập những công hội của giai cấp công nhân trên nền tảng sản nghiệp, đồng thời hết sức lợi dụng các điều kiện thuận tiện để sáng lập các Công hội công nhân*". Ngay từ đầu năm 1930, Công hội đỏ Việt Nam đã phát huy vai trò của mình trong trận ra quân đầu tiên.

Những cố gắng bước đầu đó, thông qua sự chăm sóc mót nối của Bác, QTCHĐ đã chú ý đến bước đi đó và kịp thời động viên như trong thư chính thức gửi Tổng Công hội đỏ Đông Dương.

*"Ban Thư ký châu Âu QTCHĐ rất mừng mà gửi chào các đoàn thể công hội cách mạng còn non nớt mà đấu tranh, thành lập năm ngoái và năm nay ở các địa hạt Đông Dương - ở Bắc Kỳ, Trung và Nam Kỳ trong cuộc chiến đấu chống đế quốc Pháp áp chế, cùng với đại đa số quần chúng trong nước với một trình độ khác thường. Các đoàn thể ấy nảy nở và phát triển nhanh chóng, thế lực là một cái dấu hiệu tỏ rõ chức vụ của vô sản Đông Dương trong công cuộc thực hiện những nhiệm vụ về cuộc cách mạng Đông Dương"*¹.

Cao trào cách mạng Việt Nam đang dâng lên bùng bốt từ tháng 5-1930 đúng vào QTCHĐ đang chuẩn bị cho đại hội 5 QTCHĐ dự định nhóm họp vào tháng 8-1930, Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động tích cực ở Trung Quốc và một số nước Đông Nam Á, khi được tin đã kịp thời chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho Công hội đỏ Việt Nam để có thể cử đoàn đại biểu đi dự hội nghị quốc tế đầu tiên. Do những quan hệ gần gũi với đồng chí Lơđôpxki ở Mátxcơva và Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đã kịp thời gửi thư cho BCH QTCHĐ từ ngày 27-2-1930 đề cập tới yêu cầu trên. Người cũng gửi thư kèm theo cho đại diện CGTU tại Mátxcơva và đại diện Đảng cộng sản (ĐCS) Anh, Ban lãnh đạo các tạp chí.

Đặc biệt trong thư đề ngày 5-4-1930, Người chính thức thông báo cho nhóm học sinh Việt Nam đang học tại trường Phương Đông về chủ trương của Đảng ta quyết định cử, một đoàn đại biểu của Công hội đỏ Việt Nam gồm 3 đồng chí sẽ tham dự đại hội 5 QTCHĐ và yêu cầu nhóm có trách nhiệm giúp đỡ đoàn.

Vượt qua muôn trùng khó khăn do sự kiểm soát gắt gao và sự truy lùng của lưới mật thám thực dân, Đoàn đại biểu của Công hội đỏ Việt

¹ Xem tập san Nghiên cứu Văn - sử - địa, số 3-1957.

Nam gồm Hoàng Bình, Phạm Văn Đức và Lê Văn Kiệt đã lặn lội, vượt biên giới Mãn Châu để tới Liên Xô, từ Vladivôxtốc tới Mátxcova an toàn.

Đây là sự kiện rất đáng chú ý của lịch sử tổ chức Công đoàn Việt Nam. Lần đầu tiên giai cấp công nhân nước ta có một đoàn đại biểu chính thức trên diễn đàn quốc tế. Tài liệu biên bản tốc ký còn ghi rõ Diễn văn chính thức của đoàn Việt Nam được phát biểu vào phiên thứ 8 chiều 24 tháng 8. Thật thú vị, mới đây chúng ta còn được biết, ngay sau đại hội 5 QTCHĐ trong những tư liệu lưu trữ của QTCS có bài "*Những cảm tưởng của công nhân Đông Dương*" nguyên văn tiếng Nga, đăng trên tạp chí Phong trào công nhân quốc tế, cơ quan ngôn luận của QTCHĐ số tháng 9-1930 ký tên đoàn đại biểu Đông Dương.

Chúng ta càng thấy rõ sự chăm sóc chu đáo, tinh tế của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đối với công đoàn nước ta trong những bước đi đầu tiên.

Trong cuộc đấu tranh để phục hồi phong trào (1932 - 1935), những hoạt động quốc tế theo sự phân công của Bộ Phương Đông QTCS, khi lại bị giam giữ, đồng chí Nguyễn Ái Quốc không có điều kiện giúp đỡ chỉ đạo hoạt động của ban lãnh đạo hải ngoại cũng như Ban công vận TU của ĐCSĐĐ, nhưng Người vẫn có những ý kiến quý báu với phong trào công nhân nước ta, đặc biệt là trong cuộc đấu tranh với khuynh hướng Torótxkit mới mọc ra trong một vài bộ phận của giai cấp công nhân cũng như phong trào đô thị nói chung.

Những cố gắng của Bác Hồ trong những thời điểm chính phức tạp của phong trào, khi mà bản thân QTCS trong thời kỳ phân hóa dữ dội trước "*bước ngoặt tả khuynh*" của Xtalin, thì những chỉ dẫn của Người, càng trở nên cần thiết.

Đó chính là những bài ký tên P.C.Lin gửi từ Liên Xô về nước, những chỉ thị cho Lê Hồng Phong và nhiều đồng chí Việt Nam khác sắp tốt nghiệp trường Phương Đông mà nhiều người trong số họ sẽ về lãnh đạo phong trào công nhân trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ Đông Dương khi mà tổ chức Công đoàn Việt Nam đã mang tên mới Ái hữu, Nghiệp đoàn.

Trong giai đoạn vận động trực tiếp cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945), khi Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào công nhân (2-1941) sống và làm việc tại hang Pác Bó nổi tiếng, nhất là khi Người có sáng kiến lập ra Mặt trận Việt Minh trong ngày cuối Hội nghị TU lần thứ 8 (19-5-1941), Hội công

nhân cứu quốc cũng ra đời, thêm một trang sử mới cho lịch sử tổ chức Công đoàn Việt Nam.

Từ đó cho tới ngày Cách mạng tháng Tám thành công, giai cấp công nhân và Đảng của nó, một Đảng trẻ mới 15 tuổi đã giành chính quyền trong toàn quốc.

Để thực sự thống nhất các tổ chức công đoàn trong cả nước (Hội công đoàn Cứu quốc, Thanh niên Tiền phong ban xí nghiệp ở Nam Kỳ) ngày 20-7-1946). Đại hội lần thứ nhất Công đoàn Việt Nam thành lập Tổng Liên đoàn Lao động, cái tên được duy trì tới năm 1961, khi diễn ra Đại hội toàn quốc lần thứ 2 Công đoàn Việt Nam đổi tên thành Tổng Công đoàn Việt Nam.

Trong việc phát triển tổ chức Công đoàn Việt Nam xuất phát từ chỗ xem giai cấp công nhân như một đầu tàu lịch sử, một lực lượng sản xuất càng ngày càng quan trọng và hơn thế nữa việc sản sinh ra của cải vật chất của người thợ còn là thước đo phẩm giá của xã hội, Bác Hồ luôn luôn nhắc nhở kêu gọi giai cấp công nhân trong những cuộc vận động thi đua ái quốc. Dĩ nhiên đó là sáng kiến vĩ đại của Người, như chữ Lênin dùng, một phong trào cho nhiều lực lượng xã hội. Nhưng với giai cấp công nhân quả là có ý nghĩa đặc biệt.

Một nhà nghiên cứu nước ngoài đã tính rằng, trong đời mình Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sử dụng hơn 100 lần từ "*thi đua*" trong các bài nói và viết của mình. Quả là Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam theo sáng kiến của Bác đã phát động biết bao phong trào thi đua nổi tiếng và không phải không có những kết quả vô cùng to lớn. Từ phong trào "*thi đua ái quốc*" (6-1948), "*tăng gia sản xuất vũ khí*", "*Giờ làm cứu nước*", "*Tăng gia sản xuất, tự túc ăn, mặc*" (1948). Đến "*Cải tiến kỹ thuật, trau dồi nghề nghiệp*" "*Phát minh sáng chế*" (1949). "*Tất cả cho tiền tuyến*" (1950) v.v... Đã góp phần to lớn vào những thắng lợi trên chiến trường.

Ngay cả sau hòa bình lập lại năm 1954, Bác vẫn hết sức chú ý hình thức này với những suy nghĩ sâu sắc hơn. Lời kêu gọi nhân ngày 1-5-1951, nhân Đảng Lao động Việt Nam mới ra mắt sau Đại hội II (2-1951) khi phát động thi đua "*chúc mừng chính đảng của mình, một chính đảng thật trong sạch, mạnh mẽ, thật yêu nước, thật cách mạng*", Bác chủ trương "*đẩy mạnh một đợt mới của phong trào thi đua ái quốc về mọi ngành, để chuẩn bị đầy đủ dạng chuyên mạnh sang tổng phản công*".

Ngay trong bài nói chuyện với công nhân nhà máy điện Yên Phụ và nhà máy đèn Bờ Hồ (23-12-1954), Bác nói rõ hơn nội dung giáo dục xã hội của thi đua: "*Chúng ta đoàn kết để thi đua. Thi đua có nghĩa là mọi người phát triển tài năng, sáng kiến của mình học hỏi điều hay lẫn nhau, giúp nhau sửa chữa khuyết điểm để cùng nhau tiến bộ... Hiện nay nước ta còn nghèo, đời sống của anh chị em còn chưa được đầy đủ. Đảng, Chính phủ và Bác đều lo nghĩ đến điều đó. Nhưng chúng ta cần nhận rõ giai cấp lao động là giai cấp lãnh đạo, nghĩa là giai cấp chịu khổ trước hết, đấu tranh mạnh hơn hết*"¹.

Thi đua đúng là một nét truyền thống của công đoàn Việt Nam trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình. Sau này những phong trào thi đua do Tổng Công đoàn Việt Nam phát động theo lời kêu gọi của Bác như "*Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt*", "*Vì miền Nam*", "*Ngày thứ bảy đấu tranh thống nhất*", "*Làm thêm phần việc của anh Nguyễn Văn Trỗi*"... đã để lại những dấu ấn đáng nhớ của lịch sử phong trào công nhân và lao động đương đại nước ta.

Từ năm 1954 tới nay, nghĩa là trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ xã hội chủ nghĩa, những vấn đề của tổ chức công đoàn Việt Nam mới thực sự trở nên phức tạp, nóng bỏng.

Từ giai cấp bị thống trị, giai cấp công nhân nước ta trở thành giai cấp nắm chính quyền, đã thực hiện ước mơ thống nhất non sông thu về một mối từ Mục Nam Quan đến Mũi Cà Mau, tìm kiếm những định hướng bước đầu cho một chủ nghĩa xã hội có tính cách Việt Nam. Đó là một sự nghiệp vĩ đại diễn ra trong một thế giới đầy lo âu và biến động, thời kỳ đảo lộn của các giá trị, đầy mâu thuẫn và nghịch lý mà không một ai kể cả những nhà hiền triết, có trong tay mình "*sợi chỉ của nữ thần Arian*" để dẫn dắt ra khỏi cái mê cung trên sân khấu chính trị thế giới hiện đại.

Sinh ra trong một môi trường giai cấp công nhân còn ít đời, chưa có truyền thống xã hội chủ nghĩa, tâm lý nhân dân làng xã và đặc biệt trạng thái tâm lý của thói "*cuồng nhiệt tiểu tư sản*" đậm đặc, trong nhiều thập kỷ của sự phát triển của tổ chức công đoàn Việt Nam bị cản trở nặng nề bởi tư tưởng chủ quan duy ý chí, hay nói cho sát hơn là đã bị căn bệnh hành chính quan liêu cho nhiều hoạt động của mình đi xa bản chất đích thực của tổ chức công đoàn.

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 7, tr. 101, 102.

Trước hết là việc chuyển từ chức năng "*trường học chiến tranh*" trong việc giành chính quyền sang "*trường học của người Cộng sản*" trường học quản lý (quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, quản lý xã hội) theo những định nghĩa kinh điển của Lênin, đã có cách hiểu phiến diện. Trong một thời gian vài thập kỷ chúng ta đã chú ý đúng tính chất giai cấp và quần chúng của công đoàn, nhưng đã bỏ quên tính chất độc lập và tính đại diện quyền lợi thực sự của người lao động trong điều kiện giai cấp công nhân nắm chính quyền. Khi phê phán quan niệm cho rằng, trong hoàn cảnh giai cấp tư sản đã bị lật đổ, không cần phải đặt vấn đề bảo vệ quyền lợi vật chất và tinh thần cho giai cấp công nhân nữa, chính Lênin đã dự báo "*Rõ ràng người ta đã phạm sai lầm... Nhà nước chúng ta còn mắc bệnh quan liêu (Lênin nhấn mạnh - ĐQH)*."

Đó là một tình hình thực tế của bước quá độ. Trong một nhà nước đã hình thành một thực tế như vậy, chẳng lẽ công đoàn lại không có cái gì để bảo đảm nữa hay sao?"¹

Quả thực cho đến hiện nay, chức năng cơ bản của công đoàn vẫn là bảo vệ lợi ích của người lao động. Khi xa rời hoặc tước lược chức năng đó thì người công nhân, những đoàn viên công đoàn tự nhiên sẽ xa lánh hoặc thờ ơ với sự tồn tại của tổ chức Công đoàn và công đoàn đến lượt nó mất đi tính chất đại diện của người lao động, nếu không nói trở nên cô độc. Có thể nói công đoàn chưa làm mọi việc phải làm để bảo vệ quyền lợi dân chủ và lợi ích chính đáng của người lao động. Điều này đã được những văn kiện của Đại hội VI Công đoàn Việt Nam (1988) ghi nhận: "*Các Nghị quyết công tác của công đoàn thường thiên về giải thích hướng dẫn thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, chưa thể hiện được nguyện vọng bức thiết của đoàn viên, của cơ sở*"².

Về vấn đề này, trong bối cảnh của hơn hai thập kỷ trước, dù những mâu thuẫn của vấn đề chưa thực bức xúc, cơ chế quan liêu bao cấp vẫn còn "*chỗ đứng lịch sử*" của nó, nhưng trong những di sản lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lấp lánh lên những ý tưởng sáng suốt của Người.

Ngày 16-8-1956, khi miền Bắc vừa giải phóng, công cuộc khôi phục kinh tế còn đang ngổn ngang, khi đến thăm anh chị em công nhân nhà máy diêm Thống Nhất (Cầu Đống, Hà Nội), Bác đã khéo nhắc nhở về tính lợi ích, nói cách khác là mối quan hệ giữa cống hiến và hưởng thụ

¹ Lênin toàn tập, tập 42, tr. 255 - 256.

² Văn kiện Đại hội VI Công đoàn Việt Nam, NXB Lao Động, Hà Nội, tr.53-54.

chính đáng của người lao động. Người nói thực giản dị: "*Lợi ích của công nhân đi đôi với lợi ích chung của nhà máy. Nếu đời sống được cải thiện và mọi người được khỏe mạnh, thì sẽ phấn khởi thi đua ss làm cho nhà máy thu được nhiều kết quả. Nếu nhà máy phát triển thì có khả năng cải thiện đời sống của công nhân và nhân viên*"¹.

Bài nói chuyện của Bác tại Trường cán bộ công đoàn ngày 19-1-1957 là một văn bản hiếm hoi của Người bàn trực tiếp về công đoàn.

Trong bài nói quan trọng đó bên cạnh việc nhấn mạnh chức năng tuyên truyền giáo dục đường lối chính sách của Đảng, Chính phủ cũng như việc "*giáo dục đạo đức cộng sản, đạo đức vô sản, đạo đức cách mạng*" cho giai cấp công nhân, bên cạnh việc khẳng định những trách nhiệm to lớn của giai cấp tiên phong trong tình hình mới. Người không quên nhấn mạnh rằng: "*Mục đích công đoàn là phải cải thiện đời sống công nhân, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của giai cấp công nhân nói riêng và nhân dân nói chung*"².

Vì nhận thức sâu sắc rằng, trên ý nghĩa nào đó thì các vấn đề đời thường như tiền lương, tiền thưởng, nhà ở, phúc lợi công cộng, cho đến hàng tiêu dùng, cung ứng lương thực v.v... đều là vấn đề thuộc phạm trù con người, nhân vật trung tâm của sản xuất nên Bác Hồ cũng đã không ít lần bàn về đồng lương thực tế cho người thợ: "*Bây giờ anh em mong được lên lương có chính đáng không? Có. Nhưng lương tăng gấp đôi mà hàng đắt thì vẫn không ăn thua gì*"³.

Điều này là một mạch suy nghĩ liên tục của Chủ tịch Hồ Chí Minh, con người của chủ nghĩa nhân đạo mác xít, "*Chủ nghĩa nhân đạo hiện thực*" mang cốt cách Việt Nam. Năm 1946, trả lời các nhà báo, Người đã nói: "*Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn được tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành*"...

Sinh thời Bác đã dành cho công nhân ngành than, một ngành kinh tế quan trọng của đất nước, nơi người thợ phải đương đầu với bao khó khăn trong sản xuất và đời sống, nhiều suy nghĩ và tình cảm. Bác đến thăm khu mỏ Hòn Gai, Cẩm Phả nhiều lần, khi vui khi buồn. Trong chuyến thăm vùng mỏ ngày 4-10-1957, Bác phê bình công tác công đoàn ở đây

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, t.7, tr. 504.

² Hồ Chí Minh, Toàn tập, t.7, tr. 567.

³ Hồ Chí Minh, Toàn tập, t.7, tr. 568.

yếu, tẻ nhạt và không thiết thực, sinh hoạt văn hóa kém. *"Vì một chứng cứ rõ ràng là Quốc hội đã thông qua Luật Công đoàn mà anh chị em đoàn viên chưa biết, đây là tỏ ra sinh hoạt của đoàn viên không thường xuyên, không hoạt bát, không vui vẻ"*¹.

Rồi ngày 5-1-1968, trong buổi nói chuyện với đại biểu công nhân và cán bộ ngành than Người phê bình sâu sắc tình trạng sản xuất sút kém, trì trệ của ngành than, nhưng tấm lòng vị tha và công bằng vốn có của Người cũng thấy rõ những nguyên nhân chủ quan và khách quan, của hiện tượng đau lòng ấy. Người chỉ ra trình độ quản lý, tổ chức sản xuất sút kém, tình trạng quan liêu, tha hóa của cán bộ đã khá nặng nề, đồng thời cũng thấy rõ *"phải chăm lo đời sống vật chất và văn hóa"* cho công nhân mở ².

Ngày 18-7-1969 không lâu trước lúc đi xa, Bác đã dành một trong những cuộc tiếp xúc cuối cùng của đời mình cho đại biểu của Tổng Công đoàn Việt Nam. Người nhắc nhở phải *"làm tốt công tác vận động, tổ chức giáo dục quần chúng công nhân và viên chức làm tròn vai trò tiên phong cách mạng"*, để họ hiểu và tự nguyện, tự giác giữ kỷ luật lao động, giữ gìn của công, thực hành tiết kiệm. *"Coi lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn tạo nên hạnh phúc cho mọi người và cho cả thế hệ mai sau"*³. Người cũng nêu những nhận xét của mình về tình hình giáo dục chính trị của công tác công đoàn và thăm hỏi đời sống công nhân, viên chức. Người cũng nhấn mạnh những việc trước mắt: chú ý vai trò công đoàn bồi dưỡng lực lượng công nhân trẻ, phải đoàn kết nhất trí.

Như vậy là, chính trong điều kiện xã hội hiện đại, chúng ta càng nhận thức rõ chức năng cơ bản và thường xuyên, chức năng nguyên thủy của công đoàn là bảo vệ lợi ích người lao động như chính Đại hội VI Công đoàn Việt Nam nhận định.

"Trong điều kiện giai cấp công nhân giành được chính quyền có Đảng lãnh đạo có Nhà nước XHCN, chức năng đó vẫn không hề mất đi, mà càng có thêm những điều kiện thuận lợi để công đoàn làm tốt chức năng đó. Đặc biệt là trong tình hình hiện nay khi còn 5 thành phần kinh tế, khi chúng ta phải giải quyết những mâu thuẫn gay gắt giữa sản xuất, tích

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, t.7. tr. 811.

² Xem Viện Bảo Tàng Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh - Những sự kiện, Hà Nội, 1987 - tr. 396.

³ Xem Viện Bảo Tàng Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh - Những sự kiện, Hà Nội, 1987 - tr. 396.

lũy và tiêu dùng thì nhiệm vụ bảo vệ lợi ích, chăm lo cải thiện đời sống CNVC là hết sức quan trọng".

Phải chăng khẩu hiệu chiến lược hiện nay của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam mà Đại hội VI CSVN nêu ra: *"Việc làm và đời sống, dân chủ và công bằng xã hội"*, không chỉ bắt nguồn từ những di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh một trong những mẫu mực của chủ nghĩa xã hội dân chủ và nhân dân.

Một vấn đề khác cũng không kém phần nóng bỏng trong tiến trình nhận thức lại - vị trí và chức năng của công đoàn là mối quan hệ giữa công đoàn với Đảng, Nhà nước cũng như với các tổ chức xã hội khác.

Công đoàn là tổ chức quần chúng rộng lớn nhất của giai cấp công nhân và những người lao động khác, là chỗ dựa vững chắc của Nhà nước XHCN và là lực lượng nòng cốt có vai trò xung kích trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Nhưng điều đó chỉ thành hiện thực khi công đoàn thực sự có được tính độc lập về tổ chức, đó là điều kiện tiên quyết để có thể phát huy vai trò trong hệ thống chuyên chính vô sản. Nói tính độc lập ở đây chủ yếu là về mặt chức năng và phương thức hoạt động trong hệ thống chính trị hiện tại.

Song đây lại là vấn đề hết sức tế nhị và không ít nghịch lý. Làm sao để một mặt, trong khi thừa nhận sự lãnh đạo về chính trị của Đảng cũng như sự lãnh đạo xã hội của Đảng, mặt khác lại phải nâng cao tính cách độc lập, tự chủ của tổ chức công đoàn? Làm sao để chống thiên hướng tự nhiên *"nhà nước hóa"* các tổ chức quần chúng trong hệ thống chính trị của CNXH?

Vì chưa thể có đáp số cho những vấn đề phức tạp đó, trong một thời gian dài, đúng như nhận xét rất chính xác của Đại hội VI Công đoàn Việt Nam, trong cán bộ công đoàn tâm lý phổ biến là: *"Tâm trạng sợ công khai nói lên quan điểm bất đồng của công đoàn về các chính sách đối với người lao động sẽ gây ra va chạm với chính quyền như hòn đá đè nặng lên suy nghĩ của nhiều cán bộ công đoàn"*.

Cũng cần lược qua lịch sử nhận thức của Đảng ta về vấn đề này.

Từ những nhận thức ban đầu phải nói còn khá đơn giản, như trong Đường Kách Mệnh, Nguyễn Ái Quốc viết: *"Công hội chú trọng mặt kinh tế hơn, Đảng chú trọng mặt chính trị hơn. Vì thợ thuyền thì được vào hội,*

dù tin Phật, tin đạo, tin cộng sản, tin Chính phủ gì cũng mặc miễn theo quy tắc Hội là được". Tại Đại hội II Công đoàn Việt Nam (1-1950) tại Việt Bắc, đồng chí Trường Chinh hình tượng hóa quan hệ giữa Đảng và công đoàn: "*Giai cấp công nhân là một chiếc xe hơi, Công đoàn là động cơ, Đảng là người cầm lái*", chúng ta đã có những cái nhìn sâu sắc hơn.

Có thể nói nhìn lại, hay đúng hơn cảm nhận lại, bóc hết lớp vỏ đơn sơ của thứ ngôn ngữ giản dị dễ hiểu đến nôm na của Bác, không chỉ những dòng chữ mà cả tình cảm của Người ẩn giấu trong đó, chúng ta cũng thấy những suy nghĩ khá cập nhật của Bác về vấn đề phức tạp này. Người luôn luôn quán triệt tính hai mặt trong việc giải quyết mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với công đoàn: một mặt, Đảng và Nhà nước phải thật sự tôn trọng công đoàn và Điều lệ công đoàn. Mặt khác, ngược lại cũng đòi hỏi công đoàn phải đi theo đường lối của Đảng và hoạt động trong luật pháp.

Vì vậy, trong khi đòi hỏi: "*Giai cấp công nhân mà không có Đảng thì không làm cách mạng được. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân nhưng đồng thời cũng là đội tiên phong của dân tộc. Bởi thế, công đoàn phải giải thích cho công nhân hiểu...*". Bác đồng thời nhấn mạnh nhiều lần vị trí người chủ nước nhà, là chủ của xí nghiệp tương ứng với nó: "*Công đoàn phải lãnh đạo, phải hướng dẫn được giai cấp công nhân*".

Bác Hồ chưa có dịp bàn nhiều về vị trí của công đoàn trong hệ thống chính trị cũng như quan hệ với Đảng và Nhà nước, nhưng như chúng ta đã biết, trong bản Di chúc lịch sử, cách đây 34 năm, ở một góc độ khác, chính Bác đã có những dự cảm thật mãnh liệt. Bác viết: "*Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng*".

Nghĩa là, ngay khi mà Đảng ta còn được thừa nhận một cách hiển nhiên là lương tâm trí tuệ và danh dự của thời đại như lời nói của Lenin, Người đã có những dự báo về sự tha hóa và sự cần thiết phải cải tổ Đảng Cộng sản như tình hình đang diễn ra hôm nay.

*

* *

Ngày nay, cánh cửa của Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam (1986) với phương châm chiến lược đổi mới đất nước đã thực sự thổi một luồng sinh khí mới làm sống dậy những hoạt động của tổ chức công đoàn Việt

Nam. Việc đổi mới tư duy công tác công đoàn đang tạo ra cho giai cấp công nhân Việt Nam và lao động nước ta đội quân to lớn với trên 5 triệu lao động trong và ngoài quốc doanh - một bộ phận mới.

Trên diễn đàn Đại hội VI Công đoàn Việt Nam, trong không khí đổi mới đang rộ lên rào rạt, chính đồng chí Cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, đã nhận định và tâm sự: *"Chúng ta đòi hỏi công đoàn phải có ý kiến độc lập của mình, không dựa dẫm vào cấp ủy Đảng, không lệ thuộc vào cơ quan quản lý. Dĩ nhiên, tính độc lập về tổ chức khác xa với quan niệm độc lập về tổ chức Công đoàn không thể là tổ chức biệt phái theo kiểu "chủ nghĩa công đoàn" hoặc theo đuổi quần chúng lạc hậu"*¹.

Vừa qua, tổ chức công đoàn nước ta có thêm một bước tiến mới: Luật công đoàn mới đã chính thức được ban hành, trước ngưỡng cửa của năm thế giới kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới theo quyết định của tổ chức UNESCO. Còn có nhiều khó khăn thậm chí cả nghịch lý để có một cơ sở luật pháp đúng đắn cho công đoàn Việt Nam thời hiện tại. Nhưng chúng ta tin tưởng rằng, mọi hiện thực đều hợp lý và mọi cái hợp lý đều có tính hiện thực.

Trên con đường thiên lý xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, giai cấp công nhân và lao động Việt Nam, sau hơn 30 năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đặt nền móng cho tổ chức công đoàn Việt Nam đã đi xa, lại tìm thấy những vũ khí tư tưởng của Người, vừa được cổ vũ bởi chính những vũ khí ấy trong công cuộc đổi mới đất nước.

¹ Tạp chí Công đoàn, số tháng 12-1988, tr.12.

PHẦN THỨ BA

**DI SẢN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
VỀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN
VÀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN**

Chương thứ sáu

**DI SẢN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ
TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VỚI CHÚNG TA HÔM NAY**

CHƯƠNG THỨ SÁU

DI SẢN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VỚI CHÚNG TA HÔM NAY

I. VÀI DỮ KIỆN LỊCH SỬ

Những hiểu biết về Hồ Chí Minh với giai cấp công nhân và Công đoàn đã được trình bày trong nhiều công trình kể cả của các nhà nghiên cứu nước ngoài.

Tuy vậy, đây vẫn là một trong những điểm then chốt của việc kiên trì con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

Hiện nay, bộ môn nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh đã hình thành ở nhiều nơi, sự nghiên cứu toàn diện về tư tưởng Hồ Chí Minh đã có những thành tựu mới sau khi Nghị quyết của Đại hội VII của Đảng đã khẳng định, cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tư tưởng chúng ta hiện nay¹.

Ở đây có thể khái quát thêm một số dữ kiện lịch sử mới liên quan đến vấn đề được đặt ra ở trên. *Thứ nhất:* thời điểm và hoàn cảnh Nguyễn Ái Quốc tiếp xúc và bắt đầu hoạt động trong các tổ chức Công đoàn ở châu Âu.

Bên cạnh những tư liệu đã biết những năm 1913 đến năm 1919, Nguyễn Tất Thành bắt đầu tham gia tổ chức nghiệp đoàn của những người lao động thuộc địa ở Anh mang tên Lao động hải ngoại và những hoạt động khá phong phú của Người trên đất Pháp trong Công đoàn kim khí quận 17 ở Paris, một tổ chức công đoàn vô chính phủ có khuynh hướng khuynh tả.

¹ Bài viết này năm 1995.

Giai đoạn năm 1921 đến tháng 6-1923, khi ở Pháp và bắt đầu truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong nước, chúng ta cũng đã biết ít nhiều về những hoạt động của Người với sự việc xây dựng những cơ sở công hội bí mật đầu tiên trong số thủy thủ, công nhân Việt Nam ở Pháp thông qua TLĐLĐTN Pháp (CGTU), Đảng Cộng sản Pháp và Hội liên hiệp thuộc địa. Chúng ta còn biết cả một số tên tuổi các nhân vật như Trần Văn Kha, Trần Xuân Hộ, Bạch Văn Thông, Trần Quang Lâm... trong mối quan hệ với Nguyễn Ái Quốc.

Trong điều kiện tư liệu mới hiện nay, đặc biệt khi chúng ta được tiếp cận với tư liệu lưu trữ của Quốc tế cộng sản thuộc Đảng Cộng sản (cũ) thì chúng ta có thêm nhiều tư liệu quý soi sáng thêm những hoạt động đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc trong những hoạt động Công đoàn quốc tế. Chẳng hạn mối quan hệ rất sớm của Người với Quốc tế Công hội đỏ (thành lập năm 1921) qua các nhân vật chủ chốt như Lôđôpxki (Nga), Mông mutxô (Pháp)... Việc công bố một số tư liệu trong đó có bài diễn văn của Nguyễn Ái Quốc ở Đại hội III Quốc tế Công hội đỏ (7-1924) là một ví dụ.

Tư liệu mới còn cho phép thấy rõ vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc tuyển chọn những đồng chí Việt Nam hoạt động trong các Công đoàn ở pháp - Qua sự giới thiệu của QTCHĐ - đến với trường Phương Đông nổi tiếng. Ngay 3 đồng chí Việt Nam trong đó có Nguyễn Văn Tạo (tức An) trong đoàn đại biểu Đông Dương tham dự ĐH 6 QTCS (1928) cũng có vai trò, mối liên hệ với Nguyễn Ái Quốc. Chúng ta đã có những tư liệu nói rõ ý kiến Nguyễn Ái Quốc đầu năm 1931 về việc chọn cán bộ từ tổ chức Tổng liên đoàn Lao động thống nhất Pháp (CGTU) và khắc phục sự phân biệt giữa trí thức và vô sản ở trường Phương Đông (3-6-1930).

Thứ hai: Về mầm mống các tổ chức Công đoàn Việt Nam, trước đây, chúng ta vẫn khẳng định vai trò độc đáo của Công hội đỏ Ba Sơn của Tôn Đức Thắng ở Sài Gòn từ năm 1923, đốm lửa đầu tiên của tổ chức công đoàn cách mạng. Tôn Đức Thắng cũng thuộc cờ đồng chí Việt Nam đầu tiên tiếp xúc và nghiên cứu tổ chức Công đoàn ở châu Âu, nhất là Pháp.

Hiện nay có thể khẳng định là Nguyễn Ái Quốc không phải là người Việt Nam duy nhất tiếp xúc với tổ chức công đoàn quốc tế, trong chiến tranh thế giới thứ nhất. Nhưng chúng ta lại hoàn toàn khẳng định được

Bác Hồ là người Việt Nam, người thợ, người cộng sản đầu tiên đặt nền móng tổ chức công đoàn cách mạng ở hải ngoại và quan trọng hơn, đưa nó ngay vào quỹ đạo các Công đoàn cách mạng, của Quốc tế thứ 3.

Tài liệu hiện nay cũng nói rõ hơn vai trò của Người trong việc thiết lập mối quan hệ quốc tế của Công hội đỏ Việt Nam (29-7-1929) với tổ chức công đoàn thế giới. Sự có mặt của đoàn đại biểu Công hội đỏ Việt Nam (Lê Văn Kiệt, Hoàng Bình và Phạm Văn Đức) tại Đại hội 5 của Quốc tế Công hội đỏ (9-1930) là một ví dụ. Riêng Lê Văn Kiệt (tức Remi) tốt nghiệp Đại học Phương Đông ở Mátxcơva khóa 28 - 30 và một số đồng chí khác có lẽ là một đề tài thú vị cho việc nghiên cứu lịch sử Công đoàn Việt Nam những bước đầu tiên.

Tóm lại, trong những hoạt động phong phú của Nguyễn Ái Quốc cần nhận thức rõ đóng góp cũng rất độc đáo của Người với tổ chức Công đoàn Việt Nam trước khi có Đảng.

Thứ ba: Chúng ta cũng đã từng đề cập đến di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh với giai cấp công nhân là tư duy của Người về mô hình tổ chức, phương thức hoạt động của nó trong quá trình cách mạng.

Cơ sở tư liệu của chúng ta lúc đó không gì khác hơn là những bài giảng của Người tại các lớp huấn luyện ở Quảng Châu (từ cuối năm 1924 đến tháng 4-1927) và đã được đăng tải trên tờ Thanh niên xuất bản ở Quảng Châu lúc đó).

Tác phẩm Đường Kách Mệnh và sau này là những ý kiến của Người về việc thành lập Hội công nhân Cứu quốc, trong Mặt trận Việt Minh, từ tháng 5-1941. Chúng ta cũng đã khai thác hàng loạt bài báo của Người về giai cấp công nhân và công đoàn các nước thuộc địa và phụ thuộc đăng trên các báo, tạp chí ở Pháp, Trung Quốc, Liên Xô, Ý, Đức... Tất nhiên là cả những bài nói, bài viết của Người với công nhân và Công đoàn Việt Nam từ hòa bình lập lại - 1954 đến khi Người qua đời năm 1969.

Cái mới trong các nguồn tư liệu hiện nay là, cùng với quá trình đấu tranh có khi âm thầm quyết liệt trong nội bộ Đảng ta và trong QTCS để khẳng định con đường đúng đắn của cách mạng Việt Nam, khắc phục vượt qua những sức ép của tư tưởng tả khuynh hoặc hữu khuynh trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế lúc đó, Người tiếp tục có những tư duy mới cho sự phát triển về mặt lý thuyết của tổ chức công đoàn Việt Nam mà chúng ta có nhiệm vụ phải khai thác những di sản quý báu này.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI VIỆC ĐỔI MỚI TƯ DUY LÝ LUẬN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ THỰC TIỄN CỦA HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN HIỆN NAY

1. Vấn đề cơ cấu và vị trí của giai cấp công nhân trong cách mạng dân tộc dân chủ cũng như trong Cách mạng XHCN

- Ai cũng biết, trong phong trào công nhân ở thuộc địa cũng như ở Việt Nam trước và sau năm 1939 thường có khuynh hướng phân biệt thái quá công nhân áo xanh và công nhân áo nâu. Văn kiện của Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1943 vẫn còn phải nhắc nhở, phê phán tư tưởng này. Thói quen giai cấp công nhân theo lối Âu Mỹ, sách vở và tâm lý "giai cấp đối chọi giai cấp" tồn tại một thời gian dài trong Quốc tế Cộng sản đã dẫn đến điều đó.

Nghiên cứu những bài viết của Nguyễn Ái Quốc về công nhân thuộc địa và công nhân Việt Nam, cho đến năm 1945 dường như chúng ta không thấy ở Người nhận thức phiến diện đó. Năm 1922 khi nói về cuộc bãi công của công nhân thợ nhuộm ở Sài Gòn - Chợ Lớn, Nguyễn Ái Quốc đã coi đó là dấu hiệu của thời đại (xem chương Nô lệ thức tỉnh, trong cuốn "Bản án chế độ thực dân Pháp").

Sau này trong cuộc vận động Cách mạng tháng Tám, đặc biệt khi chủ trương thành lập "*Công nhân cứu quốc Hội*" trong mặt trận Việt Minh, khái niệm công nhân - lao động đã thể hiện có cái nhìn biện chứng của Người về giai cấp công nhân và các giai tầng lao động khác.

Năm 1945, theo những tài liệu mới công bố gần đây, Hồ Chí Minh cũng là người rất sớm có suy nghĩ về năm thành phần kinh tế của nước Việt Nam mới sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, thì cái nhìn của Người càng uyển chuyển, rộng mở hơn, chiến lược hơn.

- Nhận thức đó không hề ảnh hưởng gì đến tính chất giai cấp của vấn đề. Chính Người đã có luận điểm nổi tiếng rằng: "*Trong tất cả các giai cấp hiện nay đang đối chọi với chủ nghĩa đế quốc, chỉ có giai cấp công nhân Việt Nam là dũng cảm nhất, kiên quyết nhất*". Bác cũng là người hơn một lần bác bỏ những quan điểm của phương Tây muốn phủ nhận tính chất giai cấp công nhân của ĐCSVN khi mà theo họ, khi còn là tổ chức tiền thân giai cấp công nhân chỉ chiếm 5% số hội viên và mở rộng ra cho đến tận thập kỷ 60 với những nỗ lực của miền Bắc trên đường công nghiệp hóa, một giai cấp công nhân hiện đại vẫn chưa ra đời!

- Một nét độc đáo khác trong tư tưởng Hồ Chí Minh là, không thấy ở Người một ranh giới cứng nhắc về "*liên minh công - nông*". Ngay khi viết Chính cương và Sách lược vắn tắt - thời điểm và văn cảnh đòi hỏi sự cứng rắn về nguyên tắc của một Đảng kiểu mới như Đảng Cộng sản Đông Dương. Người vẫn có cái nhìn đúng đắn linh hoạt với các lực lượng xã hội có liên quan trong cộng đồng dân tộc. Ở Người quan niệm rằng, bên cạnh "*vô sản giai cấp*" còn có thợ thuyền, dân cày, tiểu tư sản, trí thức, trung nông... (Sách lược vắn tắt của Đảng, Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 2, trang 288).

- Rõ ràng, cách suy nghĩ của Hồ Chí Minh là những gợi ý lớn cho chúng ta hiện nay. Cái nhìn truyền thống cũ về "*giai cấp vô sản*" chủ yếu là tiêu chí thời Mác - Ăngghen khi giai cấp tư sản vừa hoàn thành công nghiệp hóa và bấy giờ khu vực công nghiệp nặng, công nghệ được coi không chỉ là xương sống về kinh tế mà còn là tiêu chí của văn minh phương Tây lúc đó. Thời đại hiện nay, khi con người đang bước vào ngưỡng cửa "*hậu công nghiệp*", thì người lao động trong các "*khu vực phụ*" trước đây như dịch vụ, du lịch, thương mại... lại bỗng có vị trí rất lớn đối với nền kinh tế của các nước tư bản tiên tiến và cả các nước công nghiệp mới. Hiện nay ở nước ta rõ ràng khái niệm "lao động" gắn bó chặt chẽ với "công nhân" như một thực tế thống nhất và nó cũng đòi hỏi chúng ta phải có cái nhìn mới về một lực lượng xã hội vẫn là đường cột của đất nước này.

2. Về mô hình tổ chức Công đoàn

Hồ Chí Minh cũng để lại cho chúng ta nhiều kinh nghiệm về việc tìm kiếm những mô hình tổ chức hợp lý cho tổ chức công đoàn nước ta. Lịch sử khá lâu dài của tổ chức công đoàn Việt Nam, ai cũng biết, đã lần lượt trải qua nhiều hình thức tổ chức với tên gọi khác nhau: Công hội đỏ (1929) đến năm 1935 nếu tính từ khi thành lập Tổng Công hội đỏ Bắc Kỳ), Nghiệp Đoàn - Ái Hữu (1936 - 1940), Công nhân Cứu quốc Hội (1941 - 1945) với Bắc và Trung Kỳ, còn với Nam Kỳ là Thanh niên Tiền phong ban xí nghiệp, một vấn đề lịch sử thú vị còn đó với giới nghiên cứu lịch sử và lịch sử Đảng. Kế đó là TLĐLĐVN (1946 - 1961), Tổng Công đoàn Việt Nam (1961 - 1988) và trở lại với cái tên TĐLĐVN, từ năm 1988 đến nay.

Trong những năm đầu cách mạng, do điều kiện khách quan, Bác chủ yếu vận dụng những kinh nghiệm về mô hình tổ chức của công đoàn ở

nước châu Âu trong Quốc tế Công hội đỏ. Trong cuốn "Đường Kách Mệnh" và báo Thanh niên Bác có nói với tổ chức theo nghề nghiệp và theo sản nghiệp. Người còn nói rõ hơn: "*Tổ chức theo lối sản nghiệp thì mạnh hơn và thống nhất hơn cách chủ nghĩa tổ chức, khi có nhiều thế lực rồi sẽ làm Công hội*".

Nhưng cũng chính Người, vào cuối thập kỷ 30, đã phê phán tính cách chặt chẽ quá mức của Công hội đỏ và khi thành lập Mặt trận Việt Minh, Người kiên quyết mở rộng cánh cửa của Công nhân Cứu quốc hội cho cả cai ký, đốc công ... tham gia.

Rõ ràng, những kinh nghiệm quý báu đó của Bác về việc tìm kiếm những hình thức thích hợp cho phong trào công nhân Việt Nam, cơ cấu tổ chức, mạng lưới công đoàn càng có ý nghĩa trong tình hình hiện nay. Đặc biệt từ năm 1991, khi mô hình Công đoàn Xô Viết đã bị khủng hoảng và sụp đổ, hiện nay chúng ta phải tự mình tìm kiếm những hình thức hội nhập mới cho tổ chức công đoàn Việt Nam, khi đất nước ta muốn "*làm bạn với tất cả*" và khi sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế và lao động sâu sắc như hiện nay. Những suy nghĩ về mô hình tổ chức của Công đoàn Việt Nam hôm nay rõ ràng cũng đã khai thác mạnh mẽ những nguồn lực, kinh nghiệm trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Về chức năng và nhiệm vụ tổ chức công đoàn

- Chúng ta đã trải qua thời kỳ sôi động và phải nói ngay là cũng đã có lúc chúng ta bị chi phối bởi thói "*cuồng nhiệt tiểu tư sản*" như Lenin đã cảnh báo (sau Đại hội VI của TLĐLĐVN (1988).

Trải qua những nấc thang về nhận thức ấy vẫn thấy ý kiến của Nguyễn Ái Quốc từ những năm 1925 - 1927 là hợp lý về cách hiểu về những chức năng của tổ chức công đoàn Việt Nam "*Tổ chức công hội trước là để cho công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình, hai là để nghiên cứu với nhau, ba là để sửa sang cách sinh hoạt của công nhân cho khác hơn bây giờ, bốn là để giữ gìn lợi quyền cho công nhân, năm là để giúp cho quốc dân, giúp cho thế giới*".

Thời đại dù đổi thay, luận đề ấy của Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn Việt Nam vẫn đầy sức sống.

- Hiện nay, tất nhiên những vấn đề về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn đã hoàn toàn khác với thời kỳ năm 1927. Nhưng rõ ràng ý kiến của Hồ Chí Minh vẫn là những gợi ý có tính nguyên tắc, thích hợp

với chúng ta. Phải chăng đó cũng là một bước tiến của tư duy lý luận, bổ sung, điều chỉnh cho những tư duy cứng nhắc trước đây khi quá nhấn mạnh "chức năng giáo dục, trường học của CNCS" của tổ chức công đoàn? Cũng cần lưu ý rằng tư tưởng đúng đắn mới mẻ đó của Hồ Chí Minh lại xuất hiện vào đúng lúc trước và sau Đại hội 6 TQCS - 1928, thời kỳ phân hóa dữ dội củ phong trào cách mạng thế giới trước "bước ngoặt tả khuynh" của Xtalin.

Năm 1956, khi đến thăm công nhân Nhà máy diêm Thống Nhất (Cầu Đuống, Hà Nội), Bác đã khéo nhắc nhở về tính lợi ích, nói cách khác là mối quan hệ giữa cống hiến và hưởng thụ chính đáng của người lao động. Người nói thực giản dị: "*Lợi ích của công nhân đi đôi với lợi ích của nhà máy.*"

Nếu đời sống cải thiện và mọi người được khỏe mạnh, thì sẽ phấn khởi thi đua sản xuất làm cho nhà máy thu được nhiều kết quả. Nếu nhà máy phát triển thì có khả năng, để cải thiện đời sống của công nhân và nhân viên" (Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 7, trang 504).

Bài nói chuyện của Bác tại Trường cán bộ Công đoàn, ngày 19-1-1957 là một văn bản quý giá của Người bản trực tiếp về Công đoàn.

Trong bài nói quan trọng đó, bên cạnh việc nhấn mạnh chức năng tuyên truyền giáo dục đường lối chính sách của Đảng, Chính phủ cũng như việc giáo dục đạo đức cộng sản, đạo đức vô sản, đạo đức cách mạng cho giai cấp công nhân, bên cạnh những trách nhiệm to lớn của giai cấp tiên phong trong tình hình mới, Người không quên nhấn mạnh rằng: "*Mục đích Công đoàn là phải cải thiện đời sống công nhân, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của giai cấp công nhân nói riêng và nhân dân nói chung*" (Hồ Chí Minh, Toàn tập, t.7, trang 567).

4. Về vai trò, vị trí của tổ chức Công đoàn

- Lịch sử nhận thức của ĐCSVN về vị trí của Công đoàn, trong hệ thống chính trị trước năm 1945 nói chung đều lấy ý kiến của Đại hội I (1935) làm cơ sở. Khi đó, Đảng coi Công hội là sợi dây chuyền nối Đảng với quần chúng thợ thuyền. Đồng chí Trường Chinh, năm 1952 hình tượng hóa Công đoàn là một chiếc ô tô mà Đảng là người cầm lái. Năm 1930, đã có lúc Trần Phú phê bình ý kiến "*Công đoàn là đoàn thể đấu tranh kinh tế còn Đảng là đấu tranh chính trị*" sau năm 1932, Đảng ta cũng phê phán tư tưởng biệt phái tả khuynh coi Công đoàn là "*Đảng thứ 2*", và ngại mở rộng tổ chức công đoàn vì sợ "*hỗn tạp*".

- Chủ tịch Hồ Chí Minh tuy không bàn trực tiếp đến cả vấn đề đó, nhưng Người luôn luôn coi trọng vai trò, vị trí của Công đoàn trong toàn bộ đời sống xã hội, trong đấu tranh giành độc lập dân tộc cũng như trong xây dựng CBXH.

Cả ở điểm này nữa, trong việc xây dựng hệ thống chính trị hiện nay, chúng ta có thể vận dụng những nguyên tắc ấy trong tư tưởng Hồ Chí Minh để tiếp tục xây dựng và phát triển tổ chức quần chúng rộng lớn nhất hiện nay trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước do Đảng ta khởi xướng nghĩa là di sản tổ chức Hồ Chí Minh về giai cấp công nhân và công đoàn vẫn là ngọn đuốc soi chúng ta vững bước đi vào Thiên niên kỷ mới.

Bản sao lưu trữ

PHẦN TƯ LIỆU

I

**MỘT SỐ BÀI VIẾT VÀ HUẤN THỊ CỦA
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
VỚI GIAI CẤP CÔNG NHÂN - LÃNH ĐẠO
VÀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM**

Người sưu tầm: PGS.TS. BÙI ĐÌNH PHONG

II

**NHỮNG MẪU CHUYỆN VỀ
TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC BÁC HỒ**

I
MỘT SỐ BÀI VIẾT VÀ HUẤN THỊ
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
VỚI GIAI CẤP CÔNG NHÂN - LÃNH ĐẠO VÀ
TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

*

Ở ĐÔNG DƯƠNG

Chúng tôi vừa nhận được bức thư sau đây mà không cần nhấn mạnh điều lợi hại trong đó.

Ở đây (Hải Phòng) cũng có những cuộc bãi công của thủy thủ. Chẳng hạn như ngày thứ năm (15-8), hai chiếc tàu nhỏ neo để chở một số lớn lính khố đỏ An Nam đi Xyri.

Nhưng thủy thủ không chịu đi, vì người ta không chịu phát lương cho họ bằng tiền Đông Dương. Theo giá thị trường, một đồng Đông Dương bằng 10 phrăng, chứ không phải 2 phrăng 50. Thế mà các công ty hàng hải lại làm một việc hà lạm trắng trợn là định trả lương cho thủy thủ bằng phrăng, chứ không trả bằng tiền Đông Dương như đã trả cho công chức.

Thế là người ta liền xua tất cả mọi người ở dưới tàu lên, rồi lập tức bắt hết các thủy thủ. Rõ ràng là thủy thủ Biển Vàng chẳng có gì phải so bì với thủy thủ Biển Đen.

Chúng tôi cực lực phản đối việc đưa lính An Nam sang Xyri. Phải chăng các nhà cầm quyền cấp cao cho rằng bao nhiêu anh em da vàng xấu số của chúng tôi bị giết hại trên các chiến trường từ năm 1914 đến năm 1918, trong cuộc chiến tranh "*vi văn minh và công lý*" vẫn chưa đủ sao?

Ở Đông Dương, chúng ta đang sống dưới sự "*bảo hộ*" của nước Pháp. Bảo hộ có nghĩa là che chở. Nước Pháp đang để cho hàng triệu anh em chúng ta chết đói, trong khi đó hàng nghìn người khác bị đưa sang Tiểu Á làm bia đỡ đạn.

Người ta che chở cho chúng ta như vậy đó!

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo L'Humanité ngày 4-11-1920.

ĐÔNG DƯƠNG

Tuy rằng Quốc tế Cộng sản đã làm cho vấn đề thuộc địa có được tầm quan trọng xứng đáng với nó bằng cách coi nó là thuộc về những vấn đề thời sự khẩn trương nhất, nhưng trong thực tiễn, các ban thuộc địa ở các cường quốc thực dân, cho đến nay, vẫn chưa quan tâm đến vấn đề này, thậm chí các ban này cũng chưa xem xét vấn đề một cách nghiêm túc!

Sự không hoạt động này thật đáng ngạc nhiên, nhất là khi không còn sự tranh cãi nội bộ trong đảng đã được thanh trừ và đáng ngạc nhiên khi vấn đề tuyển mộ người thuộc địa lại được chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc của chính quốc nghiên cứu ráo riết. Sự không hoạt động này có lẽ do các đồng chí chúng ta không hiểu biết tình hình chính xác của những xứ bị áp bức. Do vậy, tôi thấy có ích, nếu phác họa ngắn gọn ở đây tình hình của một trong những thuộc địa lớn nhất của nước Pháp, là Đông Dương.

Nói rằng Đông Dương gồm hai mươi triệu người bị bóc lột, hiện nay đã chia mỗi cho một cuộc cách mạng là sai, nhưng nói rằng Đông Dương không muốn cách mạng và bằng lòng với chế độ bây giờ như các ông chủ của chúng ta thường vẫn nghĩ như thế, thì lại càng sai hơn nữa. Sự thật là người Đông Dương không có một phương tiện hành động và học tập nào hết. Báo chí, hội họp, lập hội, đi lại đều bị cấm... Việc có những báo hoặc tạp chí mang tư tưởng tiến bộ một chút hoặc có một tờ báo của giai cấp công nhân Pháp là một tội nặng. Rượu cồn và thuốc phiện cùng báo chí phản động của bọn cầm quyền bổ sung cho cái công cuộc ngu dân của Chính phủ. Máy chém và nhà tù làm nốt phần còn lại.

Bị đầu độc cả về tinh thần lẫn về thể xác, bị bịt mắt và bị giam hãm, người ta có thể tưởng rằng bây giờ cứ mãi mãi bị dùng làm đồ để tế cái ông thần tư bản, rằng bây giờ đó không sống nữa, không suy nghĩ nữa và vô dụng trong việc cải tạo xã hội. Không: người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống; sống mãi mãi. Sự đầu độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người Đông Dương. Luồng gió từ nước Nga thợ thuyền, từ Trung Quốc cách mạng hoặc từ Ấn Độ

chiến đấu đang thổi đến giải độc cho người Đông Dương. Người Đông Dương không được học, đúng thế, bằng sách vở và bằng điển văn, nhưng người Đông Dương nhận sự giáo dục bằng cách khác. Đau khổ, nghèo đói và sự đàn áp tàn bạo là những người thầy duy nhất của họ. Nếu những người xã hội chủ nghĩa lơ là việc giáo dục, thì giai cấp tư sản thực dân và bản xứ - bọn quan lại - cứ phụ trách giáo dục bằng phương pháp của chúng. Người Đông Dương tiến bộ một cách rất mau nhiệm và khi thời cơ cho phép họ sẽ biết tỏ ra xứng đáng với những người thầy của họ. Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến.

Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn hãy làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi!

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí La Revue Communiste, số 4, tháng 4-1921.

PHONG TRÀO CỘNG SẢN QUỐC TẾ ĐÔNG DƯƠNG

Chế độ cộng sản có áp dụng ở châu Á nói chung và ở Đông Dương nói riêng không? Đây là vấn đề mà chúng ta đang quan tâm hiện nay.

Muốn hiểu vấn đề đó, chúng ta phải xem xét tình hình hiện nay ở lục địa châu Á về mặt lịch sử và địa lý.

Lục địa rộng lớn đó có diện tích 80 lần lớn hơn nước Pháp (45.000.000 km²), với dân số gần 800 triệu người, có một cơ cấu chính trị tương đối phức tạp.

Trong tất cả các nước châu Á, Nhật Bản là nước duy nhất mắc phải một cách trầm trọng nhất chứng bệnh truyền nhiễm là chủ nghĩa tư bản đế quốc. Từ chiến tranh Nga - Nhật, chứng bệnh đó diễn biến ngày càng nguy kịch, lúc đầu bằng sự thôn tính Triều Tiên, tiếp đây là sự tham gia vào cuộc chiến tranh "vì chính nghĩa".

Để ngăn cản nước Nhật trượt dài đến vực thẳm của hiện tượng phương Tây hóa không thể cứu vãn nổi, nghĩa là để phá tan chủ nghĩa tư bản trước khi nó có thể bắt rễ sâu vào quần đảo Nhật Bản, một đảng xã hội vừa được thành lập. Cũng như tất cả các chính phủ tư sản, chính phủ Thiên Hoàng đã dùng mọi cách mà chúng có thể để chống lại phong trào đó. Cũng như tất cả các lực lượng công nhân ở châu Âu và châu Mỹ, ở Nhật Bản cũng vừa thức tỉnh. Mặc dù sự đàn áp của chính phủ, phong trào do Đảng Xã hội Nhật Bản lãnh đạo vẫn phát triển khá nhanh.

Các đại hội Đảng bị cấm ở các thành phố Nhật Bản, những cuộc đình công, những cuộc biểu tình của dân chúng vẫn nổ ra.

Trung Quốc, trước kia và hiện nay vẫn là con bò sữa của tư bản Âu, Mỹ. Nhưng sự thành lập chính quyền của nhà Cách mạng Tôn Dật Tiên ở phía nam, đã hứa hẹn với chúng ta một nước Trung Hoa được tổ chức lại và vô sản hóa. Có thể hy vọng một cách không quá đáng rằng, trong một tương lai gần đây, hai chị em- nước Trung Hoa mới và nước Nga công nhân - sẽ nắm tay nhau trong tình hữu nghị để tiến lên vì lợi ích của nền dân chủ và nhân đạo.

Bây giờ, chúng ta hãy đi đến châu Á đau khổ.

Nước Triều Tiên nghèo đói đang ở trong tay chủ nghĩa tư bản Nhật, Ấn Độ - xứ Ấn Độ đông dân và giàu có - bị đè nặng dưới ách bọn bóc lột người Anh. May sao, ý chí giải phóng đang làm sôi sục tất cả những người bị áp bức đó và một cuộc cổ động cách mạng sôi nổi đang lay chuyển tinh thần Ấn Độ và Triều Tiên. Tất cả mọi người đều chuẩn bị một cách từ từ nhưng khôn khéo cho cuộc đấu tranh tối cao và giải phóng.

Và Đông Dương! Xứ Đông Dương bị chủ nghĩa tư bản Pháp bóc lột, để làm giàu cho một số cá mập! Người ta đưa người Đông Dương vào chỗ chết trong cuộc chém giết của bọn tư bản để bảo vệ những cái gì mà chính họ không hề biết. Người ta đầu độc họ bằng rượu cồn và thuốc phiện. Người ta tìm họ trong ngu dốt (cứ 10 trường học thì có 1000 đại lý thuốc phiện chính thức). Người ta bịa đặt ra những vụ âm mưu để cho họ nếm những ân huệ của nền văn minh tư sản ở trên máy chém, trong nhà tù hay đây biệt xứ!

75 nghìn kilômét vuông đất đai¹, 20 triệu dân bị bóc lột tàn nhẫn trong tay một nhóm kẻ cướp thực dân, đấy là xứ Đông Dương hiện nay.

Bây giờ hãy xét những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập vào châu Á, dễ dàng hơn là ở châu Âu.

Người châu Á - tuy bị người phương Tây coi là lạc hậu - vẫn hiểu rõ hơn hết sự cần thiết phải cải cách toàn bộ xã hội hiện tại. Và đây là lý do tại sao:

Gần 5.000 năm trước đây, Hoàng đế (2670 trước CN) đã áp dụng chế độ tỉnh điền: ông chia đất đai trồng trọt theo hai đường dọc và hai đường ngang. Như vậy sẽ có chín phần bằng nhau. Người cày ruộng được lĩnh mỗi người một phần trong 8 miếng, miếng ở giữa tất cả đều cùng làm và sản phẩm được sử dụng vào việc công ích. Những đường phân giới được dùng làm mương dẫn nước.

Triều đại nhà Hạ (2205 trước CN) đặt ra chế độ lao động bắt buộc.

Khổng Tử vĩ đại (551 trước CN) khởi xướng thuyết đại đồng và truyền bá sự bình đẳng về tài sản². Ông từng nói: thiên hạ sẽ thái bình khi thế

¹ Số liệu này có thể do báo in nhầm. Diện tích Đông Dương 754.000 km².

giới đại đồng. Người ta không sợ thiếu, chỉ sợ có không đều. Bình đẳng sẽ xóa bỏ nghèo nàn v.v...

Học trò của Khổng Tử là Mạnh Tử, tiếp tục tư tưởng của Thầy và vạch ra một kế hoạch chi tiết để tổ chức sản xuất và tiêu thụ. Sự bảo vệ và phát triển lành mạnh của trẻ em, sự giáo dục và lao động cưỡng bức đối với người lớn, sự lên án nghiêm khắc thói ăn bám, sự nghỉ ngơi của người già, không có điều gì đề án của ông không đề cập tới. Việc thu tiêu bất bình đẳng về hưởng thụ, hạnh phúc không phải cho một số đông mà cho tất cả mọi người, đây là đường lối kinh tế của vị hiền triết.

Trả lời một câu hỏi của vua, ông đã nói thẳng thắn: dân vi quý, xã hội xã tắc thứ chi, quân vi khinh.

Về của cải tư hữu, luật pháp An Nam cấm mua bán toàn bộ đất đai. Hơn nữa, một phần tư đất trồng trọt bắt buộc phải để làm của chung. Cứ ba năm người ta chia lại ruộng đất đó. Mỗi người dân trong xã thôn được nhận một phần. Điều đó không hề ngăn cản một số người trở nên giàu có, vì có ba phần tư đất đai có thể mua bán, nhưng nó có thể cứu nhiều người khác thoát khỏi cảnh bần cùng.

Cái thiếu đối với chúng tôi, mà trách nhiệm của chúng tôi phải nói lên ở đây để những đồng chí của chúng ta có nhiệt tình truyền bá chủ nghĩa cộng sản và thực tâm muốn giúp đỡ những người lao động lật đổ ách của những kẻ bóc lột và đi vào gia đình chung của giai cấp vô sản quốc tế, để cho những đồng chí đó có thể giúp đỡ chúng tôi một cách có hiệu quả. Cái mà chúng tôi thiếu để trở thành cộng sản, là những điều kiện cơ bản nhất để hành động.

Tự do báo chí.

Tự do du lịch.

Tự do dạy và học.

Tự do hội họp (tất cả những cái này đều bị những kẻ khai hóa thuộc địa ngăn cấm chúng tôi một cách dã man).

Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức tình để gạt bỏ sự bóc lột dè tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy,

² Bản chất học thuyết của Khổng Tử là nặng về đẳng cấp, đề cao tầng lớp thống trị. Ở đây nêu lại thuyết đại đồng của Khổng Tử là những muốn gắn với cuộc đấu tranh vì sự công bằng và bình đẳng trong xã hội thuộc địa (B.T).

họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí La Revue Communiste, số 15, ngày 5-1921.

Bản sao lưu trữ

ĐOÀN KẾT GIAI CẤP

Đầu năm 1921, một cuộc bãi công lớn của công nhân hàng hải đang bạ¹ nổ ra ở Braxin. Một chiếc tàu vừa cập bến Riô Đe Hanây rô. Thủy thủ trên tàu chưa biết rằng bạn của mình ở đây đang đấu tranh chống bọn chủ. Một người da đen tham gia đình công, Hôxê Lêandrô Đa Xinva, muốn lên tàu báo tin cho các thủy thủ biết. Trên bến, Hôxê gặp một tên cảnh sát ngăn anh lại.

- Tôi có quyền lên tàu gặp các bạn tôi, chứ sao không, Hôxê nói với tay đại diện trật tự chính quyền.

- Không nói lằng nhằng! Xéo! Tên này cự lại.

Hôxê cố nài.

Tên cảnh sát chẳng thềm trả lời nữa, rút súng lục ra bắn. Hôxê nhanh nhẹn tránh kịp và lẹ như chớp, anh túm lấy thằng đội, quăng nó xuống nước.

Có đến năm chục tên cảnh sát có vũ khí đổ xô đến đánh Hôxê. Anh chống cự lại. Sẵn con dao đi biển. Anh đâm chết mấy tên và làm bị thương nhiều tên khác. Cuối cùng anh không chịu nổi số đông, ngã xuống, coi như chết, với 18 viên đạn trong mình.

Tuy vậy anh vẫn còn đủ sức để lẩm nhẩm bài Quốc tế ca khi được khiêng đến nhà thương. Rồi sau chúng lôi anh ra toà. Anh bị kết án 30 năm khổ sai.

Vừa được tin xử, anh em công nhân cách mạng lập ngay một Ủy ban bảo vệ. Một mặt, họ mượn nhiều trạng sư cãi cho bạn. Mặt khác, họ tổ chức những cuộc biểu tình phản đối trong cả nước. Một chiến dịch vận động đấu tranh ủng hộ Hôxê được tiến hành mạnh mẽ suốt ba năm. Dư

¹ Do yêu cầu của sự kiểm soát quốc gia và quốc tế, người đi biển phải theo luật hàng hải quốc tế, được đăng ký vào một danh bạ Nhà nước. Có đăng bạ mới là công nhân hàng hải chính thức.

luận quần chúng công phần đến mức nhà chức trách phải mang vụ án ra xét lại.

Ngày mồng 8 tháng 2, Hôxê ra toà xử lại án. Một vạ rủi công nhân dự phiên toà kéo dài suốt đêm. Bọn chủ không chịu nhả mồi ra và biện lý phải mất 5 tiếng đồng hồ mới đọc xong bản cáo trạng dài.

Đồng chí Paolô Đê Laxécda và các bạn đồng nghiệp đã hùng biện bác bỏ một cách thắng lợi mọi lý lẽ của biện lý.

Phiên toà đến 4 giờ rưỡi sáng mới kết thúc.

Toà xử trắng án.

Bản tuyên án được hoan nghênh bằng những tiếng vỗ tay vang như sấm. Và Hôxê, anh chiến sĩ bãi công da đen ngã mình trong cánh tay các đồng chí và các người bảo vệ anh, những đại biểu của công nhân da trắng.

Vậy là, dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tài liệu đánh máy, tiếng Pháp, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN VÀ THANH NIÊN TRUNG QUỐC

Phong trào thanh niên xã hội chủ nghĩa mới bắt đầu ở Trung Quốc, từ năm 1920. Nhưng từ đó thì những thanh niên mácxít, những thanh niên vô chính phủ chủ nghĩa, những nghiệp đoàn xã hội chủ nghĩa và những công đoàn mới gia nhập các hội liên hiệp. Và chỉ từ tháng 11 năm 1921, những thanh niên cộng sản mới thành lập được các tổ chức độc lập của họ. 5 nghìn thanh niên đã tập hợp dưới ngọn cờ búa liềm. Hồi tháng 5 năm 1922, họ triệu tập Đại hội toàn Trung Quốc, 16 diễn giả đã lên phát biểu trên diễn đàn Đại hội. Họ đã bầu ra một Ban chấp hành gồm 25 đại biểu, thay mặt cho 15 tổ chức và 2 đại biểu thay mặt cho các thanh niên ở ngoài nước. Họ thông qua một bản điều lệ gồm 35 điểm.

Đại hội kêu gọi các công nhân và lao động toàn Trung Quốc, các sinh viên, các thanh niên nam nữ, tất cả những người có tư tưởng độc lập, các binh lính cũng như cảnh sát.

Cương lĩnh của tổ chức đó gồm có 4 phần sau đây:

A. Về chính trị

1. Đấu tranh giai cấp. 2. Quyền đầu phiếu. 3. Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập hội, tự do bãi công.

B. Về kinh tế

1. Ngày lao động (6 giờ cho những thanh niên 18 tuổi trở xuống, 8 giờ cho những người đã đủ tuổi thanh niên). 2. Tuần lễ nghỉ một ngày. 3. Bỏ chế độ hợp đồng cá nhân ký giữa chủ và thợ. 4. Bảo hộ lao động cho công nhân. 5. Lao động ngang nhau thì trả lương ngang nhau.

C. Về giáo dục

1. Giáo dục xã hội ở nhà nước: dùng các cuộc nói chuyện, các báo chí để tuyên truyền những tư tưởng cộng sản chủ nghĩa. 2. Giáo dục chính trị bằng các cuộc nói chuyện, các sách báo và các cuộc thảo luận về đấu tranh giai cấp.

D. Về việc giáo dục ở nhà trường

Sửa đổi chương trình giáo dục, giáo dục phổ thông bắt buộc, v.v...

Đại hội kết thúc bằng bài "**Quốc tế ca**"

NGUYỄN ÁI QUỐC

T.B: Mãi khi tới Paris, chúng tôi mới nhận được số báo Tiền phong đầu tiên, viết bằng chữ Trung Quốc.

Báo Lao động'Humanité, ngày 19-8-1922.

Bản sao lưu trữ

ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA

Gửi người bản xứ các thuộc địa,

Hỡi những người lao động bản xứ! Những người cộng sản ở chính quốc biết được nỗi khổ của các bạn. Họ biết rằng từ ngày các xứ sở của các bạn bị những quân nhân xâm chiếm, các bạn mất hết tự do, rằng người ta sử dụng những biện pháp tàn bạo để buộc các bạn phải lao động mà không được thu gặt thành quả. Những quan cai trị, dân sự hay quân sự, khủng bố các bạn, áp dụng những luật lệ tàn khốc với các bạn.

Chúng đã tạo nên hai loại tòa án: một cho bạn thân của họ, hiền lành, khoan hòa và tòa án kia các bạn, khát khe và đẫm máu.

Các bạn bị bóc lột hai lần: trên tư cách là người lao động và trên tư cách là người bản xứ. Chủ các bạn, xuất phát từ mẫu quốc, không hành động đơn độc. Những người có quyền lực ở nước các bạn, những nghiệp chủ lớn và các ông chủ muốn bảo vệ của cải và quyền thế của mình, liên minh với nhau để bóc lột các bạn, liên minh với chính quyền, với bọn thực dân và các công ty châu Âu.

Trong chiến tranh, thanh niên bước bạn bị bắt ra khỏi nhà, hoặc bằng các lời hứa hão, hoặc bằng đe dọa, vũ lực và người ta đã đưa chúng đến lò mổ tức là chiến tranh để bảo vệ lợi quyền và những hận thù của chính những kẻ giàu có đã chinh phục đất nước các bạn. Nhiều người đã bỏ mạng, những người khác bị thương tật suốt đời. Người ta không giữ lời hứa nêu ra trong chiến tranh, là nhượng lại cho các bạn những quyền trọn vẹn về con người và về công dân.

Ngoài ra, các ông chủ này tiếp tục ép các bạn cung cấp cho họ binh lính cho một cuộc chiến tranh nổ ra nay mai thôi mà lòng tham của các ông chủ đang chuẩn bị và với hy vọng dùng các bạn để đàn áp cách mạng mà chúng tôi chuẩn bị để giải phóng chung chúng ta.

Có lẽ các bạn tưởng rằng tất cả mọi người sống ở pháp cũng đều có quyền lực cả và đều đồng tình để duy trì các bạn trong vòng nô lệ.

Không. Ở nước Pháp mẫu quốc cũng có và có nhiều những người khác chẳng có tài sản gì cả, phải lao động để sống, dưới quyền cũng những ông chủ ấy và chịu để người giàu bóc lột.

Những người gây nên nỗi thống khổ của các bạn và duy trì nó vì điều đó có lợi cho họ, những người ấy là thiểu số ở mẫu quốc, nhưng họ có quyền lực vì họ rất giàu, và chúng tôi, là những người thuộc đa số, chúng tôi là nạn nhân của những bạo ngược của họ, chúng tôi đấu tranh chống lại họ. Họ cũng đưa chúng tôi - như các bạn - ra mặt trận và họ dùng bạo lực bứt con cái chúng tôi ra, biến chúng thành lính tráng để chúng bảo vệ những của cải không thuộc về chúng tôi.

Được tự do chút ít hơn các bạn, chúng tôi đã có thể liên hiệp lại để đấu tranh chống lại chủ của chúng tôi và chúng tôi chuẩn bị lật đổ họ để tổ chức, chỉ nhằm lợi ích của mọi người, một xã hội toàn cầu tự do hơn và công bằng hơn, ở đó lao động là tối cao. Vì thế, chúng tôi đã thành lập, như ở mọi nơi trên thế giới, một Đảng cộng sản vĩ đại, đấu tranh để giải phóng mọi người lao động.

Đảng chủ trương nỗ lực để cứu vớt tất cả những anh em ở các thuộc địa, đảng yêu cầu các bạn thông tin cho đảng biết về tất cả những ngược đãi mà các bạn mỗi lúc lại là nạn nhân, Đảng sẵn sàng để các bạn tuyên truyền trên báo chí của Đảng và sẵn sàng để các nhân vật chính trị của Đảng giúp đỡ các bạn. Đảng yêu cầu các bạn thân thiện với Đảng và ở trong các thuộc địa mà có tồn tại các chi nhánh của Đảng chúng tôi, các bạn hãy coi các chi nhánh ấy là những cơ quan bảo vệ các bạn. Đảng yêu cầu nhất là các bạn đoàn kết lại, giữa lao động ở xí nghiệp, ở nông thôn.. và duy trì những quan hệ anh em với những người lao động từ mẫu quốc đến - ngày càng nhiều - họ cùng giai cấp với các bạn: họ là công nhân, công chức, nông dân, tiểu viên chức, thủy thủ.

Vì hòa bình thế giới, vì tự do và sự no ấm của mọi người, những người bị bóc lột thuộc mọi nòi giống, chúng ta hãy đoàn kết lại và đấu tranh chống bọn áp bức.

BAN NGHIÊN CỨU THUỘC ĐỊA
CỦA PHÂN BỘ PHÁP CỦA QUỐC TẾ CỘNG SẢN
120 phố Phayettơ, Paris.

Le Paria, số 8, ngày 1-11-1922.

MÁY Ý NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA

Từ khi Đảng Cộng sản Pháp đã thừa nhận 21 điều kiện của Mátxcova và gia nhập Quốc tế thứ ba, Đảng đã tự đặt cho mình một nhiệm vụ đặc biệt khó khăn trong số các nhiệm vụ khác: chính sách thuộc địa. Đảng không thể thỏa mãn với những bản tuyên ngôn chỉ thuần là bằng tình cảm và không có kết quả gì như thời Quốc tế thứ nhất và Quốc tế thứ hai nữa, mà cần phải có một kế hoạch hoạt động chính xác, một chính sách có hiệu quả và thiết thực.

Trong vấn đề này, Đảng gặp nhiều khó khăn hơn mọi vấn đề khác và đây là những khó khăn chủ yếu.

1. Diện tích các thuộc địa rất rộng - Không kể những "khu vực ủy trị" mới, lấy được từ sau chiến tranh, nước Pháp có

Ở châu Á, 450.000 km²; ở châu Phi, 3.541.000 km²; ở châu Mỹ, 108.000 km²; ở châu Đại Dương, 21.600 km². Tổng cộng: 4.120 km² (gần gấp tám lần diện tích nước Pháp) với một dân số là 47.000.000 người. Số dân đó nói hơn 20 thứ tiếng khác nhau. Tình trạng có nhiều tiếng nói khác nhau như vậy làm khó khăn cho công tác tuyên truyền, bởi vì trừ mấy thuộc địa cũ ra, thì một tuyên truyền viên người Pháp chỉ có thể nói chuyện với quần chúng bản xứ qua người phiên dịch mà thôi. Mà phiên dịch thì khó nói lên được hết ý, vả lại trong những xứ bị cai trị một cách độc đoán ấy, thật khó mà tìm ra được một người phiên dịch những lời lẽ cách mạng.

Lại còn những trở ngại khác nữa. Tuy người dân bản xứ ở tất cả các thuộc địa đều là những người bị áp bức và bóc lột như nhau, nhưng trình độ văn hóa, kinh tế và chính trị giữa xứ này với xứ khác lại rất khác nhau. Giữa An Nam với Cônggô, Máctiních hay Tân Đảo, hoàn toàn không giống nhau chút nào, trừ sự cùng khổ.

2. Tình trạng thờ ơ của giai cấp vô sản chính quốc đối với các thuộc địa

Trong những luận cương về vấn đề thuộc địa, Lênin đã tuyên bố rõ rệt rằng "*nhiệm vụ của công nhân ở các nước đi chiếm thuộc địa là phải giúp đỡ một cách tích cực nhất phong trào giải phóng của các nước phụ thuộc*". Muốn thế, công nhân ở chính quốc cần phải biết rõ thuộc địa là cái gì, phải biết những việc gì đã xảy ra ở thuộc địa, biết rõ nỗi đau khổ - hàng nghìn lần đau khổ hơn công nhân ở chính quốc - những người anh em của họ, những người vô sản thuộc địa phải chịu đựng. Tóm lại là công nhân ở chính quốc phải quan tâm đến vấn đề thuộc địa.

Tiếc thay, một số đông chiến sĩ vẫn còn tưởng rằng, một thuộc địa chẳng qua chỉ là một xứ dưới đây cát và trên là mặt trời, vài cây dừa xanh với mấy người khác màu da, thế thôi. Và họ hoàn toàn không để ý gì đến.

3. Tình trạng dốt nát của người dân bản xứ

Trong tất cả các nước thuộc địa, ở cái xứ Đông Dương già cỗi kia cũng như ở xứ Đahômây trẻ trung này, người ta không hiểu đấu tranh giai cấp là gì, lực lượng giai cấp vô sản là gì cả, vì một lẽ đơn giản là ở đó không có nền kinh doanh lớn về thương nghiệp hay chủ nghĩa, cũng không có các tổ chức công nhân. Trước con mắt của người dân bản xứ, chủ nghĩa bôn-sê-vich - danh từ này vì thường được giai cấp tư sản dùng đến luôn, nên đặc sắc hơn và mạnh nghĩa hơn - có nghĩa là: hoặc sự phá hoại tất cả, hoặc sự giải phóng khỏi ách nước ngoài. Nghĩa thứ nhất gán cho danh từ ấy làm cho quần chúng vô học và nhút nhát xa lánh chúng ta, nghĩa thứ hai thì dẫn họ đến chủ nghĩa quốc gia. Cả hai điều đó đều nguy hiểm cả. Chỉ có một số ít người trong nhân dân hiểu được thế nào là chủ nghĩa cộng sản. Nhưng số người thượng lưu ấy, - thuộc giai cấp tư sản bản xứ¹ và là cột trụ của giai cấp tư sản thực dân, - cũng không thích thú gì việc chủ nghĩa cộng sản được người ta hiểu và được truyền bá rộng rãi cả. Trái lại, giống như con chó trong truyện ngụ ngôn, họ lại thích đeo cái vòng cổ để kiếm miếng xương của chủ. Nói chung, quần chúng căn bản là có tinh thần nổi dậy, nhưng còn rất dốt nát. Họ muốn giải phóng, nhưng họ chưa biết làm cách nào để đạt được mục đích ấy.

¹ La Bourgeoisie autochtone.

4. Những thành kiến

Vì giai cấp vô sản ở cả hai đảng đều không hiểu biết lẫn nhau, nên đã xảy ra những thành kiến. Đối với công nhân Pháp, thì người bản xứ là một hạng người thấp kém, không đáng kể, không có khả năng để hiểu biết được và lại càng không có khả năng hoạt động. Đối với người bản xứ, những người Pháp - mặc dầu họ là hạng người nào cũng đều là những kẻ bóc lột độc ác. Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản không bỏ lỡ dịp lợi dụng sự nghi kỵ lẫn nhau đó và sự phân biệt đẳng hạng giả tạo về nòi giống đó để ngăn cản việc tuyên truyền và để chia rẽ những lực lượng đáng phải đoàn kết lại.

5. Đàn áp dã man

Nếu bọn thực dân Pháp rất vụng về trong việc phát triển nền kinh tế ở thuộc địa, thì họ lại là những tay lão luyện trong nghề đàn áp dã man và trong việc chế tạo ra cái lòng trung thành bắt buộc. Những người như ông Găngđi và ông Đờ Valora có lẽ đã lên thiên đàng từ lâu rồi nếu các ông ấy sinh ở một trong những thuộc địa của Pháp. Bị tất cả mọi thứ thủ đoạn thâm hiểm của các toà án quân sự và toà án đặc biệt vây xung quanh, một người chiến sĩ ở bản xứ khó lòng tiến hành việc giáo dục đồng bào bị áp bức và đốt nát của mình mà không sa vào nanh vuốt của các nhà đi khai hóa cho họ.

Trước những khó khăn ấy, Đảng phải làm gì?

Tăng cường công tác tuyên truyền của Đảng để khắc phục.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo L'Humanité, ngày 25-5-1922.

TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN Ở THUỘC ĐỊA

Trích biên bản phiên họp ngày 27 tháng 6 năm 1923, kỳ họp thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Quốc tế Công hội đỏ.

Đấu tranh công đoàn ở thuộc địa

Chủ nghĩa đế quốc hiện đại đặt nền móng trên sự bóc lột hàng triệu người lao động ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Bởi thế, nó chỉ tan rã hoàn toàn và vĩnh viễn khi nào chúng ta phá bỏ được nền móng đó của lâu đài đế quốc chủ nghĩa. Theo quan điểm đó, việc tổ chức công đoàn ở các nước thuộc địa có một tầm quan trọng đặc biệt. Thế mà đoàn viên của Quốc tế Công hội đỏ hầu như chưa hề làm được gì ở Ai Cập, ở Tuynidi và ở tất cả các nước đang nằm dưới gót sắt của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Mối liên hệ hiện có giữa các nhóm công nhân ở các nước thuộc địa Pháp và các công đoàn Pháp chỉ là do ngẫu nhiên. Không có một hoạt động có hệ thống nào cả, mà rõ ràng là nếu chưa tranh thủ được quần chúng ở thuộc địa thì chúng ta không đủ sức phá hủy bộ máy đế quốc chủ nghĩa. Việc cần thiết hiện nay là phải phát động một cuộc tuyên truyền rộng lớn để thành lập các tổ chức công đoàn ở các nước thuộc địa và phát triển các công đoàn hiện có dưới hình thức phôi thai. Ngoài ra, chúng ta cần phải tỏ rõ tình hữu ái giai cấp thực sự giữa những người lao động thuộc mọi dân tộc, mọi chủng tộc để khắc phục sự nghi kỵ của những người lao động thuộc địa đối với những đại diện của những chủng tộc thống trị. Mối liên hệ hữu cơ giữa công đoàn thuộc địa và công đoàn chính quốc chỉ có thể là kết quả của một quá trình công tác rất lâu dài trong các thuộc địa.

Không được quên những người lao động thuộc địa, phải giúp đỡ các tổ chức của họ, đấu tranh bên bỉ chống những chính phủ của chính quốc đang áp bức các thuộc địa, đó là một trong những nhiệm vụ cấp thiết nhất của tất cả các công đoàn cách mạng, nhất là ở các nước có giai cấp tư sản đi nô dịch và bóc lột các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

NÔ LỆ THỨC TỈNH Ở ĐÔNG DƯƠNG

Tháng 11 năm 1922, 600 thợ nhuộm ở Chợ Lớn (Nam Kỳ) vì bị bớt lương nên đã quyết định bãi công.

Cuộc phản công của bọn chủ liền diễn ra ở khắp nơi và khắp nơi giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và giá trị của mình.

Nếu những công nhân bản xứ khốn khổ kia, thường là rất ngoan ngoãn, dễ sai, dễ bảo, không được giáo dục và tổ chức, đã đi đến chỗ phải tập hợp nhau lại - do bản năng tự vệ, nếu có thể nói như thế - và đấu tranh chống những đòi hỏi tàn bạo của chủ, thì đó là vì tình cảnh của họ quá ư khốn khổ, khốn khổ đến mức mà ở châu Âu người ta không tưởng tượng được. Đây là lần đầu tiên, một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc địa. Chúng ta hãy ghi lấy dấu hiệu đó của thời đại và chúng ta đừng quên rằng bốn phận của chúng ta - những người lao động ở chính quốc - không phải chỉ tổ tình đoàn kết với những anh em cùng giai cấp ở đây bằng lời nói, mà còn phải giác ngộ họ, giáo dục họ về ý thức tổ chức và về phương pháp tổ chức.

RỦI RO - CẢNH SINH HOẠT CỦA THỢ THUYỀN AN NAM

Nóng bức! Một cái nóng bức mà chỉ chúng tôi, những người Nam Kỳ và những người hân hạnh được ông Utorây, bảo hộ, mới được đặc ân hưởng thụ. Mặt trời nắng đỏ hột. Các bạn có biết mặt trời đỏ hột là gì không? Trong phương ngữ của chúng tôi, điều đó có nghĩa là tác động của nóng bức dữ dội đến mức mà luôn luôn bạn thấy trước mắt có một cái gì rơi như mưa nhưng đáng lẽ là nước thì là những hạt lửa.

Các vách tường của nhà thờ Sài Gòn nóng bỏng lên như những mảng tường của địa ngục. Cột thu lôi ánh lên như một lưỡi lê vấy máu và sẵn sàng xuyên thủng da trời bị nấu chín theo nghĩa đen của từ.

Từ sáng đến giờ chẳng có một người khách nào! Tôi đã đói và tôi uốn mình khó khăn trong khung hình chữ nhật hẹp thành cái ách cho con vật - hình người là người kéo xe tay. Hay giọng của chiếc xe đè nặng lên cánh tay tôi và bánh xe thì kêu rên rĩ như thể chúng khát nước.

Tôi và chiếc xe của tôi tiếp tục kéo nhau về hướng Dinh Thống đốc. Những lá bàng rộng bản và lá cau làm thành những tấm gương phản chiếu tập trung toàn bộ sức mạnh của mặt trời đến người đi đường. Người ta cứ tưởng toàn bộ vũ trụ đã biến thành một lò hỏa táng.

Hai hay ba người da trắng cạo mặt trên quảng trường, họ là những người da trắng duy nhất có cảm tình với người bản xứ, bởi vì họ là người bằng đồng, nhưng lại là những khách hàng tồi vì họ chẳng bao giờ đi xe kéo!

Tôi thấy một bóng người đi ra khỏi dinh. Tôi tự nhủ: Một người ra khỏi nhà hẹp này chắc phải là một người lịch sự, mà một người lịch sự thì không đi bộ dưới trời nắng thế này, ông ta sẽ đi xe, và ông ta sẽ là khách hàng của tôi. Khi tôi thấy áo đen của ông ta, tôi càng lạc quan vì tôi cho đó là một thầy thông¹. (Một người thông ngôn An Nam). Tôi chạy đến đón ông ta. Đó là một cha đạo, một cha đạo đáng kính.

Tôi cúi người xuống chân ông ta để ông ta có thể lên xe dễ dàng hơn, đó là cách thanh lịch để đón khách. Đáng lẽ đặt chân lên bệ xe, con

¹ Hai chữ "Thầy thông" trong nguyên bản viết bằng tiếng Việt.

người thánh thiện lại muốn đặt chân lên móng tôi. Tôi hiểu ngay cử chỉ ấy, vì tôi đã quen với những người hiền như thế rồi; và tôi bỏ chạy với chiếc xe kéo của tôi, tôi vốn đã quen với những trò nhào lộn này rồi, nghề nghiệp buộc tôi như thế. Trong khi chạy ra xa, tôi còn nghe vị con của Chúa trời lẩm bẩm câu kinh ngẫu hứng: "*Khốn kiếp! Vị tông đồ nói - người ta không thể bước đi một bước mà không bị bọn xe kéo tôi tàn này quấy ray!*".

Sự cố này làm tôi quên cả mệt mỏi, cả đói khát, vì sau khi đạt được khoảng cách khá xa giữa "*cha tôi*" và tôi, tôi dựa cột, nghĩ đến Chúa, đến hình ảnh con người, tức là đến người nọ và tôn giáo của anh ta. Khi tôi quay đầu lại thì thấy gậy tông đồ vẫn còn tiếp tục dứ dứ về phía tôi như một que rầy nước phép.

Tôi đi, hay đúng hơn, chúng tôi, chiếc xe và tôi đi về bến dò. Từ trong cái quán bé tẹo của bà Thị Hai¹ toát lên một không khí hạnh phúc và sung túc. Gạo trắng như ngà, nước mắm tỏa ra một hương thơm ngào ngạt làm khoái mũi. Nước chè sôi sùng sục trên bếp. Thật là hấp dẫn. Tôi dừng lại, quyết định mua một bát cơm ngon, biết rằng bà Thị Hai tốt bụng không nỡ từ chối bán chịu cho một người thợ lương thiện.

Vừa mới ngồi lên chiếu, tôi thấy một người lính thủy đi ngoằn ngoèo trên bến tàu của hãng Sacgio Rêuyni. Buông dũa xuống, tôi nhảy ra xe và bằng hai bước chân, tôi đã đứng trước vị khách hàng thứ hai của tôi sáng nay. Đó là một người tốt bụng, anh ta chẳng hề mặc cả giá cả. Anh ta ném cho tôi địa chỉ nơi đến rồi lên xe và ngồi chễm chệ bên mạn phải, còn gói đồ đạc thì để bên tay trái. Tôi chạy những ba hải lý/ giờ², vì không muốn Thị Hai phải ngóng chờ.

Đến cảng, tên thủy thủ lão luyện lên bờ và bỏ đi, tỉnh bơ, chẳng hề có ý định trả thù lao cho tôi. Tôi yêu sách. Hắn chẳng thèm quay lại. Tôi chạy theo hắn và hét lên: "*Trả tiền, ông ơi, trả tiền!*".

Hắn chuyển gói đồ qua bên trái, tay phải thò vào túi và rút ra một... khẩu súng lục. Vũ khí của văn minh hùng hồn thét lên: Pan! Pan! "*Lại một cú nữa xoi hỏng hỏng không*", tôi tự nhủ.

Tôi trở lại quán ăn, chè vẫn còn đang bốc khói.

CULIXE

Nguyễn Ái Quốc dịch³

Báo L.Humanité, ngày 18-3-1922.

¹ Hai là chữ "Thị Hai" trong nguyên bản viết bằng tiếng Việt.

² Trois nauds à l'heure.

³ Thật ra, đây là văn phẩm sáng tác của Nguyễn Ái Quốc.

BÁO CÁO GỬI QUỐC TẾ CỘNG SẢN* ĐÔNG DƯƠNG, TÓM TẮT

Chính trị

Không có chính đảng: Đất nước bị cai trị theo cách như sau:

Nam Kỳ và Bắc Kỳ bị cai trị trực tiếp bởi các nhà cầm quyền Pháp với những thuộc hạ người bản xứ.

Trung Kỳ và Campuchia có Chính phủ bản xứ của mình mà thực tế chỉ là thực hành các mệnh lệnh của các nhà cai trị Pháp.

Kinh tế

Xí nghiệp, đồn điền, hầm mỏ, giao thông vận tải và thương nghiệp lớn, tất cả đều ở trong tay người Pháp. Thương nghiệp hạng vừa có thể nói là người Trung Quốc nắm độc quyền. Người bản xứ chỉ có thương nghiệp địa phương nhỏ.

Xã hội

Dân cư hợp thành xã, những xã hợp thành tổng, những tổng hành huyện, những huyện thành tỉnh.

Dân cư bầu lấy lý trưởng, những lý trưởng bầu lấy chánh tổng. Cuộc bầu cử của nhân dân dừng lại ở đấy.

Những huyện và những tỉnh thì các quan cai trị do chính phủ chỉ định.

Triều đình và quan chức lệ thuộc tuyệt đối vào chính quyền Pháp. Họ bị chủ Pháp của họ khinh bỉ và nhân dân An Nam ghét.

Thiếu số các nhà nho hay là các nhà trí thức là các nhà cách mạng dân tộc chủ nghĩa. Chính họ đã khích động mọi cuộc nổi dậy trong quá khứ.

* Đầu bài do BBT đặt. Trên đầu tài liệu ghi 21/IX/23 Mật.

Công nhân có thể là 2% trong dân số, không được học hành, được tổ chức. Do vậy, họ không có một lực lượng chính trị nào.

Tiểu tư sản không nhiều, là một phần tử bấp bênh. Nó chịu sự chi phối bởi nhiều thứ triết lý, như là nó hướng vào phong trào dân tộc rất vội vã. Nó nhút nhát.

Quần chúng nông dân bị bóc lột nhất và cùng khổ nhất, rất yêu nước.

Tuyên truyền tốt trong nông dân và tổ chức tốt trong công nhân nếu chúng ta làm tới được điều đó thì tương lai thuộc về chúng ta.

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG

- 1/ Xuất bản một tờ báo nhỏ tiếng Việt.
- 2/ Tập hợp những phần tử dân tộc cách mạng.
- 3/ Cố gắng đưa những thanh niên người bản xứ đi Mátxcova.
- 4/ Xây dựng dây liên lạc Mátxcova - Đông Dương - Paris.

HỢP TÁC

a/ Điều gì mà Đảng có thể làm thì đã liệt kê trong thư gửi cho nó do Ban phương Đông chuyển.

b/ Tổng công hội thống nhất đã hứa làm hết sức mình để 2 hoặc 3 đồng chí người Pháp có thể sang Đông Dương để tổ chức công nhân.

c/ Thanh niên Cộng sản Pháp phải lợi dụng chủ nghĩa quân phiệt để đưa những thành viên chắc chắn nhất đăng lính vào đội quân thuộc địa để dắt dẫn sự tuyên truyền trong những người bản xứ.

d/ Sự giúp đỡ của Thanh niên Cộng sản Trung Quốc là một tuyệt đối cần thiết cho sự hoạt động ở Đông Dương.

Một cuộc thảo luận giữa những đại biểu của Đảng, của Tổng công hội thống nhất, của Thanh niên và của Ban phương Đông có thể lộ ra nhiều ánh sáng khác.

Tài liệu viết tay, tiếng Pháp, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN

Theo những số liệu thống kê cuối cùng thì số lượng những người vô sản ở Trung Quốc là 5050 nghìn người. Gần 15 tổ chức thống nhất giai cấp vô sản ở Trung Quốc, tính ra khoảng 300 nghìn đoàn viên. Họ được phân bố như sau.

	Số lượng công nhân (nghìn)	Đoàn viên công đoàn (nghìn)
Ngành công nghiệp điện	100	5
Những người phục vụ	400	8
Ngành công nghiệp máy khâu	300	7
Công nhân xây dựng	300	8
Ngành làm muối	300	10
Nghề kéo xe	200	10
Ngành in	80	10
Ngành dệt	180	10
Ngành làm mũ	200	14
Ngành công nghiệp thuốc lá	100	18
Ngành đào đất (thợ đấu)	800	30
Ngành mỏ	420	26
Ngành đường sắt	100	42
Ngành giao thông đường biển	80	45
Ngành công nghiệp luyện kim	200	50
Các ngành khác		7

Trong các yêu sách của giai cấp vô sản có tổ chức của Trung Quốc, chúng tôi thấy có những điểm sau đây:

1. Tự do hội họp; 2. Quyền tổ chức các công đoàn và các cuộc đình công; 3. Ngày lao động 8 giờ cho người lớn và 6 giờ cho thiếu niên và những người làm việc nặng; 4. Bảo vệ những người tiểu nông; 5. Cấm làm việc quá giờ trong những xí nghiệp độc hại và cấm sử dụng lao động trẻ em và phụ nữ vào việc làm ban đêm; 6. Hằng năm công nhân được nghỉ hai tuần, đối với phụ nữ làm công việc nặng nhọc thì được nghỉ 8 tuần trước khi đẻ và 8 tuần sau khi đẻ, 6 tuần nghỉ đẻ đối với phụ nữ làm công chức và làm công việc nhẹ; 7. Ban kiểm tra của công nhân; 8. Luật bảo hiểm đối với công nhân; 9. Nhà nước có trách nhiệm giúp đỡ các tổ chức công nhân của những người lao động được học hành.

Chỉ sau khi chiến tranh thế giới kết thúc, giai cấp vô sản Trung Quốc mới bắt đầu được tổ chức một cách chặt chẽ, song họ đã thu được một số thắng lợi to lớn trong các cuộc đình công. Mặc dù bị bọn quân phiệt đàn áp và bọn thống trị ngoại lai cản trở, các tổ chức của họ vẫn phát triển bình thường có thể nói là nhanh nữa. Hiện nay những người thủy thủ, công nhân luyện kim, công nhân đường sắt là những lực lượng thật sự mà bọn tư bản buộc phải coi trọng.

NGUYỄN ÁI QUỐC

(Dịch theo bài in trong sách)

Những bài viết và nói chọn lọc
Báo La Vie Ouvriere, ngày 9.1.1923.
In trong sách Hồ Chí Minh, Những bài viết
và nói chọn lọc, tiếng Nga, NXB Chính trị Quốc gia,
Mátxcova, 1959, tr.71-71.

THAM LUẬN TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ III QUỐC TẾ CÔNG HỘI ĐỎ

Thưa các đồng chí, tôi xin thông báo với các đồng chí về tình hình giai cấp công nhân ở Đông Dương, một trong những thuộc địa quan trọng nhất của Pháp.

Theo những số liệu thống kê gần đây, ở Đông Dương hiện có 63 xí nghiệp khai mỏ sản xuất 70 vạn tấn than đá, 5 vạn tấn kẽm, 15 vạn tấn chì, 2.500 tấn sắt, 1.500 tấn các kim loại khác, 3.500 cara¹ đá quý và 100 kilôgam vàng.

Còn về những ngành công nghiệp khác thì nên lưu ý rằng ở Đông Dương còn có 140 đồn điền cao su với diện tích chung 3.500 hécta và sản xuất 5.000 tấn. Công nghiệp thực phẩm cũng đáng kể sản xuất 250 tấn thịt hộp.

100 xí nghiệp tơ lụa sản xuất 100 tấn hàng tơ lụa.

Nếu như kể thêm rằng ở Đông Dương còn có 355 trạm điện báo, 2.1000 kilômét đường sắt và 3 cảng lớn mà mỗi năm bốc dỡ 7-8 triệu tấn hàng khác nhau thì điều đó sẽ cho một quan niệm chung về những lĩnh vực sản xuất mà vô sản Đông Dương đang bỏ sức lao động vào đó.

Ở Đông Dương còn có những xí nghiệp tương đối lớn: nhà máy xi măng Poóclan² có 30.000 công nhân làm thuê, khu mỏ vịnh Hạ Long có 4.000 công nhân, nhà máy dệt Bắc Kỳ³ - 3.000 công nhân, đường sắt 8.000 công nhân.

Ngày làm việc 12 - 13 tiếng. Trong nông nghiệp ngày làm việc còn dài hơn. Những ngày lễ - và nhiều khi cả những ngày chủ nhật - đều không được đếm xỉa tới. Không có bảo hiểm xã hội cho tuổi già, không có trợ cấp cho lúc bị thương tật hoặc đau ốm. Tiền lương của công nhân không

¹ Cara: đơn vị trọng lượng đá quý = 0,2 gam.

² Nhà máy xi măng Hải Phòng.

³ Nhà máy dệt Nam Định.

lành nghề không quá 50 phrăng một tháng, còn của công nhân lành nghề - 250 phrăng. Công nhân nhiều khi phải ký những giao kèo một phía, bắt buộc họ phải làm việc cho bọn chủ trong một số năm nhất định. Theo giao kèo, bọn chủ nhà máy có thể sa thải họ bất kỳ lúc nào, nhưng người công nhân lại không thể bỏ việc trước lúc hết thời hạn như đã quy định trong giao kèo. Trong nông nghiệp, nhiều khi ngay cả thủ tục hình thức đó cũng không được dùng và cố nông trở thành hầu như nô lệ, như sở hữu riêng của bọn chủ. Đối với những người không phục tùng, có sẵn cả một hệ thống bắt bớ và đánh đập.

Tất nhiên, không thể nói tới tự do bãi công. Một vài cuộc nổi dậy lớn mang tính chất bãi công, không phải là do vận động tuyên truyền gây ra mà là do bị đói, đã bị đàn áp bằng mọi cách tàn ác nhất.

Với sự giúp đỡ hào hiệp của chủ nghĩa đế quốc Pháp, ở Đông Dương thật ra đã là phục hồi chế độ nô lệ. Nô lệ có ba loại: 1) tù khổ sai, mà chính quyền cai trị đã cho bọn chủ các nhà máy sử dụng, sau cả một ngày lao động cho bọn tư bản thì tối đến họ lại trở về các nhà tù có biển đề hứa hươu hứa vượn "*tự do, bình đẳng và bác ái*", 2) nông nô, có thể bao gồm tất cả người An Nam từ 18 đến 60 tuổi, hằng năm buộc phải đi phu một số ngày nhất định. Vả lại, số lượng những ngày đó chỉ là quy định ước chừng, còn trên thực tế hầu như không có hạn định. Một phần lớn dân cư đã bị huy động vào việc làm đường, đào kênh và không có bất kỳ một thứ công sá nào hết. Số người dân bản xứ chết vì những công việc ấy thật rất lớn, 3) nô lệ, đúng theo nghĩa đầy đủ của từ, họ bị bán và bị mua. Trong việc mua bán này, chính quyền thực dân đã trở thành bọn chủ kinh doanh. Giống như thời chiến tranh, chính quyền thực dân đã tuyển dân bản xứ làm lính - tình nguyện, thì bây giờ chúng lại mộ công nhân - tình nguyện đi các thuộc địa Pháp khác, chủ yếu cho các đảo ở Thái Bình Dương. Những người An Nam này đến đó bị bán cho bọn chủ đồn điền và chủ nhà máy người châu Âu.

Có một bức thư, đã đăng khắp Đông Dương và đề ngày 17 tháng 3 năm 1924, nói về những tai họa khủng khiếp do bệnh sốt rét gây ra trong số những người nô lệ đã bị đưa tới đảo Êbrít¹, bức thư yêu cầu phải chấm dứt cái hệ thống bóc lột vô liêm sỉ đối với tình trạng tăm tối của người dân bản xứ.

¹ Hébrides: đảo nhỏ ở nam Thái Bình Dương.

Giai cấp vô sản không thể làm gì để chống lại cái hệ thống bóc lột đó, chưa có một tổ chức công nhân nào cả. Bộ luật thuộc địa do những nhà khai hóa Pháp soạn ra chính là để đàn áp bất kỳ một biểu hiện nào có tính tự chủ của người dân bản xứ nói chung và tầng lớp vô sản nói riêng. Theo bộ luật đó, người An Nam không có quyền xuất bản báo chí bằng tiếng mẹ đẻ, không có tự do hội họp và lập hội, bị tước đoạt cả quyền tự do đi lại từ tỉnh này sang tỉnh khác. Để bảo vệ những luật pháp đó thì có tòa án gồm 5-6 quan lại Pháp, chúng xử kín và tuyên án, kể cả án tử hình.

Trước chiến tranh, người An Nam có tổ chức vài hợp tác xã, nhưng chính quyền thực dân đã giải tán chúng, bắt giam những người tổ chức vì nghi là tuyên truyền cách mạng.

Thưa các đồng chí, tình cảm công nhân An Nam là như thế. Đó là một tình cảnh khủng khiếp, nhưng không phải là không có lối thoát. Tình hình không phải là không có lối thoát, bởi vì với sự giúp đỡ của các tổ chức cách mạng gắn gũi với Quốc tế Công hội đỏ, chúng tôi quyết đập tan lực lượng của chủ nghĩa đế quốc châu Âu áp bức chúng tôi. Nhưng để đạt tới kết quả đó, để thúc đẩy nhanh chóng công cuộc giải phóng của giai cấp vô sản Đông Dương thì cần thiết một điều là các đồng chí chúng ta trong các tổ chức công nhân cách mạng Pháp phải tích cực giúp đỡ chúng tôi trong cuộc đấu tranh giải phóng của chúng tôi. (Vỗ tay vang dội).

In trong sách: Đại hội lần thứ III Quốc tế Công hội đỏ - Báo cáo, bản tốc ký, tiếng Nga, Mátxcova, 1924, tr.297 - 299.

NHỮNG NGƯỜI LÀM CÔNG TỔ CHỨC LẠI, CHỐNG BÓC LỘT CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Mặc dầu nền công nghiệp lớn và cơ khí chưa được phát triển hoàn toàn ở Trung Quốc, những tập tục gia trưởng chưa mất hẳn, công nhân Trung Quốc bị hai tầng áp bức của tư bản nước ngoài và của bọn quân phiệt bản xứ, đã bắt đầu hoạt động mạnh. Có khoảng một triệu người lao động đã chịu ảnh hưởng (trực tiếp hoặc gián tiếp) của sự tuyên truyền nghiệp đoàn và cách mạng.

Liên hiệp hải viên Công hội Hồng Công có 30.000 hội viên. Họ đã phát động một cuộc đình công bốn tháng (từ tháng 12-1921 đến tháng 3-1922). Để tỏ tình đoàn kết, quần chúng ngoài công hội đã tuyên bố tổng đình công. Những người thợ giặt và những người phục vụ cũng hưởng ứng phong trào. Kết quả là công nhân được tăng lương từ 20 đến 40%.

Liên hiệp hải viên Công hội Thượng Hải có 15.000 hội viên. Một cuộc đình công ba tuần đã được tuyên bố tháng 7-1922. Kết quả là công nhân được tăng lương 20%.

Công nghiệp bông sợi sử dụng 72.3000 công nhân, phần lớn là phụ nữ và trẻ em dưới 8 tuổi. Ngày làm việc 12 giờ. Nhiều cuộc khởi nghĩa đã nổ ra đòi cải thiện điều kiện làm việc.

93 xí nghiệp dệt tơ lớn sử dụng 130.000 phụ nữ và thiếu niên nữ từ 8 đến 14 tuổi. Họ làm việc 11 giờ mỗi ngày. Do hơi nóng của nước sôi thường xuyên tỏa ra và mùi khai của kén tằm, nên điều kiện làm việc của những nữ công nhân đó vô cùng khó khăn. Tháng 6-1922, một nữ công nhân đã chết vì tai nạn lao động do chữa cháy kém. Một cuộc đình công tự phát bùng nổ để phản đối. Cuộc đình công đó được các xí nghiệp ở Thượng Hải hưởng ứng. Kết quả là giờ làm việc hàng ngày giảm xuống hai giờ.

Một cuộc đình công của thợ dệt Nam Kinh đã ngăn cản được độc quyền tơ sợi của thành phố rơi vào tay một tập đoàn kinh doanh Nhật.

Cuối năm 1921, những người làm thuê cho chủ xe kéo nước ngoài, bao gồm 3.000 người tham gia nghiệp đoàn, đã đình công. Vì việc giảm lương được thực hiện do sáng kiến của các chủ người Pháp (900 xe kéo), nên những người đình công đói rách đã tổ chức một đoàn "ăn xin" tuần hành trong tô giới Pháp. Cảnh sát Pháp giải tán cuộc biểu tình và bắt giam những người lãnh đạo. Cần nhớ rằng: bọn chủ Pháp có toà án và nhà giam riêng để xét xử và giam giữ những người culi xe không thể trả nổi tiền thuế. Những người bị bắt giam bị đối xử tàn tệ và nhiều người đã chết.

Những năm gần đây, có khoảng 200 culi xe bị bọn chủ giết hại.

Trong số 20 tờ báo sản xuất ở Hán Khẩu, công nhân có hai tờ báo hằng ngày và một tờ báo hằng tuần. Mặc dầu bọn tư bản nước ngoài và tư bản bản xứ cố hết sức dập tắt hoặc ngăn cản mọi phong trào giải phóng, nhưng những người công nhân Trung Quốc được sự giúp đỡ mạnh mẽ của những người trí thức tận tụy, đã tổ chức lại một cách nhanh chóng và hành động tốt đẹp.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo La Vie Ouvrière, ngày 16-3-1923.

ÁCH ÁP BỨC KHÔNG TỪ MỘT CHỦNG TỘC NÀO

Vôrôpxki, phái viên của nước Nga công nông đã bị bọn phát xít ám sát ở Thụy Sĩ. Không một phái viên nào của các cường quốc rất văn minh và rất sùng đạo Thiên chúa đang họp ở Lôdannơ hạ cố đi đưa đám. Chỉ có phái đoàn Thổ Nhĩ Kỳ do Ixmét Pasa dẫn đầu đã đến nghiêng mình trước thi hài người bị sát hại.

Ben Radia, một công nhân, quê ở Tuynidi đã bị cảnh sát giết ở Paris ngày 1 tháng 5. Các tổ chức công nhân ở Paris đã tổ chức một đám tang lớn. Hàng mấy nghìn công nhân đã nghỉ việc ngày hôm đó để đi đưa người đồng chí bản xứ của mình tới nơi an nghỉ cuối cùng.

Tất cả những liệt sĩ của giai cấp công nhân, người ở Lôdannơ cũng như ở Paris, những người Havơ cũng như những người ở Máctiních, đều là những nạn nhân của một kẻ giết người: chủ nghĩa tư bản quốc tế. Và hương hồn của những người bị hy sinh này luôn tìm thấy nguồn an ủi cao cả nhất ở lòng tin vào sự nghiệp giải phóng những anh em của họ bị áp bức - không phân biệt chủng tộc hay xứ sở.

Sau những bài học đau đớn này, những người bị áp bức ở tất cả các nước hẳn phải hiểu đâu là những người anh em thật sự và đâu là kẻ thù của họ.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo Le Paria, số 17, tháng 8-1923.

ĐỘI QUÂN CÁCH MẠNG

Chúng ta đều biết rằng sự tranh giành thuộc địa là một trong những nguyên nhân chính của chiến tranh đế quốc chủ nghĩa năm 1914 - 1918.

Điều mà tất cả những người Pháp đều không thể không biết đến là việc đưa những đội quân viễn chinh sang các thuộc địa đã làm cho dân số giảm sút một cách trầm trọng mà hiện nay đất nước họ đang phải chịu đựng. Nếu đọc các bản thống kê những sự tổn thất quân sự về người chết và bị thương ở các thuộc địa, thì người ta sẽ phải kinh khủng về sự hao hụt mà những sự tổn thất đó đã gây ra cho một dân số đang mỗi ngày một giảm sút như dân số nước Pháp. Từ tháng 1 đến tháng 6-1923, riêng ở Maroc cũng đã có 840 binh lính bị giết hay bị thương để mang lại quang vinh cho thống chế Liôtây!

Điều mà giai cấp công nhân Pháp không thể không biết đến là chủ nghĩa tư bản dựa vào thuộc địa để chống lại tất cả mọi phong trào giải phóng mà giai cấp công nhân Pháp định mưu đồ. Không hoàn toàn tin tưởng về giai cấp, bọn quân phiệt Pháp tuyển những người bản xứ ở châu Phi và châu Á để thay thế họ. Trong số 150 trung đoàn của quân đội Pháp, có 10 trung đoàn người da trắng ở các thuộc địa, nghĩa là những người nửa bản xứ; 30 trung đoàn người châu Phi và 39 trung đoàn người bản xứ các thuộc địa khác. Như vậy, một nửa số quân đội Pháp là tuyển mộ ở các thuộc địa.

Mà người An Nam phải tòng quân 4 năm, người Angiêri 3 năm, thế là theo sự tính toán của bọn quân phiệt Pháp thì giá trị 2 người lính bản xứ gần bằng 5 người lính Pháp.

Hơn nữa, vì không hiểu tiếng nói và chính trị trong nước, không có một mối quan hệ nào ràng buộc họ với dân cư chính quốc, tưởng rằng tất cả những người da trắng đều cũng giống với những người bóc lột họ và cuối cùng, do những người da trắng cấp trên của họ thúc đẩy, nên người lính bản xứ có thể ngoang ngoãn và mù quáng bước vào chỗ mà người lính Pháp, giác ngộ hơn, có thể từ chối không chịu bước. Nguy hiểm là ở chỗ đó.

Người ta tự hỏi vì lý do gì mà 31 trung đoàn trong số những trung đoàn người bản xứ sẽ đóng lại trên lãnh thổ Pháp. Họ sẽ được dùng để làm gì? Phải chăng người ta sẽ dùng những người bản xứ đó để khai hóa cho người Pháp? Như vậy là ý định của chủ nghĩa tư bản Pháp đã rõ ràng. Công nhân Pháp có nhiệm vụ phải hành động. Họ phải kết tình anh em với binh lính bản xứ. Họ phải làm cho binh lính bản xứ hiểu rằng cả công nhân ở chính quốc lẫn binh lính ở thuộc địa, đều cùng bị chung một bọn chủ áp bức và bóc lột. Do đó, họ đều là anh em cùng một giai cấp và khi tới lúc phải chiến đấu, thì cả hai bên đều phải cùng đánh bọn chủ chung của mình, chứ anh em không nên đánh lẫn nhau.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo La Vie Ouvriere, ngày 7-9-1923.

NHẬT BẢN HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG

Những biến cố gần đây đã làm cho cả thế giới chú ý đến Nhật Bản. Người ta nói nhiều về sức mạnh công nghiệp của Nhật, về việc phát triển kinh tế trước kia và sau này của nó. Mọi người đều biết rằng chủ nghĩa tư bản Nhật đạt được mức phát triển như vậy trong vòng 20-25 năm, để đạt được mức phát triển ấy, các bạn đồng nghiệp của nước Nhật và phương Tây đã mất tới trên 100 năm.

Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nhật, các tổ chức công nhân cũng phát triển với nhịp độ nhanh chóng. Bên cạnh phong trào vô sản, các phong trào khác có tính chất cách mạng cũng lan rộng. Đó là phong trào Eta. Ở đế quốc Mặt trời mọc có một loại dân nổi tiếng dưới cái tên Eta. Về bề ngoài thì Eta không khác gì những người Nhật khác. Nhưng có một câu chuyện hoang đường là người Eta xuất thân từ những bộ lạc nô lệ xưa kia từ nước ngoài kéo vào. Vì vậy, cho nên hiện nay người ta lại đối xử với họ giống như đối xử với tổ tiên họ. Họ buộc phải sống trong những vùng dành riêng cho họ, nơi mà không bao giờ người Nhật được lui tới. Họ không có quyền giao thiệp với nhân dân Nhật. Họ chỉ có quyền quan hệ với người Nhật với tư cách là những người hầu hạ. Họ nhận làm những công việc nặng nhọc và bẩn thỉu nhất. Bẩn thỉu, thấp hèn - đó là người Eta. Người Nhật không được lấy phụ nữ người Eta. Nói tóm lại là họ không có một chút quyền hạn xã hội gì và số phận của họ làm cho người ta nhớ đến số phận của những đám người "Sudra" ở Ấn Độ hay những người da đen ở châu Phi. Người Eta có 3 triệu người. Do ảnh hưởng của những người vô sản đã giác ngộ, những người Eta bắt đầu được thức tỉnh và có tổ chức. Họ thành lập một hội lấy tên là "Xuikhây" ("Bình đẳng"). Mọi người nhiệt tình xin vào hội và năm ngoái hội nghị toàn quốc đầu tiên của hội này được triệu tập. Có 2.500 đại biểu từ khắp nơi trong nước về dự hội nghị. Hội nghị đã nêu khẩu hiệu: "*Hoàn toàn bình đẳng*". Phương châm của hội nghị: "*Việc giải phóng Eta là sự nghiệp của chính người Eta*". Những tổ chức tự do và của chính phủ lo lắng trước việc xuất hiện một lực lượng mới nên định nắm lấy nó dưới sự bảo hộ của mình. Nhưng họ đã không thành công.

Trong khi tất cả các cánh cửa đều đóng chặt trước mắt họ, thì những người công nhân Eta lại được những người công nhân Nhật có tổ chức đón tiếp một cách hết sức thân tình dựa trên sự bình đẳng hoàn toàn. Họ đã hiểu rõ được sự đón tiếp đó. Vì vậy ngày nay, khi từ chối mọi sự quan tâm giúp đỡ của những người tự do và của chính phủ, những người Eta thực hiện sự nghiệp chung cùng với giai cấp công nhân Nhật bản. Phong trào lúc đầu với tư cách là cuộc đấu tranh của lớp người riêng lẻ thì hiện nay đã trở thành cuộc đấu tranh giai cấp.

Trước khi khai mạc đại hội trong năm nay, những người Eta đã ra một bản kêu gọi "*Gửi tất cả những dân tộc ít người, tất cả những người lao động - nạn nhân của tư bản thế giới và chủ nghĩa đế quốc*". Trong lời kêu gọi có nói về những nỗi đau khổ đã trải qua và về sự viển vông của những cải cách mà chính phủ đã đưa ra, có nhấn mạnh việc "*những người Eta sẵn sàng sát cánh cùng giai cấp công nhân Nhật làm cách mạng xã hội và giải phóng tất cả những người bị bóc lột*". Trong cương lĩnh hành động của họ có những điểm đặc trưng chứng tỏ hội có nghị lực và tính kiên quyết:

- A. Từ chối sự giúp đỡ từ thiện trong đó có sự giúp đỡ của Chính phủ.
- B. Đào tạo cán bộ cho những hoạt động tích cực.
- C. Thành lập các công đoàn của nông dân.
- D. Thành lập các chi bộ của hội cho phụ nữ và thanh niên.
- E. Thành lập các thư viện, báo chí và các cơ quan báo chí khác để phổ biến giáo dục và tuyên truyền tư tưởng bảo vệ quyền lợi của những người Eta.
- G. Đòi tự do hoàn toàn về chính trị và kinh tế cho những người Eta.

Bây giờ chúng ta chuyển sang một lực lượng cách mạng khác - nông dân Nhật.

CÔNG NHÂN NÔNG NGHIỆP

Khi nói về công nhân nông nghiệp ở Nhật Bản thì cần phải nghiên cứu các tổ chức công nhân nông nghiệp ở phương Tây để so sánh.

Ở châu Âu có 1.57.000 công nhân nông nghiệp tổ chức, trong đó 919.000 người tham gia Quốc tế Amxtécđam và 598.000 người tham gia Quốc tế đỏ của các công đoàn. Ở nước Nga có 270.000 công nhân nông nghiệp có tổ chức được thống nhất trong 8.000 nhóm công đoàn, tham gia vào trong 87 tổ chức công đoàn.

Nông dân Nhật chia làm bốn loại:

1. Dixacunô hay những người sở hữu, loại này có 172.241 hộ.
2. Dixacunô loại hai, hay những người sở hữu nhỏ, -1.507.341 hộ.
3. Khandixacunô: nửa chủ, nửa thợ - 2.244.126 hộ.
4. Côxacunin, hoặc những người tá điền, - 1.557.847 hộ.

Từ năm 1916 đến năm 1922 số lượng Dixacunô đã tăng thêm 7.035 hộ, còn Côxacunin, - thêm 32.858 hộ do sự phân hóa hai nhóm trung gian. Điều đó khẳng định lại một lần nữa tính chất đúng đắn của học thuyết Mác về sự thu hút và vô sản hóa các tầng lớp trung gian.

Tổ chức công nhân nông nghiệp của Nhật được thành lập cách đây mới được ba năm, nhưng nó phát triển nhanh và được củng cố. Có hai công đoàn: công đoàn phía đông và công đoàn phía tây. Công đoàn phía đông có trung tâm của mình là Tôkyô, còn phía tây là Ôxaca và Côbê. Tất cả có 85 chi nhánh các công đoàn, 196 nhóm tổng cộng tất cả 120 nghìn đoàn viên. Năm 1922 ở công đoàn phía Đông có 15 nghìn đoàn viên, còn công đoàn phía Tây 91 nghìn. Năm nay họ có 18 nghìn đoàn viên công đoàn phía đông và 102 nghìn đoàn viên công đoàn phía Tây, có nghĩa là số lượng của họ tăng lên 14 nghìn trong một năm. Điều đó có nghĩa là ở Nhật Bản đang xảy ra một quá trình phát triển ngược lại với quá trình phát triển của các tổ chức công nhân nông nghiệp ở các nước châu Âu (trừ Đức và Nga), nơi có số lượng hội viên đang giảm xuống chứ không tăng lên.

Như chúng ta đã thấy ở trên, công đoàn phía Tây có số lượng nhiều hơn nhiều công đoàn phía đông, nhưng nhờ tinh thần tiên tiến của các đoàn viên của mình và nhờ họ có nghị lực nên công đoàn phía Đông có ảnh hưởng lớn hơn công đoàn phía Tây. Hầu như công đoàn phía Đông bao giờ cũng là người đề xướng ra cuộc đấu tranh chống lại chủ.

Đặc điểm "chính trị - địa lý" ấy có thể thấy cả trong những công nhân công nghiệp. Công đoàn phía Tây ôn hòa, có số lượng đông bị lôi kéo theo đuôi công đoàn phía Đông tiên tiến có số lượng ít.

Những yêu sách cơ bản của công nhân nông nghiệp là xã hội hóa tất cả đất đai canh tác, sách lược phổ biến nhất của cuộc đấu tranh là không đi làm trong thời gian thu hoạch mùa màng. Năm 1920 đã ghi nhận lại được 408 cuộc đình công, và năm 1922 - lên tới 1398.

Vào tháng 1 đã có quyết định thống nhất hai công đoàn này. Công đoàn mới được gọi là "Nikhonnôminkhai". Việc thống nhất này làm cho giai cấp vô sản nông nghiệp ở Nhật Bản tăng thêm sức mạnh và là một mối lo ngại lớn đối với bọn chủ.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Dịch theo bài in trong sách

Những bài viết và nói chọn lọc.

Báo La Vie Ouvriere, ngày 9-11-1923.

In trong sách: Hồ Chí Minh, Những bài viết và nói chọn lọc, tiếng Nga, NXB Chính trị Quốc gia, Mátxcova, 1959, tr.73-76.

TÌNH HÌNH Ở TRUNG QUỐC

Cương lĩnh của các sinh viên cách mạng

Nguyên nhân của tình hình tồi tệ hiện nay ở Trung Quốc có rất nhiều. Trước hết Trung Quốc bị yếu vì sự mâu thuẫn giữa miền Bắc và miền Nam. Sau đó, tính chất thủ cựu của chủ nghĩa thị trường bắt chước theo kiểu phương Tây và tham vọng mù quáng cá nhân của chủ nghĩa quân phiệt biểu hiện ở mức độ này hay mức độ khác dựa vào nước ngoài đang phá hoại Trung Quốc. Và cuối cùng là do những cường quốc tư bản chủ nghĩa từng phút một, cố ý gây ra sự rối loạn bên trong để kìm hãm thậm chí cả những cải cách không đáng kể.

Thế nhưng rất may mắn là tiếng vang của Cách mạng Nga hình như đã thức tỉnh thế hệ mới của Trung Quốc. Lực lượng trẻ mới ra đời có đầy nhiệt tình và sức sống. Điều này thể hiện đặc biệt rõ rệt nhất là Hội sinh viên cách mạng. Hội có khoảng 100 nghìn hội viên trong cả nước Trung Hoa. Hội xuất bản nhiều tờ báo, mỗi tỉnh có một hoặc hai tờ. Năm 1919, Hội đã khuyến khích đoàn đại biểu Trung Quốc từ chối ký Hiệp ước Vécxây. Đó là những người tham gia việc tổ chức tẩy chay Nhật Bản. Ở Bắc Kinh, sinh viên đã thiêu hủy những lâu đài xa hoa của hai bộ trưởng bán cho tư bản Nhật, buộc những người này từ chức và có những lời cảnh cáo xác đáng trước đối với họ. Tại Đại hội toàn quốc lần thứ tư, Hội đã thông qua cương lĩnh chính trị, mà những điểm cơ bản của nó là:

Chính sách đối nội. Nghị viện và Chính phủ phải thực hiện trung thực ý chí của nhân dân.

Hoàn toàn tự do tổ chức, hội họp, ngôn luận và báo chí.

Quyền đình công cho công nhân.

Địa vị độc lập của tòa án.

Quan hệ quốc tế. Quyền tự quyết của các dân tộc.

Đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

Vấn đề phụ nữ. Bình đẳng về giáo dục chính trị và kinh tế cho cả nam và nữ. Thi hành hệ thống trường học thống nhất - tức là thành lập các trường học trong đó con trai và con gái cùng học.

Trả công như nhau cho lao động như nhau.

Quyền nghỉ ngơi và tiền trợ cấp cho trường hợp đau ốm và sản phụ.

Hội ủng hộ tất cả các yêu sách của công nhân.

Hội có mục đích: ủng hộ tất cả những yêu sách và mọi phong trào cách mạng của nông dân, công nhân và tiểu thương.

Hội kêu gọi tất cả nhân dân lao động và sinh viên tiến hành một cuộc tuần hành chung toàn quốc để tưởng nhớ những người công nhân đường sắt bị tướng Ngô Bội Thu giết chết trong thời gian đình công trên đường sắt Bắc Kinh - Hán Khẩu¹. Hội coi việc giúp đỡ công nhân nạn nhân của cuộc đấu tranh, là nghĩa vụ của mình, vạch trần và lên án trước toàn quốc hành động tội ác của chính phủ và bè lũ quân phiệt của nó trong thời gian đình công.

Chúng ta cũng nói thêm là Liên đoàn sinh viên còn yêu cầu Trung Quốc nhanh chóng khôi phục quan hệ với nước Nga.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo L'Humanité, ngày 4-12-1923.

¹ Cuộc Tổng bãi công của công nhân đường sắt Bắc Kinh - Hán Khẩu bắt đầu ngày 4-12-1923. Cuộc tàn sát diễn ra ngày 7-2, 37 người chết, hơn 200 người bị thương.

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN Ở THỔ NHĨ KỲ

Với lòng dũng cảm và tinh thần hy sinh đáng khâm phục, nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ đã xé tan cái hiệp ước Xevơơ ghê tởm và giành lại được nền độc lập của mình. Họ đã đánh bại bọn đế quốc cùng lập mưu với nhau và lật đổ ngai vàng của bọn vua chúa. Từ một nước kiệt quệ, bị chia cắt, giày xéo, họ đã dựng lên một nước cộng hòa thống nhất và mạnh mẽ. Họ đã làm xong cuộc cách mạng của họ. Nhưng, cũng giống như tất cả các cuộc cách mạng tư sản, cuộc cách mạng Thổ Nhĩ Kỳ chỉ có lợi riêng cho một giai cấp: giai cấp có của. Giai cấp vô sản Thổ Nhĩ Kỳ, người đã đóng góp nhiều vào cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc thì từ bây giờ đã bắt buộc phải tiến hành cuộc đấu tranh khác: cuộc đấu tranh giai cấp.

Trong cuộc đấu tranh này, giai cấp công nhân của Thổ Nhĩ Kỳ gặp nhiều trở lực. Ở Thổ Nhĩ Kỳ không có những công đoàn giống như ở phương Tây. Ở đây chỉ có những nghiệp đoàn, hoặc những hội tương tế tập hợp công nhân cùng ngành, sinh sống trong cùng một thành phố. Còn công nhân các ngành khác nhau trong cùng một thành phố và công nhân cùng ngành trong các thành phố khác nhau thì không có liên hệ gì với nhau. Tình hình đó làm trở ngại mọi hoạt động chung và có hiệu quả.

Mặc dù như vậy, suốt năm vừa qua người ta cũng đã nhiều lần thấy những hoạt động sôi nổi của công nhân. Nhiều cuộc bãi công đã nổ ra ở Côngxtăngtinốp, ở Sừng Vàng¹, ở Aidin, v.v... Công nhân in, công nhân đường sắt, nhân viên thương thuyền, công nhân các kho dầu lửa và các xưởng chế rượu bia đã tiến hành đấu tranh. Đã có tới một vạn công nhân tham gia phong trào. Sau những kinh nghiệm này, công nhân Thổ Nhĩ Kỳ đã hiểu rằng muốn thắng lợi thì họ cần phải có tổ chức và kỷ luật.

Đại hội Côngxtăngtinốp thành lập hội Biéclich²

Mới đây, một đại hội công nhân đã được triệu tập ở Côngxtăngtinốp. Hai trăm năm mươi đại biểu tham gia đại hội. Họ thay mặt cho 19.000

¹ Conrne d'or: Bãi biển Bôxpho ở Ixtambun, giáp biển Đen.

² Birlık. Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ có nghĩa như một hội liên minh.

công nhân Côngxtăngtinốp, 15.000 công nhân mỏ than Đônggundắc và 10.000 lao động cả các mỏ chì có bạc ở balyacaraidin.

Đại hội đã quyết định tập hợp 34 Décnéch¹ hiện có thành một “biéc lích”, tức là một liên minh. Nghị quyết mạnh dạn đó đã làm cho chính phủ phải sợ hãi không dám công nhận “biéc lích”. Nên chú ý là thái độ của chính phủ đối với công nhân đã thay đổi nhiều. Khi chiến tranh kết thúc, khi vấn đề đặt ra là phải đuổi cổ những người nước ngoài thì chính phủ luôn luôn tỏ ra dễ dãi với công nhân, nhưng khi đụng đến vấn đề tổ chức công nhân thì chính phủ tỏ ra cũng phản động như tất cả mọi chính phủ tư bản chủ nghĩa khác. Do đó, sự phủ quyết của chính phủ không làm ai ngạc nhiên cả. Và lại, mọi người biết rằng từ khi ký hòa ước Lôdannơ thì bọn tư bản Thổ Nhĩ Kỳ đã ăn cánh với bọn tư bản nước ngoài, - bọn này sau khi đã tàn sát hàng vạn người Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ khổ sở nhưng vẫn không đặt được ách thống trị lên Thổ Nhĩ Kỳ, thì nay lại xâm nhập một cách hòa bình vào đất nước Trăng lưỡi liềm. Việc chính phủ từ chối không công nhận tổ chức “Biéc lích”, chẳng khác nào một nụ cười duyên dáng dùng để khuyến khích giới tài chính quốc tế mà ba phần năm là nguồn gốc Pháp.

Nhưng giai cấp vô sản Thổ Nhĩ Kỳ đã tiến được một bước đầu tiên. Nhất định họ sẽ còn tiến nữa.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo L'Humanité, ngày 1-1-1924.

¹ Dernek, Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ có nghĩa là hội.

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN Ở VIỄN ĐÔNG

Ôxaca là một trong những trung tâm công nghiệp lớn của nước Nhật, không bị thiệt hại gì trong nạn động đất vừa qua. Tai hoạ của những người Nhật khác đã tạo nên hạnh phúc cho bọn chủ nhà máy ở thành phố này, hiện nay chúng đang phát tài chưa từng thấy. Thế mà tiền lương của công nhân vẫn giữ nguyên như mức trước khi xảy ra tai hoạ đó, mặc dù giá sinh hoạt đã tăng lên không kém phần nhanh chóng, ảnh hưởng nặng nề đến túi tiền ít ỏi của công nhân. Bị lâm vào tình cảnh không thể chịu nổi ấy và trước sự từ chối của bọn chủ không chịu thực hiện những yêu sách cải thiện đời sống, công nhân các xưởng bông vải đã đình công từ cuối tháng 11.

Các yêu sách nêu ra là:

1. Tăng lương thêm 20%;
2. Giảm giá những thực phẩm do nhà máy cung cấp;
3. Cải thiện nhà ăn và buồng tắm;
4. Trả nửa lương cho các công nhân vì ốm đau không đi làm được;
5. Thu nhận lại những công nhân vừa mới bị đuổi.

Trước đây ít lâu, chủ nghĩa các công ty "Gai Viễn Đông" và "Nagôxai" do đình công mà đã được tăng lương, công nhân ở công ty "Xensu" cũng đã được tăng lương ngay sau khi gửi bản quyết nghị đình công cho ban giám đốc. Các công ty khác thì chống lại. Họ lấy cớ rằng, tuy có rất nhiều đơn đặt hàng đầy, nhưng họ cũng không được lời lãi gì nhiều lắm, vì giá nguyên liệu đã tăng lên và nói rằng mặt khác, vì không có đủ bông xơ nên họ chẳng chút gì lo ngại đình công cả.

Thực ra, họ đang sợ cuống lên. Họ đã cho cảnh sát địa phương, đồng thời gọi cả cảnh sát ở các thành phố lân cận đến đóng ngay trong thành phố, họ đã cho bắt tổng thư ký Liên đoàn lao động và một số lớp cán bộ cùng những người đi biểu tình để hòng làm yếu phong trào. Mưu toan của bọn chủ chẳng đạt kết quả gì, vì cuộc đình công vẫn được lãnh đạo kiên quyết như hôm mới đầu và công nhân thì quyết tâm đấu tranh đến cùng.

Anh em thợ điện và thợ máy đã tuyên bố đình công hưởng ứng. Công nhân các công xưởng nhà nước hứa sẽ dùng đủ mọi cách để ủng hộ các đồng chí của họ đang đấu tranh. Được ủng hộ như thế, nên những người đình công đều hết sức hăng hái và tin chắc sẽ nhất định thắng lợi.

Trong cuộc đấu tranh giữa tư bản và lao động ở Viễn Đông, có những chuyện thú vị mà ở phương Tây người ta sẽ không hiểu được, nhưng ở đây lại là những liên kết với các đồng chí của họ đang đấu tranh, công ty Kisioada đã cho khóa chặt các cửa ra vào. Nhà máy Cernaoda chế tạo các máy điện, không thể thỏa thuận được với công nhân viên của họ về vấn đề công sá, nên đã quyết định cho nghỉ việc. Nhưng trước khi thải công nhân, nhà máy đó đã trả họ đủ bốn ngày công và tiền phụ cấp trong hai tuần!

Đình công chống chế độ quân phiệt. Để phá vỡ tổ chức của công nhân vừa mới gây dựng nên, bọn chủ các hầm mỏ ở Suicaosun (Trung Quốc), đã cho điều binh lính của tướng Chao đến. Bọn này vừa tới nơi là chiếm đóng ngay câu lạc bộ của công nhân. Để chống lại hành động bạo ngược đó, ba nghìn thợ mỏ đã tự động đình công. Họ bao vây bọn lính và tìm cách tước vũ khí của chúng. Bọn lính nổ súng, làm bị thương nhiều người đình công. Tình hình đã diễn ra quá ý muốn của bọn chủ và chúng hiện đang ra công dân xếp cho ổn.

Nhưng anh em thợ mỏ đã trả lời rằng họ chỉ trở lại làm việc khi nào những người bị nạn được bồi thường và các yêu sách của họ - gồm 9 điều - đã được thỏa mãn.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo La Vie Ouvrière, ngày 25-1-1924.

ĐÔNG DƯƠNG VÀ THÁI BÌNH DƯƠNG*

Lò lửa của cuộc chiến tranh thế giới sắp tới - Nước Pháp muốn khai thác các thuộc địa - Các thuộc địa Pháp sống lay lắt như thế nào - Người An Nam bị bóc lột nặng nề thêm.

Mới thoạt nhìn, thì dường như vấn đề Đông Dương và Thái Bình Dương không liên quan gì đến công nhân châu Âu. Nhưng nếu người ta nhớ lại rằng:

a) Trong thời kỳ cách mạng, các nước Đông Minh không tấn công được nước Nga từ phía tây, đã tìm cách tấn công từ phía đông. Thế là các cường quốc ở Thái Bình Dương, Mỹ và Nhật, đã cho quân đội đổ bộ lên Vladivôxtốc, đồng thời nước Pháp cũng gửi những đạo quân người Đông Dương sang Xibêri để giúp bọn bạch quân.

b) Hiện nay, tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản quốc tế đều lấy ở các xứ thuộc địa. Đó là nơi chủ nghĩa tư bản lấy nguyên liệu cho các nhà máy của nó, nơi nó đầu tư, tiêu thụ hàng, mộ nhân công rẻ mạt cho đạo quân lao động của nó và nhất là tuyển những binh lính người bản xứ cho các đạo quân phản cách mạng của nó. Thế nào rồi cũng có ngày nước Nga cách mạng phải đọ sức với chủ nghĩa tư bản đó. Cho nên các đồng chí Nga cần phải biết rõ tất cả lực lượng và tất cả những mảnh khóc trực tiếp hay gián tiếp của đối thủ của mình.

c) Vì đã trở thành một trung tâm mà bọn đế quốc tham lam đều hướng cả vào nhóm nó, nên Thái Bình Dương và các nước thuộc địa xung quanh Thái Bình Dương, tương lai có thể trở thành một lò lửa của chiến tranh thế giới mới mà giai cấp vô sản sẽ phải nai lưng ra gánh.

Xem thế thì ta thấy rõ rằng vấn đề Thái Bình Dương là vấn đề mà tất cả mọi người vô sản nói chung đều phải quan tâm đến.

* Một phần bài này đăng trên báo Le Paria, số 24, tháng 4-1924.

Muốn xây dựng lại nước Pháp đã bị cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa tàn phá, Bộ Thuộc địa Pháp đã thảo một dự án khai thác các thuộc địa. Dự án đó nhằm khai thác những tài nguyên của các nước thuộc địa để làm lợi cho chính quốc. Cũng dự án ấy nói rằng Đông Dương phải giúp đỡ các thuộc địa khác ở Thái Bình Dương đẩy mạnh sản xuất của họ lên, để làm cho các thuộc địa đó cũng trở thành "có ích" cho chính quốc. Nếu dự án được thực hiện, thì nhất định là Đông Dương sẽ lâm vào tình trạng giảm sút dân số và bần cùng.

Thế nhưng, mới đây, mặc dầu bị dư luận An Nam phản kháng, Hội đồng chính phủ Đông Dương cũng đã nhất trí tán thành dự án ấy. Muốn hiểu rõ sự nhất trí đó có giá trị đến đâu, thì cũng cần biết rằng Hội đồng đó gồm có Toàn quyền Đông Dương, Tướng tổng tư lệnh quân đội Đông Dương và độ ba chục viên chức cao cấp người Pháp, cộng thêm năm viên quan lại bản xứ do viên Toàn quyền nặn ra. Ấy thế mà tất cả các ngài ấy lại cho rằng họ thay mặt cho cả Đông Dương và hành động vì lợi ích của nhân dân An Nam! Các bạn hãy tưởng tượng mà xem, người Êtxkimô¹ hay người Dulu² mà lại quyết định vận mệnh của một dân tộc châu Âu!

Theo sự thú nhận của các nhà cầm quyền thì các thuộc địa ở Thái Bình Dương đang lâm vào tình trạng suy tàn và chỉ sống - nếu như thế mà có thể gọi được là sống - một cuộc sống càng ngày càng lụn bại đi. Sự thật thì trong một thời gian ngắn, các đảo đông béo bõn ăn bám. Ngoài ra, họ lại còn phải gánh những khoản chi tiêu rất lớn về quân sự mà Bộ trưởng Bộ Thuộc địa gọi một cách văn hóa là "*khoản đảm phụ của dân con*".

Chính ở cái xứ đã bị bóp nặn, gầy gòm trơ cả xương ra này, bây giờ người ta lại còn sắp bòn rút đi hàng bao nhiêu triệu bạc và hàng bao nhiêu vạn người nữa (bắt đầu, người ta bắt đi 40.000 người) để thỏa mãn túi tham không đáy của bọn chủ đồn điền và tham vọng cá nhân của một bầy chính khách vô liêm sỉ.

Làm đôi trụ tất cả nòi giống An Nam bằng rượu và thuốc phiện, chưa đủ. Mỗi năm bắt đi hàng 4 vạn người "*tình nguyện đầu quân*" để đem lại vinh quang cho chủ nghĩa quân phiệt vẫn chưa đủ. Biến một dân tộc 20 triệu người thành một cái kho thuế lớn, cũng vẫn chưa đủ. Người ta còn sắp tặng thêm cho chúng tôi chế độ nô lệ nữa kia đấy.

¹ Dân cư miền Bắc cực.

² Những bộ tộc ở miền Nam châu Phi.

Những hành động đế quốc chủ nghĩa ấy không những chỉ nguy cho riêng vận mệnh của giai cấp vô sản Đông Dương và Thái Bình Dương, nó còn nguy cho cả vận mệnh của giai cấp vô sản quốc tế nữa. Nhật Bản chỉ huy các trạm điện báo ở đảo Yap. Mỹ chi tiêu hàng bao nhiêu triệu đô la để cải tiến các ổ súng đại bác trên các tàu chiến ở Thái Bình Dương. Anh sắp biến Singapore thành một căn cứ hải quân. Pháp thấy cần thiết lập một hệ thống thuộc địa ở Thái Bình Dương.

Sau Hội nghị Oasinhton, việc tranh giành thuộc địa ngày càng trở nên gay gắt hơn. Bọn đế quốc ngày càng trở nên điên cuồng hơn, những cuộc xung đột chính trị ngày càng trở nên không thể tránh khỏi. Những cuộc chiến tranh đã từng nổ ra vì vấn đề Ấn Độ, châu Phi và Maroc. Những cuộc chiến tranh khác sẽ có thể nổ ra vì vấn đề Thái Bình Dương, nếu giai cấp vô sản không cảnh giác.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tập san Inprekorr, tiếng Pháp, số 18, ngày 19-3-1924.

BÁO CÁO VỀ BẮC KỲ, TRUNG KỲ VÀ NAM KỲ

Mátxcova, 1924

Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây.

Về phía người lao động, đó là sự không giác ngộ, sự nhẫn nhục và vô tổ chức. Về phía bọn chủ, không có máy móc, ruộng đồng thuộc sở hữu của những địa chủ hạng trung, hạng nhỏ và những kẻ mà ở đó được coi là đại địa chủ thì chỉ là những tên lùn tịt bên cạnh những người trùng tên với họ ở châu Âu và châu Mỹ, không có tỷ phú người An Nam. Những tên trọc phú ở đó thì ở đây chỉ là những kẻ thực lợi khá giả thôi.

Cho nên, nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có vốn liếng gì lớn, nếu nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì là xa hoa, nếu thợ thuyền không biết mình bị bóc lột bao nhiêu thì chủ lại không biết công cụ để bóc lột của họ mà máy móc, người thì chẳng có công đoàn, kẻ thì chẳng có tư tưởng. Người thì nhẫn nhục chịu số phận của mình, kẻ thì vừa phải trong sự tham lam của mình. Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó, không thể chối cãi được.

Nhưng người ta sẽ bảo: thế là chúng ta ở thời Trung cổ à? Ô! Sẽ là quá đáng nếu so sánh người "nhà quê"¹ với người nông nô. An Nam chưa bao giờ có tăng lữ và thuế mười phần trăm. Hoàng đế trị vì nhưng chẳng lo cai trị gì. Tất nhiên là đã có quan lại rồi. Nhưng có thể so sánh họ với chúa phong kiến không? Không. Trước hết quan lại được tuyển lựa theo con đường dân chủ: con đường thi cử, mở rộng cho mọi người và mọi người có thể chuẩn bị thi mà chẳng tốn kém gì. Hơn nữa, quyền lực của quan lại được cân bằng tính tự trị của xã thôn.

Xã hội Ấn Độ - china² - và tôi có thể nói: Ấn Độ hay Trung Quốc về mặt cấu trúc kinh tế không giống các xã hội phương Tây thời Trung cổ,

¹ Những chữ "nhà quê" trong nguyên bản viết bằng tiếng Việt.

² La société in do - chinoise.

cũng như thời cận đại và đấu tranh giai cấp ở đó không quyết liệt như ở đây.

Mai đây, khi chủ nghĩa tư bản phương Tây làm đổi thay phương Đông thì đấu tranh giai cấp có trở nên quyết liệt không? Đại thể là có, nếu xét gương của Nhật Bản.

Thật ra là có, vì sự Tây phương hóa ngày càng tăng và tất yếu của phương Đông; - nói cách khác, chủ nghĩa Mác sẽ còn đúng cả ở đó. Dù sao thì cũng không thể cấm bỏ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được.

Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại.

Mác cho ta biết rằng sự tiến triển của xã hội trải qua ba giai đoạn: chế độ nô lệ, chế độ nông nô, chế độ tư bản; và trong mỗi giai đoạn ấy, đấu tranh giai cấp có khác nhau. Chúng ta phải coi chừng! Các dân tộc Viễn Đông có trải qua hai giai đoạn đầu không? Từ nhiều thế kỷ nay, họ chẳng hưởng được thái bình hay sao để đến mức làm cho người châu Âu khinh rẻ họ (lười nhác, mê muội hàng nghìn năm v.v...)?

Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông. Đó chính là nhiệm vụ mà các Xô viết đảm nhiệm (ban thuộc địa của chúng tôi vừa nhận được thư mời chúng tôi tham gia công tác này. Và các Xô viết sẽ thành công, vì rằng, đứng lên trên các thành kiến chủng tộc, họ sẽ làm cho thế giới được miễn nghe các lời tầm phào của những Guýtxtavơ Lobốp và những hăngri Coócđiê.

(...)

Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người "nhà quê" phản đối ngấm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc, nó đã thúc giục thanh niên bãi khóa, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917¹.

Chiến tranh đã làm thay đổi chủ nghĩa dân tộc.

¹ Cuộc mưu khởi nghĩa diễn ra năm 1916.

1 - Chủ nghĩa dân tộc đã hiện đại hóa khi chuyển từ giới thương lưu này sang giới thương lưu khác. Chính thanh niên An Nam ngày nay đang chỉ đạo nó.

2 - Chủ nghĩa dân tộc ăn sâu vào quần chúng nhờ sự phát triển của các phần tử thành thị và nhất là nhờ sự tuyển mộ và trở về của "lính tình nguyện".

3 - Trong chủ nghĩa dân tộc có cả lòng căm ghét bọn xâm lược Trung Quốc và người Ấn Độ sinh cơ lập nghiệp ở trên đất nước này.

4 - Nó có xu hướng hợp pháp hóa các hình thức biểu hiện và yêu sách của nó. Một mặt, chính quyền nhượng bộ. Mặt khác, lớp thanh niên từ bỏ phương pháp tiến hành những cuộc nổi dậy bột phát của lớp người đi trước, và ngày nay, người ta thiên về chiến thuật của những nhà cách mạng châu Âu: tuyên truyền, tổ chức và khởi nghĩa quần chúng. Trong khi lớp người già muốn độc lập ngay thì lớp trẻ yêu sách những thiết chế chuẩn bị cho độc lập (tờ La Tri-bune indigène: cơ quan của phái lập hiến).

CƯƠNG LĨNH CỦA CHÚNG TÔI

Phương hướng chung.

Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản. Khẩu hiệu này, do Mátxcova tung ra, đánh vào các nhà tư sản như một nghịch lý táo bạo, nhưng thật ra điều đó có nghĩa gì? Một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời. Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ. Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi, thì đã lâu lắm rồi, phần lớn thế giới sẽ xô viết hóa và lúc đó, nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế. Trong khi chờ đợi, chủ nghĩa dân tộc sẽ quấy rối chủ nghĩa đế quốc Pháp và bằng việc làm này, Quốc tế Cộng sản sẽ được lợi trực tiếp.

a) Ở Đông Dương

Hành động hợp pháp phụ thuộc vào việc nước Pháp thừa nhận các Xô viết. Điều đầu tiên phải làm là sẽ thiết lập các lãnh sự quán Nga ở Sài Gòn, Hải Phòng, Hà Nội. Những lãnh sự quán này tự nhiên sẽ là những trung tâm tuyên truyền chủ nghĩa bôn-sê-vích và lựa chọn các chiến sĩ bản xứ để gửi sang Nga. Hoạt động bất hợp pháp sẽ là trợ cấp cho một tờ báo, rải truyền đơn và nhất là các bài đả kích bằng tiến bản xứ và chữ Hán, là tổ chức những hội kín. Nhân viên tuyên truyền gồm có: người bản xứ, người Pháp và người Nga, nếu có thể được thì, biết tiếng nước này, và làm một nghề khiến họ tiếp xúc được với dân bản xứ (nữ hộ sinh, nữ giáo viên, thầy thuốc ở nông thôn, dân đồn điền. Một luật sư cho người bản xứ sẽ được mọi người biết tiếng ngay). Thành lập ra ở Chợ Lớn một phân bộ cộng sản Trung Quốc.

b) Ở Nhật Bản, ở Trung Quốc và ở Xiêm

Tiếp xúc với những nhóm người di tản. Thành lập một lãnh sự quán ở Vân Nam phủ, thành phố rất quan trọng nằm ở biên giới Bắc Kỳ, trung tâm tuyên truyền đặt ở vị trí đó rất tuyệt. Tranh thủ làm cho các Xô viết được công nhận ở Xiêm nơi mà Anh, Pháp và Mỹ luôn luôn có mưu đồ. Mỹ có 4 cố vấn trực thuộc Bộ Ngoại giao, Anh và Pháp có hai cố vấn trực

thuộc Bộ Tư Pháp. Tại sao nước Nga lại không có? Hơn nữa, một lãnh sự quán ở Băng Cốc sẽ tìm thấy các ngã đường đi Ấn Độ thuộc Anh, Giava thuộc Hà Lan và Đông Dương thuộc Pháp.

c) Ở Pháp.

Nhóm cộng sản ở Nghị viện sẽ có hai nhiệm vụ quan trọng:

- 1) Thừa nhận các Xô viết;
- 2) Xóa chế độ bản xứ.

Trong nhiệm kỳ, sẽ yêu cầu bỏ thuốc phiện ở Đông Dương, nó sẽ tố giác các vụ bê bối như vụ bê bối của độc quyền ở Sài Gòn. Từ Pháp đến Đông Dương quá xa cách vì vậy sẽ không có vấn đề Nghị viên đi xem xét như có thể làm đối với Angiêri và Tuynidi.

Ban thuộc địa sẽ lo trước hết việc tổ chức công đoàn. Hội viên hiệp thuộc địa sẽ làm đúng với danh hiệu của mình. Tờ Le Paria sẽ ra mỗi tuần 2 lần.

Hoạt động thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp hẳn là còn yếu kém nhưng chút ít nó làm được thì chẳng có đảng nào làm được, còn nếu nó chưa quan tâm đến người bản xứ, đó là vì người bản xứ chưa đến với nó được mấy. Nhiệm vụ số một của nó là đào tạo những chiến sĩ bản xứ. Đào tạo không chỉ những nhà tuyên truyền mà cả những nhà cách mạng theo kiểu châu Âu.

d) Ở Nga

Muốn thế, đưa đến Mátxcova hay đến các trung tâm khác, các sinh viên An Nam (còn sớm để có thể coi thường người trí thức). Cũng đưa cả những người lao động chân tay vì phải đào tạo những quân nhân, thủy thủ cho hồng quân bản xứ và các chi bộ xí nghiệp bản xứ, đủ sức thay thế các kỹ thuật viên của chủ nghĩa tư bản.

(...)

Kết luận: Khả năng khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương. Để có cơ thắng lợi, một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương.

1 - Phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng, nổ ra trong thành phố, theo kiểu các cuộc cách mạng ở châu Âu, chứ không phải nổ ra đột ngột ở biên giới Trung Quốc, theo phương pháp của những nhà cách mạng trước đây.

2. Cuộc khởi nghĩa phải được nước Nga ủng hộ. Các Xô viết sẽ cung cấp vũ khí, tiền bạc và các kỹ thuật viên, các binh sĩ, các thủy thủ bản xứ được đào tạo trước đó ở Mátxcova. Ngoài ra, nước Nga sẽ có một hạm đội khá mạnh ở Thái Bình Dương, để ngăn cản sự can thiệp của một vài cường quốc có thỏa thuận với Pháp trong việc chống người bản xứ.

3. Cuộc khởi nghĩa phải trùng hợp với cách mạng vô sản ở Pháp.

4. Sự nghiệp của người bản xứ gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản toàn thế giới: mỗi khi chủ nghĩa cộng sản giành được chút ít thắng lợi trong một nước nào đó, nhất định là một quốc gia đế quốc chủ nghĩa (nước Đức chẳng hạn) thì đó càng là thắng lợi cả cho người An Nam.

In trong sách Hồ Chí Minh.

Những bài viết 1914 - 1969 do

Alain Ruscio biên soạn, Paris, 1990, tr.69 - 74.

Bản sao lưu trữ

PHÁT BIỂU TẠI PHIÊN HỌP THỨ 8 ĐẠI HỘI LẦN THỨ V QUỐC TẾ CỘNG SẢN NGÀY 23-6-1924

Tôi đến đây để không ngừng lưu ý Quốc tế Cộng sản đến một sự thật là: Thuộc địa vẫn đang tồn tại và vạch ra để Quốc tế Cộng sản thấy rằng: Cách mạng, ngoài vấn đề tương lai của các thuộc địa còn có cả nguy cơ của các thuộc địa. Song, tôi thấy rằng hình như, các đồng chí chưa hoàn toàn thấm nhuần tư tưởng cho rằng vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa. Vì vậy, tôi sẽ tận dụng mọi cơ hội có được, sẽ gọi ra những vấn đề mà nếu cần tôi sẽ thức tỉnh các đồng chí về vấn đề thuộc địa.

Hôm nay, tôi cần nhắc lại lời phát biểu tại đây của đồng chí Rôi, chỉ xin đổi những tên riêng, nghĩ là đơn giản thay thế từ nước Anh bằng các từ Pháp, Bỉ, Mỹ, Nhật... Song, vì tôi là người xứ thuộc địa Pháp và vì tôi muốn nói ngắn, nên tôi chỉ nói về chủ nghĩa đế quốc Pháp, về Đảng Pháp của chúng tôi và về các đảng tại các thuộc địa Pháp, giống như đồng chí Rôi đã nói về nước Anh, về Đảng anh em của chúng ta và về các đảng ở các thuộc địa của nước Anh.

Các đồng chí thứ lỗi về sự mạnh bạo của tôi, nhưng tôi không thể nói với các đồng chí rằng, sau khi nghe những lời phát biểu của các đồng chí ở chính quốc, tôi có cảm tưởng là các đồng chí ấy muốn đánh chết rắn đàng đuôi. Tất cả các đồng chí đều biết rằng, hiện nay nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc. Các thuộc địa cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy, các thuộc địa cung cấp binh lính cho quân đội của chủ nghĩa đế quốc. Các thuộc địa trở thành trở thành nền tảng của lực lượng phản cách mạng. Thế mà các đồng chí khi nói về cách mạng, các đồng chí lại khinh thường thuộc địa.

Các đồng chí, khi các đồng chí muốn đập vỡ một quả trứng hay một hòn đá, thì các đồng chí phải nghĩ đến việc tìm kiếm một công cụ mà sức bền của nó tương đối xứng với sự vững chắc của đối tượng định đập tan. Tại sao các đồng chí không có sự đề phòng như vậy khi các đồng chí muốn đánh đổ chủ nghĩa tư bản? Tại sao trong những vấn đề của cách mạng các đồng chí không đem ra đối chiếu sách lược, sức mạnh của các đồng chí? Tại sao không so sánh sức mạnh và sự tuyên truyền của các đồng chí với sức mạnh và sự tuyên truyền của kẻ địch mà các đồng chí muốn chống lại và chiến thắng nó? Tại sao các đồng chí lại xem thường các thuộc địa trong lúc chủ nghĩa tư bản lại dựa vào nó để tự bảo vệ và chống lại các đồng chí? Tôi xin bổ sung mấy lời để đáp lại bài phát biểu của đồng chí Tơranh. Trong bài phát biểu của mình, đồng chí Tơranh đã nói đến sự xuất hiện một cao trào cách mạng ở Pháp và sự ra đời phong trào phát xít ở đây. Về điểm đầu tiên, tôi hoàn toàn tán thành tinh thần lạc quan của đồng chí Tơranh, còn điểm thứ hai, thì tôi có ý kiến ngược lại. Tôi cho rằng, bọn phản động ở Italia, ở Đức và ở các nước khác cần đến chủ nghĩa phát xít để bảo vệ mình, trong khi đó bọn phản động Pháp lại không cần đến nó. Chúng có những người bảo vệ khác, những người bảo vệ mạnh hơn nhiều, có tổ chức hơn và có kỷ luật hơn "bọn áo đen". Họ có những người lính da đen và da vàng. Có lẽ các đồng chí đã biết là quân đội Pháp hiện nay bao gồm 458.000 thanh niên Pháp và 206.550 người bản xứ ở các thuộc địa. Nhưng chắc chắn là các đồng chí không biết được rằng, nếu tính thời gian phục vụ và huấn luyện cũng như sự dễ dàng làm cho những người bản xứ nổi dậy, thì mỗi người lính bản xứ này có giá trị bằng 2 lính Pháp. Do đó, trên danh nghĩa, tuy số lượng quân luôn sẵn sàng tấn công các đồng chí 664.550 người, mà thực tế lại là 1.000.000 người, hay nói trung đoàn người bản xứ thì những người bản xứ này lại phục vụ 431.100 tháng nhiều hơn lính Pháp.

Bàn về khả năng và các biện pháp thực hiện cách mạng, đề ra kế hoạch của cuộc chiến đấu sắp tới, các đồng chí Anh và Pháp cũng như các đồng chí ở các đảng khác hoàn toàn bỏ qua luận điểm cực kỳ quan trọng có tính chiến lược này. Chính vì thế, tôi hết sức kêu gọi các đồng chí: Hãy chú ý!

In trong sách Đại hội toàn thế giới lần thứ V Quốc tế Cộng sản, bản tốc ký, tiếng Nga, phần I, NXB Chính trị Quốc gia, Mátxcova, 1925, tr.218 - 220.

**PHÁT BIỂU TẠI PHIÊN HỌP THỨ 11
ĐẠI HỘI LẦN THỨ V
QUỐC TẾ CỘNG SẢN, NGÀY 1-7-1924**

Thưa các đồng chí, tôi chỉ xin bổ sung những ý kiến phê bình của đồng chí Manuinxki về chính sách của chúng ta trong vấn đề thuộc địa. Nhưng trước khi đi sâu vào thực chất của vấn đề, tôi thấy nên đưa ra một vài con số thống kê về thuộc địa. Điều này sẽ giúp chúng ta thấy rõ hơn tất cả tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa.

Các nước	Diện tích		Thuộc địa	
	Diện tích (km) ²	Dân số	Diện tích (km) ²	Dân số
Anh	151.000	45.500.000	34.910.000	403.600.000
Pháp	536.000	39.000.000	10.250.000	55.600.000
Mỹ	9.420.000	100.000.000	1.850.000	12.000.000
Tây Ban Nha	504.000	20.700.000	371.600	853.000
Ý	286.600	38.500.000	1.460.000	1.623.000
Nhật Bản	418.000	57.070.000	288.000	21.249.000
Bỉ	29.500	7.642.000	2.400.000	8.500.000
Bồ Đào Nha	92.000	5.545.000	2.062.000	8.738.000
Hà Lan	83.000	6.700.000	2.046.000	48.030.000

Như vậy, 9 nước với tổng số dân 320.657.000 người và với diện tích 11.407.600 km² bóc lột các nước thuộc địa gồm hàng trăm dân tộc với số dân 560.193.000 người và với diện tích 55.637.000 km². Toàn bộ lãnh thổ

của các nước thuộc địa rộng gấp 5 lần lãnh thổ của các chính quốc, còn số dân của các chính quốc chưa bằng 3/5 số dân của các nước thuộc địa.

Nếu tính riêng những cường quốc đế quốc lớn nhất, thì những con số này lại càng có sức thuyết phục hơn. Số dân của các thuộc địa Anh đông gấp hơn 8 lần rưỡi số dân nước Anh và đất đai của các thuộc địa nh rộng gấp gần 525 lần đất đai của nước Anh. Còn nước Pháp thì chiếm một số đất đai rộng gấp 19 lần nước Pháp và số dân ở các thuộc địa Pháp đông hơn số dân nước Pháp 16.600.000 người.

Vì vậy sẽ không phải là quá đáng nếu nói rằng chừng nào Đảng Pháp và Đảng Anh chúng ta chưa thi hành một chính sách thật tích cực trong vấn đề thuộc địa, thậm chí chưa đề cập đến quần chúng các nước thuộc địa, thì toàn bộ chương trình rộng lớn của hai đảng đó vẫn không có hiệu quả gì. Chương trình ấy sẽ không có hiệu quả gì vì nó trái với chủ nghĩa Lênin. Tôi xin nói rõ ý của tôi. Trong bài nói chuyện về Lênin và vấn đề dân tộc, đồng chí Xtalin đã chỉ rằng bọn cải lương và các lãnh tụ Quốc tế thứ hai đã không dám đặt ngang hàng các dân tộc da trắng và các dân tộc thuộc các màu da khác, rằng Lênin đã bác bỏ sự bất bình đẳng đó và phá tan cái vật chướng ngại ngăn chia những người nô lệ văn minh với những người nô lệ không văn minh của chủ nghĩa đế quốc.

Theo Lênin, cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước bị nô dịch và vấn đề dân tộc, như Lênin đã dạy chúng ta, chỉ là một bộ phận của vấn đề chung về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản.

Sau đó, đồng chí Xtalin đã nói đến quan điểm phản cách mạng cho rằng không cần liên minh trực tiếp với phong trào giải phóng ở các nước thuộc địa, giai cấp vô sản châu Âu cũng có thể thắng lợi được. Nhưng nếu căn cứ vào hành động để xét về mặt lý luận thì tình trạng các đảng lớn của chúng ta, trừ Đảng Nga, không hoạt động gì cả khiến chúng ta có quyền cho rằng ngày nay các đảng đó vẫn còn giữ quan điểm mà đồng chí Xtalin đã nói.

Giai cấp tư sản các nước thực dân đã làm gì để kìm giữ trong vòng áp bức biết bao quần chúng của các dân tộc bị chúng nô dịch? Chúng làm tất cả. Ngoài việc dùng những phương tiện do bộ máy chính quyền Nhà nước đem lại cho nó, nó đồng thời còn tiến hành tuyên truyền hết sức ráo riết. Bằng những bài nói chuyện, bằng điện ảnh, báo chí, triển lãm và mọi

phương pháp khác nữa, nó nhồi cho nhân dân các chính quốc cái đầu óc thực dân, nêu lên trước mắt họ cảnh sống dễ dàng, vinh quang và giàu có đang chờ đợi họ ở các nước thuộc địa.

Còn các đảng cộng sản của chúng ta như Đảng Cộng sản Anh, Hà Lan, Bỉ và các đảng cộng sản các nước khác nhau mà giai cấp tư sản ở đây chiếm giữ thuộc địa, thì đã làm những gì? Các đảng này, từ khi chấp nhận bản luận cương của Lênin, đã làm được những gì để giáo dục cho giai cấp công nhân nước mình tinh thần quốc tế chủ nghĩa chân chính, tinh thần gần gũi với quần chúng lao động các nước thuộc địa? Tất cả những việc mà các đảng của chúng ta đã làm về mặt này, thật hầu như chưa có gì cả. Còn về tôi, là một người sinh trưởng ở một nước hiện nay là thuộc địa của Pháp và là một đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, tôi lấy làm tiếc phải nói rằng Đảng Cộng sản Pháp chúng tôi làm rất rất ít cho các nước thuộc địa.

Báo chí cộng sản chủ nghĩa có nhiệm vụ làm cho các chiến sĩ của chúng ta hiểu rõ vấn đề thuộc địa, làm thức tỉnh sự đồng tình hưởng ứng của quần chúng lao động ở các nước thuộc địa, tranh thủ họ tham gia sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản. Thử hỏi báo chí đó đã làm được gì? Không được gì hết.

Nếu đem so sánh những chỗ dành cho các vấn đề thuộc địa trên các tờ báo tư sản như Le Temps, Le Figaro, L'Oeuvre hay những báo thuộc các khuynh hướng khác như: Le Peuple hay Le Liberaire với những chỗ dành cho các vấn đề đó trên báo L'Humanité, cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng chúng tôi, thì phải nhận rõ rằng sự so sánh này sẽ hoàn toàn không có lợi cho chúng ta.

Bộ Thuộc địa đã đặt ra kế hoạch biến nhiều vùng ở châu Phi thành những vùng đồn điền rộng lớn của tư nhân và biến dân bản xứ ở những nước này thành những dân nô lệ thật sự, bị trói buộc vào ruộng đất của những ông chủ mới, thế mà báo chí của chúng ta vẫn im tiếng hoàn toàn về điều này. Ở các thuộc địa của Pháp ở Châu Phi, người ta đã áp dụng những biện pháp cưỡng ép chưa từng thấy để bắt lính, thế mà báo chí của chúng ta vẫn không hề lên tiếng. Chính quyền thực dân ở Đông Dương đã biến thành những kẻ buôn nô lệ và bán những người dân Bắc Kỳ cho các chủ đồn điền trên các đảo ở Thái Bình Dương, chúng kéo dài thời hạn đi lính của dân bản xứ từ 2 năm lên 4 năm, chúng đem nộp phần lớn đất đai thuộc địa cho công xoócxiom của những bọn tư bản cá mập, thuế má

vốn đã quá nặng nề không chịu nổi, thế mà chúng lại còn tăng lên 30% trong lúc dân bản xứ bị phá sản và chết đói sau trận lụt. Thế mà báo chí chúng ta vẫn cứ im tiếng. Và sau tất cả những điều đó, các đồng chí sẽ ngạc nhiên thấy rằng nhân dân bản xứ đi theo những nhóm dân chủ và tự do như Hội Nhân quyền và các tổ chức tương tự khác là những tổ chức chăm lo hay làm ra về chăm lo đến họ.

Nếu đi sâu hơn một chút nữa, chúng ta sẽ thấy những việc hoàn toàn không thể tưởng tượng được, làm cho mọi người phải nghĩ rằng Đảng chúng tôi đã coi thường tất cả những gì dính dáng đến các nước thuộc địa. Ví dụ: báo L'Humanité không hề đăng lời kêu gọi của Quốc tế Nông dân gửi nhân dân các nước thuộc địa, do Quốc tế Cộng sản gửi đến để đăng báo. Trước Đại hội Liông trong mục đăng các bài tranh luận, đã đăng hết mọi luận cương, trừ luận cương về vấn đề thuộc địa. Báo L'Humanité đã đăng nhiều bài về thắng lợi của võ sĩ Xiki xứ Xênegan, nhưng không hề lên tiếng khi các công nhân bến tàu Đaca, những người đồng nghiệp của Xiki bị bao vây trong khi đang làm việc, bị bắt và bị vút lên xe ô tô chở về nhà giam và sau đó bị đưa sang trại lính để rồi trở thành những người bảo vệ an ninh, nghĩa là trở thành lính. Cơ quan trung ương của Đảng chúng tôi hằng ngày đều báo tin cho các bạn đọc về những chiến công của anh phi công Uadi đã bay từ Pháp sang Đông Dương, nhưng khi chính quyền thực dân cướp bóc nhân dân "nước An Nam cao quý", lấy ruộng của họ giao cho bọn đầu cơ Pháp, phái máy bay chở bom, rồi ra lệnh cho các phi công phải dạy cho những người dân bản xứ bất hạnh và bị cướp bóc kia phải biết điều, thì cơ quan của Đảng chúng tôi lại không thấy cần thiết báo tin đó cho các bạn đọc biết.

Thưa các đồng chí qua báo chí của mình, giai cấp tư sản Pháp hiểu rằng vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa không tách rời nhau. Tôi cho rằng Đảng chúng tôi chưa hiểu hết điều đó. Những bài học ở miền Ruya, nơi mà binh lính bản xứ được phái đến trấn an những công nhân Đức bị đói, đã vây chặt những trung đoàn lính Pháp đáng nghi, trường hợp xảy ra trong đội quân phương Đông, trong đó binh lính bản xứ được giao súng máy để "động viên tinh thần" binh lính Pháp đã mệt mỏi vì chiến tranh kéo dài và gian khổ, những sự kiện xảy ra năm 1917 ở nơi đóng quân của lính Nga ở Pháp, kinh nghiệm cuộc bãi công của công nhân nông nghiệp ở Pyrênê là nơi mà binh lính bản xứ đã buộc phải giữ vai trò nhục nhã của những kẻ phá hoại cuộc bãi công và cuối cùng là sự có mặt của 207.000 binh lính bản xứ ở ngay nước Pháp, - tất cả những việc trên đây

chưa làm cho Đảng chúng tôi phải suy nghĩ, chưa làm cho Đảng chúng tôi thấy cần phải thực hiện một chính sách rõ ràng và tích cực trong vấn đề thuộc địa. Đảng đã bỏ lỡ tất cả những cơ hội tốt để tuyên truyền. Những cơ quan lãnh đạo mới của Đảng đã thừa nhận là Đảng chúng tôi đã bị động trong vấn đề này. Tôi thấy đó là một dấu hiệu đáng mừng vì khi các lãnh tụ của Đảng đã thừa nhận và nhấn mạnh nhược điểm này trong chính sách của Đảng, thì việc đó làm cho người ta hy vọng rằng Đảng sẽ cố gắng hết sức để sửa chữa và củng cố về mặt này. Tôi tin chắc rằng Đại hội này sẽ là bước ngoặt về mặt này và sẽ thúc đẩy Đảng sửa chữa được những thiếu sót trước. Mặc dù nhận xét của đồng chí Manuinxki về cuộc vận động bầu cử ở Angiêri rất đúng, song để cho được khách quan, tôi phải nói rằng đúng là Đảng chúng tôi đã bỏ lỡ dịp tốt ở đây, nhưng đã sửa chữa sai lầm, đã đưa đại biểu người bản xứ ra ứng cử ở quận Paris. Tất nhiên như thế còn ít, song bước đầu như vậy là tốt. Tôi sung sướng nhận thấy rằng hiện nay Đảng chúng tôi lại có những ý định tốt đẹp nhất, lại có lòng hăng hái, cái đó là hoàn toàn mới đối với Đảng chúng tôi và chỉ cần bằng hành động thực tiễn thì nhất định những cái ấy sẽ đưa Đảng tới một chính sách đúng đắn trong vấn đề thuộc địa.

Vậy phải hành động thực tiễn như thế nào? Đề nghị những luận cương dài dằng dặc và thông qua những nghị quyết rất kêu để sau Đại hội đưa vào viện bảo tàng như từ trước vẫn làm thì chưa đủ. Chúng ta cần có biện pháp cụ thể. Tôi đề nghị mấy điểm dưới đây:

1. Mở trên báo L'Humanité một mục để đăng đều đặn hàng tuần ít nhất hai cột các bài về vấn đề thuộc địa.
2. Tăng cường tuyên truyền về tuyển lựa đảng viên của Đảng trong những người bản xứ ở những nước thuộc địa đã có phân bộ cộng sản.
3. Gửi những người bản xứ vào Trường đại học cộng sản của những người lao động phương Đông ở Mátxcơva.
4. Thỏa thuận với Tổng Liên đoàn lao động thống nhất để tổ chức những người lao động của các thuộc địa làm việc ở Pháp.
5. Đặc nhiệm vụ cho các đảng viên của Đảng phải quan tâm hơn nữa đến vấn đề thuộc địa.

Theo tôi, những đề nghị này là hợp lý và nếu Quốc tế Cộng sản và các đại biểu của Đảng chúng tôi tán thành thì tôi tin rằng đến Đại hội lần

thứ VI, Đảng Cộng sản Pháp chúng tôi sẽ có thể nói rằng mặt trận thống nhất của nhân dân chính quốc và thuộc địa đã trở thành sự thật.

Thưa các đồng chí, vì chúng ta tự coi mình là học trò của Lênin, cho nên chúng ta cần phải tập trung tất cả sức lực và nghị lực để thực hiện trên thực tế những lời di huấn quý báu của Lênin đối với chúng ta về vấn đề thuộc địa cũng như các vấn đề khác.

In trong sách Đại hội toàn thế giới lần thứ V Quốc tế Cộng sản, bản tốc ký, tiếng Nga, phần I, NXB Chính trị Quốc gia, Mátxcova, 1925, tr. 653 - 657.

Bản sao lưu trữ

CÁCH MẠNG NGA VÀ CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt sẽ mọc ra. Cách mạng Nga rất hiểu rõ điều đó. Vì thế nó không vừa lòng với việc đọc những bài diễn văn rỗng tuếch và viết ra những quyết định "nhân đạo" đối với các dân tộc bị áp bức, mà Cách mạng Nga dạy cho họ đấu tranh, giúp đỡ họ bằng tinh thần và vật chất như Lenin đã tuyên bố trong luận cương của Người về vấn đề thuộc địa. Cách mạng Nga đã triệu tập Đại hội Bacu, hai mươi một dân tộc phương Đông đã phái đại biểu tới dự Đại hội đó. Những đại biểu của các đảng công nhân phương Tây cũng tham gia công việc của Đại hội. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử, giai cấp vô sản ở các nước phương Tây đi xâm chiếm và giai cấp vô sản các nước bị xâm chiếm ở phương Đông đã thân mật nắm tay nhau và cùng nhau tìm cách đấu tranh có hiệu quả chống chủ nghĩa tư bản là kẻ thù chung của họ.

Sau cuộc Đại hội lịch sử ấy, mặc dầu đang vấp phải những khó khăn trong và ngoài nước, nước Nga cách mạng không hề một chút do dự trong việc giúp đỡ các dân tộc mà nó đã thức tỉnh bằng cuộc cách mạng anh dũng và thắng lợi. Một trong những việc quan trọng đầu tiên của nó là thành lập Trường đại học phương Đông.

Trường đại học phương Đông hiện nay gồm có 1.025 sinh viên, trong đó có 151 nữ sinh. Trong số sinh viên ấy, có 865 đảng viên cộng sản. Thành phần xã hội của học sinh như sau: 5478 nông dân, 265 công nhân, 210 trí thức vô sản. Nếu người ta chú ý rằng các nước phương Đông đều là những nước hầu như hoàn toàn nông nghiệp thì sẽ dễ hiểu vì sao số sinh viên nông dân chiếm tỉ lệ cao hơn. Ở Ấn Độ, ở Nhật, ở Trung Quốc - nhất là ở Trung Quốc, phần nhiều là các trí thức trung thành với sự

ng nghiệp của giai cấp công nhân đang lãnh đạo giai cấp này trong cuộc đấu tranh, điều đó giải thích vì sao số tri thức chiếm tỉ lệ một thiểu số tương đối quan trọng và tỷ lệ công nhân ít là do công nghiệp và thương nghiệp tương đối kém phát triển trong các vùng phương Đông, trừ nước Nhật. Ngoài ra, còn có 75 học sinh thiếu niên, từ 10 đến 16 tuổi.

150 giáo sư phụ trách giảng dạy về khoa học xã hội, về toán học, về duy vật lịch sử, về lịch sử phong trào công nhân, về khoa học tự nhiên, về lịch sử các cuộc cách mạng, về khoa kinh tế chính trị, v.v... Trong lớp học, thanh niên của 62 chủng tộc khác nhau cùng thân mật sát cánh bên nhau.

Trường đại học phương Đông có 10 ngôi nhà to để cho sinh viên dùng. Trường có một rạp chiếu bóng cho sinh viên xem không mất tiền vào ngày thứ năm và ngày chủ nhật, còn những ngày khác trong tuần lễ thì để cho một người thuê. Có hai tủ sách với 47.000 quyển sách giúp cho các nhà cách mạng trẻ tuổi đi sâu vào việc nghiên cứu của mình và bồi dưỡng thêm tư tưởng. Mỗi dân tộc hay "nhóm", có một tủ sách riêng, gồm sách báo bằng tiếng mẹ đẻ của họ. Phòng đọc được sinh viên trang trí một cách có nghệ thuật và có đầy đủ báo chí. Các học sinh cũng cho ra một tờ báo chỉ có một bản duy nhất dán vào cái bảng to đặt trước cửa phòng đọc sách. Những người đau ốm được vào chữa trong bệnh viện của nhà trường. Một trại điều dưỡng ở Crimê dành riêng cho sinh viên cần được dưỡng sức. Chính phủ Xô viết đã tặng cho Trường đại học hai trại hè mỗi trại hè có 9 ngôi nhà. Mỗi trại hè có một chỗ cho sinh viên học chăn nuôi.

Người "bí thư nông nghiệp" của Trường đại học đã tự hào nói với tôi: "*Chúng tôi đã có 30 con bò cái và 50 con lợn*". Một trăm héc ta ruộng đất cấp cho các trại hè ấy là do sinh viên tự cày cấy lấy. Trong kỳ nghỉ hè và sau giờ làm việc và tập luyện, sinh viên đi giúp đỡ nông dân. Nhân đây cũng nói qua rằng một trong những trại hè ấy trước kia là thái ấp của một quận công. Thật là một cảnh đáng ghi nhớ khi trông thấy lá cờ đỏ tung bay kiêu hãnh trên ngọn tháp có mang tước huy quận công và thấy những người nông dân trẻ tuổi Triều Tiên hay Ac-mê-ni vui đùa trong lễ điện của quận công không kiêng nể gì cả.

Sinh viên ăn, ở và mặc không phải mất tiền. Mỗi tháng mỗi sinh viên còn được lĩnh 5 đồng rúp vàng để tiêu vặt.

Để học sinh có một quan niệm đúng đắn về giáo dục trẻ em, Trường đại học có một nhà nuôi trẻ và một nhà gửi trẻ rất kiểu mẫu gồm 60 em nhỏ.

Mỗi năm Trường đại học chi tiêu đến 516.000 đồng rúp vàng.

Các đại biểu của 62 chủng tộc trong Trường đại học lập thành một "công xã". Chủ tịch và các cán sự của Công xã do phổ thông đầu phiếu bầu ra ba tháng một lần.

Một đại biểu sinh viên tham gia việc quản trị kinh tế và hành chính của Trường đại học. Tất cả các sinh viên đều phải thay phiên nhau lần lượt làm công việc nhà bếp, thư viện, câu lạc bộ, v.v... Tất cả mọi vụ "phạm pháp" hoặc tranh chấp đều do một tòa án được bầu ra xét xử trước mặt toàn thể các đồng chí. Công xã họp mỗi tuần một lần để thảo luận tình hình chính trị và kinh tế quốc tế. Thỉnh thoảng người ta tổ chức những cuộc hội họp và buổi dạ hội trong đó những sinh viên có khiếu về nghệ thuật trình bày nghệ thuật và văn học của khắp các miền ở phương Đông.

Một đặc điểm nổi bật nhất biểu hiện sự "dã man" của những người bôn-sê-vích là không những họ coi "những người dân thuộc địa thấp kém" ấy như anh em, mà còn tổ chức cho họ tham gia đời sống chính trị của nước Nga nữa. Trong kỳ bầu cử các Xô viết, những sinh viên mà khi còn ở trong nước của họ thì chỉ là những "kẻ dân lành", những "người được bảo hộ", nghĩa là những người không có quyền gì khác hơn là quyền nộp thuế, những người không hề có quyền ứng cử và bầu cử ở nước họ, những người không được phép bàn bạc chính trị, thì này ở nước Nga Xô Viết những người đó được tham gia bầu cử và cử đại biểu của họ vào Xô Viết. Mong rằng những anh em của tôi ở các thuộc địa đang cầu xin đổi quốc tịch mãi mà không được, hãy thử so sánh nền dân chủ tư sản với nền dân chủ vô sản.

Tất cả những sinh viên ấy đều đã từng đau khổ và đã thấy người khác đau khổ. Tất cả đều đã sống dưới "nền văn minh khai hóa cao cả" và dưới ách bóc lột và áp bức của chủ nghĩa tư bản nước ngoài. Vì thế tất cả đều ham mê và khao khát học tập và hiểu biết. Họ vừa hăng hái vừa nghiêm túc. Họ không hề chơi bời phóng túng như những thanh niên phương Đông ở Paris, ở Ôxpho, ở Béclin. Người ta có thể nói không ngoa rằng Trường đại học phương Đông ôm ấp dưới mái trường mình tất cả tương lai của các dân tộc thuộc địa.

Miền Cận Đông và miền Viễn Đông, từ Xyri đến Triều Tiên - chúng tôi chỉ nói đến những nước thuộc địa và nửa thuộc địa có một diện tích rộng hơn 15 triệu km², với số dân hơn 1.200 triệu người, tất cả những nước rộng lớn ấy ngày nay đều đang ở dưới ách của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc. Và mặc dù số lượng của họ chưa thực sự mưu đồ tự giải phóng khỏi ách đó và vì họ chưa hiểu giá trị của sự đoàn kết quốc tế, nên họ chưa biết đoàn kết nhau lại để đấu tranh. Họ chưa có những sự liên hệ giữa các nước họ với nhau, như các dân tộc châu Âu và châu Mỹ. Họ có sẵn một bức sức mạnh to lớn mà họ chưa biết! Việc thành lập Trường đại học phương Đông, tập hợp những người lãnh đạo trẻ tuổi tích cực, thông minh của các nước thuộc địa, đã được một công cuộc to lớn là:

a) Trường đã huấn luyện cho các chiến sĩ tiên phong tương lai ấy nguyên lý đấu tranh giai cấp, nguyên lý mà một mặt các cuộc đấu tranh chủng tộc và mặt khác các tập tục của chế độ gia trưởng đã làm lẫn lộn trong đầu óc họ.

b) Trường đã làm cho đội tiên phong của giai cấp vô sản các nước thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này, chỉ có sự hợp tác đó mới có thể bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng.

c) Trường đã làm cho các dân tộc thuộc địa - từ trước đến nay rời rạc với nhau - hiểu biết nhau và đoàn kết với nhau. Do đó, đặt cơ sở cho một khối liên hợp tương lai giữa các nước phương Đông, khối liên hợp đó là một trong những cải cách của cách mạng vô sản.

d) Trường đã nêu cho giai cấp vô sản các nước và giai cấp tư sản có thuộc địa, một tấm gương về những điều họ có thể và phải làm chon hững anh em của họ đang bị áp bức.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo La Vie Ouvrière, số 20, năm 1924.

CUỘC KHÁNG CHIẾN

Mặc dầu bọn vua chúa sươn hèn, địch đang chiếm ưu thế và chế độ quân chủ đã làm cho dân chúng quen lạnh nhạt, bàng quan, dân chúng cũng không thể chịu ách ngoại bang mà không hề bị chống lại. Lúc mới thấy các tàu chiến lớn và súng ống tinh xảo thì ngạc nhiên, nhưng khi cảm giác đầu tiên ấy đã qua thì những người yêu nước An Nam liền tổ chức đấu tranh. Cuộc xâm chiếm Đông Dương bắt đầu từ năm 1858 mãi đến năm 1909 mới kết thúc. Chính trong thời kỳ này, khi nhà ái quốc Đê Thám chết thì công cuộc chống Pháp có tổ chức và có vũ trang chấm dứt. Người anh hùng dân tộc ấy cùng với một ít nghĩa quân kiên quyết của ông đã chiếm lĩnh cả một tỉnh nhỏ và đương đầu với thực dân Pháp trong nhiều năm. Trong thời kỳ chiến tranh ở châu Âu, nhiều cuộc bạo động đã nổ ra nhưng lại bị dập tắt ngay trong biển máu. Trong số các cuộc khởi nghĩa đó, cần chú ý đến cuộc nổi dậy của binh lính An Nam - binh lính sắp được đem sang Pháp - do ông vua trẻ Duy Tân tổ chức. Sau khi âm mưu bại lộ, vua Duy Tân bị phế và đày sang châu Phi.

Trong cuộc đấu tranh tuyệt vọng của một dân tộc bị áp bức có nhiều hành động oanh liệt và nhiều sự hy sinh lớn, giá kể được ở đây để các bạn biết thì hay lắm, nhưng không thể nói hết được trong phạm vi nhỏ hẹp của buổi nói chuyện này của chúng ta. Vậy nên tôi chỉ có thể nhắc lại đây một đoạn hồi ký của Phó đô đốc Rêvâyê như sau:

"Nếu chúng ta đánh giá một người qua phẩm chất đạo đức chứ không phải qua những tri thức của người đó, thì chúng ta sẽ bớt kiêu căng về tính chất cao đẳng của chúng ta đối với người Viễn Đông, những người biết hy sinh một cách có ý nghĩa.

Năm 1862, chúng tôi được phái đi đàn áp một cuộc khởi nghĩa. Viên tư lệnh V sai một trung úy đem quân chặn đường rút lui của nghĩa quân sau khi họ bại trận.

Mặt trời vừa lặn thì viên trung úy đem lính trở về, rất mệt mỏi, người đẫm bùn. Không thấy tù nhân, thấy nét mặt ai cũng có vẻ bối rối, chúng

tôi biết ngay là cuộc chinh phạt này không kết quả. Những người An Nam dẫn đường, đầu cúi xuống, tay bị trói, đang đi giữa bốn người lính mang súng. Thân thể họ, gần như trần truồng, mang đầy vết thương. Viên trung úy bước tới trước viên tư lệnh và lúng túng nói:

- Thưa quan tư lệnh, từ sớm những người đưa đường đã dẫn chúng tôi khắp nơi, lội bùn ngập đến bụng, nhưng chúng tôi không tìm thấy một người chạy trốn nào cả.

Viên tư lệnh cho gọi hai người An Nam đến hỏi.

Hai người này là hai anh em vì họ giống nhau lắm. Chỉ có người anh trả lời những câu hỏi của viên tư lệnh:

- Chúng mày biết chỗ, chúng mày đã thú nhận rồi kia mà.
- Có, chúng tôi có biết chỗ.
- Tao đã giải thích cho chúng mày rất kỹ việc hướng dẫn lính đi tìm ở đâu và bằng cách nào rồi. Chúng mày đã khai hiểu rõ hết.
- Chúng tôi hiểu.
- Tao có nói: "Nếu chúng mày dẫn quân lính đi đúng hướng thì chúng mày sẽ thoát chết, nếu đem họ đi lạc thì chúng mày sẽ bị xử bắn", có đúng tao đã nói như thế không?
- Ông chỉ huy có nói như vậy.
- Chúng mày đã cố tâm làm lạc hướng cả đội quân trong đồng lầy.

Hai chàng thanh niên đứng im lặng.

- Lúc ra đi, tao đã nói trước rằng chúng mày sẽ bị bắn, nếu chúng mày không đưa đúng đường... Có phải như thế không? Trả lời đi.
- Ông chỉ huy có bảo như vậy, người anh cả trả lời.
- Vậy chúng mày biết trước chúng mày sẽ bị xử bắn chứ?
- Chúng tôi đang chờ đây.

Người Nam Kỳ ấy trả lời với một thái độ chịu đựng rất thân nhiên của người Á Đông. Thấy tra vấn đã xong, hai người An Nam chào đi ra.

Viên tư lệnh gọi một tên cai người Thổ Nhĩ Kỳ và bảo: "Lấy bốn lính và đem bắn hai tên tù này sau trại".

Tên cai Thổ Nhĩ Kỳ vẫy hai người An Nam, hai người này đi theo không hề ngập ngừng và cũng chẳng kêu ca gì. Một lát sau, tiếng súng nổ.

Viên tư lệnh mặt bưng đỏ, quay về phía chúng tôi nói: *"Thật là anh hùng... Ở Hy Lạp có lẽ người ta phải dựng tượng họ đấy, còn tôi, tôi phải bắn họ"*.

Đến sáng, nhìn ra ngoài pháo thuyền, chúng tôi thấy bên bờ một tấm biển lớn đóng vào thân cây. Người thông ngôn dịch lại cho chúng tôi nghe một đoạn như sau:

"Các ông đã chiếm mất nhiều tỉnh của chúng tôi để làm giàu thêm cho đế quốc các ông, để cho thanh danh các ông càng thêm rạng rỡ. Các ông có đòi chúng tôi chuộc lại đất đai không? Chúng tôi sẵn sàng trả, miễn là các ông đừng đánh nhau với chúng tôi nữa và đem quân trở về nước."

Nhưng nếu các ông từ chối, chúng tôi sẽ không ngừng chiến đấu để tuân theo ý trời. Chúng tôi cũng có chút e ngại trước thế lực của các ông, nhưng chúng tôi sợ trời hơn sức mạnh của các ông. Chúng tôi nguyện sẽ chiến đấu mãi mãi không nghỉ. Khi không còn gì nữa, chúng tôi sẽ lấy cành cây làm cờ, làm gậy để vũ trang cho quân đội chúng tôi. Lúc đó các ông làm thế nào mà có thể sống được với chúng tôi?"

Đây không phải là những lời nói suông: chưa có một dân tộc nào dám tổ chức kháng chiến trong một tình trạng nguy nan như thế.

Lúc phái quốc gia hấp hối, tôi bắt được một tù nhân có mang theo một khẩu súng lục. Tôi tiếc không giữ lại khẩu súng ấy. Súng làm bằng một cái ô! Tay cầm cán ô dùng làm báng súng, cán ô cắt ngắn còn chừng hai mươi xăngtimét làm nòng súng, trên nòng có đục một lỗ nhỏ để cắm ngòi thuốc nổ.

Với những khí cụ như vậy và sau những tai biến khủng khiếp, những người chủ trì còn lại của một dân tộc đã bị dồn đến bước đường cùng - vẫn chiến đấu chống lại quân đội phương Tây. Đôi khi họ giết một vài người chúng tôi bằng cạm bẫy, nhất là họ đã làm cho chúng tôi chết vì bệnh tật, vì phải đuổi theo họ trên những cánh đồng lầy ứ khí, dưới ánh nắng gay gắt.

Có nhiều lần đuổi theo bắt những người yêu nước đó mà chúng ta thường gọi là kẻ phiến loạn, tôi cảm thấy vô cùng thương xót cho cả dân tộc ấy và cảm phục những người chỉ huy của họ, những người vững lòng tin ở công lý và có một nghị lực bất khuất.

Cuộc đại chiến kết thúc, dân tộc An Nam cũng như các dân tộc khác đã bị mê hoặc theo những lời tuyên bố rộng rãi của Uynxon về quyền dân tộc tự quyết. Một nhóm người An Nam trong đó có tôi, đã gửi cho nghị viện Pháp và tất cả những đoàn đại biểu ở Hội nghị Vécxây một bản yêu sách sau đây:

Bản sao lưu trữ

YÊU SÁCH CỦA NHÂN DÂN AN NAM

Từ ngày Đồng minh thắng trận, tất cả các dân tộc bị lệ thuộc đều chứa chan hy vọng rằng theo những lời cam kết chính thức và trịnh trọng mà các cường quốc Đồng minh đã tuyên bố với toàn thế giới, trong cuộc đấu tranh của Văn minh chống Dã man, thì tiền đồ một thời đại công lý và chính nghĩa nhất định là phải đến với họ.

Trong khi chờ cho nguyên tắc dân tộc sẽ từ lĩnh vực lý tưởng chuyển vào lĩnh vực hiện thực do chỗ quyền tự quyết thiêng liêng của các dân tộc được thừa nhận thật sự, nhân dân nước An Nam trước kia, nay là xứ Đông - Pháp, xin trình bày với các quý Chính phủ trong Đồng minh nói chung và với Chính phủ Pháp đáng kính nói riêng, những yêu sách khiêm tốn sau đây:

1. Tổng ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị.
2. Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những đảm bảo về mặt pháp luật như người Âu châu, xoá bỏ hoàn toàn các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam.
3. Tự do báo chí và tự do ngôn luận.
4. Tự do lập hội và tự do hội họp.
5. Tự do cư trú ở nước ngoài và tự do xuất dương.
6. Tự do học tập, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ.
7. Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật.
8. Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ.

Cuối bản yêu sách, chúng tôi có viết thêm rất nhiều câu ca tụng nhân dân và nhân đạo.

Nhưng sau một thời gian nghiên cứu và theo dõi, chúng tôi nhận thấy rằng "chủ nghĩa Uynxon" chỉ là một trò bịp bợm lớn. Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc, cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới.

Bản sao lưu trữ

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐẾN QUỐC PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG* TÌNH HÌNH KINH TẾ

Đông Dương rộng 710.000 kilômét vuông và có dân số là 20.000.000 người, trong đó có trên 26.000 người Âu, không kể những binh lính Pháp.

Những thành phố lớn là:

Sài Gòn, Thủ đô¹ của Nam Kỳ 108.000 dân.

Chợ Lớn, thành phố ở sát Sài Gòn 203.000 dân.

Huế, Thủ đô² của Trung Kỳ 60.500 dân.

Hà Nội, Thủ đô³ của Bắc Kỳ 74.500 dân.

Hải Phòng, hải cảng của Bắc Kỳ 74.500 dân.

Phnôm-pênh, Thủ đô của Cao Miên 79.000 dân.

Viêng-chăn, thủ đô của Lào 68.000 dân.

Những hải cảng là: Sài Gòn, cách biển 81 kilômét, với một lượng vận chuyển hàng năm là 3.600.000 tấn, Hải Phòng (Bắc Kỳ), cách biển 28 kilômét, với một lượng vận chuyển hàng năm là 1.200.000 tấn, Quy Nhơn và Tuaran⁴ (Trung Kỳ) với một lượng vận chuyển là 500.000 và 100.000 tấn.

Đông Dương có khoảng 2.200 kilômét đường sắt, trong đó 860 kilômét thuộc con đường Vân Nam - Bắc Kỳ. Có tất cả 150 đầu tàu, 400 toa hành khách và 1650 toa chở hàng hóa.

Doanh số thương nghiệp của năm 1925 là 4.236.685.000 phrăng.

trong đó, nhập khẩu chiếm 1.780.501.000 phrăng

và xuất khẩu chiếm 2.456.184.000 phrăng

như vậy là trội hơn năm 1924 một tỷ và trội hơn năm 1923 hai tỷ.

* Tài liệu này do cơ quan lưu trữ Đảng Cộng sản Liên Xô gửi Đảng ta, trên tài liệu có ghi: Bài của Nguyễn Ái Quốc gửi cho tạp chí Thư tín Quốc tế, ngày 2-10-1928.

^{1 2 3} Dưới thời thuộc Pháp, Việt Nam bị chia làm 3 xứ, mỗi xứ lấy thành phố lớn làm thủ phủ.

⁴ Tourrance: Đà Nẵng.

SỰ TÍCH LŨY TƯ BẢN

Tư bản của tất cả những doanh nghiệp Pháp đều tăng lên rất nhanh. Chúng ta hãy nêu lên, chẳng hạn:

Tư bản của công ty voi đã tăng từ 600.000 lên đến 3.000.000 phrăng.

- của công ty nông công nghiệp Cam Tiên từ 14 lên đến 30 triệu.

- của công ty trồng chè và cà phê ở Kon Tum từ 14 lên đến 15 triệu.

- của hãng vận tải liên hiệp từ 100 lên đến 300 triệu.

- của công ty thương nghiệp, nông nghiệp và tài chính Đông Dương, từ 1 lên đến 10 triệu.

- của công ty xi măng Đông Dương, từ 8 lên đến 12 triệu.

Tư bản của công ty thăm dò và khai thác hầm mỏ ở Đông Dương đã tăng từ 12,5 lên đến 20 triệu.

Tư bản của Ngân hàng Đông Dương, một ngân hàng chi phối hầu như tuyệt đối nền thương nghiệp và công nghiệp ở Đông Dương, đã tăng một cách liên tục. Được thành lập năm 1875 với số tư bản là 8 triệu phrăng, đến năm:

1888, số tư bản đó đã lên tới 12.000.000

1900, 24.000.000

1916, 36.000.000

1910, 48.000.000

1920, 72.000.000

LỢI NHUẬN

Những hãng buôn ở thuộc địa đã giành được những lợi nhuận đôi khi vượt cả những tư bản ứng trước. Chẳng hạn năm 1924, Ngân hàng Đông Dương với số tư bản là 72 triệu mà đã thu được một món lợi nhuận là 77.845.083 phrăng. Sau đây là tiến bộ đi lên của lợi nhuận của các công ty:

Công ty xuất vốn cho cao su:

1918..... 3.378.486 phrăng

1920..... 4.950.014 phrăng

1923..... 12.668.043 phrăng

1925..... 32.573.850 phrăng

Công ty đường sắt Vân Nam:

1917..... 1.121.000 phrăng

1919..... 1.543.000 phrăng

1921..... 2.637.000 phrăng

1923..... 3.275.000 phrăng

1 925..... 6.440.000 phrăng

Công ty than đá Bắc Kỳ:

1912..... 1.926.000 phrăng

1914..... 3.302.000 phrăng

1918..... 5.257.000 phrăng

1920..... 17.601.000 phrăng

1922..... 23.480.000 phrăng

1923..... 35.037.000 phrăng

Công ty lâm nghiệp và diêm Đông Dương:

1918..... 570.000 phrăng

1920..... 1.327.000 phrăng

1922..... 1.733.000 phrăng

1924..... 2.300.000 phrăng

1925..... 3.414.000 phrăng

CÔNG NGHIỆP HÓA THUỘC ĐỊA

Báo Thời đại ngày 19-3-1927, người phát ngôn của chủ nghĩa tư bản Pháp, đã có lý khi nhận xét rằng: "*Sự thật là ở nước ta, những tư bản đã*

từ lâu vẫn tỏ ra e ngại đối với những doanh nghiệp khai thác lãnh thổ hải ngoại của chúng ta thì bây giờ lại sẵn sàng hướng về những doanh nghiệp ấy, nhất là ở Đông Dương". Thật vậy, kể từ khi cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa giai đoạn 1914-1918 chấm dứt, vô số những hãng hoặc công ty xuất vốn thương nghiệp và nông nghiệp đã mọc lên ở Đông Dương. Dưới đây, chúng tôi chỉ liệt kê những công ty có sổ tư bản trên một triệu phrăng.

Công ty	thành lập năm	tư bản là
Pháp ở Á Châu	1922	1.000.000
Công ty Optorg	1922	20.000.000
Hãng anh em Đơnit ở Đông Dương	1922	2.500.000
Hãng Duymarét ở Đông Dương	1922	4.000.000
Hãng Poăngxa và Vây-rê	1921	12.000.000
Tổng công ty các cửa hàng tổng hợp	1921	12.000.000
Công ty Pháp - An Nam về sợi và xuất khẩu	1920	4.000.000
Công ty Mác xây ở hải ngoại	1919	1.500.000
Hãng vận chuyển Viễn Đông	1917	20.000.000
Tổng công ty lựa Pháp ở Đông Dương	1921	7.000.000
Công ty hầm mỏ và luyện kim Đông Dương	1919	16.000.000
Công ty điện lực Đông Dương	1921	15.000.000
Công ty luyện kim, nhà máy cơ khí và xưởng đóng tàu Đông Dương	1919	3.000.000
	1921	1.000.000
Công ty nhựa cây và sơn "JB"	1922	25.000.000
Công ty công trình lớn Viễn Đông	1922	25.000.000
Nhà máy xay xát Viễn Đông	1921	4.000.000
Công ty vô danh dả lan và tàu kéo Đông Dương	1922	15.000.000
Công ty vô danh bất động sản anh em Đơnit	1920	5.000.000
Công ty Antraxit Bắc Kỳ	1921	1.000.000

Công ty kinh doanh Á châu	1920	7.500.000
Công ty thăm dò và xuất khẩu khoáng sản	1923	10.000.000
Công ty Pháp làm đồ thủy tinh Đông Dương	1920	10.000.000
Công ty máy làm lạnh ở Viễn Đông	1919	1.075.000
Công ty sơn Đông Dương	1924	1.100.000
Công ty mỏ Bàuman	1924	8.000.000
Công ty mỏ vàng Bắc Kỳ	1923	5.000.000
Công ty đồ thủy tinh Viễn Đông	1921	2.000.000
Xanhđica nghiên cứu đường sắt	1921	2.500.000
Công ty thuộc địa sản xuất thức ăn dinh dưỡng		

CHIẾM ĐOẠT RUỘNG ĐẤT

Tư bản Pháp không chỉ hướng vào công nghiệp và thương nghiệp Đông Dương, mà còn thành lập những công ty lớn mạnh để khai thác đất đai:

Công ty	thành lập năm	với số tư bản là
Cao Miên,	1922	5.000.000 phrăng
Công ty ruộng đất thuộc địa	1923	2.500.000 phrăng
Công ty đồn điền đất đỏ	1923	36.000.000 phrăng
Công ty thương nghiệp và công nghiệp Pháp - An Nam	1922	1.000.000 phrăng
	1923	1.000.000 phrăng
Công ty nghiên cứu trồng bông ở Đông Dương	1919	3.000.000 phrăng
Công ty Hớn Quản	1923	1.000.000 phrăng
	1924	10.000.000 phrăng
Công ty công nghiệp và lâm nghiệp Đông Dương	1923	10.000.000 phrăng
Công ty chè Đông Dương		
Công ty đường và chứng lọc Đông Dương		

Chính vì vậy mà ở Nam Kỳ, 250.000 héc-ta bị những chủ đồn điền Pháp chiếm đoạt và 600.000 héc-ta sắp bị chiếm đoạt.

Hãng vận tải đường sông ở Nam Kỳ mua đất với giá 2,1 phrăng một mét vuông và đem bán lại với giá 1.440 phrăng một mét vuông.

Ở Bắc Kỳ, trên 112.000 héc-ta đất ruộng và 63.500 héc-ta đất có quặng đều nằm trong tay 150 chủ đồn điền và 34 chủ nhỏ, đấy là chưa kể những đất tô nhượng chưa được khai khẩn.

Ở Trung Kỳ, cho đến năm 1925, chỉ có 62.000 héc-ta nằm trong tay người Pháp. Chỉ riêng năm 1926 đã có trên 300.000 héc-ta bị 180 người Pháp chiếm đoạt.

Ở Cao Miên, có tất cả 523.000 héc-ta đất trồng trọt, nhưng khoảng 1/3 số đó nằm trong tay những tên thực dân hay trong tay giáo hội Giatô.

Ở Lào, những người Pháp đã thiết lập chế độ "Khu dự trữ" - một chế độ mà những người Mỹ đã dùng đối với dân da đỏ và những người Nhật đã dùng với dân Đài Loan - nhằm mục đích chiếm đoạt của người bản xứ 200.000 ha đất đỏ.

SỰ ĐỘC QUYỀN

Chủ nghĩa tư bản thực dân có xu hướng tiến tới sự độc quyền. Tất cả những xí nghiệp đông đảo đó ở Đông Dương đều phụ thuộc vào một vài công ty có thế lực. Chẳng hạn, chúng ta thấy công ty rượu của Pháp ở Đông Dương tham gia vào các xí nghiệp như sau:

Ngân hàng tín dụng ruộng đất Đông Dương;

Nhà máy thủy tinh Viễn Đông ;

Công ty Than và Mỏ kim khí Đông Dương;

Vận chuyển đường sông;

Công ty công Nông nghiệp Cam Tiêm;

Công ty thức ăn đạm ;

Công ty Than đá Bắc Kỳ ;

Công ty thương nghiệp, nông nghiệp và tài chính Đông Dương, công ty "SICAF" như người ta thường gọi, lãnh đạo những công ty sau đây:

Công ty Chè (Kon Tum) ;

Công ty Bông (Sài Gòn);

Công ty nông nghiệp (Kon Tum);

Công ty Chè An Nam;

Công ty Thương nghiệp Pháp - An Nam;

Công ty công nghiệp và lâm nghiệp Biên Hòa;

Công ty Nông công nghiệp Biền Củi;

Tổng công ty Tư lượ Pháp và Đông Dương;

Công ty Cà phê Đông Dương ;

Công ty Nông nghiệp Sông Ruy ;

Công ty Tài chính và thuộc địa kiểm soát;

Ngân hàng Tín dụng ruộng đất Đông Dương ;

Công ty Cao su Đông Dương ;

Công ty cây nhiệt đới Đông Dương;

Công ty Bông Sài Gòn ;

Công ty Máy xúc và công trình công cộng;

Nhà máy Thủy tinh Viễn Đông ;

Công ty Xà lan và tàu kéo;

Đồn điện cao su Bình Lộc;

Nhà máy đường và rượu Đông Dương ;

Nhà máy nước và điện Đông Dương;

Tân công ty phốt phát Bắc Kỳ;

Những mỏ vàng Đắc Lắc;

Những nhà máy giấy Đông Dương;

Nhà máy in Viễn Đông ;

Những nhà máy lượ Đơlinhông;

Hãng S.F.F.C. có những chi nhánh đến tận các thuộc địa ở châu Phi.

ĐẦU SỞ TÀI CHÍNH

Những công ty chỉ đạo, đến lượt chúng lại nằm dưới sự kiểm soát của Ngân hàng Đông Dương, mà ngân hàng này lại nằm trong tay một nhóm nhỏ những nhà tài chính độc quyền. Trong hội đồng quản trị của ngân hàng đó, chúng ta thấy có những tên sau đây:

Đờ Môngplanê, Chủ tịch Tổng công ty Tín dụng chủ nghĩa và thương nghiệp.

Bơtênốt, Chủ tịch ngân hàng tín dụng Liông.

Boayê, Chủ tịch chỉ điểm quốc gia chiết khấu Paris.

Rôxtan, Phó chủ tịch chỉ điểm quốc gia chiết khấu Paris.

Đơnít, Chủ tịch công ty anh em Đơnít

G.Picốt, Phó chủ tịch tổng công ty tín dụng công thương nghiệp.

Xtécơ, quản trị ngân hàng Paris và Hà Lan.

Đờ Togagômanh, quản trị ngân hàng tín dụng ruộng đất Pháp.

Và anh em Hônbec nổi tiếng, có tên trong tất cả những xí nghiệp khai thác ở Đông Dương.

TƯ BẢN NƯỚC NGOÀI Ở ĐÔNG DƯƠNG

Chúng tôi không có những thống kê chính xác về tư bản nước ngoài đầu tư ở Đông Dương. Nhưng một vài số liệu dưới đây cũng đủ chứng tỏ sự tiến triển của tư bản nước ngoài:

Nhật xuất khẩu sang Đông Dương:

2.455.231 yên trong năm 1923

4.214.889 yên trong năm 1924

6.382.512 yên trong năm 1925

và nhập từ Đông Dương:

15.329.699 yên trong năm 1923

25.077.436 yên trong năm 1924

62.272.00 yên trong năm 1925

Năm 1924, 101 tàu Anh cập cảng Sài Gòn với 341.364 tấn hàng hóa (gần bằng nửa tổng số trọng tải hàng hóa Pháp lúc đó là 724.8764 tấn) và 179 tàu Anh đã rời cảng Sài Gòn với 335.203 tấn hàng hóa. Cũng trong năm đó, 242 tàu của nước Anh đã cập Hải Phòng và rời cảng đó với 285.441 tấn hàng hóa.

Năm 1926, những quan hệ thương mại của Anh với Đông Dương về mặt xuất khẩu là 323.667 xtéclinh, về mặt nhập khẩu là 328.824 tấn xtéclinh.

Năm 1925, Mỹ bán cho Đông Dương 1.125.047 đồng hàng hóa và mua của Đông Dương 28.568 đồng nguyên liệu.

Xuất khẩu và nhập khẩu của Mỹ với Đông Dương trong năm 1926 được đánh giá là 1.434.049 đồng cho xuất khẩu và 211.877 đồng cho nhập khẩu.

ĐỐI KHÁNG THỰC DÂN Ở ĐÔNG DƯƠNG

Nước Nhật đã nhiều lần gửi những "Phái đoàn tuyên truyền", "Phái đoàn nghiên cứu" hoặc "Phái đoàn thương mại" đi khắp Đông Dương. Mặc dù người Pháp thực tình không ưa những ông khách đáng nghi ngờ đó nhưng họ vẫn buộc lòng phải tỏ ra niềm nở, phải tiếp đón những phái đoàn ấy một cách long trọng và đưa họ đi tham quan khắp nơi. Những cuộc du hành ấy của những đại biểu Nhật làm cho chủ nghĩa đế quốc Pháp không yên tâm không những về phương diện kinh tế mà cả về phương diện chính trị. Vì mỗi khi có một cuộc thăm viếng như vậy thì người An Nam hình như đột nhiên bừng tỉnh nhớ đến tình cảnh bị áp bức của mình, tình cảnh bị áp bức của "những người anh em họ của mình tại đế quốc mặt trời mọc", và cũng nhớ đến khẩu hiệu: "*Châu Á của người châu Á*".

Người Nhật Bản đòi một biểu thuế quan được ưu đãi. Người Pháp không muốn cho người Nhật được hưởng như vậy, nhưng cũng không dám công khai từ chối.

Những cuộc thương lượng đang diễn ra giữa Chính phủ Nhật và Chính phủ Pháp về việc Nhật yêu cầu được tô nhượng những mỏ sắt ở Cao Miên.

Để chứng rằng mình chú ý nhiều đến Đông Dương, Chính phủ Nhật vừa mới đổi lãnh sự quán Hải Phòng của mình thành Tổng lãnh sự quán Bắc Kỳ. Ngược lại, nước Pháp lại không cho phép Trung Quốc có quyền gửi những lãnh sự sang Đông Dương để bảo vệ quyền lợi của nửa triệu người Trung Quốc sinh sống ở đó.

Năm vừa qua ông M.Uynxtơn, thư ký ngân khố Oasinhtơn, đã đưa ra ý kiến rằng, vì nước Pháp không thể trả được nợ của mình mà nước Mỹ lại cần nhiều cao su và Đông Dương thì lại có nhiều đất trồng cao su, cho nên thật rất tốt cho tất cả mọi người nếu người Pháp tô nhượng cho nước Mỹ - thay cho việc trả nợ - một vài triệu hécta đất đỏ (tháng 8 năm 1926).

Ông Uynxtơn đã được nhiều nghị sĩ của thượng nghị viện và hạ nghị viện Pháp tán thành. Một vài tờ báo Pháp cũng ủng hộ ý kiến của ông ta.

Với sự ủng hộ của chủ nghĩa đế quốc Anh, nước Xiêm cũng đưa ra những yêu sách với người Pháp ở Đông Dương. Chẳng hạn, ngày 31-7-1926, nước Pháp phải ký những hiệp nghị thừa nhận nước Xiêm có một chế độ quan thuế và thuế khóa độc lập, thừa nhận những quyền tự do rộng rãi cho những công dân Xiêm ở Đông Dương.

SỰ BÓC LỘT NGƯỜI AN NAM

Nếu người Pháp thấy lợi nhuận và tư bản của họ tăng lên nhanh chóng, thì người An Nam cũng thấy sự nghèo khổ và những đảm phụ mình phải chịu cũng tăng lên nhanh chóng.

Tổng ngân sách toàn Đông Dương do những người bản xứ đóng góp đã tăng lên như sau:

Năm 1913 - 57.370.000 đồng;

Năm 1915 - 62.230.000 đồng;

Năm 1917 - 63.860.000 đồng;

Năm 1920 - 70.170.000 đồng;

Năm 1921 - 84.760.000 đồng;

Năm 1922 - 87.120.000 đồng;

Năm 1923 - 88.120.000 đồng;

Năm 1924 - 89.830.000 đồng .

Hơn nữa người An Nam còn phải đóng góp đầy đủ cho những ngân quỹ địa phương nữa: 17.800.000 đồng cho ngân quỹ Nam Kỳ, 18.200.000 đồng cho ngân quỹ Bắc Kỳ... Ngoài ra, họ còn phải đóng góp cho những khoản chi tiêu của các cơ quan thuộc địa ở chính quốc. Năm 1927, những số tiền đóng góp ấy là:

Chi tiêu quân sự 130.000.000 đồng ;

Hàng không quân sự 700.000 đồng ;

Trường học thuộc địa 225.000 đồng;

Cơ quan kinh tế 880.000 đồng;

Viện nghiên cứu thuộc địa 302.000 đồng;

Cơ quan thanh tra thuộc địa 240.000 đồng;

Hội đồng tối cao của các thuộc địa 20.000 đồng .

Ngoài những khoản thuế khóa và đảm phụ ấy, người bản xứ còn buộc phải mua quốc trái, buộc phải quyên góp để khôi phục đồng phrăng, để giúp đỡ những miền bị tàn phá...

Khi đã thấy rõ diện tích bao la của phần ruộng đất bị chế độ thực dân chiếm đoạt và tiến độ đi lên của thuế má, thì thật là thừa nếu nói thêm rằng nông dân An Nam đang ở trong điều kiện cùng khổ không thể tưởng tượng được.

Từ năm 1914 đến năm 1924, giá sinh hoạt tăng thêm 47%, nhưng tiền lương của công nhân hầu như vẫn đứng nguyên tại chỗ.

Công ty than đá Bắc Kỳ chiếm 21.900 héc-ta đất mỏ và sử dụng 16.500 công nhân bản xứ. Với tư bản 16 triệu phrăng, năm 1925 công ty đó đã kiếm được 35 triệu phrăng tiền lời, trong khi đó, người thợ mỏ mỗi ngày chỉ lĩnh được 25 xu, tức là mỗi tấn được lĩnh 2,27 phrăng (Đàn bà được lĩnh 20 xu, trẻ em được lĩnh từ 10 đến 15 xu).

Công nhân làm trong các nhà máy bông vải sợi ở Bắc Kỳ làm suốt ngày từ 6 giờ sáng đến 9 giờ tối được lĩnh 15 xu.

Công nhân nông nghiệp trong các đồn điền cao su Bà Rịa cứ mỗi hố được lĩnh 6 xu. Do công việc khó khăn và khí hậu oi bức, mỗi ngày một công nhân chỉ đào được 2 hố là nhiều, thành thử tiền công của họ được khoảng 12 xu.

Mỗi công nhân cạo mủ cao su làm trong công ty nông nghiệp Xuygiana phải phụ trách 9 héc-ta, nghĩa là từ 900 đến 1500 cây cao su mới được lĩnh số tiền công nhật từ 15 đến 20 xu.

Một số sắc lệnh ra ngày 11-11-1918 quy định rằng lao động của trẻ em không được vượt quá 10 giờ một ngày.

Về mặt thương nghiệp, với doanh số hằng năm là 5 tỷ, Đông Dương có 50 nghìn tiểu thương người An Nam (22 nghìn người ở Nam Kỳ), thương nghiệp lớn và trung bình nằm trong tay những người nước ngoài.

VÔ SẢN HÓA NGƯỜI BẢN XỨ

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản thực dân ở Đông Dương đã tạo ra ở xứ đó hai giai cấp vô sản, giai cấp vô sản công nghiệp và giai cấp vô sản nông nghiệp.

Đa số công nhân công nghiệp làm trong các hầm mỏ và vận tải. Ở Bắc Kỳ có khoảng 30 nghìn thợ mỏ chia ra như sau:

- 15.500 trong những hầm mỏ ở Hòn Gai;
- 2.500 trong những hầm mỏ ở Bắc Cạn;
- 1.500 trong những hầm mỏ ở Đông Triều;
- 1.200 trong những hầm mỏ ở Bắc Kỳ ;
- 1.200 trong những hầm mỏ ở Kế Bào;
- 1.200 trong những hầm mỏ ở Tràng Đà (tỉnh Tuyên Quang);
- 900 làm thuê cho công ty hầm mỏ Bắc Kỳ;
- 900 trong những hầm mỏ ở Hà Nam và Hòa Bình;
- 900 trongn hững mỏ thiếc ở Cao Bằng.

Ngành đường sắt có khoảng 11.500 công nhân, trong đó có 3.750 công nhân làm trên con đường Bắc Kỳ - Vân Nam (2.600 người An Nam và 1.150 người Trung Quốc.

Trong 65 nhà máy xay xát gạo lớn nhỏ ở Nam Kỳ có khoảng 7.000 công nhân, chưa kể một số lớn nhân công phụ làm công nhật (những người đánh xe, chở thuyền...).

Sau đó là:

2.000 công nhân trong những nhà máy dệt Nam Định;

1.000 công nhân trong những xưởng sửa chữa tàu thủy ở Hải Phòng;

800 công nhân trong xưởng Tàu Sài ;

800 công nhân trong hãng rượu Phôngten;

600 công nhân trong nhà máy cơ khí Hải Phòng ;

600 công nhân trong nhà máy in Viễn Đông;

650 công nhân trong nhà máy gạch ngói Đông Dương.

Những nhà máy, công xưởng sử dụng 400 công nhân thì rất nhiều, đó là: nhà máy xi măng Poóclan, xí nghiệp Ácden, nhà máy điện, những xưởng máy của công ty chuyên chở và dất hàng v.v...

Một trong những đồn điền cao su lớn ở Nam Kỳ sử dụng trên 3.600 công nhân nông nghiệp, một đồn điền khác sử dụng 3.300 .

Ở Bắc Kỳ tuy rằng những đồn điền đều hẹp hơn, nhưng số những công ty hoặc công ty nông nghiệp Pháp sử dụng trên 100 công nhân thì có rất nhiều. Thường tất cả những thành viên trong 1 gia đình đều làm cho cùng 1 đồn điền, lúc đó người ta coi gia đình là một đơn vị tức là "gia đình tá điền". Những gia đình đó gồm từ 2 đến 10 người. Trong số những doanh nghiệp nông nghiệp chúng tôi xin nêu:

Đồn điền Vielê 300 gia đình;

Công ty thuốc lá Đông Dương 200 gia đình và 400 công nhân;

Bonnơpho 200 gia đình;

Guyôm 200 gia đình ;

Huytlê 140 gia đình ;

Râynon 130 gia đình;

Kêple 100 gia đình và 100 công nhân;
Bécđê 100 gia đình;
Cácdê 110 gia đình;
Công ty nông lâm Yên Mỹ 600 công nhân;
Clíet, Mahê và công ty 500 công nhân;
Bôren 150 công nhân ;
Bà goá Halaba công nhân
Logíon 150 công nhân
Lêvi 100 công nhân

LAO ĐỘNG KHỔ SAI ĐỐI VỚI NGƯỜI BẢN XỨ

Trước khi người Pháp đến Đông Dương thì lao động khổ sai dưới hình thức lao dịch đã tồn tại. Những chúng tôi đặt vấn đề lao động cưỡng bức dưới một hình thức khác hơn là hiện đại hơn.

Mặc dù Đông Dương có một dân số lớn, nhưng chủ nghĩa tư bản thuộc địa vẫn đang đứng trước tình hình khó khăn khó tìm được đủ nhân công. Vấn đề là như sau:

Công dân Cao Miên và Lào phản ứng mạnh mẽ chống lại công việc nặng nhọc mà chủ đồn điền Pháp muốn cưỡng bức họ tiến hành.

Nam Kỳ với đất đai khá màu mỡ và dân số thưa thớt không cung cấp được nhân công rẻ tiền.

Thế là chỉ còn người An Nam ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ bị sự cùng khổ đẩy đến chỗ phải lao động trong những điều kiện nặng nề và họ là đạo quân hậu bị cho thị trường lao động.

Nhưng hiện nay số cầu về nhân công lại lớn hơn số cung về nhân công:

1. Chủ nghĩa quân phiệt Pháp cần có những người bản xứ cho những trại lính của nó.

2. Những đồn điền Pháp ở châu Úc cần có những nô lệ cho đồn điền của chúng.

3. Những chủ đồn điền Pháp ở Nam Mỹ, Cao Miên, Trung Kỳ, Lào và Bắc Kỳ, tất cả bọn họ đều cần có nhân công giá rẻ.

4. Những hầm mỏ, nhà máy, xưởng thợ của Pháp cần có một dự trữ dồi dào về nhân lực cho những xí nghiệp của họ.

5. Chính phủ thuộc địa cần có những người đàn ông đi làm tạp dịch.

Công việc đê điều ở Bắc Kỳ cần 60.000 người, 35.000 người sẽ là cần thiết cho những đồn điền ở Nam Kỳ và 15.000 người cho những đồn điền ở Cao Miên (không kể những người đã có công ăn việc làm), 10.000 người cho những đồn điền ở châu Úc... Nếu kể thêm những yêu cầu về mặt quân sự và công nghiệp thì cần đến khoảng 200.000 người có sẵn để thuê mướn. Vì sao khó mà tìm ra 200.000 người trong một đất nước có một dân số là 12 triệu người (Trung Kỳ và Bắc Kỳ).

Trước hết cần phải có những người vạm vỡ, trong khi đó đa số người An Nam lại ốm yếu do sự cùng khổ về sinh lý, (mỗi năm có 2 triệu trong số 5 triệu người An Nam ở Trung Kỳ bị đau mắt). Sau nữa là vì sợ bị ngược đãi, người An Nam chỉ vào làm trong những xí nghiệp Pháp khi họ bị thúc ép bởi sự cùng khổ đến cực độ.

Chính vì vậy mà người Pháp thường nói đến chuyện "thiếu nhân công" và họ nghĩ đến việc đưa ra những "thông báo về nhân công", nghĩa là việc tuyển mộ cưỡng bức hoặc "chế độ tình nguyện" cưỡng bức được thi hành trong cuộc chiến tranh 1914 - 1918, nhằm mộ lấy 10.000 người An Nam gửi ra mặt trận ở Pháp và ở Salônich¹.

SỢ HÃI CÁCH MẠNG

Mặc dù có hoạt động bề ngoài về kinh tế và mặc dù làm ra vẻ an tâm, nhưng đế quốc Pháp ở Đông Dương luôn luôn bị ám ảnh bởi ý nghĩ về một cuộc cách mạng sắp tới. Việc đã tạo ra một giai cấp vô sản và dạy cho người An Nam biết sử dụng súng ống là một bằng chứng tỏ công nghiệp đế quốc tự mình đào hố để chôn mình.

Hiện nay chỉ một mảnh truyền đơn do một học sinh nhỏ phân phát cũng đủ để làm cho toàn bộ Chính phủ thuộc địa phải đề phòng và cái

¹ Căn cứ của quân đồng minh chống Đức trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) ở Hy Lạp.

bóng của một phong trào nhân dân cũng đủ để làm cho những phiếu cổ phần thuộc địa bị sứt giá trên thị trường tài chính.

Cái mà bọn đế quốc thường sợ hãi đó là sự tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản.

Nói chuyện ở Côngxtăngtin, ngày 22-4-1927, ông Xarô nguyên là toàn quyền Đông Dương, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã nói: *"... Và chủ nghĩa cộng sản Pháp, theo lệnh của nước ngoài đều nhằm vào tất cả những điểm liên kết đời sống dân tộc của chúng ta để tuần tự làm hư hỏng tất cả những bánh xe trong bộ máy, hủy hoại những cơ quan, phá vỡ những tổ chức, phá hoại những cơ chế hoạt động của chúng ta đặc biệt là trong những năm gần đây nó ra công tìm cách bẻ gãy những chìa khóa quan trọng của xí nghiệp thực dân vĩ đại của chúng ta. Chính phủ không thể dung túng những kích động cách mạng, nội chiến, sự sụp đổ của quốc gia. Chính phủ đã trừng trị nó và sẽ còn trừng trị nữa".*

Khi nhận chức toàn quyền, Varen - đảng viên Đảng Xã hội - tuyên bố rằng nhiệm vụ đầu tiên của mình là dùng mọi biện pháp để ngăn cản sự thâm nhập của công cuộc tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản vào Đông Dương.

Tuy được bảo vệ bằng một đội quân 25.000 người (con số chính thức là 21.614 người), một hạm đội 27 tàu chiến (con số chính thức là hai pháo hạm, 4 ngư lôi hạm, 21 tàu có vũ trang), chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Đông Dương luôn luôn lo sợ cho số mệnh của mình. Năm 1928, khoản chi phí quân sự của ngân sách Bộ Thuộc địa tốn mất 393 triệu phrăng, như thế là nhiều hơn năm 1917 đến 81 triệu phrăng.

Đến tháng 6, người ta gửi sang Đông Dương ông Mannơcanh, nguyên là Cảnh sát trưởng quận Xen và là viên chức đặc biệt của tổng nha cảnh sát, để lãnh đạo cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cộng sản ở Đông Dương, theo lời của bản thông cáo chính thức.

Khi trở về Pháp, ông toàn quyền Varen đã có những cuộc hội đàm đặc biệt với các ông bộ trưởng Bộ Hải quân và Bộ Chiến tranh về vấn đề tăng cường bảo vệ Đông Dương.

Tháng 7 năm 1927, tướng Clôden, ủy viên hội đồng chiến tranh tối cao sang Bắc Kỳ để nghiên cứu tại chỗ những biện pháp quân sự cần được tiến hành.

Người ta vừa thành lập ở Đông Dương 2 đại đội lính pháo thủ, 4 tiểu đoàn lính sơn cước, một cụm pháo binh gồm 3 khẩu đội, một phi đội và những phân đội xe tăng, những phân đội súng máy khác.

Luôn luôn nói đến chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa đế quốc đã tuyên truyền cho chủ nghĩa cộng sản, mặc dù nó không muốn và không biết như vậy.

Tài liệu tiếng Pháp, lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Bản sao lưu trữ

ĐẠI HỘI CÔNG NHÂN VÀ NÔNG DÂN

Đây là Đại hội lần thứ nhất của nông dân tỉnh Quảng Đông và là Đại hội lần thứ hai của công nhân toàn Trung Quốc, cả hai Đại hội cùng họp chung.

Đại hội lần thứ nhất của công nhân Trung Quốc họp năm 1922 ở Quảng Châu. Lúc đó cũng đã quyết định sẽ họp Đại hội lần thứ hai vào năm sau. Nhưng bọn quân phiệt áp bức đã giết hại và bắt giam các chiến sĩ, buộc các tổ chức công nhân miền Bắc phải đi vào hoạt động bất hợp pháp. Vì vậy, các đại biểu những tổ chức ấy không thể họp đại hội vào thời điểm đã ấn định.

Khi Ngô Bội Thu và đồng bọn bị đánh đổ, hoạt động của vô sản mới lại xuất hiện trở lại ở Hoa Bắc.

Điều cần lưu ý là trong khi các tổ chức công nhân phía Bắc bị bọn quân phiệt giải tán thì các tổ chức công nhân phía Nam dựa vào Chính phủ cách mạng lại phát triển nhanh chóng.

Sau khi tập hợp được lực lượng và chấn chỉnh lại đội ngũ ở phía Bắc, vô sản trong toàn Trung Quốc mới triệu tập Đại hội lần thứ hai ở Quảng Châu ngày 1 tháng 5.

Những người cách mạng Quảng Đông, trong khi giúp đỡ vô sản ở thành phố cũng không quên vô sản ở nông thôn. Trong hai năm, họ đã tập hợp được hơn 200.000 bản nông và công nhân nông nghiệp vào tổ chức.

Để có một sự lãnh đạo thống nhất về công tác và đấu tranh, nông dân có tổ chức ở các huyện quyết định họp Đại hội tỉnh lần thứ nhất.

Do đã nhất trí với nhau và nhằm thực hiện một mặt trận thống nhất giữa những người bị bóc lột ở các thành phố với những người bị bóc lột ở nông thôn, những người lãnh đạo đã triệu tập đồng thời vào một lúc hai Đại hội họp ở cùng một địa điểm.

Khai mạc Đại hội - Cổng chính và đại lễ đường Trường đại học Quảng Châu trang trí rất đẹp bằng cờ đỏ và cờ đuôi nheo. Ở ngay cửa vào có treo một tấm bảng lớn kết toàn bằng hoa, trên có câu "*Vô sản và nông dân đoàn kết*" (tất nhiên là bằng chữ Trung Quốc). Trên lễ đài có chân dung bác Tôn Dật Tiên, chân dung Các Mác, Lênin, Líp-nếch và Rô-da

Lúc xãmbua. Ở hai bên phòng họp, có treo ảnh các chiến sĩ đã hy sinh vì sự nghiệp của vô sản Trung Quốc, có tranh vẽ và khẩu hiệu cách mạng, người hững lời chúc mừng của các tổ chức công nhân, binh lính và nông dân.

Trước giờ, phòng họp đã chật ních. Lễ khai mạc mở đầu bằng bản nhạc và bài Quốc tế ca. Những người đại diện của Quốc dân đảng và trong ban tổ chức đọc diễn văn chào mừng các đại biểu. Đại diện Quốc tế Công hội đỏ được nhiệt liệt hoan nghênh, diễn từ của vị đại diện ấy bị ngắt quãng bằng những tràng vỗ tay vang lên như sấm.

Lễ kết thúc, các đại biểu ra tham dự cuộc biểu tình do nhân dân Quảng Châu chuẩn bị. Binh lính, sinh viên, nông dân từ các xã đến, công nhân, học sinh các trường quân sự, tất cả thanh niên cách mạng và lao động đều có mặt. Có hơn 100.000 người tham gia biểu tình. Các báo đều thừa nhận chưa khi nào có một cuộc tập trung đông đảo và phấn chấn như vậy.

Cờ đỏ dẫn đầu, đoàn biểu tình kéo đi qua các đường phố lớn, vừa đi vừa hát những bài cách mạng. Lời hô "Đả đảo chủ nghĩa đế quốc!", "Cách mạng muôn năm!" vang lên đến tận các tô giới nước ngoài. Hàng nghìn thuyền bè trương cờ kéo đi trên sông, hưởng ứng lời hô của những người biểu tình bằng những lời hoan hô của những tràng pháo nổ. Thật là một cảnh tượng hùng vĩ. Những cụ già người Trung Quốc, thích cảnh phúng dụ, cho rằng rồng đỏ đã giáng trần trong thành phố. Đúng như vậy, những người biểu tình ai cũng cầm trong tay một lá cờ đỏ, hình nhỏ, có ghi một trong những khẩu hiệu sau đây:

- a. Liên minh công nông muôn năm.
- b. Trung Quốc giải phóng muôn năm!
- c. Vô sản tất cả các nước, liên hiệp lại!
- d. Đả đảo chủ nghĩa đế quốc!
- e. Đả đảo chủ nghĩa quân phiệt!
- g. Vô sản Trung Quốc, chúng ta hãy đoàn kết!
- h. Đả đảo bọn phản bội giai cấp công nhân!
- i. Ngày làm 8 giờ muôn năm! V.v... và v.v...

Không xảy ra một sự cố gì. Tôi phải nói đến điều này, bởi vì trừ ở nước Nga Xô Viết và Quảng Châu cách mạng, giai cấp tư sản tất cả các nước đều có thói quen lợi dụng ngày 1 tháng Năm để tàn sát công nhân.

Một bức điện tín. Sau cuộc lễ, Đại hội đã gửi bức điện sau đây cho Quốc tế Công hội đỏ:

"Kính gửi Quốc tế Công hội đỏ, nhờ chuyển cho các tổ chức công nhân và tổ chức cách mạng tất cả các nước. Bị nhiều tầng áp bức của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa tư bản, từ mấy năm nay, giai cấp vô sản Trung Quốc đã ra sức tổ chức nhau lại để chống bóc lột.

Trong ngày 1 tháng Năm này, ngày giai cấp vô sản quốc tế biểu tình chống kẻ tử thù của mình là chủ nghĩa tư bản, chúng tôi, đại biểu cho quần chúng nhân dân lao động Trung Quốc họp Đại hội toàn quốc lần thứ hai ở Quảng Châu.

Đồng thời, chúng tôi đã có một cuộc họp chung với đại biểu của 300.000 nông dân đã có tổ chức. Chúng tôi sẽ cùng nhau hoạt động vì lợi ích của công nhân, nông dân nghèo Trung Quốc.

Chúng tôi đều biết rằng giải phóng nhân dân lao động phải là sự nghiệp của bản thân những người lao động. Chúng tôi cũng biết rằng bọn đế quốc có mặt trận thống nhất của chúng và rằng nếu vô sản nước Mỹ, vô sản châu Âu và vô sản Nhật Bản mà không cùng nhau tay nắm tay hành động cùng với các dân tộc bị áp bức các nước thuộc địa và nửa thuộc địa thì không thể nào đánh đổ được chủ nghĩa đế quốc. Vì vậy, chúng ta phải xây dựng một tổ chức rộng lớn của những người vô sản toàn thế giới và của quần chúng bị áp bức bóc lột ở tất cả các nước. Có đoàn kết chúng ta mới chiến thắng được đế quốc, chiến thắng được bọn phản động và những tên phản bội Quốc tế vàng Amxtecđam.

Mặt trận thống nhất vô sản quốc tế muôn năm!

Cách mạng vô sản muôn năm!"

Đó là ngày đầu tiên của hai cuộc Đại hội.

Việc gia nhập Quốc tế Công hội đỏ và gia nhập Hội đồng Quốc tế Nông dân ở Mátxcova đã được ghi vào biên bản.

Sắp tới tôi sẽ gửi báo cáo chi tiết cho các đồng chí

Quảng Châu ngày 2-5-1925

HOWANG T.S

Tài liệu tiếng Pháp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

1. Lịch sử Công nhân quốc tế thế nào?

Trước phải biết qua lịch sử công nhân vận động, sau sẽ nói đến lịch sử công nhân.

Lịch sử công nhân vận động chia làm 3 thời kỳ: a. Trước Âu chiến, b. đương lúc Âu chiến, c. khi Âu chiến rồi.

a. *Trước khi Âu chiến:* Bên Âu và Mỹ có chừng 16 triệu thợ thuyền có tổ chức và có một hội gọi là "Vạn quốc công hội". Nhưng 16 triệu người ấy không vào "Vạn quốc công hội" cả. Những đoàn thể vào lại chia ra nhiều phái biệt:

- Công đoàn chủ nghĩa Anh và Mỹ chỉ lo sao thợ thuyền sinh hoạt khá, mà không nói đến đánh đổ tư bản.

- Vô chính phủ công đoàn các nước Latinh¹, thì không muốn lập chính đảng.

- Cải lương chủ nghĩa thì chủ trương công hội nên giúp chính đảng, nhưng không nên hợp với chính đảng².

- Trung lập chủ nghĩa chủ trương rằng công nhân không phải là nền cách mệnh.

- Cộng sản chủ nghĩa, chủ trương đập đổ tư bản, công nhân là nền cách mệnh, phải có chính đảng để dắt công hội làm cách mệnh.

Vì mục đích và chủ nghĩa lộn xộn không thống nhất như thế, cho nên hội không có lực lượng.

b. *Khi Âu chiến:* Hội này đi theo Đế nhị quốc tế, nghĩa là công hội nước nào giùm tư bản nước ấy.

¹ Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha - những nước nói tiếng Latinh (T.G.).

² Chủ nghĩa cải lương chủ trương công hội nên giúp đỡ chính đảng nhưng không nên chịu sự lãnh đạo của chính đảng.

Vả lại, tiếng là Vạn quốc nhưng chỉ có thợ thuyền Âu và Mỹ, còn thợ thuyền Á, Phi, Úc thì không vào.

c. Sau khi Âu chiến: Phần thì thợ thuyền cực khổ, phần thì phong trào cách mệnh Nga, công hội càng ngày càng to. Như:

	Năm 1913	Năm 1919
Anh chỉ có	4.000.000 người	8.000.000 người
Pháp chỉ có	1.000.000 người	2.500.000 người
Tất cả các nước:	15.000.000 người	50.000.000 người

Công hội bên Á - Đông cũng rầm rầm rột rột lập lên (Tàu, Nhật, Ấn Độ, Java, Philippin...).

2. Phong trào ấy kết quả ra thế nào?

Tư bản các nước thấy thợ thuyền thịnh thì sợ và kiếm cách làm cho êm dịu xuống. Năm 1919 có khai đại hội lên kinh đô Mỹ, để giải quyết việc thợ thuyền trong thế giới. Trong hội ấy có đại biểu các chính phủ, công nhân các tư bản, Việt Nam và các công hội các nước. Nhưng nó chỉ cho bọn Đế nhị quốc tế đại biểu cho thợ thuyền. Nước nào công nhân thịnh đã đòi được 8 giờ (như Anh, Pháp), thì đại biểu Chính phủ nước ấy yêu cầu các nước kia cũng phải dùng 8 giờ làm lệ chung (vì sợ tư bản nước kia được lợi hơn tư bản nước nó).

Sau tư bản lập ra hội Vạn quốc, lại lập thêm một bộ công nhân, có 12 đại biểu cho các chính phủ, 6 đại biểu cho tư bản và 6 đại biểu cho thợ thuyền. Nó lại dặt mấy anh công tặc¹ làm đại biểu thợ thuyền!

3. Tư bản làm như vậy, thợ thuyền các nước có làm gì không?

Thợ thuyền có 31 quốc tế. 29 quốc tế nghề nghiệp nghĩa là nghề nghiệp nào có riêng quốc tế nghề nghiệp ấy, 1 quốc tế gọi là Quốc tế Amxtécđam hay là Quốc tế "vàng" và 1 Quốc tế đỏ.

Quốc tế nghề nghiệp có đã lâu, ước chừng 20.000.000 hội viên, trong 29 quốc tế ấy, nghề sắt to hơn hết (3.000.000 người), hai là nghề than (2.500.000 người), ba là thợ làm nhà máy (2.300.000 người).

Lúc Âu chiến, các quốc tế ấy cũng tan, Âu chiến rồi lập lại, nhưng vì bọn hoạt đầu cầm quyền, nên công việc không ra gì. Như năm 1921, 1.000.000 người đào than Anh bãi công, vì người đào than Mỹ, Đức và các nước không giúp mà thua. Qua năm 1922, 500.000 thợ đào than Mỹ bãi công, cũng vì không ai giúp mà thất bại. Nói tóm lại là các quốc tế ấy có danh mà không thực.

4. Sao gọi là Quốc tế Amxtécđam hay "vàng"?

Vì Quốc tế ấy lập ra tại Amxtécđam (kinh đô Holăng¹). Trong tiếng mới, phản cách mệnh gọi là sắc vàng, cách mệnh gọi là sắc đỏ.

Năm 1919, các công hội theo Vạn quốc công hội họp tại Amxtécđam lập nên quốc tế này. Khi đầu rất to, nhưng sau nhiều công hội bỏ vào Quốc tế "đỏ", nay chỉ còn lại công hội 23 nước, tất cả 14.400.000 người.

Quốc tế này theo bọn hoạt đầu Đệ nhị quốc tế để huê với tư bản và làm nhiều việc phản cách mệnh như:

1. Tán thành điều ước Vécxây của đế quốc chủ nghĩa bắt Đức đền 400.000.000 đồng.

2. Đức không gánh nổi, Mỹ lại đặt ra kế hoạch (gọi là kế hoạch Đạo Uy Tu)² bắt Đức đền 132.000.000.000 đồng. Kế hoạch ấy làm cho công nông Đức hóa ra nô lệ. Thế mà Quốc tế Amxtécđam cũng tán thành.

3. Không cho công hội Nga vào.

4. Phản đối cộng sản rất kịch liệt, mà đối đãi fasity rất hòa bình.

5. Sao gọi là Công nhân quốc tế đỏ?

Quốc tế vàng đã để huê với tư bản, những thợ thuyền thiệt cách mệnh kiếm cách lập ra quốc tế khác.

Năm 1920, tháng 7, chỉ có mấy người công nhân Anh, Ý, Pháp, Tây Ban Nha và Nga lập ra một cơ quan tuyên truyền. Năm 1921, đã có nhiều công hội bỏ bên kia theo bên này. Ngày mồng 3 tháng 7 năm ấy, Công nhân quốc tế đỏ lập thành.

Quốc tế đỏ theo về Đệ tam quốc tế, quyết làm giai cấp cách mệnh.

Nay đã có công hội 47 nước, 11.750.000 người vào.

¹ Nước Hà Lan.

² Kế hoạch Đạoxơ.

Tháng 5 năm 1925 bên Á - Đông có những hội này vào:

Tàu: 450.000 người

Java: 35.000 người

Nhật: 32.000 người

Cao Ly: 5.000 người

Mông Cổ: 5.000 người

Thổ Nhĩ Kỳ: 20.000 người

An Nam: 000

6. Quốc tế này đối với cách mệnh An Nam ra thế nào?

Xem trong Quốc tế vàng không có công hội Á - Đông nào, Quốc tế đỏ thì có 8 hội thuộc địa vào.

Khi thợ thuyền Java, Ấn Độ bãi công, Quốc tế đỏ hết sức giúp, còn Quốc tế vàng thì không ngó đến.

Ở Tàu, thợ thuyền Thượng Hải bãi công hơn ba tháng. Hương Cảng bãi công hơn một năm rưỡi, Quốc tế đỏ đã giúp tiền bạc, phái đại biểu qua yên ủi, lại sức công hội các nước giúp. Quốc tế vàng chỉ in vài tờ tuyên ngôn rồi làm thinh.

Vậy thì biết nếu thợ thuyền An Nam biết tổ chức thì chắc Quốc tế đỏ sẽ hết lòng giúp cho mà làm cách mệnh. Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã.

QUỐC TẾ CỨU TẾ ĐỎ

1. Quốc tế cứu tế đỏ là gì?

Quốc tế giúp đỡ thì cứu tế cho dân bị tai nạn và cũng cứu tế cho những người chính trị phạm nữa. Quốc tế cứu tế đỏ thì chuyên môn giúp đỡ cho chính trị phạm mà thôi.

Bây giờ là hồi tranh đấu, vô sản thì tranh đấu với tư bản, dân bị áp bức thì tranh đấu với đế quốc chủ nghĩa. Tư bản và đế quốc chủ nghĩa về một phe, vô sản và dân bị áp bức về một phe. Hai phe ấy cũng như hai quân đội đánh nhau. Quân đội cách mệnh thì theo cờ Đệ tam quốc tế. Quân phản cách mệnh thì theo cờ bọn nhà giàu. Đánh nhau thì chắc có người phải bắt¹, người bị thương, người bị chết. Quốc tế cứu tế đỏ là như cái nhà thương để săn sóc cho những người bị thương, giùm giúp cho những người bị bắt, trông nom cho cha già mẹ yếu, vợ dại con thơ như những người đã tử trận cho cách mệnh.

2. Quốc tế cứu tế đỏ lập ra bao giờ?

Năm 1923, Đệ tam quốc tế khai đại hội, có hội "bị đày chung thân" và hội "những người cộng sản già" đề nghị và Đệ tam quốc tế tán thành lập ra Quốc tế cứu tế đỏ. Trước hết lập ra tổng bộ tại Nga. Bây giờ nước nào cũng có chi bộ (Chỉ có An Nam chưa).

Nga bây giờ có 50.000 phân bộ và 9 triệu hội viên. Tất cả công nhân và nhiều dân cày vào hội ấy, hoặc vào từng người, hoặc cả đoàn thể. Tất cả các người cộng sản và cộng sản thanh niên đều phải vào hội ấy.

Khí mới lập ra, ba tháng đầu đã quyên được 300.000 đồng. Bốn tháng sau thì quyên được 1.000.000 đồng. Ở tỉnh Quảng Đông, Tàu mới lập chi bộ được 6 tháng mà đã được 250.000 hội viên.

Xem thế thì biết Quốc tế ấy phát triển rất chóng.

¹ Bị bắt.

3. Quốc tế giúp cách thế nào?

Khi những người cách mệnh hoặc bị đuổi, hoặc bị bắt, hoặc bị tù, hoặc bị chết, thì Quốc tế giúp đỡ:

1. Chính trị;
2. Kinh tế;
3. Vật chất;
4. Tinh thần.

a. *Giúp chính trị*: Như có người bị bắt, bị giam, thì Quốc tế sức¹ cho các chi bộ khai hội và tuần hành thị uy. Như vừa rồi có hai người cách mệnh Ý bị bắt tại Mỹ, toan phải án chết, Quốc tế sức chẳng những là thợ thuyền Mỹ làm như thế, mà lại nước nào, xứ nào có lãnh sự² thì thợ thuyền đều khai hội tuần hành và tuyên ngôn rằng: Nếu Chính phủ giết hai người ấy, thì thợ thuyền Mỹ bãi công, và thợ thuyền thế giới sẽ tẩy chay Mỹ. Mỹ thấy vậy thì không dám làm tội hai người ấy.

b. *Giúp kinh tế*: Hễ bị giam thì thường ăn cưỡng cực khổ, còn vợ con cha mẹ ở nhà không ai nuôi. Quốc tế gửi tiền cho để mua đồ ăn trong nhà giam và giúp cho người nhà ít nhiều để khỏi phải đói rách. Như vậy thì những người bị giam cầm đã khỏi cực khổ quá, mà lại vui lòng. Hoặc Quốc tế xuất tiền thuê thầy kiện để chống án cho. Hoặc gửi áo quần sách vở cho.

c. *Giúp tinh thần*: Hoặc phái người hoặc gửi thư đến thăm.

1. Người ở giam biết rằng mình tuy hy sinh cho quần chúng mà quần chúng không quên mình, thế thì trong lúc bị giam đã không buồn sau được khỏi lại càng hết sức.

2. Là người ta biết rằng mình tuy phải giam một nơi, nhưng công việc cách mệnh vẫn cứ phát triển, vẫn có người làm thế cho mình.

4. Cách mệnh An Nam nên theo Quốc tế này không?

Nên lắm. Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả. Đã là đồng chí, thì sung sướng cực khổ phải có nhau. Hướng gì, dân An Nam là đương lúc tranh đấu với đế quốc chủ nghĩa Pháp, chắc là về sau sẽ có nhiều người cách mệnh phải hy sinh, phải khốn khổ, phải cần anh em trong thế giới giúp giùm.

¹ Chỉ thị

² Lãnh sự quán.

CÁCH TỔ CHỨC CÔNG HỘI

1. Tổ chức công hội làm gì?

Tổ chức công hội trước là để cho công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình, hai là để nghiên cứu với nhau, ba là để sửa sang cách sinh hoạt của công nhân cho khá hơn bây giờ, bốn là để giữ gìn lợi quyền cho công nhân, năm là để giúp cho quốc dân, giúp cho thế giới.

Đi lại không phải là bữa này người A có giỗ chạp thì người B tới ăn, mai người B có cúng quảy lại mời người C tới uống rượu. Nhưng đi lại để bày vẽ cho nhau điều khôn lẽ phải, để giao hoán trí thức cho nhau.

Nghiên cứu chẳng những là gỡ sách vở, gỡ báo ra giảng, nhưng phải bàn bạc cách phấn đấu với tư bản và đế quốc chủ nghĩa¹.

Sửa sang các sinh hoạt như lập hiệp tác xã, mở hội học, hội chơi cho công nhân, vân vân. Giữ gìn lợi quyền là khi hội đã có thế lực rồi, thì đòi thêm tiền công, bớt giờ làm v.v...

Giúp cho quốc dân và thế giới là đem lực lượng thợ thuyền cách mệnh làm cho ai cũng được bình đẳng tự do như thợ thuyền Nga đã làm từ năm 1917.

2. Cách tổ chức công hội thế nào?

Tổ chức có hai cách, cách nghề nghiệp và cách sản nghiệp.

Nghề nghiệp là ai làm nghề gì thì vào hội nghề ấy. Như thợ may vào hội thợ may, thợ rèn vào hội rèn.

Sản nghiệp là bất kỳ nghề gì, hễ làm một chỗ thì vào một hội. Như việc xe lửa, người đốt than, người sơn xe, người phát vé, người coi đường, người cầm máy, tất cả nhập vào một công hội xe lửa.

Tổ chức theo cách sản nghiệp thì mạnh hơn, vì thống nhất hơn. Thí dụ khi xe lửa muốn bãi công, nếu hội là sản nghiệp thì hội viên đều phải bãi công hết, thì tư bản sợ hơn. Nếu hội là nghề nghiệp, thì có khi người đốt lửa bãi công mà người cầm máy không, hoặc người phát vé bãi công mà người làm ga không, thế thì sức bãi công yếu đi.

¹ Câu này hiểu như sau: Nghiên cứu chẳng những là gỡ sách vở, gỡ báo ra giảng, mà còn phải bàn bạc cách đấu tranh với bọn tư bản và đế quốc chủ nghĩa.

3. Một người công nhân có thể vào hai hội không?

Không. Nếu hội ấy là nghề nghiệp thì chỉ những người đồng nghề nghiệp được vào, ai đã vào hội sản nghiệp rồi thì không được vào hội nghề nghiệp nữa. Thí dụ: xe lửa đã tổ chức theo sản nghiệp, mấy người thợ việc¹ đã vào hội ấy rồi. Trong xứ ấy lại có một hội thợ mộc khác, những người thợ mộc trong hội xe lửa² không được vào...

Trong một nghề hoặc một sản nghiệp cũng không được lập lại hai hội.

Nhưng mà một công hội có phép vào hai tổng công hội. Thí dụ: Hội xe lửa Hà Nội đã vào Tổng công hội xe lửa An Nam lại vào tổng công hội ta nào³.

Nói tóm lại là đoàn thể thì cho phép vào nhiều tổng công hội mà từng người thì chỉ được vào một hội mà thôi. Nếu giới hạn này không nghiêm thì sau hay bối rối.

4. Công hội với chính đảng khác nhau thế nào?

Công hội chú trọng mặt kinh tế hơn. Đảng chú trọng mặt chính trị hơn. Ai là thợ thuyền thì được vào hội, dù tin Phật, tin đạo, tin cộng sản, tin vô chính phủ, tin gì cũng mặc, miễn là theo đúng quy tắc hội là được.

Đảng thì bất kỳ người ấy làm nghề gì, thợ thuyền hay là dân cày, học sinh hay là người buôn, miễn là người ấy tin theo chủ nghĩa đảng, phục tùng phép luật đảng⁴ thì được vào.

Ai vào cả đảng và hội, chính trị thì theo đảng chỉ huy, mà kinh tế thì theo công hội chỉ huy. Đảng viên ai cũng phải vào hội để mà tuyên truyền chủ nghĩa của đảng. Nhưng không phải hội viên nào cũng vào được đảng.

5. Cái gì là hệ thống của công hội?

Hệ thống là cách tổ chức ngang hay là dọc.

Ngang là như trong một tỉnh có hội thợ rèn, hội thợ may, hội thợ nề... tất cả các hội tổ chức thành tỉnh tổng công hội, hội nào cũng bình đẳng, bằng ngang nhau.

¹ Công nhân các nghề trong ngành xe lửa.

² Công hội xe lửa.

³ Câu này hiểu là: Hội xe lửa Hà Nội đã vào Tổng công hội xe lửa Việt Nam, còn có thể vào một tổng công hội khác.

⁴ Điều lệ đảng.

Đọc là như mỗi huyện có một hội thợ may, 4,5 hội huyện tổ chức một hội thợ may tuyển tỉnh, tất cả hội thợ may trong mấy tỉnh tổ chức một hội thợ may cả nước. Ấy là đọc, nghĩa là từ dưới lên trên.

Đã ngang lại đọc, thế thì theo mệnh lệnh tổng công hội ngang hay là tổng công hội dọc? Nếu quan hệ về sản nghiệp thì theo mệnh lệnh dọc. Nếu quan hệ về địa phương thì theo mệnh lệnh ngang.

6. Muốn hội vững bền thì phải tránh những việc gì?

Đã vào công hội thì:

1. Nên bỏ giới hạn xứ sở, nghĩa là chớ phân biệt người này là Trung Kỳ, người kia là Nam Kỳ, người nọ là Bắc Kỳ. Và cũng không nên chia ra người An Nam, người Tàu hay là người nước nào. Đã có một nghề, một hội tức là anh em cả, phải xem nhau như người một nhà.

2. Đàn ông, đàn bà đều phải bình đẳng.

3. Chớ có bì thứ mình khéo hơn, lương cao hơn, mà khinh người vụng và ăn tiền ít.

4. Chớ cậy mình là nhiều tuổi mà muốn làm đàn anh.

5. Chớ cho bọn tư bản vào hội.

7. Phải tổ chức thế nào cho kiên cố?

Công hội là cơ quan của công nhân để chống lại tư bản và đế quốc chủ nghĩa, cho nên tổ chức phải nghiêm ngặt, chỉ huy phải mau mắn, làm việc phải kín đáo. Muốn được như thế thì phải tổ chức như quân đội.

Quán lính thì có đội ngũ.

Thợ thuyền phải có tiểu tổ, chi bộ.

Thí dụ: Trong tỉnh có 5 nhà máy dệt vải, mỗi nhà máy phải có một chi bộ. Trong mỗi chi bộ lại chia làm mấy tiểu tổ: mỗi chi bộ phải cử 3 hoặc 5 người làm ủy viên, (phần nhiều nên cử những người làm trong lò đã lâu, thuộc tình hình nhiều) mỗi tiểu tổ phải cử tổ trưởng. Mỗi tiểu tổ không được quá 10 người.

Tiểu tổ theo mệnh lệnh chi bộ, chi bộ theo tỉnh hội, tỉnh hội theo quốc hội¹. Có thứ tự như thế thì trong hội có mấy mươi vạn người chỉ huy cũng dễ, và hành động cũng nhất trí.

¹ Công hội toàn quốc.

8. Tiểu tổ làm những việc gì?

Cây có nhiều rễ mới vững, hội có nhiều tiểu tổ mới bền. Tiểu tổ phải:

1. Huấn luyện và phê bình anh em;
2. Thi hành những việc hội đã định;
3. Bàn bạc việc hội;
4. Điều tra tình hình trong lò máy;
5. Đề nghị những việc hội nên làm;
6. Thu hội phí;
7. Báo cáo những việc làm cho chi bộ, để chi bộ báo cáo cho tỉnh bộ...

Chi bộ nhiều người khó khai hội, khó xem xét. Tiểu tổ ít người, làm gần nhau, quen biết nhau, cho nên xem xét, huấn luyện, làm việc và khai hội dễ bí mật hơn và mau mắn hơn. Tiểu tổ là có ích như thế. Vả lại, nếu Chính phủ cấm công hội, mà tiểu tổ khéo tổ chức, thì công hội cứ tiến bộ, cứ làm việc được. Vậy cho nên người ta gọi tiểu tổ là gốc của hội.

9. Thứ tự trong công hội thế nào?

Tiểu tổ lên chi bộ.

Nếu trong tỉnh nhiều lò máy, 4,5 chi bộ tổ chức một bộ ủy viên (4,5 lò ấy mỗi lò cử 1 hoặc 2 người).

Bộ ủy viên lên tỉnh hội.

Tỉnh hội lên quốc hội.

Ấy là thứ tự tổ chức. Còn quyền bính thì về dự hội, nghĩa là tất cả hội viên khai hội bàn định. Nếu hội viên nhiều quá, khai hội không tiện thì định mấy người cử một đại biểu dự hội, ấy là đại biểu đại hội. Đại hội nghị định việc gì, thì chấp hành ủy viên hội phải thi hành. Khi hội tan thì quyền về chấp hành ủy viên hội.

Đại biểu đại hội trong tỉnh một tháng khai hội một lần. Đại biểu đại hội trong nước, một năm một lần.

Đại biểu nên cử công nhân làm, không nên cử những người chức việc trong hội. Khi khai hội, đại biểu phải báo cáo tình trạng và ý kiến của công nhân (không phải ý kiến riêng mình), đề nghị và bàn bạc các việc. Khai hội rồi, phải về báo cáo việc hội cho công nhân.

10. Có việc gì thì giải quyết thế nào?

Từ tiểu tổ đến đại hội đều theo cách dân chủ tập trung. Nghĩa là có việc gì thì ai cũng được bàn, cũng phải bàn. Khi bàn rồi thì bỏ thăm, ý kiến nào nhiều người theo hơn thì được. Ấy là dân chủ. Đã bỏ thăm rồi, thì giao cho hội ủy viên làm, khi ấy thì tất cả hội viên phải theo mệnh lệnh hội ấy. Ấy là tập trung. Ai không nghe lời thì ủy viên hội có quyền phạt.

Gặp việc bất thường không kịp khai hội, thì ủy viên có quyền xử trí, sau báo cáo cho hội.

Gặp việc bất thường lắm, thì hội ủy viên cứ phép giao quyền cho một người, người này có quyền độc đoán, việc rồi¹ báo cáo với hội.

11. Sao hội viên phải nộp hội phí?

Có hội thì có phí tổn, như thuê nhà, bút mực... ấy là thường phí, hội viên phải gánh. Lại còn bất thường phí, như để dành phòng lúc bãi công hoặc giúp những hội khác bãi công, hoặc giúp đỡ những người trong hội mất việc làm, hoặc làm các việc công ích... Nếu hội không tiền thì làm không được. Cho nên hội viên phải "góp gió làm bão".

Khi hội có tiền thừa thãi, thì nên làm những việc này":

1. Lập trường học cho công nhân;
2. Lập trường cho con cháu công nhân;
3. Lập nơi xem sách báo;
4. Lập nhà thương cho công nhân;
5. Lập nhà ngủ, nhà tắm, nhà hát;
6. Mở hợp tác xã;

7. Tổ chức công binh², đồng tử quân³... Phải xem hoàn cảnh mà làm, chớ cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa chú ý. Hội tiêu tiền phải rất phân minh, cho hội viên đều biết. Hội phí không nên thu nặng quá, phải theo sức hội viên.

¹ Xong việc rồi

² Ở đây có thể là đội tự vệ.

³ Một tổ chức của thiếu niên, nhi đồng (Sau này Đảng ta đã thành lập tổ chức này vào những năm 1930 - 1931).

12. Cách tổ chức bí mật thế nào?

Khi hội được công khai, các tiểu tổ cũng phải giữ bí mật. Khi không được công khai, thì phải mượn tiếng hợp tác xã, trường học, hoặc câu lạc bộ (nhà xéc)... che mắt người ta. Ở Tàu, ở Nhật nhiều nơi thợ thuyền lập nhà bán nước, ngoài thì bán bánh bán nước, trong thì làm việc hội. Thợ thuyền vào uống nước ăn bánh và bàn việc, cho nên ma tà mật thám không làm gì được. Có nơi lại giả hội cúng tế hoặc hội chơi... để che cho công hội.

Lại khi mới xây dựng ra hoặc ở nơi thợ thuyền ít, phải tùy cơ ứng biến, không nhất định cứ theo cách thường.

Đại khái cách tổ chức công hội phải thống nhất, bí mật, nghiêm ngặt, thì hội mới vững vàng.

Bản sao lưu trữ

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN Ở ẤN ĐỘ

Theo những bản thống kê năm 1921, tại Ấn Độ, có 105.510.858 công nhân nam, nữ làm trong nông nghiệp, 346.349 người trong các mỏ, 16.728.373 trong công nghiệp, 5.819.375 trong thương mại. Theo Factory Inspection Report năm 1923, trong thời kỳ này, có 1.418.000 công nhân nữ, nam làm việc trong các nhà máy thực sự là nhà máy so với 1.270.000 người năm 1921.

Phần đông những người vô sản nông nghiệp làm việc trong các đồn điền trồng cây công nghiệp (đồn điền cà phê, cao su và cây chàm: 382.000 công nhân, đồn điền chè: 695.100, đồn điền trồng bông: 2.875.122, những đồn điền khác trồng cây có sợi: 15.672.372).

Lương rất thấp. Một công nhân có trình độ tay nghề trong ngành dệt lĩnh 29 rupi (bằng 250 phrăng) mỗi tháng. Một nữ công nhân cũng làm việc như thế chỉ lĩnh một nửa số tiền này. Ngày làm việc rất dài. Những người thợ mỏ làm hơn 12 giờ mỗi ngày.

Những điều kiện vệ sinh trong nhà máy cũng như trong nhà ở của công nhân thật tồi tệ. Người ta thường thấy sáu gia đình với tổng số 50 người sống chen chúc trong một nhà dành cho công nhân dài 5 mét và rộng 4 mét.

Trong 130 triệu lao động có độ 3.500.000 người được tổ chức. Phần lớn các nghiệp đoàn¹ đều chịu ảnh hưởng chủ nghĩa cải lương của Công Đảng Anh. Đây là một số chứng cứ mới về ảnh hưởng tai hại đó: ở phiên họp hằng năm của Đại hội Nghiệp đoàn toàn Ấn Độ, họp tại Capua, tháng 12-1927, vấn đề Đại hội này gia nhập Liên đoàn phản đế được ghi vào chương trình nghị sự. Thế mà một số lãnh tụ Công Đảng Anh, tham dự Đại hội này đã thành công trong việc để vấn đề đó "đến một ngày sau". Ông Iô sai, Chủ tịch Nghiệp đoàn Bombay từ chối giúp đỡ cuộc bãi công mới đây của thợ dệt, viện cớ là những công nhân này không thuộc vào

¹ Trong nguyên bản, viết tiếng Anh "Trade Union".

nghiệp đoàn của ông ta và họ đã phát động cuộc bãi công mà không hỏi trước ý kiến của ông.

Mặc dù có tình trạng vô tổ chức của thợ thuyền và thái độ hèn nhát của những người theo chủ nghĩa cải lương, sự nghèo khổ làm cho vô sản Ấn Độ cấp tiến hơn. Năm 1926 có 130 cuộc bãi công với 131.655 người tham gia. Năm 1927, có 128 cuộc bãi công với 186.811 người tham gia. Thế là năm 1927 có kém năm 1926 hai cuộc tham gia, nhưng số người bãi công cao hơn nhiều (hơn 55.156 người) và số ngày bỏ việc năm 1927 tăng gấp đôi năm 1926.

Năm 1928 bắt đầu bằng dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ của phong trào công nhân. Không kể những cuộc bãi công chính trị chống Ủy ban Ximông, số cuộc đấu tranh mang tính chất thuần túy kinh tế diễn ra trong sáu tuần lễ đầu của năm đó như sau: ngày 10 tháng 1, bãi công của 22.000 thợ dệt ở Bombay. Ngày 22 tháng 1, bãi công của 400 thợ thuyền đường xe hỏa tại Nác-pua, 21 tháng 1, thợ luyện kim ở Chalima bãi công đòi tăng lương, 31 tháng 1, 70 công nhân xe lửa Cancutta cũng bãi công đòi tăng lương. Ngày 2 tháng 2, bãi công của lái xe tắc-xi tại Rangun chống một thứ thuế mới do thống đốc Anh đặt ra, 11 tháng 2, bãi công của 2.500 công nhân khâu vá ở Rangun, 16 tháng 2, bãi công của 8.000 thợ nhà máy, Kôhin-pua ở Bombay, 17 tháng 2, bãi công của 1.700 công nhân nhà máy Đarivan.

Dưới đây là mấy đặc điểm rất thú vị về bãi công của thợ thuyền ngành dệt ở Bombay: Phòng thuế chủ trương rằng cải thiện đời sống của công nhân là điều kiện nhất thiết phải có để tăng cường sản xuất. Chủ trương đó không phải là vì một mục đích nhân đạo mà vì Phòng thuế muốn bằng cách này làm tê liệt sức cạnh tranh của những nhà kỹ nghệ Bombay, đem lại cho các nhà kỹ nghệ Mansettơ. Về phía họ, các nghiệp chủ muốn làm cho công nhân tưởng rằng vì lòng ái quốc mà họ muốn tăng sức sản xuất trong nước để có thể đánh bại được hàng hóa của Anh. Do đó, các công nhân cũng phải tỏ ra rằng mình yêu nước và đáng lẽ hưởng 58 rupi mỗi tháng như họ yêu sách thì chỉ nhận 42 rupi.

Cũng như các đảng viên Công Đảng Anh, những đảng viên Công Đảng Ấn Độ phản bội những người bãi công và rao giảng về "hòa bình công nghiệp". Nhưng công nhân bất cần cái "lòng ái quốc" vụ lợi của chủ cũng như họ bất cần cái "nền hòa bình" do những người cải lương nêu lên. Họ từ chối không ép mình dưới sự lý trí hóa, vì nó sẽ ném 15.000 người

trong giới họ ra vĩa hè. Chỉ có Đảng Công nông cương quyết ủng hộ những người bãi công và trong công cuộc tuyên truyền tổng bãi công, Đảng đó càng ngày càng được lòng công nhân, những người trông thấy ở Đảng phương tiện duy nhất thắng giới chủ.

WANG

Tập san Inprekorr, tiếng Pháp, số 37, ngày 14-4-1928.

Bản sao lưu trữ

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN VÀ NÔNG DÂN MỚI ĐÂY TẠI ẤN ĐỘ

Tại Ấn Độ cũng như ở các thuộc địa khác, chủ nghĩa đế quốc Anh đang tìm cách chia rẽ giai cấp vô sản bằng cách thường xuyên khơi sâu những thành kiến về chủng tộc. Vì thế, tất cả các chỗ làm được trả lương cao đều dành cho người Anh và những người lai Anh - Ấn. Trong những nhà máy điện, những người này lĩnh một ngày 15 rupi, họ có nhà ở sang trọng mà không phải trả tiền, trong khi thợ thuyền Ấn Độ chỉ được từ 4 anna¹ đến 1,5 rupi mỗi ngày và nhà ở phải trả tiền. Trong ngành xe hỏa, một người Anh hoặc người lai lĩnh tới 7 rupi mỗi ngày. Trái lại, một thợ không chuyên Ấn Độ chỉ được 8 anna và một công nhân được 13 anna mỗi ngày. Những viên chức người Anh và người lai, ngoài lương cao, còn có các trường học, vườn trẻ và hợp tác xã tiêu thụ mà Chính phủ hoặc các công ty dành riêng cho, cấm không cho người Ấn Độ đến, trong khi ấy các viên chức bản giấy người Ấn chỉ lĩnh hằng tháng từ 10 đến 20 rupi.

Để đáp lại những đặc quyền đó, những viên chức người Anh và người lai hợp tác với giới chủ chống công nhân bản xứ. Các sự kiện đẫm máu ngày 28 tháng 3 vừa qua minh họa một cách rõ ràng thái độ bài vô sản của thứ thợ thuyền quý tộc này, những viên chức người Anh và người lai trên đường sắt Lilôa đã hợp tác tích cực với cảnh sát có vũ trang trong việc ám sát năm người bãi công có nhiệm vụ kiểm tra lệnh đình công.

Nhưng thợ thuyền Ấn Độ đấu tranh không mệt mỏi chống các mưu mô của đế quốc và các thành kiến chủng tộc. Vì thế, nên mặt trận chiến đấu của họ được củng cố hằng ngày, như nhiều cuộc đấu tranh vừa qua đã cho thấy.

Ngày 21 tháng 2, 400 thợ điện các lò cao tại Iamsétpua bãi công để đòi tăng lương. Họ đòi 5 rupi mỗi ngày chứ không phải 14 - 15 anna như hiện đang lĩnh.

Ngày 5 tháng 3, sau khi sáu công nhân bị đuổi vì hoạt động nghiệp đoàn, 14.000 công nhân hỏa xa ở Lilôa lãn công và ngày 8, từ lãn công

¹ Anna - 1/6 rupi.

chuyển thành bãi công thực sự. Những người bãi công đòi các đồng chí bị đuổi được trở lại làm việc, đòi tăng 25% lương và đòi tự do nghiệp đoàn. Xin nhắc lại rằng Liên đoàn Công nhân hỏa xa tồn tại đã được mười năm mà vẫn chưa được Chính phủ và công ty công nhận.

Ngày 7 tháng 3, 10.000 thợ làm việc cho thành phố bãi công đòi 30 rupi mỗi tháng chứ không phải 14 như hiện nay họ lĩnh.

Ngày 9 tháng 3 có cuộc bãi công của 2.500 thợ nhà máy bông ở Lútlóc vì một người thợ bị tên đốc công đánh.

Ngày 15 tháng 3, 900 thợ nhà máy Pren (Bombay) đấu tranh để đòi tăng lương.

Ngày 10 tháng 3 có một hội nghị của nhân viên bưu điện Madrat. Hiện nay họ chỉ lĩnh từ 10 đến 20 rupi mỗi tháng. Nhà ở của họ tiêu tụy đến mức đáng sợ, trong khi những viên chức có đặc lợi, người Anh và người lai, lĩnh đồng lương đế vương và có nhà đầy đủ tiện nghi. Nhân viên bưu điện Madrat đòi nâng lương từ 30 lên 40 rupi mỗi tháng. Ta hãy nhớ rằng một người đưa thư ở nông thôn phụ trách đến 60 làng và đi bộ mỗi ngày 30 kilômét mà chỉ lĩnh có 16 rupi mỗi tháng.

Ngày 19 tháng 3, công nhân xe điện Madrat họp hội nghị đặc biệt đòi tăng lương và phản kháng công ty đuổi thợ mà không hoàn lại số tiền ký quỹ họ đã phải nộp khi được nhận vào làm.

Ngày 22 tháng 3, Đại hội Liên hiệp nghiệp đoàn tỉnh Bombay, thay mặt cho 30.000 công nhân có tổ chức họp tại Đamôda. Nhiều nghị quyết đã được thông qua. Những nghị quyết đó đòi: ngày làm tám giờ, định lương tối thiểu, lương phải trả hằng tuần, có tiền bảo hiểm xã hội cho những trường hợp thất nghiệp, ốm đau, sinh đẻ, già yếu, cải thiện điều kiện nhà ở cho công nhân, bãi bỏ chế độ phạt tiền và chế độ khấu lương để đền bù dụng cụ và vật liệu hỏng, trả lại tự do cho những công nhân vì hoạt động nghiệp đoàn mà bị bắt. Đại hội còn dự kiến thay thế các nghiệp đoàn nghề bằng các nghiệp đoàn công nghiệp. Về phương diện chính trị, Đại hội tuyên bố chống chiến tranh và chống các luật đàn áp. Đại hội cũng đã dự kiến tổ chức một Đảng Lao động để bảo vệ các quyền chính trị của người lao động.

Những cuộc đấu tranh này của công nhân chỉ là rất thường tình nếu ta xét đến hoàn cảnh vô cùng khổ cực của vô sản Ấn Độ. Đây là một bảng so sánh minh họa số thu nhập theo đầu người, trong nhiều nước, do

bác sĩ Hácđica lập ra vào tháng 5 năm 1927: Hoa Kỳ 1.116 rupio, Anh 696, Pháp 546, Đức 486, Ấn Độ 15. Ta cũng nên nói qua rằng vấn đề nhà ở là một trong những cái ung đau nặng nhất của vô sản Ấn Độ. Theo báo cáo của ông Chủ tịch Liên hiệp thợ thuyền thành phố Madrát, hơn 10.000 người lao động của thành phố này ngủ đêm ở các chuồng bò hoặc nhà xe, và điều này cũng đúng với hững thành phố khác. Sự khổ cực kinh tế này làm cho tuổi thọ của người Ấn Độ rất thấp. Dưới đây là so sánh tuổi thọ trung bình: Anh 51,5, Hoa Kỳ, Pháp 48,5, Đức 47,4, Ấn Độ 24,7. Tỷ lệ tử vong ở Ấn Độ cũng cao hơn ở bất kỳ nơi nào khác; Hoa Kỳ 12,9 phần nghìn, Anh 14,6 Đức 16,2 và Ấn Độ 30!

Nông thôn cũng nổi dậy, ngày càng có phản ứng mạnh đối với tình trạng như vậy. Ngày 15 tháng 2, tại Viện dân biểu Miến Điện, Chính phủ thuộc địa đề nghị cử "những đại biểu đặc biệt" đến các huyện đang đặc biệt tích cực chống thuế. Đề nghị đó bị bác với 24 phiếu chống trên 18 phiếu thuận. Thất bại đó của Chính phủ đã gây chấn động trong nước, lại càng chấn động khi Chính phủ buộc phải thú nhận rằng biện pháp cử "những đại biểu đặc biệt" là cần thiết vì từ mấy tuần nay đã có đến 22 người thu thuế bị nông dân làm cho khốn đốn.

Để trả thù, ông Thống đốc đã cấm 25 tổ chức nông dân và tôn giáo hoạt động và tăng cường cảnh sát ở 44 huyện.

Ngày 19 tháng 3, khi một người của họ bị ngược đãi, các culi ở đồn điền trồng chè lớn tại Đíchgubác đã nổi dậy và đẩy những tên đốc công vào tình trạng khốn đốn. Biến cố nhỏ này có một ý nghĩa lớn: những công nhân nông nghiệp vốn rất dễ bảo và thụ động giờ đây đã thức tỉnh và biết tự vệ. Một dấu hiệu của thời đại!

Phong trào chống thuế ở Bắcdôlê tiếp tục. Họ tổ chức những nhóm người tình nguyện để bảo vệ những nông dân bị dọa tịch biên. Chính cảnh sát huyện cũng có cảm tình với nông dân và tuyên bố rằng họ sẽ không thực thi những lệnh đàn áp của Chính phủ.

WANG

Tập san Inprekorr, tiếng Pháp, số 43, tháng 5-1928.

TRUNG QUỐC VÀ THANH NIÊN TRUNG QUỐC

Sách do một nhóm thanh niên Trung Quốc biên soạn, Nguyễn Ái Quốc chủ biên, viết bằng tiếng Pháp, Pêtrôva Sua dịch sang tiếng Nga, Nhà xuất bản Mátxcova mới xuất bản lần đầu tiên tại Mátxcova (Liên Xô) năm 1925.

Dịch theo cuốn sách tiếng Nga in lần đầu tiên.

TRUNG QUỐC VÀ DÂN SỐ CỦA NÓ

Theo thống kê gần đây nhất, dân số Trung Quốc lên đến 437.000.000 người. Diện tích của nó là 11.138.900 km² nghĩa là lớn hơn một chút so với diện tích châu Âu và gần bằng 1/5 tổng bề mặt trái đất.

Ở Tây Tạng và Mông Cổ giá rét rất dữ dội, và những vùng sa mạc kéo dài bất tận. Cho đến tận bây giờ ở đây dân cư vẫn sống cuộc đời du cư, du mục. Ở miền Nam và miền Đông ruộng đất hết sức phì nhiêu. Những con sông lớn như Hoàng Hà, Dương Tử và những con sông khác chạy dài mấy nghìn kilômét và tưới nước cho các cánh đồng lúa nằm dọc theo các dòng chảy của chúng. Trung Quốc chủ yếu là nước nông nghiệp.

Trung Quốc có nhiều tài nguyên dưới lòng đất hơn các nước khác. Người ta cho rằng chỉ riêng các mỏ than đá của nó ở Sơn Tây cũng có thể đủ thỏa mãn nhu cầu của toàn thế giới về than đá trong 2.000 năm. Tại nhiều tỉnh có những mỏ lớn chứa kẽm, chì, đồng và các kim loại khác mà cho đến nay vẫn chưa được bắt đầu khai thác.

Sự phát triển xã hội Trung Quốc tập trung dọc theo lưu vực hai con sông lớn. Ngay từ thời rất xa xưa, lưu vực những con sông ấy đều có dân cư đông đúc, các cơ chế xã hội đã đạt trình độ văn minh cao, trong khi

dân cư ở những vùng khác vẫn còn chìm ngập trong tình trạng mông muội nhất.

Tại sao Trung Quốc, trái với các quy luật phát triển, cho đến nay vẫn là nước lạc hậu về kinh tế? Có nhiều nguyên nhân. Một mặt, những bộ lạc du mục hiếu chiến của Mông Cổ và Mãn Thanh thường xuyên tấn công Trung Quốc. Mặt khác, Trung Quốc không những thường bị thiên tai như bão lũ, lụt lội... mà còn chịu khổ vì bộ máy thư lại rất tồi tệ, đặc biệt trong những thế kỷ gần đây, gây nên những cuộc nổi dậy và nội chiến liên miên. Vị trí địa lý của Trung Quốc cũng thúc đẩy sự lạc hậu của nó. Những vùng sa mạc rộng lớn ở phía bắc, những vùng băng tuyết vĩnh cửu ở phía tây, những vùng biển cả to lớn ở phía nam và phía đông đã không tạo khả năng có những quan hệ với các dân tộc khác. Nếu cộng vào đó tình thần ưa chuộng lối sống đồng quê và thiếu tinh thần tháo vát, đặc trưng cho người Trung Quốc thì chúng ta sẽ dễ dàng hiểu rõ nguyên nhân của tình trạng trì trệ của Trung Quốc. Toàn bộ đời sống trí tuệ của người Trung Quốc đều thấm đượm tinh thần triết học và giáo lý của Khổng Tử. Lòng tôn kính cha mẹ, tình anh em, tình bạn trung thành, sự hòa thuận giữa mọi người, đều hoặc rút ra từ quan điểm của Phật - tẩy rửa con tim và khối óc, sự kiềm chế những dục vọng và lòng cuồng nhiệt... Chúng tôi, những người mác xít trẻ tuổi, cho rằng, mọi thứ đạo đức xã hội chỉ là sự phản ánh các điều kiện kinh tế và do vậy, những ai muốn hoàn thiện tâm hồn thì phải bắt đầu từ hoàn thiện các điều kiện vật chất của cuộc sống. Các truyện thần thoại cổ đều nói đến tấm lòng nhân từ khác thường của hàng loạt gia tộc và của từng cá nhân, nhưng tất cả những cái đó không thể làm thỏa mãn chúng tôi. Bởi vì chúng tôi biết rằng, những truyện cổ tích chưa biết đến chủ nghĩa tư bản nước ngoài và không tiên đoán được cuộc đấu tranh giai cấp.

LỊCH SỬ LÂU ĐỜI CỦA TRUNG QUỐC¹

Lịch sử Trung Quốc đã mở đầu từ 2500 năm trước Công nguyên, nhưng chỉ đến năm 2357 chúng ta mới tìm thấy những chỉ dẫn đầu tiên về con người và những sự kiện. Từ năm 2357 đến năm 2261, Trung Quốc nằm dưới sự cai trị của vua Nghiêu là vị hoàng đế anh minh và nhân từ.

¹ Một số chi tiết trong phần này chưa phù hợp với những thông tin khoa học ngày nay. Chúng tôi dịch đúng theo sách.

Vào khoảng năm 1740, nạn lụt khủng khiếp đã nhấn chìm đất nước. Hồi đó thượng thư trông coi các công việc xã hội là Vũ đã thắng nạn lụt; ông đã 9 năm đào kênh và đắp đập. Nhờ những công lao của mình, ông đã được chọn làm hoàng đế. Những người kế vị ông đã tỏ ra không được tài ba lắm và không được nhân từ lắm. Vì vậy, triều đại này đã bị cuộc cách mạng năm 1783 lật đổ.

Sau triều đại Vũ đến triều đại Thương cầm quyền từ năm 1783 đến năm 1134.

Sau các triều đại đó là triều đại nhà Chu. Vào những đời vua đầu tiên của triều đại này, người Triều Tiên và người An Nam ngưỡng mộ sự lừng lẫy của các vị quốc vương vĩ đại ấy, đã cử các sứ thần của mình đến triều đình của hoàng đế Trung Hoa. Chu Công, thái tử kế ngôi, vừa là một vị thượng thư và nhà bác học vĩ đại, đã tặng dân An Nam tặng phẩm – đó là chiếc la bàn. Sự kiện vĩ đại nhất diễn ra vào cuối đời vua của triều đại này là sự xuất hiện 3 vĩ nhân – Khổng Tử - Lão Tử và Mạnh Tử. Mạnh Tử là một lý luận gia cách mạng của thế hệ ông bởi vì ông là tác giả đầu tiên của câu nói: *“Dân là tất cả, vua không là gì cả”*.

Vào khoảng năm 246 triều đại nhà Chu đã bị triều đại Tần thay thế. Chúng ta chịu ơn nhà sáng lập ra triều đại này về một trong những “kỳ quan của thế giới” - bức Vạn lý trường thành. Ông là người rất có nghị lực và một nhà cách tân lớn. Ông đã thủ tiêu chế độ phong kiến¹ và thống nhất Trung Quốc, ông đã đào kênh, xây dựng đường sá và giúp cho công việc giao thông được dễ dàng. Để thắng bọn bảo thủ chống lại chính sách của mình, ông đã thi hành những biện pháp đơn giản nhất và tích cực nhất: ông đã ra lệnh đốt hết sách, trừ sách về y học và thiên văn và bắt giam tất cả những ai phê phán mình. Triều đại này đã tồn tại không lâu, đến năm 206 nó đã bị triều đại Hán thay thế.

Vị vua đầu tiên của nhà Hán đã làm khác hẳn người sáng lập ra triều đại Tần. Ông vua đó đã khuyến khích việc nghiên cứu thời cổ đại và dành cho các môn khoa học một vị trí quan trọng trong nước mình. Nhờ triều đại này, Trung Quốc đã có được một trong những thời đại chói lọi nhất và hạnh phúc nhất. Nghệ thuật, văn học và triết học đã đạt đến trình độ phát triển thịnh vượng nhất. Đến thời đại ngày nay còn lại chiếc cầu treo tuyệt vời - di tích về nghệ thuật kiến trúc thời Hán - đó là công trình đầu tiên của nghệ thuật kiến trúc. Vào thời kì những năm 150-108, trong thư

¹ Tác giả muốn nói đến chế độ phong kiến cát cứ.

viện quốc gia đã có đến 3123 tác phẩm kinh điển, 2705 cuốn sách về triết học và 1383 tập thơ ca. Trong thời kì trị vì của triều đại này có một sự kiện lịch sử đặc sắc - đó là sự du nhập của đạo Phật vào Trung Quốc diễn ra trong 58 năm trước Công nguyên.

Từ năm 220 đến năm 618, ở Trung Quốc đã diễn ra cuộc nội chiến kéo dài mà hậu quả là triều đại nhà Hán sụp đổ và triều đại nhà Đường lên thay.

Có một nhà sư ở thời đại ấy đã mở cuộc hành trình đến Ấn Độ. Khi đi, ông đi bộ, khi về thì bằng thuyền. Cuộc hành trình đã kéo dài 14 năm. Triều đại nhà Đường đã lừng lẫy nhờ nền văn học đặc biệt chói lọi. Quan hệ quốc tế được mở rộng và vào khoảng năm 907, đã có vài vị đại sứ Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Tư và La Mã hoạt động bên cạnh triều đình hoàng đế. Sự kiện kinh tế quan trọng nhất là sự xuất hiện tiền giấy vào khoảng năm 960.

Triều đại nhà Tống thay thế nhà Đường và trị vì Trung Quốc cho đến năm 1276, là khi nó bị người Mông Cổ lật đổ.

Từ năm 1280 đến năm 1290, Trung Quốc đã tiến hành cuộc chiến tranh đầu tiên với nước ngoài là Nhật Bản. Nhà Minh đã đánh đuổi được quân Mông Cổ và ở lại ngôi vua cho đến năm 1644. Ngoài việc soạn thảo bộ luật và những cải cách khác, nhà Minh đã làm được rất nhiều trong lĩnh vực giáo dục. Bộ Bách khoa toàn thư gồm 22.877 tập, cùng với danh mục 60 tập đã được xuất bản năm 1407.

Vào những năm 1511-1517, đã có hai người Bồ Đào Nha là Pêrêtorala và Đôn Đờ Analada đến Trung Quốc. Đó là bước mở đầu của sự xâm nhập của nền thương mại phương Tây và là sự xuất hiện đầu tiên của chủ nghĩa tư bản nước ngoài. Trong khi những nhân vật Bồ Đào Nha ấy ký kết các hợp đồng thương mại thì đồng bào của họ có mặt ở các cảng Trung Quốc đã lừa đảo dân bản xứ và sử dụng vũ khí cưỡng bức thô bạo nhằm chinh phục họ: chúng đã tàn phá hàng loạt làng mạc. Năm 1552, các vùng ngoại vi của Trung Quốc đã bị người Nhật tấn công. Sau 40 năm, người Nhật lặp lại những hành động ấy, nhưng lần này họ băng qua ngả Triều Tiên. Cuộc chiến tranh đã kéo dài 3 năm và Trung Quốc đã thắng. Chính vào thời kỳ này đã diễn ra cuộc tàn sát 20.000 người Trung Quốc ở Philippin do các thương gia Tây Ban Nha thực hiện.

Triều đại Mãn Thanh bắt đầu từ năm 1644 và kết thúc vào năm 1911 vào ngày nổ ra cuộc cách mạng Trung Quốc.

SỰ XÂM NHẬP CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN NGOẠI QUỐC VÀ NHỮNG CUỘC KHỞI NGHĨA ĐẦU TIÊN

Năm 1635, vua nước Anh Saclơ I đã cử thuyền trưởng Vêden với giấy phép được tiến hành công việc buôn bán ở Quảng Châu. Công xưởng đầu tiên của Anh đã được xây dựng tại hải cảng này vào khoảng năm 1681. Đến năm 1728 ở Bắc Kinh đã xây dựng trường trung học đầu tiên để dạy tiếng Trung Quốc cho người Nga.

Năm 1724, chiếc thuyền chiến đầu tiên của Anh "Xenturiong" đã đến Trung Quốc. Đại sứ Anh, Huân tước Macacnây đã đến Bắc Kinh năm 1792. Đến năm 1800, một đại sứ Anh khác, huân tước Nêpiơ, đã xin phép được nhập cảng thuốc phiện. Nhưng đã bị khước từ. Nhưng 6 năm sau đó người Anh nhập lậu 20.280 thùng thuốc phiện vào những vùng được phép buôn bán thuốc phiện. Để buộc Trung Quốc chấp nhận thứ thuốc độc này, nước Anh đã tuyên chiến vào năm 1839, đến năm 1841 thì Quảng Châu bị hạm đội Anh bao vây.

Sau khi kí hòa ước, Hồng Kông bị tách khỏi Trung Quốc, còn Phú Châu, A Môi, Ninh Ba và Thượng Hải đã được mở cửa cho chủ nghĩa tư bản ngoại quốc thâm nhập vào. Trung Quốc đã buộc phải trả khoản đền bù chiến tranh 21.000.000 đôla, trong đó có 6.000.000 đôla được dùng để bù vào giá trị số thuốc phiện đã bị hủy đi.

Đến năm 1856, nước Anh lại một lần nữa tuyên chiến với Trung Quốc để buộc nước này mở cửa 5 hải cảng mới dành cho công cuộc buôn bán và hợp pháp hóa việc mua bán thuốc phiện.

Năm 1860, quân đội Anh - Pháp đã tràn vào Bắc Kinh, đốt phá các cung điện, ngọn lửa của đám cháy đã hoành hành trong mấy ngày liền. Năm 1885, cuộc chiến tranh Pháp - Trung Quốc đã chấm dứt với việc ký hòa ước ở Thiên Tân quy định vùng phía nam là An Nam thuộc quyền cai trị của người Pháp. Năm 1894, cuộc chiến tranh do Nhật Bản tiến hành đã giải phóng Triều Tiên khỏi ách thống trị của Trung Quốc, nhưng đã

đặt nó dưới quyền của “Đế quốc mặt trời mọc”. Năm 1898, nước Đức tuyên chiến với Trung Quốc và chiếm vùng Thanh Đảo.

Năm 1900, có cuộc khởi nghĩa của Nghĩa hòa đoàn, sự phẫn nộ của các phần tử dân tộc chủ nghĩa bị đẩy vào tâm trạng tuyệt vọng do sự ăn cướp của bọn người ngoại quốc, khiến cho Trung Quốc đã phải trả cái giá là 450.000.000 taen¹ bồi thường chiến tranh mà quân đội các nước đồng minh đã bắt nó phải gánh chịu.

Sau tất cả những cuộc tấn công kế tiếp nhau ấy, Trung Quốc bị hoàn toàn khánh kiệt, bị trói buộc vào nền kinh tế và chính trị bởi các cường quốc đế quốc chủ nghĩa. Vẫn chưa thỏa mãn với những đặc quyền của mình những lãnh địa tô nhượng, các hải cảng được tô nhượng đã mở cửa để họ tiến hành công cuộc thương mại, các cường quốc ấy đã nắm lấy tất cả các điểm chiến lược, các đường trên biển và trên bộ, chia nhau những khoản thu thuế hải quan và các khoản thuế gián thu, chiếm lấy các nguồn tài nguyên kinh tế đem lại, Trung Quốc biến thành con mồi của chủ nghĩa tư bản ngoại quốc.

Nền độc lập của Trung Quốc chỉ là một danh từ trống rỗng. Trên thực tế nó là một nước thuộc địa. Sự cai trị thuộc về các cơ quan ngoại giao nước ngoài đóng tại đây. Không có một hành vi chính trị nào ở trong nước hoặc ở nước ngoài xuất phát từ Chính phủ Trung Quốc mà lại không thể hiện ý chí của các cường quốc đế quốc chủ nghĩa. Nếu như sự kinh địch nhau và lòng ghen tức của các cường quốc ấy đã khiến cho Trung Quốc tránh khỏi bị hạ xuống hàng thuộc địa thì dù sao các cường quốc ấy cũng duy trì cuộc hiềm thù bên trong Trung Quốc. Mỗi cường quốc đế quốc chủ nghĩa đều có một tay sai Đugiuyn (thống đốc) nào đó mà thực chất là đại biểu cho một hình thức tồi tệ nhất của chế độ quân phiệt Trung Quốc. Những con người ấy gây hiềm thù với nhau, cắn xé nhau, làm khánh kiệt hàng loạt vùng, qua đó, tạo ra tình trạng không vững chắc ở trong nước và tạo duyên cớ cho người nước ngoài can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc.

Chính sách kinh tế của Chính phủ Trung Quốc trước khi triều đại nhà Mãn Thanh đổ, và cho đến tận bây giờ, chỉ quy tụ vào một điều: đi vay để mà sống. Số nợ của quốc gia vào năm 1922 là 2500 triệu taen (1,9 tỉ đô la). Tất cả các khoản thu nhập chủ yếu là: thuế cửa khẩu, thuế muối, đường sắt, hầm mỏ...đều do người ngoại quốc kiểm soát, nghĩa là họ mua

¹ 1 taen = 0,47 đô la (chú thích của tác giả)

hết. Mười hai ngàn kilômét đường sắt đã được xây dựng hầu như hoàn toàn bằng các khoản vốn của nước ngoài.

Còn tình cảm của giai cấp vô sản Trung Quốc thì như thế nào dưới sức ép của chủ nghĩa tư bản ngoại quốc? Chỉ cần nhìn qua số liệu thống kê về thương mại, chúng ta cũng có thể thấy rõ toàn bộ tình trạng nghèo khổ của giai cấp vô sản Trung Quốc. Hằng năm, nhập siêu ít nhất là từ 100-200 triệu taen. Đó là tình trạng bòn rút thường xuyên tiền của Trung Quốc ra nước ngoài, nó không tránh khỏi đưa đến chỗ làm đất nước nghèo đi, và còn dẫn đến một hậu quả to lớn hơn; hàng hóa nước ngoài tràn ngập thị trường nội địa và tạo ra tình trạng cạnh tranh không thương xót gây nguy hại cho hàng hóa nội địa, dĩ nhiên đó là những hàng hóa ít tân kì hơn và đắt hơn. Như vậy, khối quần chúng thợ thủ công bị phá sản và trở thành vô sản.

Bọn quan cai trị của Mãn Thanh kiên quyết chống lại tiến bộ hiện đại. Mặc dù bị sỉ nhục và chịu những sự thua thiệt do ngoại quốc gây ra, bọn quan lại đó đã không biết cách và không muốn thực hiện bất kì những cải cách nào hết. Bọn chúng không chịu để nhân dân tiếp xúc với sinh hoạt quốc tế ngày nay, chúng dấn thân vào chính sách ngu dân quan liêu kiểu “chúa đất” ghê tởm. Trong chính sách đối ngoại, chúng tiến hành các cuộc chiến tranh bất hạnh, trong chính sách đối nội, thì chỉ thấy những cuộc bất bình vô tận của nhân dân. Năm 1795, đã nổ ra cuộc nổi loạn của phong trào “Bạch liên giáo”. Phong trào “Tam điểm” đã phát động cuộc khởi nghĩa năm 1842. Cuộc khởi nghĩa Thái Bình 1849 đã làm cho chính ngai vàng của “Thiên tử” phải lung lay. Cuộc khởi nghĩa của dân Hồi giáo đã kết thúc bằng cuộc chém giết năm 1859.

Cuộc khởi nghĩa của phong trào Nghĩa hòa đoàn năm 1900 đã kết thúc rất bi thảm đối với nhân dân Trung Quốc và rất nhục nhã cho bọn chiến thắng. Bắc Kinh đã trở thành miếng mồi cho bọn binh lính hung hãn của 8 dân tộc “văn minh”. Có thể thấy được các ông tai to mặt lớn với các sứ mạng vẻ vang nhưng đã biến thành những tên cầm đầu các băng cướp bóc. Những quan chức cao cấp đã ngang nhiên cướp đi các tác phẩm nghệ thuật để đem về trang hoàng cho các bảo tàng quốc gia nước mình hoặc cho những tư nhân ham mê sưu tập. Cuộc khởi nghĩa của phong trào Nghĩa hòa đoàn nổ ra do bị áp bức và do thái độ hống hách không thể chịu nổi của chủ nghĩa đế quốc nước ngoài. Nhưng do thiếu kế hoạch và thiếu sự lãnh đạo sáng suốt cho nên phong trào này, về bản chất mang tính chất chống quân phiệt và mang tình chất dân tộc, lại đi

vào con đường của chủ nghĩa cuồng tín tôn giáo. Đó là sự lầm lạc không thể tránh khỏi và đặc trưng cho tất cả các dân tộc đã bị biến thành thuộc địa hoặc đang bị đe dọa biến thành thuộc địa, các dân tộc ấy ra sức, một cách tuyệt vọng và vụng về thoát ra khỏi ách thống trị của ngoại bang! Khoảng năm 1867, đứng trước nguy cơ bị Nga-Mỹ xâm lấn, người Nhật đã phát động phong trào “chống dã man” cũng mang tính chất cuồng tín như thế, y như phong trào năm 1900 của Trung Quốc.

Ở miền Nam, người Trung Quốc đã có quan hệ với người ngoại quốc từ sớm hơn nhiều so với người miền Bắc: họ xuất dương để di cư đông đến hàng vạn người, họ làm việc và sinh sống tại các nước tư bản chủ nghĩa. Do đó, họ đã hiểu rõ hơn - so với đồng bào mình ở miền Bắc - về ý nghĩa cuộc đấu tranh giữa bọn đi bóc lột và những người bị bóc lột. Họ là những người trước nhất hiểu rõ tính chất vô hiệu của uy quyền hoàng đế và tư tưởng bảo thủ của hoàng đế, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng suy yếu của đất nước và sự thống trị của ngoại bang. Như vậy, họ đã tìm đến tận cội rễ của bất hạnh. Họ đã dùng cách mạng lật đổ chế độ quân chủ. Giờ đây, họ cố tìm cách thoát khỏi nanh vuốt của chủ nghĩa đế quốc nước ngoài bằng công tác tự tổ chức về kinh tế. Ở đây chứa đựng nguyên nhân cho thấy tại sao các cường quốc tư bản chủ nghĩa ưa thích Chính phủ này và luôn luôn thoái hóa và thường hay bị mua chuộc, mà lại không thích Chính phủ miền nam, là một Chính phủ ít bị cám dỗ và sáng suốt hơn.

CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC CƯỚP BỐC TRUNG QUỐC

Như chúng ta đã thấy, sự màu mỡ của ruộng đất, tài nguyên dưới lòng đất, tinh thần cần cù lao động của nhân dân đã biến Trung Quốc thành một nước nông nghiệp vĩ đại có khả năng đủ nuôi sống dân cư nước mình. Núi cao, các miền đồng bằng sâu thẳm, những vùng biển cả bao la và những miền sa mạc bất tận bao bọc nó và không cho nó trở thành một nước thương mại. Nét nổi bật trong tính cách của người Trung Quốc là tính thích ngồi ở nhà, thái độ ghê tởm sự xa hoa, đạo đức của họ đã đặt vai trò thương nhân xuống vị trí cuối cùng trong nấc thang xã hội, đầu óc bảo thủ trong tất cả các công việc của đời sống - tất cả những điều đó đã dựng lên bức tường hàng nghìn năm và hầu như không thể xuyên thủng, làm cho nhân dân Trung Quốc tách rời khỏi những nước đương thời năng động hơn. Mặc dù đã hơn mười hai năm trôi qua kể từ khi cách mạng nổ ra, nhưng người Trung Quốc vẫn chưa tự thể hiện được mình. Họ đã phá đổ, nhưng chưa xây dựng. Tất cả những tai ương của chế độ cũ vẫn còn. Chế độ địa chủ và chúa đất và chế độ phong kiến vẫn tiếp tục tồn tại. Một hoàng đế đã bị lật đổ, nhưng tất cả một đám tiểu hoàng đế đã xuất hiện thay vào đó ở mỗi tỉnh mà đại diện là các viên thống đốc các tỉnh. Bọn quân phiệt, công cụ của bọn tư bản ngoại quốc, đã trở thành những chủ nhân của đất nước. Cuộc nội chiến kéo dài từ ngày nổ ra cách mạng, càng ngày càng đẩy đất nước đến gần sự diệt vong.

Dưới sức ép của những nước láng giềng mới, nhờ sự cần cù và sự dôi dào của mình, nhờ những tài nguyên thiên nhiên mà nó có được, nước Trung Hoa lẽ ra có thể phồn vinh, nếu như các cường quốc tư bản chủ nghĩa không cản trở nó trong vấn đề này một cách ân cần nhất và nếu như bản thân người Trung Quốc không giúp cho sự phá hoại ấy, tuy không tự giác nhưng thật là ngu ngốc.

Bằng những biện pháp nào, tư bản ngoại quốc cản trở được sự phát triển kinh tế của Trung Quốc? Chúng làm nảy sinh các khó khăn chính trị, gây ra những sự hiềm thù nội bộ và tạo ra những vụ rắc rối ngoại giao, chúng cần đến điều đó. Viện vào chỗ nắm trong tay các hải cảng

thương mại, chúng chiếm giữ các thành phố quan trọng về mặt chiến lược, khuyến khích những vụ vay mượn và đòi phải phục hồi những đặc quyền. Chúng chiếm các thị trường, kiểm soát các nguồn tài chính, chiếm đoạt các đặc quyền. Tóm lại, chúng can thiệp vào mọi công việc của Trung Quốc. Dựa vào các tàu chiến và quân đội, chúng điều khiển các vận mệnh của nước này theo cách của chúng. Tất cả mọi hoạt động của chúng đều nhằm tạo ra các trở ngại trên con đường tiến lên của nhân dân Trung Quốc.

Những biểu đồ dưới đây minh họa chính sách ăn cướp mà bọn đế quốc thi hành.

Những khoản cho vay dành cho Trung Quốc

Nước cho vay	Số tiền cho vay	Nguồn bảo đảm	Thời gian cho vay
Nga, Pháp	15.820.000 bảng	Thuế quan	1895
Anh, Đức	16.000.000 bảng	Thuế quan	1896
Anh, Đức	16.000.000 bảng	Thuế quan và thuế thu 7 thị trường	1898
Anh	6.694.000 bảng	Thuế muối, quyền khai thác đường sắt Bắc Kinh - Hán Khẩu	1911-1912-1914
Anh, Pháp, Đức, Nhật, Nga	25.000.000 bảng	Thuế muối	1913
Pháp	50.000.000 phrăng	Tiền thuê các xí nghiệp công nghiệp, thuế nước, ăn	1914
Nhật Bản	11.900.000 yên	Thuế nhập bưu chính	1901
Nhật Bản	40.000.000 yên	Thuế đất, các đồ quý giá, muối, các loại giải trí, thuế quan	1918

Mỹ	7.500.000 đô la	Thuế thuốc lá	1901
Italia	5.500.000 đô la	Thu nhập từ 4 tỉnh	1916
	5.500.000 đô la	Thuế quan, thuế muối	1919
	5.882.046 bảng	Thuế quan, thuế nông nghiệp	1901

Ghi chú: biểu đồ này hết sức bổ ích, nó chỉ rõ rằng:

1. Chủ nghĩa tư bản da trắng, nhằm mục đích làm giàu, đã không ngần ngại và sẵn sàng đầu độc cả một dân tộc bằng thuốc phiện; để bán được thứ thuốc độc ấy, nó không ngần ngại tuyên chiến và giết hàng trăm và hàng ngàn binh lính.

2. Chủ nghĩa đế quốc da trắng gây gổ, vin vào những cơ nhỏ mọn nhất để buộc Trung Quốc dành cho nó những tô nhượng về lãnh thổ và những nhượng bộ khác. Những lý do đó thường do bản chất các cường quốc hữu quan gây nên; đó là trường hợp phái các nhà truyền giáo đến những vùng mà họ thừa biết rằng, ở đấy, dân chúng có thái độ thù nghịch với những nhà truyền giáo.

3. Một nước đế quốc chủ nghĩa kêu gọi nước khác hãy dùng vũ lực chiếm một thành phố hoặc hải cảng của Trung Quốc để rồi dưới chiêu bài duy trì thế cân bằng, nước đế quốc nọ có thể cũng làm như thế.

4. Sự dè dặt và tình trạng bất lương không có giới hạn. Năm 1895, Nga, Pháp và Đức đã đề nghị với Trung Quốc để họ được làm trung gian giữa Trung Quốc và Nhật Bản. Do sự nỗ lực của các nước trên, Trung Quốc bị mất lãnh thổ và 20 triệu taen. Điều đó cũng không cản trở họ đòi Trung Quốc phải trả 3.000.000 taen tiền “chè thuốc” về những dịch vụ đặc biệt - y như các cô gái điếm đòi tiền.

5. Chủ nghĩa đế quốc Pháp đã vững chân ở Đông Dương, lại tìm cách thực hiện, qua các giai đoạn tuần tự, quá trình thực dân hóa đối với cả vùng Trung bộ của Trung Quốc. Nó đã thắng vùng đó về phương diện kinh tế, và chỉ chờ thời cơ thuận tiện để hoàn toàn chiến thắng vùng này.

Những sự kiện chủ yếu của quá trình các nước đế quốc xâm nhập Trung Quốc (1842 - 1919)

Năm	Nước tấn công	Các khoản đền bù chiến tranh do Trung Quốc gánh chịu (triệu)	Lãnh thổ mà Trung Quốc phải nhượng lại	Những điều khoản khác	Lý do tấn công
1	2	3	4	5	6
1840-1842	Anh	21 triệu đô la	Các tô nhượng tại các thành phố: Quảng Châu, Thượng Hải, Ninh Ba, Phố Châu, Hồng Kông hoàn toàn thuộc sự cai quản của Anh	Đảo Xusun không được nhượng lại cho người khác	Trung Quốc không cho phép nhập khẩu thuốc phiện
1856-1858	Anh - Pháp	8 triệu taen 10 triệu bảng	Mở thêm 5 cảng cho nước ngoài buôn bán	Các cha cố được tự do truyền đạo, xét lại biểu thuế quan lại có lợi cho các thương gia ngoại quốc	Trung Quốc bắt giữ tàu chở thuốc phiện có treo cờ nước Anh
1905	Chiến tranh (Nga-Nhật)		Các lãnh thổ do người Nga chiếm thì nay chuyển sang tay cho người	Đảo Xusun không được nhượng lại cho nước khác	Trung Quốc không cho phép nhập khẩu thuốc phiện

			Nhật		
1910	Nhật Bản		Triều Tiên	Trung Quốc chấp nhận một số điều khoản trong “21 đòi hỏi” tạo cho Nhật Bản các đặc quyền kinh tế	
1915	Nhật Bản		Nhật Bản được hưởng “các đặc lợi” ở Nam Mãn Châu Lý và Đông Mông Cổ		
1919	Hòa ước vec-xây		Các quyền lợi của Đức ở Trung Quốc hoàn toàn chuyển vào tay Nhật Bản		

Ý nghĩa của tất cả các biểu đồ ấy là ở chỗ nào? Là ở chỗ chủ nghĩa tư bản phương Tây đang trải qua cuộc khủng hoảng: cần có nhiều hơn nữa các nước thuộc địa để phân chia với nhau, cần có nhiều hơn nữa các thị trường mới để khuất phục, song dấu sao nó vẫn cảm thấy chật chội mỗi khi phải hành động. Và trong trường hợp ấy tất cả các thành viên trong gia đình tư bản chủ nghĩa hòa nhau vào nước trung bình và bắt đầu giằng xé nó tùy theo ý mình. Nắm được chiếc chìa khóa mở cửa vào nhà, bọn kẻ cướp ấy lấy đi tất cả những gì quý giá nhất và Trung Quốc bị trói tay trói chân và tùy thuộc vào lòng nhân từ của bọn ăn cướp đó. Vì đời sống kinh tế của đất nước bị rơi vào tay ngoại bang nên đời sống chính trị của nó cũng rơi vào số phận như thế một cách tai hại. Sau khi trở thành một

nước bị nghèo khổ và mang gánh nặng những khoản nợ to lớn, nhân dân Trung Quốc thường xuyên bị lột da do những đòi hỏi không ôn hòa của giới quân phiệt bản xứ.

Những dấu hiệu phá sản ngày càng ảm đạm tích tụ ở chân trời của nhân dân Trung Quốc và dưới những bước đi không vững chắc của nó, người ta thấy hiện ra vực thẳm vô tận của sự nghèo khổ và phá sản. Và nếu cách mạng không đến kịp thời để cứu nhân dân Trung Quốc, thì nó có nguy cơ rơi xuống đáy vực thẳm không có lối trở lên. Do sức mạnh của kẻ địch, của tư bản nước ngoài và do tình trạng thiếu kinh nghiệm của bản thân mình, nên chủ nghĩa tư bản bản xứ không có khả năng phát triển. Vô sản thành thị nông thôn, trong những điều kiện của họ, đã không thể có được một quan niệm rõ ràng về phân hóa giai cấp.

Chủ nghĩa tư bản ngoại quốc, với việc du nhập chế độ của mình, hàng hóa của mình và các tư bản của mình, đã làm tan rã - mà nó không hề muốn điều đó - các truyền thống và tập quán gia trưởng. Bản thân sống ăn bám và tiến hành bóc lột, chủ nghĩa tư bản ngoại quốc làm nảy nở những kẻ ăn bám và những kẻ bóc lột khác để phục vụ cho mình: bọn mối lái, bọn quan liêu, bọn áp phe.

CÁC GIAI CẤP

Khi triều đại cũ bị lật đổ, nhiều viên thống đốc đã nắm trong tay những trung đoàn cấp tỉnh. Dựa vào binh lính, họ đã duy trì các tỉnh của mình và bằng cách đó mà biến thành các tên phong kiến trong chính thể cộng hòa.

Các cường quốc nước ngoài nuôi các đội quân ấy, vũ trang cho chúng và duy trì sự tồn tại của chúng. Các cường quốc sử dụng những đội quân ấy để thực hiện ý chí của mình. Giới quân phiệt này là tai họa đích thực của quần chúng công nhân.

Bọn lãnh chúa, nghĩa là bọn quan lại, cũng còn là những bóng ma của xã hội Trung Quốc ngày xưa, và cũng còn là những con chong chóng, gió chiều nào xoay chiều ấy, miễn là bọn chúng được hưởng lợi. Bọn này hòa nhập với bất kỳ triều đại nào, và với bất kỳ chế độ nào. Trong số bọn họ có những nhân vật khả kính mà lòng dũng cảm và sự nhân từ của cá nhân họ đáng được kính trọng. Nhưng đó là những ngoại lệ. Nhờ họ, Trung Quốc có thể tự hào rằng nó có một giới quan liêu cổ xưa nhất.

Những kẻ gian xảo khéo hành động bằng cả ngòi bút, bằng cả đầu lưỡi, đều là con cháu của những chúa đất hoặc là con cháu của các địa chủ hạng trung với tư tưởng thăng quan tiến chức rất mạnh mẽ. Song lại không vượt quá địa vị của một chức cố vấn khu hoặc tỉnh. Mục tiêu của họ là có được chỗ ấm áp đó bằng mọi cách và mọi thủ đoạn.

Giới thương nhân là giai cấp mới đang ra đời mà đạo lý của nó thì vừa phức tạp, lại vừa mang tính chất trộm cướp. Chắc chắn là giai cấp này lẽ ra không thể ra đời được, không phồn thịnh được nếu không có sự thâm nhập của tư bản ngoại quốc mà về phương diện này thì tư bản ấy là người cha đỡ đầu và người thầy của nó. Nhưng, sau khi ra đời và trưởng thành, phần nào nó vẫn cảm thấy mình bị người cha đỡ đầu ấy gạt bỏ, hầu như

bóp nghẹt vì đã trở thành kẻ cạnh tranh với nó, cản đường không cho nó tiến lên thật xa như nó mong muốn. Ở trong tư thế như hiện nay,

Chính phủ không thể dành cho nó một sự giúp đỡ nào cả. Và Chính phủ muốn có một tầng lớp khác xuất hiện, hùng mạnh hơn, có sức hơn, có khả năng hậu thuẫn cho Chính phủ tốt hơn. Vậy nhờ cậy vào ai đây? Nhờ cậy giới quân phiệt chăng? Nhưng đó là những tên móc tiền vô độ và hoàn toàn tỏ ra bất lực trước ngoại bang. Trông cậy vào quần chúng ư? Bản năng ý thức bảo thủ khuyến bảo bọn thương nhân, rằng đối với chúng với tư cách là bọn người đi bóc lột, hoặc cổ vũ bọn đi bóc lột, trước hơn hết là bằng cách nào đó sống lẫn lộn theo “vận may”, còn hơn là chơi với thứ vũ khí hết sức đáng nghi ngờ là sức mạnh cách mạng của quần chúng.

Họ rơi vào tình trạng tuyệt vọng giữa các vòng luẩn quẩn mà chưa nhìn thấy lối thoát ra khỏi đó. Đứng giữa hai mắt xích khổng lồ là bọn tư bản và giai cấp vô sản, nhóm đứng ở giữa bị đẩy vào tư thế tiêu vong dần dần, bị hòa tan lúc thì vào hàng ngũ các nhà tư bản, lúc thì vào hàng ngũ giai cấp vô sản. Người tiểu sở hữu dễ có nguy cơ bị người sở hữu lớn nuốt chửng nhiều hơn là tự bản thân người tiểu sở hữu biến thành người sở hữu lớn. Vì vậy, nhóm người này tự phân tán thành bột và ngày càng bị nghiền nhỏ thành bụi, ngày càng phải chuyển giao cơ nghiệp hoặc cửa hiệu bé nhỏ của mình cho một ông chủ vững vàng hơn anh ta, còn bản thân anh ta thì gia nhập vào gia đình vô sản vốn đã đông đảo, nhưng vẫn còn mang tinh thần mến khách. Nhưng người tiểu sở hữu mang tinh thần cách mạng không phải vì lí do tâm lí mà vì tất yếu. Dĩ nhiên, tinh thần cách mạng của họ mang tính chất tiểu tư sản và thấm đượm tinh thần chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa cải lương và tính ôn hòa. Tâm trạng ấy của giai cấp hạ tầng trung đều thấy biểu hiện ở tất cả các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

Các thợ thủ công mất nghề do máy móc được sử dụng, những người tiểu nông bị phá sản do mùa màng thất thu và đã phải đem bán ruộng đất của mình, những người công nhân không kiếm được việc làm đã tạo ra một tầng lớp đông đảo những người sống lang thang. Họ đi lang thang từ tỉnh này sang tỉnh khác, từ thành thị về nông thôn và ngược lại. Để khỏi bị chết đói, họ nhận làm lính đánh thuê trong đội quân của một viên tỉnh trưởng đầu tiên mà họ gặp hoặc biến thành những tên cướp. Nhân đây xin nói rằng có rất ít sự khác biệt giữa những kẻ làm lính đánh thuê và những tên cướp. Mỗi khi các nhân vật cầm quyền ở các tỉnh cần có quân lính, họ thu góp bọn cướp lại và bằng cách ấy bọn kia trở thành “quân chính quy”. Cả hai loại người đó đều có hại cho nhân dân lao động.

SINH VIÊN

Sinh viên đóng một vai trò hết sức quan trọng trong đời sống nước Trung Hoa đang thức tỉnh, cho nên tầng lớp này phải xem xét riêng.

Mặc dù họ xuất thân là con cháu của giai cấp tư sản lớn hoặc nhỏ, nhưng họ được cổ vũ bởi những tư tưởng mới đặc trưng cho thế hệ hiện đại. Bao táp cách mạng, thế giới bị đảo lộn đã làm cho đầu óc họ thoát khỏi những định kiến, các truyền thống đã bám rễ quá sâu vào ý thức các dân tộc phương Đông. Họ cảm thấy đau khổ khi phải chứng kiến sự bất tài của những kẻ cầm quyền, sự đốt nát của bọn quân phiệt, tình trạng hèn yếu của đất nước, thái độ ngạo mạn của bọn người ngoại bang, cảnh cùng khổ của nhân dân. Họ có tinh thần cách mạng vì họ được giác ngộ và lòng thương xót đồng bào, nếu chỉ có thể nói được như vậy. Họ là những nhà cách mạng duy tâm. Họ là những người cuồng nhiệt theo chủ nghĩa Uynxơn, nhưng hòa ước Vec-xây đã như gáo nước lạnh giội lên đầu họ, còn cuộc cách mạng Nga thì đã chiếu rọi con đường đúng đắn cho họ đi. Họ đã nghiên cứu kĩ lưỡng học thuyết của Khổng Tử, họ đã có những thử nghiệm với chủ nghĩa Uynxơn và nhờ kết quả thử nghiệm cũng như nhờ sự nghiên cứu sâu sắc nên họ đã đến với chủ nghĩa Mác hoặc như bản thân họ gọi là chủ nghĩa Lênin. Họ rất tích cực hoạt động. Họ là một trong những nhóm cách mạng nhất và có tổ chức nhất ở Trung Quốc.

NÔNG DÂN

Vì Trung Quốc thật ra là một nước nông nghiệp, nên hơn 85% dân cư sống ở nông thôn. Có thể phân họ thành 4 loại: đại điền chủ, điền chủ hạng trung, tiểu điền chủ, bần nông và công nhân nông nghiệp.

1. Đại điền chủ: phần lớn gồm những chúa đất và các phần tử quý tộc cũ. Số lượng loại này có từ 250 đến 300 tên, mỗi tên chiếm giữ hơn 10.000 mẫu¹ ; có gần 30.000 hộ chiếm giữ hơn 1.000 mẫu mỗi hộ và có hơn 300.000 hộ chiếm giữ hơn 100 mẫu mỗi hộ.

2. Địa vị xã hội của các tiểu chủ, có từ 10-100 mẫu thì thật phức tạp và biến động. Với một số ruộng đất từng ấy, người nông dân có thể trở thành kẻ bóc lột, lại cũng có thể trở thành người bị bóc lột.

a. Nếu gia đình khá đông người, có thể dùng sức của bản thân để cày cấy, thì anh ta thuộc loại trung gian.

b. Nếu gia đình không đủ đông thì người nông dân ấy phải phát canh một phần số ruộng của mình và như thế trở thành kẻ bóc lột.

c. Nếu gia đình quá đông người và không đủ ruộng cho từng ấy nhân khẩu, thì người nông dân thường buộc phải cày cấy thêm ruộng đất của người khác ngoài số ruộng đất của mình, và như vậy anh ta trở thành người vô sản và biến thành người bị bóc lột.

có gần 44.000.000 hộ ở địa vị như vậy.

3. Rất nhiều nông dân nghèo trở thành các tá điền hoặc bắt đầu nhận cấy rẽ. Người tá điền thuê ruộng, trả một khoản tiền trong một thời gian nhất định. Vào năm được mùa, số lãi của anh ta cũng không nhiều, bởi vì chủ ruộng biết rõ ruộng đất của mình và tính toán chính xác các khoản thu nhập trên số ruộng đó. Nếu mất mùa thì người tá điền hoàn toàn phá

¹ Một mẫu = 667 mét vuông, 100 mẫu bằng 6,6 ha hay 5,5 đêxixin (chú thích của tác giả)

sản, còn chủ đất thì không bị mất gì. Với hình thức cấy rẽ, chủ đất thu được từ 40% đến 50% sản lượng của mỗi vụ thu hoạch.

4. Công nhân nông nghiệp: trước kia chế độ sở hữu ruộng đất ở Trung Quốc mang tính chất hết sức manh mún, mỗi nông dân, thậm chí ngay cả người nông dân nghèo nhất, cũng có một mảnh đất con con. Nhưng đến nay nhiều người không có được ngay cả mảnh đất con con đó để “cắm dùi”. Đối với họ, đôi bàn tay là nguồn sống duy nhất. Để kiếm được miếng cơm, họ trở thành người hầu hạ trong các gia đình hoặc trở thành những công nhân làm theo mùa. Công nhân theo mùa không có đồng lương ổn định, cũng không có việc làm thường xuyên. Do vậy, cuộc sống của họ rất khổ sở. Những công nhân lớn tuổi mỗi năm kiếm được từ 20 đến 30 piát¹ kèm theo cơm ăn và chỗ ở. Còn các trẻ em làm việc chần súc vật thì mỗi năm kiếm được từ 3 đến 5 piát. Sự xâm nhập của tư bản ngoại quốc đã ảnh hưởng hết sức tai hại đến nông thôn. Nếp sống gia trưởng truyền thống bị phá hủy. Bị thôi thúc bởi lòng hách lợi và bởi tấm gương các người anh em của mình ở thành thị, điền chủ ở nông thôn cũng ngày càng tìm cách độc quyền chiếm ruộng đất. Các công ty khai thác ruộng đất được hình thành và độc chiếm đến 300.000 mẫu, làm cho hàng loạt nông dân bị mất ruộng đất. Năm 1918 đã có hơn 15.500.000 nông dân bỏ thôn xóm ra đi vì cảnh nghèo túng. Nạn lụt lội, mưa bão, đói khát, chế độ quân phiệt, tình trạng đốt nát - tất cả những cái đó làm cho tình cảnh của người nông dân Trung Quốc ngày càng trở nên thê thảm hơn.

¹ Đơn vị tiền tệ của một số nước Tây Nam Á. Một piát – 1/100 bảng Anh.

CÔNG NHÂN

Căn cứ theo các số liệu thống kê thì số lượng giai cấp vô sản Trung Quốc lên đến 5.056.000 người. Gần 15 tổ chức tập hợp 300.000 thành viên. Các tổ chức được phân chia như sau:

Nghề	Số lượng	Được tổ chức lại
Thợ điện	100.000	5.000
Làm công trong nhà	400.000	8.000
Thợ may	300.000	7.000
Công nhân mỏ đá	300.000	8.000
Công nhân mỏ muối	300.000	10.000
Thợ kéo xe	200.000	10.000
Công nhân xưởng in	80.000	10.000
Thợ dệt	180.000	10.000
Thợ cắt tóc	200.000	14.000
Công nhân thuốc lá	100.000	18.000
Công nhân xây dựng	800.000	30.000
Công nhân mỏ	420.000	26.000
Công nhân đường sắt	100.000	42.000
Vận tải đường sắt	80.000	45.000
Công nhân kim khí	200.000	50.000
Các loại khác		7.000

Mặc dù chỉ đến cuối cuộc chiến tranh châu Âu, giai cấp vô sản Trung Quốc mới bắt đầu thật sự được tổ chức lại, nhưng nó đã đứng vững trong một số trận chiến đấu, vừa chịu những thất bại, vừa giành được thắng lợi. Công nhân các ngành kim khí, hóa chất và ngành biển luôn luôn tỏ ra rất vững vàng về phương diện tổ chức và tinh thần sẵn sàng hành động. Các tổ chức của họ là một sức mạnh thực tế mà chủ nghĩa tự bản ngoại quốc và bản xứ phải tính đến. Giai cấp vô sản có tổ chức đưa ra yêu sách:

1. Tự do hội họp;
2. Quyền bãi công và thành lập các hiệp hội;
3. Chế độ ngày lao động 8 giờ dành cho người lớn và ngày lao động 6 giờ dành cho thiếu niên;
4. Bảo vệ những diên chủ hạng nhỏ;
5. Cấm lao động thêm giờ trong các ngành sản xuất nguy hiểm;
6. Cấm lao động ban đêm đối với phụ nữ và trẻ em;
7. Chế độ nghỉ phép 2 tuần, mỗi năm 2 lần, có trả lương;
Nghỉ 8 tuần lễ trước và nghỉ 8 tuần lễ sau sinh con đối với phụ nữ làm các công việc nặng nhọc;
8. Chế độ kiểm soát của công nhân đối với việc thi hành bảo hiểm công nhân;
Nghỉ 6 tuần lễ trước và 6 tuần lễ sau khi sinh con đối với phụ nữ làm công việc nhẹ;
9. Nhà nước trợ cấp cho các tổ chức công nhân để áp dụng chế độ giáo dục ngoài nhà trường cho công nhân lớn tuổi.

LAO ĐỘNG TRẺ EM

80 năm về trước, khi chưa xảy ra cuộc chiến tranh thuốc phiện, ở Trung Quốc đã ngự trị chế độ gia trưởng chuyên chế. Sau cuộc chiến tranh này (1840) chủ nghĩa tư bản ngoại quốc chiến thắng đã thay thế chế độ gia trưởng bằng chế độ công nghiệp. Cuộc đấu tranh sống mái đã diễn ra giữa các sản phẩm nội địa và sản phẩm nhập nội; có thể dễ dàng thấy trước kết cục cuộc đấu tranh: sự suy sụp của nền công nghiệp bản xứ và sự toàn thắng của nền sản xuất công xưởng ngoại quốc. Các nghề thủ công đã bị giết chết. Một số cơ sở sản xuất hạng trung đã cả gan thống nhất lại, tập hợp lại để chống ngoại bang. Nhưng cuộc đấu tranh không cân sức. Vì vậy, nền sản xuất cơ giới hoàn hảo đã không gặp khó khăn lắm để hất nền công nghiệp bản xứ xuống vực thẳm.

Sau khi đã dọn chỗ cho mình bằng cách đó, tư bản ngoại quốc chỉ còn một việc là xuất hiện ở Trung Quốc để hưởng sự thịnh vượng. Không phải mời nó đến lần thứ hai. Bọn tư bản bản xứ đã đặt quan hệ êm thuận với những người bạn mới, nhưng trong bụng chỉ hy vọng có dịp nào đó thoát khỏi những ông bạn ấy. Nhưng họ lầm to. Thay vì dịp may mà họ hằng mong đợi, họ đã phải nhìn thấy bản thân mình bị lột khố, một mặt - bởi bọn đế quốc ngoại bang, mặt khác - bởi chính bọn quân phiệt nước mình. Cuộc chiến tranh thế giới nổ ra. Bọn tư bản phương Tây quá bận rộn với công việc của mình, nên không thể quan tâm đến vùng Viễn Đông. Chúng giải phóng các thị trường và rút các con tàu của mình ra khỏi các hải cảng Trung Quốc.

Các mặt hàng công nghiệp trở nên khan hiếm. Tưởng chừng cuối cùng thì ngôi sao vận may đã rọi sáng đến nền công nghiệp và các nghề thủ công bản xứ. Người thì lợi dụng sự vắng mặt của kẻ cạnh tranh đáng nghi ngờ của mình để mở các nhà máy mới và các cửa hàng mới. Có người lại muốn lợi dụng sự non yếu và sự thiếu kinh nghiệm của loại vừa nói ở trên để khôi phục lại những công xưởng đã bị phá hủy của mình và tìm đến những khách hàng cũ.

Than ôi! Điều đó không hơn gì một giấc mơ đẹp. Nhà tư bản và thợ thủ công chỉ vừa mới kịp chúc mừng nhau là nổi thất vọng chua chát đã

hiện lên trước họ. Cuộc chiến tranh kết thúc. Bọn đế quốc lại quay trở lại. Và chúng trở lại với số lượng đông đảo hơn, và đưa ra nhiều đòi hỏi hơn trước. Chúng cố gắng không chỉ gỡ lại những gì đã bị mất đi ở Trung Quốc trong thời gian vắng bóng, mà còn muốn gỡ lại cả những gì bị mất đi trong thời gian chiến tranh ở châu Âu. Cũng hệt như các nước thuộc địa đã từng có nghĩa vụ phục vụ chiến tranh, bây giờ lại có nghĩa vụ phục hồi chính quốc. Trung Quốc cũng phải làm việc cho châu Âu đã bị kiệt quệ. Nền công nghiệp bản xứ đã bị đặt lại đúng địa vị của mình, còn các thợ thủ công thì bị lãng quên và đi vào đêm tối.

Trong cuộc chơi trò ú tim ấy giữa bọn tư bản, những người công nhân, đặc biệt là thiếu niên, bị rơi vào cảnh là kẻ phải lót đờ. Số lợi nhuận mà bọn tư bản không đủ sức bòn rút do thiếu tư bản và do máy móc không hoàn hảo thì bọn tư bản bản xứ lại bắt người công nhân phải gánh chịu. Do ít kinh nghiệm hơn, ít có khả năng đấu tranh và hậu quả là những thiếu niên dễ bị thuận lòng lại hoàn toàn nằm trong tay bọn chủ. Thường xảy ra tình trạng là, cùng cùng làm một công việc trong cùng một thời gian, nhưng các em thiếu niên nhận tiền công ít hơn nhiều so với công nhân lớn tuổi. Nếu các em tỏ ý bất bình, thì tên chủ nói với họ: “tại sao chúng mày, những kẻ không có sức lực và không có tay nghề, lại không cảm thấy may mắn một khi chúng mày được người ta cho miếng cơm và không để chết đói ở ngoài phố?”. Trên thực tế bọn chủ thích sử dụng các em thiếu niên là những người dễ cam chịu bị bóc lột mà vẫn hoàn thành cùng một định mức công việc. Đó là tình hình trong ngành sản xuất lụa với công việc không phức tạp, còn máy móc thì đơn giản, không đòi hỏi phải có sức vóc và tay nghề.

Bằng cách sử dụng lao động trẻ em, chủ nhà máy tiết kiệm được rất nhiều. Thượng Hải là thành phố điển hình để nghiên cứu sự bóc lột lao động của những công nhân ít tuổi. Ở thành phố này, công nghiệp phát triển mạnh nhất và mang tính chất hiện đại nhất so với bất cứ nơi nào ở Trung Quốc. Các ngành sản xuất chủ yếu là: vải sợi, lụa và thuốc lá. Số công nhân làm việc trong các ngành này lên đến 200.000 người, trong đó có 50% là phụ nữ và trẻ em. Tiền công của 2 loại công nhân này rất thấp, từ 10 đến 20 xu/ngày. Độ dài của ngày lao động là từ 12 giờ đến 13 giờ. Độ tuổi trung bình của trẻ em từ 7 đến 14 tuổi. Với thể chất còn non yếu, với những cơ quan của cơ thể còn mảnh mai, các em đã phải lao động suốt những giờ làm việc kéo dài trong các công xưởng, trong những điều kiện vệ sinh rất tồi tệ. Suốt cả ngày, các em phải hít thở vào phổi những

mùi hôi nồng nặc, không khí hôi thối và bụi bặm. Sau một thời gian ngắn lao động tại các công xưởng, sức khỏe những trẻ em khốn khổ này bị hủy hoại vô phương cứu chữa, thậm chí lao động ban ngày cũng làm cho mệt mỏi. Những công việc làm ban đêm còn tệ hơn; sự mệt nhọc và tình trạng thiếu ngủ trở thành hình thức tra tấn thực sự đối với trẻ em. Sự tra tấn ấy trở nên khủng khiếp khi diễn ra 10 ngày liền. Trên thực tế, với chế độ làm việc 20 ngày đêm thì trẻ em phải làm 10 ngày ca ban ngày và 10 ngày phải làm theo ca đêm. Nhiều khi bất chấp các nỗ lực vì bị mệt nhọc quá sức các em đã phải nhắm nghiền mắt lại. Vô số trường hợp tai nạn xảy ra vì thiếu ngủ.

Trong ngành sản xuất tơ lụa, điều kiện làm việc thật kinh tởm. Em gái bé nhỏ làm công việc “kéo tơ” phải đảm đương hai nồi chứa đầy nước sôi và chứa một số lượng kén nhất định. Bằng 2 chiếc đũa nhỏ, người kéo tơ se những sợi tơ được kéo ra từ những con kén tơ và đặt những sợi tơ ấy lên chiếc khung guồng. Vì luôn luôn có kén tơ bị đứt quãng và sợi tơ bị đứt nên người ta liên tục phải nối chúng lại bằng hai chiếc đũa. Như vậy, một mặt, em gái kéo tơ bị nóng bức do ngồi sát nước sôi bốc hơi, và mặt khác, em lại bị lạnh bởi luồng không khí chuyển động từ khung quay tít. Sự ồn ào đến điếc tai của máy móc, rồi mệt nhọc do hai bàn tay phải liên tục vận động, hơi nước, mùi hôi thối đến lộn mửa của những chiếc kén tầm đã thối rữa - tất cả những cái đó được quyện lại với nhau để làm rã nát không thương xót những sợi dây thần kinh của cô thợ bé bỏng. Không hề có quạt gió thông hơi, không hề có những thiết bị bảo hộ vệ sinh. Mùa hè cũng như mùa đông đều nóng bức không thể chịu nổi vì bầu không khí ngột ngạt. Đó là những điều kiện làm việc của các em gái ở độ tuổi từ 8 đến 15 tuổi. Bụi tơ bay vào miệng, vào mũi làm tắc cả lỗ tai. Các ngón tay và mặt thường bị tấy đỏ do nước bắn nóng bỏng chảy từ các nồi nước. Nhưng chưa hết. Để đi đến nơi làm việc và sau đó trở về nhà, các em phải đi bộ nhiều kilômét. Rất ít khi được chở đi bằng chiếc xe ngựa bé nhỏ lèn các em như lèn cá trong thùng. Các em phải ăn vào giữa trưa (hoặc vào nửa đêm), ở ngay tại công xưởng, bởi vì người ta không cho các em hưởng 15-20 phút để ăn uống. Không có chế độ giải lao, không có chế độ nghỉ hàng tuần. Đó là cuộc đời của các nữ công nhân bé nhỏ khốn khổ ấy.

Từ 7-8 tuổi đã phải lao động mỗi ngày 12-13 giờ trong suốt cả năm, các em không còn thời gian và khả năng để học tập. Các em hầu như nhất loạt mù chữ, đa số mắc bệnh lao.

Và bất kể tất cả những điều đó, các em vẫn tự coi mình là gặp may. Tình trạng nghèo khổ quá ghê tởm, số người thất nghiệp quá đông, khiến cho chỉ nghĩ đến sự mất việc làm đã đủ để cho người nữ công nhân trẻ tuổi không dám đấu tranh hoặc đòi hỏi thực hiện những sự cải thiện nào đó. Bọn chủ biết rõ điều đó và khai thác nỗi sợ hãi của các em. Nhưng từ năm 1920, các nữ công nhân nhỏ tuổi, noi gương những công nhân nam lớn tuổi, đã thực hiện một số cuộc bãi công đòi tăng lương. Dĩ nhiên, phong trào này chưa được tổ chức tốt, lãnh đạo chưa tốt và bị thất bại. Bọn chủ có thái độ khoan dung đối với những phong trào đó, coi đó là trò trẻ con mà thôi.

Các xưởng dệt và các nhà máy sản xuất vũ khí là những xí nghiệp duy nhất ở Trung Quốc được tổ chức một cách hiện đại. Các em thiếu niên trong công nghiệp dệt chiếm 7% tổng số công nhân, tại các nhà máy sản xuất vũ khí các em chiếm 5%. Các em được phân thành 3 loại: học sinh học nghề, thợ bận và lao động. Loại học nghề lao động 10-11 giờ/ngày, được trả 10-20 xu. Thời gian học nghề kéo dài 2-3 năm. Sau đó họ trở thành thợ bận. Thợ bận hưởng tiền nhiều hơn các em học nghề, nhưng lại ít hơn so với các công nhân thực thụ. Loại lao công hưởng tiền công bằng các em học nghề, nhưng không có tương lai bởi vì họ sẽ không bao giờ trở thành thợ cả. Nhìn chung, hoàn cảnh của các em thiếu niên - công nhân có tốt hơn hoàn cảnh các em gái trong ngành sản xuất tơ lụa. Số giờ làm việc của các em nam ngắn hơn và được nhiều tự do hơn, nhưng các em cũng không được tổ chức lại.

Do đất nước rộng lớn bao la và thiếu phương tiện đi lại, cho nên quá trình nền công nghiệp phá hủy nghề thủ công vẫn chưa kết thúc. Ở miền quê xa xôi không ở gần các con sông và đường sắt, dân chúng luôn luôn cần đến các sản phẩm địa phương. Trong các vùng đó nghề thủ công tương đối phát đạt, cùng với nó là việc dạy nghề. Các nam nữ công nhân nhỏ tuổi phần nhiều là con cái của công nhân thành thị. Một số lượng không đáng kể xuất thân từ nông thôn; nhiều người trong số đó đã theo học các trường cấp I, một số đã học các trường cấp II, đó là con cái của các tiểu chủ đã biến thành vô sản.

Rất khó xác định con số chính xác các công nhân thiếu niên nhưng dù sao căn cứ theo tỉ lệ phần trăm, ta có thể nói rằng, trong công nghiệp dệt có 7% các em ấy, trong công nghiệp sản xuất vũ khí có 5%, trong ngành tơ lụa có 25%, qua đó chúng ta thấy các em giữ vị trí quan trọng như thế nào trong gia đình vô sản Trung Quốc.

Trong các xưởng được tổ chức tốt, các em học sinh còn kiếm được đôi chút, trong khi đó các em học sinh ở nông thôn không nhận được đồng nào, mà thời hạn học lại kéo dài. Trong những năm đầu các em không được học gì cả, các em làm các công việc sai vặt, quét nhà, đốt lò, gánh nước, tóm lại, làm hàng nghìn công việc trong nhà. Đôi khi ông chủ bảo học trò dắt con cái hẳn đi dạo chơi như người hầu.

Sau khi học xong, người học trò không được lập tức rời khỏi nhà ông chủ của mình. Theo tục lệ đã ăn sâu, người học trò phải ở lại trong 2-3 năm để giúp việc có được hưởng công, mức tiền công do ông chủ tùy ý ấn định tùy theo "lòng tốt". Mới đây, đời sống đất đỏ đã đẩy công nhân làm việc trong các nghề thủ công đoàn kết lại để bảo vệ lợi ích của mình. Hiện thời, đây vẫn còn là một phong trào yếu ớt, và các đòi hỏi của nó còn rất ôn hòa. Phải thấy rằng, công nhân thiếu niên và các em học nghề đã cảm nhận thấy sự phá sản đang tới gần của các xí nghiệp thủ công, nên đã dần dần rời bỏ xưởng của mình để vào làm tại các xưởng máy. Tình cảnh của lao động trẻ tuổi rất thảm hại. Họ không có công việc ổn định, không có đồng lương tạm phải chăng, cũng không có sự bảo đảm cho tương lai. Khi có việc làm thì họ còn sống lần hồi cho qua ngày, nhưng khi không có việc làm thì lâm vào cảnh nghèo đói. Những con người không nhà ấy đi lang thang trong các thành phố, tại các tụ điểm thương mại và trang hoàng nơi đó bằng những mảnh quần áo rách nát của mình và bằng tất cả các hình dáng nghèo khổ, phơi bày ra trước mắt chế độ quân phiệt và giai cấp tư sản hình ảnh sống động về tội ác của chúng.

THANH NIÊN TRUNG QUỐC VÀ ĐỜI SỐNG CỦA HỌ

Cũng như thanh niên các nước khác, thanh niên Trung Quốc chịu đựng gánh nặng hậu quả của chế độ tư bản chủ nghĩa và quân phiệt.

Với sự nghèo nàn tinh thần, sự thô鄙 và vô sỉ, bất chấp những phẩm giá tiêu biểu cho tất cả những tên tay sai của chủ nghĩa tư bản được trang hoàng bằng các tước hiệu, bọn quân phiệt Trung Quốc không có mục đích, cũng như những người anh em của chúng ở phương Tây, chúng không thể được hưởng sự tha thứ.

Bọn quân phiệt phương Tây chỉ ít còn biết rằng, chúng tàn sát thanh niên vô sản nước mình là để bảo vệ túi tiền của bọn tư bản, hoặc nhằm mục đích chinh phục các thuộc địa, duy trì lợi ích kinh tế và chính trị của giai cấp tư sản là giai cấp của chúng. Bọn quân phiệt Trung Quốc đẩy một số thanh niên Trung Quốc này đi giết hại những thanh niên Trung Quốc khác nhằm phục vụ lợi ích của bọn tư bản ngoại quốc mà chúng phục tùng. Bọn quân phiệt ấy thậm chí không tìm đến các chiêu bài chủ nghĩa sô vanh và bảo vệ giai cấp mình.

Cũng cần nói thêm rằng, không có nơi nào mà người lính lại bị đối xử tồi tệ như thế và bị mất quyền như ở Trung Quốc.

Như chúng ta đã thấy, có lẽ tình cảm của học sinh ở Trung Quốc thậm chí còn tồi tệ hơn những người anh em của họ ở các nước khác.

Bên cạnh chế độ quân dịch và học nghề, còn có tôn giáo và nền học vấn tư sản với những ý thức giả dối của họ. Chế độ tư bản chủ nghĩa đã làm thanh niên bị biến dạng về phương diện tinh thần và vật chất, khi thanh niên chưa kịp phát triển.

Còn về giáo dục thì quy tắc chung là: trẻ em được học hành tùy theo mức sống vật chất của bố mẹ. Nếu bố mẹ giàu có, con cái được học hành chu đáo. Nếu bố mẹ nghèo, con cái hoàn toàn thất học. Như vậy, con cái giai cấp đại tư sản được ra nước ngoài ăn học. Khi chúng trở về Tổ quốc

với tất cả hành trang khoa học của mình, thì chúng giữ những cương vị quan trọng trong các cơ quan chính trị và kinh tế của đất nước.

Con cái của giai cấp tư sản hạng trung được học hành rất chu đáo khiến cho chúng có thể trở thành những người lao động có địa vị tốt và làm các nghề tự do. Sau khi tốt nghiệp các trường cấp I và cấp II, con em của các tiểu chủ, do không có tiền, nên không thể tiếp tục tiến lên các nấc kiến thức cao hơn. Họ biến thành những viên chức hành chính, các chủ tiệm buôn ở nông thôn và ...đôi khi họ đi tìm vận may trong quân đội.

“Con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa thì quét lá đa” - Câu tục ngữ đã nói như vậy. Mặc dù hết sức mong muốn, nhưng công nhân và bần nông không thể gửi con em mình đến trường được. Nếu như họ làm được điều đó thì cũng chỉ làm được một hoặc hai năm, không thể lâu hơn được. Tình trạng nghèo đói đè họ xuống như những gọng kìm. Và những trẻ em nào chật vật lắm mới học đánh vần được đôi ba chữ thì lại ghi tên vào làm tại các xưởng hoặc ra làm ở ngoài đồng ruộng.

Bản sao lưu trữ

PHONG TRÀO THANH NIÊN

Cũng như phong trào công nhân, phong trào thanh niên Trung Quốc ra đời vào cuối chiến tranh thế giới, hay nói đúng hơn, từ khi hòa ước Vecxây được ký kết. Phong trào này hoàn toàn khác phong trào thanh niên ở phương Tây. Phong trào thanh niên ở phương Tây chủ yếu tập hợp thanh niên nông thôn và thanh niên công nhân. Ở Trung Quốc, phong trào thanh niên chỉ tập hợp sinh viên. Ở phương Tây, thanh niên nông thôn cũng như thanh niên thành thị đều đấu tranh vì những nguyên nhân kinh tế và chống lại bọn quân phiệt, bởi vì trên cơ sở đó, lợi ích của họ trùng hợp với nhau. Còn ở Trung Quốc, trừ một vài ngoại lệ hãn hũu, cuộc đấu tranh lại do thanh niên trí thức tiến hành. Cuộc đấu tranh này thường mang tính chất chính trị nhiều hơn tính chất kinh tế, hơn nữa, những hoạt động đấu tranh ấy chủ yếu nhằm chống lại Chính phủ phản động và chủ nghĩa quân phiệt phong kiến. Sự khác nhau này có thể giải thích được. Tại các nước phương Tây, nơi chủ nghĩa tư bản phát triển hơn, nền giáo dục mang tính chất phổ biến hơn. Thanh niên công nhân phát triển hơn và quen đấu tranh hơn. Nó có được kinh nghiệm – đó là di sản của các dân tộc cổ đại. Còn ở Trung Quốc chủ nghĩa tư bản còn non trẻ. Công nhân quen với lối sống kiểu chế độ gia trưởng. Sự học hành chỉ hạn chế ở một số ít con cái các tầng lớp có đặc quyền đặc lợi. Đa số công nhân không biết chữ và bị tách khỏi phong trào công nhân toàn thế giới. Họ bị đau khổ, họ nhìn thấy rõ tất cả tình cảnh khốn khó của mình. Nhưng họ không biết, do đâu mà họ bị nghèo khổ và bằng cách nào thoát khỏi tình trạng đó. Chỉ có tầng lớp sinh viên là có thể nghe thấy những hồi âm của phong trào cách mạng ở phương Tây. Chỉ có họ mới nhìn thấy, suy ngẫm, so sánh và hiểu được vấn đề. Vì vậy, họ là những người đầu tiên tham gia đấu tranh.

Mặt khác, sinh viên không phải chịu những thiếu thốn về vật chất như người công nhân. Do vậy, họ phát động tuyên truyền chống chủ nghĩa quân phiệt và chống đế quốc. Kinh nghiệm chỉ cho họ thấy rằng, chủ nghĩa đế quốc là nguồn gốc của tất cả mọi căn bệnh mà chỉ có sự thức tỉnh của giai cấp công nhân mới chữa khỏi được.

Họ yêu tự do và trung thực, họ kiên quyết đấu tranh vì sự nghiệp công nhân. Trong tất cả các cuộc cổ động và biểu tình gần đây, sinh viên đã dành vị trí to lớn cho các yêu sách của công nhân. Trước đây ở tất cả các nước, trong thời kỳ trước cách mạng, chúng ta thấy trí thức đảm nhận vai trò tiên phong, mãi cho đến khi tự bản thân người công nhân đã trở nên giác ngộ hơn và có học vấn hơn, đủ sức lo liệu cho vận mệnh của mình. Khi ấy, tầng lớp trí thức thật sự cách mạng sẽ tự hòa nhập và đi vào phong trào công nhân.

Khi mới ra đời, tổ chức thanh niên Cộng sản Trung Quốc tự đặt tên cho mình là “Liên đoàn thanh niên xã hội chủ nghĩa”. Nó bao gồm tất cả các khuynh hướng và tất cả các sắc thái. Trong đó có cả phái vô Chính phủ, phái công đoàn chủ nghĩa, phái Rút-xô, những người đi theo Các Mác. Sự pha trộn như vậy các khuynh hướng khác nhau đã không thể kéo dài lâu được. Người ta tranh cãi nhiều, nhưng không làm gì cả. Kết cục là, họ đã tách khỏi nhau. Nhóm mácxít là nhóm duy nhất còn tồn tại và được tổ chức lại. Từ đó, nó hoạt động thật sự dành mọi sức mạnh cho tổ chức mình, và cho việc giáo dục thanh niên nông dân và thanh niên công nhân.

Vào tháng 5-1919, người ta thấy rõ là, Nhật Bản không muốn trả Thanh Đảo cho Trung Quốc và các đại diện của Trung Quốc ở hội nghị hòa bình đã do dự trong việc ký tên vào hòa ước Vecxây. Khi ấy, tất cả các thanh niên Trung Quốc đã đổ ra đường phố. Họ đã đốt các dinh thự của ba viên Bộ trưởng Nhật Bản, chặn đường một viên Bộ trưởng đó và chỉ sau khi đã đánh cho nhừ tử mới buông tha. Thanh niên trong đoàn Trung Quốc đã noi theo tấm gương các đồng chí của mình ở Bắc Kinh, và cuộc biểu tình đã lan rộng ra toàn quốc. Họ đã gửi các bức điện đến Paris thuyết phục đại diện của mình đừng ký vào bản hòa ước chia cắt này. Họ đòi triệu hồi lập tức ba Bộ trưởng phản bội, đưa yêu sách đòi thả các sinh viên bị bắt trong thời gian biểu tình, tuyên bố tẩy chay hàng hóa Nhật Bản. Họ hết sức nhiệt tình và phong trào rất kiên cường. Vì vậy, đã nhanh chóng đem lại kết quả. Cả ba Bộ trưởng bị triệu hồi, đại diện Trung Quốc đã không chịu ký vào bản hòa ước, những người bị bắt giữ đã được thả ra. Cuộc tẩy chay hàng hóa Nhật Bản đã trở nên rộng khắp.

Sau thành công này, anh em sinh viên đã thật sự đi vào hành động và đấu tranh. Nhằm truyền bá các tư tưởng tiên tiến, người ta lập ra các câu lạc bộ triết học, văn học và nghệ sĩ; lập ra hội liên hiệp tập hợp hàng vạn sinh viên. Những sinh viên tiên tiến nhất đã quyết định cách mạng

hóa sinh hoạt truyền thống đầy tính chất ủy mị của giới sinh viên Trung Quốc. Họ lập ra các nhóm mà tất cả các thành viên trong đó phải làm công việc chân tay mỗi ngày 3- 4 giờ. Có nhiều sinh viên ra nước ngoài để ban ngày làm việc, còn ban đêm học hành. Họ tự kiếm tiền để sống và không nhờ đến sự hỗ trợ vật chất của gia đình cũng như ở nhà nước.

Là những lực lượng đáng chú ý về sức mạnh và về số lượng, sinh viên thường hay can dự vào các vấn đề chính trị và xã hội. Các phương tiện đấu tranh của họ cũng giống như của giai cấp vô sản: ra lời kêu gọi, tổ chức mít tinh, biểu tình, bãi công.

Bản sao lưu trữ

HAI NHÂN VẬT ANH HÙNG CỦA THANH NIÊN TRUNG QUỐC

Tháng 8 năm 1920, Hội liên hiệp thanh niên xã hội chủ nghĩa ra đời ở Thượng Hải. Vì thành phần rất hỗn tạp nên nó chỉ tồn tại có 1 năm. Tổ chức này giải tán vào tháng 5-1921. Đến tháng 12 năm đó, một số người Mác xít trẻ tuổi đã tập hợp nhau lại và lập ra nhóm mácxít. Tháng 5 năm 1922, họ đã có đến 17 chi nhánh địa phương. Những chi nhánh lớn nhất ở Thượng Hải, Nam Kinh, Bắc Kinh, Thiên Tân, Quảng Châu. Các tổ chức này có 4.000 thành viên, trong đó có 2.400 công nhân trẻ và 1.600 sinh viên. Cần nêu rõ sự vượt trội của thành phần vô sản, ở vì trước đây thanh niên công nhân Trung Quốc vẫn chưa được huấn luyện vào tổ chức và thường có thái độ quay lưng lại với chính trị. Các chiến hữu của chúng ta - đã rất kiên trì, nhiệt tình và tháo vát để thu hút một số lượng lớn công nhân trong một thời gian ngắn như thế.

Tháng 5 năm 1922, Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của thanh niên cộng sản Trung Quốc được triệu tập ở Quảng Châu. Đại hội đã thảo luận các đề cương có quan hệ đến chính sách dân tộc quốc tế, đã thông qua các nghị quyết về những phương pháp đấu tranh chống đế quốc và chống chủ nghĩa quân phiệt. Đại hội đã thảo luận các phương cách tuyên truyền và thu nạp các thành viên mới. Tóm lại, đã đặt được nền móng vững chắc cho tổ chức thanh niên cộng sản, kể từ ngày đó, ảnh hưởng của nó ngày càng tăng trong quần chúng công nhân.

Tuy còn rất non trẻ, nhưng “thanh niên cộng sản Trung Quốc” đã tham gia các trận chiến đấu, đã đón nhận các đòn giáng của giai cấp tư sản và phải chịu đựng những hy sinh. Lịch sử thanh niên Trung Quốc đã có tấm gương hy sinh cao cả. Chưa kể số thanh niên xung kích đang còn ngồi trong nhà tù, đã có hai người hy sinh cho giai cấp vô sản.

Vương Ái ra đời năm 1897 tại Trang Tế thuộc tỉnh Hồ Nam. Anh theo học tại một trường dạy nghề. Sau khi tốt nghiệp khóa học, anh làm thợ điện. Sau đó anh tốt nghiệp trường cao đẳng dạy nghề ở Thiên Tân. Năm

1919, sau khi xuất hiện phong trào sinh viên nhân hòa ước Vecxây, anh gia nhập Hội liên hiệp sinh viên. Hoạt động tích cực và lòng dũng cảm của Vương Ái đã nhanh chóng được các đồng chí của anh biết đến, họ cử anh làm đại biểu đến Bắc Kinh để đặt quan hệ với giới sinh viên Thủ đô và sau nữa chuyển cho Chính phủ yêu sách của sinh viên. Anh đã bị bắt giam 38 ngày trong nhà tù. Năm sau, anh đã trở về quê và lập ra “Liên đoàn công nhân Hồ Nam”. Anh làm bí thư của tổ chức này cho đến ngày qua đời. Tháng 4 năm 1921, anh lại bị bắt giam trong thời gian nổ ra cuộc bãi công của công nhân ngành tơ lụa. Trong nhà tù, anh đã tuyên bố tuyệt thực 7 ngày và đã được trả tự do. Sau khi ra khỏi nhà tù, anh em công nhân đã công kênh anh lên với niềm hân hoan phấn khởi. Đáp lại sự chào mừng của các đồng chí, Vương Ái đã nói: tất cả các chiến sỹ trẻ tuổi cần phải biết cảnh tù tội. Đó là nơi thích hợp để rèn luyện - càng nhiều lần bị tù tội thì ta càng có nhiều tinh thần cách mạng. Vào tháng 11, anh tổ chức biểu tình phản đối chính sách phản động của Chính phủ. Hơn 10.000 công nhân đã hưởng ứng lời kêu gọi của anh. Tháng 1 năm 1922, nổ ra cuộc bãi công mới của công nhân ngành tơ lụa. Bị dồn vào chân tường, bọn chủ xí nghiệp đã phải trả 160.000 piat cho Đào Căn Trì, viên tỉnh trưởng tỉnh Hồ Nam, để hấn trừ khử Vương Ái và người bạn của anh mà chúng coi là những người cầm đầu. Thế là ngày 17 tháng 1 năm 1922, vào 3 giờ sáng, Vương Ái đã ngã xuống sau khi bị 3 nhát gươm của bọn tay chân viên tỉnh trưởng. Đầu anh không bị đứt lìa và sau khi bị tấn công, anh còn có thể nhận biết mọi người. Anh đã qua đời sau 2 giờ đau đớn.

Phạm Ân Kim sinh năm 1897 cũng ở Hồ Nam, anh học trường dạy nghề “dệt và chải sợi”. Năm 1917, tốt nghiệp trường này và đến làm việc tại xưởng sản xuất vải sợi. Năm 1920, anh làm quen với Vương Ái và giúp Vương Ái lập ra Hội Liên hiệp công nhân Hồ Nam, làm Tổng biên tập tuần báo Người lao động, cơ quan ngôn luận của hội. Bút pháp của anh vừa giản dị, gây xúc cảm lại giàu hình ảnh, rất được công nhân ưa thích. Anh đã cùng với Vương Ái đưa một số cuộc bãi công của thợ in, thợ cắt tóc, thợ mộc ... đến thắng lợi. Phạm Ân Kim là một cán bộ tuyên truyền giỏi. Lời phát biểu của anh đầy tính thuyết phục và đầy nhiệt tình, cũng giống như các bài và các tác phẩm của anh. Trong số các tác phẩm do anh viết, chúng tôi xin nêu bài “*Cuộc đối thoại giữa hai công nhân*” và “*Tài năng của người lao động*” (kịch viết cho nhà hát) và những bài khác. Có thể thấy anh có mặt trong tất cả mọi cuộc đấu tranh của sinh viên và công nhân. Ở đâu anh cũng nổi bật nhờ hoạt động tích cực và tài hùng

biện. Từ sau cuộc bãi công cuối cùng của công nhân ngành tơ lụa, anh đã nhiều lần bị bắt cùng với Vương Ái. Sau cái gọi là xử án, bọn chúng đã tuyên án tử hình các anh. Phạm Ân Kim lúc ấy đã trả lời viên chánh án: *“Nếu ông muốn giết chết chúng tôi, ít ra ông cũng phải giải thích xem chúng tôi phạm tội gì”*. Tên chánh án với nét mặt hăm hăm dữ tợn đã đáp lại: *“Các anh sẽ được biết tường tận điều đó khi nào người ta chặt đầu các anh”*. Họ đã bị hành quyết vào khoảng 3 giờ sáng.

Sáng hôm sau, viên tỉnh trưởng sát nhân đã tuyên bố rằng, Vương Ái và Phạm Ân Kim là những kẻ vô Chính phủ, đã tuyên truyền những tư tưởng độc hại, giấu vũ khí và sau hết, lập ra tổ chức để lật đổ chế độ hiện hành.

Nhưng các anh, hai người đồng chí của chúng ta, đã không hy sinh vô ích. Máu của các anh đã đổ sẽ làm thắm đượm thêm màu lửa cho ngọn cờ cách mạng vô sản, bằng sự hy sinh của mình, các anh sẽ thức tỉnh toàn thể giai cấp vô sản Trung Quốc trước đây vẫn còn thụ động và thờ ơ.

Bản sao lưu

TỔ CHỨC CỦA THANH NIÊN CỘNG SẢN

Năm 1922, có đặc điểm là những cuộc nổi dậy của công nhân đã tăng lên hết sức mạnh mẽ. Hành động giết hại các đồng chí của chúng tôi đã không xa lạ với niềm thức tỉnh nồng nhiệt ấy – hơn 1.700 nam nữ sinh viên và công nhân đã gia nhập “*Thanh niên cộng sản*”. Điều đó thì bọn đao phủ đã không ngờ tới. Đại hội lần thứ nhất họp ở Quảng Châu từ ngày 5 đến ngày 10 năm 1922.

Dưới đây là một số đoạn trích từ các đề cương đã được thông qua tại Đại hội:

1. Tình trạng đất nước bị chia cắt và các cuộc nội chiến nổ ra là do chủ nghĩa tư bản ngoại quốc gây ra, được bọn phản bội người Trung Quốc, bọn giả nhân giả nghĩa, bọn đầy tớ của chủ nghĩa tư bản ủng hộ. Chúng ta bán cho ông chủ ngoại quốc tất cả các nguồn sinh lực của đất nước, tất cả đời sống kinh tế của Tổ quốc mình.

2. Chủ nghĩa tư bản Trung Quốc đã buộc người ta phải thấy sự bóc lột của nó ngày càng tàn bạo. Nó không tốt hơn người anh em ngoại quốc của nó, bởi vì nó thu nhập của người anh em đó chế độ bóc lột và áp bức.

3. Tên cu lặc tư bản chủ nghĩa ngự trị và làm khốn khổ số quần chúng bao gồm bản nông, buôn bán nhỏ, tiểu chủ và tất cả công nhân.

4. Người tiểu chủ bị đẩy vào con đường phá sản và tiêu vong do bị hai tầng áp bức của tư bản ngoại quốc và chế độ quân phiệt bản xứ, bản năng tự vệ khiến họ phải đấu tranh chống lại hai kẻ thù ấy.

Cuộc khởi nghĩa năm 1900 đã chứng tỏ rằng, tầng lớp trung lưu không muốn chịu đựng thêm nữa chủ nghĩa tư bản ngoại quốc. Cuộc cách mạng năm 1911 chỉ rõ rằng, quần chúng đã hoàn toàn chán ngấy chế độ phong kiến cũng như nền quân chủ.

5. Cuộc đấu tranh này chống lại chế độ quan liêu và giới tài phiệt trong đời sống kinh tế và chính trị của nhân dân có ý nghĩa lịch sử quan trọng. Nếu cuộc đấu tranh ấy đem lại thắng lợi, thì nó sẽ đảm bảo nền

độc lập dân tộc trong chính sách đối ngoại và trong đời sống nội bộ của đất nước, nó sẽ đem lại tự do báo chí, lập hội ..., cũng như đem lại chế độ đầu phiếu phổ thông. Đó là giai đoạn lịch sử tất yếu. Giai cấp vô sản phải hành động để thúc đẩy cho thắng lợi của mình. Bằng hành động giúp lật đổ chế độ cũ, chúng ta tập hợp lực lượng và huấn luyện để chuẩn bị cho cuộc cách mạng sắp tới, cuộc cách mạng vô sản.

6. Tuy nhiên, chúng ta không được quên rằng, mặc dù chúng ta được hưởng một ít quyền lợi nhờ cuộc cách mạng tiểu tư sản ấy, nhưng những lợi ích ấy không phải là mục tiêu của chúng ta và sẽ không đem lại sự giải phóng hoàn toàn cho chúng ta. Ngày sau, khi lật đổ được giai cấp tư sản nhỏ sẽ tự động biến thành giai cấp cao cấp và giai cấp bóc lột. Vấn đề của chúng ta - vấn đề chủ nghĩa cộng sản - vẫn hoàn toàn phải được đặt ra.

7. Vì vậy, ngay sau khi cuộc cách mạng tư sản kết thúc, chúng ta phải lập tức bắt tay vào việc tổ chức cuộc cách mạng vô sản. Mục tiêu của nó là thiết lập các Xô Viết công nhân và nông dân, nghĩa là chuyển giao toàn bộ quyền lực chính trị và quyền lực kinh tế vào tay giai cấp vô sản.

8. Cuộc cách mạng ấy nổ ra nhanh hay chậm còn phụ thuộc vào tình hình quốc tế, trình độ tổ chức và nhịp độ đấu tranh của giai cấp công nhân Trung Quốc.

9. Thanh niên cộng sản Trung Quốc được lập ra bởi thanh niên công nhân Trung Quốc và tồn tại để phục vụ thanh niên công nhân. Nó sẽ tạo ra và giành được sự giải phóng của mình: xã hội hóa tất cả các tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng, thực hiện nguyên tắc: *"Ai không lao động, người đó sẽ không được ăn"*.

10. Thanh niên cộng sản không chỉ đấu tranh nhằm cải thiện lao động của trẻ em, mà còn mở rộng những đòi hỏi cấp bách của mình nhằm bảo vệ nữ thanh niên và sinh viên. Nó tuyên truyền ý thức giai cấp và đào tạo thanh niên cho cuộc cách mạng vô sản.

11. Kết quả ấy không thể đạt được trong một sớm một chiều mà lại không có sự chuẩn bị. Vì vậy, thanh niên cộng sản phải có quy chế chặt chẽ, các mệnh lệnh và chỉ thị chính xác.

NHỮNG YÊU SÁCH CẤP BÁCH

Chính trị:

- a. Thủ tiêu chế độ quân phiệt, chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản.
- b. Quyền phát ngôn không hạn chế cho công nhân.
- c. Tự do báo chí, hội họp và bãi công.

Kinh tế:

- a. Chế độ ngày làm 6 giờ cho trẻ em, ngày làm 8 giờ cho người lớn. Cấm tuyển lao động trẻ em dưới 12 tuổi.
- b. Mỗi tuần được nghỉ 36 giờ, hoàn toàn được nghỉ vào các ngày lễ.
- c. Cấm chủ và thợ học việc ký các hợp đồng tư nhân. Ban hành các đạo luật bảo vệ giới học nghề.
- d. Cải thiện điều kiện vệ sinh trong lao động. Cấm sử dụng lao động trẻ em dưới 16 tuổi trong các ngành sản xuất nguy hiểm.
- e. Trả công ngang nhau cho nam nữ công nhân. Phụ nữ được nghỉ hai tháng được hưởng lương trong thời gian sinh đẻ.

Giáo dục:

- a. Thanh niên cộng sản tổ chức các câu lạc bộ, các lớp học, các tổ chức giáo dục nhằm phát triển ý thức xã hội trong thanh niên công nhân và thanh niên nông dân. Nó sẽ xuất bản các báo, tạp chí và sách nhằm mục đích bảo vệ và tuyên truyền. Sau hết, nó phải giúp dân chúng lớn tuổi mù chữ có được trình độ học vấn phổ thông.
- b. Hệ thống giảng dạy sẽ được thay đổi sao cho con em người nghèo được đi học.
- c. Chế độ học không mất tiền và chế độ tự quản cho sinh viên.
- d. Bình đẳng giữa các tôn giáo và các dân tộc. Thanh niên cộng sản cần phải giúp đỡ phong trào thanh niên, phải đấu tranh chống thủ đoạn

ngu dân tôn giáo và tất cả những gì có thể làm tâm tối đầu óc thanh niên.

Thanh niên cộng sản cho rằng, vấn đề giải phóng dân tộc thuộc địa là vấn đề quốc tế, vì vậy phải giúp đỡ mọi dân tộc trong cuộc đấu tranh của họ.

Sau Đại hội, Ban chấp hành mới ghi nhận rằng, đã thành lập thêm được 6 chi hội địa phương, nâng tổng số lên 22 chi hội.

Báo “*Đội tiên phong*” được phát hành.

Các hình thức đấu tranh:

a. Nhân kỉ niệm ngày mất của Rôđa Lúcxămbua và Các Lipnêch, đã tổ chức những cuộc biểu tình lớn ở Thượng Hải, Bắc Kinh, Quảng Châu và ở các tỉnh khác.

b. Thanh niên cộng sản tham gia tích cực vào phong trào bài trừ mê tín: ở khắp nơi đều có các hội bài mê tín, tập hợp được gần 30.000 thành viên. Phổ biến các bài thuyết trình, các sách mỏng và các bản tuyên ngôn, đồng thời đã tiến hành các hội nghị.

c. Đã tiến hành thắng lợi cuộc biểu tình ngày 1-5.

d. Tại tất cả các tỉnh có những chi hội địa phương đều đã tiến hành ngày chủ nghĩa Mác. Đã phân phối các bản tuyên bố và các cuốn sách cổ động.

e. Thanh niên cộng sản ủng hộ cuộc bãi công của thợ dệt ở Thượng Hải. Ban chấp hành của nó đã gửi các thông tri đến tất cả các tổ chức công nhân để yêu cầu họ giúp đỡ, trong 3 ngày Ban chấp hành đã thu hơn được hơn 900 piát qua việc mở đợt đăng ký. Có 10 đồng chí thuộc hội “*Thanh niên cộng sản*” đã bị cảnh sát bắt vì lí do đó. Chỉ sau khi cuộc bãi công của thợ dệt kết thúc họ mới được thả. Giới thanh niên tràn đầy những dự định tốt đẹp và nhiệt tình đã hoạt động hăng hái. Tuy nhiên, họ vẫn không liên hệ được với quần chúng. Tình trạng ấy là do thiếu các chỉ thị và kinh nghiệm.

Tại Đại hội lần thứ III của Quốc tế thanh niên cộng sản, đồng chí Liêu Nhân Trần đã tới dự với tư cách đại biểu. Sau khi trở về đồng chí đã triệu tập Đại hội toàn quốc lần thứ II. Đại hội được triệu tập vào tháng 7 năm 1923 ở Nam Kinh. Đã xem xét và tiếp nhận các đề cương của Đại hội quốc tế. Những đoạn dưới đây của mệnh lệnh phải được thực hiện:

- a. Ủng hộ đòi hỏi hàng ngày của thanh niên công nhân.
- b. Đi vào quần chúng để kết nạp những thành viên mới thuộc nam nữ công nhân.
- c. Thành lập các chi bộ nhà máy.

Đại hội toàn thế giới đã tán thành các đề cương do thanh niên cộng sản Trung Quốc trình bày, những đề cương ấy liên quan đến chính sách cần áp dụng đối với “Quốc dân đảng”; các hội viên hội thanh niên cộng sản phải bằng mọi cách giúp mở rộng và củng cố đảng cách mạng ấy, luôn luôn tuyên truyền rộng rãi những nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa. Các hội viên Hội thanh niên cộng sản nào đồng thời có tham gia “Quốc dân đảng” phải luôn luôn chịu sự kiểm soát của Ban chấp hành Thanh niên cộng sản và phục tùng các chỉ thị của nó. Tuy tham gia công việc của Quốc dân đảng nhưng các Hội viên của Hội thanh niên cộng sản không được coi nhẹ việc tuyên truyền tư tưởng cộng sản và trong tất cả mọi trường hợp phải thể hiện tính độc lập về tư tưởng và tổ chức. Các hội viên ấy chịu trách nhiệm trước đảng mình, nghĩa là trước hội thanh niên cộng sản.

Vì một mặt, do cấu trúc cách mạng tự nhiên của thanh niên nông dân, và mặt khác, cũng do có một số lớn binh lính xuất thân từ thanh niên nông dân, nên Hội thanh niên cộng sản phải dành sự chú ý đặc biệt cho công tác theo hướng này, đặc biệt đẩy mạnh công tác giác ngộ giai cấp trong thanh niên nông dân để họ thành bạn chiến đấu cách mạng của mình. Đòi phải trả cùng một mức công cho thiếu niên làm cùng loại công việc như nông dân người lớn. Trẻ em nông thôn là những người tham gia sản xuất trong tương lai, phải được học hành một cách tương ứng. Thanh niên cộng sản thu thập dữ kiện về tình hình kinh tế của dân cư nông thôn để hành động cho phù hợp với tình hình.

Giáo dục và tuyên truyền:

Bằng những bằng chứng đơn giản và rõ ràng, làm cho quần chúng hiểu rõ lợi ích thật sự của mình. Dần dần đưa quần chúng đến chỗ nhận thức được sự cần thiết phải thay đổi chế độ xã hội hiện hành. Huấn luyện quần chúng nắm vững các phương pháp của tổ chức công nhân. Hoạt động theo hướng đó nhằm làm cho tất cả thanh niên nông dân, thanh niên công nhân và thanh niên học sinh hiểu rõ và thừa nhận các tư tưởng của cách mạng dân tộc và cách mạng quốc tế.

Ra lời kêu gọi gửi tất cả thanh niên công nhân, thanh niên nông dân, binh lính và sinh viên với những lời kết thúc dưới đây:

Đả đảo chủ nghĩa quân phiệt!

Đả đảo chủ nghĩa đế quốc!

Đả đảo bọn tư bản bóc lột!

Cách mạng toàn thế giới muôn năm!

Hiện nay “Hội thanh niên cộng sản” có 6.000 hội viên. Các nhóm và các chi hội dần dần được lập ra trong khắp đất nước. Sinh viên và thanh niên kiều bào cũng thành lập các nhóm cộng sản ở nước ngoài. Trong số đó có hơn 100 người đã được học chủ nghĩa Mác tại Trường Đại học cộng sản của những người lao động phương Đông ở Mátxcơva.

Bản sao lưu trữ

TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN Ở THUỘC ĐỊA

Trích biên bản phiên họp ngày 27 tháng 6 năm 1923, kỳ họp thứ 3 của Ban chấp hành Trung ương Quốc tế Công hội đỏ.

Đấu tranh công đoàn ở thuộc địa

Chủ nghĩa đế quốc hiện đại đặt nền móng trên sự bóc lột hàng triệu người lao động ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Bởi thế, nó chỉ tan rã hoàn toàn và vĩnh viễn khi nào chúng ta phá bỏ được nền móng đó của lâu đài đế quốc chủ nghĩa. Theo quan điểm đó, việc tổ chức công đoàn ở các nước thuộc địa có một tầm quan trọng đặc biệt. Thế mà đoàn viên của Quốc tế Công hội đỏ hầu như chưa hề làm được gì ở Ai Cập, ở Tuynidi và ở tất cả các nước đang nằm dưới gót sắt của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Mối liên hệ hiện có giữa các nhóm công nhân ở các thuộc địa Pháp và các công đoàn Pháp chỉ là ngẫu nhiên. Không có một hoạt động có hệ thống nào cả, mà rõ ràng là nếu chưa tranh thủ được quần chúng ở thuộc địa thì chúng ta không đủ sức phá hủy bộ máy đế quốc chủ nghĩa. Việc cần thiết hiện nay là phải phát động một cuộc tuyên truyền rộng lớn để thành lập các tổ chức công đoàn ở các nước thuộc địa và phát triển các công đoàn hiện có dưới hình thức phôi thai. Ngoài ra, chúng ta cần phải tỏ rõ tình hữu ái giai cấp thực sự giữa những người lao động thuộc mọi dân tộc, mọi chủng tộc để khắc phục sự nghi kỵ của những người lao động thuộc địa đối với những đại diện của những chủng tộc thống trị. Mối liên hệ hữu cơ giữa công đoàn thuộc địa và công đoàn chính quốc chỉ có thể là kết quả của một quá trình công tác lâu dài trong các thuộc địa.

Không được quên những người lao động thuộc địa, phải giúp đỡ các tổ chức của họ, đấu tranh bền bỉ chống những Chính phủ của chính quốc đang áp bức các thuộc địa, đó là một trong những nhiệm vụ cấp thiết nhất của tất cả các công đoàn cách mạng, nhất là ở các nước có giai cấp tư sản đi nô dịch và bóc lột các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

TUYÊN NGÔN CỦA “HỘI LIÊN HIỆP THUỘC ĐỊA” TỔ CHỨC CỦA NHỮNG NGƯỜI BẢN XỨ Ở TẤT CẢ CÁC THUỘC ĐỊA

Hỡi anh em ở các nước thuộc địa! Năm 1914, vì phải đương đầu với một tai hoạ ghê gớm, những người cầm quyền nhà nước đã quay về phía anh em và yêu cầu anh em đồng tình góp phần hy sinh của mình để cứu vãn một Tổ quốc mà người ta nói là của anh em, nhưng thật ra cho đến khi đó, anh em chỉ biết có cái đầu óc thống trị của nó mà thôi.

“Để làm cho anh em không ngần ngại, họ không quên làm lóe lên trước mắt anh em những quyền lợi mà sự hợp tác với họ sẽ đưa lại cho anh em. Nhưng qua con bẫy tấp rôi, thì đâu lại hoàn đó, anh em vẫn phải sống trong chế độ bản xứ, với những tòa án đặc biệt, thiếu hẳn các quyền lợi gắn liền với phẩm giá con người như quyền tự do lập hội, tự do hội họp, tự do báo chí, tự do đi lại ngay cả trên đất nước của anh em. Đó là về mặt chính trị.

“Về mặt kinh tế, anh em vẫn phải chịu nạn sưu dịch nặng nề mà nhân dân oán ghét, vẫn phải đóng thuế muối, vẫn bị đầu độc và cưỡng bách tiêu thụ rượu và thuốc phiện như ở Đông Dương, vẫn bị đi gác đêm để canh giữ tài sản cho bọn cá mập thực dân, như ở Angiêri.

“Lao động như nhau, nhưng công sức của anh em lại bị trả tiền ít hơn các bạn người Âu của anh em.

“Cuối cùng, người ta hứa hẹn với anh em đủ mọi thứ trên trời dưới biển, nhưng giờ đây anh em thấy toàn là những lời lừa dối cả.

“Anh em phải làm thế nào để được giải phóng?

“Vận dụng công thức của Các Mác¹, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em.

¹ Nguyên bản: Formule Karl Marx. Công thức này Mác nêu trong Điều lệ của Hội liên hiệp lao động quốc tế: “Sự giải phóng của giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân”.

“Hội liên hiệp thuộc địa thành lập chính là để giúp đỡ anh em trong công cuộc ấy.

“Với sự giúp đỡ của các đồng chí ở chính quốc đồng tình với sự nghiệp của chúng ta, Hội tập hợp tất cả những người quê ở thuộc địa hiện sống trên đất Pháp.

“Biện pháp hoạt động: Để thực hiện sự nghiệp chính nghĩa ấy, Hội quyết định đưa vấn đề ra trước dư luận bằng báo chí và ngôn luận (tổ chức nói chuyện, mít tinh, thông qua các bạn dân biểu mà đặt vấn đề ra trên diễn đàn các nghị viện) và bằng tất cả mọi biện pháp mà chúng ta có thể làm.

“Hỡi các bạn bị áp bức ở chính quốc! Giai cấp tư sản trong nước các bạn đã lừa dối các bạn, dùng các bạn làm công cụ đi xâm lược đất nước chúng tôi. Ngày nay, vẫn dùng cái chính sách quỷ quyết ấy, giai cấp tư sản nước các bạn lại định dùng chúng tôi để đàn áp mọi cố gắng tự giải phóng của các bạn.

“Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất, các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Các Mác:

“Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!”

“Hội liên hiệp thuộc địa”.

TÁC PHẨM DỊCH RA TIẾNG VIỆT

QUỐC TẾ CA¹

Điệp khúc

*Trận này là trận cuối cùng
Âm ầm đoàn lực, dùng dùng đảng cơ
Lanhtécnaxiônanlơ
Ấy là nhân đạo, ấy là tự do.*

Đoạn I

*Hỡi ai nô lệ trên đời,
Hỡi ai cực khổ đồng thời đứng lên!
Bất bình này chịu sao yên,
Phá cho tan nát một phen cho rồi!
Bao nhiêu áp bức cho đời,
Sạch sành sanh phá cho rồi mới tha!
Cuộc đời này đã đổi ra.
Xưa kia con ở nay là chủ công!*

¹ Nguyễn Công Thu, Vương Thúc Oanh, Phan Trọng Bình và Phan Trọng Quảng, những người này học ở Quảng Châu đã xác nhận được bài hát này từ năm 1926. Bản chữ ký xác nhận, lưu tại Bảo tàng cách mạng.

Đoạn II

*Công nông ta có đảng to,
Có nhờ ta mới có kho có tài.
Trời sinh đất để cho người,
Nhưng đồ lười biếng thì mời đi đi,
Nhưng đồ ăn xôi ở thì,
Mình làm chúng hưởng lẽ gì xưa nay.
Nếu đem diệt sạch lũ này,
Mặt trời vẫn cứ ngày ngày xuân dung!*

Đoạn III

*Việc ta ta phải gắng lo,
Chẳng nhờ trời Phật chẳng nhờ thánh linh
Công nông mình cứu lấy mình,
Sửa sang thế đạo kinh dinh nhân quyền.
Muốn cho đánh đổ cường quyền,
Tự do bình đẳng vẹn tuyền cả hai.
Thụt lò ta phải ra tay,
Sắt kia đang nóng đập ngay mà dùng!*

*Theo bài in trong sách
"Thơ ca cách mạng¹ 1925 - 1945".*

¹ Dịch năm 1925. In trong sách Thơ ca cách mạng 1925 – 1945, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1973, tr 111-112.

CHÁNH CƯƠNG VẤN TẮT CỦA ĐẢNG¹

Tư bản bản xứ đã thuộc tư bản Pháp, vì tư bản Pháp hết sức ngăn trở sức sinh sản làm cho công nghệ bản xứ không thể mở mang được. Còn về nông nghệ một ngày một tập trung đã phát sinh ra lắm khủng hoảng, nông dân thất nghiệp nhiều. vậy tư bản bản xứ không có thể lực gì ta không nên nói cho họ đi về phe đế quốc được, chỉ bọn đại địa chủ mới có thể lực và đứng hẳn về phe đế quốc chủ nghĩa nên chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

A. Về phương diện xã hội thì:

- a) Dân chúng được tự do tổ chức.
- b) Nam nữ bình quyền, v.v...
- c) Phổ thông giáo dục theo công nông hóa.

B. Về phương diện chính trị:

- a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến.
- b) Làm cho nước Nam hoàn toàn độc lập.
- c) Dựng ra Chính phủ công nông binh.
- d) Tổ chức ra quân đội công nông.

C. Về phương diện kinh tế:

- a) Thủ tiêu hết các thứ quốc trái.

¹ Tài liệu của Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

b) Thâu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v...) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý.

c) Thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo.

d) Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo.

e) Mở mang công nghiệp và nông nghiệp.

f) Thi hành luật ngày làm 8 giờ.

Bản sao lưu trữ

SÁCH LƯỢC VẤN TẮT CỦA ĐẢNG

1. Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng.

2. Đảng phải thu phục được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh trực bọn đại địa chủ và phong kiến.

3. Đảng phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày (công hội, hợp tác xã) khỏi ở dưới quyền lực và ảnh hưởng của bọn tư bản quốc gia.

4. Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v... để kéo họ vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới ¹ làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đó đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ.

5. Trong khi liên lạc với giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp, trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu nước An Nam độc lập, phải đồng tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp.

¹ Có thể hiểu là: ít ra cũng. Tài liệu của Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

CHƯƠNG TRÌNH TÓM TẮT CỦA ĐẢNG¹

1. Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản gồm một số lớn của giai cấp công nhân và làm cho họ có đủ năng lực lãnh đạo quần chúng.

2. Đảng tập hợp đa số quần chúng nông dân, chuẩn bị cách mạng thổ địa và lật đổ bọn địa chủ và phong kiến.

3. Đảng giải phóng công nhân và nông dân thoát khỏi ách tư bản.

4. Đảng lôi kéo tiểu tư sản, trí thức và trung nông về phía giai cấp vô sản; Đảng tập hợp hoặc lôi kéo phú nông, tư sản và tư bản bậc trung, đánh đổ các đảng phản cách mạng như Đảng Lập hiến, v.v...

5. Không bao giờ Đảng lại hy sinh quyền lợi của giai cấp công nhân và nông dân cho một giai cấp nào khác.

Đảng phổ biến khẩu hiệu "*Việt Nam tự do*" và đồng thời đảng liên kết với những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới nhất là với quần chúng vô sản Pháp.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1930

¹ Tin trong sách Văn kiện Đảng, (từ 27-10-1929 đến 7-4-1935).
NXB Sự Thật, Hà Nội, 1964, tr15.

THƯ GỬI CÁC ĐỒNG CHÍ LIÊN XÔ

Ngày 28-2-1930

Các đồng chí thân mến,

Người An Nam, nhất là những người lao động, muốn biết nước Nga. Nhưng các sách báo cách mạng đều bị pháp luật hà khắc của đế quốc Pháp nghiêm cấm. Hơn nữa, công nhân và nông nhân An Nam phần lớn không biết chữ. Những người có học chút ít không biết thứ tiếng nào khác ngoài tiếng An Nam. Nhiệm vụ của chúng tôi là phải nói với họ về Tổ quốc đó của giai cấp vô sản như thế nào. Để làm việc này tôi có ý định viết một quyển sách, - bằng tiếng An Nam, đương nhiên, dưới hình thức: “Những kỉ niệm về cuộc du lịch của tôi”. Tôi mong rằng nó sẽ sinh động, hấp dẫn, dễ đọc và có nhiều mẫu chuyện. Đây là Đề cương của tôi về cuốn sách đó.

I. TRƯỚC CÁCH MẠNG

1. Điều kiện sống của công nhân và nông dân.
2. Các tổ chức cách mạng, công tác và sự hy sinh của các tổ chức đó.
3. Sự chuẩn bị cho cuộc cách mạng.
4. Công tác bí mật của R.K.P.

II. TRONG CUỘC CÁCH MẠNG

1. Cách mạng bắt đầu.
2. Đảng và các công đoàn.
3. Nông dân, sinh viên, phụ nữ, nhi đồng tham gia cách mạng.
4. Những khó khăn do bọn đế quốc gây ra, bọn phản cách mạng Nga, nạn thiếu đói và sự anh dũng cách mạng.

5. Sự phát triển dần dần của đất nước Xô Viết.
6. Chủ nghĩa cộng sản thời chiến (đời sống thực).

III. NGÀY NAY

1. Tổ chức Chính phủ Xô Viết .
2. Điều kiện sống của công nhân, nông dân, binh lính, phụ nữ, sinh viên, nhi đồng, phụ lão, v.v...Đại học công nhân, trường Đảng, v.v...
3. Đời sống trong các nhà máy, trại lính, trường học (giáo dục, giải trí, nghỉ hè...)
4. Hôn nhân và nhà ở.
5. Các hợp tác xã.
6. Phú nông và con buôn.
7. Vấn đề ruộng đất.
8. Kết quả của chính sách kinh tế mới và của kế hoạch 5 năm.
9. Quốc tế cộng sản, Quốc tế Công hội, Quốc tế Nông dân (số hội viên và các nước tham gia).
10. Rạp hát, bệnh viện, nhà trẻ, v.v...
11. Số liệu so sánh (1914-1930) về:
 - a) Số tổ chức công nông và ông dân, thành viên của các tổ chức này;
 - b) Về số trường học và số học sinh;
 - c) Về bệnh viện và các cơ quan xã hội khác;
 - d) Số công nhân và nông dân biết chữ;
 - e) Sản xuất trong nước.

v.v....v.v....

Bây giờ có hai vấn đề được đặt ra:

1. *Tài liệu*: Tôi không có gì cả. Tôi đề nghị các đồng chí cung cấp cho tôi tài liệu bằng tiếng Pháp hay tiếng Anh. Gửi đến cho Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đề ngoài bì: Gửi ông Victo Lobông, 123 - Đại lộ Cộng hòa, Paris, Pháp, với câu ghi: "*Nhờ chuyển ngay tức khắc*".

2. *Việc in:* Ở đây chúng tôi chỉ có poly-copie nên chỉ có thể in nhiều nhất là một trăm bản. Chữ cái Việt Nam giống như chữ cái Latinh với một số dấu phụ, ví dụ: a, à, á, ả, â, ã, ạ, v.v... khi viết xong cuốn sách, chúng tôi có thể in ở nơi các đồng chí được không?

Tôi tin tưởng ở đồng chí về mặt tài liệu cũng như về những lời khuyên cần thiết. Hãy trả lời cho tôi trên địa chỉ trên.

Lời chào cộng sản anh em

NGUYỄN ÁI QUỐC¹

Bản sao lưu trữ

¹ Bút tích tiếng Pháp, bản chụp lưu tại viện Hồ Chí Minh.

NGHỆ TỈNH ĐỎ

Hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh ở cách 360 km về phía bắc thành phố Huế, kinh đô nước An Nam (nơi tên vua “bù nhìn” thiết lập triều đình) và cách 326 km về phía nam Hà Nội, thủ phủ xứ Đông Dương thuộc đế quốc Pháp. Tỉnh Nghệ An có 3 phủ, 6 huyện với số dân 614.000 người ở 942 làng. Tỉnh Hà Tĩnh có 2 phủ, 6 huyện với số dân 405.000 người. Trong số 500.000 người đàn ông của cả hai tỉnh, thì 120.000 người phải đóng thuế thân 2đ20 mỗi năm một đầu người.

Hà Tĩnh không có công nghiệp. Vinh là thành phố chính của Nghệ An. Ở Vinh có một nhà ga xe lửa lớn, một nhà máy điện nước, một nhà máy diêm, 5 nhà máy cưa, 2 xưởng sửa chữa ô tô và một vài xưởng nhỏ, tất cả dùng 4.000 công nhân.

Ngoài số công nhân đó và một số như vậy quan lại, chủ đồn điền và người buôn bán..., nhân dân hai tỉnh đều là bản và trung nông (hơn 1 triệu).

Địa thế hai tỉnh nhiều rừng núi, đất đai cằn cỗi, nông giang chẳng có, ở đây thường xảy ra lụt, bão, do đó nhân dân đói khát và nơi ăn chốn ở rất khổ sở. Sưu thuế nặng nề và nạn áp bức xã hội và chính trị làm cho cảnh ngộ của họ càng cùng cực hơn.

Nhân dân Nghệ - Tĩnh nổi tiếng cứng đầu. Trong thời Pháp xâm lược cũng như trong các phong trào cách mạng quốc gia (1905-1925) Nghệ - Tĩnh đã nổi tiếng. Trong cuộc đấu tranh hiện nay, công nhân và nông dân Nghệ - Tĩnh vẫn giữ vững truyền thống cách mạng của mình.

Từ tháng 5 đến tháng 12, công nhân Nghệ An (Vinh) đã 8 lần làm bãi công và biểu tình có 2.500 người tha gia. Cũng trong thời gian đó, 137 cuộc biểu tình đã nổ ra bao gồm tất cả 300.000 nông dân.

Thiệt hại: 625 nông dân bị máy bay ném bom và súng máy giết chết, 8 làng bị triệt hạ, hơn 1.000 chiến sĩ bị bắt giam, hàng tram người bị đem đi dày.

Ở hai tỉnh, hơn 60.000 nông dân (đàn ông, đàn bà và thanh niên) đã được tổ chức vào hội.

Nghệ - Tỉnh thật xứng đáng với danh hiệu “đỏ”!

Từ ngày 26-12 đến ngày 19-1, có hai cuộc lễ lớn ở gần Vinh: một cuộc lễ “đỏ” và một cuộc lễ “vàng”.

Cuộc lễ thứ nhất được tổ chức ở làng Lộc Đa, cách Vinh 2km, 4.000 công nhân thành phố Vinh và nông dân Hưng Nguyên, Nghi Lộc đã đến dự để làm lễ truy điệu các chiến sĩ bị hy sinh trong ngày 11-12, nhân dịp Công xã Quảng Châu.

Một lá cờ búa liềm được chăng ra trên bàn thờ đầy hương hoa, xung quanh cắm 100 lá cờ đỏ. 10 giờ đêm, khi mọi người đã đến đông đủ, hai đoàn xe đạp được bố trí đi tuần tra trên các ngã đường về Vinh và Bến Thủy mà từ các ngã đó lính Pháp có thể kéo đến, còn một đoàn khác vây quanh quần chúng và hát bài Quốc tế ca. Lệnh “mặc niệm” bỗng nhiên được đưa ra. Người chủ trì buổi lễ lên đọc diếu văn. Sau đó, đại biểu Công hội, Nông hội và đại biểu các làng lên nói chuyện.

Một đại biểu đề nghị: Ngày hôm sau, tất cả các chợ ở Hưng Nguyên và Nghi Lộc đều bãi thị.

Đề nghị đó được mọi người nhiệt liệt hưởng ứng. Ngày hôm sau, đúng như lời cam kết, tất cả các chợ đều vắng tanh.

Trong lúc buổi lễ đang tiến hành, anh em công nhân cắt điện làm cho cả thành phố Vinh - Bến Thủy bị chìm ngập 10 phút trong đêm tối.

Bom đạn, súng máy, đốt nhà, đồn binh (28 đồn mới được dựng lên ở riêng Nghệ An), tuyên truyền của Chính phủ, báo chí... đều bất lực không dập tắt nổi phong trào cách mạng của Nghệ - Tĩnh. Vì thế bọn đế quốc Pháp đã nghị ra một thủ đoạn mới: tổ chức những cuộc biểu tình phản cách mạng và bắt buộc nhân dân thành phố tham gia.

Ngày 19-1, nhân dân 24 khu phố bị lợi ra đường, từng tốp một bước theo nhịp trống, mang 5 lá cờ vàng có ba sắc dè lên góc. Cờ vàng là quốc kỳ của Vương quốc An Nam. Những đoàn người “quy thuận” (bọn Pháp đã đặt cho họ cái tên này mặc dầu những người An Nam đáng thương đó chưa khi nào chiến đấu) bị dẫn đến hoàng cung (nơi bọn quan lại thường đến đó bái vọng nhà vua, mặc dầu ông ta không bao giờ đến đó). Họ được viên tổng đốc bậm lễ phục đón tiếp. Quan lớn nói với họ như thế này: *“Bây giờ nhân dân thành phố đã xin tạ lỗi quy thuận Chính phủ Nam*

triều và Chính phủ Pháp thì phải lo giữ gìn trật tự, an ninh trong thành phố. Các người đừng nghe những lời tuyên truyền bậy bạ và phạm những điều đáng chê trách" (tên tổng đốc muốn nói đến cách mạng đấy, nhưng nó không dám dùng những tính từ quá chua cay, mỗi khi nói đến cách mạng trước nhân dân). Tên tổng đốc bảo mọi người lạy ba lạy trước ảnh vua để tỏ lòng trung với vua. Rồi nó dẫn nhân dân đến trước toà sứ và cũng buộc phải lạy ba lần để tỏ lòng trung thành với đế quốc Pháp.

Bọn đế quốc và phong kiến Nam triều xem cuộc biểu tình tỏ lòng trung thành đó là một thành công lớn của chúng và hôm sau tin này được đăng đầy trên báo chí.

Chúng định tiếp tục tổ chức những cuộc biểu tình như vậy ở Nghệ - Tĩnh. Nhưng ở các thôn xã nông dân cách mạng thì khó mà tổ chức được như ở thành phố, nơi mà chúng chỉ tập hợp được một số người ngốc nghếch mà thôi.

Ngày 19 tháng 2 năm 1931.¹

¹ Tài liệu tiếng Anh, bản chụp lưu tại viện Hồ Chí Minh.

CHƯƠNG TRÌNH VIỆT MINH

Việt Nam độc lập đồng minh (nói tắt là Việt Minh) chủ trương liên hiệp hết thảy các tầng lớp nhân dân, các đoàn thể cách mạng, các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại, chiến đấu đánh đổ chủ nghĩa đế quốc phát xít Nhật, giành quyền độc lập cho nước Việt Nam.

Sau khi đánh đuổi được đế quốc phát xít Nhật, sẽ lập lên Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, lấy cờ đỏ, sao năm cánh làm quốc kì. Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa do Quốc dân Đại hội cử lên sẽ thi hành những chính sách sau này:

A. CHÍNH TRỊ

1. Phổ thông đầu phiếu: hễ ai là người Việt Nam, vô luận nam nữ từ 18 tuổi trở lên đều có quyền tuyển cử, trừ bọn Việt gian phản quốc.

2. Ban bố các quyền tự do dân chủ cho nhân dân: tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại trong nước, tự do xuất dương. Bỏ chế độ bắt phu và các chế độ áp bức do đế quốc đặt ra.

3. Tổ chức Việt Nam cách mạng quân và vũ trang dân chúng, thẳng tay trừng trị bọn phản quốc, giữ vững chính quyền cách mạng.

4. Tịch thu hết thảy tài sản của đế quốc phát xít. Trừng trị và tịch thu tài sản của bọn Việt gian phản quốc.

5. Toàn xá phạm nhân.

6. Nam nữ bình quyền.

7. Tuyên bố dân tộc tự quyết.

8. Liên hiệp và thân thiện với tất cả các dân tộc hèn yếu, nhất là dân tộc Miên, Lào, Tà, Triều Tiên, Ấn Độ.

B. KINH TẾ

1. Bỏ thuế thân và các thứ thuế do đế quốc đặt ra. Lập nên một thứ thuế rất nhẹ và công bình.

2. Quốc hữu hóa các ngân hàng đã tịch thu của đế quốc phát xít Nhật. Lập nên một ngân hàng quốc gia thống nhất.

3. Mở mang các ngành kĩ nghệ, giúp đỡ thủ công nghiệp làm cho nền quốc dân kinh tế chóng phát đạt.

4. Mở mang dẫn thủy nhập điền, bồi đắp đê điều làm cho nông nghiệp phần thịnh.

5. Nhân dân tự do khai khẩn đất ruộng do Chính phủ giúp đỡ.

6. Quan thuế (thuế đánh hàng hóa xuất cảng, nhập cảng) độc lập.

7. Mở mang các đường giao thông vận tải (như đường xe lửa, đường ô tô, các nhà máy thép, sông ngòi, v.v.)

C. GIÁO DỤC VĂN HÓA

1. Hủy bỏ nền giáo dục nô lệ. Gây dựng nền quốc dân giáo dục. Cưỡng bức giáo dục từ bậc sơ học. Mỗi dân tộc có quyền dùng tiếng mẹ đẻ trong nền giáo dục dân tộc mình.

2. Lập các trường chuyên môn huấn luyện chính trị, quân sự, kỹ thuật để đào tạo các lớp nhân tài.¹

3. Khuyến khích và giúp đỡ các hạng trí thức được phát triển tài năng của họ.

4. Khuyến khích và giúp đỡ nền giáo dục quốc dân làm cho nòi giống này thêm mạnh.

D. ĐỐI VỚI CÁC TẦNG LỚP NHÂN DÂN

1. Công nhân: ngày làm 8 giờ. Định tiền lương tối thiểu. Công việc làm như nhau nhận tiền lương ngang nhau. Cứu tế thất nghiệp. Xã hội bảo hiểm. Cấm đánh đập, chửi mắng. Thủ tiêu các giấy giao kèo nô lệ, lập các giấy giao kèo chung của chủ và thợ. Công nhân già có lương hưu trí.

2. Nông dân: nông dân ai cũng có ruộng cày. Giảm địa tô. Cứu tế nông dân trong những năm mất mùa.

3. Binh lính: hậu đãi binh lính có công giữ gìn Tổ quốc và phụ cấp gia đình binh lính được đầy đủ.

¹ Trong nguyên bản chụp micro phim chỗ này bỏ trống, không có chữ đào tạo.

4. Học sinh: bỏ học phí, bỏ khai sinh hạn tuổi. Mở thêm trường học. Giúp đỡ học trò nghèo.

5. Phụ nữ: về các phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa, đàn bà đều được bình đẳng với đàn ông.

6. Thương nhân và các kinh doanh: Chính phủ hết sức giúp các nhà có vốn tự kinh doanh. Bỏ thuế môn bài và các thứ tạp thuế do đế quốc đặt ra.

7. Viên chức: hậu đãi viên chức xứng đáng với công học hành của họ.

8. Người già và kẻ tàn tật: được Chính phủ chăm nom và cấp dưỡng.

9. Nhi đồng: được Chính phủ săn sóc đặc biệt về thể dục và trí dục.

10. Hoa kiều: được Chính phủ bảo chứng tài sản an toàn, được đối đãi như dân tối huệ quốc.

E. XÃ HỘI

1. Thi hành luật lao động, ngày làm việc 8 giờ.

2. Giúp đỡ các gia đình đông con.

3. Lập ấu trĩ viên để chăm nom trẻ con.

4. Lập các nhà chiếu bóng, diễn kịch, câu lạc bộ, thư viện để nâng cao trình độ trí dục cho nhân dân.

5. Lập thêm nhà thương, nhà đỡ đẻ, nhà dưỡng lão.

F. NGOẠI GIAO

1. Hủy bỏ hết thảy các điều ước do bọn thống trị cũ kí kết với bất kỳ nước nào.

Ký những hiệp ước giao hảo và bình đẳng với mọi nước về các phương diện.

2. Chủ trương các dân tộc được bình đẳng. Hết sức giữ gìn hòa bình.

3. Kiên quyết chống hết thảy những sự xâm phạm đến quyền tự do độc lập của nước Việt Nam.

4. Liên hiệp với tất cả nhân dân và dân tộc bị áp bức trên thế giới.

RẼ

Thói thường nhanh thì khó tốt, tốt thì khó rẻ! Nhưng đó chỉ là “thói thường” khi người lao động còn phải bán sức mình như một món hàng để kiếm sống. Đối với chúng ta, những người lao động đang làm chủ và xây dựng cuộc sống mới, thì NHIỀU, NHANH, TỐT, RẼ lại gắn bó với nhau như da thịt.

Nếu làm nhiều, làm nhanh, làm tốt, nhưng lại không rẻ - nghĩa là nếu phải dùng quá nhiều sức người, sức của – thì rốt cuộc vẫn không đạt được mục đích tăng sức sống của nhân dân và tăng nhanh tích lũy để xây dựng công nghiệp, mở mang kinh tế. Cho nên, chúng ta phải hết sức tiết kiệm sức người, sức của trong sản xuất và xây dựng.

Điều quan trọng trước hết vẫn là nâng cao năng suất lao động. Tăng năng suất lao động là tiết kiệm sức người, tiết kiệm thời gian lao động. Đó là cách làm vừa nhanh, vừa rẻ. Nhưng như thế chưa đủ, mà còn phải tính toán thật chi ly trong việc dùng nguyên liệu, vật liệu. Phải dùng nguyên liệu, vật liệu thật hợp lý và không để nhiều nguyên liệu, vật liệu bị loại bỏ. Mỗi người, mỗi đơn vị sản xuất phải luôn luôn tự đặt cho mình câu hỏi: “Có thể dùng ít nguyên liệu, vật liệu hơn mà hàng vẫn tốt không? Có thể dùng những nguyên liệu, vật liệu tương đối rẻ thay thế cho những nguyên liệu tương đối đắt, hoặc dùng những thứ sẵn có ở gần để thay thế những thứ phải chở từ xa tới không? Có thể sửa đổi quy cách một số mặt hàng để tiết kiệm nguyên liệu hơn nữa không? (ví dụ chúng ta đã làm diêm que ngắn để tiết kiệm gỗ, dùng than xỉ để đúc bê tông, dùng tre thay gỗ để làm cốp pha, v.v.).

Tăng năng suất lao động, tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, quy đến cùng đều là tiết kiệm vốn. Nhưng còn một cách tiết kiệm vốn nữa mà công nhân ta còn ít nghĩ đến. Đó là việc làm cho vốn “quay vòng nhanh”. Cái vòng quay ấy là như thế này: bỏ vốn vào sản xuất – làm ra hàng hoá – bán hàng hoá, thu vốn về - lại bỏ vốn vào sản xuất. Biết làm cho vốn quay vòng nhanh, thì có ít vốn mà dùng được nhiều lần, nên sản xuất được nhiều. Cũng ví như người tướng giỏi, có ít quân mà khéo điều động

nên đánh được nhiều trận. Công nhân ta thi đua cải tiến tổ chức, cải tiến kỹ thuật để rút ngắn thời gian sản xuất và cố gắng làm hàng cho tốt để bán ra được nhanh, thì sẽ trở thành những người tương giỏi về mặt này.

Tăng năng suất lao động, tiết kiệm vốn, tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, không những giảm được giá thành, mà còn dôi ra một số khá lớn sức người, sức của để sản xuất thêm nhiều hàng hoá, xây dựng thêm nhiều xí nghiệp mới. Thế là đã nhiều, nhanh lại rẻ. Và do rẻ, nên càng nhiều, nhanh.

C.K

Bản sao lưu trữ

BÀI NÓI TẠI ĐẠI HỘI CHIẾN SĨ THI ĐUA CÔNG NGHIỆP

Năm 1957, trong phong trào thi đua của Bộ Công nghiệp đã nảy nở 100 tổ sản xuất tiên tiến, 800 chiến sĩ thi đua, 4.000 lao động tiên tiến. Năm 1958, có 260 tổ sản xuất tiên tiến, gần 1.350 chiến sĩ thi đua và gần 12.000 lao động tiên tiến. Năm 1959, có gần 2.000 chiến sĩ thi đua và hơn hai vạn lao động tiên tiến. Như vậy là phong trào thi đua mỗi năm một tiến bộ thêm. Chúng ta phải cố gắng phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm để phong trào thi đua ngày càng tốt hơn nữa.

Năm nay là năm rất quan trọng: chúng ta phải kết thúc tốt kế hoạch 3 năm và chuẩn bị tốt để bắt tay vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Đồng thời năm nay lại cũng là năm chúng ta mừng Đảng ta 30 năm tuổi, mừng kỷ niệm 15 năm Ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mừng Đại hội Đảng.

Vì vậy, chúng ta cố gắng đẩy mạnh phong trào thi đua năm 1960 cho sôi nổi, vững chắc và liên tục. Phải thi đua làm nhiều, nhanh, tốt, rẻ. Nhiều, nhanh tức là cần. Tốt, rẻ tức là kiệm. Cần, kiệm tức là phải tăng năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Thi đua là nhiều, nhanh, tốt, rẻ, phải đi đôi với đảm bảo an toàn lao động, phải biết quý trọng con người. Đồng thời phải chú ý bảo vệ máy móc, phải làm sao cho máy móc tốt, nâng cao công suất máy. Nếu không bảo vệ được máy móc tốt tức là không bảo vệ của công, không giữ đúng kỷ luật lao động.

Thi đua lại phải bền bỉ và liên tục. Muốn vậy phải cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức, chứ không phải làm dốc sức, phải củng cố và phát triển những kết quả tốt của cuộc vận động cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp.

Năm vừa qua anh chị em công nhân các xí nghiệp đã có tinh thần dám nghĩ, dám làm, do đó phát huy nhiều sáng kiến tốt. Chỉ tính riêng ở 4 xí nghiệp cơ khí Hà Nội, điện Hà Nội, than Cẩm Phả, than Hòn Gai, đã có 1.300 sáng kiến cải tiến lớn nhỏ. Như vậy là tốt. Các cán bộ phụ trách

cần phải chú ý nghiên cứu kịp thời các sáng kiến của công nhân, bổ sung, phổ biến và áp dụng rộng rãi để mọi người cùng làm. Như vậy, sáng kiến mới có tác dụng tốt.

Công nhân Trung Quốc căn bản hoàn thành kế hoạch 5 năm trong 2 năm. Công nhân Triều Tiên căn bản hoàn thành kế hoạch 5 năm trong 2 năm rưỡi.

Công nhân ta cần cù, khéo tay, lại được các nước anh em giúp đỡ về máy móc, chuyên gia, kỹ thuật. Chúng ta phải cố gắng noi gương công nhân các nước anh em để hoàn thành kế hoạch Nhà nước vượt mức và trước thời hạn. Mọi người phải thấy trách nhiệm của mình là người chủ nước nhà, quyết tâm phấn đấu thì nhất định sẽ hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước.

Do biết sắp xếp tổ chức thi đua tốt nên chỉ trong vài tuần, anh chị em công nhân Cọc 6 đã đưa mức sản xuất từ 32 xe một ca lên tới 335 xe, tăng năng suất gấp 10 lần.

Nếu các đơn vị biết học tập Cọc 6, biết sắp xếp chấn chỉnh tổ chức thi đua cho tốt, nhất định tăng năng suất còn cao hơn và nhất định sẽ hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Các chiến sĩ thi đua, các cán bộ, đảng viên, đoàn viên phải gương mẫu, phải làm đầu tàu trong mọi việc, phải dìu dắt người chậm tiến để cùng nhau tiến bộ. Xí nghiệp tiên tiến phải dìu dắt xí nghiệp chậm tiến. Mọi người nên noi gương nữ chiến sĩ Liên Xô Gaganôva là một công nhân lành nghề, nhưng đã có tinh thần tự động xung phong đi tìm một kíp chậm tiến để giúp đỡ mọi người tiến bộ.

Mọi người phải chú ý giữ gìn vệ sinh, bảo vệ sức khỏe. Phải cố gắng thi đua đẩy mạnh sản xuất để góp phần nâng cao đời sống cho nhân dân ta, trong đó có đời sống của công nhân. Làm được như vậy tức là giai cấp công nhân đã thiết thực góp sức mình vào việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, xứng đáng là giai cấp lãnh đạo cách mạng.

BÀI NÓI CHUYÊN TẠI ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN TOÀN QUỐC LẦN THỨ II

Thưa Đại hội,

Tôi xin thay mặt Đảng và Chính phủ nhiệt liệt hoan nghênh Đoàn đại biểu Liên hiệp công đoàn thế giới và tổ chức công đoàn các nước anh em và các nước bạn. Tôi trân trọng cảm ơn các đồng chí đã mang đến cho chúng tôi tình đoàn kết vô sản quốc tế. Tôi mong rằng các đồng chí chẳng những khen ngợi những ưu điểm, mà cũng thật thà phê bình những khuyết điểm của chúng tôi, để chúng tôi tiến bộ nhiều hơn nữa.

Tôi thân ái chào mừng các đại biểu của Đại hội và nhờ các đại biểu chuyển lời thân ái khuyến khích và thăm hỏi của Đảng, của Chính phủ và của tôi đến tất cả anh em, chị em lao động chân tay và lao động trí óc.

Tôi cũng cùng tất cả anh em đại biểu gửi lời chào thân ái đến đồng bào lao động miền Nam và chúc đồng bào đấu tranh thắng lợi.

Thưa các đồng chí,

Mục đích của Đại hội này là bàn bạc thông qua những biện pháp tốt nhất để thực hiện tốt những đường lối, chính sách mà Đại hội lần thứ III của Đảng ta đã vạch ra về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

Trong báo cáo của đồng chí Duẩn, đồng chí Nghị và đồng chí Việt đã nêu rõ ràng, đầy đủ các vấn đề quan trọng. Hôm nay, tôi xin chỉ tóm tắt nêu một vấn đề, là vấn đề làm người chủ nước nhà.

Suốt bao năm trường, Đảng ta cùng quân và dân ta đã anh dũng hy sinh chiến đấu, đánh đổ thực dân, phong kiến để giành lại cho nhân dân lao động cái quyền làm chủ nước nhà. Vậy ngày nay tất cả những người lao động – lao động chân tay và lao động trí óc - đều phải nhận thật rõ : mình là người chủ nước nhà.

Đã có quyền hạn làm chủ, thì phải làm trọn nghĩa vụ của người chủ. Nghĩa vụ đó là: cần kiệm xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội,

nhằm mục đích không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động.

Muốn đạt mục đích ấy, thì phải thi đua sản xuất nhiều, nhanh, tốt, rẻ và thực hành tiết kiệm.

Thử hỏi chúng ta đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đó chưa? Chưa!

Công nhân và cán bộ ta có cố gắng, có thành tích. Nhưng phải cố gắng nhiều hơn nữa, mới thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đó. Một ví dụ:

Với sự hy sinh đóng góp của nhân dân và sự hết lòng giúp đỡ của các nước anh em - trước hết là Liên Xô và Trung Quốc - hiện nay chúng ta đã có 172 xí nghiệp nhà nước (và khoảng 600 cơ sở công nghiệp địa phương). Nhưng ở các xí nghiệp nhà nước, chúng ta sử dụng máy móc chỉ đạt non 50% công suất. Như thế khác nào chỉ có 86 xí nghiệp hoạt động sản xuất, còn 86 xí nghiệp thì bị bỏ không! Do đó mà lãng phí một cách vô cùng nghiêm trọng máy móc, thời gian, sức người, sức của.

Vì đâu mà có tình trạng nghiêm trọng ấy? Vì một số khá đông cán bộ và công nhân chưa thật thấm nhuần tinh thần cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, chưa làm tròn nghĩa vụ của người chủ xí nghiệp, người chủ nước nhà. Do đó mà tổ chức thiếu khoa học, kỷ luật lao động lỏng lẻo, kém ý thức bảo vệ an toàn lao động và bảo vệ của công, thiếu tinh thần trách nhiệm, v.v.. Đó là mấy khuyết điểm của Công đoàn phải quyết tâm khắc phục cho kỳ được.

Phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật cũng là một vấn đề quan trọng. Phải nhận rằng đại đa số công nhân ta đều cần cù, thông minh và có nhiều sáng kiến hay. Theo báo cáo thì trong năm 1958, công nhân có hơn 6 vạn sáng kiến. Chỉ trong tháng 2 năm nay, công nhân nhiều xí nghiệp, như nhà máy Gia Lâm, nhà máy Trần Hưng Đạo, v.v. có những sáng kiến tăng năng suất từ gấp đôi đến gấp 15 lần, nhà máy cơ khí Duyên Hải (Hải Phòng) có những sáng kiến vượt 255 tiêu chuẩn tiên tiến, v.v...

Nếu Công đoàn biết khuyến khích, áp dụng, cải tiến và phổ biến rộng rãi những sáng kiến ấy, thì năng suất lao động sẽ nâng cao không ngừng.

Để công nhân xoá bỏ hết tư tưởng "làm thuê" và thực hiện nhiệm vụ là chủ xí nghiệp, chúng ta cần tiếp tục đẩy mạnh phong trào cải tiến quản lý xí nghiệp. Công nhân phải thật sự tham gia quản lý, cán bộ phải thật sự tham gia lao động. Tất cả công nhân và cán bộ trong xí nghiệp

đoàn kết thành một khối, thành người chủ tập thể thì khó khăn gì cũng khắc phục được, kế hoạch nào cũng hoàn thành tốt.

Mọi người thấm nhuần tinh thần làm chủ nước nhà, làm chủ xí nghiệp, thì phong trào thi đua yêu nước nhất định sẽ sôi nổi, bền bỉ, rộng khắp và thắng lợi to.

Khi công nhân và cán bộ đưa hết tinh thần và lực lượng để tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, để làm tròn nhiệm vụ của người chủ, thì Công đoàn cũng phải làm tròn nhiệm vụ của mình đối với họ. Cán bộ công đoàn phải thực hiện “bốn cùng với công nhân. Công đoàn phải có biện pháp thiết thực để nâng cao trình độ văn hoá và kỹ thuật của công nhân, phải tùy khả năng cộng với cố gắng mà nâng cao dần đời sống vật chất của họ, phải chú ý bảo vệ sức khoẻ, bảo vệ an toàn lao động và tăng cường công tác vệ sinh.

Các nước anh em chẳng những giúp ta về máy móc, kỹ thuật và các thứ cần thiết, mà còn giúp ta nhiều về tinh thần, về tác phong. Một ví dụ: Sau những phá hoại khủng khiếp của hai cuộc chiến tranh thế giới và những năm nội chiến, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhân dân lao động Liên Xô đã thất lưng buộc bụng gần 18 năm để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, Liên Xô đang xây dựng thắng lợi chủ nghĩa cộng sản, đã là một nước giàu mạnh vào bậc nhất thế giới. Tuy nhiên, nhân dân Liên Xô càng ra sức thi đua thắng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, hàng chục triệu người đang sôi nổi thi đua để giành danh hiệu vẻ vang là “Đội lao động cộng sản chủ nghĩa”. Do đó mà kế hoạch to lớn 7 năm sẽ hoàn thành và hoàn thành vượt mức trước thời hạn từ một đến ba năm. Các nước khác trong phe xã hội chủ nghĩa đều học tập Liên Xô và có phong trào thi đua sôi nổi.

Chúng ta phải có quyết tâm noi gương và học tập Liên Xô và các nước anh em khác trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội

Liên Xô, Trung Quốc và các nước anh em lại phái các đồng chí chuyên gia sang giúp ta. Chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ với các đồng chí chuyên gia, học tập tác phong và kinh nghiệm của các đồng chí đó.

Các đồng chí,

Nhân dân lao động ta sẵn có truyền thống cực kỳ anh hùng, đã làm cách mạng thành công, kháng chiến thắng lợi. Hiện nay, chúng ta đang làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, một cuộc cách mạng tuy trường kỳ gian

khổ, song nhất định thắng lợi, chỉ phải đổ mồ hôi mà không đổ máu, một cuộc cách mạng nhằm đánh thắng lạc hậu và bần cùng, để xây dựng hạnh phúc muôn đời cho nhân dân ta, cho con cháu ta. Tôi tin chắc rằng, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và sự hướng dẫn tận tụy của Công đoàn, nhân dân lao động sẽ ra sức phát huy truyền thống anh hùng của mình và sẽ giành được thắng lợi to lớn.

Trong cuộc cách mạng này, Công đoàn có nhiệm vụ rất nặng nề nhưng rấy vẻ vang. Cán bộ, đảng viên và đoàn viên thanh niên, các anh hùng và chiến sĩ lao động phải gương mẫu, phải làm đầu tàu trong mọi việc, để đưa công nhân ta từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Các đồng chí,

Bản Tuyên ngôn lịch sử của 81 đảng Mác – Lênin tại Hội nghị Mátxcova đã nêu rõ: Chế độ tư bản đế quốc ngày càng suy đồi, chủ nghĩa xã hội ngày càng lớn mạnh. Cùng giai cấp công nhân thế giới, chúng ta mạnh bạo giương cao ngọn cờ chủ nghĩa Mác – Lênin, đoàn kết chặt chẽ giữa các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa mà trung tâm là Liên Xô vĩ đại, chúng ta nhất định thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp.

BÀI NÓI CHUYỆN VỚI ĐỒNG BÀO VÀ CÁN BỘ TỈNH CAO BẰNG

Bác và các đồng chí Tố Hữu, Lê Quảng Ba và Nguyễn Khai thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ về chúc mừng năm mới đồng bào các dân tộc, cán bộ và anh hùng, chiến sĩ thi đua.

Ngày trước, Cao Bằng là một nơi căn cứ địa của cách mạng và kháng chiến. Đồng bào Cao Bằng đã góp phần xứng đáng trong công cuộc đánh Nhật, đánh Tây và giành lại tự do, độc lập cho Tổ quốc.

Từ ngày hoà bình được lập lại, đồng bào và cán bộ tỉnh ta đã cố gắng nhiều và đã có thành tích khá về các mặt: chính trị, kinh tế, văn hoá. Đó là những kết quả tốt và đáng khen.

Sau đây là mấy vấn đề đồng bào và cán bộ cần rất chú ý:

1. Đoàn kết giữa các dân tộc

Tỉnh ta có nhiều dân tộc, trước kia bọn thực dân và phong kiến dùng mọi cách để chia rẽ các dân tộc. Chúng làm cho dân tộc này khinh rẻ và oán ghét dân tộc khác, để chúng dễ dàng áp bức bóc lột tất cả các dân tộc ta.

Ngày nay, chế độ ta là chế độ dân chủ, Đảng và Chính phủ ta chỉ lo phục vụ lợi ích của nhân dân. Đồng bào tất cả các dân tộc, không phân biệt lớn nhỏ, phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, phải đoàn kết chặt chẽ như anh em một nhà, để cùng nhau xây dựng Tổ quốc chung, xây dựng chủ nghĩa xã hội cho tất cả các dân tộc được hạnh phúc, ấm no.

2. Cần kiệm xây dựng hợp tác xã

Muốn no cơm, ấm áo thì mọi người phải thi đua tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Nông dân phải cần kiệm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp cho tốt, cho vững. Muốn hợp tác xã phát triển tốt và vững thì:

a. Cán bộ, ban quản trị phải công bằng, dân chủ. Mọi việc phải bàn bạc với xã viên, sổ sách, tiền của phải rõ ràng minh bạch.

b. Xã viên phải đoàn kết chặt chẽ, vui vẻ sản xuất, coi công việc hợp tác xã như công việc nhà mình. Để sản xuất tốt, tăng gia thu nhập cho cả hợp tác xã và cho mỗi xã viên, cần phải thực hiện những điều sau đây:

1. Đủ nước,
2. Nhiều phân
3. Cày sâu, bừa kỹ
4. Giống tốt, mạ tốt
5. Trừ sâu, diệt thú rừng
6. Cải tiến nông cụ
7. Săn sóc ruộng rẫy

Hợp tác xã cần phải đẩy mạnh chăn nuôi. Phải tổ chức nghề phụ để thêm thu nhập cho xã viên.

Trong tỉnh ta, làm thổ sản là một nguồn thu nhập lớn, cần tích cực khai thác có kế hoạch và ra sức trồng cây, bảo vệ rừng.

Hiện nay, ở tỉnh ta ở vùng thấp 80% nông hộ đã vào hợp tác xã, trong đó có 90 hợp tác xã cấp cao, như thế là khá. Nhưng dần dần phải hợp mấy hợp tác xã nhỏ thành hợp tác xã loại vừa và loại to thì người nhiều, sức đủ, làm ăn tốt hơn. Ở vùng cao mới có 18% nông hộ vào hợp tác xã, như thế là ít. Phải theo đúng nguyên tắc tự nguyện mà giúp đỡ đồng bào vùng cao đẩy mạnh phong trào hợp tác xã hơn nữa. Xây dựng hợp tác xã nào phải làm cho hợp tác xã ấy tốt và vững.

3. Về công nghiệp

Mỏ Tĩnh Túc là công nghiệp to nhất ở tỉnh ta. Công nhân và cán bộ mỏ đã hoàn thành kế hoạch 3 năm trước thời hạn và năm 1960 đã sản xuất vượt kế hoạch hơn 100 tấn. Như thế là tốt, nhưng không nên cho như thế là tốt mức rồi. Các đồng chí công nhân và cán bộ cần phải theo đà thắng lợi đó là tiến lên giành thắng lợi to hơn nữa.

Công nghiệp địa phương cần phải nhằm cung cấp những hàng hóa và dụng cụ thích hợp với nhu cầu của đồng bào các dân tộc, trước hết là các thứ nông cụ. Phải làm đúng 4 chữ: nhiều, nhanh, tốt, rẻ.

Công tác thương nghiệp đã có nhiều cố gắng, nhưng cần phải tích cực phục vụ đồng bào tốt hơn nữa.

4. Về văn hoá

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, số đông nhân dân không được học, không biết chữ, vùng thấp đã căn bản xoá xong nạn mù chữ. Cần phải cố gắng thanh toán cho hết nạn mù chữ.

Trong tỉnh ta có trường phổ thông cấp I, cấp II, và cấp III. Phong trào bổ túc văn hoá đang lên. Nhiều xã có trạm chữa bệnh. Như thế là khá. Cần phải tuyên truyền rộng khắp phong trào thể dục và vệ sinh phòng bệnh, làm cho mọi người biết ăn sạch, uống sạch, mặc sạch, ở sạch.

Bản sao lưu trữ

TÔI CHỈ CÓ MỘT SỰ HAM MUỐN, HAM MUỐN TỘT BẠC,
LÀ LÀM SAO CHO NƯỚC TA ĐƯỢC HOÀN TOÀN ĐỘC LẬP,
DÂN TA ĐƯỢC HOÀN TOÀN TỰ DO, ĐỒNG BÀO AI CŨNG CÓ CƠM
ĂN ÁO MẶC, AI CŨNG ĐƯỢC HỌC HÀNH...

- Trả lời các nhà báo nước ngoài, tháng 1-1946.

- Hồ Chí Minh toàn tập, t.4, tr.191.

CHÍNH SÁCH NGU DÂN

"Để có thể đánh lừa dư luận bên Pháp và bóc lột dân bản xứ một cách êm thấm, bọn cá mập của nền văn minh không những đầu độc nhân dân An Nam bằng rượu và thuốc phiện, mà còn thi hành một chính sách ngu dân triệt để.

... Nhân dân Đông Dương khẩn khoản đòi mở trường học vì trường học thiếu một cách nghiêm trọng. Mỗi năm, vào kỳ khai giảng, nhiều phụ huynh phải đi gõ cửa, chạy chọt mọi nơi thân thế, có khi chịu trả gấp đôi tiền nội trú, nhưng vẫn không tìm được chỗ cho con học. Và hàng ngàn trẻ em đành chịu ngu dốt vì nạn thiếu trường.

Tôi còn nhớ một người anh em họ tôi muốn được vào một trong những "thiên đàng trường học" kia, đã phải chạy chọt đủ kiểu, gửi hết đơn này đến đơn khác cho quan khâm sứ, cho quan công sứ, cho quan đốc trường quốc học và quan đốc trường tiểu học. Tất nhiên, chẳng ai thèm trả lời anh. Một hôm, anh đánh bạo mang đơn đến xin quan đốc, một người Pháp, phụ trách cái trường mà tôi đã được đặc ân vào học trước đó ít lâu.

"Quan đốc" thấy anh cả gan như thế, nổi khùng quát tháo: "Ai cho phép mày đến đây?" rồi xé vụn lá đơn trước những cặp mắt ngơ ngác của cả lớp học.

Người ta bảo ngân sách không cho phép chính phủ mở trường mới. Không hẳn thế đâu. Trong số 12 triệu đồng của ngân sách Nam Kỳ, thì 10 triệu đã tìm đường chui sâu vào túi các ngài viên chức rồi.

Ngoài ra, chính phủ thuộc địa lại tìm đủ mọi cách để ngăn cản không cho thanh niên An Nam sang du học bên Pháp, vì sợ nhiễm phải chủ

nghĩa cộng sản. Điều 500 (bis) trong Nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 về học chính ở Đông Dương quy định:

Người bản xứ nào, vô luận là dân thuộc địa Pháp hoặc dân do Pháp bảo hộ muốn sang chính quốc du học đều phải được quan toàn quyền cho phép. Quan toàn quyền sẽ quyết định, sau khi hỏi ý kiến quan thủ hiến kỹ và quan giám đốc nha học chính.

Trước khi lên đường, người đó phải đến nha học chính xin một quyển học bạ có dán ảnh và ghi rõ căn cước lý lịch của mình, địa chỉ cha mẹ, những trường đã học, những học bổng hoặc trợ cấp đã hưởng, những bằng cấp đã có và địa chỉ của người bảo lãnh tại Pháp. Học bạ ấy phải được quan toàn quyền chứng thực.

Hồ sơ của người bản xứ theo học bên Pháp phải lưu trữ tại nha học chính.

"Làm cho dân ngu để dễ trị", đó là chính sách mà các nhà cầm quyền ở các thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất."

*- Trích chương IX trong tác phẩm của Nguyễn Ai Quốc viết bằng tiếng Pháp "Bản án chế độ thực dân Pháp", xuất bản tại Pa-ri cuối năm 1925 đầu năm 1926.
- Hồ Chí Minh toàn tập, t.2, tr.97.*

GỬI ỦY BAN TRUNG ƯƠNG THIẾU NHI

Các đồng chí thân mến,

Chúng tôi có tại đây (Quảng Châu, Trung Quốc) một nhóm thiếu nhi An Nam. Các em đều từ 12 đến 15 tuổi. Đó là những thiếu nhi cộng sản đầu tiên của nước An Nam, bị chủ nghĩa đế quốc Pháp áp bức, và ở đó mọi việc giáo dục đều bị cấm. Các em còn nhỏ nhưng các em đã đau khổ nhiều. Các em đã để cha mẹ ở nhà cách hàng nghìn kilômét để bí mật đến Trung Quốc. Nhiều em có cha mẹ bị người Pháp bắt giam vì các em đã bỏ gia đình đi ra nước ngoài, như những người cách mạng!

Khi chúng tôi nói với các em về Cách mạng Nga, về Lênin và về các bạn, - những chiến sĩ Lêninnít Nga nhỏ tuổi - thì các em rất sung sướng và đòi sang với các bạn, để thăm các bạn, ở với các bạn, học tập với các bạn, và để trở thành như các bạn - những chiến sĩ Lêninnít chân chính nhỏ tuổi.

Chúng tôi đã hứa với các em là sẽ viết thư cho các bạn về vấn đề đó. Và giờ đây tôi đã làm việc ấy. Chúng tôi hy vọng rằng các bạn sẽ không từ chối tiếp nhận 3 hay 4 bạn nhỏ An Nam của các bạn, có phải không? Nếu các bạn đồng ý cho các em đến thì các bạn sẽ làm những việc sau đây:

1. Ủy nhiệm cho đồng chí Bôrôđin, đại diện của Liên Xô tại Quảng Châu, làm mọi điều cần thiết cho hành trình của các em (gửi thư của các bạn cho Quốc tế Cộng sản hay cho Bộ Dân ủy ngoại giao).

2. Nói rõ các bạn có thể tiếp nhận bao nhiêu thiếu nhi An Nam.

3. Đến tháng nào thì ở Mátxcova bắt đầu rét? (Vì các em thiếu nhi đó đến từ một nước rất nóng, phải chọn thời gian cho các em đi).

4. Tới Mátxcova thì các em sẽ đến địa chỉ nào?

Tôi đợi các bạn trả lời và gửi đến các bạn lời chào cộng sản.

Ngày 22 tháng 7 năm 1926

NGUYỄN ÁI QUỐC

Địa chỉ của tôi: Nilốpxki, Hãng thông tấn Rôxta, Quảng Châu, Trung Quốc.

NÊN HỌC SỬ TA

"Dân ta phải biết sử ta,

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam".

... Sử ta dạy cho ta những chuyện về vang của tổ tiên ta. Dân tộc ta là con Rồng cháu Tiên, có nhiều người tài giỏi đánh Bắc dẹp Nam, yên dân trị nước tiếng để muôn đời.

... Sử ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn.

(1942, Hồ Chí Minh toàn tập, t.3, tr.216)

... Trước kia, thực dân Pháp còn cai trị nước ta, có những người trí thức Việt Nam rất thông thuộc lịch sử, địa lý và các truyện thần thoại của nước Pháp, của Hy Lạp và La Mã. Nhưng khi hỏi đến các vị anh hùng là tổ tiên, ông cha mình, hỏi đến địa lý nước mình thì mù tịt.

... Coi chừng, có nhiều người Việt Nam lại không hiểu rõ lịch sử, đất nước, con người và những cái vốn rất quý báu của mình bằng người nước ngoài. Nếu có tình hình như vậy, thì các chú làm công tác tuyên truyền, giáo dục phải phụ trách.

*(Ý kiến về việc làm và xuất bản loại sách người tốt, việc tốt.
Tháng 6-1968. Hồ Chí Minh toàn tập, t.12, tr.556-557).*

DẠ BÁN

*Thụy thời đô tượng thuần lương hán
Tĩnh hậu tài phân thiện, ác nhân;
Thiện ác nguyên lai vô định tính,
Đa do giáo dục đích nguyên nhân.*

NỬA ĐÊM

*Khi ngủ, ai cũng như người hiền hậu,
Tỉnh dậy, mới phân biệt rõ người thiện, kẻ ác;
Thiện, ác, vốn không chẳng phải là bản tính cố hữu.
Phần lớn do giáo dục mà nên.*

Bản dịch:

*Ngủ thì ai cũng như lương thiện,
Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền;
Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn,
Phần nhiều do giáo dục mà nên.*

Nam Trân dịch

NGHE TIẾNG GIÃ GẠO

*Gạo đem vào giã bao đau đớn,
Gạo giã xong rồi, trắng tựa bông;
Sống ở trên đời người cũng vậy,
Gián nan rèn luyện mới thành công.*

Văn Trục - Văn Phụng dịch

Ngay sau ngày tuyên bố độc lập 2-9-1945, ngày 3-9-1945, tại phiên họp Chính phủ Lâm thời lần đầu tiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình bày 6 nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong đó có nhiệm vụ chống nạn mù chữ. Người nói:

"Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu".

NHỮNG NHIỆM VỤ CẤP BÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Thưa các cụ và các chú,

Sau tám mươi năm bị áp bức, bị bóc lột, và dưới chính sách ngu dân của thực dân Pháp, các bạn và tôi, chúng ta đều chưa quen với kỹ thuật hành chính.

Nhưng điều đó không làm chúng ta lo ngại. Chúng ta vừa làm vừa học, vừa học vừa làm. Chắc rằng chúng ta sẽ phạm khuyết điểm, nhưng chúng ta sẽ sửa chữa, chúng ta có can đảm sửa chữa khuyết điểm.

Với lòng yêu nước và yêu nhân dân sâu sắc, tôi chắc chúng ta sẽ thành công.

Hiện nay những vấn đề gì là vấn đề cấp bách hơn cả. Theo ý tôi, có sáu vấn đề:

Một là, nhân dân đang đói – Ngoài những kho chứa thóc mà Pháp, Nhật vơ vét của nhân dân, bọn Nhật, Pháp còn bắt đồng bào chúng ta giảm bớt diện tích cấy lúa để trồng thầu dầu, đay và những thứ cây khác cần thiết cho cuộc chiến tranh của chúng. Hơn nữa, chúng ta còn tìm thấy hai kế hoạch của bọn cầm quyền Pháp với mục đích gây nạn đói, để ngăn trở phong trào yêu nước và bắt buộc đồng bào chúng ta phải làm việc như nô lệ.

Hơn hai triệu đồng bào chúng ta đã chết đói vì chính sách độc ác này. Vừa rồi nạn lụt đã phá hoại tám tỉnh sản xuất lúa gạo. Điều đó càng làm cho tình hình trầm trọng hơn. Những người thoát chết đói nay cũng bị đói. Chúng ta phải làm thế nào cho họ sống?

Tôi đề nghị với Chính phủ là phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất.

Trong khi chờ đợi ngô, khoai và các thứ lương thực phụ khác, phải ba bốn tháng mới có, tôi đề nghị mở một cuộc lạc quyền. Mười ngày một lần, tất cả đồng bào chúng ta nhịn ăn một bữa. Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại và phát cho người nghèo.

Vấn đề thứ hai, nạn đói – Là một trong những phương pháp độc ác mà bọn thực dân dùng để cai trị chúng ta. Hơn chín mươi phần trăm đồng bào chúng ta mù chữ.

Nhưng chỉ cần ba tháng là đủ để học đọc, học viết tiếng nước ta theo vần Quốc ngữ. Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu. Vì vậy tôi đề nghị mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ.

Vấn đề thứ ba – Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống, v.v ...

Vấn đề thứ tư – Chế độ thực dân đã đầu độc dân ta bằng rượu và thuốc phiện. Nó đã dùng mọi thủ đoạn hòng hủ hóa dân tộc chúng ta bằng những thói xấu, lười biếng, gian xảo, tham ô và những thói xấu khác. Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập.

Tôi đề nghị mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: cần, kiệm, liêm, chính.

Vấn đề thứ năm – Thuế thân, thuế chợ, thuế đò là một lối bóc lột vô nhân đạo. Tôi đề nghị bỏ ngay ba thứ thuế ấy. Cuối cùng tôi đề nghị tuyệt đối cấm hút thuốc phiện.

Vấn đề thứ sáu – Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương, để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do và Lương Giáo đoàn kết.

- Nói ngày 3-9-1945.

- Hồ Chí Minh toàn tập, t.4, tr.7

*

* *

"Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành.

Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh, nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi".

HỒ CHÍ MINH

*

* *

THƯ GỬI CÁC HỌC SINH

Các em học sinh

Ngày hôm nay là ngày khai trường đầu tiên ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tôi đã tưởng tượng thấy trước mắt cái cảnh nhộn nhịp tưng bừng của ngày tựu trường ở khắp các nơi. Các em hết thầy đều vui vẻ vì sau mấy tháng nghỉ học, sau bao nhiêu cuộc chuyển biến khác thường, các em lại được gặp thầy gặp bạn. Nhưng sung sướng hơn nữa, từ giờ phút này trở đi các em bắt đầu được nhận một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam. Trước đây cha anh các em, và mới năm ngoái cả các em nữa, đã phải chịu nhận một nền học vấn nô lệ, nghĩa là nó chỉ đào tạo nên những kẻ làm tay sai, làm tôi tớ cho một bọn thực dân người Pháp. Ngày nay các em được cái may mắn hơn cha anh là được hấp thụ một nền giáo dục của một nước độc lập, một nền giáo dục nó sẽ đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em.

Các em được hưởng sự may mắn đó là nhờ sự hy sinh của biết bao nhiêu đồng bào các em. Vậy các em nghĩ sao? Các em phải làm thế nào

để đền bù lại công lao của người khác đã không tiếc thân và tiếc của để chiếm lại nền độc lập cho nước nhà?

Các em hãy nghe lời tôi, lời của một người anh lớn lúc nào cũng ân cần mong mỏi cho các em được giỏi giang. Trong năm học tới đây, các em hãy cố gắng siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, yêu bạn. Sau 80 năm giời nô lệ làm cho nước nhà bị yếu hèn, ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu. Trong công cuộc kiến thiết đó, nước nhà trông mong chờ đợi ở các em rất nhiều. *Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em.*

*

* *

Đối riêng với các em lớn, tôi khuyên thêm một điều này: chúng ta đã đánh đuổi bọn thực dân, chúng ta đã giành được độc lập. Nhưng giặc Pháp còn lăm le quay lại. Chúng ỷ vào kẻ khác mạnh hơn mà gây sự với ta. Tất nhiên chúng sẽ bị bại, vì tất cả quốc dân ta đoàn kết chặt chẽ và một lòng chiến đấu cho giang sơn Tổ quốc. Phải sẵn sàng mà chống quân giặc cướp nước, đấy là bổn phận của mỗi công dân. Các em lớn chưa hẳn đến tuổi phải gánh vác công việc nặng nhọc ấy, nhưng các em cũng nên, ngoài giờ học ở trường, tham gia vào các Hội cứu quốc để tập luyện thêm cho quen với đời sống chiến sĩ và để giúp đỡ một vài việc nhẹ nhàng trong cuộc phòng thủ đất nước.

Tôi đã thành thực khuyên nhủ các em. Mong rằng những lời của tôi được các em luôn luôn ghi nhớ.

Ngày hôm nay, nhân buổi tựu trường của các em, tôi chỉ biết chúc các em một năm đầy vui vẻ và đầy kết quả tốt đẹp.

Chào các em thân yêu

HỒ CHÍ MINH

- *Viết khoảng tháng 9-1945.*

Tài liệu lưu trữ tại Phòng lưu trữ Văn phòng

Hội đồng Chính phủ.

- *Hồ Chí Minh toàn tập, t.4, tr.32.*

Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng

Cuộc đời cách mạng thật là sang.

*

* *

"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững nền tự do, độc lập ấy".

2-9-1945

- *Hồ Chí Minh toàn tập, t.4, tr.4*

"Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập".

3-9-1945

- *Hồ Chí Minh toàn tập, t.4, tr.8*

*

* *

Người An Nam rất hiếu học. Trong các tầng lớp xã hội, người sĩ phu chiếm địa vị hàng đầu. Có con học giỏi là một vinh hạnh cho cha mẹ. Cho nên, dù có nghèo đói đến đâu, cha mẹ cũng cố tìm cách cho con cái được học hành. "Nửa bụng chữ bằng một hũ vàng" là một câu tục ngữ biểu hiện nhiệt tình ham muốn có học thức của dân tộc An Nam.

(Hồ Chí Minh toàn tập, t.1, tr.398)

CHỐNG NẠN THẤT HỌC

Quốc dân Việt Nam!

Khi xưa Pháp cai trị nước ta, chúng thi hành chính sách ngu dân. Chúng hạn chế mở trường học, chúng không muốn cho dân ta biết chữ để dễ lừa dối dân ta và bóc lột dân ta.

Số người Việt Nam thất học so với số người trong nước là 95 phần trăm, nghĩa là hầu hết người Việt Nam mù chữ. Như thế thì tiến bộ làm sao được?

Nay chúng ta đã giành được quyền độc lập. Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này là nâng cao dân trí.

Chính phủ đã ra hạn trong một năm, tất cả mọi người Việt Nam đều phải biết chữ Quốc ngữ. Chính phủ đã lập một Nha Bình dân học vụ để trông nom việc học của dân chúng.

Quốc dân Việt Nam!

Muốn giữ vững nền độc lập,

Muốn làm cho dân mạnh nước giàu,

Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ.

Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ, hãy góp sức vào bình dân học vụ, như các anh chị em trong sáu, bảy năm nay đã gây phong trào truyền bá Quốc ngữ, giúp đồng bào thất học.

Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo, người ăn người làm không biết thì chủ nhà bảo, các người giàu có thì mở lớp học ở tư gia dạy cho những người không biết chữ ở hàng xóm láng giềng, các chủ ấp, chủ đồn điền, chủ hầm mỏ, nhà máy thì mở lớp học cho những tá điền, những người làm của mình.

Phụ nữ lại càng cần phải học, đã lâu chị em bị kìm hãm, đây là lúc chị em phải cố gắng để kịp nam giới, để xứng đáng mình là một phần tử trong nước, có quyền bầu cử và ứng cử.

Công việc này, mong anh chị em thanh niên sốt sắng giúp sức.

Chủ tịch Chính phủ nhân dân lâm thời

HỒ CHÍ MINH

- *Báo Cứu quốc, số 58, ngày 4-10-1945.*

- *Hồ Chí Minh toàn tập, t.4, tr.36*

Bản sao lưu trữ

THƯ GỬI ANH CHỊ EM GIÁO VIÊN BÌNH DÂN HỌC VỤ

Anh chị em yêu quý,

Chương trình của Chính phủ ta là làm thế nào cho toàn quốc đồng bào ai cũng có ăn, có mặc, có học.

Vậy nên khẩu hiệu của chúng ta là:

1. Tăng gia sản xuất.
2. Chống nạn mù chữ.

Anh chị em là đội tiên phong trong sự nghiệp số 2 đó. *Anh chị em chịu cực khổ khó nhọc, hy sinh phần đầu để mở mang tri thức phổ thông cho đồng bào, để xây đắp nền văn hóa sơ bộ cho dân tộc.*

Anh chị em làm việc mà không có lương bổng, thành công mà không có tiếng tăm. Anh chị em là những người "vô danh anh hùng". Tuy là vô danh nhưng rất hữu ích. *Một phần tương lai của dân tộc nước nhà nằm trong sự cố gắng của anh chị em.*

Tôi mong rằng trong một thời kỳ ngắn, lòng hăng hái và sự nỗ lực của anh chị em sẽ có kết quả rất vẻ vang, đồng bào ta ai cũng biết đọc, biết viết. *Cái vinh dự đó thì tượng đồng, bia đá nào cũng không bằng.*

Tôi lại mong rằng đồng bào các nơi ra sức giúp cho anh chị em bình dân học vụ trong công việc giáo dục đó.

Tôi gửi lời chào thân ái và chúc anh chị em thành công.

HỒ CHÍ MINH

- Bút tích lưu tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

- Hồ Chí Minh toàn tập, t.4, tr.220

NHÂN TÀI VÀ KIẾN QUỐC

Sau 80 năm bị bọn Pháp thực dân giày vò, nước Việt Nam ta cái gì cũng kém cỏi, chỉ có lòng sốt sắng của dân là rất cao. Nay muốn giữ vững nền độc lập thì chúng ta phải đem hết lòng hăng hái đó vào con đường kiến quốc. Kháng chiến phải đi đôi với kiến quốc. Kháng chiến có thắng lợi thì kiến quốc mới thành công. Kiến quốc có chắc thành công, kháng chiến mới mau thắng lợi. Kiến thiết cần có nhân tài.

Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài càng ngày càng phát triển, càng thêm nhiều.

Chúng ta cần nhất bây giờ là:

Kiến thiết ngoại giao

Kiến thiết kinh tế

Kiến thiết quân sự

Kiến thiết giáo dục.

Vậy chúng tôi mong rằng đồng bào ta ai có tài năng và sáng kiến về những công việc đó, lại sẵn lòng hăng hái giúp ích nước nhà thì xin gửi kế hoạch rõ ràng cho Chính phủ. Chúng tôi sẽ nghiên cứu kế hoạch ấy một cách kỹ lưỡng, có thể thực hành được thì sẽ thực hành ngay.

HỒ CHÍ MINH

- Báo Cứu quốc, số 91, ngày 14-11-1945.

- Hồ Chí Minh toàn tập, t.4, tr.99

Hà-nội, ngày 1 tháng 5 năm 1946

Cùng anh, chị em giáo viên Bình Dân Học Vụ.

Anh, chị em yêu quý!

Chương trình của Chính phủ ta là làm thế nào cho toàn quốc đồng bào, ai cũng có ăn, có mặc, có học.

Vậy nên khẩu hiệu của chúng ta là:

- 1 - Tăng gia sản xuất;
- 2 - Chống nạn mù chữ.

Anh, chị em là đội tiên phong trong sự nghiệp số hai đó. Anh, chị em chịu cực khổ khó nhọc, hy sinh phấn đấu, đem mồ hôi trí thức phổ thông cho đồng bào để xây dựng nền văn hóa sơ bộ cho dân tộc.

Anh, chị em làm việc mà không có lương bổng, thành công mà không có tiếng tăm. Anh, chị em là những người vô danh anh hùng. Tuy là vô danh nhưng rất hữu ích. Một phần tương lai của dân tộc nước nhà nằm trong sự cố gắng của anh, chị em.

Tôi mong rằng trong một thời kỳ ngắn, lòng hăng hái và sự nỗ lực của anh, chị em sẽ có kết quả rất vẻ vang: đồng bào ta ai cũng biết đọc biết viết. Cái vinh dự đó thì tượng đồng, bia đá nào cũng không bằng.

Tôi lại mong rằng đồng bào các nơi sẽ giúp đỡ cho anh, chị em Bình Dân Học Vụ trong công việc giáo dục đó.

Tôi gửi lời chào thân ái và chúc anh, chị em thành công.

Chuyển đến các ban giáo viên
Khu phố, Xã
Huyện, phố châu
Thành

Hà-nội, ngày 5 tháng 5 năm 1946
Giáo viên Bình Dân Học Vụ Trưng Vương,
NGUYỄN-CÔNG-HY



Hồ Chí Minh

TÌM NGƯỜI TÀI ĐỨC

Nước nhà khi cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài có đức.

E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân. Khuyết điểm đó tội xin thừa nhận.

Nay muốn sửa đổi điều đó, và trọng dụng những kẻ hiền năng, các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân thì phải báo cáo ngay cho Chính phủ biết.

Báo cáo phải nói rõ: tên tuổi, nghề nghiệp, tài năng, nguyện vọng và chỗ ở của người đó.

Hạn trong một tháng, các cơ quan địa phương phải báo cáo cho đủ.

Chủ tịch Chính phủ Việt Nam

HỒ CHÍ MINH

- Báo Cứu quốc, số 411, ngày 20-11-1946.

- Hồ Chí Minh toàn tập, t.4, tr.451

*

* *

Tư cách người công an cách mệnh là:

Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính.

Đối với đồng sự, phải thân ái giúp đỡ.

Đối với chính phủ, phải tuyệt đối trung thành.

Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép.

Đối với công việc, phải tận tụy.

Đối với địch, phải cương quyết, khôn khéo.

(Tư cách người công an cách mạng. Tháng 3-1948.

Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, tr.406-407).

THƯ GỬI TOÀN THỂ BỘ ĐỘI KHU II VÀ KHU III

Tôi rất vui lòng được Bộ Quốc phòng và Bộ Tổng chỉ huy báo cáo rằng: tất cả binh sĩ trong các bộ đội ở khu III và khu II nay đều biết đọc và biết viết chữ Quốc ngữ.

Thế là tốt lắm. Đó là một thắng lợi to cho quân đội ta, cho Chính phủ ta và cho dân tộc ta.

Đốt nát cũng là kẻ địch. Địch đốt nát giúp cho địch ngoại xâm.

Địch đốt nát tấn công ta về tinh thần, cũng như địch thực dân tấn công ta bằng vũ lực. Địch thực dân dựa vào địch đốt nát để thi hành chiến lược ngu dân. Địch đốt nát dựa vào địch thực dân để đưa dân ta vào nơi mù quáng.

Bộ đội ta tiêu diệt được giặc đốt, tức là tiêu diệt được một lực lượng hậu thuẫn của thực dân.

Có sự thắng lợi đó là do các cấp trên khéo cổ động, các chính trị viên khéo tổ chức, các binh sĩ đều hăng hái học hành.

Tôi thay mặt Chính phủ gửi lời khen ngợi toàn thể bộ đội khu II và III đã giành được kết quả vẻ vang ấy. Nhưng bộ đội ta chớ vì thế mà tự kiêu, tự mãn. Sự học hỏi là vô cùng. *Nay đã biết đọc biết viết, anh em phải gắng sức học thêm. Học làm tính, học chính trị, học lịch sử, học khoa học thường thức. Rồi gắng học cao hơn nữa.*

Đồng thời, anh em phải nhớ rằng: mỗi người trong bộ đội phải là một người tuyên truyền. Vì vậy, bộ đội cần phải ra sức giúp đồng bào trong công việc bình dân học vụ, cũng như trong những công việc khác. Cố nhiên, bộ đội không được vì những công việc đó mà xao nhãng việc học tập quân sự.

Một quân đội văn hay võ giỏi, là một quân đội vô địch. Vì vậy, trong lúc tôi khen bộ đội khu II và III, tôi mong bộ đội các khu khác cũng sẽ ra sức tiêu diệt cho hết giặc đốt.

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 24 tháng 2 năm 1948

HỒ CHÍ MINH

- Bản đánh máy của Chủ tịch Hồ Chí Minh

lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

- Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, tr.379

Học để làm việc,
làm người,
làm cán bộ.
Học để phục vụ Đoàn thể.
" " Giải cấp và nhân dân
" " Tổ quốc và nhân loại.
Muốn đạt mục đích, thì phải
cần, kiệm, liêm, chính,
chí công, vô tư.

9.49 Hồ Chí Minh

Bút tích Bác Hồ ghi ở trang đầu quyển Sổ vàng
của trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương, nay là Học viện Chính trị Quốc gia
Hồ Chí Minh, tháng 9-1949.

Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, tr.684.

*

* *

Người không học thì như đi ban đêm không có đèn, không có gậy, dễ
vấp té.

(Lời căn dặn đồng chí Nguyễn Thị Định. Tháng 5-1946.
Hồ Chí Minh – Biên niên tiểu sử, t.3,
NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội., 1993, tr.200).

Đồng bào bây giờ phải biết chữ hết để trả lời cho thế giới biết nước ta là nước văn minh, ai cũng biết chữ.

*(Bài nói chuyện với các đại biểu thân sĩ trí thức,
phụ hào tỉnh Thanh Hóa. Ngày 20-2-1947.
Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, tr.60).*

Biết chữ, biết tính thì làm việc gì cũng dễ dàng hơn. Một người không biết chữ, biết tính thì như nửa mù, nửa quáng. Biết rồi ta học thêm.

(Đời sống mới. 1947. Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, tr.99)

Người có học mới có tiến bộ. Càng học càng tiến bộ.

(Đời sống mới – 1947. Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, tr.99)

Nếu không học tập văn hóa, không có trình độ văn hóa thì không học tập được kỹ thuật, không học tập được kỹ thuật thì không theo kịp được nhu cầu kinh tế nước nhà. Nhưng phải chú ý học tập chính trị vì nếu chỉ học văn hóa, kỹ thuật mà không có chính trị thì như người nhắm mắt mà đi.

*(Nói chuyện tại Đại hội Liên hoan Thanh niên tích cực
ngành Đường sắt,
ngày 25-7-1956. Hồ Chí Minh toàn tập, t.8, tr.221).*

Trình độ văn hóa của nhân dân nâng cao sẽ giúp chúng ta đẩy mạnh công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển dân chủ. Nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân cũng là một việc cần thiết để xây dựng nước ta thành một nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

*(Thư gửi đồng bào đã thanh toán nạn mù chữ.
Ngày 21-12-1956. Hồ Chí Minh toàn tập, t.8, tr.281).*

Cán bộ và giáo viên cũng phải tiến bộ cho kịp thời đại thì mới làm được nhiệm vụ. Chớ tự túc, tự mãn, cho là giỏi rồi thì dừng lại. Mà dừng lại là lùi bước, là lạc hậu, mình tự đào thải trước. Cho nên phải cố gắng học tập để cải tạo mình, cải tạo tư tưởng của mình, cải tạo con em và giúp vào việc cải tạo xã hội.

*(Bài nói chuyện tại Lớp học chính trị của giáo viên – 1959.
Hồ Chí Minh toàn tập, t.9, tr.489).*

Ý thức làm chủ không phải chỉ tỏ rõ ở tinh thần hăng hái lao động, mà còn phải tỏ rõ ở tinh thần say mê học tập để không ngừng nâng cao năng lực làm chủ của mình.

*(Học tập không mỏi, cải tiến không ngừng.
Báo Nhân dân, ngày 14-3-1960. Hồ Chí Minh toàn tập,
t.10, tr.105).*

Bản sao lưu trữ

THƯ GỬI ÔNG TRƯỞNG TY BÌNH DÂN HỌC VỤ HÀ TĨNH

Tôi rất vui lòng nhận được báo cáo rằng: tỉnh Hà Tĩnh đã có mấy làng thanh toán nạn mù chữ. Kết quả ấy là do ông khéo tổ chức và lãnh đạo, do các nam nữ giáo viên chịu khó và cố gắng, do đồng bào hăng hái và ham học.

Tôi thay mặt Chính phủ gửi giấy khen đồng bào những làng đó. Đồng thời gửi lời khen ngợi và cảm ơn ông, những bạn giúp việc trong Ty và tất cả nam nữ giáo viên.

Sau đây là vài ý kiến của tôi về công việc bình dân học vụ trong tỉnh ta:

1. Cố gắng làm cho toàn tỉnh thanh toán nạn mù chữ trong một thời gian khá mau.

2. Nâng cao chương trình học tập của những làng đã thanh toán nạn mù chữ. Dạy thêm lịch sử, địa dư, làm tính, khoa học thường thức.

3. Các lớp bình dân học vụ nên kiêm thêm trách nhiệm tuyên truyền cổ động cho mọi công việc kháng chiến như giúp đỡ bộ đội, thi đua tăng gia sản xuất, v.v ...

Tôi hứa sẽ có giải thưởng khuyến khích cho huyện nào mà đại đa số làng thanh toán nạn mù chữ trước các huyện khác và giải thưởng chính thức cho huyện nào thanh toán hoàn toàn nạn mù chữ. Nhờ ông thông tri cho đồng bào trong tỉnh biết để mọi người đều cố gắng.

Chào thân ái và quyết thắng

Tháng 8 năm 1948

HỒ CHÍ MINH

- Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, tr.475

*

* *

Trong thư gửi các cháu thiếu nhi nhân Tết Trung thu, ngày 25-9-1952 Bác viết: "Các cháu gửi thư cho Bác nhiều lắm. Bác rất vui. Nhưng vì Bác bận quá, không trả lời riêng cho từng cháu được. Nhân dịp Tết Trung thu, Bác gửi các cháu thư này:

*Ai yêu các nhi đồng
Bằng Bác Hồ Chí Minh?
Tính các cháu ngoan ngoãn,
Mặt các cháu xinh xinh,
Mong các cháu cố gắng
Thi đua học và hành.
Tuổi nhỏ làm việc nhỏ,
Tùy theo sức của mình:
Để tham gia kháng chiến
Để giữ gìn hòa bình
Các cháu hãy xứng đáng
Cháu Bác Hồ Chí Minh!".*

THƯ GỬI CÁC CHÁU THIẾU NHI

Cùng các cháu nhi đồng và thiếu niên yêu quý,

Bác đi Pháp mấy tháng. Nhớ các cháu luôn luôn. Chắc các cháu cũng luôn luôn nhớ Bác.

Khi Bác về đến Tổ quốc, từ Hải Phòng đến Hà Nội, các cháu mang nhau đi đón Bác, có lẽ hơn mười vạn cháu. Tay cầm cờ đỏ sao vàng, đứng chật hai bên đường, hai bên bờ ruộng. Reo cười ca hát, vui vẻ như một đàn chim.

Bác thấy cháu nào cũng mặt mũi vui tươi, áo quần sạch sẽ.

Hỏi, thì cháu nào cũng biết chữ Quốc ngữ. Bác mừng lắm. Nay Bác viết mấy chữ, để cảm ơn các cháu và khuyên các cháu:

1. Phải siêng học,
2. Phải giữ sạch sẽ,
3. Phải giữ kỷ luật,
4. Phải làm theo đời sống mới,
5. Phải thương yêu giúp đỡ cha mẹ anh em.

Bác lại nói cho các cháu biết rằng: Anh em nhi đồng Pháp có gửi lời hỏi thăm các cháu.

Thân ái

BÁC HỒ

- Báo Cứu quốc, số 385, ngày 24-10-1946.

- Hồ Chí Minh toàn tập, t.4, tr.421

THƯ GỬI THIẾU NHI TOÀN QUỐC, NHÂN NGÀY 1-6-1950

Các cháu yêu quý,

Ngày 1-6 là ngày của các cháu bé khắp cả các nước trên thế giới.

Đáng lẽ tất cả các cháu đều được no ấm, được vui chơi, được học hành như con trẻ ở Liên Xô.

Song ở các nước tư bản, cha mẹ là người lao động, bị bóc lột, thì con trẻ cũng bị bóc lột, phải chịu cực chịu khổ.

Ví dụ: Mỹ là một nước nhiều tiền bạc nhất, có những nhà đại phú ngời mát ăn bát vàng. Nhưng con nhà lao động thì lên 5 lên 6 tuổi đã phải đi làm thuê làm mướn.

Ở nước Việt Nam ta, thì vì giặc Pháp gây ra chiến tranh, chúng nó đốt nhà, giết người, cướp của. Vì vậy người lớn phải kháng chiến, trẻ con cũng phải kháng chiến.

Bác thương các cháu lắm. Bác hứa với các cháu rằng: đến ngày đánh đuổi hết giặc Pháp, kháng chiến thành công, thì Bác cùng Chính phủ và các đoàn thể cũng cố gắng làm cho các cháu đều được no ấm, đều được vui chơi, đều được học hành, đều được sung sướng.

Bác mong các cháu ngoan ngoãn. Bác chúc các cháu mạnh khỏe. Bác gửi các cháu nhiều cái hôn.

BÁC HỒ

- Báo Sự thật, số 134, ngày 1-6-1950.
- Hồ Chí Minh toàn tập, t.6, tr.56

Cốt nhất là phải dạy cho học trò biết yêu nước, thương nòi. Phải dạy cho họ có trí tự lập, tự cường, quyết không chịu thua kém ai, quyết không chịu làm nô lệ.

(Đời sống mới, 1947. Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, tr.102).

*

* *

Muốn có đạo đức cách mạng phải có 5 điều sau đây: Trí-Tín-Nhân-Dũng-Liêm.

*(Lời nói chuyện trong buổi lễ bế mạc lớp Bồ túc trung cấp.
Báo Vệ quốc quân, ngày 10-10-1947.
Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, tr.223).*

Bình dân học vụ không những dạy đọc, dạy viết mà còn phải chú trọng dạy đạo đức công dân.

*(Kỷ niệm 10 năm bình dân học vụ, tháng 9-1955.
Hồ Chí Minh toàn tập, t.8, tr.65).*

Các em cần rèn luyện cái đức tính thành thật và dũng cảm. Ở trường thì kính thầy, yêu bạn, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau. Ở nhà thì yêu kính và giúp đỡ cha mẹ. Ở xã hội thì tùy sức mình mà tham gia những việc có ích lợi chung.

*(Gửi các em học sinh. Báo Nhân dân, ngày 24-10-1955.
Hồ Chí Minh toàn tập, t.8, tr.74-75).*

Trong giáo dục không những phải có tri thức phổ thông mà phải có đạo đức cách mạng. Có tài phải có đức. Có tài không có đức, tham ô hủ hóa có hại cho nước. Có đức không có tài như ông Bụt ngồi trong chùa, không giúp ích gì được ai.

*(Bài nói chuyện tại Lớp đào tạo hướng dẫn viên
Các trại hè cấp I, ngày 12-6-1956. Hồ Chí Minh
toàn tập, t.8, tr.184).*

Phải tổ chức học tập lý luận trong toàn Đảng, trước hết là trong cán bộ cốt cán của Đảng.

(Diễn văn khai mạc lớp lý luận khóa I trường Nguyễn Ái Quốc, ngày 7-9-1957. Hồ Chí Minh toàn tập, t.8, tr.493).

Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi.

(Sửa đổi lối làm việc, 1947. Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, tr.233-234).

Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì nhất định phải có học thức. Cần phải học văn hóa, chính trị, kỹ thuật. Cần phải học lý luận Mác-Lênin kết hợp với đấu tranh và công tác hàng ngày... Học đi đôi với hành.

(Bài nói tại Đại hội lần thứ III của Đoàn thanh niên Lao Động Việt Nam, ngày 24-3-1961. Hồ Chí Minh toàn tập, t.10, tr.306).

Hội còn có nhiệm vụ dạy bảo các cháu thiếu niên về khoa học, kỹ thuật, làm cho các cháu ngay từ thuở nhỏ đã biết yêu khoa học để mai sau các cháu trở thành những người có thói quen sinh hoạt và làm việc theo khoa học.

(Bài nói tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Hội Phổ biến khoa học kỹ thuật Việt Nam. Hồ Chí Minh toàn tập, t.11, tr.80).

Ra sức học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật và quân sự để cống hiến ngày càng nhiều cho Tổ quốc, cho nhân dân.

(Thư gửi thanh niên, ngày 2-9-1965. Hồ Chí Minh toàn tập, t.11, tr.505).

Phải chịu khó học tập chính trị, kinh tế, khoa học, kỹ thuật để nâng cao năng lực làm cho kinh tế phát triển, chiến đấu thắng lợi, đời sống của nhân dân ngày càng no ấm, tươi vui.

(Bài nói tại lớp bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo cấp huyện, ngày 18-1-1967. Hồ Chí Minh toàn tập, t.12, tr.212).

THƯ GỬI CÁC CHÁU LƯU HỌC SINH VIỆT NAM HỌC Ở MÁT-XCƠ-VA

Thân gửi các cháu lưu học sinh kỹ thuật, tiếng Nga và các cháu thiếu nhi Việt Nam học ở Mát-xcơ-va.

Bác và phái đoàn muốn thăm tất cả các cháu. Tiếc vì bận quá không thể đi được.

Bác rất vui lòng được biết tất cả các cháu đều cố gắng chăm chỉ học tập và biết tiết kiệm. Như thế là rất tốt. Thế là các cháu đã thực hiện được lời Bác dặn: ở Liên Xô cũng phải luôn luôn nhớ đến hoàn cảnh khó khăn ở trong nước.

Nay phái đoàn trở về nước, Bác có mấy điều dặn chung các cháu:

1. Các cháu học kỹ thuật và học tiếng Nga cần nhận rõ mình học cốt để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Học ngành nào cũng cần phải căn cứ vào nhu cầu của Tổ quốc, của nhân dân mà định, không thể tùy theo sở thích riêng của mình.

2. Các cháu thiếu niên phải luôn luôn ngoan ngoãn, kính trọng, vâng lời cô giáo, thầy giáo và thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. Nghe nói có vài cháu chưa được thật ngoan, còn hơi bướng bỉnh. Bác mong các cháu ấy hãy cố gắng sửa chữa để tất cả các cháu trở thành những thiếu niên ngoan ngoãn, xứng đáng là cháu ngoan của Bác.

3. Nhờ Đảng Cộng sản, Chính phủ và nhân dân Liên Xô hết lòng giúp đỡ các cháu ăn học, vậy các cháu phải chăm học tiến bộ và đoàn kết với các bạn Liên Xô. Như thế mới xứng đáng với công ơn giáo dục của Liên Xô.

Đảng, Chính phủ và nhân dân ta rất mong muốn các cháu ngày càng tiến bộ, học tập được nhiều kết quả để mai sau về nước phục vụ nhân dân. Bác luôn theo dõi sự tiến bộ của các cháu. Bác mong các cháu có nhiều thành tích mới báo cáo cho Bác.

Bác hôn các cháu.

Léc-cút, ngày 19 tháng 7 năm 1955

BÁC HỒ

Hồ Chí Minh toàn tập, t.8, tr.25

GỬI CÁC EM HỌC SINH

Nhân dịp ngày mở trường, báo Nhân dân thân ái chào mừng các em và có mấy lời nhắn nhủ các em:

Biết rằng bố mẹ, thầy giáo, Đảng và Chính phủ đều quan tâm đến mình – chắc các em sẽ vui vẻ và hăng hái học tập.

Giáo dục các em là việc chung của gia đình, trường học và xã hội. Bố mẹ, thầy giáo và người lớn phải cùng nhau phụ trách; trước hết là phải làm gương mẫu cho các em trước mọi việc.

Nước ta mới giải phóng được một năm, chế độ cũ của thực dân và phong kiến không khỏi còn để lại ít nhiều ảnh hưởng không tốt trong những đầu óc trẻ non. Vậy chúng ta phải dùng tinh thần và đạo đức mới để rửa gột những ảnh hưởng ấy. Đối với các em, việc giáo dục gồm có:

- Thể dục: để làm cho thân thể mạnh khỏe, đồng thời cần giữ gìn vệ sinh riêng và vệ sinh chung.

- Trí dục: ôn lại những điều đã học, học thêm những tri thức mới.

- Mỹ dục: để phân biệt cái gì là đẹp, cái gì là không đẹp.

- Đức dục: là yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, yêu trọng của công (5 cái yêu).

Các em cần rèn luyện cái đức tính thành thật và dũng cảm. Ở trường thì kính thầy, yêu bạn, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau.

Ở nhà thì yêu kính và giúp đỡ cha mẹ.

Ở xã hội thì tùy sức mình mà tham gia những việc có ích lợi chung.

Đảng, Chính phủ và nhân dân ta lo cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, tăng cường quốc phòng, củng cố miền Bắc... để thống nhất nước nhà – đều nhằm mục đích xây dựng cho các em một đời sống tươi vui, sung sướng. Gia đình, trường học và xã hội chăm lo giáo dục, đều nhằm mục đích làm cho các em mai sau trở nên những công dân tốt, những cán bộ tốt, những người chủ tốt của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Chúc các em thi đua học tập và tiến bộ, cho xứng đáng là cháu ngoan của Bác Hồ!

(Sẵn đây, chúng tôi đề nghị Bộ Giáo dục cùng các thầy giáo và các đại biểu của học sinh xét lại "10 điều ghi nhớ" của tiểu học và "12 điều ghi nhớ" của trung học, để cho các em học sinh dễ ghi nhớ và dễ thực hành hơn).

C.B.

(Bút danh của Bác Hồ)

- *Báo Nhân dân*, số 600, ngày 24-10-1955.

- *Hồ Chí Minh toàn tập*, t.8, tr.474

Bản sao lưu trữ

THƯ GỬI GIÁO VIÊN, HỌC SINH, CÁN BỘ THANH NIÊN VÀ NHI ĐỒNG

Thân ái gửi toàn thể thầy giáo, học trò và cán bộ thanh niên và nhi đồng.

Nhân dịp các trường bước vào năm học mới, tôi có mấy lời gửi anh chị em và các cháu:

Trong năm học vừa qua, từ khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng, các thầy giáo và cán bộ đã cố gắng nhiều. Các cháu học trò đã có những tiến bộ khá. Nhà trường đông đúc vui vẻ. Đó là một thành tích đáng mừng.

Nhưng đó mới là bước đầu.

Trường học của chúng ta là trường học của chế độ dân chủ nhân dân, nhằm mục đích đào tạo những công dân và cán bộ tốt, những người chủ tương lai tốt của nước nhà. Về mọi mặt, trường học của chúng ta phải hơn hẳn trường học của thực dân và phong kiến.

Muốn được như thế thì thầy giáo, học trò và cán bộ phải cố gắng hơn nữa để tiến bộ hơn nữa.

Trước hết phải ra sức tẩy sạch ảnh hưởng giáo dục nô dịch của thực dân còn sót lại, như: Thái độ thờ ơ đối với xã hội, xa rời đời sống lao động và đấu tranh của nhân dân; học để lấy bằng cấp, dạy theo lối nhồi sọ. Và cần xây dựng tư tưởng: dạy và học để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Nhà trường phải gắn liền với thực tế của nước nhà, với đời sống của nhân dân. Thầy giáo và học trò, tùy hoàn cảnh và khả năng, cần tham gia những công tác xã hội, ích nước lợi dân.

Ngoài ra, mỗi một cấp giáo dục cần nhận rõ nhiệm vụ của mình trong lúc này:

- Đại học thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn, kết hợp với thực tiễn của nước ta, để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà.

- Trung học thì cần đảm bảo cho học trò những tri thức phổ thông chắc chắn, thiết thực, thích hợp với nhu cầu và tiền đề xây dựng nước nhà, bỏ những phần nào không cần thiết cho đời sống thực tế.

- Tiểu học thì cần giáo dục các cháu thiếu nhi: yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, trọng của công. Cách dạy phải nhẹ nhàng và vui vẻ, chớ gò ép thiếu nhi vào khuôn khổ của người lớn. Phải đặc biệt chú ý giữ gìn sức khỏe của các cháu.

Tôi cũng mong các gia đình liên lạc chặt chẽ với nhà trường, giúp nhà trường giáo dục và khuyến khích con em chăm chỉ học tập, sinh hoạt lành mạnh và hăng hái giúp ích nhân dân.

Chúc các thầy giáo, cán bộ và các cháu năm học mới: Đoàn kết, cố gắng, tiến bộ.

Chào thân ái

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 1955

HỒ CHÍ MINH

- *Báo Nhân dân, số 610, ngày 3-11-1955.*

- *Hồ Chí Minh toàn tập, t.8, tr.80*

HUẤN THỊ TẠI ĐẠI HỘI SƠ KẾT CÔNG TÁC BÌNH DÂN HỌC VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 1956

"... Qua 7 ngày thảo luận, trao đổi kinh nghiệm, chắc các cô, các chú có nhiều kinh nghiệm hơn Bác. Nhưng Bác cũng đưa ra một số kinh nghiệm bản thân góp với các cô, các chú.

1. Muốn giải thoát nạn mù chữ cho số đông nhân dân mà đại đa số là nông dân thì phong trào bình dân học vụ phải là phong trào quần chúng, phải đi sát quần chúng, bàn bạc với quần chúng, áp dụng những hình thức, phương pháp thích hợp với sinh hoạt của quần chúng, phải dựa vào quần chúng để đẩy phong trào lên.

Trước đây, hồi còn hoạt động bí mật, Bác và một số cán bộ làm cách mạng ở Cao Bằng, đồng bào đại đa số là Nùng, Mán, Thổ, ít biết tiếng Việt, miền núi nhà ở rải rác xa nhau, đồng bào lại bận làm ăn, dạy và học đều phải bí mật. Gây phong trào bình dân học vụ rất khó thế mà gây được phong trào. Cán bộ nghĩ ra kế hoạch được một ít nhưng rồi hỏi đồng bào, đồng bào chỉ cho làm. Người biết chữ dạy người không biết, người biết nhiều dạy người biết ít.

Lớp học thì tìm hang đá, rồi mỗi xóm cử một người đến học, học mấy hôm rồi về dạy, dạy mấy hôm thấy hết chữ rồi lại trở lại học, thầy vừa dạy vừa học, cứ như thế mà tiến hành công tác bình dân học vụ, gây phong trào...

2. Công tác bình dân học vụ cũng là dạy học nhưng không có trường lớp, đèn sách như trường phổ thông. Nó là một phong trào rộng rãi, phức tạp mà lại phải tự lực cánh sinh. Trường phổ thông có lớp 1, 2, 3, 4, còn bình dân học vụ trẻ có già có, có người biết ít nhiều, người chưa biết, có người học nhanh, có người học chậm, nên phải gian khổ, phải chịu khó. Sợ khó nhọc làm bình dân học vụ không được. Có khi có những phụ nữ đông con, ta phải đến tận nhà dạy, có người lớn tuổi không muốn đi học phải kiên nhẫn thuyết phục để họ chịu khó học, có khi phải đến nhà dạy. Muốn thanh toán nạn mù chữ cho nhân dân, phải chịu khó; quan liêu, mệnh lệnh là không được...

3. Bình dân học vụ cũng có lãnh đạo, có Bộ, có Nha, có Khu, có Ty. Lãnh đạo không phải ngồi viết trong bàn giấy. Trong kháng chiến đã có cán bộ làm chương trình dạy tú tài thì hợp, nhưng dạy bình dân học vụ thì không đúng, chỉ vì ngồi bàn giấy. Lãnh đạo phải đi sát, phải giúp đỡ cán bộ giải quyết khó khăn; quan liêu, mệnh lệnh là không được. Bất kỳ việc gì đều phải đi sát quần chúng, các cấp bình dân học vụ nếu có sai lầm thì sửa chữa, không có thì lấy đó mà răn mình.

4. Trước đây con em công nông nghèo, không được học, chỉ có một số ít được đi học, đại đa số con nhà khá giả, có ăn mới đi học được, ở nông thôn thì con cái địa chủ, con cái phú nông được đi học. Có cán bộ đặt câu hỏi có để cho con em phú nông, địa chủ dạy bình dân học vụ được không. Trả lời không cũng không đúng, trả lời có cũng không đúng. Cứ thanh niên trai gái tốt thì cho dạy, xấu thì không cho dạy. Nhưng thanh niên đó nếu tốt, bố mẹ là bóc lột, không tán thành hoạt động với bố mẹ chống nhân dân thì để dạy bình dân học vụ. Nếu phạm tội lỗi nghiêm trọng thì không được. Không riêng gì công tác bình dân học vụ mà việc khác cũng thế. Nếu bố mẹ thanh niên đó là địa chủ có tội, nhưng thanh niên đó không theo cha mẹ họ, họ không có tội là họ có quyền công dân như những thanh niên khác. Họ cũng được đi học, cũng được tham gia công tác, cũng được tham gia các tổ chức đoàn thể. Các cô, các chú gần nông thôn phải hiểu điều đó để làm cho đúng.

5. Công tác bình dân học vụ trông không oanh liệt, nhưng nếu 3 năm thanh toán nạn mù chữ được cho nhân dân thì là một công trạng rất to. Nước ta có thể tự hào là một nước thanh toán nạn mù chữ nhanh chóng. Các nước tự xưng là văn minh như Mỹ, Anh, Pháp, người không biết chữ vẫn còn nhiều. Hai ba năm thanh toán được nạn mù chữ là đại thắng lợi. Phải thấy như thế để càng cố gắng. Làm được như thế không phải chú này, cô nọ là anh hùng mà tất cả cán bộ, giáo viên bình dân học vụ là anh hùng, là anh hùng tập thể càng tốt.

Ba năm nếu thanh toán nạn mù chữ được sẽ đặt cho Chính phủ và Bộ Giáo dục, Bộ Văn hóa một nhiệm vụ mới và đặt ra cho các cô các chú nhiệm vụ mới. Không phải thanh toán nạn mù chữ xong là các cô, các chú hết nhiệm vụ, về nghỉ hoặc đi công tác khác.

Lúc chưa biết chữ thì học cho biết chữ. Biết chữ rồi thì phải tiến lên nữa. Những người đã thoát nạn mù chữ mà không có sách báo xem thì lại mù lại, cho nên đặt ra cho Chính phủ và Bộ nhiệm vụ phải có sách báo hợp với trình độ đồng bào cho đồng bào xem.

Các cô các chú có nhiệm vụ giúp cho đồng bào chưa biết chữ, biết chữ rồi lại học thêm. Vậy các cô các chú phải học thêm nữa để dạy nữa. Dân tộc tiến lên, cán bộ cũng phải tiến lên. Cán bộ phải tiến trước để đưa dân tộc tiến lên mãi."

- Nói ngày 16-7-1956.

- Hồ Chí Minh toàn tập, t.8, tr.205 (trích)

*

* *

"... Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Suốt đời phải gắn liền lý luận với công tác thực tế. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi. Thế giới ngày nay đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân.

... Chúng ta hoặc ít hoặc nhiều đều mắc phải tư tưởng, tập quán, tác phong của xã hội cũ. Cho nên thực hiện 2 chữ chính tâm không phải dễ dàng.

Phải kinh qua cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới trong bản thân mình: một cuộc đấu tranh gay go, gian khổ và liên tục. Nhưng ta kiên quyết thì cái mới nhất định thắng cái cũ và chính tâm nhất định thành công.

... Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân tức là không phải chân lý. Ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân – tức là phục tùng chân lý.

Đảng và Chính phủ đối với trí thức – Là một bộ phận trong lực lượng cách mạng, trí thức có nhiệm vụ thi đua phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Vì vậy, Đảng và Chính phủ ta rất quý trọng những người trí thức của nhân dân, vì nhân dân.

Để xây dựng nước nhà, chúng ta cần càng ngày càng nhiều trí thức tốt.

Đảng và Chính phủ vừa phải giúp cho thế hệ trí thức ngày nay càng ngày càng tiến bộ, vừa phải ra sức đào tạo thêm trí thức mới.

Đảng và Chính phủ phải giúp bằng cách giáo dục, để trí thức có lập trường vững vàng, quan điểm đúng đắn, tư tưởng sáng suốt, tác phong dân chủ. Nói tóm lại: giúp đỡ các bạn trí thức chính tâm và thân dân..."

- *Hồ Chí Minh toàn tập, t.8, tr.215*

*

* *

Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi...

Vì kém lý luận, cho nên gặp mọi việc không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử trí cho khéo. Không biết nhận rõ điều kiện, hoàn cảnh khách quan, ý mình nghĩ thế nào làm thế ấy.

Kết quả thường thất bại. Đó là chứng kém lý luận trong bệnh chủ quan. Có những cán bộ, những Đảng viên làm được việc, có kinh nghiệm. Cố nhiên những anh em đó rất quý báu cho Đảng. Nhưng họ lại mắc phải cái bệnh khinh lý luận. Họ quên rằng: nếu họ đã có kinh nghiệm mà lại biết thêm lý luận thì công việc tốt hơn nhiều. Họ quên rằng: kinh nghiệm của họ tuy tốt, nhưng cũng chẳng qua là từng bộ phận mà thôi, chỉ thiên về một mặt mà thôi.

Có kinh nghiệm mà không có lý luận cũng như một mắt sáng, một mắt mờ. Những anh em đó cần phải nghiên cứu thêm lý luận mới thành người cán bộ hoàn toàn...

Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào thực tế là lý luận suông. Dù xem được hàng ngàn hàng vạn quyển lý luận, nếu không biết đem ra thực hành thì khác nào một cái hòm đựng sách.

... Nói tóm lại, mỗi cán bộ, mỗi đảng viên phải học lý luận, phải đem lý luận áp dụng vào công việc thực tế. Phải chữa cái bệnh kém lý luận, khinh lý luận và lý luận suông.

(*Sửa đổi lời làm việc, tháng 10-1947.*
Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, tr.233-234)

*

* *

BÀI NÓI TẠI ĐẠI HỘI SINH VIÊN VIỆT NAM LẦN THỨ HAI

Hồi Bác còn đồng tuổi với các cháu ở đây thì Bác phải đi rửa bát hoặc làm nhiều công việc khác để lấy tiền mà đi học. Vì lúc đó chưa có Đảng, chưa có Hội thanh niên hoặc sinh viên, mà lúc đó nói đến yêu nước là thực dân Pháp nó chặt đầu. Còn bây giờ các cháu có thể phát triển hết khả năng của mình.

Thanh niên bây giờ là một thế hệ vẻ vang, vì vậy cho nên phải tự giác tự nguyện mà tự động cải tạo tư tưởng của mình để xứng đáng với nhiệm vụ của mình. Tức là thanh niên phải có đức, có tài. *Có tài mà không có đức ví như một anh làm kinh tế tài chính rất giỏi nhưng lại đi đến thụt két thì chẳng những không làm được gì ích lợi cho xã hội, mà còn có hại cho xã hội nữa. Nếu có đức mà không có tài ví như ông Bụt không làm hại gì, nhưng cũng không lợi gì cho loài người.*

Các cháu ít hay nhiều cũng có mang cái dấu vết của xã hội cũ, cái tư tưởng tiểu tư sản. Tư tưởng tiểu tư sản là cái gì? Nó là cá nhân chủ nghĩa. Cá nhân chủ nghĩa nó đẻ ra cái tư tưởng danh lợi, chỉ muốn làm ông này ông khác, bà này bà khác. Rồi tư tưởng danh lợi lại đẻ ra con nó, rồi con nó lại đẻ ra cháu nó... tức là hai cái khinh là: khinh lao động chân tay và khinh người lao động chân tay và hai cái sợ là: sợ khó nhọc và sợ khổ.

Muốn sửa chữa cá nhân chủ nghĩa thì khi làm bất kỳ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, mà phải nghĩ đến đồng bào, đến toàn dân đã. Ta có câu nói: "Có khó nhọc thì mình nên đi trước, khi hưởng thụ thì mình nên đi sau"; làm việc gì mình cũng nghĩ đến lợi ích chung trước và lợi ích riêng sau. Đối với thanh niên trí thức như các cháu ở đây thì cần đặt lại câu hỏi: Học để làm gì? Học để phục vụ ai?

Đó là hai câu hỏi cần phải trả lời dứt khoát thì mới có phương hướng để sửa chữa khuyết điểm của mình.

Để xây dựng chủ nghĩa xã hội thì cần phải có cái gì?

Cần có lao động, lao động trí óc và lao động chân tay. Và ta cần lao động trí óc kiêm lao động chân tay, nghĩa là lao động chân tay cũng phải

có văn hóa, mà người lao động trí óc cũng phải làm được lao động chân tay. Nếu lao động trí óc không làm được lao động chân tay và lao động chân tay không có trí óc thì đó là người lao động bán thân bất toại.

Lao động trí óc mà không lao động chân tay, chỉ biết lý luận mà không biết thực hành thì cũng là trí thức có một nửa. Vì vậy, cho nên các cháu trong lúc học lý luận cũng phải kết hợp với thực hành và tất cả các ngành khác đều phải: lý luận kết hợp với thực hành, học tập kết hợp với lao động.

Lao động trí óc phải kết hợp với lao động chân tay. Học lao động phải có quyết tâm; muốn có quyết tâm thì phải có tinh thần, phải có sáu cái yêu:

Yêu Tổ quốc: Yêu như thế nào? Yêu là phải làm sao cho Tổ quốc ta giàu mạnh. Muốn cho Tổ quốc giàu mạnh thì phải ra sức lao động, ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm.

Yêu nhân dân: Mình phải hiểu rõ sinh hoạt của nhân dân, biết nhân dân còn cực khổ như thế nào, biết chia sẻ những lo lắng, những vui buồn, những công tác nặng nhọc với nhân dân.

Yêu chủ nghĩa xã hội: Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm.

Yêu lao động: Muốn thật thà yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội thì phải yêu lao động, vì không có lao động thì chỉ là nói suông.

Yêu khoa học và kỹ thuật: Bởi vì tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải có khoa học và kỹ thuật.

Thời đại chúng ta bây giờ là thời đại vệ tinh nhân tạo, nghĩa là thời đại của khoa học phát triển rất mạnh, thời đại xã hội chủ nghĩa, thời đại anh hùng; mỗi người lao động tốt đều có thể trở nên anh hùng (không phải là anh hùng cá nhân). Vậy mong các cháu cũng làm người thanh niên anh hùng trong thời đại anh hùng.

- Nói ngày 7-5-1958.

- Hồ Chí Minh toàn tập, t.9, tr.172

BÀI NÓI CHUYỆN VỚI HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN TRƯỜNG PHỔ THÔNG CẤP III CHU VĂN AN (HÀ NỘI)

Do các cháu cố gắng, do các thầy, các cô giáo cố gắng, năm nay, nhất là mấy tháng gần đây, các cháu có những tiến bộ khá.

Tác phong, kỷ luật, tư tưởng tiến bộ, như thế là tốt.

Tham gia lao động như thế là tốt.

Trước nói: lao động là vẻ vang. Nhưng các cháu hiểu: anh lao động, tôi vẻ vang.

Nay hiểu: mình lao động, mình vẻ vang. Vì các cháu, các thầy, các cô trực tiếp lao động nên tinh thần đối với lao động cũng có khác.

Trước: các cháu chưa biết khó nhọc của công nhân, nông dân. Bây giờ: các cháu biết lao động của công nông cần cù, khó nhọc.

Trước: các cháu cơm đến thì ăn, áo đến thì mặc.

Bây giờ: biết rõ làm ra cơm áo là khó nhọc.

Trước: không biết vì sao phải cần kiệm.

Nay hiểu rõ là lao động khó nhọc mới có cơm ăn, áo mặc, nên biết vì sao phải cần kiệm. Như thế là tư tưởng biến đổi.

Trước khinh lao động chân tay. Bây giờ trọng lao động chân tay và người lao động. Như thế là tư tưởng biến đổi.

Do đó, tác phong của các cháu cũng thay đổi.

Trước: Đi học về vứt sách, ăn cơm rồi chơi không làm việc nhà, vì cho mình là cô là cậu học trò, nhất là học trò trường Bưởi là oai lắm.

Bây giờ các cháu đã ngăn nắp, trật tự hơn.

Cũng do như thế mà chí khí các cháu tốt hơn.

Bác nói các cháu chớ giận.

Trước: các cháu ăn bám bố mẹ.

Bây giờ bước đầu ít nhiều các cháu đã biết tự lực cánh sinh như làm vườn, làm mộc... Các cháu học tập những người lao động, các cháu không muốn ăn bám bố mẹ, ăn bám xã hội.

Trước: các cháu chỉ học trong sách.

Bây giờ: học và thực hành kết hợp với nhau.

Ví dụ: trước kia học về nông học, thầy và trò chỉ học trong sách vở.

Bây giờ: các cháu về nông thôn, cày cấy, trồng trọt, làm phân. Như thế là học kết hợp với hành.

Do lao động, tri thức tăng thêm.

Do lao động, sức khỏe tăng hơn.

Đó là kết quả của lao động sản xuất.

Xã hội chủ nghĩa là cái gì? Các cháu có hiểu không?

Xã hội chủ nghĩa là tất cả mọi người phải ra sức lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội: chủ nghĩa xã hội xây dựng được mọi người mới sung sướng, ấm no.

Trường học của ta là trường học xã hội chủ nghĩa. Trường học xã hội chủ nghĩa là thế nào?

Nhà trường xã hội chủ nghĩa là nhà trường:

- Học đi với lao động.

- Lý luận đi với thực hành.

- Cần cù đi với tiết kiệm.

Muốn xã hội chủ nghĩa, phải có: người xã hội chủ nghĩa. Muốn có người xã hội chủ nghĩa, phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng xã hội chủ nghĩa trái hẳn với cá nhân chủ nghĩa. Cái gì không phải xã hội chủ nghĩa là cá nhân chủ nghĩa.

Cá nhân chủ nghĩa đẻ ra hàng trăm tính xấu như siêng ăn, biếng làm, kèn cựa, nghĩ đến mình không nghĩ đến đồng bào, tham danh lợi, địa vị, v.v...

Các thầy, các cô giáo, các cháu cần luôn luôn bồi dưỡng tư tưởng xã hội chủ nghĩa, đấu tranh tiêu diệt cá nhân chủ nghĩa,

Bác được nghe báo cáo năm nay các cháu tiến bộ hơn năm ngoái, tiến bộ về học tập, lao động, kỷ luật, trật tự và tác phong.

Đó là tiến bộ bước đầu. Như thế là tốt.

Bác mong các thầy giáo, cô giáo đoàn kết cố gắng tiến bộ hơn nữa.

Tương lai đẹp đẽ là của tất cả mọi người. Mọi người phải cố gắng. Bác mong năm sau các cháu tiến bộ hơn. Các cháu phải xứng đáng là chủ nhân tương lai của nước Việt Nam hòa bình – thống nhất – độc lập – dân chủ và giàu mạnh. Các cháu có làm được không? (Có) – Có chắc không?

(Cố) – Cố quyết tâm không? (Quyết tâm). Thế thì tốt.

- Ngày 31-12-1958.

Bản đánh máy, có bút tích sửa chữa,

lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

- Hồ Chí Minh toàn tập, t.9, tr.294

*

* *

Bác Hồ nói chuyện với sinh viên Việt Nam học tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Lô-mô-nô-xốp, Mát-xcơ-va, ngày 1-2-1959.

"... muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, phải xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, con người cộng sản chủ nghĩa. Muốn có con người xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa thì phải xây dựng tư tưởng xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa. Mà muốn có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa thì phải gạt sạch chủ nghĩa cá nhân..."

Hồ Chí Minh toàn tập, t.9, tr.322

Dự hội nghị cán bộ phụ trách thiếu niên toàn quốc, ngày 19-2-1959, Bác nói:

... Giáo dục thiếu niên, nhi đồng là trách nhiệm của các cô, các chú, của gia đình, của nhà trường, của đoàn thể, của xã hội. Trẻ em trong như tấm gương, cái tốt dễ tiếp thu, cái xấu cũng dễ tiếp thu. Nếu nhà trường dạy tốt mà gia đình dạy ngược lại, sẽ có những ảnh hưởng không tốt tới trẻ em và kết quả cũng không tốt. Cho nên muốn giáo dục các cháu thành người tốt, nhà trường, đoàn thể, gia đình, xã hội đều phải kết hợp chặt chẽ với nhau.

...

Đối với trẻ em là phải giáo dục thế nào cho các cháu biết đoàn kết, ham học, ham làm, nhưng phải làm sao cho các cháu giữ được tính chất của trẻ con. Phải làm sao cho trẻ em có kỷ luật nhưng vẫn vui vẻ, hoạt bát chứ không phải là khúm núm, đặt đâu ngồi đấy.

... Phải giáo dục cho các cháu đạo đức cộng sản, biết yêu nước, yêu đồng bào, yêu lao động, yêu kỷ luật, v.v ... Khi giáo dục phải thiết thực không được làm cho các cháu thành những "con vẹt", làm sao cho các cháu khi chơi là được học, mà trong khi học vui vẻ như được chơi.

Trẻ em hay bắt chước, cho nên thầy giáo, cán bộ phụ trách, v.v ... phải gương mẫu từ lời nói đến việc làm. Nếu các cô các chú bảo: "Các em phải siêng làm" nhưng các cô các chú lại đi ngủ, hoặc dạy "các em phải thật thà", nhưng các cô các chú lại nói sai, hay bảo "các em phải giữ vệ sinh chung", nhưng các cô các chú bẩn, như thế là không được.

Dạy các cháu thì nói với các cháu chỉ là một phần, cái chính là phải cho các cháu nhìn thấy, cho nên những tấm gương thực tế là rất quan trọng. Muốn dạy cho trẻ em thành người tốt thì trước hết các cô, các chú phải là người tốt.

- Ngày 19-2-1959

- Hồ Chí Minh toàn tập, t.9, tr.330



Bác hồ chụp ảnh kỷ niệm với đại biểu dự hội nghị cán bộ phụ trách thiếu niên toàn quốc do Trung ương Đoàn thanh niên lao động Việt Nam tổ chức ngày 19-2-1959.

*

* *

Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân.

*(Sửa đổi lối làm việc, tháng 10-1947.
Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, tr.252-253)*

Hồ hào dân tiết kiệm, mình phải tiết kiệm trước đã. Đồng chí ta phải học lấy bốn đức cách mạng: Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Muốn làm cách mạng, phải cải cách tính nết mình trước tiên.

*(Bài nói chuyện trong buổi bế mạc Hội nghị cán bộ của
Đảng lần thứ VI, ngày 18-1-1949.
Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, tr.552).*

*

* *

Phòng bệnh cũng cần thiết như trị bệnh, để làm tròn nhiệm vụ ấy, cán bộ y tế (bác sĩ, y tá, những người giúp việc) cần phải: thương yêu người bệnh như anh em ruột thịt. Cần phải tận tâm, tận lực phụng sự nhân dân. Lương y phải kiêm từ mẫu.

*(Thư gửi Hội nghị cán bộ Y tế toàn quốc năm 1953.
Tháng 6-1953. Hồ Chí Minh toàn tập, t.7, tr.88).*

Giáo viên phải chú ý cả tài, cả đức, tài là văn hóa, chuyên môn, đức là chính trị. Muốn cho học sinh có đức thì giáo viên phải có đức... cho nên thầy giáo, cô giáo phải gương mẫu, nhất là đối với trẻ con.

*(Bài nói chuyện tại lớp học chính trị của giáo viên,
năm 1959. Hồ Chí Minh toàn tập, t.9, tr.492).*

Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi.

*(Ý kiến về việc làm và xuất bản loại sách
người tốt việc tốt, tháng 6-1968. Hồ Chí Minh toàn tập,
t.12, tr.558).*

... Nếu hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, thế là Thiện. Nếu chỉ lo cho lợi ích của riêng mình, không lo đến lợi ích chung của nước nhà của dân tộc, thế là Ác. Thực hành chí công vô tư, cần, kiệm, liêm, chính, thế là Thiện. Nếu phạm phải quan liêu, mệnh lệnh, tham ô, lười biếng, thế là Ác .

*(Bài nói chuyện tại lớp nghiên cứu chính trị khóa II,
Trường Đại học nhân dân Việt Nam, ngày 8-12-1956.
Hồ Chí Minh toàn tập, t.8, tr.277).*



Bác Hồ thân mật hỏi chuyện anh Phạm Trung Pôn, mù cả 2 mắt,
đã cải tiến công cụ giõ, về tham dự Đại hội Chiến sĩ thi đua tỉnh Thái Nguyên,
ngày 13-2-1960.

HỌC TẬP KHÔNG MỎI, CẢI TIẾN KHÔNG NGỪNG

Trong công nhân ta hiện nay, vẫn có hai cách làm việc khác nhau: Một số người muốn trước là thế nào nay cứ làm như vậy. Họ nói: Trăm hay không bằng tay quen! Trúng không thể khôn hơn vẹt!". Một số người khác lại nghĩ: "Chẳng có việc gì là không thể đổi mới".

Ai đúng? Ai sai?

Câu trả lời đã quá rõ: Có cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức lao động, mới có thể sản xuất nhiều, nhanh, tốt, rẻ. Nếu chỉ dựa vào sự quen tay hoặc nếu chỉ dồn thêm sức ra, kết quả thường là được mặt này mất mặt khác, được nhanh lại không tốt, được tốt lại không nhanh, không rẻ... mà mặt nào cũng bị hạn chế.

Muốn cải tiến kỹ thuật, phải biết kỹ thuật. Muốn cải tiến tổ chức lao động cũng phải biết phương pháp tổ chức và có kinh nghiệm tổ chức. Về mặt này và mặt kia, hiện nay chúng ta đều còn kém. Cho nên phải "Học, học nữa, học mãi", như Lênin đã dạy.

Chúng ta là những người lao động làm chủ nước nhà. Muốn làm chủ được tốt, phải có năng lực làm chủ. Chúng ta học tập chính là để có đủ năng lực làm chủ, có đủ năng lực tổ chức cuộc sống mới – trước hết là tổ chức nền sản xuất mới. Bởi vậy, ý thức làm chủ không phải chỉ tỏ rõ ở tinh thần hăng hái lao động, mà còn phải tỏ rõ ở tinh thần say mê học tập để không ngừng nâng cao năng lực làm chủ của mình.

Chúng ta cần học nhiều thứ: học chính trị, học văn hóa, học kỹ thuật, nghiệp vụ. Ngoài cách học ở trường, ở lớp, học trên sách, báo, v.v ... có một cách học rất tốt ai cũng có thể tham gia hằng ngày. Đó là cách học tập ngay trong sản xuất, học tập những người, những tổ, những đơn vị tiên tiến.

Người tiên tiến cũng là người lao động bình thường. Nhưng trong tư tưởng, trong phương pháp làm việc của họ, có những điểm tốt có thể giúp cho sản xuất và công tác tiến nhanh, tiến mạnh. Chúng ta phải vì lợi ích chung mà dốc lòng học tập những điểm tốt ấy để cải tiến công tác một

cách thường xuyên. Không những thế mà còn phải tìm học những cái hay mà mỗi người lao động trung bình hoặc chậm tiến đều có thể có. Như vậy là làm cho sáng kiến, kinh nghiệm chung ngày càng dồi dào, trình độ tư tưởng, tổ chức, kỹ thuật chung ngày càng nâng cao. Do đó, sản xuất phát triển ngày càng nhanh và vững, đời sống nhân dân lao động ngày càng no ấm, đầy đủ.

C. K.

- Báo Nhân dân, số 2187, ngày 14-3-1960.

- Hồ Chí Minh toàn tập, t.10, tr.103

"Văn hóa giáo dục là một mặt trận quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

...

Giáo dục phải phục vụ đường lối chính trị của Đảng và Chính phủ, gắn liền với sản xuất và đời sống của nhân dân. Học phải đi đôi với hành, lý luận phải liên hệ với thực tế.

Trong việc giáo dục và học tập, phải chú trọng đủ các mặt: đạo đức cách mạng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, văn hóa, kỹ thuật, lao động và sản xuất".

*Trích thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi
các cán bộ giáo dục, học sinh, sinh viên các trường và
các lớp bổ túc văn hóa, ngày 31-8-1960.*

Hồ Chí Minh toàn tập, t.10, tr.190

*

* *

Cách học tập: ... Lấy tự học làm cốt. Do thảo luận và chỉ đạo giúp vào. Ở các cơ quan mỗi ngày ít nhất phải học tập một tiếng đồng hồ... Những giờ học tập đều tính như những giờ làm việc. Khi cất nhắc cán bộ phải xem xét kết quả học tập cũng như kết quả công tác khác mà định.

(Sửa đổi lối làm việc, tháng 10-1947.

Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, tr.273).

... Trong lúc học tập lý luận, chúng ta cần nhấn mạnh: lý luận phải liên hệ với thực tế... Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác – Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông.

*(Diễn văn khai mạc lớp học lý luận khóa I
Trường Nguyễn Ái Quốc, ngày 7-9-1957.
Hồ Chí Minh toàn tập, t.8, tr.496).*

Đối với trẻ em là phải giáo dục thế nào cho các cháu biết đoàn kết, ham học, ham làm, nhưng phải làm sao cho các cháu giữ được tính chất của trẻ con. Phải làm sao cho trẻ em có kỷ luật nhưng vẫn vui vẻ, hoạt bát chứ không phải là khúm núm, đặt đầu ngồi đấy.

*(Bài nói tại Hội nghị Cán bộ phụ trách thiếu nhi
toàn miền Bắc. Báo Nhân dân, số 1804, ngày 21-2-1959.
Hồ Chí Minh toàn tập, t.9, tr.331)*

Về học tập và giảng dạy phải thực hiện tốt phương châm giáo dục kết hợp với lao động sản xuất. Về giảng dạy, tránh lối dạy nhồi sọ... Chương trình dạy học hiện nay còn có chỗ quá nhiều, quá nặng. Về học tập, tránh lối học như vẹt.

*(Bài nói tại Hội nghị tổng kết phong trào thi đua
"dạy tốt, học tốt" của ngành giáo dục phổ thông và
sư phạm, Báo Nhân dân, ngày 13-8-1963.
Hồ Chí Minh toàn tập, t.11, tr.615).*

Học phải đi đôi với hành. Học để hành càng ngày càng tốt hơn.

*(Bài nói ở lớp huấn luyện đảng viên mới, ngày 14-5-1966.
Hồ Chí Minh toàn tập, t.12, tr.92).*

Lấy gương người tốt, việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới.

*(Ý kiến về việc làm và xuất bản loại sách người tốt, việc tốt,
tháng 6-1968. Hồ Chí Minh toàn tập, t.12, tr.558).*

Trường này dạy cho thanh niên vừa học tập vừa lao động, như vậy là rất tốt... Trước đây, lúc tuổi thanh niên, Bác hoạt động ở Pháp, cũng vừa lao động, vừa học tập,... ngày lao động, đêm học tập, chứ Bác không được đến trường học đâu.

*(Bài nói chuyện với Trường Thanh niên lao động XHCN,
Hòa Bình. Hồ Chí Minh toàn tập, t.10, tr.590).*

Làm mẫu giáo tức là thay mẹ dạy trẻ. Muốn làm được thế thì trước hết phải yêu trẻ. Các cháu nhỏ hay quấy, phải bền bỉ, chịu khó mới nuôi dạy được các cháu. Dạy trẻ cũng như trồng cây non. Trồng cây non được tốt thì sau này cây lên tốt. Dạy trẻ nhỏ tốt thì sau này các cháu thành người tốt.

*(Lời căn dặn giáo viên mẫu giáo, tháng 9-1959.
Hồ Chí Minh toàn tập, t.9, tr.509).*

*

* *

Các cháu yêu quý,

15/5/1961 là ngày kỷ niệm 20 tuổi của Đội thiếu niên tiên phong. Bác gửi các cháu lời chúc mừng thân ái nhất.

Trong thời kỳ qua, từ Bắc đến Nam, Thiếu niên và nhi đồng đã hăng hái tham gia cách mạng và kháng chiến, có những thiếu niên và nhi đồng đã oanh liệt hy sinh cho Tổ quốc, như Kim Đồng, Lê Văn Tám và nhiều cháu khác.

Từ ngày hòa bình trở lại, ở miền Bắc có Đảng lãnh đạo, có Đoàn giúp đỡ, các cháu đều chăm chỉ học hành, tham gia lao động, cháu nào cũng ngoan. Bác vui lòng khen ngợi các cháu.

Nhưng chúng ta phải luôn luôn nhớ đến thiếu niên và nhi đồng ở miền Nam ruột thịt đang bị bọn Mỹ-Diệm áp bức dọa dẫm!

Để ủng hộ đồng bào miền Nam (kể cả thiếu niên và nhi đồng) điều hành chống Mỹ-Diệm, đồng bào miền Bắc phải thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững mạnh để thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Các cháu cùng tham gia đấu tranh, bằng cách thực hiện mấy điều sau đây:

- Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào.
- Học tập tốt, lao động tốt.
- Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt.
- Giữ gìn vệ sinh.
- Thật thà, dũng cảm.

Mai sau, các cháu sẽ là người chủ của nước nhà, cho nên ngay từ bây giờ, các cháu cần phải rèn luyện đạo đức cách mạng để chuẩn bị trở nên người, công dân tốt, người cán bộ tốt của nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Bác gửi các cháu nhiều cái hôn!

BÁC HỒ

*Bản thảo thư Bác Hồ gửi thiếu niên,
nhi đồng toàn quốc, nhân dịp kỉ niệm 20 năm
ngày thành lập Đội thiếu niên Tiền phong,
ngày 15-5-1961.*

ĐỂ CÁC CHÁU LÀM CHỦ

Cũng chính tại ngôi nhà của Bác ở Phủ Chủ tịch có một sự kiện đáng ghi nhớ, thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Bác Hồ với thiếu nhi. Từ ngày 21-6 đến ngày 11-7-1961, Bác đã dành chỗ đó cho các cháu làm phòng triển lãm "Thiếu nhi với 5 điều Bác Hồ dạy". Trong 20 ngày, có gần 10 vạn thiếu nhi đến xem triển lãm và vui chơi trong dịp hè. Bác Hồ, Bác Tôn đã đến nói chuyện và dự liên hoan với 2.000 thiếu nhi trong buổi bế mạc ngày 11-7-1961.

*

Đồng chí phục vụ Bác cảm thấy như vẫn còn sôi động khi vào dịp hè năm 1961 các cháu thiếu nhi tổ chức triển lãm "Thiếu nhi với 5 điều Bác Hồ dạy" trong nhà khách Phủ Chủ tịch.

Trung tâm triển lãm chính là phòng khách long trọng của ngôi nhà. Nhiều em lần đầu tiên được đến nơi này thích lắm, chỗ nào cũng sờ, sung sướng lăn cả ra nhà, ra bãi cỏ.

Những tiếng hát, tiếng cười nói vang vang, đúng là ngày hội. Có đồng chí sợ tiếng loa làm ảnh hưởng sang các cơ quan xung quanh nên xin Bác bỏ bớt loa đi, nhưng Bác bảo:

- Triển lãm của các cháu phải để loa mới vui.

Bác còn nhắc phải có nhiều kem, xi-rô, nước và bánh kẹo để phục vụ các cháu.

Thỉnh thoảng những khi nghỉ, Bác cũng ra xem các cháu vui chơi. Có hôm Bác đi dạo ở phía dưới, thấy một phòng có kê các ghế băng. Bác hỏi các đồng chí ghế đó để làm gì. Đồng chí phục vụ thưa:

- Thưa Bác để dành cho các cháu bị mệt ạ.

Thấy vậy, Bác bảo:

- Sao dành cho các cháu mà lại không có giường?

Ngày hôm sau, các đồng chí phục vụ triển lãm đã liên hệ với Bộ Y tế, và các ghế băng được xếp lại nhường chỗ cho những chiếc giường xinh xắn.

Bác Hồ như vậy. Khách của Bác, dù là những người nhỏ bé nhất cũng luôn được tôn trọng và quan tâm chu đáo.

Ai yêu các nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh
(Hoàng Giai tuyển của nhiều tác giả),
NXB Thanh Niên, 1999.

SỨC KHỎE VÀ THỂ DỤC

Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới làm thành công. Mỗi một người dân yếu ớt, tức là cả nước yếu ớt, mỗi một người dân mạnh khỏe tức là cả nước mạnh khỏe.

Vậy nên luyện tập thể dục, bồi bổ sức khỏe là bổn phận của mỗi một người yêu nước. Việc đó không tốn kém, khó khăn gì. Gái trai, già trẻ ai cũng nên làm và ai cũng làm được. Mỗi ngày lúc ngủ dậy, tập một ít thể dục. Ngày nào cũng tập thì khí huyết lưu thông, tinh thần đầy đủ, như vậy là sức khỏe.

Bộ Giáo dục có Nha Thể dục, mục đích là để khuyên và dạy cho đồng bào tập thể dục, đặng giữ gìn và bồi đắp sức khỏe.

Dân cường thì quốc thịnh. Tôi mong đồng bào ta ai cũng gắng tập thể dục. Tự tôi, ngày nào tôi cũng tập.

HỒ CHÍ MINH

- Báo Cứu quốc, số 199, ngày 27-3-1946.

- Hồ Chí Minh toàn tập, t.4, tr.212

*

* *

Cách dạy trẻ cần làm cho chúng biết yêu Tổ quốc, thương đồng bào, yêu lao động, biết vệ sinh, giữ kỷ luật, học văn hóa. Đồng thời phải giữ toàn vẹn tính vui vẻ, hoạt bát, tự nhiên, tự động, trẻ trung của chúng, chớ nên làm cho chúng hóa ra già cả. Nhiều thư của các cháu gửi cho Bác Hồ viết như người lớn viết, đó là một triệu chứng già sớm, cần nên tránh. Trong lúc học cũng cần làm cho chúng vui, Trong lúc vui cũng cần làm cho chúng học. Ở trong nhà, trong trường, trong xã hội chúng đều vui, đều học. Muốn vậy, các ban phụ trách nhi đồng cần phải liên lạc với cha mẹ và thầy giáo của nhi đồng.

(Thư gửi Hội nghị cán bộ phụ trách nhi đồng toàn quốc, tháng 11-1949. Hồ Chí Minh toàn tập, t.6, tr.85).

*

* *

- Đại học thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn, kết hợp với thực tiễn của nước ta, để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà.

- Trung học thì cần đảm bảo cho học trò những tri thức phổ thông chắc chắn, thiết thực, thích hợp với nhu cầu và tiền đề xây dựng nước nhà, bỏ những phần nào không cần thiết cho đời sống thực tế.

- Tiểu học thì cần giáo dục các cháu thiếu nhi: yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, yêu lao động, yêu khoa học, trọng của công.

Cách dạy phải nhẹ nhàng và vui vẻ, chớ gò ép thiếu nhi vào khuôn khổ của người lớn, phải đặc biệt chú ý giữ gìn sức khỏe của các cháu.

(Thư gửi giáo viên, học sinh, cán bộ, thanh niên và nhi đồng, ngày 31-10-1955. Hồ Chí Minh toàn tập, t.8, tr.81).

Bản sao lưu trữ

ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM VỚI LAO ĐỘNG TRÍ ÓC

Tuyên ngôn của Đảng nói:

"Đảng Lao động Việt Nam sẽ gồm những công nhân, nông dân và lao động trí óc yêu nước nhất, hăng hái nhất, cách mạng nhất". Và "Lao động trí óc cần được khuyến khích giúp đỡ, phát triển tài năng".

Hai câu ấy đủ đập tan những lời bịa đặt đê hèn của bọn đế quốc và lũ phản động. Chúng thường vu rằng: những đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin xem khinh trí thức.

Thật ra, chính bọn chúng lợi dụng trí thức, nô dịch trí thức và áp bức trí thức. Những người đại trí thức, thí dụ như ông Quyri (Curie) bị Chính phủ Mỹ "tẩy chay", bị Chính phủ Pháp cắt chức. Đó là chứng cứ rõ ràng.

Chỉ có giai cấp công nhân mới thật yêu chuộng trí thức. Những người lao động trí óc được đặc biệt trọng đãi ở Liên Xô và ở các nước dân chủ mới. Đó cũng là chứng cứ rõ ràng.

Lao động trí óc là ai? Là thầy giáo, thầy thuốc, kỹ sư, những nhà khoa học, văn nghệ, những người làm bàn giấy, v.v ...

Nhiệm vụ của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam hiện nay là kháng chiến và kiến quốc.

Để hoàn thành nhiệm vụ ấy, ngoài việc quân sự ắt phải phát triển kinh tế. Cho nên cần có những người chuyên môn thông thạo về công nghệ và nông nghiệp.

Cần phát triển giao thông vận tải, cho nên cần có những kỹ sư thông thạo về việc đắp đường, bắc cầu.

Cần giữ gìn sức khỏe của dân, cho nên cần có thầy thuốc.

Cần đào tạo cán bộ cho mọi ngành hoạt động, cho nên cần có thầy giáo, v.v ...

Do đó, lao động trí óc có nhiệm vụ rất quan trọng trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, trong công cuộc hoàn thành dân chủ mới để tiến đến chủ nghĩa xã hội.

Ở đây, cũng nên nêu một điểm: Chúng ta có quyền tự hào rằng: Những người lao động trí óc ở Việt Nam đều đứng trong hàng ngũ kháng chiến. Khác hẳn với Pháp trong thời kỳ bị Đức xâm chiếm: Trong số 32.026 Pháp gian bị xử án, một bộ phận lớn là trí thức. (Hiện nay trong tầng lớp trí thức Pháp, nhiều người đã giác ngộ, đứng vào hàng ngũ dân chủ và nhân dân. Họ tỏ thái độ rất trung thành, kiên quyết đấu tranh cho hòa bình và độc lập của nước Pháp).

Ngày nay, chúng ta phải làm hai việc nhằm một mục đích:

Một là đào tạo những trí thức mới trong công nông.

Hai là cải tạo những trí thức hiện có.

Dùng hai chữ "cải tạo" thì không khỏi méch lòng những bạn trí thức quá giàu lòng tự ái. Nhưng chúng ta phải thật thà nhận rằng: về chuyên môn và trong mức nào đó thì anh chị em trí thức khá. Song vì ngày trước, anh chị em đã bị giáo dục trong đường lối và khuôn khổ thực dân và phong kiến, cho nên tư tưởng và lề lối làm việc của anh chị em không khỏi ảnh hưởng của thực dân và phong kiến. Điều đó không phải lỗi tại anh chị em. Dù sao, thoát khỏi cái xiềng xích của ảnh hưởng ấy thì tài năng của trí thức ta sẽ tiến bộ vượt bậc, sẽ rất ích lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân, vì nó sẽ hợp với nhiệm vụ mới, tinh thần mới, xã hội mới của nước ta.

Muốn đạt mục đích ấy, trí thức ta cần cải tạo tư tưởng, sửa đổi lề lối làm việc.

Đào tạo trí thức mới.

Cải tạo trí thức cũ.

Công nông trí thức hóa.

Trí thức công nông hóa.

Nghĩa là công nông cần học tập văn hóa để nâng cao trình độ tri thức của mình, trí thức cần gần gũi công nông và học tập tinh thần, nghị lực, sáng kiến và kinh nghiệm của công nông.

Đó là nhiệm vụ chung và cần kíp, mà chúng ta phải cùng nhau cố gắng làm cho kỳ được.

C. B.

- Báo Nhân dân, số 6, ngày 1-5-1951.

- Hồ Chí Minh toàn tập, t.6, tr.205

Học hành là vô cùng.

Học càng nhiều, biết càng nhiều càng tốt.

(Thư gửi đồng bào xã Duyên Trang, huyện Tiên Hưng, Thái Bình, ngày 13-11-1947. Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, tr.309).

Quân nhân phải biết võ, phải biết văn, võ là như tay phải, văn là như tay trái của quân nhân...

Muốn biết thì phải thi đua học. Học không bao giờ cùng, Học mãi để tiến bộ mãi càng tiến bộ càng thấy càng phải học thêm.

(Thư gửi "Quân nhân học báo", năm 1949, Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, tr.588).

Tình hình thế giới và trong nước luôn luôn biến đổi, công việc của chúng ta nhiều và mới, kỹ thuật của thế giới ngày càng tiến bộ, nhưng sự hiểu biết của chúng ta có hạn. Muốn tiến bộ kịp sự biến đổi vô cùng tận thì chúng ta phải nghiên cứu, học tập. Nghiên cứu, học tập lý luận và kỹ thuật.

(Nói chuyện với anh chị em công chức ở Thủ đô, ngày 30-11-1954. Hồ Chí Minh toàn tập, t.7, tr.392).

Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi. Thế giới ngày ngày đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân.

(Bài nói chuyện tại lớp Nghiên cứu chính trị khóa I - Trường Đại học nhân dân Việt Nam, ngày 21-7-1956. Hồ Chí Minh toàn tập, t.8, tr.215).

Công việc ngày càng nhiều và càng phức tạp. Xã hội ngày càng tiến lên. Vì vậy, trình độ của đảng viên và cán bộ cũng phải tiến lên mới làm tròn được nhiệm vụ. Cho nên đảng viên và cán bộ phải cố gắng học tập chính trị, văn hóa và chuyên môn.

(Bài nói chuyện tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Bắc, ngày 17-10-1963. Hồ Chí Minh toàn tập, t.11, tr.155).

Chúng ta phải học và hoạt động cách mạng suốt đời. Còn sống thì còn phải học, còn phải hoạt động cách mạng.

*(Bài nói ở lớp huấn luyện đảng viên mới, ngày 14-5-1966.
Hồ Chí Minh toàn tập, t.12, tr.92).*

Mỗi thanh niên, nhất là một cán bộ phải kiên quyết làm bằng được những điều sau này:

a) Các sự hy sinh khó nhọc thì mình làm trước người ta, còn sung sướng thanh nhàn thì mình nhường người ta hưởng trước (tiêu thiên hạ ưu, hậu thiên hạ lạc).

b) Các việc đáng làm, thì khó mấy cũng cố chịu, quyết làm cho kỳ được.

c) Ham làm những việc ích quốc lợi dân. Không ham địa vị và công danh phú quý.

d) Đem lòng chí công vô tư mà đối với người, đối với việc.

e) Quyết tâm làm gương về mọi mặt: siêng năng, tiết kiệm, trong sạch.

g) Chớ kiêu ngạo, tự mãn, tự túc. Nói ít, làm nhiều, thân ái, đoàn kết.

*(Thư gửi các bạn thanh niên, ngày 17-8-1947.
Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, tr.185).*

Thanh niên phải ra sức học tập chính trị, văn hóa và khoa học kỹ thuật. Học có tốt, hành mới tốt. Học và hành tốt mới làm tròn nhiệm vụ người thanh niên cách mạng...

*(Bài nói tại Đại hội thanh niên Thủ đô, ngày 30-9-1964.
Hồ Chí Minh toàn tập, t.11, tr.317-318).*

Phụ nữ lại càng cần phải học, đã lâu chị em bị kìm hãm, đây là lúc chị em phải cố gắng để kịp nam giới.

*(Chống nạn thất học, ngày 4-10-1945.
Hồ Chí Minh toàn tập, t.4, tr.37).*

Chị em phải cố gắng học tập. Học văn hóa, học chính trị, học nghề nghiệp. Nếu không học thì không tiến bộ. Có quyết tâm thì nhất định học được.

*(Bài nói tại Hội nghị cán bộ phụ nữ miền núi, ngày 19-3-1964.
Hồ Chí Minh toàn tập, t.11, tr.215).*

Phụ nữ ta phải xóa bỏ cái tâm lý tự ti và ỷ lại; phải có ý chí tự cường, tự lập, phải nâng cao lên mãi trình độ chính trị, văn hóa, kỹ thuật.

(Bài nói chuyện tại Đại hội phụ nữ Toàn quốc lần thứ III, ngày 9-3-1961. Hồ Chí Minh toàn tập, t.10, tr.295).

*

* *



Bác Hồ với các cháu học sinh xuất sắc trong phong trào "Thiếu nhi làm nghìn việc tốt" được tham dự Đại hội Anh hùng chiến sĩ thi đua chống Mỹ, cứu nước tại Hà Nội, ngày 4-1-1967.

Phát biểu với Đại hội, Bác nói:

"Trong Đại hội này có những cháu bé rất ngoan, tuy chưa phải anh hùng nhưng các cháu sẽ cố gắng trở thành anh hùng. Các cháu này liên tục hai năm được giải thưởng của Bác Hồ. Mà giải thưởng là thế nào? Là tất cả các môn học đều học giỏi, lao động tốt, vệ sinh, tiết kiệm giúp đỡ bố mẹ đều làm tốt. Mấy cháu bé này như cái hạt mít thế này mà học lớp sáu rồi, thế là các cháu học cao hơn Bác lúc đang còn trẻ. Còn cháu này

cụt cả hai tay thế mà vẫn cố gắng học. Bây giờ cháu học lớp mấy rồi? Không có tay mà cháu vừa viết tốt, vừa làm được cả những việc trong nhà. Thế là chẳng những các cháu được tuyên dương lần này là anh hùng mà đây là các anh hùng tương lai đấy. Việt Nam ta là dân tộc anh hùng."

- *Hồ Chí Minh toàn tập, t.12, tr.188*

Bản sao lưu trữ

Thư của Bác Hồ

**GỬI CÁC CÁN BỘ, CÔ GIÁO, THẦY GIÁO, CÔNG NHÂN,
NHÂN VIÊN, HỌC SINH CÁC CẤP MẪU GIÁO,
PHỔ THÔNG, BỔ TÚC VĂN HÓA, TRUNG HỌC
CHUYÊN NGHIỆP VÀ ĐẠI HỌC NHÂN DỊP
KHAI GIẢNG NĂM HỌC 1968-1969**

Các cô, các chú và các cháu thân mến,

Nhân dịp đầu năm học thứ tư chống Mỹ cứu nước, Bác thân ái gửi lời thăm hỏi tất cả các cô, các chú và các cháu.

Trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh, sự nghiệp giáo dục của chúng ta vẫn phát triển nhanh, mạnh hơn bao giờ hết.

Bác vui lòng biết rằng mặc dầu hoàn cảnh khó khăn, hiện nay miền Bắc nước ta đã có một vạn hai nghìn trường phổ thông, mỗi xã đều có trường cấp một, nhiều xã đã có trường cấp hai, các huyện đều có ít nhất một trường cấp 3. Số người đi học đã hơn 6 triệu, trong đó có hơn 1 triệu cán bộ và công nông đang học bổ túc văn hóa. Số người vào học các trường đại học và trung học chuyên nghiệp tăng gần gấp 3 lần so với trước chiến tranh chống Mỹ. Hơn 30 trường đại học và 200 trường trung học chuyên nghiệp đã phối hợp chặt chẽ với các ngành và các địa phương, đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ, tập trung cũng như tại chức.

Các trường đã có nhiều cố gắng trong việc thi đua dạy tốt và học tốt, bảo đảm an toàn cho thầy và trò, làm cho đời sống vật chất và tinh thần ngày càng tiến bộ.

Mặc dầu giặc Mỹ điên cuồng đánh phá miền Bắc ác liệt, chúng không những đã thất bại thảm hại trên mặt trận chính trị, quân sự, mà *ta đã thắng chúng cả trên mặt trận giáo dục và đào tạo cán bộ.*

Làm được như vậy là nhờ Đảng ta có đường lối đúng đắn, quân đội và nhân dân ta rất anh hùng; và cũng do các cô, các chú, các cháu trong các trường học đã cùng nhau vượt qua nhiều khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nhân dịp này Bác khen ngợi những cố gắng và thành tích mà các cô, các chú và các cháu đã đạt được.

BÁC NHỚ CÁC CHÁU THIẾU NIÊN DŨNG SĨ MIỀN NAM

Tháng chạp năm 1968, các dũng sĩ thiếu niên miền Nam đang học ở Tả Ngạn thì có mấy chú đưa xe ô tô đến đón về Hà Nội. Luyện, Thu, Nết, Phổ, Mên, Hòa... chưa hiểu có chuyện gì. Về Thủ đô hôm trước thì 5 giờ chiều ngày hôm sau có xe đến đón đi, vào đến sân Phủ Chủ tịch mới biết là được vào gặp Bác Hồ.

Vừa bước chân xuống xe, các cháu đã thấy Bác Hồ và Bác Tôn ngồi ở một cái ghế gỗ dài kê trước cửa nhà. Tất cả chạy ào tới chào hai Bác.

Bác cháu trò chuyện với nhau. Sau đó hai Bác bảo:

- Thôi, các cháu vào ăn cơm với hai Bác!

Bữa cơm chẳng có thịt cá gì nhiều, nhưng rất ấm cúng. Các dũng sĩ thiếu niên được ngồi ăn cùng Bác Hồ, Bác Tôn. Nết người nhỏ quá, cái đầu chỉ lấp ló cạnh bàn, được Bác gấp thức ăn cho luôn.

Vừa ăn, Bác cháu vừa nói chuyện rất vui. Ăn xong, hai Bác cho mỗi cháu một bông hồng, một quả táo, một quả lê và một quyển sách "Người tốt việc tốt".

Sau đó, Bác Hồ bảo:

- Các cháu lại cả đây hôn hai Bác rồi về.

Các dũng sĩ hôn hai Bác xong, Bác Hồ dặn lại:

- Các cháu về trường cố gắng học tập cho giỏi.

Tất cả đều cảm động, Đoàn Văn Luyện lên tiếng thưa với Bác:

- Thưa Bác, chúng cháu cứ tưởng hai Bác gọi chúng cháu về có việc cần.

Bác Hồ cười hiền từ và bảo:

- Hai Bác nhớ các cháu cho nên gọi các cháu về để hai Bác gặp hỏi chuyện.

Nghe Bác nói, Luyện và các bạn cảm động muốn trào nước mắt. Hai Bác tuổi đã cao, trăm nghìn công việc, vậy mà vẫn nhớ đến các cháu miền Nam, Luyện nghĩ:

"Mình được ở ngoài Bắc mà hai Bác còn lo và thương biết chừng nào!..."

- Theo Bác Hồ kính yêu, NXB Kim Đồng, H., 1970.

Trách nhiệm nặng nề và vẻ vang của người thầy học là:

Chăm lo dạy dỗ con em của nhân dân thành người công dân tốt, người lao động tốt, người chiến sĩ tốt, người cán bộ tốt của nước nhà.

- *Thư gửi Hội nghị giáo dục toàn quốc, tháng 3-1955.*

- *Hồ Chí Minh toàn tập, t.7, tr.501*

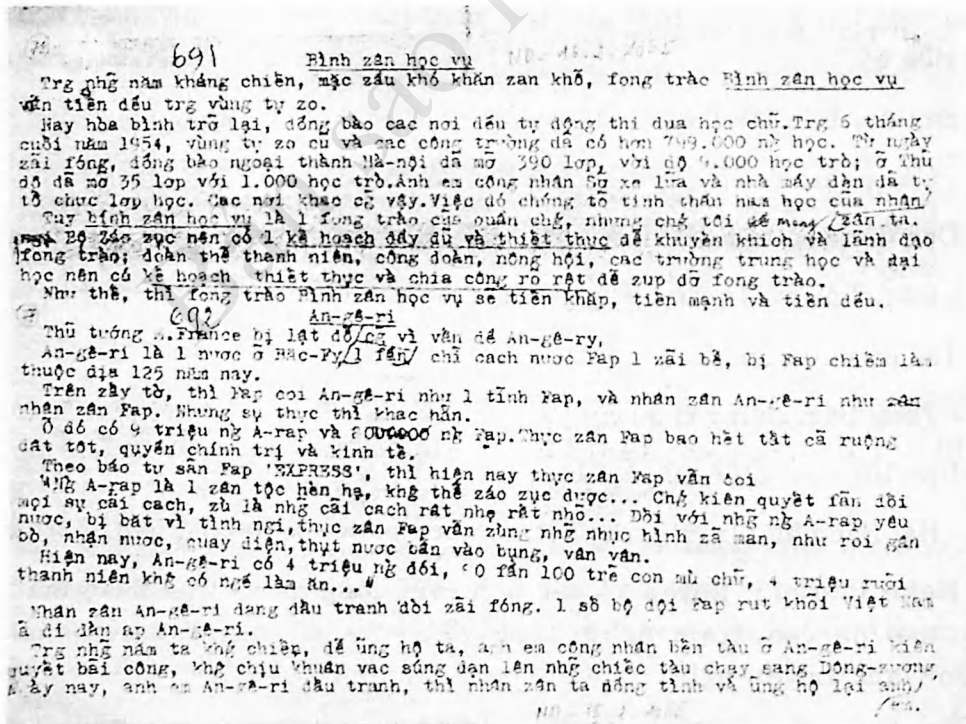
Từ tiểu học, trung học cho đến đại học là nơi rèn luyện nhi đồng và thanh niên. Óc những người tuổi trẻ trong sạch như một tấm lụa trắng. Nhuộm xanh thì nó sẽ xanh. Nhuộm đỏ thì nó sẽ đỏ.

Vì vậy sự học tập ở nhà trường có ảnh hưởng rất lớn cho tương lai của thanh niên tức là tương lai của nước nhà.

Vì vậy, cốt nhất là phải dạy cho học trò biết yêu nước, thương nòi, phải dạy cho họ có chí tự lập, tự cường, quyết không chịu thua kém ai, quyết không chịu làm nô lệ.

- *Đời sống mới, 1947.*

- *Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, tr.102*



Bản thảo bài báo Bình dân học vụ của Bác Hồ, ký bút danh C. B.
Bài đăng báo Nhân dân, ngày 16-2-1955.

THƯ GỬI CÁC HỌC SINH TRƯỜNG SƯ PHẠM MIỀN NÚI TRUNG ƯƠNG NHÂN DỊP TRƯỜNG KHAI GIẢNG

Các cháu thân mến,

Nhân dịp Trường Sư phạm khai giảng, Bác gửi lời thân ái hỏi thăm và chúc các cháu học tập tiến bộ.

Các cháu thuộc nhiều dân tộc và ở nhiều địa phương. Nhưng các cháu đều là con em của đại gia đình chung: là gia đình Việt Nam; đều có một Tổ quốc chung: là Tổ quốc Việt Nam.

Trong hơn 80 năm, vì chúng ta bị thực dân Pháp và bọn vua chúa áp bức cho nên chúng ta lạc hậu, văn hóa kém cỏi, mà chúng nó áp bức được là vì chúng nó chia rẽ chúng ta, vì chúng ta chưa biết đoàn kết.

Ngày nay, các dân tộc anh em chúng ta muốn tiến bộ, muốn phát triển văn hóa của mình thì chúng ta phải tẩy trừ những thành kiến giữa các dân tộc, phải đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau như anh em một nhà.

Nhiệm vụ của các cháu là thi đua học tập để sau này góp phần vào việc mở mang quê hương của mình và việc xây dựng nước Việt Nam yêu quý của chúng ta.

Bác sẽ có giải thưởng cho những cháu nào thi đua khá nhất.

Mong các cháu cố gắng và thành công.

Ngày 19 tháng 3 năm 1955.

HỒ CHÍ MINH

- Báo Nhân dân, số 385, ngày 22-3-1955.

- Hồ Chí Minh toàn tập, t.7, tr.496

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 1955

Thân ái gửi toàn thể

- Thầy giáo, học trò và cán bộ Thanh niên và nhi đồng.

Nhân dịp các trường bước vào năm học mới, tôi có mấy lời gửi anh chị em và các cháu:

Trong năm học vừa qua, từ khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng, các thầy giáo và cán bộ đã cố gắng nhiều. Các cháu học trò đã có những tiến bộ khá.

Nhà trường đông đúc, vui vẻ, đó là một thành tích đáng mừng.

Nhưng đó mới là bước đầu.

Trường học của chúng ta là trường học của chế độ dân chủ nhân dân, nhằm mục đích đào tạo những công dân và cán bộ tốt, những người chủ tương lai tốt của nước nhà. Về mọi mặt, trường học của chúng ta phải hơn hẳn trường học của thực dân và phong kiến.

Muốn được như thế thì thầy giáo, học trò và cán bộ phải cố gắng hơn nữa, để tiến bộ hơn nữa.

Trước hết phải ra sức tẩy sạch ảnh hưởng giáo dục nô dịch của thực dân còn sót lại, như: Thái độ thờ ơ đối với xã hội, xa rời đời sống lao động và đấu tranh của nhân dân; học để lấy bằng cấp, theo lối nhồi sọ và cần xây dựng tư tưởng: dạy và học để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Nhà trường phải gắn liền với thực tế của nước nhà, với đời sống của nhân dân. Thầy giáo và học trò, tùy hoàn cảnh và khả năng, cần tham gia những công tác xã hội, ích nước lợi dân.

Ngoài ra, mỗi một cấp giáo dục cần nhận rõ nhiệm vụ của mình trong lúc này:

- Cấp Đại học thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn, kết hợp với thực tiễn của nước ta, để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà.

*Bản thảo Thư của Bác Hồ gửi thầy giáo, học trò,
cán bộ, thanh niên và nhi đồng, ngày 31-10-1955.*

BÀI NÓI CHUYỆN CỦA BÁC HỒ TẠI ĐẠI HỘI CHIẾN SĨ THI ĐUA TOÀN NGÀNH GIÁO DỤC

Các cô, các chú đã học tập kế hoạch Nhà nước năm 1956, đã thấy rõ địa vị quan trọng và cấp thiết của ngành Giáo dục. Bác chỉ góp thêm vài ý kiến.

Trong việc kiến thiết nước nhà về mọi mặt, ta thiếu rất nhiều cán bộ như kỹ sư, chuyên gia, thợ lành nghề, thầy dạy học, v.v ... Vì vậy ta phải phát triển mạnh đại học và chuyên nghiệp. Muốn phát triển đại học và chuyên nghiệp, phải chú trọng cấp II, cấp I và cấp vỡ lòng.

Không những thế, chậm nhất là 3 năm, phải thanh toán nạn mù chữ cho toàn dân. Thời gian đó là khá dài, vì chữ ta dễ học, một người mù chữ chỉ cần học độ 3 tháng là biết đọc biết viết. Các cô, các chú phải có kế hoạch động viên tất cả mọi người tham gia bình dân học vụ.

Bác sẽ có giải thưởng cho xã nào thanh toán nạn mù chữ trước nhất của huyện, cho huyện nào thanh toán trước nhất của tỉnh, cho tỉnh nào thanh toán trước nhất trong toàn quốc.

Các cô, các chú đã thấy trách nhiệm to lớn của mình, đồng thời cũng thấy khả năng của mình cần được nâng cao thêm lên mãi mới làm tròn nhiệm vụ được. Vì thế, các cô, các chú là những thầy giáo, những cán bộ giáo dục đều phải luôn luôn cố gắng học thêm, học chính trị, học chuyên môn. Nếu không tiến bộ mãi, thì sẽ không theo kịp đà tiến chung, sẽ trở thành lạc hậu.

Bác chúc các cô, các chú mạnh khỏe, về địa phương ra sức công tác, thực hiện đầy đủ và vượt mức kế hoạch Nhà nước năm 1956.

*- Nói ngày 21-2-1956.
- Hồ Chí Minh toàn tập, t.8, tr.126*

ĐÀO TẠO THẾ HỆ TƯƠNG LAI LÀ TRÁCH NHIỆM NẶNG NỀ NHƯNG RẤT VẺ VANG

“Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”. Chúng ta phải đào tạo ra những công dân tốt và cán bộ tốt cho nước nhà. Nhân dân, Đảng, Chính phủ giao các nhiệm vụ đào tạo thế hệ tương lai cho các cô, các chú. Đó là một trách nhiệm nặng nề, nhưng rất vẻ vang. Mong mọi người phải cố gắng làm tròn nhiệm vụ. Tất cả các giáo viên chớ nên cho học thế này đã là đủ, mà phải tiếp tục học tập thêm để tiến bộ mãi.

*- Nói ngày 13-9-1958, tại lớp học chính trị của
các giáo viên cấp II, cấp III toàn miền Bắc.
- Hồ Chí Minh toàn tập, t.9, tr.222*

*

* *

Ngày 12-6-1956, Bác Hồ thăm và nói chuyện với lớp đào tạo hướng dẫn viên các trại hè cấp I tổ chức tại Hà Nội. Người nói: "Nhiệm vụ giáo dục rất quan trọng và vẻ vang, vì nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục. Bây giờ đang xây dựng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để dần dần tiến đến chủ nghĩa xã hội. Kháng chiến thì cần nhiều cán bộ quân sự. Bây giờ xây dựng kinh tế. Không có cán bộ không làm được. Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói đến kinh tế, văn hóa."...

"Trong giáo dục không những có tri thức phổ thông mà phải có đạo đức cách mạng. Có tài phải có đức. Có tài không có đức, tham ô hủ hóa có hại cho nước. Có đức không có tài như ông Bụt ngồi trong chùa, không giúp ích gì được ai".

*- Bài nói chuyện tại lớp đào tạo hướng dẫn viên
các trại hè cấp I, ngày 12-6-1956.
- Hồ Chí Minh toàn tập, t.8, tr.184*

BÀI NÓI CHUYỆN VỚI CÁN BỘ VÀ HỌC SINH TRƯỜNG SƯ PHẠM MIỀN NÚI NGHỆ AN

Thấy các cháu vui vẻ, mạnh khỏe, Bác rất vui lòng. Bác có ghé thăm một phòng ngủ, khá sạch sẽ. Thường ngày có được như vậy không? Hay nghe tin Bác đến rồi mới làm vệ sinh.

Ở đây có mấy dân tộc? Sao mà lại mặc theo người Kinh cả?

- Các cháu Thổ đâu? Mặc sao giống người Kinh?

- Các cháu Thái đâu?

- Các cháu Thanh đâu?

- Các cháu Tày Mười đâu?

- Các cháu Tày Hây đâu? Chỉ có một cháu thôi à? Sao lại không có cháu gái? Lần sau phải có cháu gái.

- Các cháu Đan Lai đâu?

- Các cháu Lào đâu?

- Các cháu có hiểu nhau không?

- Các cháu nói chuyện với nhau được không? Nói chuyện với nhau bằng tiếng gì?

Hồi trước, bọn Tây và vua quan phong kiến làm cho các dân tộc thù ghét lẫn nhau, người Mường ghét người Kinh. Bây giờ các dân tộc đều là anh em cả. Dân tộc nào đông hơn, nhiều người hơn, tiến bộ hơn thì phải giúp đỡ các dân tộc khác để đều tiến bộ như nhau, đều đoàn kết như anh em một nhà. Có làm được không? Ở đây các cháu thi đua gì? Bác khuyên các cháu học tập tốt. Thế nào là học tập tốt? Học tập tốt là chính trị, văn hóa đều phải gắn liền với lao động sản xuất, không học đông dài. Mục đích học là để làm kinh tế, chính trị, văn hóa đều tiến bộ, các dân tộc đều đoàn kết với nhau. Học để làm gì nữa? Để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội là gì? Là no ấm. Gì nữa? Là đoàn kết, vui khỏe. Muốn đi đến chủ nghĩa xã hội phải làm gì? Phải học tập, lao động, đoàn kết. Làm gì nữa? Phải tăng gia sản xuất, làm ra nhiều lúa, nhiều khoai, đủ các thứ. Vải nhiều thì mặc ấm, nhiều lúa khoai thì ăn no. Còn phải làm gì nữa? Phải tiết kiệm. Tăng gia sản xuất là làm cho được nhiều, nhưng lại còn phải tiết kiệm nữa.

Các cháu có muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội không? Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải tiết kiệm. Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội trong 20 năm, lại bị 2 trận giặc xâm lăng tàn phá. Ta bây giờ xây dựng chủ nghĩa xã hội thì có Liên Xô, Trung Quốc và các nước anh em giúp đỡ. Ta có dễ dàng hơn Liên Xô trước đây vì có bạn giúp ta, nhưng cũng phải thất lưng buộc bụng.

Các cháu ở đây ăn có phải trả tiền không? Đồng bào, công nhân và nông dân hiện nay thất lưng buộc bụng để xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà các cháu ở đây học không phải trả tiền, ăn không phải trả tiền, ngủ không phải trả tiền, như thế các cháu đã sống theo chế độ cộng sản rồi đấy. Để đền đáp công ơn, các cháu không phải học rồi ở đây, mà phải trở về giúp đỡ đồng bào.

Bác đến thăm các cháu và chúc các cháu tiến bộ.

- Ngày 9-12-1961.

- Hồ Chí Minh toàn tập, t.10, tr.460

BÀI NÓI TẠI HỘI NGHỊ TỔNG KẾT PHONG TRÀO THI ĐUA "DẠY TỐT, HỌC TỐT" CỦA NGÀNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ SƯ PHẠM

(trích)

Bác nêu mấy ý kiến về giáo dục:

"- Cần phát triển kiểu dạy, kiểu học của trường Bắc Lý và các trường thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa. Cần nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng nhà trường, thực hiện tốt phương châm nhà trường gắn chặt với xã hội, học đi đôi với hành.

- Nội dung giáo dục cần chú trọng hơn nữa về mặt đức dục. Dạy cho các cháu đạo đức cách mạng, biết yêu Tổ quốc, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu khoa học, yêu lao động và người lao động, thật thà, dũng cảm, sẵn sàng tham gia lao động và bảo vệ Tổ quốc. Trong khi giảng dạy và học tập, thầy giáo và học trò cần phải luôn luôn nhớ đến cuộc đấu tranh gian khổ và anh dũng của đồng bào ta ở miền Nam.

- Về học tập và giảng dạy, phải thực hiện tốt phương châm giáo dục kết hợp với lao động sản xuất. Về lao động, cần chú ý tổ chức cho thích hợp với lứa tuổi và sức khỏe của học sinh. Về giảng dạy tránh lối dạy nhồi sọ. Chương trình dạy học hiện nay còn có chỗ quá nhiều, quá nặng. Về học tập tránh lối học như vẹt. Ngoài ra cần chú ý tránh nói tiếng nước ngoài quá nhiều. Bác thấy nhiều cháu nói chữ như ông già. Như thế là không tốt. Ví dụ có cháu nói mà Bác không hiểu: "phụ đạo đến giúp cháu tu bổ giáo cụ trực quan". Hoặc dùng những danh từ: kiện tướng, nỗ lực, niên khóa, tam cá nguyệt. Những tiếng ta có thì không nên dùng tiếng nước ngoài.

- Việc hội họp còn quá nhiều, hại đến sức khỏe và thì giờ của thầy giáo và học trò.

- Bài dạy phải chuẩn bị cho tốt và cần chọn lọc những bài thích hợp với tuổi của học sinh.

- Phải cần kiệm xây dựng nhà trường, 8 vạn thầy giáo và hơn 3 triệu học sinh của ta là một lực lượng lớn, nếu khéo tổ chức lao động sản xuất cho thích hợp ở nhà trường, ở hợp tác xã và gia đình, thì có thể làm ra nhiều của cải cho xã hội.

Hiện nay đang có phong trào học sinh lớp 7 và lớp 10 xung phong lên miền núi công tác, góp phần xây dựng miền núi giàu mạnh. Đó là điều rất tốt. Các địa phương cần giúp đỡ khuyến khích những học sinh đó vừa lao động tốt và tiếp tục học tập tốt. Trước đây các cháu đã học kết hợp với hành. Bây giờ cần tổ chức cho các cháu hành kết hợp với học.

Nhiệm vụ của các cô giáo, thầy giáo rất nặng nề nhưng rất vẻ vang. Muốn làm tròn nhiệm vụ đó thì phải luôn luôn gương mẫu về mọi mặt, không ngừng bồi dưỡng đạo đức cách mạng, lập trường chính trị; phải ra sức đoàn kết giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Trường học phải liên hệ chặt chẽ với gia đình, với xã hội. Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, các cơ quan chính quyền và các cấp ủy đảng phải thật sự quan tâm đến nhà trường, đến việc học tập của con em mình hơn nữa.

Ngành Giáo dục phải thiết thực tham gia cuộc vận động "3 xây, 3 chống" và cuộc vận động "cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc".

- Tháng 8-1963.

- Hồ Chí Minh toàn tập, t.11, tr.615.

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SỬ PHẠM HÀ NỘI, NGÀY 21-10-1964

(trích)

"... 1- Trước hết là phải đoàn kết.

Đoàn kết thật sự, giữa thầy và thầy, giữa thầy và trò, giữa trò và trò, giữa cán bộ và công nhân. Toàn thể nhà trường phải đoàn kết thành một khối, đoàn kết phải thật sự trăm phần trăm chứ không phải chỉ đoàn kết miệng.

2- Các cháu học sinh không nên học gạo, không nên học vẹt. Bác không cần giải thích học gạo, học vẹt là thế nào vì các cháu biết cả rồi. Học phải suy nghĩ, học phải liên hệ với thực tế, phải có thí nghiệm và thực hành. Học với hành phải kết hợp với nhau.

3- Cần phải giữ gìn kỷ luật cho tốt, phải sạch sẽ, gọn gàng. Kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tự do, chống lề mề, luộm thuộm.

4- Thầy cũng như trò, cán bộ cũng như nhân viên, phải thật thà yêu nghề mình. Có gì vẻ vang hơn là nghề đào tạo những thế hệ sau này tích cực góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản? Người thầy giáo tốt – thầy giáo xứng đáng là thầy giáo – là người vẻ vang nhất. Dù là tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương, song những người thầy giáo tốt là những anh hùng vô danh. Đây là một điều rất vẻ vang. Nếu không có thầy giáo dạy dỗ cho con em nhân dân thì làm sao mà xây dựng chủ nghĩa xã hội được? Vì vậy nghề thầy giáo rất là quan trọng, rất là vẻ vang; ai có ý kiến không đúng về nghề thầy giáo, thì phải sửa chữa.

5- Một điểm nữa là các cháu gái chưa được giúp đỡ tốt. Các cháu trai, cháu gái chưa thật sự coi nhau như anh em, chị em ruột thịt trong một nhà. Trái lại, còn có ý ganh tị, bắt bẻ, sợ bạn học sinh gái hơn mình thì mất thể diện "anh hùng nam tử". Cháu nào còn rơi rớt tư tưởng, tác phong ấy thì cần phải sửa chữa.

Cô giáo, thầy giáo trong chế độ ta cần phải góp phần vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phải có chí khí cao thượng, phải "tiên ưu lạc hậu" nghĩa là khó khăn thì phải chịu trước thiên hạ, sung sướng thì hưởng sau thiên hạ. Đây là đạo đức cách mạng.

6- Trong việc học tập cũng như trong mọi việc, đảng viên và đoàn viên của nhà trường cần phải xung phong gương mẫu, phải giúp đỡ anh em, chị em cùng tiến bộ. Ở đây có ngót 4.000 học sinh, 1/4 là cháu gái. Như thế là có tiến bộ nhưng đương còn ít. Ngày nay, ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nghề dạy học và nghề làm thuốc thì phụ nữ làm nhiều hơn.

Có 100 học sinh đồng bào thiếu số, Bác thấy vậy còn ít, cần dần dần có thêm.

Có 800 các cháu miền Nam, như vậy là rất tốt, dần dần phải thêm nữa. Bởi vì chúng ta phải gắn liền nhiệm vụ ủng hộ miền Nam với việc xây dựng miền Bắc. Vì vậy, ở miền Bắc, trong mọi việc, việc dạy và học cũng thế, mọi người phải làm việc bằng hai để đền đáp cho đồng bào miền Nam ruột thịt. Ở đây cũng như các ngành khác, phải đào tạo cán bộ cho miền Nam đến ngày nước nhà thống nhất, các cháu ấy về góp phần xây dựng miền Nam thân yêu.

Cuối cùng, Bác mong các cô, các chú và các cháu nhớ làm được những điều kể trên. Tất cả thầy trò, cán bộ, công nhân phải phấn khởi thi đua phát triển ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, làm thế nào để nhà trường này chẳng những là trường sư phạm mà còn là trường mô phạm của cả nước."

- Bản gốc lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I.

- Hồ Chí Minh toàn tập, t.11, tr.331

*

* *

Việc học tập của cán bộ phải có tổ chức...

Phải thống nhất chương trình học.

- Nên học cái gì?

- Học để làm gì?

- Học thế nào?

(Lời phát biểu trong phiên họp Hội đồng Chính phủ.

Biên bản họp Hội đồng Chính phủ, ngày 1-1-1953.

Tư liệu Bảo tàng Hồ Chí Minh).

Tất cả cán bộ, đảng viên của Đảng phải vì Đảng, vì dân mà hăng hái phấn đấu. Phải chịu khó học tập chính trị, kinh tế, khoa học, kỹ thuật để nâng cao năng lực, làm cho kinh tế phát triển, chiến đấu thắng lợi, đời sống của nhân dân ngày càng no ấm, tươi vui.

(Bài nói tại lớp Bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo cấp huyện, ngày 18-1-1967. Hồ Chí Minh toàn tập, t.12, tr.212).

Bất cứ hoàn cảnh nào, đảng viên và cán bộ cần phải luôn luôn ra sức phấn đấu, ra sức làm việc, cố gắng học tập để nâng cao trình độ văn hóa, tri thức và chính trị của mình.

(Sửa đổi lối làm việc, tháng 10-1947. Hồ Chí Minh toàn tập, t.5, tr.253).

Muốn giáo dục nhân dân, làm cho mọi người đều tốt cả, thì cán bộ, đảng viên phải tự giác giáo dục và rèn luyện hàng ngày.

(ý kiến về việc làm và xuất bản loại sách người tốt, việc tốt, tháng 6-1968. Hồ Chí Minh toàn tập, t.12, tr.557).

Cán bộ phải cố gắng học tập văn hóa, chính trị, nghiệp vụ. Kinh tế của ta ngày càng phát triển, hàng ngũ công nhân ngày càng thêm đông. Muốn làm tròn nhiệm vụ của mình, thì cán bộ phải luôn luôn cố gắng học tập, cố gắng vươn lên để không ngừng tiến bộ.

(Bài nói chuyện tại Hội nghị cán bộ Công đoàn cơ sở toàn miền Bắc, ngày 13-8-1962. Hồ Chí Minh toàn tập, t.10, tr.587).

Chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xây dựng được với sự giác ngộ đầy đủ và lao động sáng tạo của hàng chục triệu người. Muốn thế phải nâng cao trình độ lý luận chung của Đảng, phải tổ chức học tập lý luận trong Đảng, trước hết là trong những cán bộ cốt cán của Đảng.

(Diễn văn khai mạc lớp học lý luận khóa I trường Nguyễn Ái Quốc, ngày 7-9-1957. Hồ Chí Minh toàn tập, t.8, tr.494-495).

Mỗi đảng viên phải tích cực học tập, thực hiện lời dạy của Lenin là học, học nữa, học mãi... Chúng ta phải học và hoạt động cách mạng suốt đời. Còn sống thì còn phải học, còn phải hoạt động cách mạng.

(Bài nói ở lớp huấn luyện đảng viên mới, ngày 14-5-1966. Hồ Chí Minh toàn tập, t.12, tr.92).

II

NHỮNG MẪU CHUYỆN VỀ TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC BÁC HỒ

*

BÁC HỒ Ở THÁI LAN

Ngoại nhà hợp tác ở Bản Mạ, huyện Mưỡng, tỉnh Na Khon Pha Nom, Thái Lan, một trong những nơi Nguyễn Ái Quốc với tên gọi Thủ Chin đã sống và tuyên truyền lòng yêu nước cho Việt Kiều ở Thái Lan trong thời gian từ 1928-1929. Đây là một di tích trong làng hữu nghị Việt-Thái, được khôi phục lại năm 2001.

Mùa thu năm 1928, ở Bản Đông, thuộc Phi Chít (Trung Bộ nước Xiêm) có ông Chin xuất hiện.

Những người chưa từng quen biết ông, đoán với nhau, thì thảo. Có người nói: Có lẽ ông ở bên nước mới sang chăng? Nhưng rồi họ tự hỏi: nhưng sao ông lại nói tình hình thế giới được rành mạch như thế? Có người nói: Hay là ông ở Tàu về? Nhưng rồi họ cũng tự nhủ: Không lẽ! Vì ông biết tình hình trong nước rất tường tận kia mà!...

Ở đây luôn luôn có người trong ra, ngoài vào. Ai đến cũng đều có báo cáo tình hình với Hội Hợp tác, nhưng không ai biết được nhiều chuyện mà nói rất rõ ràng và dễ hiểu nhưng ông Chin cả. Mà lạ nhất là tại sao ông cũng hiểu rõ cả tình hình kiều bào ở Xiêm.

Ở Phi Chít kiều bào có ít, tổ chức tương đối tốt nhưng lại gần tai mắt của mật thám, nên ông Chin chỉ ở lại có mười ngày rồi đi U Đon. Từ Phi Chít đến U Đon, phải đi bộ theo đường rừng mất khoảng mười ngày. Mỗi người đi đường phải gánh theo hai thùng có nắp dậy để đựng những quần áo, đồ dùng lặt vặt và mang một con dao, một ống cheo (thịt gà, hoặc sườn lợn băm nhỏ rang muối mặn) và mười kilô gạo. Lúc ấy là mùa thu. Cây rừng trọi lá. Trên thì trời nắng, dưới chân thì đất cát lẫn sỏi.

Thấy ông Chin xưa nay chưa quen gánh mà cũng chưa quen đi bộ, anh em không để cho ông gánh. Nhưng ông không chịu. Đôi thùng đưa đi đưa lại, chân nam đá chân chiêu. Thế mà ông Chin vẫn cố gắng. Mấy ngày sau trong lúc ngồi nghỉ, anh em thấy hai bàn chân của ông Chin đã đỏ chín, rớm máu. Hỏi ông, mới biết ra là ngay từ ngày đầu, chân ông đã

phồng và đỏ như vậy, nhưng không ai biết, vì ông cứ thản nhiên làm như không có việc gì xảy ra. Ông cười và nói: "Thiên hạ vô nan sự, nhân tâm tự bất kiên!" (Không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền). Cứ để thế, đi một vài hôm nó sẽ thành "dạn", đừng ngại...". Quả nhiên, từ ngày thứ tư trở đi, ông Chín đã theo kịp mọi người. Mấy tháng sau gặp lại ông, tôi hỏi: "Bây giờ thì ông đi bộ giỏi lắm?". Ông Chín nói: "Hừ! Bây giờ thì mình "long hành hổ bộ" rồi". Thật vậy. Người ta kể rằng, từ U Đon đến Xa Vang dài 71 cây số, thế mà ông chỉ đi trong một ngày.

U Đon, thuộc đông bắc nước Xiêm, có thể nói là trung tâm của cuộc vận động Việt kiều ở Xiêm. Ngoài U Đon, thì Noọng Khai, Sa Côn, Na Khon, Thạt Pha Nom, Mục Đa Han, đều có kiều bào đông. Ông Chín quyết định đi U Đon trước. Hồi ấy, chi bộ ở U Đon là chi bộ thứ hai của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Ở đó, cũng đã có tổ chức Hội Thân ái và Hội Hợp tác.

Với chủ trương của Tổng hội là đoàn kết kiều bào trường kỳ cách mạng, anh em thanh niên ở trong nước mới ra đã thực hành việc đó có kết quả khá. Nhưng dù sao, tư tưởng ấy vẫn chưa được thấm nhuần nên việc tổ chức kiều bào còn mắc bệnh hẹp hòi: ở đất nước người ta lâu mà tiếng Xiêm, chữ Xiêm cũng không học, vì anh em cho rằng không bao lâu nữa, không đi nước ngoài thì cũng về nước để tuyên truyền vận động, chứ chẳng ăn đời ở kiếp gì đây. Mặt khác, trước tình hình có nhiều khó khăn, phong trào trong nước bị khủng bố dữ dội, anh em thấy tiền đồ cách mạng còn đen tối. Trong cuộc hội nghị đầu tiên khi tới U Đon, ông Chín báo cáo trước chi bộ, nói rõ tình hình và triển vọng cách mạng thế giới, tính trường kỳ gian khổ của cách mạng Việt Nam và đề ra chủ trương: mở rộng tổ chức, củng cố cơ sở cần thiết, tuyên truyền giáo dục kiều bào tôn trọng phong tục tập quán và giữ pháp luật của người Xiêm, làm cho quần chúng Xiêm có cảm tình với cách mạng Việt Nam.

Ông Chín chủ trương đổi báo Đồng Thanh (một tờ báo của Hội Thân ái xuất bản từ năm 1927) ra báo Thân ái: nội dung tờ báo phải rõ ràng, văn chương phải ngắn gọn và dễ hiểu; báo phát hành càng rộng càng tốt. Hội Hợp tác trước kia chỉ nhận anh em thanh niên trong nước mới ra, nay chủ trương nhận cả kiều bào nào thật thà yêu nước tình nguyện gia nhập. Ông lại chủ trương xin phép Chính phủ Xiêm lập trường học cho trẻ em Việt kiều, khuyến khích mọi người học tiếng Xiêm, mở rộng việc vận động học chữ Quốc ngữ. Ông Chín quyết định ở lại đây một thời gian. Lúc này, không ai bảo ai, người ta quen gọi ông là: "Thầu Chín" (Thầu, tiếng Lào, để gọi người nhiều tuổi và biểu thị sự tôn kính).

Việc đầu tiên là Thầu Chín đặt chương trình hằng ngày của mình: Buổi sáng lao động mấy giờ, học tiếng Xiêm mấy chục chữ, dịch mấy trang sách; buổi tối, huấn luyện chính trị hoặc nói chuyện với mọi người... Thầu Chín đã làm đúng chương trình ấy. Khi mới đến, Thầu Chín cùng mọi người đào giếng và đào gốc cây (Lúc này Hội Hợp tác đang vỡ đất hoang làm vườn). Gần một tháng, sau khi xin được phép của Chính phủ Xiêm, kiều bào xây dựng nhà trường. Thầu Chín cũng tham gia gánh gạch. Vì chưa quen gánh nặng nên buổi đầu, ông đặt chương trình gánh mới đầu 10 viên, sau tăng dần lên 15 viên và mỗi sáng gánh hai chục gánh. Cứ mỗi lần gánh đến chỗ xếp gạch, ông lại lấy phấn đánh dấu, theo thứ tự nét chữ "chính". Đủ năm gánh thành một chữ, ông lại bắt đầu viết chữ thứ hai, cốt để khỏi nhớ nhầm. Khi đến bốn chữ "chính" là ông nghỉ; ông cũng không bao giờ gánh hơn cũng không gánh kém. Xong, ông đi tắm, rồi làm việc khác theo chương trình. Nhà trường của Việt kiều ở U Don là nhà trường được Chính phủ Xiêm cho phép xây dựng đầu tiên, do chính phủ bổ nhiệm thầy dạy. Sau đó các nhà trường của Việt kiều ở Sa Côn, Na Khon được lần lượt xây dựng tương đối hơn. Buổi sáng, trẻ em Việt kiều học chữ Xiêm theo chương trình của nhà nước Xiêm, buổi chiều học chữ Quốc ngữ. Thầy dạy chữ Quốc ngữ là Việt kiều và do Hội Hợp tác nuôi. Ban đêm kiều bào đến đọc báo, vui chơi ở câu lạc bộ, thỉnh thoảng nghe nói chuyện tình hình trong nước và thế giới. Các trường này dạy được từ năm, bảy năm và đã có ảnh hưởng lớn trong kiều bào. Con cái người Xiêm ở gần cũng đến học ngày càng đông.

Thầu Chín cổ động mọi người trong cơ quan Hợp tác cùng học chữ Xiêm; số người cùng học, được mười người. Khi đặt chương trình, Thầu Chín đề ra trong thời gian đầu, mỗi ngày học mười chữ, về sau tăng dần lên. Mọi người chê ít, đòi học nhiều hơn. Thầu Chín chủ trương học mười chữ thôi. Mọi người cho rằng nhất định mình học được. Chưa đầy ba tháng, Thầu Chín đã xem được báo chữ Xiêm, còn những người khác thì chỉ hăng hái vô vấp lúc đầu, về sau dần dần "bữa đục, bữa cái". Kết quả chữ lại theo thầy!

Thầu Chín đã xem sách và dịch sách như thế nào? Trước khi định đọc hay dịch một cuốn sách (hồi ấy Thầu Chín dịch cuốn *Nhân loại tiến hóa sử* và cuốn *Chủ nghĩa cộng sản A, B, C*), ông đếm số chương và số trang, rồi đặt chương trình mỗi ngày dịch hay đọc mấy tờ. Ông không bao giờ chịu sai chương trình. Nếu gặp việc đột xuất, như có kiều bào đến nói chuyện chẳng hạn, thì trong ngày ấy, Thầu Chín cũng kiểm thì giờ khác bù vào, không chịu để vỡ kế hoạch.

(Lê Mạnh Trinh, trong *Bác Hồ, Hồi ký*,
NXB. Văn Hóa Dân Tộc, H., 2000)

BÁC HỒ VỚI HƯỚNG ĐẠO SINH

Bác Hồ thăm trại hè của Hướng đạo sinh Hà Nội, năm 1946.

Tận dụng tính chất hợp pháp của tổ chức Hướng đạo quốc tế, một hình thức giáo dục thanh niên học sinh tương tự như hình thức giáo dục ngoài giờ lên lớp hiện nay, khoảng những năm 1940, một số trí thức Việt Nam yêu nước như Tạ Quang Bửu, Hoàng Đạo Thúy đã lập ra tổ chức Hướng đạo Việt Nam ở miền Bắc và miền Trung. Với tôn chỉ "sẵn sàng phụng sự Tổ quốc, phục vụ xã hội", với hình thức sinh hoạt ngoài học đường, tổ chức Hướng đạo Việt Nam tập hợp, giáo dục thanh niên học sinh lòng yêu nước, thương nòi, tình yêu thiên nhiên, giao tiếp xã hội, rèn luyện sức khỏe, ý chí và các kỹ năng sống cần thiết. Khi gặp cách mạng, đại đa số hướng đạo sinh hăng hái đi theo cách mạng, đi theo Bác Hồ. Nhiều hướng đạo sinh đã trở thành những cán bộ cách mạng, cán bộ quân đội xuất sắc.

Ngày 31-5-1946, Bác Hồ đã nhận lời mời làm Hội trưởng danh dự cho Hội Hướng đạo Việt Nam.

Trong kháng chiến chống Pháp, ở chiến khu Việt Bắc, trong các phiên họp Chính phủ, nhiều thành viên Chính phủ từng là hướng đạo sinh, lúc giải lao, Bác thường đề nghị tổ chức các trò chơi theo kiểu hướng đạo sinh để tăng không khí đoàn kết, vui vẻ.

BÁC HÁT BÀI "ANH HÙNG XƯA"

Một buổi chiều chụp ảnh. Trong ảnh rõ ràng hai thế hệ. Các cụ ngồi ngay ngắn. Đằng sau là các đồng chí Bộ trưởng, mỗi người một vẻ.

Chụp xong, Cụ Hồ nắm lấy cánh tay tôi:

- Tối hôm nay, Cụ tổ chức lửa trại nhé!
- Máy ông cụ già với máy ông trẻ đầy lo nghĩ, lửa trại vui được khó quá.
- Cứ vui đấy!

Bỗng một ý nghĩ qua óc tôi, tôi thưa:

- Cụ cho lệnh tổ chức, tôi xin làm. Nhưng thưa Cụ, ở lửa trại thì người giữ lửa có quyền to lắm, ai cũng phải nghe đấy.

- Nhất định thế!

Bọn chúng tôi vẫn có cái thói cứ hay "chọc" Cụ một cách kính mến, không dám làm Cụ bí, vì Cụ có bí bao giờ đâu, nhưng để xem Cụ đối phó thế nào, rồi ngồi cười cùng nhau, lý thú về cách trả lời của Cụ. Cụ cũng hiểu thế và mỉm cười.

Mọi người đã ngồi quanh đống lửa. Tôi châm lửa và tuyên bố:

- Thi hành quyền lực của trùm lửa trại, tôi xin đề nghị Cụ Chủ tịch hát mở đầu cuộc vui.

Mọi người nhìn cả về phía Cụ. Cụ nhẹ nhàng đứng dậy, vừa đi quanh vừa hát bài hát hướng đạo về Đỉnh Bộ Lĩnh:

Anh hùng xưa nhớ hồi là hồi thiếu niên,

Dấy binh lấy lau làm cờ,

Quên mình là mình giúp nước...

Già trẻ ai nấy con mắt long lanh, nhìn âu yếm Cụ Chủ tịch của mình, mà như thế là cuộc lửa trại vui lên.

Hoàng Đạo Thúy – Nguyên Cục trưởng Cục Thông tin liên lạc,

*(Trong sách Bác Hồ với chiến sĩ, tập 2,
NXB. Quân Đội Nhân Dân, H., 2001)*

"CÓ NẶNG KHÔNG"

Những năm kháng chiến trên Việt Bắc, ông Cụ thường hay cho đốt lửa trại kiểu Hương đạo.

Một lần, chúa lửa rơi vào ông bác sĩ Trần Duy Hưng, Thị trưởng Hà Nội. Thấy đốc tờ Hưng nói nhỏ với các chú bảo vệ điều gì đó. Rồi, ông ta tuyên bố: "Kháng chiến đã thành công, đồng bào miền Nam hôm nay đón Cụ Chủ tịch vào thăm. Mời Cụ lên máy bay". Đã thấy hai chú lính ra vòng tay làm kiệu, nâng Cụ lên, chẳng nói chẳng rằng chạy luôn quanh đồng lúa... Trần Duy Hưng bảo các trại viên ù ù lúc trăm bóng, cao thấp ra về máy bay đang bay. Độ 2 vòng lửa, máy bay dừng lại. Hưng lại chủ động "tấn công": "Cụ Chủ tịch đã đến, xin mời Cụ nói chuyện với đồng bào". Cụ sửa lại áo. Vỡ vai 2 "phi công" hỏi:

- Có nặng không...?

rồi Cụ nghiêm trang nói:

- Thưa đồng bào, tôi được vào đây, mừng lắm. Nhưng đi tàu bay xấu, xóc nhiều, mệt. Xin nhờ đồng chí Trần Duy Hưng thưa chuyện với đồng bào...

Đốc tờ bị "phản kích" lúng túng vì chưa chuẩn bị diễn văn. Cụ Phan Kế Toại, ngồi gần tôi cười toáng lên: "Hưng ơi! Chết chưa!".

*(N. V. H ghi lời kể của Hoàng Đạo Thúy
trong Bác Hồ với chiến sĩ, tập 2,
NXB. Quân Đội Nhân Dân, H., 2001)*

BÁC HỒ ĐẾN VỚI CÁC CHÁU MỒ CÔI Ở TRẠI KIM ĐỒNG

Một sáng đẹp trời, Bác Hồ đã đến với các cháu Trại Kim Đồng. Ngay từ phút đặt chân đến cổng trại nhìn bờ rào dăng dây thép gai, trong mắt Bác hiện lên sự nhức nhối. Nói với các cán bộ phụ trách, giọng Bác nhẹ nhàng, nhưng vô cùng thấm thía:

- Đây là nơi nuôi dạy các cháu mồ côi, được mang tên liệt sĩ Kim Đồng, sao các cô, các chú lại rào dây thép gai như nhà tù thế này?

Chú Thuận thưa:

- Dạ thưa Bác, cơ ngơi của thời đại cũ để lại đấy ạ!

Bác lắc đầu: Các cô, các chú phải tháo gỡ đám dây thép gai ngay. Chế độ cũ nhóm các cháu vào đây, chúng ta tiếp tục nuôi dạy vì tương lai các cháu. Bác đi vào từng căn phòng ở, phòng ăn, phòng học, nơi các cháu vui chơi. Bác khen: "Được cái gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ, nhưng còn – Bác hỏi cán bộ phụ trách Trại – còn thế nào, các cô, các chú biết không?"

Mọi người nhìn Bác, vừa xúc động vừa lúng túng. Rồi chú Thuận mạnh dạn đáp:

- Thưa Bác, các cháu ở trại còn chật chội ạ.

Bác Hồ mỉm cười:

- Chú nói mới đúng có một phần nhỏ thôi. Đối với các cháu mồ côi, điều lớn nhất là phải bù đắp tình thương. Các cháu đã không còn bố, mẹ thì các cô, các chú ở đây là bố, là mẹ các cháu. Các cô, các chú nuôi, dạy các cháu phải đem cả tấm lòng làm mẹ, làm cha mà cư xử, mà săn sóc, mà dạy bảo. Bác thấy ở đây, đối với các cháu còn có vẻ "trại lính", thiếu cái ấm cúng của gia đình. Dạy bảo các cháu vào khuôn phép, sống có kỷ luật trật tự là đúng. Nhưng không được để các cháu mất cái hồn nhiên, mất cái vui tươi, thoải mái. Đừng biến các cháu thành các "ông cụ non". Các cô, các chú phải làm sao cho các cháu thấy Trại Kim Đồng là gia đình của các cháu, đi xa các cháu nhớ, lúc ở nhà các vui. Được như vậy thì cần gì phải rào dây thép gai, phải canh phòng nghiêm ngặt với các cháu?

Bác lại hỏi:

- Những cháu kém có nhiều không?

- Thưa Bác, còn nhiều lắm ạ.

- Nhiều là bao nhiêu?

Đồng chí phụ trách hơi bối rối. Bác nói ngay:

- Quản lý các cháu thì cần biết cụ thể từng cháu một, biết chắc chắn cái dở, cái hay của mỗi đứa.

Có vậy, thì dạy mới có kết quả tốt. Bác bảo chú Thuận đứng bên:

- Cho Bác gặp cháu nào kém nhất trại.

Em Quốc đứng khoanh tay trước mặt Bác, Bác cúi xuống vuốt nhè nhẹ tóc em. Bác hỏi:

- Tên cháu là gì?

- Thưa Bác, tên cháu là Quốc lủi ạ! Bác nhìn em, ái ngại:

- Ai đặt cho cháu cái tên ấy?

- Dạ thưa, các bạn gọi cháu thế ạ.

- Vì sao các bạn gọi cháu là Quốc lủi?

- Thưa Bác... Cháu... Cháu hay trốn trại. Cháu chui qua hàng rào, lủi vào các ngõ phố ạ.

- Sao cháu không chịu ở trong trại mà trốn ra ngoài?

- Thưa Bác... ở trong trại khổ cực lắm ạ.

- Khổ cực thế nào?

- Dạ chúng cháu bị gò bó đủ thứ ạ.

- Cháu nói rõ sự gò bó cho Bác nghe nào?

- Thưa Bác...

Quốc nhìn Bác Hồ mà nước mắt trào ra, nghẹn ngào không nói lên lời.

Bác xoa đầu em, Bác đã hiểu thấu tất cả, dù em chưa nói ra được những điều muốn thưa với Bác, Bác khuyên Quốc: "Từ nay cháu phải

phấn đấu bỏ cái tên "lủi", giữ lại cái tên Quốc...". Nước mắt càng giàn giụa trên hai má Quốc.

Bác Hồ cầm tay em Quốc đi ra chỗ cả trại đang tập hợp đón đợi Bác.

Bác thân mật kể cho các em nghe một số gương tốt của thiếu nhi trong kháng chiến chống Pháp, gương tốt của thiếu nhi ở Liên Xô và các nước bạn. Các em đã không cầm được nước mắt khi nghe Bác kể về thời thiếu niên của Bác, Bác đã từng thềm một cái đồ chơi, ước ao một bộ quần áo mới để mặc Tết. Bác cũng đã mồ côi mẹ từ năm lên chín, lên mười. Bác đã phải bế em đi xin sữa sau ngày mẹ qua đời.

Bác căn dặn các em như ông dặn cháu:

- Các cháu phải vâng lời các cô, các chú phụ trách. Thiếu nhi thì phải ngoan, phải thật thà, lễ phép với người lớn, kính trọng người già, giúp đỡ người tàn tật yếu đau. Các cháu ở trong tập thể với nhau càng phải thương yêu nhau như anh chị em ruột thịt. Và phải dũng cảm sửa chữa những khuyết điểm, những thói hư tật xấu để lớn lên làm người chủ của đất nước, đừng để mình là cái gánh nặng của xã hội...

Rồi Bác bảo:

- Các cháu có hứa làm được điều Bác căn dặn không nào?

Một tiếng "có" vang lên, đều khắp và sôi nổi. Bác còn dặn thêm các em là, noi gương dũng cảm của liệt sĩ Kim Đồng trong học tập và rèn luyện, em nào đạt kết quả tốt, được ban phụ trách báo lên Bác, Bác sẽ gửi phần thưởng. Và Bác thân mật hẹn: "Nếu cả trại cùng tiến bộ vượt bậc, Bác sẽ còn về thăm các cháu nhiều lần nữa".

Ngày hôm ấy, Bác đã để lại rất nhiều quà để chia cho các em. Nhận phần quà của Bác cho, nhiều em đã không ăn, cất làm kỷ niệm.

Từ hôm đó trong từng đôi mắt của các em, ngời lên niềm vui nhận quà Bác. Em Quốc không lủi ra ngoài trại nữa, mà giữ gìn mình như giữ gìn kỷ niệm quà Bác trong trái tim.

Ai yêu các nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh.

*Hoàng Giai tuyển của nhiều tác giả –
NXB Thanh Niên, 1999.*

BÁC HỒ VỚI KHOA HỌC

Thực tiễn cuộc đấu tranh xã hội và đấu tranh với thiên nhiên của loài người được tổng kết trong phong trào công nhân quốc tế, cùng với thực tiễn trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh đó ở Việt Nam từ ngày Cách mạng tháng Tám thành công, đã xây dựng Bác Hồ thành người làm chủ khoa học xã hội và khoa học tự nhiên, vận dụng sáng tạo khoa học đó và cách mạng Việt Nam và là hiện thân của những gì khoa học nhất trong phương pháp, kiến thức, trong hành động cũng như trong tác phong làm việc và sinh hoạt của Người.

Từ khi tiếp xúc với chủ nghĩa Mác – Lênin và cách mạng vô sản, Bác đã là người phổ biến chủ nghĩa Mác – Lênin không mệt mỏi và sáng tạo. Bằng những lời lẽ giản dị và sâu sắc, vận dụng một cách tài tình những từ ngữ và thể văn mà người lao động Việt Nam ưa thích nhất, Người đã biến tư tưởng Mác – Lênin thành sức mạnh vật chất, quật nhào liên tiếp ba đế quốc xâm lược mạnh nhất của thời đại. Sau khi chính quyền về tay nhân dân ta, công cuộc diệt giặc ngoại xâm, giặc dốt và giặc đói làm cho vai trò của khoa học tự nhiên và kỹ thuật ngày càng quan trọng đối với đồng bào cả nước ta. Người đã đích thân thúc đẩy phong trào xóa nạn mù chữ năm 1945, phong trào cải cách giáo dục năm 1950, sớm vạch ra đường lối "Phòng bệnh hơn trị bệnh", "Đông Tây y kết hợp", gây đà phát triển mạnh cho nền y học đáng tự hào của nước ta. Tóm lại, Người đã đặt nền tảng vững chắc cho sự nghiệp phát triển khoa học và kỹ thuật sau này, sớm vun trồng chăm sóc hai bông hoa tươi thắm của chế độ là giáo dục và y tế.

Người đã ân cần theo dõi những bước chập chững đầu tiên của Ủy ban Khoa học và Hội Phổ biến khoa học kỹ thuật Việt Nam. Hôm Bộ Chính trị họp (cuối 1958) để quyết định về việc thành lập Ủy ban Khoa học, Bác đã nhắc lời nói của Mác: "Khoa học phải trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp". Về sau, chúng ta mới hiểu dần ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn của lời tiên đoán đó. Tại Đại hội Hội Phổ biến khoa học và kỹ thuật Việt Nam năm 1963, Bác đã để nhiều thì giờ nghe báo cáo về tình hình của Hội, chỉ bảo những điều rất quý báu cho những người lãnh đạo Hội và

đến nói chuyện với Đại hội, động viên mạnh mẽ các anh chị em làm việc khắp hai miền Nam Bắc.

Đối với những người làm công tác khoa học, sự ân cần giúp đỡ và kiên trì giáo dục của Bác đã có tác dụng hết sức to lớn. Lúc số người đó còn ít thì Bác vun xới cho từng người: Hồ Đắc Di, Tôn Thất Tùng, rồi Trần Đại Nghĩa, Trần Hữu Tước,... Về sau, số người làm khoa học đông hàng nghìn hàng vạn, Bác đã không ngừng theo dõi việc nghiên cứu, ban hành và thực hiện những chính sách và chế độ cần thiết với sự cảm thông lạ lùng đối với mọi đặc điểm của từng ngành, từng người.

Nhờ sự dìu dắt đó, nhiều người đã trở thành anh hùng lao động, và quý hơn nữa, cả một thế hệ trẻ đang phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trên con đường khoa học phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống.

Nhớ lại công lao trời bể, các nhà bác học Việt Nam, những người làm công tác khoa học Việt Nam đời đời nhớ ơn Bác.

Kiến thức cao rộng của Bác không có thước đo. Người ta không thể so sánh Bác với các nhà bác học ta thường biết, vì ở Bác, khoa học đã nhuần nhuyễn vào con người. Ta không thấy ở Bác người "thông thái", vì cái thông thái đó đã biến thành hành động và nếp sống! Cái gì có thể nói, là Bác đã thực hiện, "cần gì học nấy" ở trình độ cao nhất, vì cái "cần" đối với Bác là cái "cần thiết" cho Đảng, người lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối cuộc cách mạng Việt Nam long trời lở đất, và công cụ để "học nấy" là trên 20 thứ tiếng khác nhau, trong đó có cả 7 ngoại ngữ bao gồm hầu hết nền văn minh của loài người là: Anh, Pháp, Hoa, Nga, Đức, Ý và Tây Ban Nha. Nhưng theo tôi, công cụ đó cũng chỉ là bề mặt, còn công cụ chính để học của Bác là khả năng thâm nhập quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng, tổng kết những kinh nghiệm của quần chúng, là tình cảm sâu sắc đối với công nông.

Đã có nhiều lần tôi được chứng kiến những buổi Bác tiếp và nói chuyện với các nhà bác học các nước. Rõ ràng là trong các buổi nói chuyện đó, kiến thức và phương pháp tư tưởng của họ đã được Bác nâng lên. Bác đã thực hiện lý tưởng: "Cần gì biết nấy", và giống như cây lúa của sông Cửu Long, nước dâng lên đâu, cây lúa vẫn vươn lên đến đó và vươn cao hơn một cái đầu! Nhưng điều nổi bật nhất và đáng học nhất và cũng khó học nhất trong Bác, là tác phong làm việc khoa học, sống và làm việc "tối ưu". Nhờ tác phong đó, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, ở nhà lao Quế Lâm, ở hang Pác Bó, ở Bắc Bộ phủ khi mới giành được chính

quyên, ở nhà sàn trên Việt Bắc hay ở phòng họp rộng lớn là Phủ Chủ tịch, Bác vẫn là Bác, đến đâu là làm việc được ngay, đi là không để lại dấu vết, không gì trong tay mà luôn luôn đủ phương tiện làm việc, tức là đủ để cải tạo thiên nhiên và cải tạo xã hội, đủ để sản xuất ra phong trào cách mạng, làm ra lịch sử.

Trong nhiều năm, Bác chỉ có một cây bút chì xanh đỏ gọt hai đầu, một máy đánh chữ xách tay cũ và một đồng hồ trái quýt cổ lỗ sĩ.

Thời gian và thông tin!

Và động cơ đúng, cái mà Người đã nâng lên thành: "ham muốn tột bậc"!

TẠ QUANG BỬU

Theo bản in Tạp chí Đại học và THCN, số 3-1970.

Bản sao lưu trữ

TẮM LÒNG BÁC HỒ VỚI CHIẾN SĨ

Đối với chiến sĩ là những người hy sinh nhiều nhất cho dân tộc, Bác Hồ thường dành cho anh em sự chăm lo, săn sóc ân tình, chu đáo nhất.

Mùa đông, thương anh em chiến sĩ rét mướt ở rừng núi hay bung biển, Bác đem tấm áo lụa của mình được đồng bào tặng, bán đấu giá để lấy tiền mua áo ấm gửi cho các chiến sĩ.

Bác thường nói: "Chiến sĩ còn đói khổ, tôi ăn ngon sao được!". "Chiến sĩ còn rách rưới, mình mặc thế này cũng là đầy đủ lắm rồi".

Mùa hè năm ấy (1967), trời Hà Nội rất nóng, Bác nói với đồng chí Vũ Kỳ, thư ký riêng Bác:

- Nắng nóng thế này, các chú bộ đội trực phòng không trên nóc hội trường Ba Đình thì chịu sao được? Các chú ấy có đủ nước uống không? Chú thử lên tìm hiểu xem thế nào, về cho Bác biết.

Đồng chí Vũ Kỳ lên, được biết trên đó có một tổ súng máy 14 ly 5, ụ cát sơ sài, nếu địch bắn vào thì chỉ có hy sinh, rất nguy hiểm.

Trời nắng chói, đứng một lúc mà hoa cả mắt. Đồng chí Vũ Kỳ hỏi:

- Các đồng chí có nước ngọt uống không?
- Nước chè thường còn chưa có, lấy đâu ra nước ngọt!
- Dưới hội trường thấy có nước ngọt cơ mà.

- Đấy là dành cho các "ông bà" đến họp mới được uống, còn bọn tôi lấy đâu ra!

Đồng chí Vũ Kỳ về nói lại với Bác, Bác gọi điện ngay cho đồng chí Văn Tiến Dũng:

- Sao các chú không lo đủ nước uống cho các chiến sĩ trực phòng không? Nghe nói ụ súng trên nóc hội trường Ba Đình rất sơ sài, chú phải lo sửa ngay để đảm bảo an toàn cho chiến sĩ trong chiến đấu!

Sau đó Bác bảo đồng chí Vũ Kỳ đi lấy sổ tiết kiệm của Bác xem tiền tiết kiệm của Bác còn bao nhiêu.

Tại sao Bác có tiền tiết kiệm? Lương Bác cao nhất nước, nhưng hàng tháng cũng chỉ đủ tiêu. Mọi chi phí cho sinh hoạt của Bác, từ cái chổi lông gà, đều ghi vào lương cả. Tiền tiết kiệm của Bác là do các báo trả nhuận bút cho Bác. Bác viết bài nhiều, có năm hàng trăm bài. Các báo gửi đến bao nhiêu, văn phòng đều gửi vào sổ tiết kiệm của Bác. Trong kháng chiến chống Pháp, Bác cũng đã có tiền tiết kiệm. Đến dịp Tết Nguyên đán, Bác lại đem chia cho cán bộ cơ quan chung quanh Bác, mua lợn để đón xuân.

Đồng chí Vũ Kỳ xem sổ và báo cáo:

- Thưa Bác, còn lại tất cả hơn 25.000 đồng (lúc đó một món tiền lớn, tương đương với khoảng 60 lạng vàng).

Bác bảo:

- Chú chuyển ngay số tiền đó cho Bộ Tổng tham mưu và nói đó là quà của Bác tặng để mua nước ngọt cho anh em chiến sĩ trực phòng không uống, không phải chỉ cho những chiến sĩ ở Ba Đình, mà cho tất cả các chiến sĩ đang trực chiến trên mâm pháo ở khắp miền Bắc. Nếu số tiền đó không đủ thì yêu cầu địa phương nào có bộ đội phòng không trực chiến góp sức vào cùng lo!

Về sau, Bộ Tư lệnh Phòng không Không quân báo cáo lại cho văn phòng Phủ Chủ tịch biết: số tiền của Bác đủ mua nước uống cho bộ đội Phòng không - Không quân được một tuần.

TRẦN HIẾU ĐỨC

(Theo lời kể của đồng chí Vũ Kỳ)

*Trích trong cuốn "Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức"
Ban Tư tưởng văn hóa Trung ương, 2005.*

BÁC HỒ VỚI CHIẾN SĨ NGƯỜI DÂN TỘC

Bác của chúng ta yêu quý mọi chiến sĩ. Đối với các chiến sĩ gái, chiến sĩ người dân tộc, Bác còn chăm lo hơn vì đây là những người làm cách mạng khó khăn hơn chiến sĩ trai, chiến sĩ người Kinh nhiều.

Anh hùng La Văn Cầu, dân tộc Tày mãi mãi không quên bữa cơm Bác "đãi" với rau, thịt gà... những "sản phẩm" do chính Bác nuôi, trồng. Bác hỏi thăm mẹ Cầu, gửi quà cho mẹ, dặn cán bộ tạo điều kiện để Cầu về thăm mẹ, giúp đỡ gia đình. Nhiều chiến sĩ người dân tộc đã lấy họ Hồ cho mình như Hồ Vai, Hồ Can Lịch, Hồ Văn Bột...

Mùa thu năm 1964, chị Choáng Kring Thêm - chiến sĩ người dân tộc Cà Tu, tham gia đoàn đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam được ra miền Bắc, gặp Bác Hồ. Chị Thêm kể:

"Đoàn chúng tôi vừa bước xuống xe thì đã thấy Bác đứng chờ ngay ngoài sân.

Bác ôm hôn thăm thiết các thành viên trong đoàn. Chúng tôi theo Bác đến dãy bàn tiếp khách kê ngay ngoài vườn đầy hoa và nắng. Thấy tôi mặc bộ quần áo dân tộc, Bác nói:

- Cháu đúng là con gái dân tộc Cà Tu giữ được tính chất của dân tộc mình.

Chị Ngân, chị Cao gặp Bác, mừng quá khóc lên: Bác dịu dàng bảo:

- Các cháu gái đừng khóc. Gặp Bác phải vui chứ. Hai cháu hãy kể cho Bác nghe bà con ta ở tiền tuyến đánh Mỹ thế nào?

Tôi thưa:

- Thưa Bác, cháu thương, cháu nhớ Bác. Tất cả đồng bào các dân tộc miền Nam đều thương nhớ Bác.

Sau đó tôi kể Bác nghe một số chuyện chiến đấu của mẹ Giốn, anh Bên, em Thơ...

Bác nói:

- Cuộc kháng chiến của đồng bào miền Nam ta là toàn dân, toàn diện. Trẻ, già, trai, gái, Kinh, Cà Tu, Cà Tang và đồng bào các dân tộc khác đều sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi.

Tôi hiểu đó là Bác dành tình thương mệnh mông của Bác cho tất cả chúng ta.

*Trích trong cuốn "Tấm lòng của Bác".
Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, 2005.*

Bản sao lưu trữ

TẤM LÒNG CỦA BÁC HỒ VỚI THƯƠNG BINH, LIỆT SĨ

Ngày 10 tháng 3 năm 1946, Báo *Cứu quốc* đăng thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào Nam Bộ. Trong thư có đoạn Người viết: "Tôi kính cẩn cúi chào vong linh các anh chị em đã bỏ thân vì nước và các đồng bào đã hy sinh trong cuộc đấu tranh cho nước nhà. Sự hy sinh đó không phải là uổng".

Tiếp sau đó, trong *Thư gửi đồng bào Việt Nam*, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại viết: "Tôi nghiêng mình trước anh hồn những chiến sĩ và đồng bào Việt Nam đã vì Tổ quốc mà hy sinh anh dũng".

Hơn nửa tháng sau khi đi Pháp về, ngày 7 tháng 11 năm 1946. Người đã đến dự lễ "Mùa đông binh sĩ" do Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam tổ chức tại Nhà hát lớn thành phố Hà Nội, vận động đồng bào ở hậu phương đóng góp tiền của để may áo trấn thủ cho chiến sĩ, thương binh, bệnh binh.

Cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp đã thu hút nhiều thanh niên nam nữ tham gia quân đội. Một số chiến sĩ đã hy sinh anh dũng, một số nữa là thương binh, bệnh binh, đời sống gặp khó khăn, mặc dầu anh chị em tình nguyện chịu đựng không kêu ca, phàn nàn.

Trước tình hình ấy, tháng 6 năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị Chính phủ chọn một ngày nào đó trong năm làm "Ngày thương binh" để đồng bào ta có dịp tỏ lòng hiếu nghĩa, yêu mến thương binh. Có lẽ - trừ những ngày kỷ niệm quốc tế - "Ngày thương binh" là ngày kỷ niệm trong nước đầu tiên được tổ chức.

Hưởng ứng và đáp lại tấm lòng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một hội nghị trừ bị đã khai mạc tại xã Phú Minh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, gồm có một số đại biểu ở Trung ương, khu và tỉnh. Hội nghị nhất trí lấy ngày 27 tháng 7 hàng năm làm "ngày thương binh liệt sĩ" và tổ chức ngay lần đầu trong năm 1947.

Báo *Vệ quốc quân* số 11, ra ngày 27 tháng 7 năm 1947 đã đăng thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Thường trực Ban tổ chức "Ngày thương binh toàn quốc". Đầu thư Người viết: "Đang khi Tổ quốc lâm nguy, giang sơn, sự nghiệp, mồ mả, đền chùa, nhà thờ của tổ tiên ta bị uy hiếp. Cha mẹ, anh em, vợ con, ao vườn, làng mạc ta bị nguy ngập. Ai là người xung phong trước hết để chống cự quân thù? Đó là những chiến sĩ mà nay một số đã thành ra thương binh".

Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích: "Thương binh là người đã hy sinh gia đình, hy sinh xương máu để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ đồng bào. Vì lợi ích của Tổ quốc, của đồng bào mà các đồng chí đã chịu ốm yếu, què quặt. Vì vậy, Tổ quốc và đồng bào phải biết ơn, phải giúp đỡ những người con anh dũng ấy".

Cuối thư, người vận động đồng bào nhường cơm, sẻ áo, giúp đỡ thương binh. Bản thân Người đã xung phong góp nốt chiếc áo lụa, một tháng lương và tiền ăn một bữa của Người và của tất cả các nhân viên Phủ Chủ tịch, tổng cộng là một ngàn một trăm hai mươi bảy đồng (1.127 đồng) để tặng thương binh.

Năm sau, ngày 27 tháng 7 năm 1948, trong một thư dài đầy tình thương yêu, Bác nói: "Nạn ngoại xâm như trận lụt to đe dọa tràn ngập cả non sông Tổ quốc, đe dọa cuốn trôi cả tính mệnh, tài sản, chìm đắm cả bố mẹ, vợ con, dân ta. Trong cơn nguy hiểm ấy, số đông thanh niên yêu quý của nước ta quyết đem xương máu của họ đắp thành một bức tường đồng, một con đê vững để ngăn cản nạn ngoại xâm tràn ngập Tổ quốc, làm hại đồng bào".

Người xót xa viết: "Họ quyết liều chết chống địch, để cho Tổ quốc và đồng bào sống. Ngày nay, bố mẹ họ mất một người con yêu quý. Vợ trẻ trở nên bà góa. Con dại trở nên mồ côi. Trên bàn thờ gia đình thêm một linh bài tử sĩ. Tay chân tàn phế của thương binh sẽ không mọc lại được. Và những tử sĩ sẽ không thể tái sinh".

*Trích trong cuốn "Tấm lòng của Bác" –
Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, 2005.*

TẤM LÒNG BÁC BAO DUNG TẤT CẢ

Bác Hồ yêu các cháu, hiểu các cháu, tin tưởng các cháu. Vì đó là tương lai của dân tộc. Đó là những mầm, những búp trên cành...

Tình yêu đó thấm đậm chất người.

Một sự tình cờ đầy ý nghĩa - sau ngày sinh của Bác Hồ là sắp đến ngày Thiếu nhi Quốc tế 1-6.

07 giờ ngày 27 tháng 5.

Bác gọi chị Thu Trà đến hỏi về tình hình có một số cháu học sinh miền Nam nghịch ngợm, quấy phá mà Bác được nghe báo cáo. Việc đó là có thật.

Nhưng Bác hỏi về khía cạnh khác: Các cô, các chú dạy dỗ thế nào? Bởi lúc ba má các cháu gửi ra ngoài Bắc thì các cháu đều ngoan và ba má các cháu đều tin tưởng ở hậu phương.

Bác nhắc phải chú ý đến việc các cháu thiếu tình cảm gia đình, phải tìm cách bù đắp.

Rồi Bác kết luận: Lỗi các cháu một phần thì lỗi của người lớn chúng ta phải là mười phần.

Quả nhiên, sau này đưa các cháu đến với sự chăm sóc của các gia đình cán bộ khác thì các cháu đỡ hẳn chuyện gây gỗ, nghịch ngợm. Phần Bác cũng nhận chăm sóc một cháu trai, hai cháu gái, con đồng chí Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam.

Bác luôn luôn coi trọng trẻ em cũng là một nhân cách, một thực thể đáng tôn trọng chứ không chỉ đáng yêu mến.

Nhớ hồi năm 1957, một hôm Bác hỏi tôi chuyện riêng tư:

- Chú Kỳ này! Có bao giờ chú đánh con không?

Tôi áp úng vì quả là lúc giận quá tôi cũng có đánh các cháu.

Không dám giấu Bác, tôi thú thật:

- Thưa Bác! Khi nóng giận cũng có lúc tôi đánh dọa vài cái rồi ạ.

Bác vẫn không cao giọng, nhưng nghe thấy nghiêm khắc hơn:

- Thế là đã man đây, chú ạ.

Tôi suy ngẫm thấy rất đúng.

Bác nhìn nhận khuyết điểm, nhược điểm của con người một cách bình tĩnh như hiểu cái lẽ tự nhiên "bàn tay có ngón ngắn ngón dài vậy". Tấm lòng Bác mở rộng, bao dung cho tất cả...

Bác không nói trẻ em hư, không nói con người hỏng, mà nhận xét có một số chậm tiến, có một số cụ thể có lúc nào đó, ở chỗ nào đó chưa tốt, chưa hay lắm, cái chưa hay, chưa tốt ấy cần được uốn nắn một cách chân tình và kịp thời.

*"Người suy nghĩ về tuổi trẻ chúng ta",
Hồi tưởng của Vũ Kỳ - Phạm Đức Nghi,
NXB Thanh niên, Hà Nội, 1999.*

BÁC HỒ TẮM CHO TRẺ Ở VIỆT BẮC

Hơn một năm xa Tổ quốc, trải qua ngót ba chục nhà tù ở Tưởng Giới Thạch gần khắp Quảng Tây, Bác Hồ trở về Pắc Bó cuối năm 1944.

Nhìn thấy việc giữ gìn vệ sinh nước ăn và nơi ở chưa được dân ở đây chú ý, Bác bảo chúng tôi cùng Bác bắt tay dọn dẹp. Một buổi sáng Bác bảo các cháu xếp hàng đi ra phía khe nước.

Người tự tay cởi quần áo cho các cháu bé, lần lượt tắm rửa, kỳ cọ cho từng cháu. Chúng vừa tắm, vừa đùa, bắn cả nước vào mặt Bác.

Trong số bốn trẻ được Bác Hồ tắm cho hôm đó có cháu Thân (con trai tôi) chốc đầu, tóc dính bết. Tắm gội xong, Bác còn làm thuốc dịt cho. Thuốc xốt, thấy cháu kêu, Bác Hồ dỗ dành ngọt ngào:

- Không sao, chỉ một lát là hết xốt thôi cháu ạ.

Rồi Bác nói với đám thanh niên chúng tôi đứng quanh đó:

- Các cô, các chú vợ chồng còn trẻ phải giữ gìn xung quanh sạch sẽ cho con cái, bệnh ghê lây nhanh lắm đấy, thật khổ cho cháu tôi.

Chúng tôi im lặng, cảm động. Trông thấy mấy cháu mặc quần áo bẩn và rách, Bác không vui:

- Các cháu này con cô chú nào đây. Lấy áo sạch thay cho trẻ, còn mang quần áo bẩn đi giặt, chỗ nào rách thì khâu lại.

Bà cố tôi gần một trăm tuổi, nghe vậy xuýt xoa thán phục, nói:

- Ông già này là con người quý lắm đấy.

Rồi bà cố bảo bố tôi bung một bát cháo có đánh trứng gà lại mời Bác Hồ. Bác tỏ vẻ không bằng lòng:

- Các đồng chí làm cách mạng, tôi cũng làm cách mạng, tại sao tôi lại được đặc biệt hơn các đồng chí? Và người đứng dậy bung bát cháo trứng gà mời cố tôi ăn và nói:

- Đây mới là người cần được đặc biệt bồi dưỡng. Bà đã sống gần trăm tuổi rồi, khổ cực nhiều, cần ăn cho khỏe để sống đến ngày nước nhà độc lập, vui hưởng thái bình.

Trích trong cuốn "Bác Hồ với Thiếu nhi và phụ nữ".

Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2002.

Bản sao lưu trữ

BÁC HỒ ĐẾN VỚI CÁC CHÁU MỒ CÔI Ở TRẠI KIM ĐỒNG

Một sáng đẹp trời, Bác Hồ đã đến với các cháu ở trại Kim Đồng. Ngay từ phút đặt chân đến cổng trại nhìn bờ rào dăng dây thép gai, trong mắt Bác hiện lên sự nhức nhối. Nói với các cán bộ phụ trách giọng Bác nhẹ nhàng, nhưng vô cùng thấm thía:

- Đây là nơi nuôi dạy các cháu mồ côi, được mang tên liệt sĩ Kim Đồng, sao các cô, các chú lại rào dây thép gai như một nhà tù thế này?

Chú Thuận thưa:

- Dạ thưa Bác, cơ ngơi của thời đại cũ để lại đấy ạ!

Bác lắc đầu: Các cô, các chú phải tháo gỡ đám dây thép gai ngay. Chế độ cũ nhóm các cháu vào đây, chúng ta tiếp tục nuôi dạy vì tương lai của các cháu.

Bác đi vào từng căn phòng ở, phòng ăn, phòng học, nơi các cháu vui chơi. Bác khen: "Được cái gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ, nhưng còn - Bác hỏi cán bộ phụ trách trại - còn thế nào, các cô, các chú biết không?"

Mọi người nhìn Bác, vừa xúc động vừa lúng túng. Rồi chú Thuận mạnh dạn đáp:

- Thưa Bác, các cháu ở trại còn chật chội ạ.

Bác Hồ mỉm cười:

- Chú nói mới đúng có một phần nhỏ thôi. Đối với các cháu mồ côi, điều lớn nhất là phải bù đắp tình thương. Các cháu đã không còn bố mẹ, thì các cô, các chú ở đây là bố, là mẹ của các cháu. Các cô, các chú nuôi dạy các cháu thì phải đem cả tấm lòng làm mẹ, làm cha mà cư xử, mà săn sóc, mà dạy bảo. Bác thấy ở đây, đối với các cháu, còn cái vẻ "trại lính", thiếu cái ấm cúng của gia đình. Dạy cho các cháu vào khuôn phép, sống có kỷ luật, trật tự là đúng. Nhưng không được để các cháu mất cái hồn nhiên, mất cái vui tươi, thoải mái. Đừng biến các cháu thành các

"ông cụ non". Các cô, các chú phải làm sao cho các cháu thấy trại Kim Đồng là gia đình của các cháu, đi xa các cháu nhớ, lúc ở nhà các cháu vui. Được như vậy thì cần gì phải rào dây thép gai, phải canh phòng nghiêm ngặt với các cháu?

Bác lại hỏi:

- Những cháu kém có nhiều không?

- Thưa Bác, còn nhiều lắm ạ.

- Nhiều là bao nhiêu?

Đồng chí phụ trách hơi bối rối. Bác nói ngay:

- Quản lý các cháu thì cần biết cụ thể từng cháu một, biếc chắc chắn cái dở, cái hay của mỗi đứa. Có như vậy thì dạy mới có kết quả tốt.

Bác bảo chú Thuận đứng bên:

- Cho Bác gặp cháu nào kém nhất trại.

Em Quốc đứng khoanh tay trước mặt Bác, Bác cúi xuống vuốt ve nhẹ tóc em. Bác hỏi:

- Tên cháu là gì?

- Thưa Bác tên cháu là Quốc lủi ạ!

Bác nhìn em, ái ngại:

- Ai đặt cho cháu cái tên ấy?

- Dạ thưa, các bạn gọi cháu thế ạ.

- Vì sao các bạn gọi cháu là Quốc lủi?

- Thưa Bác... Cháu... Cháu hay trốn trại. Cháu chui qua hàng rào, lủi vào các ngõ phố ạ.

Sao cháu không chịu ở trong trại mà lại trốn ra bên ngoài?

- Thưa Bác... ở trong trại khổ cực lắm ạ.

- Khổ cực như thế nào?

- Dạ chúng cháu bị gò bó đủ thứ ạ.

- Cháu nói rõ sự gò bó cho Bác nghe nào?

- Thưa Bác...

Quốc nhìn Bác Hồ mà nước mắt trào ra, nghẹn ngào không nói nên lời. Bác xoa đầu em, Bác đã hiểu thấu tất cả, dù em chưa nói ra được những điều muốn thưa với Bác. Bác khuyên Quốc: "Từ nay cháu phải phấn đấu bỏ cái tên "lủi", giữ lại cái tên Quốc...". Nước mắt càng giàn giụa trên hai má Quốc.

Bác Hồ cầm tay em Quốc đi ra chỗ cả trại đang tập hợp đón đợi Bác. Bác thân mật kể cho các em nghe một số gương tốt của thiếu nhi trong kháng chiến chống Pháp, gương tốt của thiếu nhi ở Liên Xô và các nước bạn. Các em đã không cầm được nước mắt khi nghe Bác kể về thời niên thiếu của Bác, Bác đã từng thềm một cái đồ chơi, ước ao một bộ quần áo mới để mặc Tết. Bác cũng đã mồ côi mẹ từ năm lên chín, lên mười. Bác đã phải bế em trèo treo bên hông đi xin sữa cho em sau ngày mẹ qua đời.

Bác căn dặn các em như ông dặn cháu:

- Các cháu phải vâng lời các cô, các chú phụ trách. Thiếu nhi thì phải ngoan, phải thật thà, lễ phép với người lớn, kính trọng người già, giúp đỡ người tàn tật yếu đau. Các cháu ở trong tập thể với nhau càng phải thương yêu nhau như anh chị em ruột thịt. Và phải dũng cảm sửa chữa những khuyết điểm, những thói hư tật xấu để lớn lên làm người chủ của đất nước, đừng để mình là cái gánh nặng của xã hội...

Rồi Bác bảo:

- Các cháu có hứa làm được điều Bác căn dặn không nào?

Một tiếng "có" vang lên, đều khắp và sôi nổi. Bác còn dặn thêm các em là noi gương dũng cảm của liệt sĩ Kim Đồng trong học tập và rèn luyện, em nào đạt kết quả tốt, được ban phụ trách báo lên Bác, Bác sẽ gửi phần thưởng. Và Bác thân mật hẹn: "Nếu cả trại cùng tiến bộ vượt bậc, Bác sẽ còn về thăm các cháu nhiều lần nữa".

Ngày hôm ấy, Bác đã để lại rất nhiều quà để chia cho các em. Nhận phần quà của Bác cho, nhiều em đã không ăn, cất làm kỷ niệm.

Từ hôm đó trong từng đôi mắt của các em, ngời lên niềm vui nhận quà Bác. Em Quốc không lủi ra ngoài trại nữa mà giữ gìn mình như giữ gìn kỷ niệm của Bác trong trái tim.

Sơn Tùng, "Hoa Râm bụt", NXB Thanh niên, Hà Nội, 1999.

GẶP ĐỒNG CHÍ GIÀ Ở TÂN TRÀO

Trốn thoát nhà an trí chợ Chu, tôi được Đảng đưa về công tác tại Tân Trào, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Lê. Đồng chí Lê giao nhiệm vụ cho tôi vừa làm công tác quần chúng, vừa tổ chức bảo vệ căn cứ địa.

Lúc ấy trong cơ quan của Tổng bộ Việt Minh, tôi thường được thấy ngoài anh Đồng, anh Văn ra, còn có một đồng chí già, thỉnh thoảng cũng tới cơ quan làm việc.

Đồng chí già gầy yếu, nước da xanh tái, thường mặc áo chàm, đội chiếc mũ nồi cũng may bằng vải chàm. Đi đâu, đồng chí thường chống chiếc gậy song nho nhỏ.

Tôi để ý thấy các anh trong cơ quan quý trọng đồng chí lắm. Mỗi khi có việc gì, đều hỏi nhau: "Cái này đã có ý kiến đồng chí già chưa? Cái kia, đồng chí già già có dặn thêm gì không?"

Tôi đoán: Ông cụ này chắc phải là một cán bộ cao của Đảng mình. Nhưng ông cụ là ai mà được các đồng chí trong cơ quan quý trọng như vậy?

Một buổi, tôi cùng với chị Chi tổ chức mít tinh tại một bản gần đấy (chị Chi làm công tác phụ vận trong căn cứ Tân Trào). Tôi mới được phổ biến về tình hình thế giới, trong nước xong, nên rất phấn khởi vì vừa hiểu được tình hình, vừa có "tủ mới" để nói chuyện.

Trong cuộc mít tinh, tôi có chút vốn nào đều đưa ra cả (từ phát xít Đức đã bị đánh gục, tới sự suy vong của phát xít Nhật, mâu thuẫn Nhật, Pháp v.v...)

Đang là thao thao bất tuyệt ấy, tôi bỗng thấy chị Chi hồi hộp ghé tai tôi thầm thì:

- Đồng chí già đang đứng nghe đấy. Chắc đồng chí đến từ đầu.

Tôi giật thót mình, cái miệng đang nói mà tự nhiên khựng lại, khắp người nóng ran lên.

Bỗng đồng chí già từ trong đám đông bước ra. Người vẫn mặc bộ quần áo chàm như mọi khi. Dùng tiếng địa phương, Người hỏi:

- Đồng bào nghe cán bộ nói có hay không?

- Hay lớ!

- Đồng bào có biết cán bộ nói cái gì không?

- Ái da a a, cán bộ nói cái hay, nói cái tốt mà, nói dài mà, không nhớ nổi cái gì đâu...

Điếng người, tôi tưởng đất dưới chân mình có thể bị sụt. Quay nhìn chị Chi thì mặt chị cũng đang đỏ như như gấc chín, từng giọt mồ hôi đang lấm tẩm nơi tóc mai. May đồng chí già này cũng không hỏi chúng tôi câu nào. Đồng chí ấy chỉ yêu cầu đồng bào đừng về vội để đồng chí ấy nói lại cho dễ nhớ thôi. Được đồng bào ưng thuận, đồng chí liền hỏi:

- Nhật và bọn quan của nó bây giờ so với Pháp và bọn quan của Pháp trước thế nào?

- Pháp như con hổ, con báo, thì Nhật cũng như con báo, con hổ thôi.

- Bọn quan của Pháp trước, nay lại là quan của Nhật đấy mà.

- Rắn lột xác vẫn là rắn thôi.

- Không phải rắn lột xác đâu. Chó săn đổi chủ đấy!

Mấy cụ già đều nói, mỗi người thêm một ý làm cho cuộc mít tinh sôi nổi hẳn lên. Đồng chí già lại hỏi:

- Dân ta có thể để cho con hổ, con rắn nó ăn thịt dân không?

- Không!

Đồng bào cùng cất tiếng trả lời. Mặt ai nấy đều có vẻ giận dữ. Rồi từ các cụ già, tới thanh niên nam, nữ thi nhau kể tội giặc: giết người, tù đày, thuế nặng, bắt lính, bắt phu v.v... Những điều họ kể ra nghe còn sâu sắc, cay đắng hơn những điều tôi vừa nói, vì đều là những sự việc ngay trong địa phương, nhân dân đã mắt thấy tai nghe, nay chính mình tự kể lại cả.

Chờ cho đồng bào ngớt lời, đồng chí già kết luận:

- Ta phải quyết tâm đánh Nhật, quyết tâm trừ bọn quan lại của chúng để cứu lấy nước mình. Đồng bào đồng ý không?

Tiếng hô "đánh" vang lên. Đồng chí lại chỉ một thanh niên rất khỏe, hỏi:

- Một người khỏe như anh này, đánh được không?

Đồng bào cười ồ lên. Một người nói:

- Không đánh được đâu? Nó cũng đông đấy, lại có súng to, súng nhỏ nhiều, nhiều mà.

- Thế cả nước cùng một lòng, Kinh, Thổ, Mán, Mèo cùng đứng dậy mà đánh, có được không?

- Được, đánh được! Mọi người cùng một lòng thì sợ gì Nhật, sợ gì Tây! Bọn quan của chúng chết, nó khác chết thôi!

- Đánh nó xong rồi ta phải làm gì?

Đồng bào ngơ ngác nhìn sau. Đồng chí già lúc ấy mới nói thêm:

- Đánh thắng rồi ta không lập lại cái quan nữa, vì ta biết nó ác lắm!

Đồng bào đều nói:

- Phải. Phải.

- Ta xem trong dân ta ai tốt mà giỏi thì mình chọn người ấy ra để giúp dân, lo làm, lo ăn, sao cho dân có cơm no, áo ấm, ai cũng được học hành. Mọi dân tộc, mọi người thương nhau như anh em một nhà.

Tất cả cất tiếng reo:

- Ái da, được thế thì sướng chết mất thôi!

Mắt mọi người đều sáng lên, ngấm nhìn đồng chí già như muốn uống từng lời. Đồng chí già lại hỏi:

- Đồng bào nhớ chưa?

- Nhớ rồi, nhớ rồi.

Đồng chí còn dặn thêm về việc phòng gian chống giặc, cách giữ "ba không" (không thấy, không nghe, không biết).

Cuộc mít tinh tan. Đồng chí già cùng tôi và chị Chi trở về. Dọc đường đồng chí già bảo tôi:

- Lần sau đi nói chuyện ở đâu, phải hiểu rõ trình độ dân nơi ấy, phải nói sao cho thiết thực, để đồng bào dễ hiểu, dễ nhớ, thì đồng bào mới làm theo mình được.

Tôi và chị Chi đều vâng lời. Tới chỗ rẽ, chờ cho đồng chí già đi khuất, tôi mới bảo chị Chi:

- Được một bài học thấm thía. Không rõ đồng chí già người Kinh hay người thổ?

Chị Chi như mãi suy nghĩ điều gì, nên chân bước mà mắt vẫn nhìn về phía đồng chí già vừa đi khuất. Nghe tôi hỏi, chị không hiểu, bảo tôi nhắc lại. Tôi vừa nhắc xong thì chị bật cười, phát tôi một cái tướng rất bồng cả lưng, rồi ghé tai tôi thầm thì:

- Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đấy!

Tôi vừa hoảng vừa sung sướng tưởng điên lên được. Tôi muốn chạy theo để nhìn kỹ đồng chí Nguyễn Ái Quốc, chị Chi đã nhanh tay giữ tôi lại.

Tôi đành phải bước theo chị mà lòng vẫn bồi hồi xúc động. Con người mà tôi ngày nhớ, đêm mong, con người mà những lúc tra tấn chết đi sống lại, những lúc lo lắng, buồn rầu cứ nghĩ tới là tôi có thể thắng tất cả, giờ đây tôi đã được gặp, được thấy. Người lại trực tiếp kiểm tra công tác của tôi, dạy tôi bài học thực tế trong công tác quần chúng, như cha dạy con.

Nghĩ lại những lời Người nói chuyện với dân, sao giản dị vậy, mà cũng đủ mọi điều cần nói, cần làm. Còn tôi, tôi đã nói những gì? Có lẽ có những điều tôi nói ra mà chính tôi cũng chưa hiểu. Cứ nghĩ đến đây là tôi lại thấy ngượng chín người.

Tôi chợt nghĩ đến sức khỏe của Người. Tự nhiên, nước mắt tôi trào ra. Nguyễn Ái Quốc, người lãnh tụ của Đảng bây giờ đã già đến thế này ư? Tù đày, tra tấn đã tàn phá sức khỏe của Người đến thế này ư?

*

* *

Đồng chí Lý kể tới đây ngừng lại. Đôi mắt anh nhìn ra ngoài hiên mãi không chớp. Tôi biết anh đang xúc động vì câu chuyện vừa qua. Cháu Minh, đứa con của anh vẫn ngồi bên nghe chuyện. Như thông cảm với bố, cháu an ủi:

- Bố đừng lo, chiều qua, lớp con lên chào Bác, Bác vẫn khỏe lắm mà.

Đồng chí bật cười. Anh xoa đầu con, hôn vào má nó, rồi với giọng trầm trầm anh nói:

- Các con bây giờ được gặp Bác Hồ thật dễ dàng. Đời ông, đời cha mà trước đây biết được ba chữ: Nguyễn Ái Quốc đã mất bao nhiêu xương máu, công phu mò mẫm rồi, nói chi tới việc được gặp nữa.

Tháng 5-1962

*Trích trong cuốn "Bài học Bác dạy",
Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2005.*

Bản sao lưu trữ

NGƯỜI CÔNG GIÁO GHI ƠN BÁC HỒ

Ngày 12-6-1987, tại Hội thảo khoa học "Bác Hồ với Huế - Huế với Bác Hồ" do Thành ủy Huế tổ chức nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày Bác Hồ về thăm Đồng Hới - Quảng Bình, lúc đó thuộc tỉnh Bình-Trị-Thiên, linh mục Nguyễn Văn Ngọc đã kể một kỷ niệm không bao giờ quên của đồng bào công giáo xứ Huế về đức bác ái bao la của Bác Hồ:

Năm 1949, Việt Minh bao vây kinh tế thành phố Huế. Linh mục Nguyễn Văn Ngọc, khi đó đảm đương công việc ruộng đất của Nhà Chung tại giáo xứ Lương Văn, có trách nhiệm cung cấp lương thực để đài thọ cho 600 linh mục, chúng sinh dòng tu nam, nữ của thành phố. Trong điều kiện Huế bị bao vây, linh mục không có cách nào chở được số lúa gạo vào thành phố cho Nhà Chung ăn tiêu.

Linh mục rất lo lắng, đem chuyện này thưa lại với đồng chí Quế, lúc đó là cán bộ Việt Minh của mặt trận Thừa Thiên-Huế, vẫn có liên lạc với giáo xứ Lương Văn. Sau một hồi suy nghĩ, đồng chí Quế khuyên linh mục Ngọc nên viết thư xin phép Bác Hồ, đồng chí sẽ cố gắng tìm cách chuyển giúp.

Không còn cách nào khác, linh mục Ngọc đánh bạo viết thư lên Cụ Chủ tịch, thực lòng cũng không dám hy vọng sẽ đến được với Bác Hồ trong hoàn cảnh chiến tranh, Người lại ở quá xa và đang bận rộn trăm nghìn công việc lớn lao của đất nước.

Thật bất ngờ, một tháng sau, đồng chí Quế chuyển đến cho linh mục Ngọc một cái thiệp có chữ ký và dấu của cụ Chủ tịch. Nội dung gồm hai điểm:

1) Cho phép linh mục Nguyễn Văn Ngọc được phép chở 9000 thúng lúa lên thành phố Huế trong vòng một tháng để trợ cấp cho Nhà Chung.

2) Linh mục Ngọc được tự do đi lại trong tỉnh Thừa Thiên để coi sóc ruộng đất của Nhà Chung, tiếp tục trồng cấy, không được để ruộng đất bỏ hoang.

Nhờ có giấy phép đặc biệt của Bác Hồ, linh mục Ngọc đã hoàn thành được nhiệm vụ, chở được lương thực lên thành phố, cứu nguy cho hơn 600

con người đang trong cảnh nguy ngập. Ai cũng mừng rỡ và hết lòng ca tụng Bác Hồ, vị Chủ tịch có lòng bác ái mênh mông của Chúa, tất cả vì lợi ích và cuộc sống của con người, không phân biệt lương hay giáo. Bác Hồ đúng là hiện thân của chính sách đại đoàn kết dân tộc, đại đoàn kết tôn giáo.

Để kỷ niệm và ghi ơn Bác Hồ, vị giám mục người Pháp địa phận Huế đã gửi tấm thiệp của Người về Paris và hiện nay tấm thiệp đó vẫn đang được trang trọng lưu trữ tại Hội Thừa Sai Paris.

*Theo lời kể của Nguyễn Văn Ngọc, S.Th, ghi,
trong "Bác Hồ, con người và phong cách".*

Bản sao lưu trữ

TỪ ĐÔI DÉP ĐẾN CHIẾC Ô TÔ

Đôi dép của Bác "ra đời" vào năm 1947, được "chế tạo" từ một chiếc lốp ô tô quân sự của thực dân pháp bị bộ đội ta phục kích tại Việt Bắc.

Đôi dép đó cắt không dày lắm, quai trước to bản, quai sau nhỏ rất vừa chân Bác.

Trên đường công tác, Bác nói vui với anh em cán bộ đi cùng:

- Đây là đôi hài vạn dặm trong truyện cổ tích ngày xưa... Đôi hài thần đấy, đi đến đâu mà chẳng được.

Chẳng những khi "hành quân" mà cả mùa đông, Bác đi thêm đôi tất cho ấm chân, tiếp khách trong nước, khách quốc tế vẫn thường thấy Bác đi đôi dép ấy.

Gặp suối hoặc trời mưa trơn, bùn nước vào dép khó đi, Bác tụt dép xách tay. Đi thăm bà con nông dân, sỏi chân trên các cánh đồng đang cày, đang vụ gặt, Bác lại xắn quần cao lội xuống, tay xách hoặc nách kẹp đôi dép...

11 năm rồi vẫn đôi dép ấy... Các đồng chí cảnh vệ cũng đã đôi ba lần "xin" Bác đôi dép nhưng Bác bảo "vẫn còn đi được".

Cho đến lần đi thăm Ấn Độ, khi Bác lên máy bay, ngồi ở buồng riêng thì anh em lập mẹo giấu dép đi, để sẵn một đôi giày mới...

Máy bay hạ cánh xuống Niu Đêli, Bác tìm dép. Anh em thưa:

- Có lẽ đã cất xuống khoang hàng của máy bay rồi... Thưa Bác...

Bác ôn tồn nói:

- Bác biết các chú cất dép của Bác đi chứ gì. Nước ta còn chưa được độc lập hoàn toàn. Nhân dân ta còn khó khăn. Bác đi dép cao su nhưng bên trong lại có đôi tất thế là đủ lắm mà vẫn lịch sự.

Trong suốt thời gian ở Ấn Độ, các chính khách, nhà báo, quay phim, chụp ảnh lại rất quan tâm đến đôi dép của Bác. Họ cúi xuống sờ nắn quai

dép, thi nhau bấm máy từ nhiều góc độ, ghi ghi, chép chép... làm anh em cảnh vệ lại một phen xem chừng và bảo vệ "đôi hài thần kỳ" ấy.

Năm 1960, Bác đến thăm một đơn vị Hải quân nhân dân Việt Nam. Vẫn đôi dép "thâm niên ấy". Bác đi thăm nơi ăn, chốn ở, trại chăn nuôi của đơn vị. Cán bộ và chiến sĩ rông rần kéo theo, ai cũng muốn chen chân, vượt lên để được gần Bác. Bác vui cười nắm tay chiến sĩ này, vỗ vai khen chiến sĩ khác. Bỗng, Bác đứng lại:

- Thôi, các cháu đừng làm tụt quai dép của Bác rồi...

Nghe Bác nói, cả đám đứng lại cúi xuống yên lặng nhìn đôi dép rồi lại ồn ào lên:

- Thưa Bác, cháu, để cháu sửa...

- Thưa Bác, cháu, cháu có "rút dép" đây...

Nháo nhác, âm ĩ như thế, nhưng đồng chí cảnh vệ chỉ đứng cười vì biết đôi dép của Bác đã phải đóng đinh rồi, có "rút" cũng vô ích...

Bác cười nói:

- Cũng phải để Bác đến chỗ gốc cây kia, có chỗ dựa mà đứng đã chứ!

Bác "lẹp xẹp" lết đôi dép đến gốc cây, một tay vịn vào cây, một chân cong lên tháo dép ra, "thách thức":

- Đây! Cháu nào giỏi thì chữa hộ dép cho Bác...

Một anh nhanh tay giành lấy chiếc dép, giơ lên nhưng ngờ ra, lúng túng, anh bên cạnh liếc thấy, "vượt vây" chạy biến...

Bác phải giục:

- Ở kia, ngắm mãi thế, nhanh lên cho Bác còn đi chứ.

Anh chiến sĩ lúc nãy chạy đi đã trở lại với chiếc búa con, mấy cái đinh:

- Tôi, để tôi sửa dép...

Mọi người giãn ra. Phút chốc, chiếc dép đã được sửa xong. Những chiến sĩ không được may mắn chữa dép phàn nàn:

- Tại dép của Bác cũ quá. Thưa Bác, Bác thay dép đi ạ...

Bác nhìn các chiến sĩ, nói:

- Các cháu nói đúng... nhưng chỉ đúng có một phần... Đôi dép của Bác cũ nhưng nó chỉ mới tụt quai. Cháu đã chữa lại chắc chắn cho Bác thế này thì còn "thọ" lắm! Mua đôi dép khác chẳng đáng là bao, nhưng khi chưa cần thiết cũng chưa nên... Ta phải tiết kiệm vì đất nước ta còn nghèo.

Đôi dép cá nhân đã vậy, còn "đôi dép" ô tô của Bác cũng thế!

Chiếc xe "Pôbêđa" sản xuất tại Liên Xô, Bác vẫn đi, đã cũ. Văn phòng xin "đổi" xe khác, "đời mới" hơn, tốt hơn, nhưng Bác không chịu:

- Xe của Bác hỏng rồi à?

Anh em thưa chưa hỏng, nhưng muốn thay xe để Bác đi nhanh hơn, êm hơn.

Bác nói:

- Ai thích nhanh, thích êm thì đổi...

Hôm sau đến giờ đi làm, không biết là xe hỏng thật hay "ai" xui mà Bác đã đứng đợi bên xe mà xe cứ "ì" ra. Bác cười bảo đồng chí lái xe:

- Máy móc có lúc trục trặc, chú cứ bình tĩnh sửa. Sửa xong, Bác cháu ta đi cũng kịp...

Vài phút sau, xe nổ máy...

Bác lại cười nói với đồng chí lái xe, cảnh vệ:

- Thế là xe vẫn còn tốt!

MINH ANH

(Theo đồng chí Phan Văn Xoàn - Cục Cảnh vệ).

KHÔNG CÓ VIỆC GÌ KHÓ

Năm 1927, với tên gọi là Thầu Chín, Bác Hồ sống và hoạt động trong kiều bào Việt Nam ở Xiêm (Thái Lan) cho đến cuối năm 1929. Đây là một trong những thời gian Người sống lâu nhất với kiều bào, trước năm 1945.

Sau khi đặt chân đến Phi Chịt, Người nêu ý kiến đi ra U Đon để tìm gặp Việt kiều. Từ Phi Chịt đến U Đon phải đi bộ, băng rừng hàng tháng. Mỗi người đi đường đều gánh theo hai thùng sắt tây đựng quần áo, đồ dùng lặt vặt, có nắp đậy để tránh mưa núi, vất rừng. Thức ăn mang theo cũng là 10 ký gạo và một ống "cheo" (thịt gà hoặc sườn lợn băm nhỏ rang muối. Sau này, năm 1945 khi đi Côn Minh, Bác cũng mang theo một ống "cheo" nhưng đặt tên là muối Việt Minh").

Thầu Chín cùng một số anh em ra đi vào dịp mùa thu. Cây rừng đang rụng lá. Trời nắng to, đường đi đá sỏi gập ghềnh, mọi người đều mệt mỏi. Thấy Thầu Chín không quen gánh, có người muốn giúp đỡ, nhưng Thầu Chín không chịu. Ít ngày sau, đôi chân của Thầu Chín đã sưng lên, rớm máu, tấy đỏ. Anh em lại yêu cầu Thầu Chín nhường gánh. Thầu Chín nói: "Thánh hiền đã dạy: Thiên hạ vô nan sự, nhân tâm tự bất kiên", ý nói là dưới trời này không có việc gì dễ, chỉ sợ lòng người không kiên trì... cứ cố gắng, để thế vài hôm nữa sẽ quen đi... Quả nhiên mấy ngày sau nữa, bước chân Thầu Chín đã nhanh, đi gọn, đôi thùng đựng đưa có vẻ đã nhẹ nhàng. Mấy tháng sau, có lần từ U Đon về đến Xa Vang đường dài hơn 70 kilômét, Thầu Chín chỉ đi hết một ngày.

Hơn 20 năm sau, vào cuối mùa đông năm 1950, trong một lần gặp gỡ anh em thanh niên xung phong làm đường ở Đèo Khế, Thái Nguyên, Bác Hồ đã đọc tặng các cháu bốn câu:

Không có việc gì khó

Chỉ sợ lòng không bền

Đào núi và lấp biển

Quyết chí ắt làm nên.

Bốn câu thơ ấy, tuy là mượn ý của "Thánh hiền" nhưng đã được kiểm nghiệm trong thực tế cuộc sống của Bác Hồ mấy chục năm trước đó.

MINH ANH

*Trích trong cuốn "Tấm lòng của Bác".
Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, 2005.*

Bản sao lưu trữ

ĐẠO ĐỨC NGƯỜI ĂN CƠM

Một chiến sĩ bảo vệ Bác - sau này được phong quân hàm cấp tướng - có lần nói rằng:

"Bác thường dạy quân dân ta" cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư" Bác dạy phải làm gương trước. Bác dạy phải nêu cao đạo đức cách mạng. Có cán bộ nghĩ rằng "đạo đức" cách mạng là để áp dụng trong công tác thôi. Bản thân tôi, được gần Bác thấy ngay trong khi ăn cơm. Bác cũng đã dạy cho chúng tôi thế nào là "đạo đức".

Thứ nhất, Bác không bao giờ đòi hỏi là Chủ tịch nước phải được ăn thứ này, thứ kia. Kháng chiến gian khổ đã đành là Bác sống như một người bình thường, khi hòa bình lập lại có điều kiện, Bác cũng không muốn coi mình là "vua" có gì ngon, lạ là "cống, hiến".

Thứ hai, món ăn của Bác rất giản dị, toàn các món ăn dân tộc, tương cà, cá kho... thường là chỉ 3 món trong đó có bát canh, khá hơn là 4, 5 món thôi.

Thứ ba, Bác thường bảo chúng tôi, ăn món gì cho hết món ấy, không đựng dũa vào các món khác. Gắp thức ăn cũng phải cho có ý. Cắt miếng bơ cũng phải cho vuông vức. Nhớ lần đi khu 4, đồng chí bí thư và chủ tịch Quảng Bình ăn cơm với Bác, trong mâm chỉ có một bát mắm Nghệ hơi nhiều. Bác dùng bữa xong trước, ngồi bên mâm cơm. Hai cán bộ tỉnh ăn tiếp rồi buông dũa, Bác nhìn bát mắm nói:

- Hai chú xẻ bát mắm ra, cho cơm thêm vào ăn cho hết.

Hai "quan đầu tỉnh" đành phải ăn tiếp vừa no, vừa mặn... Chiều hôm đó, hai đồng chí đưa Bác đi thăm bờ biển, trời nắng, ăn mặn nên khát nước quá. Lần khác, một cán bộ ngoại giao cao cấp người Hà Tĩnh được ăn cơm với Bác, đã gắp mấy cọng rau muống cuối cùng chắm vào bát tương ăn hết. Tưởng là đã "hoàn thành nhiệm vụ" nào ngờ Bác lại nói:

- Tương Nghệ đồng bào cho Bác, ngon lắm. Cháu cho thêm ít cơm vào bát "quẹt" cho hết.

Thứ tư, có món gì ngon không bao giờ Bác ăn một mình, Bác sẽ cho người này, người kia rồi sau cùng mới đến phần mình, thường là phần ít nhất. Ăn xong thu xếp bát đĩa gọn gàng, để đỡ vất vả cho người phục vụ.

Thứ năm, tôi có cảm giác là đôi khi ăn cơm có những giây phút Bác cầm đôi đũa, nâng bát cơm. Bác như tư lự về điều gì đó. Tưởng như Bác nghĩ đến đồng bào, cụ già, em bé đói rách ở đâu đó. Tưởng như Bác nhớ lại những ngày lao động ở xứ người kiếm từng mẩu bánh để ăn, để uống, để làm cách mạng... Hay là Bác lại nghĩ đến những lần tù đầy không có gì ăn. Thật khó hiểu mà càng khó hiểu, tôi lại càng thương Bác quá, thương quá. Bây giờ vào những bữa tiệc cao lương, mỹ vị, rượu bia thức ăn bày la liệt, quái lạ tôi lại nhớ đến Bác rồi... có ăn cũng chẳng thấy ngon như khi xưa ngồi vào mâm cơm đạm bạc với Bác".

*Trích trong cuốn "Tấm lòng của Bác",
Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, 2005.*

'HỒI AI BÚNG BÁT CƠM ĐÂY'

Tôi còn nhớ như in vào một buổi sáng hè (tháng 6 năm 1960), sau khi dự Đại hội đoàn kết chống hạn tại Ứng Hòa - Mỹ Đức xong, Bác ra cánh đồng thôn Thái Bình, xã Vạn Thắng (Ứng Hòa) thăm nông dân chống hạn.

Những năm ấy, vì hệ thống mương máng, thủy lợi chưa có là bao nên bà con nông dân rất vất vả, nắng quá thì hạn, mưa nhiều thì úng. Đời sống của hàng triệu nông dân chỉ trông chờ ở đồng ruộng, thật bấp bênh.

Hôm ấy, Bác mặc quần áo gụ, đội mũ lá cọ, chân đi dép cao su, quần xắn trên đầu gối, khăn vắt trên vai, tay chống gậy đi ra cánh đồng thăm bà con nông dân đang tát nước.

Mới 10 giờ mà trời nắng như đổ lửa, chúng tôi - những cán bộ đi theo cũng thấm mệt, mồ hôi vã như tắm tràn xuống mắt giàn giụa, tràn vào miệng mặn chát. Bác đi rất nhanh, mặc dầu đường sông trâu, Bác vẫn thoăn thoắt đặt chân trên các gò đất cách nhau 30 - 40cm một cách nhẹ nhàng như một lão nông thực thụ. Đến đầu một con mương, đồng chí chủ tịch tỉnh Hà Đông thấy bờ mương hẹp, khó đi, vội chạy lên trước để mời Bác đi theo đường chính. Bác xua tay và rẽ vào bờ mương để đến chân ruộng bà con đang lao động giữa cánh đồng bị hạn. Tất nhiên chúng tôi phải đi sau và cố hết sức mới kịp. Đến một chỗ bờ mương bị xẻ ra chừng 1,5m để tát nước gần đấy, đồng chí chủ tịch tỉnh lại chạy lên định dắt Bác, chưa kịp thì Bác đã nhảy phắt qua hố và rẽ sang bên kia. Những người theo sau, người thì nhảy qua được, người phải đi men xuống ruộng để qua.

Thấy Bác đến, lại còn mặc như lão nông, bà con vui mừng bỏ cả gầu đồ xô lại vây quanh Bác rất đông. Có cháu thiếu niên 14, 15 tuổi len đến bên Bác, đưa tay lên vuốt râu Bác. Bác thân mật thăm hỏi mọi người, bắt tay bà con, rồi nói rằng giọng miền Bắc pha xứ Nghệ ấm áp:

- Thừa nhỏ, đã nhiều năm, tôi sống với bà con làng xóm làm nông nghiệp, tôi hiểu nỗi cơ cực của bà con khi trời hạn hán. Bây giờ chúng ta

có chính quyền, bà con đã làm chủ ruộng đồng, gặp lúc thiên tai, phải cùng nhau đoàn kết chống hạn, cứu lúa.

Mọi người "vâng ạ!" thật rõ và to.

Sau đó Bác lên đập guồng cùng với một bác nông dân ngoài 50 tuổi, để bác nông dân guồng đỡ vất vả và được nhiều nước. Bác căn dặn chính quyền thôn xã tích cực huy động bà con biết nghề mộc xẻ gỗ để đóng guồng.

Bà con hỏi Bác đủ thứ chuyện. Bác đều trả lời thân mật, dễ hiểu. Trước khi chia tay với bà con nông dân, Bác đã đọc hai câu thơ:

"Hỡi ai bưng bát cơm đầy,

Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần".

Mọi người xúc động đứng mãi tại nơi đã gặp Bác, vẫy chào tạm biệt.

NGUYỄN THÀNH kể

Hồ Vũ ghi.

CÁCH SỬ DỤNG TIỀN BẠC CỦA BÁC HỒ

Bác sống rất giản dị, thanh bạch, ăn uống chi tiêu bao giờ cũng rất tiết kiệm, chúng tôi được ở gần Bác không thấy Bác để lãng phí một thứ gì.

Có đôi tất rách đã vá đi vá lại mấy lần thế mà Bác không bỏ cũng không dùng tất mới. Bác nói: "Cái gì dùng được nên dùng, bỏ đi không nên...". Có một cái tất bị rách chưa kịp vá, chúng tôi đưa đôi tất mới để Bác dùng, nhưng Bác vẫn không đồng ý, Bác xoay chỗ rách vào bên trong rồi cười xí xóa:

- Đấy! Có trông thấy rách nữa đâu?...

Có quả chuối hơi nẫu, chúng tôi ngại không ăn. Bác bảo lấy dao gọt phần nẫu đi. Bác nói:

- Ở chiến khu có được quả chuối là quý lắm!

Lời nói và việc làm của Bác làm chúng tôi thật xúc động. Một vị lãnh tụ tối cao thế mà cuộc sống giản dị như những người dân lao động vậy!

Suốt thời gian hoạt động ở nước ngoài, Bác gặp rất nhiều khó khăn. Để sinh sống và hoạt động, Bác phải tự lao động kiếm tiền, được đồng nào Bác đều dành cho công tác cách mạng. Bác chi tiêu rất dè sẻn, cân nhắc từng xu. Liên hoan, thết đãi khách cũng hết sức đơn giản, Bác nói: "Chủ yếu là thật lòng với nhau". Chúng tôi nhớ lại: Hồi ở chiến khu Việt Bắc, mừng ngày thành lập Đảng, Bác đồng ý cho liên hoan nhưng cũng chỉ có bát cơm, món xào, tô canh, đĩa cá. Chiêu đãi đồng chí Lý Bội Quân, người Trung Quốc đã giúp Bác mua chiếc máy chữ từ Hải Phòng mang về, Bác cũng chỉ "khao" một món canh và hai đĩa thức ăn, có thêm chén rượu gạo, tổng cộng chưa hết một đồng bạc, thế mà vẫn đậm đà tình cảm giữa chủ và khách.

Một lần khác, khi còn ở trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch, nghe tin Hồng quân Liên Xô bắt sống 33 vạn quân Hít-le ở Xta-lin-grát, Bác vui quá muốn tổ chức ăn mừng, Bác đã "nhờ người lính gác mua giùm một ít

kẹo và dầu cháo quấy sau khi phẩn khởi hô mấy câu khẩu hiệu "Hoan nghênh thắng lợi của Hồng quân Liên Xô", Bác cùng với mấy bạn tù ngồi chén tạc, chén thù rất đàng hoàng vui vẻ...

Năm Bác về Nghệ An, khi ăn cơm chung với các đồng chí Nguyễn Sĩ Quế, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Văn Diệm, tự tay bác để bớt ra ngoài mâm mấy món ăn rồi nói: "Ăn hết lấy thêm, không ăn hết để người khác ăn, đừng để người khác ăn thừa của mình".

Có thể dẫn ra nhiều nữa những ví dụ về cách chi tiêu, sử dụng tiền bạc, ăn uống, chất chiu, tằn tiện, nhưng vẫn rộng rãi của Bác.

Lối sống giản dị, trong sáng, tiết kiệm và cách ứng xử với tiền bạc, với cái ăn, cái mặc của Bác là tấm gương mẫu mực sáng ngời, cho chúng ta học tập và noi theo.

VĂN TIÊN

*Trích trong cuốn "Những kỷ niệm sâu sắc với Bác Hồ",
Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2001.*

MỘT BỮA ĂN TỐI CỦA BÁC

Tháng 4-1946, giữa lúc đất nước đang bẽ bộn công việc thì Bác vẫn dành những thì giờ quý báu về Ninh Bình giải quyết những vấn đề đối nội, đối ngoại có lợi cho quốc gia. Vào khoảng ngày 10 đến 12, Bác đi qua thị xã Ninh Bình để xuống Phát Diệm. Lúc đó tôi là quyền chủ tịch ủy ban hành chính tỉnh. Một dịp may hiếm có được đón Bác về tỉnh, nghĩ vậy, tôi mời đồng chí ủy viên thư ký kiêm phó chủ tịch và đồng chí chánh văn phòng đến hội ý. Hai đồng chí cũng cùng chung một ý nghĩ như tôi.

Tôi phân công đồng chí phó chủ tịch huy động nhân dân ra tập trung đón Bác, đồng chí chánh văn phòng chuẩn bị cơm mời Bác, còn tôi phụ trách việc dọn dẹp văn phòng, chuẩn bị chỗ nghỉ và chỗ ngủ cho Bác nghỉ đêm.

Quả như tôi dự đoán, sáu giờ chiều thì xe Bác về đến phía nam thị xã Ninh Bình. Nhân dân đã vây cờ, hô khẩu hiệu rồi ùa xuống lòng đường đón Bác. Bác ra khỏi xe vẫy chào nhân dân. Nhân lúc đó tôi mời Bác vào trụ sở Ủy ban hành chính tỉnh.

Trước sự nhiệt tình của nhân dân thị xã, không nỡ từ chối, Bác đã vào gặp Ủy ban hành chính tỉnh Ninh Bình.

Đến cổng cơ quan, Bác bảo đồng chí lái xe dừng lại rồi xuống đi bộ. Vừa đi Bác vừa hỏi tình hình đời sống của nhân dân, đặc biệt là đồng bào ở vùng công giáo. Chúng tôi báo cáo với Bác về những khó khăn trong tỉnh, một số nơi nông dân còn bị đói.

Bác căn dặn chúng tôi phải chú ý đoàn kết lương giáo, động viên bà con tích cực tăng gia sản xuất để chống đói, chú ý công tác diệt giặc dốt, mở nhiều lớp bình dân học vụ vào buổi trưa, buổi tối, vận động bà con đi học.

Chúng tôi mời Bác nghỉ lại cơ quan cho đỡ mệt, rồi dùng bữa tối. Thực ra bữa cơm chúng tôi chuẩn bị cho Bác không có gì ngoài một con gà giò luộc, nước dấm nấu bí đao, vì lúc đó kinh phí của Ủy ban hành chính tỉnh cũng hết sức khó khăn.

Bác nói:

- Hàng ngàn đồng bào đang chờ Bác ngoài kia, Bác không thể nghỉ ở đây để ăn cơm được vì 9 giờ tối Bác đã có việc ở Chủ tịch phủ. Bây giờ các chú giúp Bác: một chú ra tập hợp đồng bào vào một ngã tư rộng gần đây để Bác nói chuyện với đồng bào mười phút, một chú ra cửa hàng mua cho Bác một cặp bánh giò. Còn các chú đi với Bác thì tranh thủ đi ăn cơm trước. Nói chuyện xong, Bác ngược Hà Nội ngay cho kịp hẹn. Trong xe Bác sẽ ăn bánh vừa đỡ tốn kém, vừa tiết kiệm thời gian cho Bác.

Chúng tôi vâng lời Bác làm theo.

Nói chuyện với đồng bào Ninh Bình hôm đó, Bác nhấn mạnh:

- Đồng bào chú ý đoàn kết lương giáo vì âm mưu của kẻ thù luôn tìm cách chia rẽ đồng bào lương giáo.

- Đồng bào tích cực tăng gia sản xuất chống giặc đói, chống giặc dốt.

- Đồng bào chuẩn bị tinh thần chịu đựng gian khổ để chống giặc ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc.

- Kết thúc, Bác hỏi:

- Đồng bào có đồng ý thực hiện ba điều tôi nêu ra không?

- Đồng ý! Đồng ý! Hồ Chủ tịch muôn năm.

Hàng ngàn nắm tay gân guốc giơ lên hưởng ứng. Tiếng hô và tiếng vỗ tay râm ran.

Bác vẫy tay chào đồng bào rồi lên xe về Hà Nội. Xe đi được một quãng Bác mới bắt đầu dùng "bữa ăn tối" của mình.

*Theo Hồ Vũ ghi lời kể của Phí Văn Bái,
trong "Bác Hồ, con người và phong cách".*

TRƯỜNG HỌC CỦA BÁC

Có lần nhân câu chuyện kể với các bạn trẻ trong khu Phủ Chủ tịch, Bác nói:

"Các cô, các chú bây giờ đi học có trường, có bàn ghế, có cô thầy, bạn bè, sách vở, giấy phút, có giờ giấc đàng hoàng. Tối đến có đèn điện, thế mà học một năm không lên được một lớp là không đúng. Ngày xưa, lúc Bác đang tuổi các cô, các chú thì tất cả bàn ghế, thầy, bạn, sách vở, giấy bút chỉ có trong bàn tay mà thôi".

Bác giơ bàn tay trái lên nói tiếp:

"Hồi ấy Bác làm bồi tàu, là người quét tuyết ở Anh, rồi đi làm phụ bếp. Làm việc từ sáng đến tối, suốt ngày không được cầm đến tờ báo mà xem. Đến đêm mới hết việc, mới được đọc sách, đọc báo. Ban ngày muốn học chỉ có một cách là viết chữ lên mảnh da tay này. Cứ mỗi buổi sáng viết mấy chữ, rồi đi cọ sàn tàu, cọ thùng, đánh nồi, rửa bát, thái thịt, băm rau, vừa làm vừa nhìn vào da bàn tay mà học. Hết ngày, người thì mồ hôi đầm đìa, chữ cũng mờ đi, cuối buổi đi tắm mới xóa được chữ ấy đi. Coi như đã thuộc. Sáng mai lại ghi chữ mới".

Sách "Hồ Chí Minh, đồng chí của chúng ta" gồm nhiều hồi ký của các bạn Pháp viết, Nhà xuất bản Xã hội Paris in năm 1970, có trích một đoạn Bác trả lời phóng viên A.Kan (báo Nhân đạo của Đảng Cộng sản Pháp) như sau;

"Tôi không có hạnh phúc được theo học ở trường đại học. Nhưng cuộc sống đã cho tôi cơ hội học lịch sử, khoa học xã hội và ngay cả khoa học quân sự. Phải yêu cái gì? Phải ghét cái gì? Cũng như tôi, tất cả người Việt Nam cần phải yêu độc lập, lao động, Tổ quốc".

"Tất nhiên không phải riêng tôi mà toàn thế giới đều kính trọng những nhà báo chân chính. Tôi cũng có thời gian học làm báo, cũng có thời gian tôi bỏ ngòi bút, cầm súng để chống lại kẻ thù, chống lại chủ nghĩa thực dân. Khi tôi còn ở Pháp, khi còn biết ít tiếng Pháp tôi đã là Tổng biên tập, biên tập và phát hành cả một tờ báo".

Bác thường nói với cán bộ:

- "Học thêm được một thứ tiếng nước ngoài coi như có thêm một cái chìa khóa để mở thêm một kho tàng tri thức. Việc học là việc suốt đời".

*Theo cuốn "Một số lời dạy và mẫu chuyện về
Tám gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh"
Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007. Tr.209.*

Bản sao lưu trữ

BA CHIỀU TRÁCH NHIỆM

Báo "Cứu quốc" số 69, ngày 17-10-1945, có đăng "thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng". Bác viết:

"Tôi vẫn biết trong các bạn có nhiều người làm theo đúng chương trình của Chính phủ và rất được lòng dân. Song cũng có nhiều người phạm những lầm lỗi rất nặng nề. Những lầm lỗi chính là:

1. Trái phép - vì tư thù, tư oán mà bắt bớ và tịch thu làm dân oán thán.

2. Cây thế - cây thế mình trong ban này, ban nọ rồi ngang tàng, phóng túng, muốn sao được vậy, coi khinh dư luận, không nghĩ đến dân. Quên rằng dân bầu mình ra để làm việc cho dân chứ không phải để cây thế với dân.

3. Hủ hóa - ăn uống cho ngon, mặc muốn cho đẹp, càng ngày càng xa xỉ, càng ngày càng lãng mạn, thử hỏi tiền bạc ấy ở đâu ra? Thậm chí lấy của công dùng vào việc tư, quên cả thanh liêm, đạo đức. Ông ủy viên đi xe hơi, rồi bà ủy viên, cho đến các cô, các cậu ủy viên cũng dùng xe hơi của công. Thử hỏi những hao phí đó ai phải chịu?

4. Tư túng - kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu mình, không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài, có đức, không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Quên rằng việc là việc công, chứ không phải việc riêng gì dòng họ của ai.

5. Chia rẽ bênh vực lớp này, chống lại lớp khác, không biết làm cho các tầng lớp nhân nhượng lẫn nhau, hòa thuận với nhau.

6. Kiêu ngạo - tưởng mình ở trong cơ quan chính phủ là thần thánh rồi. Coi khinh dân gian, cử chỉ lúc nào cũng vác mặt "quan cách mạng" lên. Không biết rằng thái độ kiêu ngạo đó sẽ làm mất lòng tin cậy của dân, sẽ hại đến uy tín của Chính phủ.

Bác cho rằng: "Những kẻ tham ô, lãng phí và quan-liêu phá hoại tinh thần, phí phạm sức lực, tiêu hao của cải của Chính phủ và nhân dân, tội

lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám". Mặt khác, Bác ần cần nhắc dạy chúng ta rằng: "Trước mặt quần chúng không phải ta cứ viết lên trán chữ cộng sản mà ta được họ yêu mến".

Đối với những cán bộ sai lầm, trong sách "Sửa đổi lối làm việc" Bác nêu "một không sợ", "hai sợ".

- Không sợ có sai lầm, khuyết điểm.

- Sợ thứ nhất "không chịu cố gắng sửa chữa sai lầm và khuyết điểm...".

- Sợ thứ hai "và càng sợ những người lãnh đạo không biết tìm cách đúng để giúp đỡ cán bộ sửa chữa sai lầm và khuyết điểm". "Trừ những người cố ý phá hoại, ngoài ra không ai cố ý sai lầm, sai lầm là vì không hiểu, không biết. Vì vậy đối với cán bộ bị sai lầm, ta quyết không nên nhận rằng họ muốn như thế. Sự sửa đổi khuyết điểm một phần cố nhiên là trách nhiệm của cán bộ đó. Nhưng một phần cũng là trách nhiệm của người lãnh đạo".

Sửa chữa sai lầm, cố nhiên dùng cách giải thích, thuyết phục, cảm hóa. Song không phải tuyệt nhiên không dùng xử phạt. Lầm lỗi có việc to, việc nhỏ. Nếu nhất luật không xử phạt thì sẽ mất cả kỷ luật, thì sẽ mở đường cho bọn cố ý phá hoại. Vì vậy hoàn toàn không dùng xử phạt là không đúng.

Trong công tác xét xử. Bác nhắc nhở "Không vì công mà quên lỗi - không vì lỗi mà quên công", thuyết phục giáo dục là hàng đầu, nhưng phải có kỷ luật rất nghiêm. Phải phân tích rõ ràng cái cố sai lầm, phải xét kỹ lưỡng việc nặng hay nhẹ, phải dùng xử phạt cho đúng". "Người đời ai cũng có khuyết điểm. Có làm việc thì có sai lầm". "Đảng ta không phải trên trời sa xuống. Nó ở trong xã hội mà ra. Vì vậy, tuy nói chung, thì đảng viên phần nhiều là những phần tử tốt, nhưng vẫn có một số chưa bỏ hết những thói xấu đó có từ lâu, nhất là trong 80 năm nô lệ. Những thói xấu đó, họ mang từ xã hội vào Đảng. Cũng như những người hàng ngày lợi bùn mà trên mình họ có hơi bùn, có vết bùn. Như thế thì có gì là kỳ quái?".

"Cũng như một nhà có rể khờ, dẫu dại không thể cấm họ gặp gỡ bà, con. Đảng ta dù muốn giấu những người và những việc không tốt kia, cũng không thể giấu. Quần chúng luôn luôn liên lạc với Đảng ta... Họ chẳng những trông thấy những người tốt, việc tốt mà họ cũng trông thấy những người xấu, việc xấu trong Đảng. Họ sẽ ngờ ngác mà hỏi Đảng này

là Đảng tốt, đảng viên đều là người tốt, vì sao lại có những người vu vơ, những việc mờ tối như thế nhỉ?".

Bốn hai năm đã qua, ngày nay, đọc lại những lời dạy bảo chí tình, chí nghĩa, chí ân ấy của Bác mà chúng ta giặt mình, thấy nhức nhối trong tim.

*Theo cuốn "Một số lời dạy và mẫu chuyện về Tám gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh".
Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.213.*

Bản sao lưu trữ

ĐỀ PHÒNG "ĐẠN BỌC ĐƯỜNG"

Đoàn Tân Trào (nay là Trung đoàn 600, Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Bộ Công an) có nhiệm vụ bảo vệ lãnh tụ, các cơ quan đầu não của Đảng và Nhà nước. Ngày đó toàn đoàn đảng tập trung để nghe giải đáp về Hiệp định Giơnevơ và động viên chuẩn bị công tác bảo vệ Bác, Trung ương Đảng, Chính phủ về Thủ đô. Hội trường làm bằng tranh tre vách nứa núp dưới tán lá rừng đã chật ních người. Các chiến sĩ trang nghiêm trong những bộ quân phục kiểu mới. Họ là những vệ quốc quân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, công tác, là chiến sĩ thi đua ở các đại đoàn chủ lực 308, 312, 316, 320, Tiểu đoàn Thiên Đức (Bắc Ninh) và một số đơn vị khác ở Thái Nguyên được Bộ Công an và Bộ Quốc phòng tuyển chọn, thành lập.

Sau 9 năm kháng chiến gian khổ, trước thắng lợi mới của đất nước, ai cũng hớn hởi, vui vẻ. Tiếng hát đang cất cao, bỗng ngừng bật, nhường cho tiếng reo hò vang dậy: "Bác đến! Bác Hồ đến, các đồng chí ơi...".

Mọi người nhìn ra, thấy Bác cưỡi ngựa vượt qua thửa ruộng trống và lên ngang sườn đồi. Đến trước hội trường, Bác kéo cương cho con ngựa hồng dừng hẳn lại rồi nhanh nhẹn nhảy xuống. Vừa rút khăn trên vai lau mồ hôi, Bác vừa hỏi các đồng chí phụ trách đoàn ra đón:

- Các chú đang học gì vậy?

- Dạ thưa Bác, giải đáp về Hiệp định Giơnevơ ạ. Đồng chí đoàn trưởng trả lời.

- Đơn vị tập trung đây đủ chứ?

Đồng chí đoàn trưởng báo cáo quân số xong, Bác lại hỏi:

- Các chú nuôi quân cũng có mặt?

- Thưa Bác, có một số ạ!

- Có bao nhiêu đảng viên? Đến chỗ này đoàn trưởng lúng túng. Bác hỏi tiếp: .

- Tinh thần anh em thế nào?

- Dạ, anh em phấn khởi lắm ạ.

- Phấn khởi thế nào? - Đoàn trưởng im lặng, lúng túng.

Bác quay sang hỏi đoàn phó:

- Vũ khí ra sao chú?

Nghe Bác hỏi dồn dập, đủ biết công việc khẩn trương đến nhường nào. Trưởng, phó đoàn báo cáo xong. Bác bước nhanh vào hội trường, trực ban chưa kịp hô "Nghiêm", tất cả đã đứng dậy vỗ tay vang trời. Tiếng vỗ tay vang vào vách núi đá vọng lại kéo dài không dứt. Bác giơ tay ra hiệu cho tất cả im lặng. Những người ngồi sau nghiêng ngó để nhìn Bác được rõ hơn. Hàng trăm cặp mắt hướng về Bác không chớp. Nhiều chiến sĩ lần đầu được gặp Bác, xúc động ngồi ngầy cả người ra.

Chờ cho trật tự đã ổn định, Bác đưa tấm bản đồ Đông Dương cho một chiến sĩ treo lên phía trước sân khấu, rồi Bác đi xuống cuối hội trường... Bác đi đâu anh em hút mắt theo đấy như các mẫu kim loại chuyển theo viên đá nam châm. Đến cuối hội trường, Bác nói:

- Các chú trông thấy rõ chứ?

- Rõ ạ! Cả hội trường đồng thanh đáp lại, Bác lại trở lên phía bản đồ, tay cầm một chiếc que nứa, hỏi:

- Các chú có nghe được cả không?

- Dạ, được ạ!

- Hôm nay Bác nói chuyện về ý nghĩa thắng lợi của Hiệp định Giơnevơ. Tiếng hoan hô trời dậy, Bác dặn: "Thời gian ít, Bác nói chuyện chỉ hơn hai giờ, không nên vỗ tay nhiều". Nói xong, Bác chỉ tiểu đội trưởng Phúc:

- Chú có biết Giơnevơ ở đâu không?

Phúc lo quá, mồ hôi toát ra lâm râm trên trán. Nhiều người lo bị Bác hỏi. Một số biết thì mỉm cười. Bác giục Phúc:

- Trả lời đi chứ?

Phúc đành nói ào:

- Dạ thưa Bác, Giơnevơ ở Pháp ạ.

Cả hội trường rộ lên. Đồng chí Tùng Văn Thư nói đỡ: "ở Thụy Sĩ ạ!" Bác gật đầu và hỏi tiếp:

- Đây tới đó bao nhiêu cây số? Anh em ai cũng ngỡ ngác. Bác quay về phía chỉ huy đoàn hỏi:

- Chú đoàn trưởng đâu? Đoàn trưởng đã lo ngồi lẫn giữa hàng ghế với chiến sĩ, chưa kịp trả lời, Bác đã giải thích:

- Giơnevơ là một thành phố của Thụy Sĩ, nước đó gần nước Pháp. Vừa là nơi thắng cảnh của châu Âu vừa là nơi gặp gỡ của những nhà chính trị, kinh tế thế giới. Đường từ đây tới đó chừng 18000 cây số.

Bác nhìn quanh, gọi đồng chí Ngọc Châu Chính trị viên đoàn lại gần và bảo: "Anh em không hiểu những điều đó thì không thể hiểu được nội dung những vấn đề lớn". Nói xong, Bác hỏi anh em ở hàng ghế đầu:

- Các chú nghĩ thế nào? - Anh em nhìn nhau cười trừ.

Bác cũng cười vui rồi tiếp:

- Rồi đây các chú phải coi trọng việc học văn hóa mới được - Bác nói chuyện nhiều về Hiệp định Giơnevơ. Sau khi giải thích tình hình, Bác dự kiến những diễn biến về tâm lý của anh em:

- Các chú sợ rồi đây Pháp phản bội, hoặc Mỹ xúi giục bọn tay sai gây lại chiến tranh phải không? Đế quốc thì bao giờ cũng muốn chiến tranh, muốn chiếm cả nước ta, nhưng vì ta mạnh nên chúng bắt buộc phải cùng ta ký Hiệp định. Pháp đã thua rồi. Trước sau nó cũng phải rút khỏi nước ta thôi. Kẻ thù chính của nhân dân ta bây giờ chính là đế quốc Mỹ. Nếu quân và dân ta tiếp tục truyền thống đấu tranh anh dũng, nhất trí một lòng. Đảng và Chính phủ ta lãnh đạo khéo thì đế quốc Mỹ dù giàu có, tham vọng đến mấy ta cũng không sợ. Bác nói như chỉ thị:

- Bây giờ bộ đội các chú phải thực hiện đúng đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ, thi hành đúng Hiệp định Giơnevơ. Ngừng bắn, tập kết, chuyển quân đúng hạn. Chiến trường ta rộng, liên lạc khó khăn, nếu bộ đội làm đúng được chỉ thị của Đảng và Chính phủ là một thành tích rất tốt.

Nghiêm nghị nhìn bao quát cả hội trường một lượt, Bác hỏi:

"Hòa bình lập lại, nhiệm vụ các chú sẽ làm gì?".

Đồng chí Tân cán bộ đại đội đáp:

- Thưa Bác! Bộ đội nói chung phải tiếp tục cùng nhân dân trừ gian, tiễu phi, sản xuất và tích cực học tập quân sự, chính trị, văn hóa. Riêng

đoàn của chúng cháu có nhiệm vụ bảo vệ Trung ương Đảng, Chính phủ tại Hà Nội.

Bác gật đầu:

- Chú nói đúng đấy, nhưng chưa đủ. Các chú còn phải cùng nhân dân đấu tranh thực hiện cải cách ruộng đất, chia ruộng cho dân cày, tăng gia chống đói, chống lụt... Phải ra sức xây dựng quân đội lớn mạnh bằng cách học tập chính trị, quân sự, văn hóa cho giỏi và sẵn sàng chiến đấu. Phải đề phòng mọi âm mưu của địch.

Bác đột nhiên chỉ vào một chiến sĩ điển trai, ăn mặc có vẻ đóm dáng nhất hỏi:

- Các chú rồi đây về thành phố đề phòng cái gì nhất?

Chiến sĩ được Bác hỏi là Văn. Văn lúng túng nhìn quanh. Máy đồng đội ngồi cạnh nhắc luôn: "Nhớ gia đình". Văn nói theo:

- Dạ, nhớ gia đình ạ!

Bác cười, mọi người cùng cười. Bác nói:

- "Có người nhớ nhà mà nâng cao được tinh thần cách mạng như thế là tốt". Điều Bác muốn căn dặn các chú là: Phải đề phòng "đạn bọc đường". Loại "đạn" này lúc đầu ai bị bắn dù có trúng cũng không biết đau, còn khen ngọt là khác, đến khi ngã rồi, hồi lại thì đã muộn. Ví dụ: Chuẩn bị vào thành phố, có chú nghĩ lâu nay gian khổ đã nhiều bây giờ là lúc hưởng thụ những thứ ngon, của lạ dần dần quên mất tác phong gian khổ, giản dị. Từ đó rất dễ đến tham ô, hủ hóa. Như vậy là mình đã tự biến thành cái bia rất tốt cho "đạn bọc đường" ngắm bắn. Doạn, Bác chỉ bảo cho các chiến sĩ những kinh nghiệm về thành phố. Người nhắc nhở tỉ mỉ cả cách ăn ở trên tầng nhà gác, cách giao thiệp với quần chúng nhân dân thành thị...

Kim đồng hồ đã chỉ 17 giờ. Mặt trời buông lại những tia nắng nhẹ. Chiều. Đợt máy bay B62 của giặc đi sục sạo một cách gắng gượng lượn qua ngay trên nóc hội trường làm cho lá rừng lay động xào xạc. Chờ cho tiếng động cơ máy bay giặc bớt đi, Bác mới nói:

- Cho nó bay đi hết ngày hôm nay.

- Thưa Bác! Chắc nó tiếc lắm? Một chiến sĩ trẻ ngồi hàng ghế trên đánh bạo nói:

- Nhân dân ta và các chú không cho thì dù nó tiếc cũng chẳng làm gì được. - Sau khi khảng định sự thất bại tất yếu của địch, Bác hỏi:

- Các chú có biết bài hát "Kết đoàn" không? Cả hội trường đáp lại: "Có ạ".

Thế là Bác bắt nhịp cho mọi người cùng cất cao tiếng hát: "Kết đoàn chúng ta là sức mạnh..." Tiếng hát hùng tráng vang động cả một góc rừng. Anh em hát, đất trời hát. Người vỗ tay đập bàn, kẻ đấm nhẹ vào lưng nhau giữa nhịp Bác lẹ làng rời khỏi hội trường. Bác và đồng chí Nhất lên ngựa. Nhân dân ở gần đó bấy giờ mới biết có Bác về, họ vui mừng chạy đến. Bà con cùng hát "Kết đoàn" với bộ đội kéo dài cho đến khi Bác khuất sau rừng cây.

NGUYỄN MINH SAN

(Ghi theo lời kể của đồng chí Ngọc Châu).

Bản sao lưu trữ

GUƠNG MẪU TÔN TRỌNG LUẬT LỆ

Hàng ngày, Bác thường căn dặn anh em cảnh vệ chúng tôi phải luôn có ý thức tổ chức, kỷ luật, triệt để tôn trọng nội quy chung. Bác bảo: "Khi bàn bạc công việc gì, đã quyết nghị thì phải triệt để thi hành. Nếu đã tự đặt ra cho mình những việc phải làm thì cương quyết thực hiện cho bằng được".

Một hôm chúng tôi theo Bác đến thăm một ngôi chùa lịch sử. Hôm ấy là ngày lễ, các vị sư, khách nước ngoài và nhân dân đi lễ, tham quan chùa rất đông. Bác vừa vào chùa, vị sư cả liền ra đón Bác và khẩn khoản xin Người dừng cỡi dép, nhưng Bác không đồng ý. Đến thêm chùa, Bác dừng lại để để dép ở ngoài như mọi người, xong mới bước vào và giữ đúng mọi nghi thức như người dân đến lễ.

Trên đường từ chùa về nhà, xe đang bon bon, bỗng đèn đỏ ở một ngã tư bật lên. Đường phố đang lúc đông người. Xe của Bác như các xe khác đều dừng lại cả. Chúng tôi lo lắng nhìn nhau. Nếu nhân dân trông thấy Bác, họ sẽ ùa ra ngã tư này thì chúng tôi không biết làm thế nào được. Nghĩ vậy, chúng tôi bàn cửa một đồng chí cảnh vệ chạy đến bực yêu cầu công an giao thông cảnh bật đèn xanh mở đường cho xe Bác. Nhưng Bác đã hiểu ý, Người ngăn lại rồi bảo chúng tôi:

- Các chú không được làm như thế. Phải gương mẫu tôn trọng luật lệ giao thông, không nên bắt người khác nhường quyền ưu tiên cho mình.

Chúng tôi vừa ân hận, vừa xúc động, hồi hộp chờ người công an giao cảnh bật đèn xanh để xe qua..

Phan Văn Xoàn -

Hoàng Hữu Kháng - Hồng Nam

Trích trong cuốn "Những năm tháng bên Bác".

Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, 1985.

DÙ TÁ HAY TƯỚNG ĐỀU PHẢI LO PHỤC VỤ NHÂN DÂN

Vào khoảng tháng 7 năm 1944, một máy bay Mỹ bị quân Nhật bắn rơi ở Hòa An, Cao Bằng. Phi công Mỹ nhảy dù rơi xuống cánh rừng đã bị du kích địa phương bắt.

Lúc này Mỹ ở trong phe Đồng minh chống phát xít. Phi công Mỹ được đưa đến chỗ chúng tôi. Bác gọi tôi đến, chỉ thị:

- Tuy ta còn thiếu thốn, nhưng các chú cố gắng cho anh ta ăn uống tương đối, cư xử tử tế, nhân đạo để họ hiểu ta.

Vâng lệnh Bác, chúng tôi đã làm như vậy. Phi công Mỹ được ăn với khẩu phần còn hơn cả chúng tôi.

Sau đó mấy ngày, Bác cho đưa anh ta đến gặp Bác. Bác hỏi chuyện bằng tiếng Anh. Người phi công vô cùng ngạc nhiên, trở mắt nhìn Bác đây vẻ kính phục, không sao hiểu nổi ở chốn rừng núi này lại gặp được một ông già gầy guộc, mặc áo chàm với đôi mắt rục sáng lại nói tiếng Anh rất thành thạo, am hiểu phong tục nước Mỹ.

Sao (Shaw) - tên người phi công - tha thiết xin được thả về bộ chỉ huy Mỹ đang đóng trên đất Trung Quốc, dù có phải tốn phí đến bao nhiêu khi về nước cũng xin Chính phủ Mỹ và gia đình lo chịu.

Bác mỉm cười và giải thích thêm:

- Các anh trong quân đội Đồng minh, cùng chung một mục đích chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ hòa bình thế giới. Chúng tôi cư xử với anh như thế này là thể hiện những cam kết thiện chí chứ không phải dùng anh vào mục đích kiếm lợi.

Sau đã hiểu và càng kính phục, tin tưởng Bác. Sau đó, chính anh ta đã được Bác cho theo sang Côn Minh, trao lại cho Bộ tư lệnh Mỹ.

... Bác ở Trung Quốc về được một thời gian, Bộ tư lệnh quân đội Mỹ điện cho Bác, xin được cử người sang để hợp tác bằng cách họ sẽ cho người nhảy dù xuống căn cứ Tân Trào.

Tôi lại được Bác giao nhiệm vụ đón 5 người Mỹ này. Chúng tôi đốt lửa lấy khói làm ám hiệu cho máy bay biết mục tiêu. Khi họ nhảy dù xuống, chúng tôi tập hợp bộ đội hoan hô họ. Họ rất cảm động trước việc làm đó của ta.

Sau khi tiếp nhận 5 nhân viên tình báo quân sự Mỹ, họ đều được Bác giao nhiệm vụ.

Bác chỉ thị thành lập đại đội Việt - Mỹ và chỉ thị tôi làm đại đội trưởng.

Một người Mỹ mang hàm thiếu tá tên là Tômát làm tham mưu trưởng đại đội. Lúc đó, tôi còn nhớ là tôi rất tự hào. Tôi thưa với Bác là nếu thiếu tá làm tham mưu trưởng, thì đại đội trưởng gọi là cấp gì, nào ngờ nét mặt Bác nghiêm lại. Bác bảo:

Chú phải lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt, dù tá hay tướng đã là một chiến sĩ cách mạng cũng đều phải lo phục vụ nhân dân cho tốt.

Từ bấy đến nay tôi luôn luôn nhớ lời dạy ấy.

BÍCH HẠNH

Theo lời kể của Thượng tướng

ĐÀM QUANG TRUNG.

PHẢI QUAN TÂM ĐẾN MỌI NGƯỜI HƠN

Hồi trường Đảng Nguyễn Ái Quốc còn ở căn cứ kháng chiến Việt Bắc, một lần Bác Hồ đến dự lễ bế giảng của trường. Xuống thăm nhà bếp, Bác thấy làm cỗ có vẻ linh đình, Bác nói với đồng chí phụ trách trường: "Này, bế mạc, chứ không phải "bế bụng" đâu nhé! Kháng chiến còn khó khăn lắm đấy các chú ạ".

Đến bữa ăn, thấy mâm cơm chỉ có một bát, một đôi dưa, Bác hỏi: "Thế Bác ăn với ai?". Đồng chí phụ trách gãi đầu gãi tai: "Dạ, xin để Bác ăn riêng cho tiện...". Bác ngắt lời: "Không tiện gì cả. Thế ra các chú muốn cho Bác ăn trên ngai trời à?". Và Bác đòi phải bê các món ăn của cán bộ, nhân viên nhà trường lên cho Bác xem, rồi Bác bảo kê thêm bàn ghế cho mọi người cùng ngồi ăn với Bác. Bố trí xong xuôi cả rồi, Bác mới vui vẻ, bảo mọi người: "Ngồi cả vào đây ăn chung với Bác, ăn một mình thì Bác ăn sao được?". Khi Bác lên nói chuyện với các học viên, đồng chí phụ trách trường giới thiệu:

"Bác Hồ sẽ huấn thị cho chúng ta".

Bác cười mà bảo rằng: "Tôi nói chuyện với các đồng chí thôi, chứ có "huấn thị" gì đâu".

Buổi tối, Bác ở lại trường để làm việc. Các đồng chí mang đến cho Bác một chiếc đèn tọa đăng rất sáng. Khoảng 9-10 giờ tối, Bác cầm đèn đó xuống văn phòng trường và bảo rằng: "Đèn này to, tốn dầu lắm! Bác còn làm việc khuya, một chiếc đèn con thôi cũng đủ. Các đồng chí đổi cho Bác chiếc đèn khác".

Sáng sớm hôm sau, trước khi Bác chia tay trường, đồng chí phụ trách hỏi Bác có điều gì cần dặn thêm về công việc của trường, Người nói: "Tôi chỉ mong các đồng chí đừng quan tâm đến tôi quá mà phải quan tâm đến mọi người hơn".

N.T.P

*Trích trong cuốn "Tám lòng của Bác".
Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, 2005.*

ĐỜI SỐNG CỦA DÂN QUAN TRỌNG HƠN

Năm 1952, hai nhà quay phim chiến sĩ miền Nam Nguyễn Thế Đoàn, Lê Minh Hiền được tham gia vào đoàn cán bộ miền Nam ra Việt Bắc.

Đoàn đã được Bác Hồ tiếp thân mật và tổ chức tiếp long trọng tại Văn phòng Chủ tịch nước. Riêng mấy anh em điện ảnh miền Nam còn được Bác mời đến trong một cuộc liên hoan lửa trại đêm ấm. Anh em đề nghị Bác cho phép "quay" một số cảnh làm việc, sinh hoạt của Bác, Bác đồng ý. Với chiếc máy quay phim "cổ lỗ sĩ" và một số mét phim ít ỏi. Lê Minh Hiền đã ghi được một số hình ảnh rất quý giá - cho đến ngày này là vô giá - về Bác Hồ.

Đồng chí Hiền và đồng chí Đoàn vẫn còn áy náy là Bác mặc quần áo giản dị quá, sợ mang về miền Nam chiếu lên, đồng bào có thể hoặc là quá xúc động, hoặc là chê trách người quay phim. Đồng chí Đoàn bày cho đồng chí Hiền là đề nghị Bác mặc bộ ka ki đại cán, kiểu Tôn Trung Sơn, bộ độc nhất của Bác để quay "cho đẹp".

Tưởng Bác đồng ý, nào ngờ Bác nói:

- Bác như thế này, có thế nào thì các chú cứ thế mà quay.

"Thua" keo này, lại bày keo khác. Lâu lâu, hai anh em lại "xin" Bác mặc đại cán "cho". Thấy các nghệ sĩ năn nỉ mãi, Bác cũng đành mặc "cho" đôi ba lần, những khi cần thiết... Tổ làm phim còn quay được một số cảnh Bác đánh máy chữ, trồng rau xanh, đi công tác lội suối, cưỡi ngựa.

Anh em còn định quay một số cảnh nữa về đời sống hàng ngày của Bác.

Bác nói:

- Thôi! Đời sống của Bác lúc này không quan trọng bằng đời sống của nhân dân.

*Trích trong cuốn "Tấm lòng của Bác".
Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, 2005.*

CÓ ĂN BỚT PHẦN CƠM CỦA CON KHÔNG?

Mùa thu năm 1951, Bác đến thăm lớp chính huấn chính trị toàn quân. Sau khi đọc lên những con số cụ thể về tệ nạn tham ô, lãng phí mà ban lãnh đạo nhà trường đã báo cáo với Bác, Bác nói:

- Các chú xem đấy, mới có từng này cán bộ mà đã tham ô lãng phí như vậy, thử hỏi nếu cán bộ trong toàn quân, toàn quốc cũng phạm khuyết điểm như các chú ở đây thì thiệt hại cho công quỹ của Nhà nước, của nhân dân biết bao nhiêu. Ngừng một lát, Bác hỏi:

- Ở đây, những chú nào có vợ rồi giờ tay.

Có độ một phần ba số cán bộ giờ tay.

Bác chỉ vào một đồng chí trong số những người vừa giờ tay ngồi ở hàng ghế đầu, rồi hỏi:

- Chú có bao giờ ăn bớt phần cơm của con mình không?

Đồng chí cán bộ trả lời:

- Thưa Bác, không ạ!

- Thế thì tại sao của cải của nhân dân, tiêu chuẩn của chiến sĩ hệ sinh ra là đút vào túi?

Bác vừa nói vừa làm động tác vơ vét và đút vào cái túi vải bên mình. Bác phân tích cho mọi người thấy rõ tham ô, lãng phí là một tệ nạn, một thói xấu, nó giống như sâu mọt đục khoét của cải của nhân dân, nó làm vẩn đục chế độ tốt đẹp của chúng ta, đến đạo đức và nhân phẩm của người cán bộ đảng viên.

Hôm ấy, chúng tôi được một bài học nhớ đời. Có anh cúi mặt không dám nhìn lên Bác nữa.

HIẾU THẢO (theo C.V.C)

Trích trong cuốn "Tấm lòng của Bác".

Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, 2005.

BÁT CHÁO CHIA BA

Một chiều mùa hè năm 1954, Bác đến thăm trường Tuyên huấn Chính trị Trung ương. Bảy giờ trường mới chuyển đến bản Lờ, gần quán Vuông, Thái Nguyên.

Sau khi nói chuyện với học viên, Bác về "nhà khách" một túp lều tre nứa, lợp lá ngồi nghỉ đêm để sáng mai đi sớm.

Bí thư Đảng ủy trường là đồng chí Võ Hồng Cương cùng đồng chí phụ trách bảo vệ trường đem chăn màn đến ngủ sát bên nhau, hẹn cùng dậy sớm lo bữa ăn sáng để Bác dùng trước khi lên đường, không biết về đâu, xa hay gần.

Bàn bạc mãi mới quyết định thịt một con gà giò "tăn gia" để nấu cháo (gà to sợ Bác phê bình, gà bé quá lại không dành lòng).

Hai quan "hỏa đầu quân" tán chuyện mãi, ngủ quên lúc nào không biết. Chẳng có giờ chính xác, nên cứ mổ gà sớm, vo gạo, đặt lên bếp. Khoảng gần một giờ sau, nồi cháo đã chín. Đồng chí Cương cời than ủ nồi cháo cho nhừ. Chờ mãi, chờ mãi, trời vẫn chưa sáng. Hai anh không dám đi nằm, sợ ngủ quên bèn dựa lưng vào nhau gật gà, gật gù.

Bỗng đồng chí cảnh vệ của Bác lay lay. Bảy giờ "anh nuôi" mới choàng dậy. Nhìn vào nồi cháo thì ôi thôi nồi cháo đã cạn, chỉ còn độ một bát. Không biết tính toán sao đây thì đồng chí cảnh vệ mách đồng chí Cương:

- Anh cứ mang bát cháo này lên, mời Bác dùng và bảo chúng tôi đã ăn dưới này với các anh rồi.

Bí thư mừng quá:

- Thật là sáng kiến...

Anh bung tô cháo, một cái bát con, một thìa nhỏ và một lọ muối tiêu lên nhà khách.

Bác hỏi:

- Còn hai chú kia đâu?

Đồng chí Cương thưa với Bác mưu mẹo đã bàn...

Bác cười bảo:

- Chú xuống lấy thêm cho Bác hai cái bát, hai cái thìa, rồi bảo hai chú lên ăn với Bác. Có nhiều ăn nhiều, còn ít ăn ít, cùng nhau ăn cho ấm bụng.

Bí thư đỏ mặt, đành nói dối tiếp:

- Thưa Bác, hai đồng chí kia đang ăn.

Bác lại cười, lắc đầu nói:

- Cháo này là các chú chắc ngủ quên, để cạn nên chỉ còn chùng này thôi. Chú gọi hộ Bác hai chú cảnh vệ đi.

Hai đồng chí cảnh vệ đành phải lên... Bác sẽ bát cháo đặc chia ba phần đều nhau rồi nhận một bát ăn rất ngon lành.

Đứng dựa cột nhà khách, chủ nhà, cấp dưỡng, đồng chí Cương nhìn Bác mà nước mắt rưng rưng...

NGUYỄN HUY ĐỨC

(Theo lời kể của đồng chí Võ Hồng Cương).

VIỆC CHI TIÊU CỦA BÁC HỒ

Các đồng chí ở gần Bác đều cho biết Bác rất tiết kiệm. Có đôi tất rách đã vá đi, vá lại mấy lần Bác cũng không dùng tất mới. Bác nói:

- Cái gì còn dùng được nên dùng. Bỏ đi không nên...

Khi tất rách chưa kịp vá, anh em đưa đôi mới để Bác dùng, Bác xoay chỗ rách vào bên trong rồi cười xí xóa:

- Đấy, có trông thấy rách nữa đâu...

Có quả chuối hơi nẫu, anh cán bộ chê không ăn, Bác lấy dao gọt phần nẫu đi, bóc ăn ngon lành, rồi nói:

- Ở chiến khu có được quả chuối này cũng đã quý...

Câu nói và việc làm của Bác làm đồng chí cán bộ hối hận mãi.

Dù cho đã làm đến Chủ tịch nước, suốt trong những năm ở Việt Bắc, ở Hà Nội, Bác chưa bao giờ có tiền" (như anh em cán bộ, chiến sĩ công tác quanh Bác thường nhận xét).

Thực tế lịch sử cho thấy rằng: suốt thời gian hoạt động của Bác ở nước ngoài, Bác gặp rất nhiều khó khăn về tài chính do những nguyên nhân khác nhau. Được đồng bào, chủ yếu do lao động tự thân mà có, Bác dành cho công tác cách mạng. Bác chi tiêu rất dè xẻn, cân nhắc từng xu. Liên hoan mừng thành lập Đảng cũng chỉ có bát cơm, món xào, tô canh, đĩa cá... Chiêu đãi đồng chí Lý Bội Quân, người Trung Quốc, người đã mua chiếc máy chữ từ Hải Phòng về tặng Người (năm 1939), Bác cũng chỉ "khao một món canh và 2 đĩa thức ăn, thêm hai lạng rượu, tổng cộng chưa hết một đồng bạc".

Tự thết đãi mình "khi nghe tin Hồng quân bắt sống 33 vạn quân Hitle ở Xtalingrat năm 943" tại nhà tù, trong túi chỉ còn vụn vụn một đồng bạc, Bác đã "nhờ người lính gác mua giùm cho ít kẹo và dầu chả quẩy". Sau khi phấn khởi hô mấy khẩu hiệu hoan nghênh thắng lợi của Liên Xô, Bác "ngồi một mình chén tạc, chén thù rất đàng hoàng vui vẻ"...

Năm 1957, Bác về thăm Nghệ Tĩnh, khi ăn cơm chung với đồng chí Nguyễn Sĩ Quế, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Văn Diệm, Bác đã để bát ra ngoài mâm mấy món ăn, rồi nói: "Ăn hết lấy thêm, không ăn hết để người khác ăn, đừng để người ta ăn thừa của mình".

Có thể dẫn ra nhiều nữa những ví dụ về cách chi tiêu, sử dụng tiền bạc, cơ sở vật chất của Bác, rất "mâu thuẫn thống nhất": chất chiu, tần tiệm nhưng vẫn rộng rãi, không hoang phí mà cũng không keo kiệt, "ki bo".

Thế giới, loài người tự hào về Bác. Là người Việt Nam, đồng hương của Bác, chúng ta càng tự hào biết bao! Cách ứng xử của Bác với tiền tài, với cái ăn, cái mặc, với cơ sở vật chất nói chung đâu có phải là cao quá mà chúng ta không học tập được, đâu có phải là một tòa thánh cấm uy nghiêm mà chúng ta không đặt chân lên được bậc thềm dù là bậc thềm thứ nhất?

Theo NGUYỄN VIỆT HỒNG

SINH HOẠT NGÀY THƯỜNG CỦA BÁC HỒ

Tôi trực tiếp bảo vệ Bác Hồ từ năm 1954 đến năm 1959, tiếp đó tôi gián tiếp bảo vệ sau khi tôi được đề bạt làm cán bộ lãnh đạo cảnh vệ Bộ Công an. Tôi xin cố nhớ hết về sinh hoạt của Bác để kể lại cho các đồng chí trong lực lượng công an biết và học tập.

1. Về phân bố thời gian hằng ngày của Bác: Bác thức dậy lúc 5 giờ sáng, đánh răng, rửa mặt, làm vệ sinh, tập thể dục, 6 giờ dùng bữa lót dạ, 15 phút sau bắt đầu làm việc. Bác thường tự giải quyết mọi việc, văn thư ngắn thì viết tay, dài thì đánh máy chữ, nghĩ đến đâu đánh đến đó, nghĩ chưa ra thì lên vông nằm nghĩ rồi viết tiếp. Trước khi Bác làm việc, đồng chí thư ký trình bày chương trình công tác hằng ngày và đọc tài liệu để Bác nghe. Việc lớn thì Bác tự giải quyết sau khi xem văn thư, 9 giờ Bác nghỉ làm việc, xem báo chí trong và ngoài nước. Bác đọc cả báo chuyên ngành, gạch bút đỏ những đoạn đáng chú ý để giải quyết, 10 giờ rưỡi Bác dùng cơm trưa, ăn xong Bác lại đọc báo, 11 giờ Bác nghe đài phát thanh 1 tiếng, đến 12 giờ trưa thì nghỉ nửa tiếng, rồi tiếp tục làm việc, đến 17 giờ Bác đi tặng gia sản xuất. Trong kháng chiến, chỗ làm việc của Bác có 15 người. Cứ hết giờ là kéo hết đi tặng gia theo lời Bác gọi: "Các chú ơi, đi tặng gia!", sau đó đánh bóng và đi bơi. Về Hà Nội, Bác vẫn tặng gia và nuôi cá: cá trắm, cá mè, cá rô phi, trong ao cá của Bác có con cá trắm nặng đến 25kg. Bác gõ mõ gọi cá cho cá ăn cám là chúng bơi đến xúm xít để đớp mồi. Vào những năm cuối đời, Bác bị thấp khớp nên Bác tập quyền và đi bộ. 18 giờ Bác dùng cơm tối, sau nửa tiếng là giờ các cán bộ đến đọc các bản tin cho Bác nghe.

21 giờ, Bác nghe đài rồi đi ngủ. Thời khóa biểu này rất đều, không hề thay đổi, trở thành thói quen, bất kể mùa nóng, mùa rét, khỏe hoặc ốm. Chúng tôi ở gần Bác nên cũng theo thói quen sinh hoạt của Bác.

2. Về rèn luyện thân thể: Bác thích nhất là đánh bóng chuyền và đi bơi. Khi chơi bóng chuyền chúng tôi cũng cay cú ăn thua cho nên chúng tôi hay "chôm" chỗ Bác đứng mà gỡ. Lúc thua, Bác nói đùa: "Tôi không thua, tôi đánh ngoại giao".

Bác bơi theo lối bơi nghiêng, chân đập tùm tùm nên chúng tôi đặt tên cho kiểu bơi đó là "bơi dương lão" hoặc "kiểu máy bay Đacôta". Bác mê bơi lắm. Bác biết quyền Trung Quốc. Tôi chỉ thêm cho Bác bài "Bát bộ liên hoa quyền", sáng nào Bác cũng tập. Những ngày mới giành được chính quyền, Bác động viên cả Hội đồng Chính phủ ra tập, người già như cụ Phan Kế toại cũng ra tập. Sau này khi sang Trung Quốc nghỉ, Bác tập thêm Thái cực quyền. Khi Bác bị thấp khớp nặng, không tập quyền được nữa nên phải chuyển sang tập đi bộ, tập rất đúng thời gian tự quy định, không hề thay đổi, Bác đi rất nhanh, rất tích cực, rất đều, khi ốm tập ít và nhẹ.

3. Tác phong giản dị:

Về ăn: Năm 1945 về Bắc Bộ phủ. Bác ăn tập thể với Chính phủ. Khi có Chính phủ liên hiệp, Bác phải ăn ở nhà riêng. Anh Nguyễn Lương Bằng và Lê Đức Thọ chọn cho Bác một đồng chí nấu bếp Tây để nấu các món Tây, Bác không chịu, đến khi đi lên chiến khu, Bác cho đồng chí đó đi chỗ khác và giao cho cảnh vệ nấu lấy và ăn chung. Để giữ sức khỏe cho Bác, anh em tìm mua sữa hộp, Bác tiết kiệm 7 ngày ăn một hộp. Biết Bác thích ăn gà luộc, anh em chặt miếng to riêng cho Bác, Bác không chịu, yêu cầu cứ chặt đều để chia đều. Sau này vì phải thay đổi chỗ ở luôn luôn nên phải dùng "muối Việt Minh" thường xuyên (gồm 1kg thịt, 1kg muối và ớt trộn đều). Bác thích ăn cà, dưa, không bỏ hai món này bao giờ.

Về mặc: Từ khi tôi đến bảo vệ Bác, Bác chỉ có 2 bộ kaki, 2 bộ ba ba, khi đi nước ngoài thì thêm một bộ dạ, ít khi Bác dùng sơ mi. Trong kháng chiến, Bác dùng nón và dùng được rất lâu. Về Hà Nội, Bác dùng mũ cát. Khi muốn thay đồ dùng cho Bác phải có ý kiến của Bác, không ai được phép tự ý.

Về ở: Vì bí mật, nên Bác phải ở nhà riêng. Bác dặn phải làm nhà đơn giản và tự làm, để giữ được bí mật và dễ di chuyển. Bác dặn chúng tôi chọn địa điểm có thiên thời, địa lợi và nhân hòa, dân tốt, tiến thoái thuận tiện, thoáng khí, "thoáng và kín", có núi làm hầm, có nước sinh hoạt. Nhà làm nhỏ bốn bề với tay được, tiết kiệm nguyên liệu. Sau này rút kinh nghiệm, chúng tôi làm nhà nhỏ hẹp có hàng hiên cho Bác đi lại. Đồng chí Léo Figùere của Đảng Cộng sản Pháp lúc đến thăm nhà Bác trên chiến khu Việt Bắc rất ngạc nhiên. Nhà của Bác không có gì quý cả. Trong kháng chiến, Bác chỉ có chiếc máy chữ rách tay. Về Hà Nội, nhà sàn có hai gian: một gian để làm việc có một bàn để tài liệu, còn làm việc đều làm ở sàn nhà. Có một đèn, một radiô.

Đi lại: Trong kháng chiến, Bác có một con ngựa, nhưng phần lớn Bác đi bộ. Về Hà Nội có xe Zil nhưng không bao giờ Bác chịu đi, kiên quyết chỉ đi xe Pôbêđa thôi, xe gì đưa cho Bác cũng từ chối, bắt đem trả.

Tinh thần cảnh giác: Trong kháng chiến, bao giờ Bác cũng chọn sẵn địa điểm có lối tiến, lối thoát. Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, Bác đã ba chục lần di chuyển nhờ đó mới chống được những lần địch nhảy dù xuống tập kích. Địa điểm Bác ở được giữ bí mật rất nghiêm. Giấy tờ Bác tự đốt. Khi đi công tác bao giờ cũng hóa trang, đi ít người, chống lối cảnh giác lơ đãng làm mất lòng dân như Nguyễn Hải Thần.

Gần gũi quần chúng: Khi gặp dân, trước hết Bác hỏi về đời sống, học tập, sản xuất, gia đình, con cái và cho quà. Xuống địa phương bao giờ Bác cũng gặp anh chị em phục vụ, bảo vệ, vì thế ai cũng mến. Ra nước ngoài, nhờ tác phong đó nên Bác được nhân viên bảo vệ, phục vụ nước ngoài rất quý mến khiến cho công tác bảo vệ lãnh tụ của ta rất thuận lợi. Bác thường cho các nhân viên phục vụ ảnh, chữ ký.

Tinh thần khắc phục khó khăn: Có những lần Bác ốm, sốt rất cao nhưng không bao giờ rên. Đi xa không bao giờ kêu mệt hay tỏ vẻ mệt, ngược lại Bác còn tìm cách động viên người khác như đọc Kiều, Chinh phụ ngâm... vì thế mà quên cả mệt. Năm nay Bác ốm mà vẫn không để ai trông thấy, kể cả những người quen, Bác nói: "Ai ốm mà chẳng mệt đau, nhưng kêu ích gì? Lại ảnh hưởng đến người khác". Chưa bao giờ Bác kêu "Ôi trời ơi" hoặc "Chết rồi", ai nói như thế Bác phê bình.

TRẦN VĂN

(Ghi theo lời kể của đồng chí

*Hoàng Hữu Kháng, người cận vệ của Bác,
nguyên cục trưởng Cục Cảnh vệ Bộ Công an).*

DÂN CHỦ MÀ THÀNH "QUAN CHỦ"

Ngay từ khi chưa giành được chính quyền, Bác Hồ đã dự báo trước căn bệnh "quan liêu" sẽ xuất hiện, sẽ làm xói mòn "cơ thể" một số cán bộ, một số cơ chế tổ chức dẫn đến tai hại cho cả một xã hội.

Hôm đầu tiên về Hà Nội, tháng 8 năm 1945, Bác đã nhắc khéo một vài "quí vị" rằng: "đã ra về người thành phố, ra về cán bộ rồi đấy". Trong kháng chiến chống Pháp, trong sách "Sửa đổi lối làm việc" cũng có nói vấn đề này. Mỗi khi có hội nghị, gặp gỡ cán bộ cao cấp ở Trung ương, cấp cuối cùng ở thôn xã, bao giờ Bác cũng nhắc: "Cán bộ là dây tở của nhân dân". Bác nghiêm khắc phê bình lối làm việc "quan liêu, mệnh lệnh, xa rời dân chúng", lên mặt quan cách mạng, "khắc hai chữ cộng sản lên trán" ra về ta đây...

Hòa bình lập lại trên miền Bắc được vài năm, ở Hà Nội xuất hiện chế độ tem phiếu. Những bà nội trợ trong thời gian ấy cứ bù đầu lên vì những phiếu, những A, B, C, 1, 2, 3... Có những ông chồng giáo sư, bác sĩ... cứ nghe "đức phu nhân" trình bày "giá trị, tác dụng" của các ô giấy nhỏ ấy, lắc đầu lảng tránh: "Tôi xin chịu... không hiểu nổi, nhớ nổi".

Có phiếu bì đỏ mua ở cửa hàng cung cấp cho cán bộ "cao", bì xanh cho cán bộ "vừa", bì trắng cho nhân dân... Lại có bì mua ở cửa hàng đặc biệt. Lại còn bì dành cho cán bộ được mua ở các cửa hàng quốc tế mặc dù có cán bộ "cả đời" cũng không bước chân vào xem trong đó có gì - có thể vì không thích, vì không đủ tiền, trong khi đó có một loại "con buôn" lại vào, ra "thì thọt" kiếm chác được!

Tháng 5 năm 1969, trong một lần làm việc với một nhà khoa học, những vấn đề tem phiếu cho các cấp "quan cán bộ" ấy đã được Bác lắng nghe. Bác yêu cầu cho dẫn chứng cụ thể các thể thức bán hàng, phục vụ quá phiền phức tại Hà Nội.

Bác không vui, quay lại hỏi thủ tướng Chính phủ và bộ trưởng Bộ Nội thương. Bác lại hỏi bí thư Thành ủy Hà Nội. Biết chắc chắn tình hình đã có, đã có khá lâu, Bác lắc đầu:

- Dân chủ mà thành ra quan chủ. Hà Nội mà còn nhiều quan như vậy!

Tất cả từ Thủ tướng đến nhà khoa học, ngồi im nghẹn ngào xúc động không trả lời được Bác.

HOÀNG CƯƠNG

(theo lời kể của Giáo sư Hoàng Tuy).

Bản sao lưu trữ

"KHÔNG CỨ PHẢI ĐẢNG VIÊN"

Cách mạng tháng Tám năm 1945, trong thành phần Chính phủ lâm thời do Cụ Hồ làm Chủ tịch có nhiều trí thức trẻ đã được mời tham gia. Ông Nguyễn Văn Huyền - tiến sĩ Văn khoa, cử nhân Luật học được giao giữ chức tổng Giám đốc Đại học vụ (và sau là bộ trưởng Bộ Giáo dục) khi ấy mới 37 tuổi.

Ngay thời gian đầu tiên được Chính phủ giao trọng trách công tác văn hóa giáo dục "diệt giặc đói" (là một trong ba thứ giặc lúc bấy giờ), ông Huyền không khỏi lo ngại, bởi vì dân ta 90% số người không biết chữ, và lại điều kiện trường, lớp, thầy cô thiếu thốn vô cùng. Nhưng vốn là người xốc vác, hơn nữa ông lại còn trẻ, hăng hái, cho nên mọi khó khăn đều được giải quyết ổn thỏa. Phong trào "Bình dân học vụ" mà ông phụ trách đã đạt được những kết quả mà cho đến nay mỗi khi nhắc đến ai cũng phải thán phục. Cụ Hồ rất hài lòng về vị bộ trưởng bởi vì ngoài những thành tích, ông Huyền còn là người do cụ Hồ giới thiệu vào trong thành phần Chính phủ.

Thế mà có một lần, ông Huyền xin từ chức bộ không bằng lòng khi nghe tin ấy. Cụ đã gặp và động viên ông Huyền. Cụ nói: "Không cốt là đảng viên cộng sản hay không đảng, mà cốt là làm việc có cốt hay kém, có hiệu quả hay không hiệu quả, điều đó mới quan trọng". Nghe lời Cụ, ông Huyền lại tiếp tục làm việc, chức bộ trưởng Bộ Giáo dục, ông giữ mãi cho đến những năm cuối đời.

Năm 1960, Chi bộ văn phòng Bộ Giáo dục nhất trí đề nghị kết nạp ông Nguyễn Văn Huyền vào Đảng. Đề nghị đã được Đảng ủy cơ quan Bộ Giáo dục và Đảng ủy chính Văn phòng Trung ương đồng ý. Nhưng khi thông qua Ban Bí thư thì Cụ Hồ góp ý kiến rằng: "Để chú Huyền ở ngoài Đảng có lợi hơn là ở trong Đảng". Biết vậy, ông Huyền rất xúc động, bởi vì ông nghĩ cụ Hồ rất hiểu ông và những người trí thức như ông, dù không đứng trong Đảng nhưng các ông đã suốt đời làm việc vì lợi dân ích nước.

TRẦN MINH TRƯỜNG

(theo lời kể của bà Nữ Hạnh, con gái cố bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền).

BÁC MUỐN BIẾT SỰ THẬT KIA

Hòa bình lập lại, mặc dù rất bận, Bác vẫn dành thời gian đi thăm bà con nông dân.

Lần ấy, vào vụ thu hoạch mùa. Anh em cảnh vệ chúng tôi được lệnh đến trước và bố trí một số chiến sĩ cùng gặp với bà con để tiện cho việc bảo vệ Bác.

Trên cánh đồng lúa vàng trải rộng, có khoảng năm sáu tổ đang khẩn trương gặt hái, mấy tổ gặt ở kề ngay đường, còn một nhóm gặt mãi xa trong cánh đồng lầy lội. Chúng tôi nghĩ, chắc là Bác sẽ đến thăm mấy tổ gần đường, vì vậy một số anh em bảo vệ trà trộn cùng dân gặt trong những nhóm đó.

Chuẩn bị xong, chúng tôi yên chí chờ đợi... Một lúc sau xe Bác đến và dừng lại gần chỗ chúng tôi bố trí. Bác xuống xe nhưng không lại chỗ bà con đang gặt gần đường. Người xắn quần, tháo dép đi thẳng ra nhóm đang gặt ở đằng xa. Thấy vậy một đồng chí trong chúng tôi lúng túng gợi ý:

- Thưa Bác, chỗ đằng kia nông dân gặt đông quá ạ!

Bác quay lại nói ngay:

- Đông gì? Các chú bố trí đấy! - Rồi Bác tiếp tục đi. Chúng tôi anh nọ nhìn anh kia ngượng quá.

Đến chỗ bà con nông dân đang gặt ở giữa cánh đồng, Bác ân cần hỏi han từ nguyện trong nhà đến việc ngoài đồng... Do hóa trang rất khéo, vả lại buổi đi thực tế của Bác rất bất ngờ, nên bà con nông dân cứ ngỡ là một cán bộ già đi qua đường xuống thăm nói chuyện với Bác rất tự nhiên, vui vẻ.

Lúc về tới nhà, Bác bảo chúng tôi: "Các chú nên rút kinh nghiệm, nếu làm việc gì cần phải bí mật, thì phải làm sao để không ai phát hiện được (hóa ra Bác đã nhìn thấy trong đám gặt gần đường có cả những anh "nông dân" mặc quần kaki đi gặt). Bác nói tiếp:

- Lần này đi thăm bà con nông dân. Bác muốn nói chuyện thật tự nhiên để biết rõ tình hình thực tế. Bác thì Bác muốn biết sự thật kia! Đối với nông dân, điều đầu tiên là phải chân thực!

TRẦN MINH TRƯỜNG

*(Theo lời kể của các đồng chí Hồng Long,
Văn Nam, Văn Phan - Cục Cảnh vệ).*

Bản sao lưu trữ

BÁC CÓ PHẢI LÀ VUA ĐÂU

Có một số người ở ngôi cao, chức cả, sống trong sự trọng vọng, chiều chuộng của mọi người, thường xuyên đường hưởng sự ưu đãi đặc biệt, lâu dần cũng quen đi mà không hề biết rằng mình đã nhiễm phải thói đặc quyền, đặc lợi.

Suốt đời tâm niệm là người công bộc của nhân dân, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ, Bác Hồ của chúng ta luôn luôn hòa mình vào cuộc sống chung của đồng bào, đồng chí, không nhận bất cứ một sự ưu tiên nào người khác dành cho mình.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, nhiều nhân sĩ, trí thức cao tuổi theo Bác lên Việt Bắc, đi kháng chiến, đèo cao, suối sâu, đường bùn lầy, nhiều vị phải nằm cáng. Anh em phục vụ lo Bác mệt cũng đề nghị Bác lên cáng. Bác gạt đi: Bác còn khỏe, còn đi được, các chú có nhiệm vụ đưa Bác đi như thế này là tốt rồi.

Năm 1950, Bác Hồ đi chiến dịch biên giới. Chuyến đi dài ngày, gian khổ. Anh em cảnh vệ kiếm được một con ngựa. Mời Bác lên. Bác cười: chúng ta có bảy người, ngựa chỉ có một con, Bác cười sao tiện?

Anh em vừa khẩn khoản: Chúng cháu còn trẻ, Bác đã cao tuổi, đường xa, việc nhiều... Không nỡ từ chối, Bác đã trả lời:

- Thôi được, các chú cứ mang ngựa theo để nó đỡ hộ ba-lô, gạo nước và thức ăn. Trên đường đi, ai mệt thì cưỡi, Bác mệt, Bác cũng sẽ cưỡi.

Cuối năm 1961, Bác về thăm xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, một xã có phong trào trồng cây tốt. Tại một ngọn đồi thấp, Bác đứng nói chuyện với nhân dân trong xã. Trời đã gần trưa, tuy đã sang đông mà nắng còn gay gắt. Nhìn Bác đứng giữa nắng trưa, ai cũng băn khoăn. Đồng chí Chủ tịch huyện cho tìm mượn được chiếc ô, định gượng lên che nắng cho Bác, thì Bác quay lại hỏi:

- Thế chú có đủ ô che cho tất cả đồng bào không? Thôi cất đi, Bác có phải là vua đâu?

Một lần, trong bữa ăn, đồng chí phục vụ dọn lên cho Bác một đĩa cá anh vũ, một loại cá sông quý hiếm thường chỉ có ở khúc Bạch Hạc - Việt Trì. Nhìn đã biết ngay là của hiếm, Bác khen và bảo:

- Cá ngon quá, thế mà chú Tô (tức đồng chí Phạm Văn Đồng), lại đi vắng. Thôi, các chú để đến chiều đồng chí Tô về cùng thưởng thức.

Miếng ngon không bao giờ Bác chịu ăn một mình. Chia sẻ ngọt bùi là thế, tưởng chuyện cũng sẽ qua đi. Nhưng đến bữa sau, trong mâm cơm lại có món cá hôm trước. Nhìn đĩa cá, Bác hiểu ngay và tỏ ý không bằng lòng:

- Bác có phải là vua đâu mà phải cung với tiến!

Rồi Người kiên quyết bắt mang đi không ăn nữa. Như Bác đã từng nói, ở đời ai chẳng thích ăn ngon mặc đẹp, nhưng nếu miếng ngon đó lại đánh đổi bằng sự mệt nhọc, phiền hà của người khác thì Bác đâu có chấp nhận.

Những anh em công tác trong Phủ Chủ tịch hàng ngày vẫn thường đi lại bằng xe đạp, thỉnh thoảng có gặp Bác đi bộ. Nhìn thấy Bác, mọi người đều xuống dắt xe chờ Bác đi qua rồi mới lên xe đi tiếp. Thấy vậy, Bác thường khoát tay ra hiệu bảo anh em cứ đi tiếp, không cần xuống xe. Nhưng ai có thể cho phép mình ngồi trên xe khi Bác đi bộ. Một lần, Bác gọi đồng chí vừa xuống dắt xe lại gần và bảo:

- Các chú có công việc của mình nên cứ tiếp tục đạp xe mà đi. Bác đâu có phải là cái đèn có biển "hạ mã" ở trước để ai đi qua cũng phải xuống xe, xuống ngựa?

Lão Tử có nói: Trời đất sở dĩ có thể dài và lâu vì không sống cho mình nên mới được trường sinh. Thánh nhân đặt thân mình ở sau mà lại lên trước, đặt thân mình ở ngoài mà lại còn. Bác Hồ sống quên mình, không nghĩ đến mình mà lại trở thành sống mãi.

Lời Lão Tử thật sâu sắc lắm thay!

*Theo Trần Hiếu trong
"Bác Hồ, con người và phong cách".*

PHẢI TIN DÂN VÀ BIẾT DỰA VÀO DÂN

Ngày mồng 8 tháng 7 năm 1958 Bác đi dự Hội nghị về sản xuất mùa vụ ở tỉnh Sơn Tây.

Theo kế hoạch đã thống nhất với địa phương, đúng 7 giờ 30 phút, Bác sẽ đến hội trường nói chuyện với 600 cán bộ từ tỉnh đến xã.

Chiều ngày mồng 7 tháng 7, Bác gọi tôi đến và nói: "Bác đã nghe báo cáo kế hoạch sản xuất vụ mùa của tỉnh Sơn Tây. Bác muốn biết thực tế trước khi nói chuyện với hội nghị. Chú có nắm được tình hình đường xá, đê điều, đồng ruộng của Sơn Tây không?"

Tôi thưa:

- Thưa Bác! Cháu là người Sơn Tây đã vận động nhân dân kháng Nhật tham gia khởi nghĩa ở tỉnh và là bí thư Tỉnh ủy Sơn Tây từ năm 1974. Chúng cháu nắm được tương đối tình hình nhưng bây giờ chắc có nhiều thay đổi.

Bác hỏi ngay:

- Thế chú định đưa Bác đi thăm đê điều, đồng ruộng theo đường nào?

Tôi lấy bút vạch đường đi trên tờ giấy và báo cáo:

- Thưa Bác! Đường từ Hà Nội lên thị xã Sơn Tây là bốn một cây. Dọc đường Bác sẽ nhìn thấy một đoạn đê từ Phùng lên phố Cao Chè. Từ đây hai bên đường thuộc cánh đồng của tỉnh Sơn Tây. Đến thị xã Sơn Tây xe đi nhanh cũng mất 1 giờ. Từ thị xã Sơn Tây lên Trung Hà là 17 kilômét, đường xấu đi mất 30 phút. Từ Trung Hà rẽ vào đường đê ngăn nước sông Đà, sông Hồng về thị xã cũng mất 1 giờ. Từ thị xã Sơn Tây đi Trung Hà và từ Trung Hà rẽ vào đường đê về thị xã cháu chưa bố trí kế hoạch bảo vệ. Bác về dự hội nghị của tỉnh sẽ chậm trễ vì kế hoạch đã bố trí đúng 7 giờ 30 phút, Bác đã nói chuyện với hội nghị.

Bác nghe tôi trình bày rồi quyết định ngay:

- Bác cháu ta đi sớm cho mát. Đúng 5 giờ 45 phút khởi hành. Đường

vắng xe đi nhanh. Kế hoạch của chú bố trí như cũ. Chỉ có chú, chú Ninh và chú lái xe biết hành trình của Bác. Phải giữ bí mật, tuyệt đối không báo cáo cho các đơn vị và địa phương biết.

Xe Bác khởi hành đúng giờ, đường vắng, xe bon nhanh, 6 giờ 15 phút Bác thấy đồng dân ở cánh đồng phía Đông vùng Cổ Đông, xã Tân Lập, huyện Quảng Oai (nay thuộc huyện Ba Vì), Bác bảo dừng xe và xuống ngay cánh đồng có bà con nông dân đang bắt sâu, cứu mạ. Nhìn thấy Bác, nhiều người sung sướng reo lên: "Bác Hồ! Bác Hồ, bà con ơi!" Từ trẻ nhỏ đến cụ già ùa chạy về phía Bác. Bác đi qua một ruộng mạ bị sâu cắn trụi, Bác ngồi xuống xem xét và hỏi mấy cụ già:

- Mạ bị sâu cắn hết thế này liệu có mọc được không? Một cụ già thưa với Bác:

- Thưa Bác! Nếu mạ được tát nước vào và bón phân có thể mọc được ạ!

Lúc này mọi người kéo đến vây quanh Bác rất đông. Bác hỏi mọi người: "ở đây có chỗ nào tập trung để Bác nói chuyện với đồng bào không?" Một số cụ già dẫn Bác đến một cái gò. Khi mọi người đã tề tựu đông đủ và trật tự, Bác thân mật hỏi:

- Các cụ, các cháu thiếu nhi và đồng bào chịu khó đi bắt sâu nhưng có quyết tâm bắt hết sâu không?

Mọi người đồng thanh đáp:

- Có ạ!

- Đồng bào có muốn được mùa không?

- Có ạ!

- Thế thì đồng bào phải cứu mạ, chú ý cày sâu, bừa kỹ và tích cực chống hạn, bón phân làm cỏ, trừ sâu.

Bác kết thúc cuộc nói chuyện, ra xe ô tô giữa tiếng hô vang: "Hồ Chủ tịch muôn năm!".

Trên đường đi từ xã Tân Lập về thị xã Sơn Tây, Bác cho xe dừng lại xem xét hai kè đê Cổ Đô và Vũ Chu. Bác thăm và nói chuyện với cán bộ, bộ đội và đồng bào tham gia thực tập chống lụt ở hai quãng đê xã Viên Sơn.

Trên đê Cam Thượng, khi xe dừng, gần 500 cán bộ và đồng bào tham gia thực tập chống lũ lụt, hò reo chạy đến vây quanh Bác. Đến đê xã Viên

Sơn, đầu thị xã Sơn Tây, hơn 2000 cán bộ, bộ đội và đồng bào nội, ngoại thị xã ai cũng muốn len vào trong cùng để được gần Bác, nhìn thấy Bác rõ hơn. Bác thấy nhiều cụ phụ lão đã không quản ngại tuổi già, đường trơn, hăng hái tham gia thực tập chống lũ lụt. Bác ân cần mời các cụ lên ngồi ở hàng đầu gần Bác. Chính Bác mới điều khiển được trật tự ở cuộc họp mặt đông đảo và đột xuất này.

Ở cả hai địa điểm trên Bác đều căn dặn cán bộ, bộ đội và đồng bào phải chống lũ lụt cho tốt, quyết tâm sản xuất vượt kế hoạch vụ mùa. Bác khen ngợi tinh thần tích cực chống lụt của các cụ phụ lão không quản tuổi già, sức yếu hăng hái tham gia cùng cháu con và nhắc nhở anh chị em thanh niên lấy đó làm gương, Bác phê bình một số thanh niên chưa tích cực, vác cuốc đi trên đường còn đứng đĩnh là chưa đúng với tinh thần khẩn trương chống lụt.

Xe của Bác về đến thị xã và vào thẳng khu vực hội trường của tỉnh, nơi cán bộ các cấp đang nóng lòng chờ đón Bác đến thăm và nói chuyện với hội nghị. Xe dừng lại, một số cán bộ nhìn thấy Bác bèn hô to: "Bác về! Bác về!". Thế là cả hội trường chuyển động cùng tiếng hô vang dậy: "Hồ Chủ tịch muôn năm!" Bác vui vẻ giơ tay vẫy chào và hướng các đại biểu vào vị trí. Bác bước lên bục, cả hội trường im phăng phắc, lắng nghe Bác nói. Bác nói đại ý: "Trước hết Bác xin lỗi các cô, các chú vì Bác đến trễ giờ quy định. Bác đến hội nghị chậm là do Bác cần đi quan sát thực tế ở một số nơi. Bác đã xem đồng bào làng Cổ Đô xã Tân Lập bắt sâu cứu mạ, Bác đã xem xét hai kè đê Cổ Đô và Vũ Chu, Bác đã thăm cán bộ đồng bào thực tập chống lũ lụt trên đê Cam Thượng và đê xã Viên Sơn. Ở đâu Bác cũng thấy cán bộ, bộ đội và nhân dân rất hăng hái lao động, chăm lo cho vụ mùa thắng lợi".

Nghe Bác nói, cả hội trường lặng đi, ai cũng xúc động và ngạc nhiên về hành trình của Bác. Bác nói tiếp: "Nhân dân hăng hái như vậy thì cán bộ phải tin ở sức dân. Phải đánh tan tư tưởng bi quan thiếu tin tưởng. Phải chú trọng lãnh đạo thật sát từ lúc làm đất, gieo mạ, bắt sâu, chống hạn, phòng chống lụt đến lúc thóc vào bồ".

Bác căn dặn cán bộ phải biến quyết tâm của Đảng và Chính phủ thành quyết tâm của quần chúng nhân dân thì nhất định có được vụ mùa thắng lợi. Phải có chí tiến thủ, nghĩa là phải tiến bộ mãi, phải đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau.

Sau đó Bác thưởng huy hiệu mang hình, ảnh của Người cho ba xã: Cổ Đô, Tiền Phong và Ba Trại là những xã có phong trào đổi công, sản xuất

khá nhất tình. Bác nói tiếp: "Các cô, các chú có muốn được thưởng không? Hãy cố gắng làm tốt như nhân dân ba xã trên". Bác cười, chỉ tay về phía các xã vừa được thưởng.

Kết thúc câu chuyện, Bác hỏi các đại biểu:

- Bác có thể báo cáo với Trung ương Đảng và Chính phủ là đồng bào và cán bộ Sơn Tây cố gắng quyết tâm thực hiện vụ mùa thắng lợi, như thế có được không?

- Được ạ! Trăm người như một đáp lại câu hỏi của Bác.

Bác cười: "Bác báo cáo nhưng các cô các chú phải phụ trách đấy".

Cả hội trường phấn khởi ghi nhớ giờ phút lịch sử Bác về dự hội nghị và xin hứa với Bác quyết tâm làm vụ mùa thắng lợi.

Trên đường về Hà Nội, ngồi trên xe Bác nói với tôi: "Hôm nay chú và chú Ninh đưa Bác đi công tác ngoài giờ giấc, kế hoạch, các chú không vui phải không? Các chú xem: Có đi sớm mới đi được nhiều nơi, tránh được nhiều phiền hà, mắt thấy, tai nghe được nhiều việc, có được thực tế nói chuyện với hội nghị. Ngừng giấy lát, giọng Bác trầm xuống: "Các chú đã thấy đồng bào nông dân mình vất vả lắm mới có được bát cơm ăn, manh áo mặc. Đến nơi nào đồng bào cũng tiếp đón Bác thân tình và bảo vệ Bác. Các chú nên nhớ rằng: "Giữ bí mật và bất ngờ" là kế hoạch bảo vệ an toàn nhất. Có sử dụng các biện pháp nghiệp vụ cũng phải giữ được bí mật lực lượng. Phải tin ở dân, phải biết dựa vào dân mà làm công tác bảo vệ". Bác nhấn mạnh: "Lòng yêu nước và sự đoàn kết của nhân dân ta là lực lượng vô cùng to lớn, không ai thắng nổi sự đồng tâm hợp lực của đồng bào ta đúc thành bức tường đồng xung quanh Tổ quốc. Dù kẻ địch hung ác, xảo quyệt đến mức nào khi đụng đến bức tường đó cũng phải thất bại. Dân ta rất tốt, gặp trường hợp khó khăn, nguy hiểm nếu các chú khôn khéo thì được dân giúp ngay. Khôn khéo đây không phải là cái lối khôn khéo bề ngoài, mà khôn khéo có nghĩa là phải thật sự trung thành, kính trọng và thương yêu nhân dân. Công tác cảnh vệ của các chú phải dựa vào dân - sử dụng ít lực lượng để tránh lãng phí sức người. Khéo hóa trang và phải giữ bí mật".

Lời dạy của Bác đối với chúng tôi thấm thía vô cùng.

Trong khoảng thời gian đó, tôi và anh em cảnh vệ đi bảo vệ tiếp cận Bác nhiều lần như: đi thăm trường Đại học nhân dân - trường học của các công chức cũ, Trường Nguyễn Ái Quốc cũ ở huyện Từ Liêm, thăm công

trường thủy lợi Bắc - Hưng - Hải, thăm nhân dân tỉnh Thái Bình, thăm mỏ thiếc Cao Bằng, mỏ Apatít Lào Cai, thăm nhà máy dệt Nam Định và đơn vị quân đội ở thành phố Nam Định, đi dự kỷ niệm ngày thành lập khu Tây Bắc... Lần nào Bác cũng có hành trình đột xuất. Anh em cảnh vệ rất lo lắng, lo sao bảo vệ Bác được an toàn. Chúng tôi luôn tâm niệm rằng, dầu có việc gì xảy ra, quyết xả thân để bảo vệ Bác, bảo vệ người Cha kính yêu của mình được toàn vẹn.

Không ai có thể phủ nhận lòng trung thành của người chiến sĩ cảnh vệ với Đảng, Bác Hồ, với nhân dân và Tổ quốc, nhưng quả thật, công tác cảnh vệ của chúng tôi lúc đó vụng về, ấu trĩ, biện pháp nghiệp vụ của chúng tôi còn nhiều hạn chế. Bác luôn quan tâm chăm lo dìu dắt chúng tôi trưởng thành. Lời dạy của Bác đã giúp chúng tôi hiểu sâu sắc về công tác của mình và quyết tâm phấn đấu để ngày một trưởng thành.

PHẠM GIA VỆ

*(Ghi theo lời kể của đồng chí Nguyễn Thế Tùng
Nguyên Cục phó Cục Cảnh vệ).*

ĐI LÀM RUỘNG VỚI NÔNG DÂN

Bác sinh ra và lớn lên trong gia đình nhà Nho, nhưng là nhà Nho có nguồn gốc nông dân. Thời gian dài từ tám bé đến tuổi học trò Bác sống ở quê giữa những người nghèo khổ, một nắng hai sương ngoài đồng nên Người thấm thía nỗi khổ, nỗi vất vả của người nông dân. Những việc của nghề nông đối với Bác cũng không có gì xa lạ. Thời kỳ hoạt động cách mạng ở nước ngoài, khi Người được bầu vào Ban chấp hành Quốc tế nông dân, có người thắc mắc hoài nghi vì Bác khai trong lý lịch là xuất thân nhà Nho, trí thức, nghề nghiệp chính lại là thủy thủ, họ e rằng Bác sẽ không công nghiệp điều kiện để am hiểu các vấn đề về nông dân. Sau khi bế mạc Đại hội nông dân, các đại biểu đi thăm một nông trang, thấy nông dân đang lao động, Bác cũng xắn quần xuống giúp một nông dân đang làm ruộng, việc nhà nông đối với Bác không gì khó khăn, trong khi các đại biểu nhiều người đang lúng túng, thì Bác làm nhanh nhẹn như một nông dân thực thụ, trước con mắt thán phục của mọi người. Có ai biết một thời Bác ra đồng cùng người dân quê làng Sen làm ruộng, hay những lúc đi trồng nho cùng những người nông dân nghèo khổ ở Bruklin nước Mỹ. Trên mặt trận báo chí công luận, Bác là người viết nhiều về nông dân, vạch mặt tố cáo sự bóc lột sức lao động người nông dân của địa chủ cường hào phong kiến đẩy nông dân vào con đường bần cùng bằng sưu cao thuế nặng. Bác đã tìm ra và chính Người đã thực hiện cương lĩnh giải phóng người nông dân bằng cuộc cách mạng Tháng Tám lịch sử. Người đã để lại một di sản có một không hai trong lịch sử loài người: chân dung một lãnh tụ bên người nông dân. Người Nga, một dân tộc đi đầu tiên phong biến người nông dân lao động "thành người tự do", nhưng nay họ chưa đi đến nơi đã tạm dừng. Còn người nông dân Việt Nam chúng ta luôn có Bác Hồ cùng đi bởi không chỉ tư tưởng Bác soi đường mà hình ảnh Bác dung dị bên người nông dân mãi mãi là chỗ dựa tinh thần để tự hào, tin tưởng và làm theo lời Người.

Cùng đổ mồ hôi với người nông dân mới quý hạt gạo, củ khoai, mới xót lòng khi bão lũ ập đến cướp đi thành quả lao động vất vả của người nông dân trên ruộng đồng. Ngay sau khi giành được chính quyền, tuy bận

trăm công nghìn việc, Bác vẫn dành nhiều thời gian, không chỉ nhắc nhở các địa phương đắp đê chống bão lụt, mà còn trực tiếp xuống tận các xã để đôn đốc, kiểm tra công việc. Biết tin đê sông Hồng ở khu vực Hưng Yên, Thái Bình bị vỡ, Bác đích thân xuống kiểm tra việc khắc phục hậu quả để có biện pháp kịp thời cùng chính quyền địa phương vận động giúp đỡ nhân dân vượt qua khó khăn. Bác hỏi cận kề số người bị nạn, trước hết phải lo cái ăn để họ khỏi đói bữa, sau đến nơi ở và ổn định sinh hoạt cho mọi người, tập trung nhân tài vật lực để đắp lại chỗ đê bị vỡ. Bác hứa khi nào đắp xong Bác sẽ xuống thăm. Thế rồi giữ đúng lời hứa, bốn tháng sau Bác xuống cắt băng khánh thành chỗ đê vừa mới đắp. Bác đi kiểm tra một lượt, nhìn chỗ giáp ranh đê mới đê cũ, Người nhắc nhở phải tăng cường gia cố mới an toàn. Bác vừa đi vừa nhún thừ độ lún, khen đắp nhanh nhưng chưa lèn chặt, cần tăng cường thêm lực lượng để đảm thật kỹ mới bảo đảm lâu dài.

Thay mặt "Ban đời sống mới", nhà văn Nguyễn Huy Tưởng đến báo cáo với Bác là hoạt động của Ban dựa trên ba nguyên tắc, dân tộc, dân chủ và khoa học. Nghe xong Bác liền nói: "Trong đồng bào ta chưa mấy người hiểu những từ chú nói mà hiện nay họ cần là cái này", vừa nói Bác vừa chỉ tay vào bụng, "phải có cái ăn đã, nếu không có ăn không làm gì được. Hoạt động của Ban "Đời sống mới" cũng phải tập trung cái đó đã, vận động bà con "lá lành đùm lá rách", tăng gia sản xuất, cứu đói". Hậu quả nạn đói năm 1945 như một bóng ma ghê rợn phủ lên cuộc sống đói rách của người nông dân, càng làm không khí ảm đạm khó khăn thêm. Trên cương vị Chủ tịch nước, Bác đi xuống các địa phương như Ninh Bình, Thái Bình... để đôn đốc việc cứu đói, tổ chức tăng gia sản xuất, đắp đê phòng chống thiên tai... Một lần trong cuộc họp, bàn chống đói, Bác nói: "Các chú biết không, người xưa nói: dân dĩ thực vi thiên". Có đồng chí tưởng Bác nói nhằm bèn chữa lại: Thưa Bác "Dân dĩ thực vi tiên chứ ạ". Bác cười và giải thích: "Bác nói "Dân dĩ thực vi thiên" là người xưa dạy "Dân lấy cái ăn làm trời", Đảng, Chính phủ phải lo cái ăn cho dân không được để dân đói". Đó là Bác lấy lời của Lục Sinh nói với Hán Cao Tổ: "Nhà vua lấy dân làm trời, dân lấy cái ăn làm trời". Bác dạy thật chí lý. Năm 1955, nghe tin lũ lụt lớn ở Kiến An gây thiệt hại lớn về người và của cho nhân dân. Bác cho gọi đồng chí có trách nhiệm lên hỏi cụ thể. Bác hỏi: xã Hòa Nghĩa mấy người chết, nhà cửa trường học bệnh xá bị đổ bao nhiêu. Khi nghe báo cáo con số thiệt hại cụ thể. Bác rất lo lắng và rơm rớm nước mắt, nhất là biết có nhiều gia đình chết người và trôi nhà cửa. Bác căn dặn phải có phương án tỉ mỉ khắc phục hậu quả thiệt hại.

Người chỉ thị Tỉnh ủy phải trực tiếp chỉ đạo và dặn đi dặn lại: "Trước hết phải lo để không một người bị đói". Cứ đến mùa nước lũ, hay kỳ hạn hán Bác thường trực tiếp xuống địa phương tham gia "chống trời" cùng nhân dân. Nhớ lần về công trường Đại thủy nông Bắc - Hưng - Hải, Bác xuống công trường giam gia lao động như một người dân. Trên đường đi, thấy một chị đang đẩy xe cút kít nặng nề lên dốc, Bác vội chạy đến đẩy giúp chị.

Bác hòa vào khí thế lao động khẩn trương của công trường như tăng thêm sức mạnh cho mọi người hăng say quên mình trong không khí vui vẻ. Lần Bác về Hải Hưng tham gia chống hạn với nông dân, nghe tin Bác về các đồng chí cán bộ tỉnh tổ chức đón Bác long trọng. Bác không hài lòng, phê bình ngay: "Bác về là đi chống hạn chứ có phải đi chơi đâu mà đón tiếp". Bác ăn mặc quần áo như một lão nông thực sự. Người đi rất nhanh đến chỗ nhân dân đang đào mương, xắn quần, xắn tay áo xuống cùng đào đất với bà con, để lại phía sau các "quan cách mạng" trong những bộ quần áo bảnh bao đang lúng túng hổ thẹn trước dân chúng. Cuối cùng tất cả cùng ào xuống đào đất với bà con theo gương Bác. Bác không nói, không hô hào, nhưng Người đã làm cuộc "cách mạng" cho "các quan" trước muôn dân. Bác ăn cơm chung với mọi người tại nơi đang đào mương. Thấy người xới xơm xới bát nào cũng với, Bác nói vui: "Chú xới xơm thế này thì công việc làm sao cho đầy được". Bữa ăn có Bác vui hẳn lên. Bác hỏi chuyện: "Các chú có biết nấu nướng không?" Mỗi người kể theo cách hiểu của mình. Bác thừa hiểu chẳng có ai ở nhà thực sự giúp vợ nấu ăn cả nên nghe nói nấu nướng sao thì kể vậy. Rồi Bác kể chuyện hồi xưa Bác làm phụ bếp thế nào nên biết nấu nướng, Bác nói nghề nấu ăn ai biết nấu kể là biết ngay, còn ai chỉ nghe hoặc nhìn thì không thể bì được người khác, vì kỹ thuật nấu ăn quan trọng là chỗ này. Bác chỉ vào mũi, chứ không phải chỗ này - Bác chỉ vào mắt và tai. Bác nói tiếp, vì sao mọi người phải biết nấu ăn là vì vừa giúp được "cô ấy" có thời gian học tập và nuôi dạy con cái, vừa rèn luyện mình, chữa cái bệnh hão, bệnh sĩ, bệnh gia trưởng thâm căn cố đế, cho việc bếp núc là của đàn bà. Hơn nữa khi tự mình nấu thì mình ăn ngon hơn, thích ăn món nào thì làm món ấy. Chuyện vui, nhưng Bác giáo dục đạo đức con người, đạo đức cộng sản trong cán bộ. Bác lo lắng quan tâm đến sự tiến bộ của cán bộ từ những việc làm bình thường nhất nhưng chính đó là những xuất phát điểm của đạo đức chân chính, mà mọi người cán bộ muốn dân tình thì soi vào để tự xem xét, rèn luyện hoàn thiện mình.

Bác về Hà Đông chống hạn, khi đến một con mương chắn ngang đường, đồng chí chủ tịch tỉnh mời Bác đi vòng đến chỗ dễ qua hơn. Nhìn xuống thấy đồng chí chủ tịch tỉnh đi đôi giày bóng lộn. Bác bảo: "Chú cứ đi đường ấy", nói rồi, Bác cởi dép lội tắt qua cho nhanh để đến với nông dân đang tát nước chống hạn. Sang bờ bên kia, Bác bảo mọi người cùng tát nước giúp dân. Bác chỉ một thanh niên ăn mặc bảnh bao cùng tát nước với Bác, nhưng đồng chí này không biết tát nước, đồng chí bí thư tỉnh đỡ lời: "Thư Bác, đồng chí này là nhà báo ạ". Bác cười và nói: "Nhà báo của nông dân thì phải biết lao động như nông dân thì viết mới đúng được".

Mỗi người dân chúng ta ai cũng được xem hình ảnh Bác đang đập nước trên guồng chống úng, ghi nhận trong ta hình ảnh Bác hòa mình với nổi vất vả một nắng hai sương của người nông dân. Khắc sâu trong ta tâm niệm Chủ tịch nước cũng là một công dân, một người lao động trong triệu người không có gì cách biệt. Đó là hình ảnh được ghi lại vào năm 1960 khi Bác về chống úng tại xã Hiệp Lực. Vừa đập guồng nước, Bác vừa nhắc nên lấp ổ bi vào trục để người đập đỡ vất vả, mà năng suất cao hơn. Bác hỏi các cô thanh niên có biết hát đối không, rồi Bác lấy Kiều: "Trăm năm trông coi người ta, chống úng thắng lợi mới là người ngoan". Bác bảo các cô lấy tiếp, các cô vì mãi ngắm Bác nên không chuẩn bị không lấy tiếp được chỉ biết vỗ tay, và xin mắc nợ với Bác. Bác nói: "Muốn lao động đỡ mệt và có sức mạnh thanh niên nên tổ chức văn nghệ".

Năm 1958, Bác về Nam Định dự Hội nghị "Bàn về sản xuất nông nghiệp". Bác chăm chú lắng nghe các bản báo cáo thành tích của các đơn vị. Bác chú ý bản báo cáo nói về cách làm các loại phân bón. Bác đứng lên nhìn khắp hội trường và hỏi to: "Chú nào gánh bùn đổ cho hai sào lúa có đậyk hông?" Không có ai đứng dậy. Một đồng chí cán bộ tỉnh ủy báo cáo là người nông dân đó khôngthuộc diện tham dự hội nghị này. Bác phê bình và yêu cầu cho người đó đến dự hội nghị ngay. Bác hỏi, chị em phụ nữ ở đây có đội phân nữa không? Các đồng chí cán bộ tỉnh chưa dám báo cáo Bác ngay, may có chị đại biểu nữ đỡ lời: "Thưa Bác, chị em ở đây không quen gánh nên cái gì cũng đội ạ". Bác dặn: "Nên tìm cách cải tiến vận chuyển bằng xe để đỡ cho chị em về lâu dài".

Năm 1963, Bác về chống hạn ở Nghiêm Xuân (huyện Thường Tín), hôm đó Bác đến sớm, đồng bào còn vắng, tiện đường Bác xuống khu dân cư, hỏi thăm bà con. Bác vào một nhà dân hỏi tết vừa qua gia đình đón tết có vui không? Có cụ già 60 tuổi thưa với Bác là ăn tết không vui. Bác

hỏi vì sao, cụ lại kể lại gia đình từ xưa, có ngôi nhà gần đường, vừa qua huyện có lệnh đuổi bà đi để mở đường, không bồi thường, cũng không chỉ cho gia đình chuyển đi đâu, vì thế gia đình ăn tết không vui, người ra lệnh ấy là ông chủ tịch huyện. Bác lắng nghe mà vẻ mặt không vui, Bác bảo, làm người cán bộ như vậy là không xứng đáng, không khác gì cường hào xưa. Sau đó Bác chỉ thôi phải điều tra làm rõ ngay. Vị chủ tịch kia bị kỷ luật. Lòng dân rất phấn khởi và nhắc mãi chuyện đó như làm gương cho cán bộ đối với dân phải làm gì. Hôm đó Bác tham gia chống hạn với dân, trời nắng to có đồng chí cầm ô che cho Bác, Bác bảo: "Dân chịu được thì Bác cũng chịu được, chú làm như Bác là ông quan thời xưa". Trên đường đi chống hạn giúp dân, thấy phía trước có xe công an còi inh ỏi dẹp đường, Bác cho dừng xe và lệnh cho xe công an dừng lại, Bác mới đi tiếp. Bác phê bình: "Bác xuống với dân để chống hạn mà các chú làm cho dân họ sợ thì xuống làm gì?".

Trong di sản tư tưởng của Bác, vấn đề giải phóng nông dân chiếm một vị trí quan trọng. Trên hành trình đi tìm đường cứu nước, tiếp cận với nhiều xu hướng chính trị của loài người. Bác phân tích, lựa chọn, tiếp thu những gì tinh túy phù hợp với hoàn cảnh đất nước và vận dụng một cách sáng tạo những tinh hoa đó vào hoàn cảnh cụ thể của nước nhà. Người đi đến kết luận:

Vấn đề giải phóng dân tộc ở Việt Nam thực chất là vấn đề nông dân. Nông dân vừa là động lực nhưng cũng là đối tượng của cách mạng. Cho nên Bác dành nhiều trí tuệ, công sức và thời gian cho vấn đề nông dân. Từ tấm bé, Bác đã chứng kiến cảnh người nông dân làng quê khổ cực vì bị áp bức, bóc lột mà nghèo đói và nguyên nhân là do mất nước, nên động cơ ra đi tìm đường cứu nước của Bác một phần cũng được xuất phát từ vấn đề nông dân. Thời kỳ hoạt động cách mạng ở nước ngoài. Nói nhiều viết nhiều, đấu tranh không mệt mỏi cho vấn đề giải phóng dân tộc, cho quyền lợi người nông dân. Bác bênh vực, xây dựng cho mình một hệ quan điểm về vấn đề nông dân trong hệ thống tư tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Bác đứng về nông dân, bênh vực quyền lợi của nông dân nhưng không sa vào nông dân chủ nghĩa, không quá tả, không xô bồ khi phân tích mặt tốt, mặt phải hoàn thiện của nông dân trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Những năm tháng cuối đời, tuy sức khỏe yếu nhưng Người dành nhiều thời gian làm việc với các đồng chí phụ trách nông nghiệp. Họp Bộ Chính trị hay trong các buổi làm việc về nông nghiệp Bác thường nhắc đến Điều

lệ Hợp tác xã. Bác bảo công nhân có ngày kỷ niệm, nên lấy ngày ban hành Điều lệ Hợp tác xã làm ngày kỷ niệm cho nông dân. Bác dặn viết bản Điều lệ sao cho nông dân ít học cũng hiểu được. Sau khi đọc bản dự thảo, Bác nói đây là bản dùng cho cán bộ, còn đối với xã viên thì viết phải tóm tắt hơn, dễ hiểu hơn. Bác đọc và sửa chữa rất kỹ, có chỗ nào chữ nghĩa cầu kỳ khó hiểu Bác đều sửa lại. Số thứ tự các chương đánh số La Mã, Bác sửa lại "chương Một.. Hai...". Câu "Nhà nước hết lòng giúp dân" Bác bỏ chữ "hết lòng" vì thừa. Câu "xã viên phải góp ruộng đất, trâu bò, các công cụ chủ yếu". Bác sửa cho chặt chẽ hơn: "Xã viên phải góp ruộng đất, góp cổ phần, để lại trâu bò và các công cụ chủ yếu", chữ "để lại" vừa có tình và có nghĩa giữa xã viên và Hợp tác xã. Trong cuộc họp Bộ Chính trị bàn về nông nghiệp, Bác đề nghị: "Quý tích lũy để khoảng 7-10% thu nhập Hợp tác xã là quá cao, đời sống dân còn thấp nên tập trung nâng mức sống của dân". Bộ Chính trị nhất trí chỉ để quý tích lũy 5-10%. Sau đó Bác yêu cầu chuyển nội dung bản Điều lệ sang diễn ca phát triển dài phát thanh cho dân dễ thuộc, dễ nhớ, để làm theo.

BÁ NGỌC

*Trích trong cuốn "Hồ Chí Minh - chân dung đời thường",
Nxb Lao Động, Hà Nội, 2005.*

KHÔNG PHẢI LÀ SIÊU NHÂN

Bác Hồ của chúng ta là một con người vĩ đại, siêu việt, nhưng cũng giản dị, gần gũi, thân thuộc với tất cả mọi người. Không có gì thuộc về con người lại không vọng sâu xa trong tâm hồn Bác.

Linh mục Phạm Bá Trụ là một người yêu nước, kính Chúa. Được may mắn gặp Bác Hồ, do sức cảm hóa và hấp dẫn đặc biệt của Người, cha Trụ đã kiên quyết một lòng theo cách mạng và kháng chiến.

Là Phó Trưởng ban thường trực Quốc hội khóa I (tức là Phó Chủ tịch Quốc hội ngày nay), cha Trụ thường được mời tham dự các phiên họp Hội đồng Chính phủ do Bác chủ trì. Nhiều buổi họp khuya, cha thường được ở lại với Bác.

Có một lần, dưới ngọn đèn khuya, cha Trụ ngồi yên lặng ngắm Bác làm việc.

Cha cảm thấy Bác như là hiện thân của Chúa, mang đức độ nhân từ, bác ái, vị tha của một bậc Thánh, cha Trụ bỗng thốt lên:

- Vous êtes surnaturel!

Bác mỉm cười, phủ nhận:

- Non, nous sommes contre-naturel!

Ý Bác muốn nói: Việc của Người cũng như cha Trụ, hoặc vì phụng sự cách mạng hoặc vì phụng sự Chúa, mà quên lập gia đình, chỉ là điều phản tự nhiên thôi chứ không có gì là thần thánh cả.

Cũng như vậy, có lần sau một phiên họp Hội đồng Chính phủ ngày 24 tháng 5 năm 1948, các thành viên trong Chính phủ ở lại ăn cơm chiều với Bác. Trong những cuộc gặp gỡ như vậy, Người thường rất vui, kể chuyện những ngày còn bôn ba hải ngoại, chuyện Tây, chuyện Tàu đủ cả. Nhân đó, có người mạnh dạn hỏi:

- Vì sao Bác không lập gia đình?

Bác cười và trả lời:

- Mình cũng chẳng thần thánh gì, cũng như tất cả mọi người thôi. Nhưng với hoàn cảnh đã qua và hiện nay, còn có điều kiện nào mà nghĩ đến chuyện lập gia đình, không phải vì đạo đức mà là phải chịu đạo đức đó thôi. Nhưng chưa lập được gia đình nhỏ thì ta hãy lo cho gia đình lớn đã vậy.

Mồ côi mẹ từ năm lên 9. 10 năm sau già biệt cha già, ra đi tìm đường cứu nước. Anh mất, rồi chị mất đều không có điều kiện chăm lo. Cũng như mọi người, Bác Hồ của chúng ta rất quý trọng tình cảm gia đình - cơ sở bền vững của lòng yêu nước thương dân. Ở Bác, những tình cảm lớn, dù sâu sắc mệnh mông đến đâu cũng không bao giờ che khuất hay lấn át được những tình cảm riêng tư. Bác Hồ của chúng ta cũng phải gắng gỏi vượt lên trên những phút cô đơn.

Chiều Việt Bắc, rừng Chiêm Hóa u buồn, sương lạnh. Gia đình các đồng chí trong Thường vụ Trung ương đều ở quanh Bác, nhưng cách nhau đến mấy quả đồi, mấy cánh rừng. Chiều đông càng im ắng, cô quạnh.

Một hôm, bà Trường Chinh dắt con gái của mình lên thăm Bác, có ý định để cô bé ở lại với Bác mấy hôm cho Bác đỡ buồn. Lúc đầu, được lên với Bác, cô bé rất thích, vui vẻ nhận lời, nhưng khi chiều đến, cô bé đổi ý, khóc đòi về với mẹ.

Không giữ được, Bác tiễn mẹ con ra đầu dốc và cứ đứng nhìn theo mãi. Khi Bác quay về, các đồng chí phục vụ thấy đôi mắt Bác long lanh ướt. Bác nói với các đồng chí xung quanh:

- Chúng ta, ai cũng đều muốn có một cuộc sống gia đình ấm cúng. Người cách mạng là người giàu tình cảm, lại càng biết quý trọng cuộc sống gia đình, chẳng qua vì chưa có điều kiện thuận lợi nên chưa thực hiện được, đành phải chịu đựng mà thôi.

TRẦN HIẾU ĐỨC

(theo lời kể của cụ Hoàng Đạo Thúy và Lê Văn Hiến).

THỜI GIAN QUÝ BÁU LẮM

Sinh thời, Bác Hồ của chúng ta yêu cái gì nhất, ghét cái gì nhất? Kể cũng hơi khó trả lời cho thật chính xác, bởi ở ta không có thói quen "tự bạch", và kín đáo, ý nhị vốn là một đặc điểm của lối ứng xử phương Đông.

Tuy nhiên, theo dõi qua tác phẩm, hoạt động và sinh hoạt đời thường, điều ta có thể thấy rõ cái mà Người ghét nhất, "ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm" là các thói quan liêu, tham nhũng xa hoa, lãng phí tiền bạc và thời gian của nhân dân.

Ở một mức độ khác, thấp hơn, những người có điều kiện tiếp xúc và làm việc với Bác Hồ, đều thấy rõ nhất là Bác rất khó chịu khi thấy cán bộ làm việc không đúng giờ.

Năm 1945, mở đầu bài nói chuyện tại lễ tốt nghiệp khóa V Trường huấn luyện cán bộ Việt Nam, Người thẳng thắn góp ý: "Trong giấy mời tới đây nói 8 giờ bắt đầu, bây giờ 8 giờ 10 phút rồi mà nhiều người chưa đến. Tôi khuyên anh em phải làm việc cho đúng giờ, vì thời gian quý báu lắm".

Trong kháng chiến chống Pháp, một đồng chí cấp tướng đến làm việc với Bác sai hẹn mất 15 phút, tất nhiên là có lý do: mưa to, tuổi lữ, ngựa không qua được, Bác bảo:

- Chú làm tướng mà chậm mất 15 phút thì bộ đội của chú sẽ hiệp đồng sai đi bao nhiêu? Hôm nay chú đã chủ quan, không chuẩn bị đầy đủ các phương án, nên chú đã không giành được chủ động.

Một lần khác, Bác và đồng bào phải đợi một đồng chí cán bộ đến để bắt đầu cuộc họp. Bác hỏi:

- Chú đến chậm mấy phút?

- Thưa Bác, chậm 10 phút ạ!

- Chú tính thế không đúng, 10 phút của chú phải nhân với 500 người đợi ở đây...

Bác quý thời gian của mình bao nhiêu thì cũng quý thời gian của người khác bấy nhiêu, vì vậy không bao giờ Bác để bất cứ ai phải đợi mình.

Năm 1953, Bác quyết định đến thăm lớp chính huấn của anh chị em trí thức, lúc đó đang bước vào cuộc đấu tranh tư tưởng gay go. Tin vui đến làm náo nức cả lớp học, mọi người hồi hộp chờ đợi.

Bỗng chuyển trời đột ngột, mây đen ùn ùn kéo tới, rồi một cơn mưa dòn dập, xối xả, tối đất tối trời, hai ba tiếng đồng hồ không dứt. Ai cũng xuyt xoa, tiếc rỏ: mưa thế này, Bác đến sao được nữa, trời hại quá.

Giữa lúc trời đang trút nước, lòng người đang thất vọng thì từ ngoài hiên lớp học có tiếng rì rào rồi bật lên thành tiếng reo, át cả tiếng mưa ngàn, suối lũ:

- Bác đến rồi, anh em ơi! Bác đến rồi!

Trong tiếng áo mưa sũng nước, quần xắn đến quá đầu gối, đầu đội nón, Bác hiện ra giữa niềm ngạc nhiên, hân hoan và sung sướng của tất cả mọi người. Về sau anh em được biết: Giữa lúc Bác chuẩn bị đến thăm lớp thì trời đổ mưa to. Các đồng chí làm việc bên cạnh Bác đề nghị Bác cho báo hoãn sang một buổi khác. Có đồng chí đề nghị tập trung lớp học ở một địa điểm gần nơi ở của Bác...

Nhưng Người không đồng ý: "Đã hẹn thì phải đến, đến cho đúng giờ, đợi cho trời tạnh thì biết đến khi nào? Thà chỉ một mình Bác và một vài chú nữa chịu ướt còn hơn để cả lớp học phải chờ uống công!".

Ba năm sau, giữa Thủ đô Hà Nội đang vào xuân, câu chuyện có thêm một đoạn mới. Vào dịp Tết cổ truyền của dân tộc, hàng trăm đại biểu các tầng lớp nhân dân Thủ đô tập trung tại ủy ban hành chính thành phố để lên chúc Tết Bác Hồ. Sắp đến giờ lên đường, trời bỗng đổ mưa như trút. Giữa lúc mọi người đang lúng túng thu xếp phương tiện cho đoàn đi để Bác khỏi phải chờ lâu thì bỗng "xịch" một chiếc xe đậu trước cửa. Bác Hồ từ trên xe bước xuống, cầm ô đi vào, lần lượt bắt tay, chúc Tết từng người trong nỗi bất ngờ rưng rưng cảm động của các đại biểu.

Thì ra thấy trời mưa to, thông cảm với khó khăn của ba tổ chức và không muốn các đại biểu phải vì mình mà vất vả, Bác chủ động, tự thân đến tại chỗ chúc Tết các đại biểu trước. Thật đúng là mối hằng tâm của

một lãnh tụ suốt đời quên mình, chỉ nghĩ đến nhân dân, cho đến tận phút lâm chung vẫn không quên dặn lại: "Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điệu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thời giờ và tiền bạc của nhân dân".

SONG HÀNH

(Theo lời kể của đồng chí Huy Văn).

Bản sao lưu trữ

ĂN NO RỒI HÃY ĐẾN LÀM VIỆC

Anh em, bạn bè, họ hàng lâu ngày gặp nhau, cùng uống một chén rượu, ăn với nhau một bữa cơm cũng là việc thường tình. Cái chính là ở tấm lòng trung thực, tình nghĩa, kính trọng, yêu thương nhau chứ không nên "khách một, khứa mười" tranh thủ chi tiêu "tiền chùa" xả láng. Khách không nên vì cương vị "gợi ý" khéo để chủ nhà "nghênh tiếp".

Anh em ở gần Bác cho biết, dù trong kháng chiến ở Việt Bắc, hay khi đã về Hà Nội, kể cả trong những năm chống Mỹ, cứu nước, hễ đi công tác xa, gần, là nhất định Bác "bắt" mang cơm đi theo. Khi cơm nắm, độn cả ngô, mì. Khi là bánh mì với thức ăn nguội. Chỉ có canh là cho vào phích để đến bữa, Bác dùng cho nóng.

Nhớ lần về thăm tỉnh Thái Bình, Tỉnh ủy và ủy ban nhân dân cố nài Bác ở lại ăn cơm. Bác nói: "Đi thăm tỉnh lỵ còn ăn uống nổi gì". Nói xong, Bác lại thương cán bộ vì đã có cơm sẵn. Bác gọi đồng chí cảnh vệ đưa cơm nắm thức ăn mặn của Bác đến và bảo:

- Mời đồng chí bí thư và chủ tịch đến ăn cơm với Bác. Còn chú và bác sĩ sang mâm kia ăn cơm với cán bộ tỉnh.

Thường là đi công tác, đến bữa, Bác cho dừng xe, chọn nơi vắng, mát, sạch, Bác, cháu mang cơm ra ăn. Làm việc xong, Bác chọn giờ ra về để kịp ăn cơm "ở nhà". Nếu không, lại có cơm nấu bữa thứ hai mang theo. Chỉ khi nào ở đâu, công tác lâu Bác mới chịu "ăn" cơm ở địa phương. Bao giờ Bác cũng dặn "chủ nhà".

- Đoàn Bác đi có từng này người. Nếu được, chỉ ăn từng này, từng này...

Dù không nghe lời Bác, chủ nhà dọn "cỗ" ra, Bác cũng có cách riêng của Bác. Bác nói với anh em:

- Bác cháu ta chỉ ăn hết món này, món này thôi. Còn món này để nguyên.

Nhà chủ thiết tha mời Bác dùng thử món "cây nhà lá vườn", Bác cũng chỉ gấp vào bát anh em và bát mình mỗi người một miếng rồi lại xếp

ngay ngăn đĩa thức ăn ấy, kiên quyết để ra ngoài mâm, người ngoài nhìn vào thấy đĩa thức ăn vẫn như nguyên vẹn. Bác nói với cán bộ:

- Người ta dọn ra một bữa sang, Bác cháu mình có khi cũng chẳng ăn đâu hoặc ăn chẳng hết. Nhưng đi rồi để lại cái tiếng: đấy, Bác Hồ đến thăm cũng làm cơm thế này, thế nọ, cũng điều động người này, người nọ từ giao tế sang, mất thời gian. Thế là, tự mình, Bác lại bao che cho cái chuyện xôi, thịt... Cứ ăn no rồi đến làm việc.

Theo: NGUYỄN VIỆT HỒNG

Bản sao lưu trữ

GIỮ CHO GƯƠNG SÁNG

Khoảng cuối tháng 10-1951, lớp học chính trị khóa hai của Tổng cục Chính trị thuộc Bộ Tổng tư lệnh đang sơ kết.

Những ngày ấy học sinh chúng tôi nghiên cứu ở lán, hoặc nhà đồng bào trong bản.

Độ một giờ chiều, tôi chợt thấy mấy đồng chí từ khu rừng bên cạnh chạy về, vẻ phấn khởi. Một đồng chí sôi nổi nói:

- Này các cậu, chúng mình vừa được gặp Bác!

Chúng tôi xúm lại quanh các đồng chí đó, mỗi người một câu:

- Thật không!

- Thiên binh!

- Thật mà...

- Làm sao lại gặp được Bác?

- Trưa mình không ngủ được. Nghe tiếng chim gáy, chúng mình mấy đứa rủ nhau vào rừng định kiếm cái nhắm. Mấy chú gáy nâu, cu xanh đậu trên mấy cây bên đường. Chúng mình lấy súng ngắm, chia nhau mỗi đứa một con, hẹn nổ đồng loạt - Chí ít cũng phải vài con rớt xuống đất...

Dừng lại lấy hơi, tự nhiên đồng chí ta gãi đầu. Có tiếng giục:

- Rồi thế nào? Kể tiếp đi...

Đồng chí khác đỡ lời:

- Bỗng chúng mình nghe thấy một tiếng nói ấm và vang như tiếng chuông:

- Mỗi viên đạn một quân thù...

Chúng mình quay lại, thấy một ông cụ thanh cao, mắt sáng, đội mũ cát vành rộng, mặc bộ quần áo nâu, quai mũ kéo qua cằm được vắt một khăn mặt ở trong để che bộ râu. Tay cụ chống một cây gậy nho nhỏ.

Mình đang ngăn người nhìn ông cụ, thì một cậu bạn mình nhanh trí kêu lên:

- Bác, Bác ạ.

Hoảng quá. Chúng mình vội tháo đạn, cho súng vào bao, chạy lại chào Bác và hỏi Bác đi đâu để xin theo bảo vệ, vì bọn mình thấy đi cùng Bác chỉ có một đồng chí dẫn đường. Bác bảo:

- Cảm ơn các chú, Bác đi làm việc gần đây.

Rồi Bác nhìn chúng mình một cách nghiêm nghị nói:

- Súng đạn ta làm ra còn khó khăn lắm, "lấy được của địch thì cũng tốn xương máu". Vì luyện tập thì buộc phải bắn. Sao các chú nữ đem bắn chim? Làm vậy vừa lãng phí, vừa lộ nơi đóng quân.

Nghe Bác dạy, chúng mình vừa thấm thía, vừa sợ, may quá Bác xem giờ rồi bảo:

- Các chú về đi, đến giờ làm việc rồi.

Chào Bác xong, chúng mình lủi xuống chân rừng, rồi chạy luôn về đây...

Nghe kể xong, chúng tôi sôi nổi bàn nhau: Có cách gì để được gặp Bác. Không rõ Bác đi đường nào? Sao lại chỉ có một đồng chí đi dẫn đường?

Vừa lúc ấy có tin báo:

- Các đại đội học sinh tập trung lên hội trường...

Chắc Bác tới thăm lớp học rồi. Tôi kéo nhanh chiếc túi dết đựng tài liệu, thắt bao súng vào người và dẫn toàn tổ tắt đường để tới hội trường. Các tổ khác cũng tiếp theo sau.

Tới nơi, chúng tôi đã thấy Bác đứng giữa hội trường, đang ngắm nhìn các khẩu hiệu dán xung quanh vách nữa. Bác bỗng chỉ tay vào một khẩu hiệu: "Tích cực để tiêu diệt thành công" mà hỏi:

- Các chú bị bệnh gì vậy?

Không riêng đồng chí hiệu trưởng, chúng tôi đều ngạc nhiên nhìn Bác, chờ đợi sự giải thích, Bác mỉm cười nói:

- Sách thuốc chữ Hán cũ nói về bệnh "Tiểu kết". Bác nghĩ: Chả nhẽ các chú lại mắc bệnh tiểu kết cả à! ¹

Trước sự phê bình tế nhị của Bác, tất cả đều bật cười. Nhiều đồng chí còn rụt rè đứng ra xa, lúc này đã sán lại gần.

Dòng người vào hội trường ngày một đông. Bác nhìn các anh em trên đường đi vào về suy nghĩ, rồi bảo đồng chí hiệu trưởng:

- Ta tập trung ở đây có nhiều cái không lợi: Mái rùng che không kín. Đường vào lối mòn quá rõ. Rừng độc lập, xung quanh là ruộng nước, nếu bị oanh tạc, sơ tán rất khó. Ta nên chuyển địa điểm nói chuyện tới địa điểm khác.

Đồng chí hiệu trưởng suy nghĩ rồi đề nghị một địa điểm. Bác đồng ý. Chúng tôi liền phân tán ra nhiều ngả theo sự hướng dẫn của cán bộ nhà trường.

Địa điểm tập trung mới là một quả đồi thấp, phía sau là ngọn núi đá cao, hai bên là rừng, đông nam là cánh đồng. Rất tiện cho việc quan sát phòng không, và phân tán khi có báo động. Chúng tôi tới chân đồi thì Bác và đồng chí hiệu trưởng cùng một số giáo viên đã bằng một con đường khác đứng trên đỉnh đồi rồi.

Các học sinh trẻ khỏe, nhanh chân trèo lên xếp hàng trước mặt Bác. Các đồng chí tới sau đành xếp hàng phía cuối, vừa thấp, vừa xa. Bác ra hiệu cho ngồi xuống, chờ cho trật tự, ổn định, Bác nói:

- Các chú tới trước đã được gần Bác rồi, bây giờ Bác sẽ đi xuống chân đồi.

Các đồng chí nào chậm chân tới sau sẽ được gần Bác. Như vậy là công bằng, các chú rõ chưa?

- Dạ rõ ạ.

Bác liền hô:

- Đằng sau quay.

Chúng tôi ngồi quay lại, nhìn ca xuống chân đồi. Lớp học ba trăm người, phía trước chấp hơn phía sau, thoải mái như ngồi trong hội trường được xây dựng đúng quy cách.

¹ Tiểu kết là bệnh đái bi. Từ đó tiểu kết đổi thành sơ kết.

Chờ chúng tôi ổn định xong trật tự, Bác hỏi:

- Biết các chú đang học chính trị Bác tới thăm. Trước khi nói chuyện, các chú có điều gì cần hỏi?

Chương trình học tập của chúng tôi gồm có: Cách mạng Việt Nam, Quân đội nhân dân, Đạo đức cách mạng, Công tác chính trị trong quân đội. Lúc này chúng tôi đã học xong đạo đức cách mạng. Qua nghiên cứu cũng còn những vướng mắc về nội dung cũng như thực tiễn cách mạng. Song trước lời hỏi của Bác, đứng trước Người, dường như mọi suy nghĩ, thắc mắc, hoài nghi bỗng như tiêu tan cả. Cả lớp học yên lặng, chăm chú chờ nghe những lời dạy bảo của Người. Thấy chúng tôi không hỏi gì, Bác nói chuyện.

Buổi nói chuyện, Bác tập trung phân tích cho chúng tôi thấy rõ tình hình chung của quân đội viễn chinh Pháp đã bị động, thất bại sau các chiến dịch Biên giới tới chiến dịch Trung du, Hoàng Hoa Thám và Quang Trung. Do thất bại trên chiến trường chính mà các chiến trường khác ở Bình Trị Thiên, Khu I, Nam Bộ, Mặt trận Bắc, Trung Hạ Lào, Mặt trận Cam-pu-chia, quân đội Pháp cũng đang bị chuyển dần vào thế phòng ngự, bị động, thất bại của quân đội xâm lược Pháp ngày càng lộ rõ. Từ đó nội bộ chính giới Pháp vốn đã mâu thuẫn lại càng mâu thuẫn, chia rẽ nhau sâu sắc hơn. Nhiều nghị sĩ trước ở phái chủ chiến nay đã chạy sang phái chủ hòa. Tuy vậy, bọn chủ chiến còn ngoan cố. Chúng đang đặt nhiều hy vọng vào tướng mới của Pháp, Tướng Đờ-lát đờ Tát-xi-nhi nổi tiếng tài giỏi vì chỉ huy quân Pháp chống sự xâm lược của phát xít Đức. Nay y lại đi theo vết xe đổ của bọn phát xít thì tự chuốc lấy mọi nhục nhã trên đất này.

Lời nói của Bác vô cùng bình dị. Song như đã định rõ số phận của danh tướng số một của đế quốc Pháp¹.

Khi phân tích về phía ta, Người chỉ rõ: Ta đã trưởng thành vượt bậc, song trước yêu cầu ngày một lớn, nên cũng có những khó khăn. Lương thực chưa nhiều, nên khó cho việc tập trung binh lực lớn, mở chiến dịch dài ngày trước chiến thuật tập trung pháo binh, không quân của giặc, và khi phát hiện chủ lực của ta tập trung ở đâu chúng thường đưa nhiều

¹ Buổi nói chuyện của Bác trước chiến dịch Hòa Bình một tháng. Trong chiến dịch Hòa Bình Đờ-lát đờ Tát-xi-nhi chết, được đưa về Pháp.

quân cơ động mạnh tới đó, để bịt những trận tuyến bị chọc thủng. Trước những khó khăn đó, nhiều cán bộ ta bình tĩnh, dũng cảm tìm cách khắc phục. Song cũng đã xuất hiện những tư tưởng dao động trong một số người nhất định. Mặt khác, từ khi chúng ta có nhiều tù binh, thì cũng có một số cán bộ, chiến sĩ thiếu rèn luyện nên đã có nhiều biểu hiện cá nhân chủ nghĩa. Đó là những điều cần ra sức khắc phục.

Tới vấn đề này Bác hạ giọng chậm rãi:

- Chúng ta làm cách mạng để mang lại hạnh phúc cho nhân dân. Vì chân lý ấy mà chiến đấu, dù phải hy sinh thân mình, cũng không tiếc. Dân tin, dân yêu ta cũng ở đó. Thế mà một số đồng chí ta lại từ bỏ cái phẩm chất cao quý ấy. Vì lợi ích riêng mà xoay sở, ăn cắp chiến lợi phẩm, ăn cắp của công. Chả khác gì mang gương mà nhuộm bùn. Chúng ta cần giúp các đồng chí đó lau sạch vết bùn, trả lại sự trong sáng của mặt gương.

Bác dừng lại một lát, nhìn toàn lớp học chúng tôi. Đôi mắt Người rất thương, nghiêm nghị. Cái nhìn của Bác có một sức truyền cảm thuyết phục kỳ lạ, khiến cho mỗi chúng tôi đều phải tự suy nghĩ và kiểm lại những thiếu sót, sai lầm của mình.

Khi nói về đạo đức cách mạng, Bác nêu một câu hỏi:

- Có chú nói rằng: Giai cấp phong kiến cũng có đạo đức như họ thường nói: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín. Như vậy có đúng không?²

- Dạ không đúng ạ. - Nhiều tiếng trả lời.

Bác gật đầu nói:

- Các chú trả lời đúng. Đừng lầm lẫn đạo đức cách mạng với đạo đức mà các giai cấp thống trị trước kia nli. Có khi ta cũng dùng một số từ cũ, nhưng nội dung hoàn toàn khác, ví dụ: Giai cấp phong kiến nói trung với vua, ta nói trung với nước, hiếu với dân. Mặt khác, họ đặt ra đạo đức hay pháp luật, nhưng bắt quần chúng lao động thực hiện, còn họ không thực hiện mà còn làm trái lại. Nên đạo đức của họ đầu quay xuống đất, chân cất lên trời.

Thứ đạo đức ấy không thể đứng vững được.

² Chính huấn bước đầu - Nhận thức của chúng ta hồi ấy còn nhiều mơ hồ.

Bác lại hỏi:

- Các chú hiểu thế nào là cần kiệm?

Chúng tôi nhìn nhau chưa ai kịp trả lời, vì cũng chưa nghĩ được ý nào cho chính xác. Bác giảng tiếp:

- Trong cán bộ ta, đa số sống giản dị, cần kiệm. Song phải rõ nội dung cần kiệm của ta cho đúng. Nếu không dễ dẫn đến hiểu sai, thực hiện một cách khác biệt. Có chú ở trong bộ đội mà đẽo gốc tre làm guốc, khoét gỗ làm lọ mực, dùng bút sắt không dùng bút máy. Làm vậy chẳng tiết kiệm được bao nhiêu, mà hành quân, báo động thì làm thế nào? Với cương vị của các chú, cần suy nghĩ để làm sao động viên toàn thể cán bộ chiến sĩ dưới quyền của mình cần kiệm, chiến đấu tốt để hoàn thành nhiệm vụ như vậy mới có ý nghĩa thiết thực.

Lời khuyên của Bác thấm sâu trong chúng tôi. Trong lớp học không những trình độ không đều nhau, mà cách sống lại càng khác nhau. Có đồng chí khi kiểm điểm thì thấy mình mỗi khi sắp bước vào trận đánh là ăn nhậu tiêu pha cho thỏa, để khi chiến đấu có hy sinh cũng chẳng tiếc gì. Có đồng chí thì lại cần kiệm quá mức.

Bác đã thấy rõ, với tình thương yêu cán bộ vô hạn, Người chỉ bảo cặn kẽ từng khía cạnh.

Mặt trời đã ngả sau núi, gió Đông Nam nhẹ vuốt chòm râu điểm bạc của Bác. Bác không nói mà nhìn chúng tôi khắp lượt. Người dừng lâu ở các đồng chí già vẫn còn trong quân ngũ như đồng chí Hoàng Đạo Thúy, Phạm Tử Lăng. Chợt Bác hỏi:

- Các chú có tặng gia không?

Đồng chí hiệu trưởng thưa:

- Dạ không ạ.

Bác ngạc nhiên hỏi lại:

- Tại sao không tặng gia?

- Vì lớp học chỉ có ba tháng ạ.

Bác không hài lòng trước sự trả lời này, Người nói:

- Ba tháng thì ta trông rau. Giờ còn hơn tháng nữa các chú cứ trông đi.

Mỗi người chỉ cần năm sáu cây cải, chăm sóc tốt sẽ có vài ba cân cải. Vừa cải thiện đời sống, vừa giảm phần đóng góp của dân, vừa hiểu được cái khó khăn của lao động chân tay. Các chú có làm được không?

- Dạ làm được ạ!

Chúng tôi đồng thanh trả lời.

Bác dặn thêm:

- Bác muốn nói chuyện nhiều với các chú. Song thì giờ có hạn. Chú nào có vấn đề gì chưa rõ thì biên thư cho Bác. Bác sẽ thu xếp thì giờ viết thư trả lời.

Chúng tôi đứng nghiêm chào Bác. Người vẫy chào chia tay, rồi cùng đồng chí hiệu trưởng đi về phía rừng có Hiệu bộ trong đó. Các tổ học sinh cũng lần lượt trở về bản hoặc nhà ở của mình.

Tôi bâng khuâng nhìn theo hướng Bác đi, chợt nghĩ ra một việc cần đi tới Hiệu bộ, vội bước nhanh theo bước Bác.

Qua một khoảng rừng, tới ven một bờ suối thì thấy Bác và đồng chí hiệu trưởng đang dừng lại trước một chị người Tày, chặn trâu bên suối. Chị bế trên tay một cháu nhỏ bụ bẫm. Bác ngắm nhìn cháu nhỏ rất triu mến, rồi dùng tiếng Tày bảo chị cẩn giữ ấm cho cháu, gió núi, sương rừng dễ cảm lạnh. Chị người Tày vâng lời vội đưa trâu, bế con về bản.

Nhân tiện Bác hỏi đồng chí hiệu trưởng:

- Chú được mấy cháu?

- Dạ hai cháu! Cháu trai tên là Thu Sơn, cháu gái tên là Thu Thủy.

Bác cười hiền hậu, khen và kể chuyện:

- Tên các cháu đẹp thật, chú nhà văn nên thích núi mùa thu, nước mùa thu.

Bác gặp ở một thôn nọ, một gia đình nông dân bà con lại đặt tên cho các cháu là khoai và thóc. Nguyễn Thu Khoai, Nguyễn Thu Thóc nghe cũng hay.

Mọi người đều cười vui vẻ, Bác lại hỏi:

- Thím ấy hiện làm gì?

- Dạ các cháu còn nhỏ, nhà cháu bận trông các cháu ạ!

- Cần tính sao, giao công tác cho các cô ấy! Tùy năng lực mà giao. Đánh máy, kế toán, hay cấp dưỡng. Phải có sinh hoạt trong một tổ chức, nếu không dễ lạc hậu thì sắc đẹp và tình yêu cũng khó giữ chứ ạ!

Đã tới Hiệu bộ, tôi phải đi tìm các giáo viên, đành dừng lại. Nhìn hoài theo phía sau Bác cho tới khi Người đi khuất.

*Trích trong cuốn "Bài học Bác dạy"
Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.39.*

Bản sao lưu trữ

"QUYỀN LỰC" CỦA HỒ CHỦ TỊCH

Gioógiơ Valuy (1899 - 1970) là tướng Pháp làm tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương từ tháng 6 năm 1946 đến tháng 2 năm 1948. Sau khi thất bại ở chiến dịch Thu Đông Việt Bắc, trở về Pháp, Valuy tiếp tục cuộc đời binh nghiệp. Năm 1958, G.Valuy lại ra chỉ huy quân đội khối Bắc Đại Tây Dương ở Tây Âu cho đến năm 1960.

Trong cuộc kháng chiến của Việt Nam, Valuy là kẻ thù của nhân dân ta. Valuy có mặt ở Việt Nam trong một thời điểm gay cấn nhất, chiếm đóng Hải Phòng, khiêu khích ở Hà Nội, nổ súng đánh chiếm các công sở Việt Nam trong ngày 19 tháng 12 năm 1946, tấn công lên Việt Bắc.

Valuy đã thua - cũng như nước Pháp đã thua trong cuộc chiến tranh Pháp tự gây ra. Nhưng trước mắt Valuy đã kịp có dịp trả lời phỏng vấn của phóng viên tạp chí Hành tinh - Hành động (Planète - Action) ở Paris. Bài trả lời của Valuy được đăng trên tạp chí này vào tháng 3 năm 1970.

"Phải nói rằng Bác Hồ cực kỳ nhã nhặn, vô cùng lịch thiệp và thoát nhìn đã thấy Người rất hấp dẫn. Tôi còn nhớ có lần từ ngoại ô về,¹ Người có một quả táo to lắm. Người để dành mãi để làm quà cho con gái tôi mà Người đã coi như cháu mình. Người là Bác Hồ của mọi người. Còn chúng tôi khi gọi Người là Bác Hồ thì mọi việc đều trở nên hết sức đơn giản. Người tỏ ra có quyền lực lãnh đạo đối với mọi người, quyền lực đó là lòng nhân đạo, chí công vô tư, là tuổi tác, trí thông minh, trình độ học vấn, nói chung là bằng tất cả vốn văn hóa cách mạng đã tiếp thu được ở Pháp, ở Nga và có thể ở cả nhiều nơi khác. Đó là một nhân vật trung tâm điều hành công việc... hoàn toàn xả thân vì nhiệm vụ, không một chút lợi riêng tư. Trong ánh mắt những người xung quanh, những người đối thoại, Hồ Chí Minh là một người vô cùng đạo đức".

*Trích trong cuốn "Điều Bác Hồ yêu nhất và ghét nhất"
NXB Công An Nhân Dân, Hà Nội, 2005, tr.156.*

¹ Chuyện xảy ra trong năm 1946, khi Bác Hồ ở Paris (B.T).

BÁC HỒ LÀ TẤM GƯƠNG VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM

Đối với Bác, lời nói luôn đi đôi với việc làm. Trong cuộc sống hàng ngày, Bác thực sự là tấm gương sáng về thực hành tiết kiệm.

Sau đây là một số mẫu chuyện của các chiến sĩ cảnh vệ kể về nếp sống giản dị và tiết kiệm của Bác:

HÃY MANG ĐẾN CHO CÁC CHÚ THƯƠNG BINH

Thời gian Bác ở tại ngôi nhà của người thợ điện phục vụ trong Phủ toàn quyền cũ. Căn phòng ở hẹp nên mùa hè rất nóng. Bác thường dùng chiếc quạt bằng mo cau do Bác tự làm. Anh em ở Bộ Ngoại giao thương Bác ở nóng bức nên đã mua biếu Bác chiếc máy điều hòa nhiệt độ do nước ngoài sản xuất. Nhân một hôm Bác đi công tác, anh em phục vụ lắp máy điều hòa vào phòng của Bác. Mọi người rất hồi hộp chờ đợi xem Bác có ý kiến gì không? Vừa về đến nhà, khi bước vào phòng, bỗng đứng lại hỏi tôi: "Chú ơi, hôm nay nhà mình có mùi gì "hôi" quá" (chả là chiếc máy điều hòa có một bình bơm nước hoa tự động. Khi máy vận hành thì nước hoa bay ra nên trong phòng lúc nào cũng phảng phất mùi thơm). Biết không giấu được Bác, các đồng chí phục vụ phải trình bày lý do về chiếc máy điều hòa. Không thấy Bác nói gì, mọi người ai nấy đều vui mừng, phấn khởi. Nhưng chỉ đến buổi chiều, Bác cho gọi các đồng chí phục vụ đến, Người nói: Các chú hãy đem chiếc máy điều hòa này cho anh em thương binh ở Hàng Bột. Hôm Bác đến thăm thấy các chú ấy ở nóng lắm. Còn Bác thì chưa cần. Các đồng chí Trung ương khác còn chưa có sao Bác lại được dùng.

Thế là ngay chiều hôm ấy chúng tôi lại phải chuyển chiếc máy điều hòa cho anh em thương binh heo yêu cầu của Bác.

AI THÍCH SANG THÌ LẤY XE MỚI

Chiếc xe Pôvêđa là quà của Liên Xô tặng Bác, từ ngày về tiếp quản Thủ đô Bác vẫn dùng. Chiếc xe đã cũ, anh em phục vụ định đổi chiếc xe khác mới và tốt hơn. Thấy vậy, Bác hỏi: "Xe đã hỏng chưa". Đồng chí lái xe phải báo cáo thật với Bác rằng xe chưa hỏng nhưng muốn đổi xe khác tốt hơn để đi nhanh cho đỡ mệt. Bác nói: "Thế thì chưa đổi, ai cần đi nhanh thì dùng xe khác, ai thích sang thì lấy xe mới, còn Bác thì vẫn dùng xe này vì nó chưa hỏng".

Tuy vậy, chúng tôi vẫn muốn đổi xe mới cho Bác. Một hôm chúng tôi bàn với đồng chí lái xe, lúc đánh xe đưa Bác đi công tác thì cố ý làm cho xe trục trặc chưa phát máy được. Đồng chí lái xe trình bày lý do vì xe cũ nên máy nóng không chạy nhưng Bác vẫn không đồng ý đổi xe mới. Bác ân cần dặn đồng chí lái xe: "Lần sau chú phải sửa chữa cho cẩn thận kẻo nhớ việc của Bác".

Thế là vẫn chiếc xe Pôvêđa cũ kỹ, Bác vẫn dùng cho đến ngày Bác đi xa.

AI CHO CÁC CHÚ MAY THÊM

Bác mặc rất giản dị, Người chỉ có hai bộ quần áo kaki dùng khi tiếp khách. ở nhà Bác thường mặc bộ bà ba. Có lần Bác đi thăm nước bạn, nhân dân yêu quý Người họ tung hoa làm áo quần Bác bị ố giặt không kịp. Các đồng chí phục vụ đã may thêm một bộ giống như loại Bác đang dùng nhưng không cho Bác biết. Tuy đã giặt nhiều lần cho cũ đi nhưng khi mặc Bác vẫn phát hiện ra đó là quần áo mới may. Bác phê bình ngay: "Ai cho các chú may thêm. Bác chỉ cần hai bộ. Nhân dân ta còn đang thiếu vải mặc. Bác dùng như vậy là đủ rồi". Anh em phục vụ phải trình bày rõ lý do. Nghe xong Bác bảo: "Thế thì các chú phải nói cho Bác biết chứ không được may trộm".

Thấy trời nóng mà khi tiếp khách Bác vẫn mặc áo bằng vải kaki, anh em phục vụ đề nghị Bác cho may hai chiếc sơ mi dài tay và hai ngắn tay để Bác dùng thay đổi cho đỡ nóng. Bác nói: "Tiếp khách mà mặc áo dài cán là tôn trọng khách rồi, không cần dùng áo sơ mi nữa". Quả thật Bác không có áo sơ mi. Ngoài hai bộ kaki quen thuộc Người chỉ còn một bộ bằng len dạ do Chính phủ Tiệp Khắc tặng. Bác thường dùng khi đến

thăm các nước ở xứ lạnh mà chúng ta vẫn thấy trong bộ phim tài liệu Bác đi thăm bè bạn trên thế giới.

VẤN ĐỀ KHÔNG PHẢI LÀ HAI ĐỒNG RỬI

Đôi dép cao su của Bác quá cũ đã phải sửa lại nhiều lần bằng cách đóng đinh. Sợ Bác dùng dễ bị sây sát chân nên chúng tôi đề nghị Bác cho thay bằng đôi dép mới. Chúng tôi còn nói thêm, đôi dép mới cũng chỉ với giá tiền hai đồng rưỡi nhưng Bác vẫn chưa đồng ý cho thay. Người giải thích: "Vấn đề không phải là hai đồng rưỡi mà xem nó có còn dùng được không và đã cần thay chưa. Đôi dép của Bác còn dùng được thì chưa cần thay. Và chỉ đến khi đôi dép thực sự hỏng Bác mới đồng ý cho đổi đôi dép khác.

Khi Bác đến thăm các nước, đôi dép của Người đã gây sự chú ý cho hàng trăm phóng viên báo chí và dư luận rộng rãi của nhân dân. Đôi dép bình dị đã nâng tầm cao vĩ đại của Bác. Nhân dân thế giới vô cùng kính trọng và cảm phục tác phong, đức độ của Người.

*Trích trong cuốn "Những kỷ niệm sâu sắc với Bác Hồ"
Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2001, tr.225.*

NGƯỜI PHÁP, NGƯỜI MỸ

Tuần báo *Đây Paris* ra ngày 18 tháng 6 năm 1946 là một trong những tờ viết sớm nhất, tương đối đầy đủ nhất về phong cách của Bác Hồ. Xin hãy đọc:

"Chủ tịch nước Việt Nam là một người giản dị quá đỗi. Quanh năm ông chỉ mặc một bộ quần áo kaki xoàng xĩnh và khi những người công tác quanh ông để ý, nói với ông rằng với địa vị ông ngày nay, nhiều khi cần phải ăn mặc cho trang trọng thì ông mỉm cười trả lời:

- Chúng ta tưởng rằng chúng ta được quý trọng vì có áo đẹp mặc, trong khi bao nhiêu đồng bào mình trần đang rét run rơ thành phố và các vùng quê?

Sự ăn ở giản dị cực độ, như một ẩn sĩ, đó là một đức tính rõ rệt nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một tuần lễ ông nhịn ăn một bữa, không phải là để hành hạ mình cho khổ sở mà là để nêu một tấm gương dè xẻn gạo cho đồng bào đang làm giảm bớt nạn đói trong nước. Hết thấy mọi người xung quanh đều bắt chước hành động đó của ông.

Trong những ngày bình thường, ông dùng cơm ở Bắc Bộ phủ, ngồi chung với hết thấy mọi người. Người ta thấy quây quần xung quanh bàn ăn: Các bộ trưởng, những thư ký và cả những cậu thiếu niên phục vụ bàn giấy. Nhờ có đức tính giản dị của ông mà khi ngồi ăn với mọi người ông không làm ai phải giữ kẽ nhiều quá, mà trái lại, không khí chung lộ ra, lúc nào cũng thân mật, cũng vui vẻ, gây cho bữa ăn một vẻ gia đình.

Tính giản dị và thân mật của ông còn biểu lộ ra trong những bài diễn văn. Không bao giờ ông tỏ vẻ thông thái, khoe vốn hiểu biết rất rộng của ông. Ông thông thạo bảy thứ tiếng khác nhau và nói được rất nhiều tiếng thổ âm, trái lại ông chỉ dùng những câu nôm na khiến cho một người dù quê mùa chất phác nhất nghe cũng hiểu được ngay. Ngày ông viết xã luận

cho báo Cứu Quốc, trước khi đem bài cho nhà in, bao giờ ông cũng đem đọc cho một số người không biết chữ, ông già, bà già cùng nghe. Nếu ông thấy thính giả tỏ vẻ không hiểu mấy những ý tưởng trong bài viết, lập tức ông viết lại ngay bài khác. Tất cả đức tính Hồ Chí Minh bao gồm trong một cử chỉ bé nhỏ đó.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất ghét lối nói khoa trương, văn vẻ. Mỗi bài diễn văn của ông là một bài học nhỏ kết luận bằng một ý kiến đạo đức. Bởi những ý tưởng hết sức giản dị mà bài diễn văn của ông có một tiếng vang lớn trong giới tri thức và dân chúng".

25 năm sau bài viết trên, năm 1971, sau khi Bác Hồ đã mất, một người Mỹ - nhà báo, nhà văn David Halberstam trong cuốn sách "Ho" của mình, do Nhà xuất bản Random House ở Niu Yóc ấn hành, đã viết:

"... Hồ Chí Minh là một trong những nhân vật kỳ lạ của thời đại này - hơi giống Găng-đi, hơi giống Lênin, hoàn toàn Việt Nam. Có lẽ hơn bất kỳ một người nào khác của thế kỷ này, đối với dân tộc của ông và đối với cả thế giới, ông là hiện thân của một cuộc cách mạng. Thế nhưng đối với hầu hết công dân Việt Nam, ông là biểu tượng của cuộc sống, hy vọng, đấu tranh, hy sinh và thắng lợi của họ. Ông là một người Việt Nam lịch sự, khiêm tốn, nói năng hòa nhã, không màng địa vị, luôn luôn mặc quần áo đơn giản nhất - cách ăn mặc của ông không khác một người nông dân nghèo nhất - một phong cách mà phương Tây đã chế giễu ông trong nhiều năm, cười ông thiếu nghi thức quyền lực, không có đồng phục, không theo thời trang. Cho đến một ngày họ mới tỉnh ngộ và nhận thấy cái tính giản dị ấy, cái sùng bái sự giản dị ấy, cái khả năng hòa mình vào nhân dân ấy là cơ sở cho sự thành công của ông.

Trong một nước mà khi dân chúng đã thấy những người cầm đầu đạt tới một địa vị nào đó rồi lại trở thành "Tây" hơn là "Việt Nam", bị quyền lực, tiền bạc và lối sống phương Tây làm thối nát, trong một nước khi mà những người đó đã ngoi lên khá cao thì lại không làm gì cho dân chúng cả, lập tức bán mình cho người nước ngoài, thì tính giản dị của ông Hồ là một sức mạnh. Địa vị càng cao sang, ông càng giản dị và trong sạch. Hình như ông luôn luôn giữ được những giá trị vĩnh cửu của người Việt Nam: Kính già, yêu trẻ, ghét tiền của. Ông Hồ không cố tìm kiếm cho mình những trang sức quyền lực vì ông tự tin ở mình và ở mối quan hệ của ông với nhân dân, với lịch sử đến nỗi không cần những pho tượng,

những cái cầu, những pho sách, những tấm ảnh để chứng tỏ điều đó cho mình và cho thiên hạ biết. Việc ông từ chối sự sùng bái cá nhân là đặc biệt đáng chú ý trong cái xã hội kém phát triển...".

*Trích trong cuốn "Điều Bác Hồ yêu nhất và ghét nhất"
NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.182.*

Bản sao lưu trữ

TÌNH THƯƠNG YÊU BAO LA*

Đoàn chuyên gia y tế Cộng hòa Dân chủ Đức chúng tôi sang tới thủ đô Hà Nội vào ngày 2 tháng 2 năm 1956, sau một thời gian ngót ba tuần đáp tàu liên vận quốc tế từ thành phố Béc-lin. Chúng tôi cả thầy gồm 35 người, do Giáo sư -Tiến sĩ Kiéc-sơ, nhà giải phẫu xuất sắc làm trưởng đoàn. Tất cả chúng tôi sang Việt Nam lần đầu và đều tự hào nhưng cũng đều lo lắng, hồi hộp trước nhiệm vụ mà Hội đồng toàn quốc Mặt trận dân tộc đã giao cho là giúp trang bị nhà thương Phủ Doãn, tức bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cộng hòa Dân chủ Đức ngày nay, bằng những máy móc và dụng cụ y tế cho nhân dân nước chúng tôi gửi tặng nhân dân Việt Nam anh em. Riêng tôi và một vài anh chị em nữa, trong đó có đồng chí Thít-xkê, Tôn-man, Dvê-sơ, Vít-xtu-ba có nhiệm vụ hoàn thành xưởng làm chân tay giả cho các đồng chí thương binh Việt Nam.

Tôi còn nhớ, những ngày đầu tới Việt Nam, thời tiết khá lạnh và tết Nguyên đán cũng sắp đến. Cả một không khí nô nức chuẩn bị tết. Chúng tôi đã được sống với các bạn Việt Nam trong không khí ấy và sẽ không bao giờ quên các món ăn dân tộc, các phong tục, các trò vui trong ngày tết cổ truyền. Riêng đồng chí trưởng đoàn của chúng tôi còn được hưởng một vinh dự đặc biệt: cùng một số bạn quốc tế ăn tết với Bác Hồ. Đi dự về, đồng chí đã kể cho chúng tôi nghe nhiều mẩu chuyện lý thú trong dịp vui hiếm có ấy và chúng tôi đều hy vọng rằng, trong thời gian công tác ở Việt Nam sẽ có dịp được trông thấy Người. Và, không ngờ là chúng tôi đã không những được trông thấy vị lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam mà còn được thưa chuyện với Người, được sống bên Người nhiều lần.

Lần thứ nhất là tối mùng 9 tháng 6, chúng tôi được Bác mời đến dự cuộc vui trong vườn Phủ Chủ tịch do Người tổ chức riêng cho các chuyên gia các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu. Tôi nhớ đêm ấy Bác rất vui, coi chúng tôi như người quen thân đã lâu và chính vì vậy, ngay từ giờ phút

* Viết theo lời kể của đồng chí Quyn-thơ Ô-ơ (Gunter Ode) bác sĩ nổi tiếng khoa chỉnh hình.

đầu, chúng tôi hoàn toàn không cảm thấy những ngăn cách giữa vị lãnh đạo tối cao của một nhà nước với những công dân bình thường. Bác đã kể cho chúng tôi nghe về những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, về những đau thương, mất mát mà nhân dân Việt Nam phải chịu đựng để dành cho được nền độc lập, tự do chân chính của mình. Bác nói: Bác thay mặt chính phủ và nhân dân Việt Nam chào mừng những người anh em xã hội chủ nghĩa đã từ những phương trời xa sang đây chung sức, chung lòng giúp đỡ nhân dân Việt Nam trong công cuộc xây dựng lại đất nước. Bác chỉ nói có thế, không đọc diễn văn trang nghiêm gì cả, cũng chính vì vậy mà chúng tôi càng thấm thía những điều Bác mong muốn. Bác đã đi gặp, nói chuyện với từng đoàn chuyên gia. Với đoàn chúng tôi. Bác cũng hỏi rất kỹ về công việc của từng nhóm, từng người. Biết tôi phụ trách nhóm chỉnh hình, Bác dừng lại hỏi khá kỹ nội dung công việc và dặn nếu có yêu cầu gì thì cứ cho Bác biết. Thấy chúng tôi còn rất trẻ, Bác hỏi thăm tình hình gia đình, vợ con ra sao. Tôi còn thưa với Bác là tôi chưa xây dựng gia đình, người yêu của tôi đang công tác ở thủ đô Béc-lin. Chúng tôi hứa hẹn với nhau là sẽ làm lễ thành hôn sau chuyến đi công tác này. Bác vỗ vai tôi thân mật nói: "Cho tôi gửi lời thăm người bạn gái thân yêu của đồng chí và mong hai người viết thư đều cho nhau". Tôi rất sung sướng được chuyển lời thăm của Người tới người yêu của tôi. Trong chín tháng công tác ở Việt Nam, tôi đã viết cho cô ấy những bức thư và điều thú vị là cho đến nay, những bức thư ấy vẫn còn giữ được cả. Bác cũng có hỏi thăm đồng chí Ác-nô Brốc, người vừa mới cưới vợ được ba tháng thì nhận được lệnh đi công tác ở Việt Nam. Đồng chí Brốc báo cáo với Bác rằng, lúc đầu người vợ ấy cũng buồn, nhưng khi hiểu rõ ý nghĩa công việc mà chồng sẽ làm thì lại vui vẻ ngay...

Cũng trong cuộc vui ấy, Bác đã đề nghị từng đồng chí chuyên gia hát một bài dân ca của nước mình. Mở đầu là tiếng hát êm dịu của một nữ văn công Việt Nam. Chúng tôi thấy gay quá, bởi vì làm thầy thuốc chúng tôi đâu có tài hát! Mà các chuyên gia nước khác cũng chẳng hơn gì chúng tôi! Nhưng rồi ai cũng hát. Đoàn chúng tôi rất ân hận là không thuộc một bài dân ca nào cả, cho nên đã xin phép Bác hát bài "Lữ đoàn Ten-lơ-man", một bài hát quen thuộc của những người đã từng chiến đấu ở Tây Ban Nha. Và Bác cũng gật đầu khen.

Nhờ có lần gặp ấy, được Bác Hồ quan tâm, khuyến khích, tôi càng tự tin trong công việc của mình. Chẳng hạn việc mở rộng xưởng chỉnh hình lúc đầu không phải là đã được hiểu đồng chí Việt Nam tán thành. Tôi đã

trình bày ý kiến của tôi với một đồng chí cán bộ cao cấp của Việt Nam và không ngờ Bác cũng biết chuyện này. Cuối cùng ý kiến của tôi đã được Bác, đồng chí Trường Chinh hồi ấy là tổng bí thư Đảng và đồng chí Thủ tướng Phạm Văn Đồng ủng hộ.

Ngày 28 tháng 7 năm 1956, nhân khánh thành bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cộng hòa Dân chủ Đức. Bác Hồ đã tới thăm, mang đến cho cán bộ, công nhân viên Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Đức niềm phấn khởi đặc biệt. Tiếc rằng, tôi không có mặt hôm đó vì bận đi công tác địa phương. Nhưng ít lâu sau, vào ngày 12 tháng 8, tại cuộc chiêu đãi tiễn Đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc nước Cộng hòa Dân chủ Đức do đồng chí Smít-xlơ dẫn đầu đang ở thăm Việt Nam, tôi sung sướng được gặp lại Bác và có điều kiện báo cáo với Người về công việc của chúng tôi. Tôi cũng không quên bày tỏ niềm xúc động của mình về sự quan tâm của Bác, Bác bảo: "Chúng tôi cảm ơn các đồng chí mới đúng chứ!". Bác tỏ ý quan tâm đặc biệt đối với vấn đề làm chân tay giả và công tác thương binh xã hội nói chung. Qua những điều Người hỏi, tôi nhận thấy rất rõ tình cảm yêu thương của Bác đối với anh em thương binh. Thật ra, tôi đã nhận thấy điều đó ngay từ khi một đồng chí bác sĩ chủ nghĩa cho tôi xem thức thư của Bác Hồ gửi anh em thương binh, bệnh binh năm 1948. Lá thư ngắn, nhưng tràn đầy tình thương yêu của vị cha già đối với những người con ưu tú của Tổ quốc, đồng thời thể hiện nội dung hết sức đúng đắn đối với công tác thương binh. Tôi nhớ mãi một câu trong lá thư đó: "Tôi cùng đồng bào luôn luôn nhớ đến các đồng chí". Vừa qua, tôi đã được đi nghiên cứu tình hình công tác thương binh trên toàn miền Bắc, vào đến tận khu giới tuyến ở Vĩnh Linh, cho nên đã có thể báo cáo với Bác Hồ một số suy nghĩ của tôi. Bác từng nói: "Thương binh tàn chứ không phế", tôi nghĩ đó là một ý kiến hết sức quan trọng, bởi vì nó động viên mạnh mẽ anh em thương binh luôn luôn nhìn thấy triển vọng của đời mình, nghĩa là có thể trở thành người có ích cho xã hội. Bác Hồ rất chú ý nghe những điều tôi thưa với Người. Tôi có nói nhiều về những thay đổi thường xuyên trong tư tưởng, tính tình và tâm trạng của người thương tật (kể cả thương binh). Ở họ có sự giảm sút về sức sống, nhất là giảm sút về hoạt động tinh thần. Nhiệm vụ của công tác thương binh là phải sớm vạch cho họ một lối thoát, nếu không họ sẽ công nghiệp thể mất ý chí phấn đấu, không muốn ra khỏi tình trạng thương tật ấy và sẽ tự mình buông xuôi, thất vọng. Tôi thấy Bác gật đầu, khi tôi nêu nhận xét: chính sách ưu đãi thương binh là cần thiết và nó đã được nhân dân hưởng ứng nhiệt tình. Nhiều gương giúp đỡ thương binh, phong trào đón thương binh về xã đã chứng tỏ lòng

biết ơn của nhân dân đối với những người con yêu của tổ quốc. Nhưng cũng đã đến lúc cần xuất phát từ quan niệm đúng với người thương binh để tiến hành công tác thương binh có hiệu quả hơn. Đặc biệt không nên để anh em thương binh quá tự hào với những công lao đã đóng góp vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, dẫn đến tư tưởng cho rằng, xã hội có nhiệm vụ phải chăm sóc mình suốt đời, và bản thân anh em không phải làm việc gì nữa. Điều quan trọng là cho họ thấy rằng: một khi đã lấy lại sức khỏe cần thiết, anh em cũng có trách nhiệm như mọi người công dân đối với tổ quốc, phải làm việc để tự nuôi sống mình, góp phần xây dựng đất nước, mưu hạnh phúc cho mình và cho nhân dân. Tất nhiên, những cố gắng của anh em thương binh phải được nhà nước và toàn dân ủng hộ, khuyến khích. Thiếu sự nâng đỡ và khuyến khích đó, họ khó lòng thực hiện được ý nguyện của họ là khôi phục trạng thái bình thường trong công việc. Phải giúp đỡ họ một khi đã có đủ sức khỏe, học được càng sớm càng hay một nghề nghiệp làm ăn mà họ có thể chọn lấy. Bản thân anh em thương binh phải tập trung tất cả tinh thần, nghị lực nhằm đạt được mục tiêu đó. Thời gian chọn nghề có thể dài hay ngắn, chủ yếu là anh em chọn được nghề thích hợp, đó là một thành công lớn trong công tác thương binh và đó cũng là mục tiêu phải đạt tới.

Nghe tới đó, Bác nhìn tôi với vẻ trầm ngâm:

- Đồng chí Ô-dơ, đồng chí có vui lòng viết thành văn bản cho tôi những ý kiến đồng chí vừa nói không?

Tôi sung sướng đáp:

- Dạ, thưa Bác, được ạ!

Bác tỏ ý hài lòng. Một lát sau Người lại nói:

- Hay thế này vậy: tôi sẽ đề nghị một nhà báo của chúng tôi đến ghi lại những ý kiến của đồng chí và cho đăng lên báo.

Tôi không ngờ điều tôi nói lại có thể có ích như vậy. Ít hôm sau, có một đồng chí báo Nhân dân đến tìm gặp tôi và chúng tôi đã làm việc với nhau trong hai giờ liền theo chỉ thị của Bác. Dĩ nhiên, tôi có thể nói tỉ mỉ hơn là khi thưa chuyện với Bác, và đã nói thêm về tầm quan trọng của thể dục thể thao đối với sức khỏe của anh em thương binh - thật tình là nó còn quan trọng hơn cả đối với người thường - nó giúp anh em vững tin ở sức lực mình, tự thấy làm chủ được sức khỏe của mình, không bị lệ thuộc vào thương tật hay trở ngại vì thương tật. Tôi cũng trình bày một

số kinh nghiệm về việc dạy nghề cho thương binh ở Cộng hòa Dân chủ Đức và báo Nhân dân cũng giới thiệu lại.

Là một thầy thuốc, tôi rất xúc động trước sự quan tâm của Bác đối với thương binh, một mối quan tâm chứa chan tình thương yêu. Chính tình cảm đó của Người đã động viên tôi nhiều trong những ngày công tác ở Việt Nam cũng như trong suốt quá trình công tác sau này của tôi. Có thể nói: Chúng tôi đã làm việc với tất cả trái tim mình. Ngày nay ở Việt Nam đã có những trung tâm kỹ thuật chỉnh hình hiện đại hơn rất nhiều, chẳng hạn trung tâm ba Vì do nước chúng tôi giúp xây dựng, hàng năm có thể phục vụ tới mười nghìn người thương tật. Công tác thương binh ở Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng, có nhiều kinh nghiệm quý báu, đặc biệt có nhiều gương sáng của anh em thương binh mà chúng tôi rất cảm phục. Song, nhìn lại gần ba mươi năm trước đây, những gì Việt Nam đã đạt được quả là một thành quả quan trọng: xưởng chân tay giả ấy có tới hai mươi ba loại máy móc hiện đại, những phòng đặt máy cưa, máy bào, máy gọt giữa và hàng trăm cánh tay, bắp chân giả làm mẫu, hàng trăm đồ phụ tùng để lắp chân tay giả trong tất cả các trường hợp bị cụt. Bản thân tôi ngày ấy đã trực tiếp xét các mỗm cụt cho thương binh để nghiên cứu cách làm các kiểu chân tay giả riêng cho hợp với từng người và để khi lắp chân tay giả, thương binh không bị đau, ảnh hưởng đến thần kinh. Chúng tôi đã làm việc bằng tất cả tình yêu thương, trân trọng đối với những người anh hùng Điện Biên Phủ. Phải chăng tình cảm giai cấp đó đã được thổi bùng lên sau những lần gặp Bác Hồ?

Bác Hồ và những người chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam - đó là những ấn tượng đẹp đẽ nhất của tôi sau thời gian công tác ở Việt Nam. Tôi trân trọng ghi nhớ hình ảnh đồng chí La Văn Cầu, người đầu tiên được lắp cánh tay giả. Anh có đôi mắt đẹp, có nụ cười dịu dàng như một cô gái, vậy mà cánh tay đã mất của anh ở chiến trường lại là một trong những mẫu chuyện oanh liệt nhất của nhân dân Việt Nam thời kỳ đánh Pháp. Hôm lắp tay giả xong, nah thấy người dễ chịu hơn, đi đứng không bị lệch ngược không bị tức và dễ thở hơn. Nghề nghiệp của chúng tôi đã buộc chúng tôi nhiều lần chứng kiến những nỗi đau khổ. Nhưng, sau cái lần trao cánh tay giả cho đồng chí La Văn Cầu, anh ngả vào cổ tôi và tôi thấy đôi mắt anh, đôi mắt tuyệt đẹp ấy, rung rung niềm xúc động. Anh nói: "Tôi chắc rằng các đồng chí thương binh và cha mẹ tôi ở nhà khi được biết cánh tay cụt của tôi hôm nay được nối lành thì mọi người sẽ sung sướng, phấn khởi, càng thêm yêu quý và biết ơn nhân dân nước

Cộng hòa Dân chủ Đức. Rồi đây, tất cả các đồng chí thương binh Việt Nam sẽ được tình hữu nghị cao quý giữa hai dtmà Bác Hồ và Bác Vinhem-Pich dày công vun đắp, chắp nối tay, chân lành lặn và chúng ta có thêm điều kiện phục vụ nhân dân đến hơi thở cuối cùng". Tôi cũng không thể quên được các đồng chí Tạ Văn Đào, Lê Viết Lợi và nhiều đồng chí khác đã vui mừng thấy mình được lấp tay, lấp chân mới! Với các đồng chí ấy, chúng tôi đã biểu thị tình đoàn kết gắn bó của mình, biểu thị lòng khâm phục trước những tấm gương rực sáng trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của đất nước và vì hòa bình thế giới như Bác Hồ mong muốn. Sau này, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, chắc rằng không ít người ở Việt Nam lại trải qua những đau thương, mất mát. Nhưng, theo lời dạy của Bác Hồ, tôi nghĩ rằng người Việt Nam chân chính nào cũng tràn đầy những niềm tự hào và luôn luôn tìm mọi cách hàn gắn những vết thương của mình, và trong trường hợp nào cũng đứng thẳng là những anh hùng, những con người hiên ngang, bất khuất"!

Trích trong cuốn "Bác Hồ như chúng tôi đã biết".

Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, 2005.

MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản	5
Lời nói đầu	7

Phần thứ nhất

HỒ CHÍ MINH VỚI GIAI CẤP CÔNG NHÂN

<i>Chương thứ nhất: GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM TRONG CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ – MỘT CÁI NHÌN TỔNG QUÁT</i>	11
GS, TS. Đỗ Quang Hưng	

<i>Chương thứ hai: BÁC HỒ VỚI GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM TRONG CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ</i>	43
PGS, TS. Bùi Đình Phong	

<i>Chương thứ ba: CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI GIAI CẤP CÔNG NHÂN TRONG THỜI KỲ ĐẤT NƯỚC ĐỊNH HƯỚNG THEO CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</i>	62
GS, TS. Phùng Hữu Phú	

Phần thứ hai

HỒ CHÍ MINH VỚI TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

<i>Chương thứ tư: BỐN PHƯƠNG VÔ SẴN ĐỀU LÀ ANH EM</i>	83
GS, TS. Đỗ Quang Hưng	

<i>Chương thứ năm: HỒ CHÍ MINH VỚI TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM</i>	102
GS, TS. Đỗ Quang Hưng	

Phần thứ ba

DI SẢN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

<i>Chương thứ sáu: DI SẢN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VỚI CHÚNG TA HÔM NAY</i>	127
GS, TS. Đỗ Quang Hưng	

Phần tư liệu

MỘT SỐ BÀI VIẾT VÀ HUẤN THỊ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI GIAI CẤP CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM. ..	135
PGS, TS. Bùi Đình Phong	

NHỮNG MẪU CHUYỆN VỀ TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH	384
--	-----

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

GS, TS. ĐỖ QUANG HÙNG (chủ biên)

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

175 Giảng Võ - Hà Nội

Tel: (04) 8.515380 - Fax: (04) 8.515381

CHI NHÁNH PHÍA NAM

85 Cách mạng tháng Tám, Q1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (08) 8.390970 - Fax: (08) 9.257205

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHAN ĐÀO NGUYỄN

Chịu trách nhiệm bản thảo:

LÊ HUY HÒA

Biên tập:

HỒ THỊ PHƯƠNG LAN

BÍCH NGUYỆT

Sửa bản in:

LAN PHƯƠNG - BÍCH NGUYỆT

Trình bày:

NGUYỄN THỊ TÁM

Bìa:

Họa sĩ **ĐINH DŨNG**

In 2000 cuốn, khổ 19x27cm tại Xí nghiệp In SAVINA
Giấy phép XB số: 46-2008/CXB/29-106/LĐ ngày 04/01/2008
In xong và nộp lưu chiểu năm 2008

**CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
VỚI CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM**

Giá: 295.000đ